

36 Mưu kế và Xử thế

TRONG CHIẾN TRƯỜNG,
THƯƠNG TRƯỜNG, THẮNG BẠI ĐỀU
KHÉO DO DÙNG MƯU
CHỨ KHÔNG PHẢI DÙNG SỨC.



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

36 Mưu kế và xử thế

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>



KẾ § 1 GIẤU TRỜI QUA BIỂN

GIẢ TRUYỀN THÁNH CHỈ TÍN LĂNG QUÂN CƯỚP PHÙ CỨU TRIỆU
GIẤU TRỜI QUA BIỂN TỀ KHƯƠNG MƯỢN SAY KHIỂN TRÙNG NHĨ

Giấu trời qua biển, tức là nói theo ý câu tục ngữ “qua được biển ắt là thần tiên”. Trong hoàn cảnh bị người khác khống chế hoặc đang ở thế không có lợi muốn giành chủ động, chuyển bại thành thắng, rất dễ nảy sinh ý nghĩ “giấu trời qua biển”. Bởi vì kế này nằm ở chỗ lợi dụng sự lơ là nhất thời của đối phương, mà không nhất định trực tiếp nguy hại hoặc uy hiếp đối phương, lại dễ áp dụng, dễ đạt hiệu quả.

“Giấu trời qua biển” khác với “bịt tai lấy trộm chuông”. “Bịt tai lấy trộm chuông” là muốn lừa người khác, nhưng lại biến khéo léo thành vụng về, thành ra lại lừa ngay chính mình, “giấu trời qua biển” là một kế hoạch hoàn chỉnh, có mục đích nhất định, làm ngu muội người khác ngay trong tầm tay mình.

Kết quả của hai việc tuy không giống nhau, song đều xuất phát từ nghệ thuật lừa dối, lừa được người tức là “qua được biển là thần tiên”. Không lừa được thì như “rùa lọt vào chum”. Sự khác nhau giữa thông minh, ngu dần, chẳng qua chỉ cách nhau một sợi tóc.

Hãy nói về Tần Cối, là người thi hành chính sách đầu hàng của Tống Cao Tông, lấy kinh bài để mật triệu Nhạc Phi về, hòng trừ khử viên tướng chủ chiến kịch liệt nhất này đi, đó là thủ pháp “giấu trời qua biển”, thế nhưng sự việc không kín đáo, gây nên sự công phẫn, đến khi Hàn Thế Trung hỏi thẳng trước mặt rằng. Nhạc Phi có tội gì? Tần Cối lại nói: “Có thể có đấy”. Hàn Thế Trung mới vạch trần sự việc, hét lớn “Có thể có đấy. Sao phục được thiên hạ?”, Vì câu nói đó, Tần Cối đã không “giấu trời” nổi. Mấy từ “ Có thể có đấy” bỗng thành chứng cứ của tên “bịt tai lấy trộm chuông”. Cho dù có dùng mọi thủ đoạn để đạt được mục đích, thế nhưng thời bấy giờ và ngay cả sau này cũng vẫn bị người đời chửi là hồ Hán gian, đến ngay con cháu các đời sau của hắn cũng còn nói: “Trên đời từ nay vắng tên Cối, đứng trước mặt ta xấu hổ vì mang họ Tần”.

Cho nên khi áp dụng kế này, nhất định phải quan sát rõ, cân nhắc cho chu đáo, làm cho mau lẹ, kín đáo, nếu không sẽ biến khéo léo thành vụng về, hối không kịp.

Thời xưa, Tề Hoàn Công đã từng dùng cũi tù để dẫn độ Quản Trọng về nước, đó chẳng qua là sợ 6 nước đối địch mưu hại ông ta, rồi khi nước Tần muốn tin dùng Bách Lý Hề, cố ý nói đó là một tên trốn tù, bỏ ra năm tấm da cừu để làm giá chuộc và dẫn độ hắn về tiếp tục thi hành án, cũng chẳng qua là sợ nước Sở biết chuyện không chịu buông thả. Gần đây hơn là Lương Thiên Lai ở Quảng Đông muốn lên kinh để tố cáo Ngự Trạng cũng cố ý dùng xe chở tù áp tải về Quảng Châu, đó cũng là do sợ tên thủ phạm Lăng Quý nghe tin chạy trốn mất.

Nhưng kế hoạch đó sở dĩ thành công được đều là do làm được kín đáo, mau lẹ.

TỀ KHƯƠNG THỪA SAY KHIẾN TRÙNG NHĨ

Thời Xuân Thu, công tử nước Tấn là Trùng Nhĩ từ khi bị mẹ kế là Lệ Cơ đuổi đi, lưu lạc ở nước ngoài, lấy nàng Tề Khương công chúa nước Tề làm vợ, cuộc sống khá ung dung.

Cùng sống lưu vong với Trùng Nhĩ còn chín vị thần tử khác trong triều, ai ai cũng đều có tài kinh bang tế thế, luôn luôn mong mỗi ngày phục hưng đất nước. Họ sở dĩ phải xa vợ lìa con, theo đuổi triều thần tả hữu cũng không ngoài việc gửi gắm niềm hi vọng vào chàng “con riêng” Trùng Nhĩ này.

Thế nhưng, Trùng Nhĩ đã sống trên đất Tề bảy năm rồi, ngày đêm vợ chồng hú hí, một điều ái khanh, hai điều ái khanh, chẳng còn để tâm gì đến việc lớn của Tổ quốc nữa. Trong số thần tử, một đại thần tên là Triệu Thôi, có lần đã nói với mọi người:

“Mục đích chúng ta cùng Công tử lưu vong nước ngoài là mong nhờ sự giúp đỡ của ngoại bang để chấn hưng Tổ quốc mà thôi, nhưng thấy tình thế hiện nay của nước Tề vô cùng nhiễu loạn, họ đã chẳng lo liệu nổi cho mình lấy đâu ra lực lượng giúp đỡ chúng ta? Chẳng thà chúng ta sớm rời khỏi đây, sang một nước khác để tìm cách khác thôi”.

Họ muốn hỏi ý Trùng Nhĩ, song đợi tới mười ngày cũng chưa gặp được mặt.

Ngụy Thù không nén nổi nữa nói:

- Thế này thì còn ra cái gì nữa? Lúc đầu mọi người cho rằng Công tử là một người có chí khí, nên mới lìa bỏ quê hương đất nước, không nề hà gian khổ cùng nhau lưu vong. Thế

nhưng ông ta lại ngày ngày kè kè bên vợ mới, quên cả anh em chúng ta, việc nước cũng gác bỏ một nơi. Bảy năm trời rồi chẳng làm nên trò trống gì, muốn gặp ông ta, đợi mười ngày vẫn không thấy bóng vía đâu, thế thì còn nói chi đến việc lớn!

Hồ Yến bèn tiếp lời:

- Đây không phải là nơi bàn công chuyện, xin mời mọi người hãy theo tôi.

Thế là mọi người kéo nhau ra một chỗ ở bên ngoài cửa Đông Thành gọi là “bóng dâu”, ở đó có một vườn dâu lớn, cây cao lá rậm tầng tầng lớp lớp nhìn không thấy trời. Họ ngồi túm tụm với nhau một chỗ, Triệu Thôi lên tiếng hỏi:

- Hồ tiên sinh có ý muốn dạy gì chúng tôi vậy?

Hồ Yến nói:

- Công tử có muốn rời nước Tề hay không, đó là việc của ông ta, nhưng nên hay không nên đi khỏi đây lại là việc của chúng ta, Chỉ cần mọi người cùng nghĩ cách, chuẩn bị hành lý sẵn sàng, đợi công tử ra, sẽ mời ra ngoài thành đi sẵn, bước ra khỏi cổng thành, chúng ta sẽ ép ông ta lên đường. Đến lúc ấy, ông ta có muốn không đi cũng không được. Mọi người nghĩ xem như thế có được không?

Kế hoạch ấy được mọi người tán thành rồi vui vẻ ra về và cho rằng ở một nơi vắng vẻ như nơi này sẽ chẳng có ai biết được.

Thế nhưng lúc họ đang vui mừng sôi nổi bàn bạc với nhau, đã bị mấy cô gái hái dâu núp trên cây nghe trộm hết, bọn họ là thị tì của Tề Khương vợ của Trùng Nhĩ, hôm ấy đang hái dâu bỗng thấy một đám người hội họp gì dưới gốc dâu, họ bèn dừng tay nín thở nghe lỏm. Đến lúc về, đã mang hết chân tơ kẽ tóc kể lại với Tề Khương.

Tề Khương nghe xong, căn dặn bọn họ:

Không được nói nhảm nhí, không làm gì có chuyện đó, cũng không thể xảy ra chuyện đó được.

Nói xong, đem nhốt hết bọn thị tì ấy vào một căn phòng kín, nửa đêm ngằm sai tay chân giết hết đi để bịt đầu mối.

Sau đó, bèn đem mọi chuyện nói lại hết với Trùng Nhĩ:

- Các thần tử của chàng muốn chàng rời khỏi đây sang nước khác, hôm nay họ đã họp bàn ở vườn dâu, để cho bọn thị tì hái dâu nghe lỏm được, thiếp e chúng nó lỡ mồm hở chuyện ra gây điều rắc rối, nên đã giết hết đi rồi, chàng hãy sớm chuẩn bị để ra đi cùng với họ.

Trùng Nhĩ nghe xong, trừng mắt lên, ngay sau đó lại chau mày, thở dài:

- Ôi! Làm người thì cũng chẳng ngoài việc mưu cầu hưởng thụ, hà tất phải bôn ba đây đó làm chi? Chuyện đã qua thì hãy cứ để nó qua đi có tốt không? Hiện giờ ta đã rất vừa lòng với cuộc sống yên ấm này rồi, ta định sẽ suốt đời sống ở đây, không bao giờ nghĩ đến việc đi nơi nào khác.

Tề Khương nói hết sức nghiêm chỉnh và chính đáng:

- Nhân dân nước Tấn của chàng đang mỗi mòn trông đợi chàng về làm chúa. Có lẽ nào vua người cũng không muốn làm? Mối thù của anh em cũng không muốn báo? Không quan tâm chút nào đến nỗi thống khổ của muôn dân, đến lợi ích của đất nước?

Trùng Nhĩ nổi giận nói:

- Thôi đủ rồi, đủ rồi, hãy im đi! Ta đã chán nghe những lời lẽ đó, chán cả cảnh sống lưu vong đây đó, đây chính là nhà ta, bất kỳ thế nào ta cũng không đi khỏi đây!

Sớm ngày hôm sau, bọn Triệu Thôi đến triều kiến Trùng Nhĩ, mời hắc đi săn. Lúc đó Trùng Nhĩ còn chưa dậy, nằm uể oải trên giường, nghe thấy bọn người kia tới, rất bức bối trong lòng, bèn sai người trở ra báo lại với họ rằng trong người khó chịu, không thể tiếp kiến được.

Tề Khương thấy vậy, rửa thầm một câu: “Đồ đại lãn”, rồi ngầm sai người tâm phúc mời riêng Hồ Yến vào một căn phòng rồi đuổi tả hữu lui ra, hỏi nhỏ Hồ Yến đến có việc gì?

Hồ Yến nói:

Công tử bình thường rất thích săn bắn, gần đây rất ít khi ra ngoài, e rằng lâu nay không cất nhắc chân tay, mai một mất võ nghệ, cho nên bọn thần tới đây có ý muốn mời người đi săn, ngoài ra không có ý gì khác ạ!

Tề Khương mỉm cười, cố ý nói xa xôi, hỏi:

- Thế lần này đi săn thì các ông định đến đâu? Nước Tống nước Tần, hay là nước Sở?

Hồ Yến nghe đến đấy, bỗng dưng giật mình, không hiểu sao mà bà ta biết chuyện, nhưng vẫn làm ra vẻ cứng cỏi đáp:

- Dạ, thưa đi sẵn thì làm gì mà phải đi xa thế ạ?

- Đúng ra, đi sẵn thì cũng chẳng kể gì xa hay gần, vả lại vật sẵn không hẳn là muông thú, có khi lại còn sẵn cả người, phải thế không?

Hồ Yến đã cảm thấy trong lời nói đó có ý gai góc, bất giác không mở được miệng ra nữa, vội cúi gầm mặt, ngược mắt nhìn trộm Tề Khương.

Tề Khương bèn thực thà trở lại hỏi:

- Thôi thì tôi nói cho mà nghe, tôi đã hiểu được mục đích của các người khi đến đây rồi, mượn cớ là đi sẵn, để trước hết là sẵn được công tử, rồi ép người lên đường xa chạy cao bay, đúng vậy không?

- Dạ cái đó... - Hồ Yến bắt đầu run sợ, lúng túng không biết làm gì.

- Điều đó ta biết hết, nhưng xin lão tiên sinh chớ nên lo sợ. Tề Khương bỗng mạnh dạn đứng thẳng lên, nói:

- Ta biết rất rõ, chúng thần một dạ trung thành hết mực, làm như vậy hoàn toàn là vì tiền đồ của Công tử, vì muôn dân của nước Tấn. Tối hôm qua ta cũng đã từng khuyên nhủ mấy lần, song Công tử một mực không tỉnh ngộ, nói đi nói lại rằng chết cũng không rời khỏi đây.

Lúc này Hồ Yến mới thấy yên tâm, nói:

- Thật khó mà được người thâm sâu đại nghĩa như phu nhân đây!

- Thế nhưng có điều... Tề Khương nói tiếp:

- Ta sớm muộn gì cũng sẽ đưa Công tử đi, thế này nhé, tối nay ta sẽ tìm cách cho Công tử uống say, để chúng thần suốt đêm đưa công tử đi, lão tiên sinh xem thế nào? Có được không?

- Được thì hẳn là được, thế nhưng, phu nhân...

- Các người không phải lo cho ta. Các người đã vì công tử, xa vợ lìa con lưu lạc nước ngoài, lẽ nào mà tôi không thể chịu khổ vì chồng một chút hay sao? Công tử là người nước

Tấn, là thuộc về muôn dân nước Tấn. Ta làm sao có thể tự tư như vậy, để cho bao nhiêu người như thế bị thất vọng.

- Phu nhân! Người...

- Thôi hãy mau mau về chuẩn bị đi, còn cứ thày thày bà bà mãi làm gì?

Hồ Yến cáo từ lui ra, lập tức đi thông báo cho mọi người, chia nhau chuẩn bị mọi thứ, nhất nhất sắp xếp đầu vào đấy. Hồ, Ngụy hai người đưa xe đợi sẵn nơi cổng thành đón tin của Tề Khương.

Tối hôm ấy, Tề Khương bày tiệc linh đình, vợ chồng cùng dự. Trùng Nhĩ hỏi vậy là có ý gì, Tề Khương nói:

- Thiếp biết Công tử sắp đi chơi xa nên bày tiệc để tiễn chàng!

- Ta nói với ái khanh điều đó bao giờ?

Trùng Nhĩ tỏ ra lạnh lùng, tiếp:

- Ôi dào, người sống ở trên đời cũng chẳng qua là mấy chục năm chứ mấy, ở đây sống được thì thôi, hà tất phải tất bật khắp nơi phiêu bạt!

- Khốn nhưng các thần tử của chàng muốn ra đi, lẽ nào chàng không ưng thuận? Tề Khương thẽ thọt hỏi thêm.

Trùng Nhĩ lúc đó bỗng thay sắc mặt, chén rượu đang uống bỗng dừng, nét mặt bỗng sa sầm, lạnh nhìn vào khoảng không chẳng thềm nói một lời. Một lát sau, Tề Khương vừa cười vừa hỏi:

- Có thực chàng không bằng lòng xa thiếp hay không? Chàng không lừa dối thiếp chứ?

- Ai lừa dối khanh làm gì? Đại trượng phu đã nói không đi là không đi, lấy dao kể cổ cũng không đi - Trùng Nhĩ ngẩng đầu, gạt tay một cái trong không khí, làm ra dáng khí phách của bậc đại trượng phu!

- Ái dà! Lòng dạ thiếp bây giờ mới thực thà trở lại đấy! - Tề Khương bỗng cười ré lên, ngã vào lòng chồng, rồi nũng nịu. Thiếp cố ý thăm dò chàng vậy. Cả mấy lão già kia cũng thế, họ lại muốn chia rẽ vợ chồng mình! Nói để chàng hay, bữa tiệc này, nếu chàng thực lòng muốn đi thì để tiễn chàng, thiếp có giữ cũng chẳng được. Còn nếu không đi ư? Thì là để chúc mừng

đôi ta từ nay mãi mãi không bao giờ chia lìa. Đã rõ chưa, sao mà ngốc thế! Nàng dùng ngón tay chỉ yêu vào trán chồng, khiến đầu chàng lắc lư, rồi hai ánh mắt gặp nhau, bỗng chẳng hẹn mà nên, cùng cất tiếng cả cười, cả hai người cùng đắm say trong niềm hoan lạc.

Tề Khương luôn tay chuốc rượu cho chồng. Trùng Nhĩ cũng quá vui, dốc vào miệng hết chén này sang chén khác, chẳng bao lâu đã say lử say lừ, rồi bỗng nhiên gục đổ.

Tề Khương vội vàng dùng chăn quấn chặt người Trùng Nhĩ rồi cho người đi báo cho bọn Hồ, Ngụy, được tin họ bèn vào khiêng cả chăn lẫn người Trùng Nhĩ ra ngoài đặt vào xe tươm tất, rồi dứt khoát ra roi. Tiếng giục ngựa vang lên, kèm theo là tiếng vó ngựa gõ mặt đường, xe bắt đầu chuyển bánh.

Tề Khương đứng lặng người trong khung cửa, ngoái ra xe vẫy tay liên hồi, bỗng thấy nhói lên trong lòng, rồi nước mắt khôn cầm tuôn lũ chã.

TÍN LĂNG QUÂN TRỘM PHÙ CỨU TRIỆU

Tần Chiêu Vương cử Bạch Khởi làm chủ tướng, sau khi tiêu diệt 40 vạn quân nước Triệu ở Trường Bình, thừa thắng áp đảo tận kinh thành, vây chặt thành Hàm Đan.

Em trai của vua Triệu là Bình Nguyên Quân, lại là anh rể của Tín Lăng Quân công tử nước Ngụy, bởi vậy Triệu Vương mấy lần cầu xin với Ngụy Vương và Tín Lăng Quân cho quân nước Ngụy ra cứu viện. Ngụy Vương bèn cử tướng quân Tấn Bỉ thống soái mười vạn đại quân đi cứu nước Triệu.

Tần Vương nghe được tin này, lập tức cho người đi cảnh cáo Ngụy Vương rằng:

- Ta đem quân đánh nước Triệu, sớm muộn gì cũng đánh được họ, bất kỳ nước nào dám đem quân đi cứu viện, sau khi ta đánh xong nước Triệu, luôn tiện sẽ điều quân đánh luôn cả nước đó.

Ngụy Vương nghe vậy hết sức lo lắng, vội lệnh cho Tấn Bỉ dừng cuộc tiến quân, đóng quân lại ở Nghiệp Thành, trên danh nghĩa nói là đi cứu viện nước Triệu, nhưng thực tế là quan sát nghe ngóng tình thế, rồi áp dụng thái độ hai mặt.

Bình Nguyên Quân đợi đã sốt ruột, luôn cử người sang nước Ngụy và trách móc Tín Lãng Quân:

- Ta sợ dĩ làm thân thích với nước Ngụy, chính vì nhà ngươi có lòng hào hiệp, nghĩa khí, có thể giải cứu mỗi nguy nan cho kẻ khác. Bây giờ Hàm Đan sớm muộn gì rồi cũng mất, mắt đã nhìn thấy cảnh phải đầu hàng nước Tần, thế mà cứu binh của nước Ngụy trước sau vẫn cứ dò xét trên đường đi, chẳng còn thấy nghĩa khí của người đâu nữa? Chì ngươi sợ thành mất thì bị bắt, đêm ngày than khóc, cho rằng ngươi không đồng tình với ta thì thôi, nhưng lẽ nào ngươi lại không đoái thương cả chị gái mình?...

Tín Lãng Quân rất buồn lòng, nhiều lần đi thỉnh cầu Ngụy Vương, còn nhờ người khác đi khuyên việc tiến binh. Nhưng Ngụy Vương lại sợ nước Tần trả thù, trước sau không bằng lòng.

Tín Lãng Quân biết Ngụy Vương không có quyết tâm đi cứu Triệu nữa rồi, bèn quả quyết tự mình đi cứu nước Triệu. Sau khi bàn bạc với các môn khách, Tín Lãng Quân đã gom được hơn trăm bộ chiến xa, chuẩn bị xông vào đánh quân Tần, cùng sống còn với nước Triệu.

Tín Lãng Quân dẫn chí nguyện quân qua cửa đông thành thì gặp lão già Hầu Sinh gác cổng, nói với ông ta về việc mình muốn đi sống mái một phen với quân Tần. Đến lúc chia tay Hầu Sinh chỉ lạnh lùng nói thế này:

Đi được mấy dặm, Tín Lãng Quân chợt nghĩ: Bình thường, mình chẳng có điều gì mất lòng Hầu Sinh, bây giờ mình sắp đi sống mái một phen với kẻ khác, tại sao lại không có một lời khuyên can hoặc động viên mình? Quả là chuyện kỳ lạ, bởi thế bèn bảo mọi người dừng cả lại, một mình quay trở về.

Lúc ấy Hầu Sinh đang đứng ngoài cửa, thấy Tín Lãng Quân quay lại, bèn cả cười và nói:

- Ta biết ngay thế nào ông cũng quay lại tìm ta mà..

- Tiên sinh làm sao mà biết được?- Tín Lãng Quân hỏi lại.

Hầu Sinh nói:

- Chuyện đó thật đơn giản! Ông xưa nay rất tốt với lão, bây giờ đang sắp đi vào chỗ chết, lão lại chẳng hề tiễn đưa, trong lòng ông tất sẽ ảm ức không vui, cho nên lão đoán chắc thế nào ông cũng quay về, hỏi cho ra lẽ.

Tín Lăng Quân nói:

- Rất đúng, tiên sinh đoán không sai, tôi e rằng tôi có gì thất lỗi với tiên sinh, mới khiến Người lạnh nhạt với tôi như thế, cho nên muốn hỏi cho ra lẽ!

- Ta biết ông xưa nay vốn quý trọng người tài, nuôi nấng bao nhiêu môn khách như thế, nhưng đến nay gặp phải chuyện nguy nan, lại chẳng nghĩ ra được cách gì, chỉ còn mỗi cách là đi thí mạng cho quân Tần, thế thì có khác gì đem thịt béo dâng vào miệng cọp, thử hỏi liệu có ích lợi gì chẳng?

- Tôi vẫn biết rằng chẳng có ích lợi gì - Tín Lăng Quân đáp - Nhưng Bình Nguyên Quân là anh rể tôi, tình nghĩa lại rất sâu, lúc này đang gặp nạn, tính mạng đang lâm nguy một sớm một chiều, tôi không thể thấy người ta chết mà không cứu. Tuy rằng cũng tự hỏi mình và biết làm như vậy cũng chẳng được việc gì, chẳng hay lão tiên sinh có nghĩ được cách gì khác không?

- Xin mời hãy vào trong ngồi một lát, rồi ra cùng bàn xem sao.

Hầu Sinh bảo mọi người hãy ra ngoài, rồi hỏi nhỏ Tín Lăng Quân.

- Ta nghe nói hiện nay có một người đẹp được Ngụy Vương cưng chiều nhất tên là Như Cơ, đúng vậy không?

- Dạ đúng vậy!

- Lại nghe nói cha đẻ của Như Cơ bị người giết hại, nàng ôm hận suốt ba năm, từ Quốc vương cho đến quần thần ai cũng muốn trả thù cho nàng, nhưng chẳng có cách gì tìm ra kẻ thù đó. Rồi có lần, vì việc này, nàng đã than khóc kể lể với ông, ông lập tức đã cử môn khách dưới quyền mình đi dò xét, và rất nhanh chóng mang được đầu kẻ ấy về dâng Như Cơ, có chuyện như vậy không?

- Dạ đúng quả thực có chuyện như vậy!

- Thế thì tốt rồi - Đôi mắt già của Hầu Sinh chợt sáng lên, và nói tiếp kế sách của mình. Ông đã thay Như Cơ trả mối thù kẻ giết cha mình, nàng sẽ cảm kích tối mức nếu phải hi sinh cả tính mạng vì ông, cũng không chối từ, ông hãy tận dụng thời cơ này, từ nàng mà tìm ra mưu sách.

- Nàng là đàn bà con gái thì thủ hải liệu có thể mưu sách gì? Nàng đâu có phép như phù thủy rắc đậu thành binh? - Tín Lăng Quân tỏ ra thất vọng.

- Vậy ta hỏi thêm câu nữa - Hầu Sinh nói - Có phải Ngụy Vương cử Tấn Bĩ dẫn mười vạn quân đi cứu nước Triệu phải không?

- Đúng vậy, nhưng Ngụy Vương lại bảo hấn dừng lại nửa đường, không được tiến lên.

- Hãy tạm không cần hỏi đến lý do không tiến quân, nhưng ông biết có cách gì bắt Tấn Bĩ tiến quân không?

- Tất nhiên là phải có mệnh lệnh của Ngụy Vương rồi!

- Vậy Ngụy Vương ra lệnh thì lấy vật gì làm chứng cứ nào?

- Binh phù.

- Đúng rồi!- Hầu Sinh bỗng đứng phắt dậy, vô cùng phấn chấn nói tiếp với Tín Lăng Quân - Chỉ cần tìm cách nắm được “binh phù” trong tay, quân quyền của Tấn Bĩ sẽ về tay ông, quân Ngụy sẽ có thể lập tức tiến đến Hàm Đan, và như vậy có phải nguy cơ của nước Triệu đã được giải thoát rồi không? Ông hãy nghe tôi nói, binh phù của Ngụy Vương vẫn giấu nơi phòng ngủ, nơi đó chỉ có mình Như Cơ là người đến gần được thôi. Bây giờ thì ông khá mau mau về gặp nàng, chỉ cần ông ngỏ lời xin nàng giúp đỡ, lấy trộm được binh phù ra cho, nàng sẽ không đời nào không giúp. Như vậy, ông có thể giành được binh quyền từ tay Tấn Bĩ, sẽ có thể chỉ huy quân sĩ, phía Bắc cứu được nước Triệu, phía Tây đánh tan quân Tần, đó là một chiến công rất ghê gớm, là một cơ hội ngàn năm khó gặp vậy.

Tín Lăng Quân liền dùng mưu của Hầu Sinh, đi nhờ Như Cơ tìm cách, Như Cơ không hề thoái thác và nói:

- Công tử trước đây đã có công ơn lớn với tôi, tôi đang tìm một dịp để báo đáp, huống hồ đây lại là một nghĩa cử hào hiệp của công tử, dù thế nào đi nữa tôi cũng làm trọn công việc này.

Ngay tối ấy, Như Cơ đã tìm cách mời Ngụy Vương uống rượu thật say, rồi lừa dịp lấy trộm binh phù, dùng một cái hộp hoa dán kín lại, gọi một thị tì gần gũi nhất ngay trong đêm đưa tận tay cho Tín Lăng Quân.

Tín Lăng Quân nghe đến câu nói đó, bỗng thấy xót xa trong lòng và bỗng òa khóc.

- Làm sao thế, ông khóc ư? Ông sợ chết hay sao? - Hầu Sinh hỏi một cách kinh ngạc.

- Không ạ! - Tín Lăng Quân đáp - Tôi đâu có sợ chết, mà tôi thương cho Tấn Bĩ phải hi sinh tính mạng vì tôi.

- Đại trượng phu làm việc gì, không độc là không xong, đây là đại sự của quốc gia mà, không làm thế thì làm thế nào đạt được mục đích chứ! Đi thôi!

Nói đoạn, họ cùng nhau đi tìm Chu Hợi, nói rõ ý mình. Chu Hợi cười nói:

- Tôi chẳng qua chỉ là anh hàng thịt, may mắn được công tử ngài nhìn nhận tôi, mấy lần tự tìm đến tôi, trước đây tôi chưa từng đáp tạ ngài, bởi thấy rằng những thứ lễ tiết vật vãnh đó chẳng có mấy ý nghĩa, bây giờ công tử đang gặp nạn, mới đúng là lúc để tôi báo đền - Nói vậy và bằng lòng ngay.

Tín Lăng Quân sắp lên đường, đến chào Hầu Sinh. Hầu Sinh nói:

- Đúng lý ra ta phải cùng đi với ông, nhưng tiếc rằng tuổi đã cao, đi cũng chẳng được việc gì. Thôi ta đành ở lại, để tính đến ngày ông đến được nơi Tấn Bĩ, ta chỉ còn cách lấy cái chết để báo đền lại tấm ơn tri ngộ cùng ông...

Tín Lăng Quân dẫn quân đến Nghiệp Thành, truyền lệnh của Ngụy Vương, muốn tiếp quản binh quyền của Tấn Bĩ. Tấn Bĩ đem binh phù ra kiểm nghiệm quả thực không sai, nhưng trong lòng hết sức nghi hoặc, hai mắt nhìn như dán vào Tín Lăng Quân nói:

- Ta dẫn mười vạn quân trấn thủ nơi biên ải, trách nhiệm thực là to lớn, nay ông một mình đến thay ta nắm binh quyền, rốt cuộc là như thế nào vậy? Để ta thỉnh thị lại Ngụy Vương một chút rồi sẽ trao binh quyền lại cho ông, có được không?

Chu Hợi đứng bên đã nhịn không được nữa, rút ngay cái búa dẫu sẵn trong tay áo nhằm đầu đánh thẳng. Tấn Bĩ bị đánh chết ngay tại chỗ.

Tín Lăng Quân tiếp nhận binh quyền của Tấn Bĩ, kiểm duyệt xong người ngựa, rồi phát đi mệnh lệnh rằng:

- Ai có bố con cùng ở trong quân đội, thì bố sẽ được thoát ngũ về nhà, anh em cùng ở trong quân đội thì người anh sẽ về, ai là con một cũng cho về phụng dưỡng cha mẹ.

Chỉnh đồn quân ngũ như vậy xong, còn được hơn tám vạn tinh binh, bèn cử người báo với Triệu Vương hẹn ngày phía trước, phía sau giáp công.

Đến ngày tiến quân, Tín Lăng Quân đi đầu đoàn quân, như một con cọp xông thẳng vào doanh trại quân Tần. Bình Nguyên Quân cũng thừa cơ bật ra khỏi thành, giết cho quân Tần trở tay không kịp, máu đổ thành sông và vội vàng vàng chạy trốn về nước Tần.

Và như thế Hàm Đan được giải vây, nước Triệu cũng chuyển từ nguy kịch thành yên hàn. Đến lúc này, quân Tần cũng không còn dám huênh hoang tùy tiện nữa.

KẾ § 2 MỘT TÊN HAI ĐÍCH

KẾ CÔNG BAN THƯỜNG YẾN ANH DÙNG HAI QUẢ ĐÀO GIẾT CHẾT BA TƯỚNG
MỘT TÊN NHẢM HAI ĐÍCH LÝ QUANG BẬT DÙNG TRÍ HÀNG HAI TƯỚNG

Nói đến một mũi tên bắn hai đích, người ta thường hay nghĩ đến quan hệ yêu đương trai gái, mối quan hệ phổ biến nhất từ xưa tới nay, nổi bật nhất phải kể đến chuyện Đường Minh Hoàng và Lý Hậu Chúa. Đường Minh Hoàng sau khi lấy được Dương Quý Phi, bèn vợ luôn cả chị của nàng là phu nhân nước Quắc và phu nhân nước Tần để làm tình phụ. Lý Hậu Chúa khi đã có Chu Hậu, gặp được em gái bèn tính bài “nước chảy chỗ trũng”, ngang nhiên hèn gặp riêng rồi làm cho Chu Hậu tức đến chết, sau đó danh chính ngôn thuận làm cái chuyện “con chị đi con dì lớn,” lấp chỗ trống trên giường anh rể. Đây là kiểu một tên hai đích trong tình yêu.

Nhưng cái đó không phải là kế, chẳng qua là chuyện lợi dụng quyền uy và tiền bạc để giành giật lấy mà thôi.

Còn như áp dụng trong đấu tranh thì không thể, kế sách thường đi đôi với máu và nước mắt. Một cục diện tạo nên bởi máu và nước mắt thì tuyệt nhiên không thể nói đến hòa bình.

Một tên hai đích còn gọi là một hòn đá ném hai con chim. Cũng như tục ngữ thường nói là “mua một bán hai” cũng chẳng khác gì võ sĩ chỉ dùng một chiêu mà đánh đổ được hai kẻ địch trở lên.

Thi hành kế này cũng không phải đơn giản, càng không phải dễ dàng, bởi vì cùng một lúc phải đối đầu với mấy người, không thận trọng là phải mang vạ vào thân. Cho nên trước, sau khi thi hành kế, đều không được để lộ mặt mình, càng không được quá nôn nóng, phải chịu đựng được sự thử thách của thời gian và không gian.

Tư tưởng và hành động con người phát triển theo nhiều hướng, nhưng chung quy, cũng không ngoài danh và lợi. Bởi vì người ta mà háo danh thì phải tranh, háo lợi thì phải giành. Lớn thì tranh lớn, kết quả của tranh giành là có bên hã hê có bên đau đớn, hoặc là thất bại ê chề cả đôi bên.

Khi tiến hành kế sách, thì phải dựa theo nguyên tắc này, tức là phải điều tra nắm vững tường tận về tình hình tư tưởng, điều kiện và hoàn cảnh của đối phương, so sánh những điểm giống nhau của mỗi bên, tìm hiểu thấu đáo những mâu thuẫn giữa họ với nhau. Đối phương là hạng háo “danh” thì phải chuẩn bị tăng bốc cho nhiều, nếu là hạng hám “lợi” thì phải năng đi lại lấy lòng, nếu gặp hạng hám cả danh, cả lợi thì chỉ còn cách là vài lời tăng bốc lại kèm thêm một hạt kim cương mới được.

Đó tức là lấy lòng của người ta, mục đích là để đối phương không nghi ngờ gì mình. Cứ như thế “mưa dầm thấm lâu”, cho đến lúc điều kiện chín muồi, sau đó mới giở món đòn độc đáo, gây chuyện ra, để cho đối phương đụng đầu với nhau, mình chỉ còn việc “tọa sơn quan hổ đấu”, chờ cho hổ cốt rơi xuống mà đem về.

YẾN ANH DÙNG HAI QUẢ ĐÀO GIẾT BA TƯỚNG

Thời Xuân Thu, nước Tề có ba người dũng sĩ là Điền Khai Cường, Cổ Dã Tử và Công Tôn Tiệp rất được vua Tề Cảnh Công quý mến. Ba người đó kết nghĩa làm anh em, tự xưng là “tam kiệt của nước tề”. Bọn chúng huênh hoang cậy công ngang ngược càn rỡ, không coi ai ra gì, thậm chí ngay cả trước mặt Quốc vương, họ cũng vẫn xưng hô mày tao chi tớ. Lúc ấy, bọn loạn thần Trần Vô Vũ, Lương Khiêu Cứ thừa cơ mua chuộc lũ người kia, âm mưu định lật đổ nhà vua, cướp chính quyền.

Tể tướng Yến Anh không để việc đó qua mắt mình, thấy thế lực hiểm ác đó dần dần lớn mạnh sẽ nguy hại đến chính sự của đất nước nên lo lắng từng giờ. Ông biết rõ chủ lực của đảng gian ấy là ở vũ lực, ba dũng sĩ ấy tức là chủ bài, nên đã nhiều phen định giết quách ba người ấy đi, nhưng họ đang được vua yêu, lại sợ Tề Vương không nghe theo sẽ làm hỏng việc.

Có một hôm, Quốc vương Lỗ Thiện Công ở nước láng giềng cùng đại thần Bộ Lễ Thúc Tôn Nhược sang thăm, ngỏ ý muốn gặp Tề cảnh Công. Cảnh Công lập tức mở tiệc chiêu đãi, và bảo Tể tướng Yến Anh cùng tiếp, quần thần văn võ đều được mời dự, để cho thêm phần oai vệ. Ba dũng sĩ cũng vũ trang đầy đủ đến dự, ngồi tiếp khách ở hai bên tả hữu, oai phong凛凛, làm ra bộ kiêu ngạo nhất trên đời.

Rượu qua tam tuần, Yến Anh bước lên tàu trình:

- Hiện nay, cây kim đào ở trong ngự viên quả đã chín, chẳng mấy lúc họp mặt đông đủ thế này, liệu có nên hái một ít về đãi khách.

Cảnh Công lập tức cử viên quan coi vườn ra hái đào. Yến Anh lại nói:

- Kim đào là thứ đào tiên hiếm có, cần phải tự tay thần hái xuống, mới thật là trịnh trọng.

Một lát sau, đào đã được hái về bày vào mâm, trái nào cũng to như miệng bát, hương thơm tỏa ra ngào ngạt. Cảnh Công vừa thấy đã hỏi:

- Chỉ có mấy trái thế này thôi sao?

Yến Anh đáp:

- Trên cây còn mấy trái nhưng chưa chín, chỉ có thể hái về được sáu trái cả thảy.

Hai vị Quốc vương mỗi người cầm một trái ăn luôn và khen ngợi lẫn nhau. Trong lúc đang vui vẻ Cảnh Công nói với Thúc Tôn Nhược:

- Đào tiên là vật vô cùng hiếm có, Thúc Tôn đại phu lừng danh bốn biển, có công với mỗi bang giao hai nước, xin thưởng người một trái.

Thúc Tôn Nhược quỳ tâu:

- Thần đâu dám bì với Tể tướng của quý quốc đây, đào tiên nên thưởng cho Tể tướng mới phải.

Cảnh Công bèn nói:

- Hai người đã nhường nhau như vậy, thì mỗi người hãy ăn một trái.

Trên mâm chỉ còn lại có hai quả đào, Yến Anh lại thỉnh thị vua lần nữa, truyền dụ cho các quan văn võ hai bên, mỗi người hãy tự báo công trạng của mình, rồi xem ai có công lớn thì được ăn đào tiên.

Dũng sĩ Công Tôn Tiệp ưỡn ngực bước ra, hiên ngang tự khoe mình, bọt mép bắn tứ tung, kể lể:

- Ngày trước tôi cùng chúa công đi săn ở Đồng Sơn, tự tay bắn chết con hổ trắng chột mắt, giải vây cho chúa công, công như vậy đã lớn chưa?

Yến Anh vội nói:

- Đây là công bảo vệ chúa công, nên được thưởng.

Công Tôn Tiệp ăn một miếng hết trái đào, ngược cặp mắt kiêu ngạo liếc nhìn quần thần hai bên tả hữu.

Cổ Dã Tử cũng cố tranh đứng dậy nói:

- Đánh hổ thì có gì ghê gớm? Năm nào trong sóng dữ của Hoàng Hà, tôi chìm nổi chín dặm trường, chém đầu rùa tinh, cứu mạng cho chúa thượng, xin người xem công ấy thế nào?

Cảnh Công tiếp lời:

- Thật là ít có, lần ấy không có tướng quân, sợ rằng cả thuyền người bị chết đuối hết, lại đưa đào và rượu để thưởng.

Thế nhưng, Điền Khai Cường, dũng sĩ thứ ba dùng dùng nổi giận, hậm hực:

- Còn tôi đây phụng mạng đi đánh nước Từ. - bắt sống hơn năm trăm tên địch, ép buộc nước Từ phải nộp tiền của đầu hàng, uy danh lừng lẫy các nước láng giềng, họ phải theo nhau dâng biểu xin triều cống, giữ yên địa vị mình chủ cho quốc gia. Thế có phải là công không? Có đáng được thưởng không? Nói đoạn, liếc mắt nhìn bốn phía như muốn coi các bạn đồng liêu còn thấp hơn mình một cái đầu.

Yến Anh lập tức tâu với cảnh Công:

- Vốn dĩ công lao của Điền Tướng quân đây đúng là còn lớn gấp cả chục lần của tướng quân Công Tôn Tiệp và cổ Dã Tử. Nhưng đáng tiếc là kim đào đã thưởng hết, hay là hãy thưởng trước một chén rượu, đợi đào kia chín tiếp rồi sẽ thưởng bù có được không?

Cảnh Công cũng an ủi Điền Khai Cường:

- Điền Tướng quân, đúng ra ông có công lớn nhất, nhưng rất tiếc ông nói ra quá chậm. Điền Khai Cường không thể nghe thêm nữa, giận sôi sùng sục, để tay lên đốc kiếm, lớn tiếng quát:

- Chém rùa đánh hổ, có cái quái gì là ghê gớm? Ta đây vì nước xông pha ngàn dặm, huyết chiến thành công, thế mà lại bị ghẻ lạnh, còn bị nhục nhã như thế này trước quần thần hai

nước, để cho người ta chê cười, thử hỏi còn mặt mũi nào đứng ở trong triều đình này nữa!- Nói rồi rút kiếm tự vẫn.

Công Tôn Tiệp thất kinh, cũng rút kiếm bước ra nói:

- Chúng tôi công ít mà được thương nhiều, Diên Tướng quân có công lớn mà lại không được ăn kim đào, tình ấy lý ấy, tuyệt đối không nói thế nào cho xuôi được thuận tay rút kiếm ra cũng kết liễu đời mình tại chỗ. Cổ Dã Tử từ trong vòng người nháy ra, xúc động như phát điên gào lên:

- Ba người chúng ta từng kết nghĩa anh em, nay hai anh đã chết, chẳng lẽ còn ta sống một mình.

Nói vừa dứt lời, đầu đã rơi xuống đất, Cảnh Công muốn can ngăn cũng không kịp. Từ đó về sau Yến Anh mới trù từng tên một trong gian đảng một cách thuận lợi, triển khai ý đồ lớn lao của mình.

LÝ QUANG BẬT DỪNG TRÍ HÀNG HAI TƯỚNG

Thời Đường Túc Tông, Tư không Lý Quang Bật và phản tướng Sử Tư Minh lập chiến lũy đối nhau ở Hà Dương (nay là phía tây huyện Mạnh, tỉnh Hà Nam), công thủ đều không có gì tiến triển. Tư Minh định cắt đường lương thảo của Lý Quang Bật, chuyển quân tới huyện Hà Thanh, Quang Bật được tin báo cũng lập tức đem quân đến đóng ở bến đò Dã Thủy đắp lũy chống cự. Giữ ở đấy được một ngày, Quang Bật trở lại thành Hà Dương, chỉ để lại một ngàn quân sĩ, cử bộ tướng là Ung Hy Hào chỉ huy, và chỉ thị:

- Sử Tư Minh có hai người tướng tài là Cao Đình Huy và Lý Nhật Việt, đêm nay thế nào cũng cho một người đến cướp trại, người chỉ được cố thủ, không được đánh lại, nếu người tướng đó xin hàng, hãy dẫn họ đến gặp ta. Cái mệnh lệnh kỳ quái đã làm cho Hy Hào không hiểu đầu đuôi ra sao, chỉ biết tuân theo và cố thủ.

Quả nhiên Sử Tư Minh đêm ấy quyết định cướp trại, và nói với Lý Nhật Việt.

- Lý Quang Battles giỏi về giữ thành không thạo trong dã chiến, nay chuyển quân ra nơi thôn mạc, tức là đã bước vào tròng cần phải bắt lấy, hôm nay nhà ngươi cướp trại, cố bắt sống bằng được hắn về đây, nếu không bắt được Lý Quang Battles, thì ngươi đừng có về gặp ta.

Thế là Nhật Việt lấy năm trăm quân kỵ tinh nhuệ đi cướp trại Lý Quang Battles.

Hy Hào giữ nghiêm trận thế, mờ sáng quả nhiên thấy một tướng giặc cùng vài trăm quân kỵ đến gần hàng rào, bèn nói với tướng sĩ:

- Bọn nó tới rồi đấy, để xem chúng làm gì? Nói rồi vẫn bó giáp, giã quân mỉm cười chờ đợi, không hề có biểu hiện gì chống lại. Nhật Việt thấy hết sức lạ, bèn quát hỏi:

- Tư không nhà các ngươi đâu, bảo ra đây ta hỏi chuyện?

- Hy Hào đáp.

- Tư không tối qua đã về Hà Dương rồi!

- Để lại đây bao nhiêu quân, lãnh tướng là ai?

- Chỉ để lại một ngàn quân, lãnh tướng là ta đây. Nhật Việt lặng im không nói, Hy Hào lại hỏi vặn:

- Nhà ngươi họ Lý hay họ Cao.

- Họ Lý!

Ung Hy Hào nghe vậy liền cười:

- À, chả hóa ra là tướng quân Lý Nhật Việt, Tư không tôi có lệnh, biết tướng quân một dạ trung thành, chẳng qua do hoàn cảnh ép buộc, nay người lệnh cho tôi ở đây đón đợi tướng quân. Nhật Việt bắt đầu do dự, nghi đến câu nói của sử Tư Minh “nay mà không bắt được Lý Quang Battles, thì hãy đừng về đây gặp ta”, bèn quay sang nói với bộ hạ của mình.

- Nay nếu không bắt được Lý Quang Battles, quay về mọi người sẽ khó mà thoát chết, chẳng thà xin hàng cho xong. Cả đám quân kỵ không có lời nào khác, bèn bỏ vũ khí xuống xin hàng. Hy Hào nhìn qua rào, hỏi rõ họ tên, thấy quả đúng là Lý Nhật Việt thì mừng rỡ ra mặt, lập tức dẫn đi gặp Lý Quang Battles.

Lý Quang Battles tiếp kiến Lý Nhật Việt, đối xử rất hào hiệp, muốn chọn làm người tâm phúc.

Nhật Việt hết sức cảm động, tự mình hăng hái tình nguyện viết thư cho bạn đồng liêu của mình là Cao Đình Huy. Nhưng Lý Quang Battles lại nói:

- Không cần thiết! Rồi hẳn sẽ tự đến đầu hàng.

Qua mấy hôm sau, Cao Đình Huy quả nhiên dẫn quân đến xin hàng, Quang Battles hết sức ưu đãi, và cũng giống như Nhật Việt, được tâu về triều xin phong quan cấp.

Lúc ấy có người hỏi Lý Quang Battles thu hàng hai dũng tướng của địch làm sao mà dễ dàng thế, Quang Battles đáp:

- Đó chẳng qua là biết mình biết người, Sử Tư Minh thường nói tôi chỉ giỏi giữ thành, không quen đã chiến tôi chuyển quân sang bến sông Dĩ Thủy, hẳn tưởng tôi đã lọt vào tròng, thế nào cũng sẽ cử bọn dũng tướng Nhật Việt, Đinh Huy tới công kích, nhưng tôi đã đi khỏi đó rồi, tìm không thấy tôi, Nhật Việt sẽ không dám về nhận lệnh. Ngoài đầu hàng không còn đường nào khác. Còn Đình Huy, cả tài cả dũng đều trội hơn Nhật Việt, thấy Nhật Việt sang phía ta được yêu dùng tất nhiên là cũng sẽ đến xin hàng mong kiếm lấy một ghế vả lại hai người này lúc đầu phò nghịch cũng chẳng qua là do hoàn cảnh bắt buộc, chứ không phải thật lòng họ như vậy.

KẾ § 3 MƯỢN DAO GIẾT NGƯỜI

NGÂM OAN KHÔNG CẢI ĐƯỢC PHÍ VÔ CỰC DÙNG MƯU GIẾT KHUỐC UYÊN
MƯỢN DAO GIẾT NGƯỜI HỒNG TÚ TOÀN QUÉT SẠCH NGƯỜI NGHI KỶ

Giết người mà lại phải mượn dao, tức là mượn tay người khác giết người. Khi bản thân không có cách gì khác, hoặc là do hoàn cảnh hạn chế, mình không tự ra tay, bảo người khác thay mình thực hiện ý đồ giết người, đó gọi là mượn dao giết người.

Giết người tuy tàn nhẫn, thế nhưng trên đời còn khối kẻ đáng giết, cũng có vô số người không nên giết mà vẫn bị giết oan.

Giết người cần phải xem xét cân nhắc những gì là nhân nghĩa đạo đức, người định giết là người thế nào, người đó có đáng giết hay không? Tóm lại, kẻ nào trái với mình, thì phải chết, đó là một nguyên tắc hết sức phổ biến từ xưa đến nay trong lịch sử.

Thế nhưng giết người cũng có hai loại hiền, ngu. Kẻ ngu dốt giết người trực tiếp, bề mặt xem ra có vẻ anh hùng, vừa hả hê nữa nhưng làm như thế khó trốn khỏi lưới pháp luật, người đời cũng sẽ nói là tên tàn ác vô lương. Người thông minh giết người thì không như thế, họ chẳng hề nhúng tay, công khai dùng pháp luật hoặc mượn tay người khác, như vậy mục đích vẫn đạt được mà còn phết thêm lên cái mặt nạ nhân nghĩa đạo đức một lớp sơn hào nhoáng. Cho nên câu nói “giết người đừng thấy máu, thấy máu không anh hùng” là một lời thuyết minh rất đầy đủ.

Trong lịch sử những kẻ giết người như thế, Tần Cối được kể là kẻ thông minh. Hắn đã không tiếc, mượn tội danh “Có thể có đấy” để giết Nhạc Phi, cũng cố ngai vàng cho Tống Cao Tông, còn mình thì làm con cừu non chịu tội thay, bị đời sau chửi là Hán gian. Kỳ thực giết hại Nhạc Phi là do Tống Cao Tông chủ mưu, Tần Cối chẳng qua chỉ là tên đao phủ làm ác thay cho chúa mà thôi. Đương thời ở thành Thiệu Hưng tỉnh Triết Giang vẫn còn lưu truyền một tấm bia đá, trên đó khắc bài giáo dụ của Tống Cao Tông gửi Nhạc Phi, trong đó đã ca ngợi không tiếc lời đối với chiến công của Nhạc Phi, đó hiển nhiên chỉ là trò mèo khóc chuột, bởi vậy mà người đời sau lại càng đổ riệt cho là Tần Cối hại Nhạc Phi đến chết. Nhạc

Phi bị vào ngục oan, Tần Cối cũng bị chửi oan, nhưng cái trò gian xảo đó đã bị nhà bình luận lịch sử đời Minh, Văn Hăng Sơn vạch trần, ông cũng khắc ngay phía sau bia một bài từ điệu “Mãn Giang Hồng” viết rằng: “Phủ bụi trên bia, bài phủ dụ Phi, mờ nhạt cũng còn đọc được, Giận cho lúc bấy giờ dựa vào Phi nhiều bao nhiêu, sau này khốc hại bấy nhiêu, quả là công thành thì thân phải mất, chuyện đáng thương lời xưa khó chuộc. Chuyện vô cớ đáng hận lại cũng đáng thương, phong ba trong ngục làm cho chẳng tiếc, cô thúc ở Trung Nguyên làm sao quên niềm ô nhục Vi Khâm, nhưng Vi Khâm còn trở lại, thân này thuộc về đâu, ngàn thu đừng nhắc đến cái lầm Nam Độ, Khang Vương tự sợ trở lại Trung Nguyên, thở than tên Cối gian ngoan chẳng có tài gì chỉ là theo ý của vua thôi”. Nhưng điều này cũng chỉ ra rằng Tống Cao Tông không muốn cha anh lại về nước, sợ sẽ ảnh hưởng đến vương vị của mình.

Khổng Tử tuy rằng được tôn là “thánh nhân”, nhưng thủ đoạn giết người của Không Tử mới thô thiển làm sao? Ông ta xưa nay chưa từng làm quan, song mới trở thành quyền quý, làm tới Đại tư khấu đã lạm dụng quyền uy, giết văn nhân Thiếu Chính Mậu một cách mờ ám, thành một vụ án ngờ đến ngàn đời. Hãy xem cái cố giết người của ông ta thế nào? Có người hỏi Không Tử rằng: Thiếu Chính Mậu là văn nhân nước Lỗ, làm trai nếu vì chính sự mới bị tru di, như thế hỏi được gì mất gì? Khổng Tử đáp: “Người có năm loại đại ác, trừ trộm cắp ra, thứ nhất là tâm nghịch mà hiểm, thứ hai là làm vụng mà bướng bỉnh ương ngạnh, thứ ba là nói dối mà hay biện bạch, thứ tư là nhờ tôi lại làm ra uyên bác, thứ năm là a tòng theo điều xấu. Trong năm cái đó người nào mắc phải một, cũng không tránh khỏi bị quân tử tru diệt mà Thiếu Chính Mậu có phạm các điều đó nên không thể không giết”. Xét trong năm điều này Thiếu Chính Mậu vừa không có hành vi tụ tập làm càn, cũng chẳng có sự thực là đã phao tin bịa đặt lừa mọi người, điều duy nhất phải giết đó là Thiếu Chính Mậu học rộng hơn Khổng Tử, là vật cản khi Khổng Tử làm chính sự, thực đúng là dân đen vô tội ghép vào thì nên tội. Khổng Tử khá được gọi là cực đỉnh của bá đạo.

Trong chuyện này, tương đối thông minh phải kể đến Tào Tháo, hẳn muốn giết Nễ Hành nhưng mượn tay Lưu Biểu, giết Dương Tu thì mượn tội danh là làm “rối loạn quân tâm”. Giết một cách mau lẹ sạch sẽ, đường đường chính chính, nếu có giả, cũng giả rất hợp tình hợp lý. Thế gian này không có anh hùng không giết người, Tào Tháo còn biết diễn cái vở “mèo than khóc chuột” rất từ bi, đó chính là chỗ gian hùng của con người này.

PHÍ VÔ CỰC DỪNG MƯU GIẾT KHƯỚC UYỄN

Thời Chiến Quốc, sở Chiêu Vương lên ngôi, Nang Ngoã làm Tế tướng cùng Bá Khước Uyển, Yên Tướng Sư, Phí Vô Cực tham gia triều chính.

Có một năm Khước Uyển xuất chinh đánh nước Ngô, giành toàn thắng, thu được vô số binh khí giáp mã, Chiêu Vương mừng lắm, đem một nửa số binh giáp chiến lợi phẩm đó thưởng cho Uyển và từ đó gặp việc gì cũng bàn bạc với hắn ra điều sủng ái hết mức.

Phí Vô Cực đem lòng đổ kỹ, cùng Yên Tướng Sư bàn mưu ám hại bèn nói với Tế tướng:

- Uyển có ý muốn mời khách, nên nhờ tôi chuyển lời mời, không hiểu tế tướng có lòng hạ cố hay chăng?

Nang Ngoã liền đáp:

- Người ta đã có lòng mời, mình có lý gì mà lại không đến?

Phí Vô Cực lại đi tìm Khước Uyển nói:

- Tế tướng từ lâu muốn ghé thăm quý phủ đây uống chén rượu, đề mọi người chung vui với nhau, không hiểu liệu ngài có bằng lòng làm bầu chủ hay không? Nay có nhờ tôi đến hỏi thử xem sao?

Uyển đâu có ngờ đây là kế hiểm, nên đã vui vẻ đáp lời:

- Tôi là bậc dưới, mấy khi được Tế tướng để ý tới thăm, thật vô cùng vinh hạnh. Vậy để ngày mai nhé, tôi sẽ sắp tiệc hầu người, xin nhờ ông hãy về báo trước với Người như vậy.

Phí Vô Cực lại hỏi:

- Nếu như Tế tướng đến, thì ông định chuẩn bị tặng Người cái gì?

- Đấy, không nhắc thì tôi không nghĩ đến đâu? Uyển nói - Không hiểu Người vốn thích thứ gì?

- Theo chỗ tôi biết - Phí Vô Cực dừng một lát mới nói - Tế tướng ở cương vị ấy, tiền tài, gái đẹp, lựa là găm vóc hỏi có thiếu gì? Chỉ có đồ binh khí giáp mã, là thứ Người ưa thích nhất, thường ngày có lần đã ngầm ngỏ ý với tôi rằng Người rất thích số binh khí của nước

Ngô mà ngài được chia một nửa, cho nên việc Người muốn dự tiệc ở đây, chưa biết chừng chỉ là cớ để được xem những thứ chiến lợi phẩm đó cũng nên.

- Tưởng gì chứ việc đó thì dễ thôi!

Uyển nói vậy và sai người mang những thứ đó ra, Phí Vô Cực cũng giúp một tay chọn ra một trăm thứ sắc bén nhất rồi nói:

- Chừng này là đủ rồi, đến lúc đó, ngài để những thứ này ở cạnh cửa, khi Tể tướng đến, tất sẽ hỏi tới những thứ này, chỉ chờ hỏi, ngài sẽ lấy cho Người xem, rồi tiện dịp biểu ngài luôn, nếu là những thứ khác, e rằng Người sẽ không nhận đâu!

Uyển tin là thật, bèn đem các thứ binh khí sắp bày nơi cửa rồi lấy vải che kín.

Ngay hôm sau Khước Uyển bày tiệc, bố trí đàn ông, nhờ Phí Vô Cực đi mời Nang Ngoã.

Ngoã đang chuẩn bị lên đường, Phí Vô Cực lại nói:

- Gần đây, thái độ của Khước Uyển rất là kiêu ngạo, lần này mời tiệc không biết là duyên cớ gì? Lòng người ai mà đo được, hãy để tôi đi dò la xem tiệc tùng ông ta sắp đặt thế nào, sau đó Người hãy đi, như vậy an toàn hơn, có đúng không?

- Đúng đấy, ông hãy đi trước xem sao?

Phí Vô Cực lui ra, rồi lên phố đi loanh quanh một dạo, bỗng vội vội vàng vàng chạy về, bước thấp bước cao, hồn hã hồn hển, nói như đứt hơi:

- Xuýt nữa thì hỏng việc, tôi đã dò la rõ ràng rồi, Khước Uyển lần này mời khách là không có ý tốt đẹp gì đâu, mà ông ta muốn dẫn Tể tướng vào chỗ chết. Tôi thấy trong cửa nhà ông ta giấu đầy binh khí, sát khí đằng đằng, Tể tướng mà đến đó thì đúng là trúng vào kế độc!

Nang Ngoã nghe qua, trong lòng bỗng trở nên do dự, nói:

- Tôi với hãn xưa nay chẳng có gì mất lòng nhau, chắc không có chuyện ấy được!

Phí Vô Cực thừa cơ khêu gợi thêm:

- Khước Uyển từ sau ngày đánh nước Ngô lập được công, được vua tin dùng, sớm đã có dã tâm muốn thay ngôi tể tướng của người, chuyện này ai mà chẳng biết, chỉ giấu có một mình Tể tướng mà thôi, tôi với Yên Tướng sư sớm đã có sự đề phòng việc này. Ngài nghĩ coi, trước đây nước Ngô nhân lúc ta yếu, ta cũng thừa lúc nước Ngô loạn, lẽ ra Khước Uyển

có thể thừa thắng mà đuổi đến cùng, diệt luôn nước Ngô đi, thế nhưng lại chỉ thu một số vũ khí và bắt một ít tù binh rồi dừng lại, nghe nói lúc đó ông ta được nước Ngô hối lộ rất nhiều, nên mới ngầm thoả ước với nhau rồi ép binh sĩ quay về. Như thế xem ra, ông ta đang có sự tính toán ma quái gì đây, định làm một cái gì ở nước ta, chưa biết chừng, người này mà được thế, nước Sở ta sẽ nguy nan mất!

Lời lẽ đó dần dần làm rối lòng Nang Ngoã, tuy vậy ông này vẫn chưa tin hẳn, bèn sai người tâm phúc sang dò la lần nữa cho thật rõ ràng.

Người đó quay về báo lại rằng quả thực có chuyện đó, phía trong cửa đúng là sắp đầy binh khí. Đến lúc này Nang Ngoã mới nổi trận lôi đình, lập tức sai người mời Yên Tướng sư vào, nói cho biết chuyện này và hỏi xem nên xử trí ra sao?

Yên Tướng sư sớm đã thông đồng với Phí Vô Cực, bèn thêm dầu vào lửa, nói:

- Khước Uyển muốn làm phản không phải đến ngày nay, hẳn cùng ba gia tộc lớn trong thành đã họp thành bè đảng, đang muốn giành chính quyền, cũng may mà hôm nay phát hiện nhanh, để muộn nữa e rằng sẽ hối không kịp.

- Đáng giận thay! - Nang Ngoã đập bàn quát - Ta phải giết nó!

Ngay lập tức, đi tấu trình Sở Vương, lệnh Yên Tướng sư đem quân đi vây chặt nhà Uyển.

Đến lúc ấy Khước Uyển mới biết đã bị Phí Vô Cực, đem bán rẻ, song không còn cửa nào để bày tỏ, hàm oan mà không cãi được, bèn thở dài than thân rồi rút gươm tự vẫn.

THIÊN VƯƠNG MƯỢN ĐAO GIẾT ĐÔNG VƯƠNG

Hồng Tú Toàn mượn danh nghĩa nhà vua, bày trò bị ma ám, thành lập ra “hội lễ Thượng đế” ở Quảng Tây, lợi dụng sự tín ngưỡng về tôn giáo để hoạt động chính trị, rồi biến thành đấu tranh quân sự, khởi nghĩa ở Kim Điền, bắt đầu từ năm 1850 dưới sự chỉ huy của Đông Vương Dương Tú Thanh, trong vòng một năm, chiếm lĩnh được Nam Kinh, thành lập nên Thái Bình Thiên Quốc, lập Hồng Tú Toàn làm vua, tức là Thiên Vương, quyền quân chính tất cả đều ở trong tay Đông Vương Dương Tú Thanh, còn Thiên Vương chỉ biết say đắm ở cung đình.

Dương Tú Thanh vốn là một tay gian hùng của thời đại, lòng đầy dã tâm, lại lắm cơ mưu, lừa dục vọng về chiếm hữu và chi phối luôn nung nấu trong lòng. Ngay trước cuộc khởi nghĩa Kim Điền, đã từng xảy ra sự kiện âm mưu giành giật giáo quyền, đến lúc này quyền binh trong tay, đương nhiên là cản trở nên ngang ngược ngạo mạn, kéo bè kéo cánh, đối với các chư vương cùng ngang địa vị cũng bằng mặt không bằng lòng đến ngay gặp Hồng Tú Toàn cũng chẳng coi ra gì, thả sức mắng nhiếc công khai, thậm chí coi như loại con rối thừa thải, có ý muốn thay quyền. Hắn luôn dở trò “ma ám” như một cửa quý, giả truyền chỉ dụ của Thượng đế, trách mắng Vương Huynh Hồng Nhị Phát, và công khai đòi Thiên vương Hồng Tú Toàn quỳ lạy, để nghe Thượng đế trị tội. Tú Thanh hỏi:

- Tú Toàn, nhà ngươi có lỗi, ngươi biết không?
- Con đã biết lỗi, xin vua cha xá tội.
- Mi đã biết tội mình, thì cho phạt 40 trượng!

Lúc đó, Bắc Vương Vi Xương Huy và các quan khác đều xin xá tội cho Thiên Vương, nguyện sẽ chịu đòn thay. Tú Thanh vẫn chưa chịu buông tha, còn mượn cơ mắng Hồng Tú Toàn như tát nước vào mặt, cho đến lúc Thiên Vương chịu khuất phục thốt lên “con xin tuân theo chỉ dụ, phủ phục chịu đòn”, lúc ấy mới thôi.

Cuộc ra oai lần ấy của Dương Tú Thanh, cũng giống như ngọn roi giết người “chỉ lừa thành ngựa” của Triệu Cao thời Tần Nhị Thế, văn võ triều thần đều len lét chỉ dám cảm mà không dám nói.

Lúc ấy, đầu sông cuối sông Trường Giang, quân sự thắng lợi liên tiếp, quân Trung ương dưới sự đốc thúc của Dương Tú Thanh phá vỡ vòng vây của đại doanh quân Thanh ở Nam Kinh đã ba năm liền. Khâm sai đại thần Hương Vinh chủ soái của đạo quân, bại trận nên treo cổ tự vẫn. Thanh thế của Đông Vương lại càng thêm lừng lẫy, dần dần càng muốn thực hiện dã tâm giành vương vị, Trước hết dùng kế điệu hổ ly sơn, điều hết chủ vương không hợp cánh với mình ra khỏi Nam Kinh, Dục Vương Thạch Đạt Khai về Hồ Bắc độc chiếm, Nhận Vương Tần Nhật Cương tới Đơn Dương để càn quét tàn quân của Trương Quốc Lương v.v... Bắc Vương Vi Xương Huy điều đi Giang Tây chủ trì quân sự. Người nghi kỵ đã đi xa, bèn tiến hành bước thứ hai của kế hoạch. Đầu tháng bảy, lại giả truyền thần chỉ, lệnh Thiên Vương cho chỉ toàn vương phủ, bịa ra là cụ Thượng đế giáng trần hỏi:

- Người với Đông Vương cùng là con ta, Đông Vương lại có công lớn như thế, tại sao lại chỉ hô có cửu thiên tuế?

Thiên Vương quỳ đáp:

- Đông Vương đánh đông dẹp bắc, cũng nên hô là vạn tuế ă!

Lại hỏi tiếp:

- Đông Thế tử (con của Đông Vương) sao cũng chỉ hô thiên tuế?

- Đông Vương đã hô vạn tuế, thế tử cũng vạn tuế, mà đời sau cũng đều vạn tuế cả ă!

Thượng đế cả mừng phán:

- Trẫm về trời!

Hồng Tú Toàn biết đây là trò gian xảo, nhưng dưới sức ép của bạo lực, đâu dám làm ngược lại, vẫn phải theo lời, định đến ngày 25 tháng 8 mừng thọ Đông Vương sẽ chính thức ban bố phong điển, như thế để tránh được bàn tay độc ác mà an toàn hồi cung (theo thể chế của thiên triều, chỉ có Thiên Vương mới được hô vạn tuế còn các vương khác như năm vương Đông, Tây, Nam Bắc Dực vương thì lần lượt mà giảm đi 1000 tuế, tức là Bắc Vương Vi Xương Huy là lục thiên (6000) tuế, Dực Vương Thạch Đạt Khai là ngũ thiên (5000) tuế. Đông Vương lẽ ra là cửu thiên (9000) tuế, mà lại đòi hô vạn tuế, thì còn Thiên Vương để vào đâu? Âm mưu thoát vị đã rành rành ra đó.

Hồng Tú Toàn dưới sự o ép không còn cách gì khác, tính ra ngày phong điển còn hơn một tháng, chỉ còn cách để cho người ta chi phối rồi tìm đối sách.

Tuy đã định thời gian làm lễ, song Dương Tú Thanh vẫn chê là thời gian quá dài, sợ để lâu càng dễ sinh chuyện, bèn vội vàng vàng khởi sự sớm hơn thực hiện thoát vị, buộc Thiên Vương nhường ngôi, nếu không sẽ giết đi để lên thay, lấy ngày mừng thọ sẽ làm lễ đăng quang. Khi mới khởi nghĩa Thiên Vương cũng chọn ngày sinh nhật để đăng quang. Đang khi bí mật bàn nhau, bỗng có một người tâm phúc đồng mưu là Hồ Dĩ Khoáng đã đi cáo mật với Thiên Vương, nói hết mọi âm mưu của bọn chúng và xin thề sẽ đi đầu trừ gian để bảo vệ chúa. Thiên Vương bưng tỉnh đang lúc sống chết kề bên nhau, không thể cúi đầu nhận lệnh mãi, bó tay chờ chết. Nhưng cũng tự cảm thấy thực lực không đủ để chống lại, bèn hạ mật

chiếu, lần lượt sai người gọi ngay Vi Xương Huy, Thạch Đạt Khai, Tần Nhật Cương đem quân về triều cứu vua.

Tần Nhật Cương đóng ở Đơn Dương, gần kinh đô hơn, nhận được chiếu về kinh trước, thấy mình lực lượng còn mỏng, không địch lại được với Dương Tú Thanh. Đợi mãi đến ngày 3 tháng 8, Bắc Vương Vi Xương Huy đem 20 chiếc thuyền và 3000 tinh binh từ Giang Tây kéo về kinh đô Nam Kinh đúng vào lúc nửa đêm, quân sĩ từ cửa Nam bí mật vào thành, vội vàng vào cung gặp Thiên Vương, ngay sau đó bố trí quân lực, cho quân canh giữ mọi nơi hiểm yếu trong thành, chiếm cứ tất cả các ngã đường tới Đông Vương phủ, sau đó chọn quân quyết tử, nhanh như chớp nhảy vào vương phủ. Tần Nhật Cương tự tay đâm chết Dương Tú Thanh. Thắng lợi làm cho bọn họ mê cả đầu óc, nổi máu giết người, biến thành cuộc đại tàn sát, tất cả mọi người trong phủ trừ người con thứ năm của Đông Vương còn thơ dại là sống sót. Quân vây thành và phục binh ở ngoài phủ, vừa nghe tín hiệu từ trong phủ, biết rằng đã được thể rồi, nhất tề xông lên, giết bừa bãi bọn bộ binh và vây cánh của Đông Vương, tiếng hô giết cùng một lúc vang dội trong thành, đạn pháp vang rền, cả thành phố chìm trong cuộc hỗn chiến.

Theo ý ban đầu của Thiên Vương, chỉ giết Đông Vương và ba người anh em, không được giết nhiều. Kết quả là giết tới hơn ba vạn người, việc đó cũng là âm mưu mượn dao giết người của Vi Xương Huy, mượn chuyện công để báo tư thù, nhờ đó mà thanh trừng người không ăn cánh với mình, dọn đường cho sạch để lên cầm quyền.

Thạch Đạt Khai mãi mười ngày sau khi xảy ra sự biến mới về tới Nam Kinh, lúc đó, cả thành phố bị lực lượng của Vi, Tần khống chế, vào cung gặp Thiên Vương, biết hết mọi chuyện, rất không bằng lòng với việc chém giết tràn lan, giết cả người vô tội, bèn tới gặp hai tướng Vi, Tần trách hỏi:

- Đông Vương có tội, đáng giết, còn thuộc hạ của ông ta có tội gì, tay nọ chặt tay kia thế này quân địch mà biết, lừa vào chỗ nguy hiểm của ta, ta lấy gì ra chống đỡ?

Vi Xương Huy nghi rằng Thạch thiên có mưu kế khi giết Đông Vương, đáp rất lạnh lùng:

- Người nghi ta đồng tình với Đông Vương, muốn đến giết ta để báo thù chứ gì?

Thạch Đạt Khai thấy không thể dùng lý để dụ được, bèn buồn rầu cáo biệt, tự nghĩ Vi là con người rất hung hãn, làm việc gì không từ thủ đoạn nào, e rằng sẽ không lợi cho mình,

không dám so bì hơn thiệt, cũng chẳng dám ở lâu, không kịp ghé về nhà nửa bước, lập tức mang mấy người thị vệ đang đêm lẩn ngách cửa nam thành trốn ra ngoài, trở lại An Huy nơi mình đang trấn giữ, thế là ông ta chỉ ở lại Nam Kinh có mấy tiếng đồng hồ.

Cũng may mà Thạch Đạt Khai đã chạy nhanh được một bước, quả nhiên đêm khuya hôm ấy, Vi Xương Huy điều quân vây chặt Dục vương phủ, đem tất cả những người trong gia quyến họ Thạch giết hết không còn ai.

Thạch Đạt Khai được tin sét đánh, cả nhà bị ám hại, tức giận sục sôi, thề sẽ báo mối thù không đội trời chung, bèn gấp rút đi kiện toàn đội ngũ cơ bản ở các nơi, tập trung ở vùng Vu Hồ, chuẩn bị quay về dẹp loạn, yêu cầu Thiên Vương xử Vi, Tần như một vụ điển hình. Vi Xương Huy thấy quân Thạch đang điều động, có ý đồ quay lại phản công, bèn đi trước một bước, sai Tần Nhật Cương dẫn trên một vạn quân tiến quân về phía tây. Tần thấy quân lực kém nhiều so với quân của Thạch, không dám xông vào mũi nhọn ấy mà chỉ giữ thế thủ để xem xét.

Thiên Vương thấy Bắc Vương đã mang diễm tai họa, kêu ngạo, bẻ cánh, nhất là với Đông Vương cho nên đã có sự đề phòng từ trước. Tiếp đó thấy việc thăm sát cả nhà Dục Vương bèn có ý trách móc:

- Ông không nghe Đạt Khai khuyên nhủ thì thôi, việc gì mà giết cả nhà người ta? Làm thế có tuyệt tình tuyệt nghĩa không?

Bắc Vương không phục, còn tỏ ra hết sức bất bình, cho rằng Thiên Vương che chở Dục Vương cùng mưu hại mình, bèn trở mặt, không cần nghĩ ngợi lâu la gì, làm một cuộc nhổ cỏ nhổ cả gốc, y diệt luôn cả Thiên Vương. Ngay sau đó cho quân vây chặt Thiên Vương phủ. Thiên Vương đã có sự đề phòng từ trước, cho nên quân Bắc Vương tiến công mấy lần không vào được. Thêm nữa, trước đó Thiên Vương đã mật chiêu nghĩa quân ở các vùng phụ cận ngoài thành và dư đảng của Đông Vương nhập thành để hộ giá Thiên Vương, Quân của Vi thế cô lực mỏng (có một vạn quân tinh nhuệ thì đã có một số theo Tần Nhật Cương đi đối phó với quân Thạch Đạt Khai rồi) dưới sự phản kích liên hợp, trong ngoài giáp công, chỉ cầm cự được hai hôm đành bó tay chịu bắt, cùng bị giết với họ hàng và hơn hai trăm người trong dư đảng. Tần Nhật Cương cũng bị gọi về xử trảm cuộc loạn ly tạm bình yên.

Bắc Vương bị tru diệt, Thạch Đạt Khai được triệu về cung nắm chính sự, ông ta là một anh hùng, cái thế văn võ song toàn, đương thời ít người sánh kịp, rất được quan dân và văn võ trong triều hết sức ủng hộ. Sau khi về kinh, nhanh chóng ổn định tình hình, xây dựng lại một trung tâm lãnh đạo càng ưu việt hơn. Thiên Vương lúc đầu cũng chú tâm sắp xếp lại, lại có sự đồng ký với đám vương thân Hồng Nhân Phát, Hồng Nhân Đạt, xiêm nịnh với Thiên Vương:

- Giao quyền bính cho họ, e rằng họ lại theo gót Vi, Tần, kết cục chẳng phải là cái phúc của vương triều.

Thiên Vương là con người chí lớn nhưng tài hèn lại thiếu quả đoán, càng không phải là một vị chúa sáng nghiệp có tầm nhìn xa trông rộng, anh minh, nghe những lời đe dọa ấy lại nghĩ về chuyện cũ, dần dần sinh lòng trắc ẩn cho nên ngày càng bớt tin yêu vào Dục Vương, ngược lại có lúc còn gây ngăn trở, tạo niềm nghi kỵ. Thạch Đạt Khai mới 26 tuổi, trẻ trung bông bột, gặp cái cảnh “ba hôm trước thì ấm như lửa, ba hôm sau thì lạnh như băng”, cũng nghĩ trước nghĩ sau, thế nào cũng có ngày lại trúng vào kế “mượn dao giết người”. Cho nên tự nhiên rời kinh đô tị nạn, tự lãnh một đội quân đến một chiến trường xa vắng. Đúng như điều ông viết trong thơ cáo biệt quân dân:

Năm trước gặp hoạn nạn.

Sắp ngửa chạy về kinh.

Lòng trung in tấc dạ.

Tưởng gặp chúa anh minh.

Nhưng sự đời chẳng thế.

Chiếu chỉ luôn tới mình.

Mối nghi ngờ càng nặng.

Một bút khó trần tình

KẾ § 4 LẤY KẺ NGHỈ NGƠI, ĐÁNH NGƯỜI MỆT MỎI

Ý KHỎE TIỀN NHANH ĐÁNH PHI THỦY, PHÓ KIÊN CHỊU THIỆT LẤY NGHỈ

ĐÁNH MỆT

BA HỒI TRÔNG TÀO TUẾ THẮNG TỀ

“Lấy nghỉ ngơi đánh mệt mỏi” là câu nói gọn có xuất xứ từ trong quân tranh biện của binh pháp Tôn Tử “Quân sự lấy gần đăi xa, lấy nghỉ ngơi đăi mệt mỏi” Tức là trên chiến thuật mình nên đứng ở thế chủ động để ứng phó với sự tấn công của kẻ địch. Nếu trong khi vận dụng, phạm việc gì cũng chuẩn bị trước cho thật đầy đủ, bình tĩnh, điềm đạm mà ứng phó với sự quấy rối từ bên ngoài, bất kể việc gì cũng đều có thể lấy nghỉ ngơi mà đối xử với mệt mỏi.

Nguyên tắc xử sự khác với làm người, làm việc thì việc hôm nay chớ để ngày mai, hiệu suất càng nhanh càng tốt, làm người nhất là phải xử lý một vấn đề nhân sự rắc rối, thì lần nữa mới là một biện pháp tốt nhất. Lần nữa, không có nghĩa là nhút nhát yếu hèn, cũng không là tắc trách, mà nó là một thủ đoạn quyền biến, muốn cho ý chí của mình không bị lôi cuốn bởi những sự kiện đột nhiên xảy ra, để mình vĩnh viễn đứng ở địa vị chủ động, đó chính là cái người ta còn gọi là “chính sách kéo dài”.

Nói về mặt tiêu cực, là ngồi im mà xem sự vật thay đổi, để làm quyết sách cuối cùng, về mặt tích cực mà nói, là tìm cách làm cho đối phương mệt mỏi vì chạy đây chạy đó, làm nhụt nhuệ khí của họ đi, sau đó thừa cơ xuất kích, làm cho nó ngã xuống là không dậy nổi, cũng như Tôn Tử nói là “vùi nó xuống chín tấc đất, tung nó lên chín tầng mây”.

Khi dùng sách lược này, cốt yếu là phải điềm tĩnh ứng biến, phải tính toán so sánh rõ ràng hoàn cảnh và ý đồ, cả về thực lực giữa mình và đối phương, từng lúc từng nơi khôn khéo chú ý sự thay đổi của sự việc, thời cơ chưa chín muồi thì im như núi đá, thời cơ đến thì phải gầm sông nghiêng biển.

Sách lược này nếu áp dụng tốt, có thể lấy yếu thắng mạnh, lấy ít thắng nhiều, trong lịch sử đã từng có nhiều chiến dịch vì thế mà xoay chuyển được tình hình.

Càn Tín bắt Triệu Vương, Lưu Tú đánh Vương Mãng, Tư Mã Ý cắt trở ở Nhạc Sơn, Chu Du phóng lửa Xích Bích, Tào Tháo phá Viên Thiệu ở Quan Độ, Tạ Huyền đuổi Phó Kiên ở Phì Thủy đều là lấy ít thắng nhiều, là hiệu quả của sách lược lấy kẻ nghỉ ngơi đánh người mệt mỏi, dùng thế bất lợi chống lại ưu thế. Nhưng có một ví dụ nổi bật, đó là chuyện Tào Côi luận chiến.

BA HỒI TRÔNG TÀO TUỆ THẮNG TỀ

Thời Xuân Thu, Tề Vương đưa Bào Thúc Nha lên làm đại tướng, dẫn quân đi xâm lăng nước Lỗ.

Lỗ Trang Công trước đây ở nơi Can Thờ đã từng bại trận với nước Tề, nghe nói Tề quân lại tới, rất là kinh hoàng lúng túng, bèn hỏi đại thần Tà Thi Bá:

Nước Tề thực là bắt nạt người quá đáng, có cách gì để chống lại được không?

Thi Bá nghĩ một lúc lâu, vẫn chưa nghĩ ra cách gì nhưng lại nói:

- Thần có thể tiến cử một người, có thể có cách ứng phó - Là ai vậy?

- Tào Côi - Thi Bá đáp - ông ta là một ẩn sĩ, tuy chưa từng ra làm quan, thần thấy người này có cái tài của một vị tướng.

- Đi mời ngay người ấy tới đây bàn việc!

Thế là Thi Bá đi gặp Tào Côi, sau một hồi hàn huyên, bèn nói ra ý mình đến gặp. Tào Côi bồng cười, hỏi:

- Lẽ nào bao nhiêu văn võ bá quan trong triều lại không có ai gánh vác được việc này sao? Mà lại đến tận nơi hang sâu núi vắng này tìm tôi, thật là nực cười thật đấy.

- Nói thực với ngài, nếu có người tài, thì đã không dám phiền đến ngài - Thi Bá vừa trả lời vừa nhìn sắc mặt của Tào Côi. Nếu ngài có cách gì đánh lui được địch thì cũng có thể vào triều làm quan như thế chứ sao?

Tào Côi cân nhắc một lúc rồi mới trả lời:

- Được rồi, đi thử xem sao. Đây không phải chuyện làm quan hay không làm quan, mà là chuyện quốc gia hưng vong, trọng phụ hữu trách vậy.

Thế là cùng đi gặp Lỗ Trang Công, Trang Công hỏi:

- Nhà ngươi có cách gì để chống lại sự xâm lược của nước Tề không?

Tào Côi đáp:

- Tình hình chiến tranh biến đổi không lường được, không thể vội vàng đưa ra kết luận, nếu tạo cho thần được có dịp tham chiến với binh lính, có lẽ có thể tùy cơ ứng biến, đặt kế ra mà giành thắng lợi.

Trang Công nghe nói vậy, trong lòng rất mừng, bèn để ông làm tham mưu cùng ra quân với binh lính, đến một nơi gọi là Trường Thước, đối mặt với quân Tề.

Tướng Tề Bào Thúc Nha thấy quân nước Lỗ nghênh chiến, lập tức triển khai chuẩn bị để công kích. Trước đây hắn từng đánh bại quân Lỗ ở Can Thời nên coi Trang Công là một tên bại tướng và có ý khinh địch, hạ lệnh công kích toàn diện, tưởng một lúc có thể bắt được Trang Công ngay. Một lát sau, trống trận ầm vang, quân reo dậy đất, quân sĩ xông sang ào ào như đá lở đất nhào.

Trang Công lo sợ, cũng vội vàng hạ lệnh thúc trống xuất kích. Tào Côi ngăn lại, nói:

- Xin hãy chậm lại. Nhuệ khí của quân địch đang hăng hái, chỉ có thể chuẩn bị sẵn sàng, nóng vội không được! Thế là truyền lệnh thu cờ ngừng trống, giữ vững trận địa, không được nhốn nháo ồn ào, không được hành động tùy tiện, kẻ nào trái lệnh sẽ chém.

Quân Tề xung phong một đợt sang, như khúc gỗ đập vào thùng sắt, không xông lên được chỉ đành lùi xuống, được một lát, lại giống trống xung phong, quân Lỗ vẫn không nao núng, như cái thùng sắt càng thêm kiên cố, quân Tề lại một phen lui xuống. Bào Thúc Nha rất đặc ý nói với thuộc hạ của mình.

- Quân Lỗ được nếm mùi rồi, nhất định là đang lo sợ, hai lần khiêu khích cũng không dám ra, chứng tỏ rằng đã run từ trong bụng, nếu ta cho xung phong lần nữa. Ha ha! Chúng không cúp đuôi cắm cổ chạy ta không tin!

Tiếp đó liền hạ lệnh xung phong lần thứ ba, trống trận lại rền vang như sấm. Lúc đó quân Tề miệng thì hò hét, nhưng trong lòng cho rằng quân địch không dám ra, ý chí chiến đấu vô hình trung đã bị rệu rã.

Tào Cô nghe thấy quân Tề nổi trống lần thứ ba bèn nói với Trang Công:

- Đã đến lúc xuất kích rồi, hạ lệnh xông ra ngay!

Quân Lô vừa nghe tiếng trống, như hổ đói vồ mồi, nhanh như chớp xông ra, quân Tề không đề phòng, luống cuống chống đỡ, bị đánh tơi bời, đại bại chạy về.

Trang Công thấy đánh thắng trận mừng vui không để đâu hết, vội hạ lệnh thừa thắng truy kích. Tào Cô lại ngăn lại:

- Chớ vội, hãy chờ một lát. Nói rồi nhảy xuống khỏi xe, nhìn vết xe, dấu chân ngựa trên mặt đường, rồi lại đứng trên mui xe, nhìn quân Tề một lượt, sau mới nói:

- Yên tâm truy kích đi, đánh cho bọn chúng không còn mảnh giáp. Thế là đuổi diệt hơn 30 dặm, quân xâm lăng về hẳn nước Tề, chiến lợi phẩm thu được chất cao như núi.

Khi mở tiệc mừng chiến công, Trang Công lòng đầy vui sướng hỏi Tào Cô:

- Ta không rõ, tại sao lúc đó phải đợi địch gióng trống lần thứ ba mới chịu thúc trống cho quân ta xuất kích, có gì là bí quyết, hãy nói ta nghe được không?

Tào Cô thưa:

- Phàm là đánh trận, toàn trông vào dũng khí, gióng trống là tín hiệu xung phong. Lần thứ nhất gióng trống, là lúc sĩ khí hăng hái nhất, giống như một bầy hổ xuống núi, chớ nên đón đánh lúc này, lần thứ hai gióng trống, khi không gặp được đối thủ, sĩ khí đã bắt đầu uể oải, ý chí chiến đấu bắt đầu giảm sút, đến lúc gióng trống lần thứ ba, sĩ khí đã đến bước mệt mỏi, cho dù có hô hào, sức chiến đấu cũng giảm đi quá nửa, cho nên tôi thừa lúc địch gióng trống lần thứ ba xong mới xuất kỳ bất ý. Gióng trống lần đầu, thúc ngựa còn đủ yên cương đánh vào bọn lính mệt mỏi, tự nhiên là sẽ đánh gục chúng mà thôi.

- Thế nhưng khi địch đã thất bại thoái lui, người lại ngăn ta không vội truy kích, đợi ngấm trời ngấm đất xong mới hạ lệnh đuổi cùng, đó là lẽ làm sao vậy? - Trang Công lại hỏi.

Tào Cô giải thích:

- “Bình không chán lừa”, đó là lời danh nhân từ xưa. Tề quân rất lắm mưu lắm kế. Chúng rút chạy, chưa biết chừng là để lừa, dụ mình vào trận. Nếu không thận trọng, rất có thể sẽ bị mai phục, làm cho đoàn quân bị đánh tan. Bởi vậy tôi phải tự xuống khỏi xe, nhìn vết xe, vết ngựa, nếu rối loạn linh tinh chứng tỏ rằng chúng vội vàng tháo chạy, bại trận chạy lung tung. Nhưng vẫn còn chưa tin, lại phải lên mui xe đứng nhìn, thấy chúng như ong cúp đuôi tháo chạy, đến quân kỹ cũng nghiêng bên nọ ngã bên kia, mới tin chắc chúng nó bị đánh bại thật, không còn có chút sinh lực gì nữa, bởi vậy mới dám mạnh dạn tiến quân.

- Người quả là một nhà chiến lược nổi tiếng! Trang Công nói xong, thưởng cho một cốc đầy rượu thắng trận rồi hạ lệnh kéo quân về triều.

Ỗ MẠNH TIẾN NHANH ĐÁNH PHÌ THỦY PHÓ KIÊN BỊ THIỆT

Thời Đông Tấn, Tần Vương ở Trảng An là Phó Kiên sau khi thống nhất phương Bắc, mở một cuộc tiến công với quy mô lớn đánh nước Tấn, để Phó Dung làm thống soái chỉ huy 90 vạn quân từ bốn phía ép thẳng vào Kiện Nghiệp (tức Nam Ninh ngày nay) thanh thế rất lớn, Phó Kiên thường huênh hoang “vứt roi ngựa cũng làm tắc sông”.

Tấn Hiếu Vũ đang ở Giang Nam, phong Tạ An làm Chinh thảo đại Đô đốc để chống lại cuộc xâm lăng của quân Tần, phong Tạ Huyền làm tiền phong đô đốc, quân số dồn cả lại mới có 8 vạn người.

Sau khi nhận lệnh, Tạ Huyền thấy binh lực của mình và địch quá ư chênh lệch, bèn thân chinh đi gặp đại đô đốc Tạ An, thỉnh thị về quân cơ. Tạ An chỉ nói mấy lời nhạt nhẽo:

- Không cần bàn nữa, Hoàng thượng sẽ có chỉ dụ.

Tạ Huyền chỉ còn cách lui về, lại cử bộ tướng Trương Huyền đi thỉnh thị lần nữa, Trương Huyền vừa bước vào cửa, Tạ An mời ngay Trương lên biệt thự trên núi đánh cờ, đánh luôn một mạch đến tối mới tiễn khách ra về, nửa câu về quân lính cũng không nói tới.

Thứ sử Trung Lương tướng trấn thủ Giang Châu ở Tây Đô là Hoán Xung cũng lo lắng quân Tần mạnh lên áp sát biên giới không có cách gì kháng cự lại phải điều ba ngàn binh mã về kinh đô phòng vệ, Tạ An lại chối từ để ba ngàn binh mã đó phòng thủ quân địch ở biên giới phía Tây.

Quân địch bắt đầu tiến công ở nhiều nơi, những nơi hiểm yếu như Thọ Dương, Văn Thành đều lần lượt bị đánh chiếm, tướng quân Hồ Bưu đến chi viện tiền tuyến, nghe nói Thọ Dương bị đánh chiếm, đành phải lui xuống bố phòng ở tuyến hai vùng Hiệp Thạch.

Ngoài ra, Vệ tướng quân Lương Thành của quân Tần cũng có 5 vạn quân đóng ở vùng Lạc Gián, cũng đang rục rịch hành động. Tạ An, Tạ Huyền đều biết, bèn hạ doanh phòng bị ở nơi cách Lạc Gián 25 dặm. Nhưng thật chẳng may, Hồ Bưu đang ở Hiệp Thạch sai người đến chỗ Tạ An đòi lương thảo. Vị sứ giả ấy bị bộ tướng Phó Dung bắt giữ, hỏi rõ tình hình thực lực của quân Tấn, biết rõ chúng chỉ có 8 vạn người thì mừng rỡ trong lòng, bèn lập tức thông báo cho Tần Vương Phó Kiên đang ở Hạng Thành, mời đến ngay Thọ Dương, nghiên cứu kế hoạch tổng tiến công.

Phó tướng đến Thọ Dương, dự bàn hội nghị quân sự, kết quả là cử Lương Châu Thứ sử Chu Tự là quan nước Tấn bị bắt đi làm thuyết khách.

Chu Tự gặp Tạ An và các tướng lĩnh, nói rõ mục đích của mình và ý đồ tình nguyện làm nội ứng và tiết bộ hình thành quân Tần.

- Tiên phong của quân Tần là Lương Thành là một người hữu dũng vô mưu, hiện đang đóng ở Lạc Gián, tấn công vào đó là cực dễ, và cũng là đúng lúc, nếu đến lúc đại quân tề tựu cả đến đây e rằng khó khăn mà chống nổi, chi bằng nhằm lúc đại quân còn chưa tụ hợp, nhanh chóng tập trung lực lượng tiêu diệt Lương Thành, làm nhụt nhuệ khí chúng đi, rồi tiếp tục tiến quân mà phá quân Tần tất là được.

Kế hoạch tiến quân đó được cân nhắc rất cẩn thận, Tạ An liền cử tướng quân Lương Lao đem 5 ngàn quân theo đường thủy tập kích Lạc Gián, chỉ mấy hiệp đã chém được Lương Thành. Quân Tần như rắn không đầu, toàn bộ tan rã. Thắng trận ấy, sĩ khí của quân Tấn được hăng hái lên, lập tức điều quân chia hai đường thủy bị đánh vào Thọ Dương và đồn quân ở vùng Phì Thủy.

Một buổi tối, Tạ An cho gọi cháu là Tạ Huyền đến gặp, nói rằng Tần Vương mới bại trận, chưa dám tiến quân, rút về thì sợ bị người ta cười chê, đang lúc chúng bàng hoàng lúng túng, cháu hãy tấn công gấp, ta phải về kinh đô để yên lòng Chúa thượng, lần tấn công này lại có Chu Tự làm nội ứng phần thắng càng chắc chắn.

Lúc ấy Tần Vương Phó Kiên điều quân đặt trận thế ở bờ bắc Phì Thủy, quân Tấn cũng chẳng tiến được bước nào, hình thành một thế trận cài răng lược.

Tạ Huyền muốn nhử quân địch ra để đánh, bèn sai một tên quân thạo đường ăn nói, gọi sang bên kia bờ Phì Thủy, bảo tướng địch Phó Dung ra đáp lời:

- Ta vâng lệnh Đô đốc, có lời chào tướng quân. Các người xâm lấn đất ta, tiến không tiến, lui chẳng lui, không có cách gì phân thắng bại. Có giỏi thì quyết sống mái một phen, nếu có gan thì hãy lui về một tầm tên bắn, để quân ta qua sông ứng chiến, hà tất phải để lâu như thế, tự làm già tướng soái, làm phí cả lương thảo.

Phó Dung nói lại những lời ấy với Phó Kiên, cho rằng mình đông địch ít, có lui binh cũng chẳng trở ngại gì, và có thể nhân lúc chúng qua sông đánh vào ngang lưng chúng. Nói vậy bèn hạ lệnh lui quân ra 10 dặm. Tạ Huyền thấy trận địa bên kia hơi rối loạn, nhanh chóng hạ lệnh chia hai đường vượt sông vào lúc nửa đêm, nhờ thế gió, đốt trại lính địch.

Quân Tần thấy vậy, vô cùng hoảng loạn bèn hò nhau bỏ trốn. Chu Tự ở giữa vòng quân địch, cũng thúc đẩy bọn lính vốn là hàng binh nước Tấn, quát lớn lên rằng:

Quân Tần đánh bại rồi, mau mau chạy trốn đi! Quân sĩ phía sau chạy thực mạng, quân sĩ phía trước cũng chạy theo, cả trận thế rối như canh hẹ. Quân Tấn mãnh liệt truy giết, quân Tần tan rã toàn bộ, 90 vạn đại quân chỉ trong một đêm mất hết tám phần mười.

Nước Tấn được yên hàn, cái danh nhất thế anh hùng của Phó Kiên qua chiến dịch Phì Thủy này đã suy đồi tằm tiếng, chỉ mấy năm sau, đất nước cũng bị phân chia.

KẾ § 5 MƯỢN LỬA CƯỚP CỦA

HAI MẶT BA DAO ĐA NHĨ CÓN DỪNG MƯU VÀO TRUNG NGUYÊN
MƯỢN LỬA CƯỚP CỦA NHẬT ÉP KÝ ĐIỀU KHOẢN BÁN NƯỚC.

Mượn lửa cướp của tức là thừa cơ mà gây rối. Có hai loại phương thức:

Một là nhân lửa cháy mà cướp của, hai là đốt cho cháy rồi vào cướp của. Mượn lửa cướp của thừa lúc người ta lâm nguy để đục nước béo cò, châm lửa cướp của là tự mình đốt cháy rồi sau đó vừa ăn cướp vừa la làng để đạt ý đồ của mình.

Bất kể là mượn lửa cũng thế mà châm lửa cũng vậy, mục đích của nó đều là cướp lấy của người khác, no béo cho mình. Mượn lửa tuy không phải tự tay mình làm nên, song hành động thuộc dạng bị động, bị động nên không có bản sắc anh hùng. Đại trượng phu làm việc gì đều giành chủ động, để người khác tạo nên cơ hội cho mình, hoặc là vạch ra đường lối để người khác tạo cơ hội cho mình không cần phải tự mình đi tạo nên cơ hội.

Giải thích chuyện mượn lửa hay châm lửa, cũng giống như sự biến đổi kỳ lạ của nước và không khí, suy cho cùng, đều đặt lợi của mình lên nỗi đau khổ của người khác.

Anh hùng hào kiệt đời xưa, đốt lửa thì đầu tiên phải nói đến Trương Nghi, trộm cướp ai bằng Khổng Minh. Trương Nghi có thể gọi là con người “quen chơi với lửa”, cả đời làm việc gì cũng đều gọi là con người “quen chơi với lửa”, “quạt gió châm lửa”. Để thực hiện kế hoạch phá tan khối “liên kết” giữa sáu nước, hấn đi đến đâu là ở đó bốc cháy, hấn lừa Tề, bịp Sở, dối Nhạn, phỉnh Triệu, dọa Hàn, dỗ Ngụy, chỉ bằng ba tắc lưới mà đốt cho quần thần của sáu nước sứt đầu mẻ trán, dọn đường cho Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc.

Khổng Minh (Gia Cát Lượng) tuy được tôn là chính trị gia nổi tiếng, nhưng vốn liếng chính trị của ông ta là do trộm cướp mà có. Khi mới ra khỏi chốn thảo lư (lều cỏ) đã bị Tào Tháo đuổi đi biệt xứ, chạy đến chỗ Tôn Quyền làm cái chân “chiến tranh kinh kỷ” (tức là lái buôn chiến tranh) gây nên cuộc đại chiến Nam Bắc, mượn dịp Chu Du đốt Xích Bích, Tào Tháo chạy trốn, mới thuận tay mà “cướp” được các châu quận như Kinh Châu, Trường Sa,

Vũ Lăng, Quế Dương, Linh Lăng v.v... khiến Chu Du phải ức đến chết, đoạt định nên địa bàn cát cứ cho Lưu Bị.

Câu “mượn lửa cướp của” xem ra hơi khó nghe, thế nhưng lại hết sức thực tế, từ triều đình cho đến thôn dân, việc như vậy cực kỳ phổ biến, xưa và nay, trong nước và ngoài nước ở đâu cũng thế.

Một danh nhân đã từng nói:

- Bọn đế quốc có thể làm việc tốt, cũng có thể làm việc xấu, nhưng vĩnh viễn không bao giờ làm việc lành. Bởi vì chúng làm gì cũng đều có một nguyên tắc, chúng đánh anh là căn cứ vào nguyên tắc đế quốc, cướp bóc của anh là căn cứ vào nguyên tắc kinh tế, nô dịch anh là căn cứ vào nguyên tắc thực dân. Hiểu rõ điều đó thì cũng hiểu được quá nửa sự “cướp trộm”.

Chính quyền qua hàng mấy ngàn năm của Trung Quốc đã thay đổi như thế nào? Lại chẳng như thế là gì? Ví dụ điển hình nhất phải như Thạch Sùng. Dân gian thường nói “giàu sánh Thạch Sùng”. Lấy Thạch Sùng đại biểu cho sự giàu có, nhưng cái sự giàu của hắn là từ đâu mà có? Nói toạc ra tức là Thạch Sùng “làm quan kiêm làm cướp”, khi làm Thứ sử ở Kinh Châu, lợi dụng chức quyền, thường xuyên lúc lộ liễu, lúc ngấm ngầm cướp và giết thương nhân, lấy của giết người, giành vàng cướp ngọc để làm giàu.

Tóm lại, muốn cho mình trở lên nhân vật anh hùng, không thể không châm lửa, không thể không cướp của, cho dù mười mắt có nhìn, mười tay có chỉ, chỉ cần giơ ra được cái chiêu bài kêu xoang xoảng, đưa ra được bộ mặt u sầu ảo não là được.

ĐA NHĨ CỒN DỪNG MƯU VÀO TRUNG NGUYÊN

Những năm cuối triều Minh, Thái Bình quân tiến đánh kinh đô, vua Sùng Trinh treo cổ ở Mễ Sơn, Lý Tự Thành cướp lấy cung đình, xưng đế, bắt sống Trần Viên Viên là vợ yêu của tướng nhà Minh là Ngô Tam Quế, còn ép nàng phải chiêu hàng Ngô Tam Quế.

Tam Quế là một danh tướng dưới triều Minh, trấn giữ ngoài quan ải đề phòng giặc Mãn xâm lăng. Hôm ấy được thư của cha, cho rằng thế lợi đã mất, ý muốn quy hàng. Trong khi

đang viết thư hàng, quân gia đột nhiên báo lên là có gia đồng từ kinh đô đến báo tin. Tam Quế lập tức cho gấp, vội hỏi:

- Lý Tự Thành đánh vào kinh, tình hình gia đình ta ra sao rồi?

Gia đồng thưa:

- Dạ, đã bị tịch thu rồi!

Tam Quế không bận tâm lắm nói:

- Không sao, đợi khi ta về kinh tự nhiên sẽ phải trả lại ta thôi. Nhưng cha ta thì sao, người bây giờ thế nào?

- Dạ bị giam lại một nơi rồi!

- Cũng không ngại, sắp tới nhất định sẽ được tha - Tam Quế vẫn nói một cách hờ hững - Thế còn phu nhân của ta thì sao?

Câu hỏi đó làm cho gia đồng lúng túng, cứ ấp a úp úng nói không ra lời.

Tam Quế thấy vậy, trong lòng đã thấy thắc mắc, vội hỏi tiếp:

- Sao, rốt cuộc là làm sao? Ngươi cứ nói đi, ta không trách gì ngươi đâu!

Gia đồng bèn thưa:

- Phu nhân đã bị Lý Tự Thành cướp đi mất rồi ạ!

- Chà! Đáng giận thay! - Tam Quế quăng bút ra nộ khí xung thiên, rút ngay kiếm ra, “bầm” một nhát, chém sạt một góc bàn, chỉ lên trời chửi lớn. Mối thù này lớn đến thế, lẽ nào ta không báo? Lý Tự Thành! Ta không giết được mi thì sẽ không làm người.

Nói đoạn, bèn sửa lại thư nói với cha rằng:

- Cha đã không là trung thần, con sao có thể thành hiếu tử?...

Một mặt chuẩn bị gom quân, đi độ sức với Lý Tự Thành, nhưng chỉ hiềm nỗi quân lực mỏng manh, không dám khinh suất.

Vừa hay lúc đó Hoàng đế Thuận Trị của nhà Mãn Thanh lên ngôi. Nhưng vua mới có bảy tuổi, tất cả mọi việc lớn về quân sự và nhà nước đều do nhiếp chính vương Đa Nhĩ Cổn làm

chủ. Đa Nhĩ cốn thấy Trung Quốc tạo loạn nhiều năm, từ lâu đã muốn thừa dịp mà xâm lược, chỉ vì Ngô Tam Quế đang trấn giữ nơi quan ải, mà hắn còn chưa dám ra tay.

Ngô Tam Quế lúc này lòng tha thiết muốn phục thù, có ý muốn nhờ quân Thanh hợp sức, bèn không chấp chuyện địch hay không địch, lập tức thân chinh đi gặp Đa Nhĩ cốn.

- Tướng quân giá lâm, chẳng hay có chuyện chi dạy bảo?- Đa Nhĩ cốn hỏi.

Ngô Tam Quế nói thẳng vào câu chuyện:

- Hai nước Minh Thanh, đời đời hòa hảo. Ngày xưa nước Thanh tự gây tranh chấp nội bộ, triều Minh chúng tôi cũng từng đem quân hợp sức, ngày nay triều Minh không may gặp cướp hoành hành, kinh đô nguy cấp, quốc vương băng hà, thù hận này, không đội trời chung, chỉ hiềm cả nước hiểm nam nhi để cần vương khởi sự, quân của tôi thì ít, tướng thì thiếu, khó chống lại đám quân ô hợp. Triều Thanh nếu còn nhớ đến mối bang giao, xin hãy cử một binh một tướng, giúp tôi một tay!

Đa Nhĩ cốn nghe, còn giấu kín trong lòng, mặc dù mừng thầm trong bụng, nghĩ rằng cơ may này ngàn năm khó gặp. Trong bụng nghĩ vậy, nhưng ngoài miệng lại đưa đẩy thoái thác, cố ý chau mày, đáp:

- Quý quốc có nội loạn, lẽ ra chúng tôi phải tận tình cứu trợ nước láng giềng, hiềm vì nước nhỏ quân ít, không giúp ích gì được. Tôi e rằng cứu ngài không xong, về sau lại bị liên lụy, việc này quả là quá sức mình nên khó mà đáp ứng nổi.

Ngô Tam Quế nói:

- Việc này cũng không nên quá lo lắng, giặc tuy không đông, song đều là quân ô hợp, chỉ cần quý quốc chịu ra quân, không có lẽ nào lại không thắng lợi.

Nhưng Đa Nhĩ Cốn vẫn kiên quyết không chịu, mặc cho Ngô Tam Quế nài nỉ thế nào đi nữa, cũng vẫn lặng im.

Bàn đi bàn lại mãi ngày này qua ngày khác chưa có kết quả. Ai biết đâu là Đa Nhĩ cốn đã ngầm chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, sắp đặt xong kế hoạch, sau đó mới vờ vĩnh nói với Tam Quế:

- Thôi thì Tướng quân đã có ý cầu xin như vậy, chúng tôi cũng chỉ có đem quân giúp ngài để qua được cái nạn này thôi.

Ngô Tam Quế nghe tin cả mừng, tỏ lòng cảm tạ sự chi viện. Sau đó lập tức quay về tập hợp binh mã của mình, hợp lực tiến thẳng vào Sơn Hải Quan.

Hành quân đến một nơi đá chất như núi thì gặp quân của Lý Tự Thành, kết quả sau khi chiến đấu là Thái Bình quân thua to. Quân của Ngô Tam Quế thừa thắng đuổi theo, như người quét lá khô, chỉ có mấy ngày đã vào đến kinh đô, Lý Tự Thành bỏ thành hốt hoảng chạy trốn. Quân Thanh chiếm cung điện, nghiễm nhiên chiếm ngôi Hoàng đế, từ đó toàn bộ giang sơn đều nằm trong tay người Mãn.

Đẹp được quân Tự Thành, quân Thanh lập tức quay giáo ra tay với quân nhà Minh, chiếm Dương Châu, đoạt Gia Định. Với chúng thần nhà Minh, mua chuộc được thì mua chuộc, cần giết thì đem giết, nhân dân Trung Quốc lại một phen thảm nạn, một cuộc hi sinh chưa từng có trong sử sách.

Xem trong thư Đa Nhĩ cổn viết cho Sử Khả Pháp.

“Việc bình định Nhạn kinh của nhà nước, mới đẹp được tướng giặc, chưa lấy được triều Minh” đã nói lên quá nửa cái âm mưu và động cơ không lành mạnh, đây là một cách dùng kế “mượn lửa cướp của”.

NHẬT BẢN ÉP KÝ ĐIỀU KHOẢN BÁN NƯỚC

Thời kỳ Đại chiến thế giới lần thứ nhất, Trung Quốc tuyên bố trung lập, Nhật Bản lại là nước tham gia hiệp thương, tuyên chiến với Đức, nhưng lại không đem quân đến chiến trường Âu Châu, mà lại đem quân đánh vào Thanh Đảo là tô giới của Đức tại Trung Quốc. Lúc đó quân Đức đóng tại Thanh Đảo có khoảng 2000 người, quân Nhật dùng chiến thuật bao vây qua các vùng đất của Trung Quốc, tiến quân vào biên giới phía Tây huyện Duy, để đột nhập sau lưng Thanh Đảo, nhằm giáp công cả đằng trước lẫn đằng sau. Hành động này đã vi phạm điều khoản trung lập của luật pháp quốc tế, nhưng Nhật Bản vẫn ngang nhiên không đếm xỉa, còn rêu rao: “Lần này đánh chiếm Thanh Đảo, là giúp đỡ Trung Quốc, để

Trung Quốc lấy lại phần đất đã mất, sau khi Thanh Đảo vào tay, quân Thiên hoàng sẽ đem trả Trung Quốc”.

Tổng thống Viên Thế Khải lúc ấy biết rõ nguy cơ “mượn đường bắt hổ” kiểu này, sẽ xâm phạm nghiêm trọng đến chủ quyền của Trung Quốc, nhưng khí thế không chiều người, bản thân lại muốn dựa vào thế lực Nhật Bản ủng hộ để chế nên đã vạch ra vùng trung lập vài chục dặm, để quân Nhật tự do đi lại điều động binh lính, bởi vậy, chẳng bao lâu Thanh Đảo lọt vào tay quân Nhật.

Quân Nhật chiếm được Thanh Đảo, chẳng những không trả Thanh Đảo về cho Trung Quốc mà còn nhân khi chiến tranh Tây Âu đang ác liệt, các cường quốc không bụng dạ nào nhòm ngó đến phía Đông, định tiến thêm một bước hòng đục nước béo cò, nêu ra với Trung Quốc 21 điều khoản, đòi Viên Thế Khải ký tên thừa nhận. Nội dung những điều khoản này, đòi Trung Quốc nhượng chủ quyền cho Nhật Bản, làm nước bảo hộ của Nhật Bản. Từ 18 tháng Giêng năm 1915 đến ngày 7 tháng 5, qua bốn tháng mật đàm, Chính phủ Nhật Bản bỗng đưa ra tối hậu thư, hẹn trong vòng 48 tiếng đồng hồ phải ký tên vào điều ước, nếu không sẽ dùng vũ lực. Cùng với việc đó Nhật công bố lệnh tổng động viên, giới nghiêm Quan Đông, đem tàu chiến lượn lơ ở cửa biển Bột Hải, tạo nên cục diện hết sức căng thẳng.

Lúc này Viên Thế Khải đang thiết tha với đế chế, muốn dựa vào sự giúp đỡ của người Nhật, cho nên bất chấp nhân dân phản đối mãnh liệt, đã ký vào điều khoản bán nước đó. Trong tối hậu thư của Nhật Bản có những câu rất đàng hoàng ngạo mạn: “Xét thấy vịnh Giao Châu là vùng đất quan trọng về thương nghiệp và quân sự. Để lấy được vùng này, người Nhật đã giành được sẽ không hề có nghĩa vụ phải trao trả cho người Trung Quốc, thế nhưng nghĩ đến tình thân thiện bang giao giữa hai nước sau này, vẫn coi như trao trả Trung Quốc, mà Chính phủ Trung Quốc không cân nhắc kỹ còn không thông cảm với chính phủ Mãn quốc, thật là đáng tiếc...”

Thông cáo quốc dân của Viên Thế Khải cũng giọng như thế: “Bộ Ngoại giao đã đàm phán nhiều tháng với công sứ của Nhật ở Bắc Kinh, ngày hôm qua đã được ký kết hòa bình. Tất cả tình hình khó khăn Bộ Ngoại giao sẽ tuyên bố chi tiết, hai bên hòa hảo, phúc lớn của Đông Á hai mối hiểm họa được giảm nhẹ nay càng nhẹ. Tuy vịnh Giao Châu có thể hi vọng được trao trả, chủ quyền vẫn được bảo toàn...”

Điều ước bán nước vừa ký kết, cả Trung Quốc bỗng xôn xao. Bị dư luận công kích mạnh mẽ, những người phụ trách việc giao thiệp như Bộ trưởng Ngoại giao Lục Chính Tường, Lê Nguyên Hồng, Đoàn Kỳ Thụy thay nhau từ chức.

Những điều khoản đó đến Hội nghị Pari, kết thúc Đại chiến 1929, Nhật Bản đề ra yêu cầu này lần nữa, đã gây nên sự phản đối mạnh mẽ trong quần chúng nhân dân Trung Quốc, nhất là học sinh sinh viên, từ đó dần dần phát triển thành phong trào Ngũ Tứ.

KẾ § 6 GIƯƠNG ĐÔNG KÍCH TÂY

THOÁT KHỎI MIỆNG HÙM TRẦN BÌNH ĐẶT KẾ CỨU LƯU BANG
GIƯƠNG ĐÔNG KÍCH TÂY TRỘM CŨNG DÁM NÓI "TAO ĐẾN ĐÂY"

Giương đông kích tây, là nói dùng kế bất ngờ để chiến thắng, binh pháp có nói: "Nói là đánh bên Đông, kỳ thực là đánh bên Tây". Mục đích là di chuyển mục tiêu của địch để địch lơ là đề phòng rồi thừa lúc bất ngờ đánh vào nơi không phòng bị. Tức là đối với bất kể chuyện gì để giảm bớt trở lực trước mắt, giảm bớt sự mất mát cho bản thân, nhất định phải tìm cách phân tán lực lượng của đối phương, hoặc làm rệu rã ý chí của chúng, mới có thể tìm chỗ hở mà vào để đạt tới mục đích.

Kế này có rất nhiều cách, hoặc là phao tin, làm vẩn đục tầm nhìn tầm nghe, làm tăng sự cân nhắc suy nghĩ của đối phương, làm mê hoặc ý chí của chúng, hoặc cố ý bố trí trận nghi binh, làm cho lực lượng của đối phương phải phân tán đi, làm yếu sự phòng vệ của chúng, nhưng về ý đồ và hành động của bản thân mình phải tuyệt đối giữ kín, từng giây từng phút phải tranh thủ nắm quyền chủ động.

Bí mật và chủ động, là nguyên tắc xử thế cao nhất. Không bí mật cũng chẳng khác gì mình không đề phòng, bị động và bị ràng buộc ở mọi nơi. Bất kể là ở chiến trường, thương trường, trên vũ đài chính trị hay trong cuộc sống, cái kế sách giương đông kích Tây tránh việc nặng tìm việc nhẹ, lúc nào cũng có thể thấy, nơi nào cũng có thể áp dụng, mà mưu kế có hàng trăm thứ, đủ kiểu cách, có cái làm rất tốt đẹp, có cái thì lại biến sự khéo léo thành vụng về.

Thời Chiến Quốc, nước Tề có vị Thừa tướng là Mạnh Thường Quân, từ sau khi trốn ra khỏi nước Tề, vua nước Tề phao tin âm ỉ rằng ông ta muốn cướp ngôi vua Tề. Tề Mẫn Vương cho là thật, thu hồi hết ấn tín của ông và cách chức bắt ông về an trí. Trong số khách môn hạ của ông có Phùng Tuyên là con người lanh lẹ, nhiều mưu lược, đã tìm được cách phục chức cho Mạnh Thường Quân. Ông này bỗng nhiên chạy sang nước Tần gặp Chiêu Quả Vương, nói rằng Mạnh Thường Quân đã bị cách chức và khuyên Quả Vương nên vời Mạnh Thường Quân về với vua Tần. Vua Tần nghe vậy cả mừng bèn cử người đi ngầm đón Mạnh

Thường Quân. Phùng Tuyên lại tìm lời xin về trước để loan báo, để Mạnh Thường Quân có sự chuẩn bị trước. Khi về đến nước Tề, Phùng Tuyên lại lên gặp thẳng Tề Vương, tâu:

- Nước Tần đã ngầm cho người tới đón Mạnh Thường Quân, nếu một khi ông ta về với nước Tần, sẽ rất không có lợi cho nước Tề.

Tề Vương cho người đi nghe ngóng, thấy quả đúng như vậy, nghĩ rằng một người tài như Mạnh Thường Quân quyết không thể cho nước đối địch lợi dụng, bèn hỏi Phùng Tuyên là nên làm thế nào? Phùng Tuyên tâu:

- Dạ, rất là đơn giản, phục chức cho ông ta là xong, và tăng thêm quyền lực cho ông ta để ông ta vững lòng hơn. Ông ta là người trong một nước, lại là chỗ hoàng thân quốc thích, không đời nào lại muốn đi phục vụ cho địch.

Tề Vương chuẩn tấu, lập tức phục chức cho Mạnh Thường Quân.

Kế này thực hiện mới đẹp làm sao! Chỉ bằng mấy lời nói qua nói lại của Phùng Tuyên, Mạnh Thường Quân bỗng từ chỗ nguy cấp chuyển sang bình an cả đời không bị một tai họa nhỏ nào.

Còn một chuyện nữa cũng không kém phần đặc sắc, đó là chuyện “Trần Bình bày kế cứu Lưu Bang”.

TRẦN BÌNH BÀY KẾ CỨU LƯU BANG

Lưu Bang và Hạng Vũ nhận lệnh của sở Hoài Vương, chia hai đường tiến đánh Hàm Dương, Vua còn tuyên dụ trước quần thần: “Ai vào trước sẽ là vương .

Lưu Bang vào Hàm Dương trước, nhưng quyền lực lại về hết tay Hạng Vũ, mà bản thân còn bị sự khống chế ấy nên Lưu Bang lại được phong Vương ở Hán Trung, trấn giữ đất Nam Trịnh (tỉnh Thiểm Tây), Mưu thần Phạm Tăng vốn rất ghen ghét Lưu Bang nhiều lần mưu giết quách đi, không để ông nhận chức, mà ở lại Hàm Dương, danh nghĩa là để phụ trợ, kỳ thực là một kiểu giam lỏng.

Lưu Bang nôn nóng muốn thoát khỏi miệng hầm, bèn hỏi kế Trương Lương, Trương Lương hỏi lại Trần Bình. Trần Bình ghé tai nói thầm mấy câu, làm cho Trương Lương sướng quá, vỗ tay cười và luôn miệng khen hay.

Ngày hôm sau, bằng kế “điệu hổ ly sơn”, Trần Bình tâu với Hạng Vũ cử Phạm Tăng đi Bành Thành giục Hoài Vương chuyển về ở Lâm Châu. Lúc Phạm Tăng sắp lên đường, đã nêu ra với Hạng Vũ ba vấn đề:

- Một là không được rời Hàm Dương, hai là hãy trọng dụng Hàn Tín, nếu không dùng thì giết đi, tránh để người khác lợi dụng, ba là không thể để Lưu Bang quay về Hán Trung. Hạng Vũ nhận lời, Phạm Tăng mới thực sự lên.. đường.

Cách đó một dạo, Trần Bình lại dâng biểu, nói về tình hình kinh tế của nhà nước chủ yếu là phải tiết kiệm tiêu dùng, hiện nay ở Hàm Dương có mấy chục vạn quân đóng quân giữ miệng ăn núi lở, chi bằng cho các chư hầu rút về nơi cũ, để giảm bớt chi tiêu...

Hạng Vũ chuẩn tấu, bèn lệnh cho các vương hầu mới được phong chức, hẹn trong năm ngày phải về nước, chỉ riêng Lưu Bang không được phép di chuyển.

Lưu Bang rất sợ hãi, biết rằng Hạng Vũ đang có ý hại mình bèn vội cùng bàn kế với Trương Lương. Trương Lương vừa chau mày bỗng nghĩ ngay ra một kế bảo Lưu Bang dâng biểu, xin Hạng Vũ cho nghỉ phép về quê thăm gia đình, và còn dặn phải như thế, như thế.

Hạng Vũ xem qua tờ biểu của Lưu Bang, ngồi suy nghĩ một lúc lâu, sau mới nói với Lưu Bang:

- Ông muốn về quê thăm bố mẹ, đó là tấm lòng của người con hiếu thảo, nhưng e rằng không phải tự chính lòng mình, có phải là vì ta giữ ông lại Hàm Dương nên ông mới nghỉ thế. Lưu Bang làm ra vẻ đau buồn, đáp rằng:

- Phụ thân thần nay tuổi đã già, không có ai phụng dưỡng thần ngày đêm mong nhớ day dứt khôn nguôi. Trước đây vì bề hạ mới lên ngôi, công việc bận rộn nhiều nên không nguôi, công việc bận rộn nhiều nên không dám hé răng hỏi người. Nay thấy các chư hầu đều đã lui về nơi cũ, được hưởng lộc yên hàn, riêng mình thần phải ở lại đất này, không biết đến năm nào mới được nhìn thấy mặt cha... Nói đến đây, bỗng dưng òa khóc.

Lúc đó Trương Lương lại cố ý phụ họa chen vào, khởi tâu lên rằng:

- Không nên để Lưu Bang về thăm quê, chẳng thà điều ông ta về lại Hán Trung, cho người đi đón gia đình ông ta đến đây để khép ông ta vào khuôn phép, không được suy nghĩ vu vơ.

Hạng Vũ nghe xong, gật đầu luôn mấy cái:

- Khanh nói ta nghe ra cũng có lý, thế nhưng ta không thả ông ta về Hán Trung, cái chính là lo ông ta thay lòng đổi dạ.

Trần Bình thừa dịp này tâu lên:

- Bệ hạ đã phong cho Lưu Bang làm vương ở Hán Trung, lại đã bố cáo toàn thiên hạ, thần dân ai ai cũng biết. Nếu không để ông ta nhậm chức, e rằng không lấy được lòng tin của thiên hạ, người ta sẽ nói bệ hạ là vừa lên ngôi đã nói dối. như vậy thì đối với những pháp lệnh sau này, người ta cũng sẽ ngoài mặt thì nghe song bên trong thì chống lại. Chi bằng nghe lời Trương Lương hãy dùng gia quyến của Lưu Bang làm con tin, giữ ở Hàm Dương, sai ông ta về Hán Trung, vừa giữ được lòng tin lại vừa có thể ràng buộc được Lưu Bang khỏi làm điều sai trái, đó chẳng phải là được cả đôi đường lắm sao?

Hạng Vũ suy nghĩ một hồi rất lâu, rồi mới cực chẳng đã, nói với Lưu Bang:

- Thôi thì mọi người đã nói vậy, cũng hợp tình hợp lý, bây giờ chỉ có thể chấp nhận để khanh về Hán Trung nhậm chức, không được về quê nữa, ngay ngày mai sẽ lên đường.

Lưu Bang vui như mở cờ trong bụng, nhưng vẫn làm ra bộ mặt thiếu não, cúi rạp hồi lâu, rạp đầu xin cho phép được về quê thăm gia đình.

Hạng Vũ thấy động lòng trắc ẩn, an ủi rằng:

- Thôi Khanh hãy thu xếp mà về Hán Trung đi, ta sẽ cho đón cha già và cả gia đình của khanh đến đây chăm nuôi săn sóc, chờ khi khanh đến đó, sắp đặt công việc xong xuôi rồi, sẽ cho người đến đón, như thế sẽ thoả được lòng khanh muốn săn sóc gia đình.

Đến lúc ấy Lưu Bang mới miễn cưỡng đứng dậy, vái tạ ơn đức của Hạng Vũ.

Lưu Bang về dinh, lệnh cho toàn bộ tướng sĩ lập tức nhổ trại lên đường, đoàn quân sĩ như bầy hổ được về rừng, rầm rầm rộ rộ kéo thẳng về Hán Trung.

TRỘM CŨNG TỰ XUNG: “TAO ĐẾN ĐÂY”

Thủ đô Lâm An thời Nam Tống (Hàng Châu ngày nay) có một tên đại bộm, không rõ tên họ hắn là gì, nhưng vì sau mỗi lần gây án, thế nào hắn cũng để lại ba chữ “tao đến đấy!” cho nên đặt cho hắn cái biệt hiệu là “tao đến đấy”. Cái tên ấy của hắn lừng lẫy cả kinh thành Lâm An, quan phủ cũng gồm tên hắn.

Có một lần, hắn không may bị bắt, khi xét hỏi không tìm ra tang chứng và nhân chứng, không làm sao khép tội được, đành phải giam hắn lại để dần dần dò tìm chứng lý.

“Tao đến đấy” đành sống trong tù ngục. Một hôm, hắn nói với người cai ngục:

- Tôi có đi ăn trộm thật, song không phải tôi là “tao đến đấy”, quan phủ nhận nhầm ra tôi, xem chừng tôi phải ở tù suốt đời mất thôi, không có hi vọng gì được ra tù nữa, chỉ tiếc rằng vàng bạc tôi lấy được không có ai dùng cho. Những ngày vừa qua ở đây, ông đối xử với tôi rất tốt, tôi muốn đền ơn ông và quyết định dùng số vàng bạc đó trả ơn ông. Số vàng bạc đó tôi giấu ở đỉnh tháp Bảo Thúc, ông đến lấy ra mà dùng.

Người cai ngục nửa tin nửa ngờ đến tháp để tìm kiếm, quả nhiên có một gói nhỏ đầy bụi giấu ở đỉnh tháp, lấy xuống mở ra xem toàn là bạc vàng lóa mắt, anh ta hí hửng trở về và từ đó đối xử với “tao đến đấy” càng chu đáo hơn.

Mấy hôm sau “tao đến đấy” lại nói với người cai ngục:

- Tôi hãy còn một cái vò đựng rượu, giấu dưới gầm cầu Trì Lang, trong bỏ đầy vàng bạc, ông hãy sai người ra đấy giả vờ giặt áo, mò cái vò lên, bỏ vào làn đầy quần áo lên mang về nhà.

Người cai ngục sai vợ đi lấy, quả nhiên lại được vàng được bạc, sau lại càng ưu đãi với “tao đến đấy”.

Qua mấy ngày sau, một buổi tối “tao đến đấy” lại nói với cai ngục:

- Bây giờ đã là canh hai rồi, tôi xin ông cho tôi được ra ngoài để thu một số việc riêng, xong rồi đến canh tư, tôi nhất định sẽ quay lại đây, nhất định không để liên lụy đến ông.

Người cai ngục vì đã chịu ơn hai lần, không thể không bằng lòng, đồng thời cũng cho rằng anh chàng này cũng dễ tin, nên cho hắn ra, tuy nhiên cũng rất áy náy trong lòng, bèn lấy rượu ra ngồi uống một mình để bớt lo buồn. Đến canh tư, bỗng có một bóng người từ mái

nhà tụt xuống, nhìn kỹ, thì ra “tao đến đấy” đã y hên đúng giờ quay lại, viên cai ngục mừng lắm, khoác xiềng xích cho người tù rồi khoá cửa lại như cũ.

Ngày hôm sau, một cự phú trong thành đến báo án ở phủ huyện,, nói rằng vào lúc canh ba hôm qua bị kẻ trộm lấy đi hàng ngàn lạng vàng bạc, trên cửa còn viết ba chữ “tao đến đấy”.

Quan huyện nghe báo, hết sức ngạc nhiên đập bàn quát:

- Thì ra cái thằng “tao đến đấy” vẫn ngao du ngoài vòng pháp luật à! Tên trộm bắt được bữa trước không phải là hẩn ư, thế thì oan cho nó. Bèn hạ lệnh xét hỏi tên trộm, khép vào tội trộm cắp ban đêm, phạt tội và răn đe xong bèn thả cho về.

“Tao đến đấy” ra tù được mấy hôm, viên cai ngục về nhà, người vợ nói lại rằng:

- Lúc canh tư hôm qua, có người gõ cửa, ra mở cửa nhìn trước nhìn sau chẳng thấy ai, mà lại thấy một học đồ để ngay trước cửa, và lại nghe thấy tiếng thì thầm: “Đấy là những thứ tôi trả ơn cho chồng bà, không nên nói cho ai biết”, mở gói ra toàn là bạc với vàng.

Viên cai ngục lúc ấy mới vỡ lẽ, tên trộm bị bắt ấy chính là “tao đến đấy”, nhưng đã khéo dùng kế giương đông kích tây để trốn tránh tù tội.

<>

KẾ § 7 TỪ KHÔNG THÀNH CÓ

GIẢ THẦN GIẢ QUỶ THIÊN SĨ CẦU KẾT TRƯƠNG THIÊN SƯ
TỪ KHÔNG THÀNH CÓ TRƯỞNG NGHI BỐN CỘT SỞ HOÀI VƯƠNG

Trong Đạo đức biên của Lão tử có câu: “Muốn loài trong trời đất. từ không thành ra có, từ có thành ra không”, đó là một quan điểm triết học, nhưng trong mưu kế nói thì không như thế, “từ không thành có” nói nghĩa ngắn gọn là “không gió mà nên sóng, không có việc mà sinh chuyện”.

Động cơ của kế này là e rằng thiên hạ không loạn, mục đích là ở chỗ đục nước béo cò, thủ đoạn là lấy tin đồn làm nhiễu sự.

“Bịa đặt” đồn tin, xem ra thật dễ dàng, nhưng muốn dựa vào sự bịa đặt để đạt tới một mục đích nào đó lại tương đối khó khăn. Một sự bịa đặt bằng khoé miệng ở thôn quê hay thị thành, một loáng mà bay đi thật nhanh, làm cho kẻ thù phải thua thiệt, đối với mình không nhất định là có điều tốt, bởi mục đích thực sự của việc tung tin là ở chỗ thiệt người lợi mình, nếu tách khỏi cái lợi ích của mình thì căn bản không còn là kế nữa.

Tục ngữ nói không sai: “Tin đồn đến người khôn là hết”, từ đó thấy rằng nếu không có một kế hoạch tỉ mỉ, không có quá trình biến hóa, rất khó có thể che được “người khôn”, nói ngược lại, người phao tin không có thiên tài không được, cho nên cũng có thể nói “tin đồn từ người khôn mà có”.

“Nhiều sự” có thể giải thích rằng, dựa vào một vấn đề nào đó gây thêm mâu thuẫn, dần dần làm cho sâu sắc đến nỗi bất điều phải trái, tuy nhiên điều muốn nói ở đây là không nhất thiết phải có căn cứ sự thực, mà là tự dựng bịa thành chuyện. Hãy xem như người múa rối, ở dưới nhìn lên, hình như sau màn cất giấu trăm nghìn binh mã, nhưng xem đến tận nơi thì hóa ra chỉ có mấy con người, một ít con rối và những sợi dây leo.

Phao tin nhất định sẽ nhiễu sự, muốn nhiễu sự phải dựa vào phao tin, một cốt một đồng, thiếu cái nào cũng không được. Tin đồn đáng sợ hơn bất kể cái gì, nó không có hình để thấy, không có bóng để tìm, điều thị phi từ khoé miệng mà ra, binh lính giấu ở trong lòng. Chỉ vài

câu nói, có thể làm người ta chết rất nhẹ nhàng, anh hùng phải cưỡi giáp, về chiến thuật có thứ gọi là “thế công bằng tin đồn” ai biết khéo dùng sẽ có thể là “thứ quân không cần đánh mà thắng”. Lịch sử đã có nhiều điều minh chứng, thời chiến tranh ở châu Âu đã từng có chuyện: “Tin đồn phá tan phòng tuyến Sê-Nốp”.

Nếu nói nhiều sự sẽ cản trở đến trật tự xã hội, thì tin đồn sẽ là nguồn gốc của nhiễu sự. Người biết tung tin đồn, bản thân đã là một nhà ảo thuật, từ trong cái mũ, anh ta có thể làm ra màu sắc, có thể bùng bít được người xem làm cho họ u mê.

“Tung tin” phải xem hoàn cảnh, tung sao cho hợp tình hợp lý, chỉ cần “qua được biển” không cần phải suy nghĩ dài lòng, điều gọi là “tin hay không thì thử ngay trước mặt, thiêng hay không sau rồi mới hay”, cho đến lúc vạch trần sự việc ra, mình đã trở thành “thần tiên vượt biển” rồi.

Trần Thắng, Ngô Quang khi dựng cờ khởi nghĩa, đã lợi dụng một sự việc kỳ quái để cổ động lòng dân. Ông ta đã ỉm ấy mảnh vải có viết chữ “Trần Thắng làm vua” nhét vào bụng cá, để tỏ ra đó là ý trời rồi lại còn sai người giả làm ma, nửa đêm kêu lên “nước đại Sở hưng, Trần Thắng làm vua”, thế mà đã thu hút được không ít người mê tín đứng vào trong đội quân khởi nghĩa.

Lưu Bang phao tin nói chuyện được “bạch đế” coi mình là “xích đế” còn bảo rằng mình có hoàng khí bốc trên đầu, có khí vương giả. Như vậy đã lừa được người đương thời, thanh thế vừa lấy lòng từ một tên chỉ biết gái và rượu, nhẩy thẳng một mạch lên long đình.

Từ đó thấy rằng, bọn Lưu Bang nhờ phao tin mà lập nghiệp, hẳn lợi dụng vào những tập tục lúc bấy giờ. Đến giờ nhìn lại, thấy chỉ đáng buồn cười, song hẳn lại nhờ thế mà “qua được biển”. Nếu bây giờ có ai lại bắt chước làm lại một lần nữa rằng người đó sẽ có khả năng bị đưa vào nhà thương điên. Cho nên có câu rằng “phao tin phải tùy thời, phải biết điều đó”.

Có một kế “từ không thành có” như thế này, quả thật là không, tiền tuyệt hậu, có một không hai, đó là:

TRƯỜNG NGHỊ BỐN CỘT SỞ HOÀI VƯƠNG

Trương Nghi thời Chiến Quốc học được “thuật tung hoành”, đem theo mấy người sang nước Sở để mong tìm phú quý. Nhưng do không tìm ra được con đường làm ăn nên sống lang thang ở nước Sở, đời sống ngày càng khó khăn, nhiều người cùng đi chịu không nổi quay ra oán than và muốn quay về. Trương Nghi bèn nói:

- Có phải vì các anh quá nghèo túng, không được hưởng cái gì nên muốn về phải không? Vậy thì chẳng có vấn đề gì. Thế này nhé, hãy cố chịu đựng mấy ngày nữa, không phải tôi nói khoác đầu, chỉ cần sau khi gặp Sở Vương, tôi đảm bảo anh em sẽ ăn mặc thừa thãi, nếu không như vậy, anh em hãy cứ vả gãy hết răng Trương Nghi này đi!

Lúc bấy giờ Sở Vương đương hết mực cưng chiều hai người đẹp, một người là Nam Hạng, một người là Trịnh Tự.

Hôm ấy Trương Nghi tìm gặp Sở Vương, Sở Vương vốn rất không ưa thích con người này, Trương Nghi nói:

Thần đến đây cũng đã khá lâu rồi, đại vương vẫn chưa xếp cho chút việc gì làm. Nếu quả thực là đại vương không thích dùng thần, xin cho phép thần được rời khỏi đây, sang nước Tấn một chuyến, xem bên đó có thể kiếm được việc gì chăng?

- Được thôi, người cứ việc đi - Sở Vương chỉ mong cho ông này sớm đi khỏi, nên buột miệng trả lời luôn.

- Đương nhiên, không biết bên đó có việc gì để làm không, thần thế nào cũng quay lại đây lần nữa - Trương Nghi nói - Nhưng xin hỏi Đại vương, có cần gì bên nước Tấn, ví dụ thổ sản đặc sản ở bên đó, thần có thể nhân tiện mang một ít về đây.

Đôi mắt lạnh lùng của Sở Vương liếc qua một lượt, nhạt nhẽo trả lời:

- Vàng bạc châu báu, ngà voi sừng tê giác, nước ta chẳng thiếu gì, đối với những thứ của nước Tấn, chẳng có cái gì thấy hiếm thấy lạ cả.

- Đại vương không thích người đẹp ở bên ấy sao?

Câu nói ấy như một dòng điện, Sở Vương nghe qua đã mềm nhũn cả chân tay, mắt sáng lên vội hỏi:

- Cái gì, nhà người vừa nói cái gì vậy?

- Thần nói là con gái nước Tấn - Trương Nghi giả bộ thật thà, còn dùng tay ra hiệu để giải thích với Sở Vương - Hí! Mới khéo làm sao, mới đẹp làm sao! Thật là người đẹp ở nước Tấn, nước Tấn sinh ra người đẹp, người nào cũng đẹp như tiên, má hồng như hoa đào, da trắng như tuyết phủ, tóc đen bóng như hạt huyền, chân đi như gió vờn dương liễu, cất tiếng nói như chuông bạc bên tai. Thật đúng là nhìn hoa, hoa thẹn, nhìn trắng, trắng mờ...

Những lời nói đó làm cho cặp mắt giương tròn của Sở Vương quay đảo theo chiều tay của Trương Nghi, mồm cũng há cả ra, tán thưởng:

- Đúng, đúng, nước của ta ở nơi hẻo lánh, ta cũng chưa từng thấy những thứ của lạ đó của nước Tấn, người không nói ta cũng quên khuấy đi mất, vậy thì người hãy đi làm việc đó, hãy mang nhiều một chút cái thứ đặc sản đó về đây nghe!

- Thế nhưng, thưa Đại vương...

- Thôi không cần phải nói nữa, cần phải có tiền - Sở Vương lập tức trao cho Trương Nghi rất nhiều bạc nén, giục hãy đi làm cho mau.

Trương Nghi cố ý tung nguồn tin này đi, để cho đến hẳn tai Nam Hậu và Trịnh Tự. Hai người ấy nghe tin, hết sức lo lắng, bèn cho người đi dàn xếp với Trương Nghi, nói rằng:

Chúng tôi thấy tiên sinh vâng lệnh Sở Vương sắp sang nước Tấn đi tìm đặc sản nên có nhã ý đưa sang một ít tiền bạc để tiên sinh chi dùng trên đường. Bởi thế, Trương Nghi lại vớ được một mẻ nữa.

Trương Nghi đến chào từ biệt Sở Vương, làm ra bộ vô cùng quyến luyến nói:

- Thần chuyển này thân chinh sang nước Tấn đường xa dặm thang, đi lại khó khăn, chưa biết đến ngày nào mới được quay về xin Đại vương hãy ban cho vài chén rượu gọi là để tăng thêm khí thế cho người đi!

- Được thôi! Được thôi! Sở Vương khách khí sai người ban rượu cho Trương Nghi.

Cạn vài chén rượu, Trương Nghi đỏ mặt tía tai, giả làm bộ vái xin Sở Vương:

- ở đây chẳng còn ai khác, dám xin Đại vương hãy ra ơn, cho ai là người thân tín nhất lần lượt ra đây ban cho Trương Nghi này mấy chén để tăng thêm lòng hăng hái và dũng khí cho thần.

- Được thôi, không khó gì việc ấy, chỉ cần người sớm làm tốt việc trở về.

Sở Vương muốn được có món “đặc sản” nên đã đặc biệt mời cả Nam Hậu và Trịnh Tự ra, lần lượt mời rượu Trương Nghi.

Hai người bước ra, Trương Nghi vừa nhìn thấy vôi ngõ ngang, rượu cũng không uống được nữa, quỳ đánh “ụch” một tiếng trước mặt Sở Vương, tâu:

- Xin Đại vương hãy giết thần đi, thần đã lừa dối Đại vương rồi!

- Tại sao?- Sở Vương kinh ngạc hỏi - Trương Nghi đáp:

- Bàn chân tôi in dấu khắp thiên hạ, tôi chưa từng thấy một người con gái nào lại xinh đẹp bằng hai vị quý phi của đại vương đây. Trước đây tôi có nói với đại vương đi tìm “đặc sản” vì tôi chưa được gặp mặt hai quý phi, đến bây giờ, tôi thấy mình đã lừa dối Đại vương, tôi thật đáng chết.

Sở Vương thở phào, nói với Trương Nghi:

- Ta tưởng là chuyện gì, vậy thì người không phải lên đường nữa, mà cũng chẳng phải để ý gì chuyện này. Ta rất rõ, trên đời này không bao giờ có ai dám sánh với ái phi của ta, đúng vậy không? - Rồi vôi vàng quay sang hai bên tỏ vẻ cân cần, nháy mắt với hai quý phi.

Nam Hậu và Trịnh Tự cũng chớp mắt cúi đầu, nhếch miệng tỏ vẻ: “Thưa vâng!”

Từ đó, Sở Vương cũng thay đổi thái độ với Trương Nghi, Trương Nghi cũng sống cả đời bình an.

DIỆP THIÊN SĨ CÂU KẾT VỚI TRƯƠNG THIÊN SƯ

Đời nhà Thanh có một ông lang thuốc tên là Diệp Thiên Sĩ, người huyện Ngô, tay nghề rất cao, đức độ cũng rất tốt. Thế nhưng vận hội không đạt, tuy rằng tiếng tăm cũng có, nhưng người đến bốc thuốc lại vắng đến thảm hại, cuộc sống do đó cũng bị ảnh hưởng, so với những ông lang băm gặp vận trong vùng, cửa hàng đông như chợ, còn mình thì cửa vắng như tờ, thật khác nhau một trời một vực, cho nên suốt ngày u sầu thiếu ngủ.

Có một hôm, Trương Thiên Sư đến huyện Ngô, ông này chuyên làm nghề phù thủy, vẽ bùa bện phù tróc quỷ trừ tà kiếm sống mà lại rất có uy quyền, đến vua cũng phải nể ông ta một phép, dân thường thì khỏi nói, phục ông ta như thần.

Diệp Thiên Sĩ bỗng nảy ra một ý hay, bèn đến gặp Trương Thiên Sư, trình bày hết những cái giỏi giang cùng những điều rủi ro của mình, nhờ Trương Thiên Sư giúp đỡ.

Trương Thiên Sư ngồi suy nghĩ rất lâu, sau mới nói có thể giúp được và dặn ông này đến giờ ấy ngày ấy, tháng ấy, đi thuyền qua cái cầu ấy, phải đúng giờ, không được sớm quá hay muộn quá, nếu lỡ giờ coi như hỏng việc.

Đến giờ ấy, ngày hôm ấy, Diệp Thiên Sĩ đi thuyền qua dưới cầu. Trương Thiên Sư ngồi kiệu cũng vừa vắn đến bên cầu, nhìn thấy thuyền của Diệp Thiên Sĩ cũng bơi tới chân cầu, vội vàng kêu dừng kiệu, xuống kiệu - rồi cúi xuống chiếc thuyền đang trôi dưới cầu vái chào, mỗi cử chỉ của ông này đều được những người cùng đi và đông đảo người đứng quanh đây nhìn thấy, người ta thấy lạ lùng hết sức bèn hỏi ông là tại làm sao? Trương Thiên Sư nói:

- Tôi vừa mới gặp một vị Thiên y đi qua dưới cầu. Chính nhờ câu nói đó, mọi người đều cho rằng Diệp Thiên Sĩ là Thiên y giáng trần, thế là một truyền mười, mười truyền trăm, tin lan đi rất nhanh, việc kinh doanh của Diệp Thiên Sĩ bỗng nhiên tốt hẳn lên, tiếng tăm cũng ngày càng lừng lẫy.

KẾ § 8 MINH TU SẠN ĐẠO, ÁM ĐỘ TRẦN THƯƠNG

VỜ SỬA ĐƯỜNG TẠM CẢNH THANH DỪNG MƯƠI CHIẾM ẦM CÔN LÔN
NGẦM VƯỢT TRẦN THƯƠNG MÃ CHIẾM SƠN HẢ HỀ GIẾT GIẶC NHẬT.

Kế này xuất xứ từ một câu chuyện lịch sử “minh tu sạn đạo, ám độ Trần thương”. Có thể lý giải như sau:

Khi hai bên ở thế giằng co, cố ý dựng lên một mục tiêu giả, làm rõ lên như một ý đồ, thu hút sự chú ý của đối phương, nhưng bên trong lại ngầm tiến hành một kế hoạch khác, sự sắp xếp bố trí đó là chiến thuật “xuất kỳ bất ý”, đánh vào chỗ địch không phòng bị.

Nói theo binh pháp, đây là chiến thuật “kỳ chính tương sinh”, lực lượng chính đương đầu với địch, kị binh đánh ngang sườn, vào chỗ địch không phòng bị, nói theo thuật ngữ chiến tranh hiện đại, ngầm vượt Trần Thương chính là kiểu vận dụng cách đột kích, Đột kích có rất nhiều cách, đang đêm cướp trại cũng được, phục binh đánh chặn cũng được, nhưng “ngầm vượt” thì phải “giả vờ sửa”, các bước đi của nó càng phức tạp quá trình càng rắc rối càng có tác dụng đánh lạc mục tiêu của đối phương, mục đích là làm rệu rã sự chuẩn bị đề phòng và tấn công của địch, đó chính là chiến thuật “tránh chỗ nặng tìm chỗ nhẹ”. Câu nói sau đây của Tôn Tử: “Dùng binh, là lừa dối vậy, cho nên cái được thì làm ra không được, cái dùng thì làm như không dùng, gần thì làm như xa, xa thì làm như gần, thấy lợi thì quyến rũ, làm rối loạn lên mà giành lấy, có thực lực thì phòng bị, gặp kẻ mạnh thì phải tránh”, .. Cũng nói lên điều đó, phải làm hao mòn lực lượng của đối phương, mới có thể giảm nhẹ sự thiệt hại cho mình. “Vờ sửa” tức là cách làm suy yếu địch, “ngầm vượt” là bước tiến hành công phu. Nói cách khác “vờ sửa” là dọn đường để “ngầm vượt” thành công.

Có một thanh niên người Hoa từ Hong Kong sang Mỹ tên Ri-gân Chu bị tố giác về tội không tặc, mang vũ khí bất hợp pháp và bị tổng giam. Một buổi tối bỗng phát hiện thấy Chu và một phạm nhân da trắng nữa mất tích, cảnh sát trong nhà tù được huy động hết để bí mật lùng sục, nhưng chẳng hề thấy bóng chim tăm cá. Qua hai ngày sau, ban biên tập tờ báo Tin hàng ngày nhận được một cú điện thoại, nhờ chuyển lời đến những người cầm quyền ở trại giam rằng họ đừng tìm kiếm mất công, điện thoại còn nói rằng người gọi chính là Ri-

gân Chu, hôm ấy trốn ra được là do đã nấp vào thùng rác và được những công nhân vệ sinh coi là rác, đổ ra khỏi trại.

Người đời còn đem chuyện “ngầm vượt Trần Thương” để ví những cuộc tình vụng trộm, cũng chính là như vậy, những ai ngoài mặt chỉ là để che giấu những gì bên trong. Phan Kim Liên lên gặp Tây Môn Khánh nên Phan khéo léo nói là lên lầu để xem Phật nha, đó đều là dùng kế để khéo che mắt người.

Ở trên vừa nói đến chuyện “vờ sửa đường tạm”, đường tạm là con đường mới phá - hoặc là cầu gỗ tạm bằng cây que ở nơi rừng núi hiểm- trở, Có nơi thì sửa tạm theo thế núi, có nơi bắc cầu bằng cây ngang chừng núi, hiện tượng này gặp rất nhiều ở Thiểm Tây, Tứ Xuyên, Cam Túc v.v... Vì những nơi đó đỉnh núi cao dựng đứng, cây to chọc trời, chim cũng khó bay, thú leo còn phải sợ, Lý Bạch đã từng tả như thế này: “Đỉnh núi liền nhau cách trời không mấy thước, thông già đổ treo lưng chừng núi, đá lở đất nhào chiến binh chết, sau đó để thành lối đi tạm nối liền nhau...” thật là gian nan hiểm trở biết bao, Giá trị của con đường tạm ở chỗ là con đường giao thông duy nhất ở vùng ấy.

Trần Thương là một cái tên đất ở núi Bảo Kê tỉnh Thiểm Tây bây giờ. Ở đây đã từng xảy ra câu chuyện nổi tiếng trong lịch sử và người đời nay còn thích truyền tụng, đó là chuyện thời Hán Sở, Hàn Tín “vờ sửa đường tạm, ngầm vượt Trần Thương”.

Chuyện kể rằng, Lưu Bang từ sau ngày thoát khỏi sự khống chế của Hạng Vũ, đem quân tiến vào Tứ Xuyên, mưu sĩ của ông ta là Trương Lương sai người đốt phá hết con đường tạm duy nhất. Làm cách ấy, một mặt để phòng Hạng Vũ đuổi đánh mặt khác để tỏ rõ là không có ý định quay về miền Đông nữa. Đến khi Hàn Tín lên làm Đại tướng, nhờ Sinh Tụ rèn dạy cho mấy năm. Trước hôm phản công, cử ra mấy trăm tướng sĩ sửa lại con đường tạm đã đốt trước đây, cố ý gây cho Chương Hàm tướng của Hạng Vũ một cảm giác sai lệch, sau đó dốc toàn lực tiến quân qua một đường nhỏ ở Trần Thương, đánh vào chỗ địch bất ngờ và ít đề phòng, một loáng đã tiêu diệt được Chương Hàm, tiếp đó đuổi đồn từng bước, đánh cuốn chiếu trên địa bàn của Hạng Vũ, cuối cùng đến chiến dịch Cữu Lý Sơn, buộc Hạng Vũ phải tự sát ở Ô Giang, giúp Lưu Bang giành lại giang sơn nhà Hán.

Kế này ở thời Tam Quốc, Lã Mông cũng từng áp dụng.

Tôn Quyền từ sau ngày bị Lưu Bị “mượn” mất Kinh Châu thì ì ra không trả lại, trong lòng không cam chịu, ngày đêm từng giờ từng phút muốn lấy lại Kinh Châu, lúc đó tướng coi giữ Kinh Châu là em kết nghĩa của Lưu Bị - Quan Vân Trường.

Tôn Quyền giao việc giành lại đất Kinh Châu cho tân Đô đốc Lã Mông. Lã Mông thám thính được biết Quan Vân Trường đột nhiên tăng cường phòng bị ven sông có đặt phong hỏa đài, tăng quân trấn giữ, bèn giả vờ ốm về nghỉ giao cho chàng Lục Tốn trẻ tuổi thay thế, còn mình thì lui về tuyển sau ngòi bày đặt mưu kế.

Tình báo về chuyện đổi tướng lập tức đến tai Quan Vân Trường, quả nhiên là Quan Vân Trường bị mắc lừa, Quan Vân Trường tự cao tự đại, coi thường mọi người, cho rằng Lục Tốn là người yếu hèn vô dụng, bèn đem quân bố phòng rút về phía bắc để đánh vào thành rào của Tào Tháo.

Lã Mông thấy tình thế đã chín muồi, bèn sai thủy quân, một số mai phục ở lòng thuyền một số mặc đồ trắng giả làm lái buôn, chèo thuyền về phía Kinh Châu, với vai trò lái buôn nên che mắt được- bọn lính canh, thừa cơ chiếm được phong hỏa đài. Như thế là “đài” cũng đổ mà “hỏa” cũng không cháy lên được, lại tiếp tục thừa thắng đuổi tiếp vào tận đại ban doanh, ở đây được Kinh Châu rất dễ dàng. Bởi vậy Quan Vân Trường bị ép không còn đường thoát, khi hai mũi giáp công, đành buộc phải đang đêm trốn khỏi thành. Rồi phải đem đầu mà nộp.

Ở đời nhà Tống, Cảnh Thanh cũng dùng kế này, y hệt như diễn kịch, rất khéo léo mà công phá được ải Côn Lôn.

CẢNH THANH DÙNG MƯU CHIẾM ẢI CÔN LÔN

Thời Tống Nhân Tông, Hoàng Hữu năm thứ tư (1052 công lịch), ở phía nam có Nùng Trí Cao phản loạn, triều đình sai Cảnh Thanh đem quân đi dẹp loạn.

Kỷ luật quân ngũ của Cảnh Thanh rất nghiêm, đội ngũ chỉnh tề, dọc đường đi không đụng đến lá cây ngọn cỏ, không lấy của ai dù sợi chỉ, cây kim, đến vùng Tân Châu (tức huyện Tân Dương tỉnh Quảng Tây ngày nay) dân chúng rất hoan nghênh.

Binh sĩ còn bộn lòng vì trước đây ra quân mấy lần đều thất bại, các chủ tướng như Trương Trung, Trương Giai chết trận., nên vẫn còn tâm lý lo sợ. Thấy tình hình đó. Cảnh Thanh đã cho hội họp toàn bộ tướng sĩ để nói chuyện và nhấn mạnh:

- Nếu không được lệnh trên, tuyệt đối không được đụng độ với địch. Chiến đấu phải có một kế hoạch toàn diện, kế hoạch hợp lý.

Lúc bấy giờ có một tướng lĩnh đóng quân tại địa phương tên là Trần Thủ đang đóng giữ một hẻm núi trước ải Côn Lôn, giằng co với địch khá lâu rồi, bỗng lằm nghe lời thuộc hạ của mình là Viên Dung, mạo hiểm tự mình đem quân tấn công địch ngược lại bị đánh cho tơi bời tan tác, thất bại lủi thủi quay về. Cảnh Thanh lập tức xử tội theo quân pháp, đem chém đầu hết 31 tướng sĩ trong đó có Trần Thủ, Viên Dung. Như vậy, không còn ai dám tự ý đánh nhau với địch nữa.

Sau khi giết bọn Trần Thủ, cảnh Thanh hạ lệnh cho quân sĩ kiên trì giữ vững doanh trại, lại hạ lệnh tích trữ mười ngày lương thảo để chuẩn bị chiến đấu. Lệnh này vừa ban ra bị bọn gián điệp của địch nghe được. Tướng giặc cho rằng Cảnh Thanh không có ý hành động trong những ngày gần đây cho nên không hề có sự phòng bị gì cả, không ngờ đến sớm hôm sau, Cảnh Thanh bỗng ra lệnh lập tức ra quân, thân chinh kéo quân đi liền một mạch đến chân núi Côn Lôn, hạ trại ngay gần doanh trại địch.

Hôm ấy đúng vào tiết Thượng nguyên ngày rằm tháng giêng, dân chúng nhà nhà chăng đèn kết hoa chúc mừng Nguyên Tiêu. Cảnh Thanh cũng ra lệnh cho quân sĩ mở tiệc rượu mời toàn bộ tướng sĩ, trước đó còn tuyên bố:

- Đêm thứ nhất mời các tướng tá cao cấp, đêm thứ hai mươi các tướng lĩnh trung và hạ cấp, đêm thứ ba khao thưởng toàn bộ chiến sĩ.

Đêm đầu tiên khi tiệc mời các tướng tá, được lệnh uống rượu, tận tình vui vẻ, không hề gò bó, cho đến lúc trời sáng mới tan tiệc.

Đêm thứ hai khi tiệc mời tướng lĩnh trung và hạ cấp, uống rượu đến nửa chừng, cảnh Thanh bỗng đứng dậy, nói với mọi người: “Bỗng nhiên thấy trong mình không được khỏe, cần phải nghỉ ngơi một lát, sau sẽ ra cùng dự tiếp”. Một lát sau, phía trong có lời nhắn ra là cảnh Thanh bị ốm chưa khỏi, nhờ phó tướng Tôn Miễn tạm thay mặt chúc rượu. Mọi người

thả sức ăn uống, múa quyền mời rượu, vui không biết đến đâu mà kể, cho đến tận đêm khuya, vẫn chưa thấy chủ nhân ra, cho nên chẳng ai dám rời bàn tiệc.

Chờ cho đến lúc trời sáng, bỗng có một người lính vào báo:

- Nguyên soái đã công phá được ải Côn Lôn, có nhã ý mời các ngài lên quan ải để ăn cơm sáng.

Mọi người nghe, đều lấy làm lạ và hết sức kinh ngạc, còn nghi ngờ là kẻ gian phao tin nhảm. Qua mấy lần truyền báo, mới chứng tỏ là đúng, bấy giờ mới kéo nhau lên ải Côn Lôn.

Thì ra tin tức Cảnh Thanh khao tiệc quân sĩ mấy đêm liền, đã bị gián điệp của địch báo về cho tướng giặc cả mừng cũng mở tiệc rượu khao mừng cấp dưới, lại thêm mấy ngày đó mưa to gió lớn thời tiết rất lạnh lẽo. Cảnh Thanh bèn thừa dịp này chọn một số tướng lĩnh thân tín và một số tướng sĩ dũng cảm, thừa lúc địch không phòng bị, tập kích mãnh liệt vào doanh trại địch làm cho chúng hốt hoảng không còn đường chống đỡ, tranh nhau tháo lui, đưa thì chạy trốn, kẻ thì ra hàng cho nên Cảnh Thanh dễ dàng hạ được quan ải Côn Lôn hiểm yếu.

MÃ CHIÊM SƠN HẢ LÒNG GIẾT QUÂN NHẬT

Sau sự biến 18-9, quân đội Nhật Bản không tốn một giọt máu đã chiếm gọn hai tỉnh Liêu Ninh và Cát Lâm của Trung Quốc, chỉ có tỉnh Hắc Long Giang còn là đất đai của “Quân Nghĩa dũng Đông Bắc”. Nhật Bản lúc ấy đang dùng chính sách mềm dịu, dùng người Trung Hoa trị người Trung Hoa, thành lập chính quyền bù nhìn.

Lúc đó tỉnh trưởng Hắc Long Giang là Vạn Phúc Lâm đã trốn về Bắc Kinh, uỷ nhiệm cho Mã Chiếm Sơn làm quyền Chủ tịch tỉnh, Mã Chiếm Sơn nhận lệnh vào giờ phút nguy nan, chưa làm được việc gì, không bao lâu người phụ trách tài chính của chính quyền tỉnh là Vạn Quốc Bảo, con trai của Vạn Phúc Lâm đã bí một cuôm hết toàn bộ tiền gửi ngân hàng và bạc vàng châu báu chạy về Bắc Kinh ngồi chơi xơi nước. Mã Chiếm Sơn thành một vị chủ tro trọi như thân Cuội. Trong một cuộc họp, vị Chủ tịch này đã đau xót nói rằng: “Vạn Chủ tịch giao cho tôi mệnh lệnh này, quả là một gánh nặng quá sức, với tình hình và cục diện của Đông Bắc lúc này mà nói hai tỉnh Cát Lâm và Liêu Ninh giàu có đã rơi vào tay người Nhật, chỉ còn

lại Hắc Long Giang của ta, củi tỉnh chó ăn đá gà ăn sỏi, -mà phía tây nam thì Trương Hải Bằng làm Hán gian, phía tây bắc lại có lũ đoàn kỵ binh bán nước đầu hàng của Lăng Thăng, thế là chúng ta ba mặt đều có địch, binh lính thì ít, vũ khí đạn dược quân nhu lại không được cấp, lấy ít mà chống nhiều, quả thực là quá nguy hiểm. Mẹ cha nó chứ, người sống trăm năm rồi cũng phải chết, họ Mã này cho rằng đánh bọn quỷ Nhật mà có chết, cũng là niềm vinh dự hiểm có, thắng cũng đánh, bại cũng đánh, nhất định đánh đến cùng chứ không đầu hàng làm Hán gian, ta đây đã có sẵn quyết tâm hi sinh cái thân già này để giành chút quang vinh cho đất nước.

Mã Chiếm Sơn đang mất ăn mất ngủ, lòng như lửa đốt thì Lâm Nghĩa Tú cầm đầu cơ quan tình báo của Nhật đến thăm, hần vâng lệnh của thượng cấp đến dụ thuyết, gạ gẫm Mã Chiếm Sơn ly khai Trung ương, đầu hàng Nhật. Hần nói với Mã Chiếm Sơn một loạt những đề án kinh tế, những mối giao hảo lân bang và bao nhiêu lời đẹp đẽ, Mã Chiếm Sơn bèn hỏi:

- Ngài hãy cứ nói thẳng vào kế hoạch xem nào!

Lâm Nghĩa Tú đáp:

- Bất kể về mặt nào, chỉ cần Mã tướng quân ủng hộ, chúng tôi cũng sẽ có nghĩa vụ giúp một cách vô tư không điều kiện.

Mã Chiếm Sơn đã thừa hiểu trong lòng và xác định một nguyên tắc bất di bất dịch là đất đai tổ quốc không để mất, không đầu hàng theo địch. Nhưng đứng trước hoàn cảnh khó khăn không thể không lợi dụng lẫn nhau, bèn nói:

- Mã Chiếm Sơn tôi đây mai mấn được người Nhật các ông để mắt đến, chẳng có lý nào lại không hợp tác, thế nhưng tôi là con người thô lỗ, ăn nói cục cằn, một là một, hai là hai, không hàm hồ. Điều kiện của tôi là:

1- Phát cho tôi một vạn khẩu súng trường, năm trăm khẩu trung liên, ba trăm khẩu đại liên, ba vạn quả lựu đạn, một trăm năm mươi khẩu trọng pháo.

2- Phát cho tôi 15000 bộ trang phục đông gồm cả áo khoác da.

3- Phát cho tôi 1000 tấn lương thực.

4- Cho tôi vay 5 triệu đồng bạc.

Lâm Nghi Tú nói:

- Những điều Tướng quân nêu ra rất hợp tình hợp lý, tôi phải báo cáo Bộ Tư lệnh quân Quan Đông, tin rằng Quan Đông Tư lệnh sẽ đồng ý. Ba ngày sau tôi sẽ trả lời.

Mấy ngày sau đó Mã Chiếm Sơn sống trong trông đợi, một ngày tựa một năm, cục diện ngày càng thay đổi, đời sống trong vùng ngày càng thiếu thốn, hàng hóa khan hiếm, vật giá leo thang, ai ai cũng đều chuẩn bị để di tản đi nơi khác. Đã thế tin đồn nhảm lại càng ồn ã, nói là quân Nhật đã qua được cầu Nội Giang tiến công vào tỉnh lỵ. Mã Chiếm Sơn hiểu rõ người Nhật luôn luôn trở mặt, không thể tin cậy được, những điều kiện mà họ vui vẻ chấp nhận, chẳng qua chỉ là một trò lừa đảo, là kiểu kế hoãn binh, mượn dịp này để tranh thủ thời gian, để sắp đặt kế hoạch quân sự. Một mặt Mã Chiếm Sơn bình tĩnh ứng phó, một mặt điều kỵ binh bố phòng ở cầu Nội Giang và tỉnh lỵ.

Ba ngày sau, Lâm Nghi Tú quả nhiên trở lại, nhưng chỉ mang theo 500 ngàn đồng bạc và ba vạn cân lương thực và một số nhỏ quân trang. Vũ khí đạn dược không hề có, một cây súng, một viên đạn cũng không. Mã Chiếm Sơn đã thấu hiểu ý đồ của người Nhật tự cường phòng ngự. Mặt khác cử người thân tín cấp cao là Triệu Quốc Phiên mang 500 ngàn đồng đó sang Liên Xô mua vũ khí.

Cũng vào lúc ấy đã có tin báo động, nhân viên tình báo, báo cáo với Mã Chiếm Sơn: “Quân Quan Đông và quân của Hán gian Trương Hải Bằng đã áp sát cầu Nội Giang, có biểu hiện tấn công vào tỉnh lỵ”.

Mã Chiếm Sơn nghe báo cáo, biết rằng tình thế đã diễn biến đến mức cuối cùng, binh lực ở cầu Nội Giang quá yếu, không thể không thân chinh đi đốc chiến, bèn dẫn Tham mưu trưởng Trương Văn Đào trực tiếp đến cầu Nội Giang.

Lần ấy, quân Quan Đông được điều đến cầu Nội Giang là lữ đoàn Thôn Tỉnh và quân Hán gian của Trương Hải Bằng, chúng tỏ ra hung hăng cho rằng đây chỉ là cuộc hành quân có tính chất tượng trưng vì Mã Chiếm Sơn nhất định thấy thế sẽ khiếp sợ mà đầu hàng, cho nên chẳng hề có sự phòng bị, nghênh ngang đến cầu Nội Giang đúng như một cuộc hành quân.

Vừa đến cầu Nội Giang, đột nhiên pháo nổ ầm vang như long trời lở đất, vì cự ly đã quá gần, cánh quân đi đầu của Hán gian và Nhật trở tay không kịp, bị giết đổ ngang đổ ngửa,

thây phơi đầy đồng. Thiếu tướng Tư lệnh Thôn Tĩnh được tin bại trận, mới vội vã bố trí trận địa, dùng trọng pháo bắn vào quân trấn giữ, làm cho cánh quân này không ngẩng đầu lên được. Qua hơn mười tiếng đồng hồ chiến đấu, hơn ngàn quân trấn giữ đã chết mất gần nửa, xem chừng khó chống đỡ nổi, may nhờ Mã Chiếm Sơn đã đem một trung đoàn kỵ binh đến tăng viện, mới ổn định được trận thế.

Thịt xương đã chất thành đồng mà địch vẫn không ngừng đập pháo, nếu kéo dài mãi như thế, sớm muộn sẽ dẫn tới toàn quân bị tiêu diệt. Mã Chiếm Sơn cảm thấy không còn quân đâu mà điều ra cứu viện nữa, bèn quyết tâm hi sinh, đánh một trận cuối cùng.

Trong giờ phút không chống lại nổi địch.

Mã Chiếm Sơn lại nghĩ ra mưu kế, cấp tốc điều từ tỉnh lỵ 500 quân kỵ binh Mông cổ, giao nhiệm vụ giữ cầu cho tham mưu trưởng, tự mình ngầm dẫn năm trăm kỵ binh xuất phát.

Đêm ấy, tuyết bay đầy trời báng che kín đất, trong lúc tiếng pháo địch long trời lở đất, còn quân giữ cầu thì chống lại lẻ tẻ, Bộ Tham mưu quân Nhật chuẩn bị vượt sông, bỗng nhiên ngay giữa lữ đoàn bộ, trung ương thần kinh của lữ đoàn, tiếng hô thét ầm vang, có một cánh kỵ binh như từ trên trời rơi xuống, tả xung hữu đột, không gì chống đỡ nổi, xông vào thẳng trận địa, pháo lớn và súng liên thanh đều không còn đất dụng võ. Đội kỵ binh giết cho quân Nhật chết chồng lên nhau, máu thấm trên tuyết như hoa đào tàn rụng. Chỉ trong chốc lát, toàn bộ quân Nhật biến thành quỷ không đầu. Đến khi trời sáng, đội kỵ binh lại không biết biến đi đâu mất. Lữ đoàn trưởng Thôn Tĩnh bước lên trận địa nhìn một lượt, bỗng thấy hồn xiêu phách lạc, nước mắt chảy ròng ròng trên bộ mặt già nua, chẳng nói một lời, rút gươm rạch bụng tự sát.

Đội kỵ binh ấy là do Mã Chiếm Sơn chỉ huy với 500 kỵ binh Mông cổ, đã tập kích vào doanh trại địch, ra quân là thắng lợi. Trận đánh đã thức tỉnh linh hồn của dân tộc Trung Hoa và cũng đặt nền móng cho công cuộc kháng chiến toàn diện sau này. Với chiến tích cầu Nội Giang, Mã Chiếm Sơn đã trở thành anh hùng để nhân dân cả nước thậm chí nhân dân thế giới đều ca ngợi.

KẾ § 9 CHỈ CHÓ MẮNG MÈO

LẦY GIẢ LÀM LOẠN THẬT MẠNH ƯU LÀM HỀ ĐÓNG TÔN THỨC NGAO
CHỈ CHÓ MẮNG MÈO ĐÔNG PHƯƠNG SÓC BẦY MƯU CỨU NHỮ MẪU

Chỉ chó mắng mèo, là nói theo ý của một câu tục ngữ, đó là trong một hoàn cảnh sự việc của một người có liên quan đến mình hoặc gây nên sự bức dọc, song lại không thể mắng công khai được, muốn xả hết nỗi bức dọc trong lòng mình ra, mượn một sự việc nào hoặc hư cấu ra một việc để mượn cá chém thớt, bên ngoài mắng sự việc này nhưng trong thâm tâm là mắng nhieếc con người kia. *Trong Nhật ký người điên*, Lỗ Tấn từng viết: “Người đàn bà trên đường phố tối hôm qua, đánh con chị ta, mồm thì nói thẳng già này, bà phải cần cho mày mấy nhát mới hả tức, mắt chị ta lại nhìn vào tôi”. Có thể tưởng tượng bộ mặt của hạng đàn bà này, gai góc trong lời nói mới ghê gớm làm sao, đó là khí sắc nói chung khi “chỉ chó mắng mèo”

Đó cũng thuộc về nghệ thuật mắng nhieếc người. Mắng nhieếc có loại văn và loại võ. Nói bóng nói gió, lưỡi như kiếm miệng như miệng súng ấy là loại văn, còn đập bàn đập ghế, trợn mắt phồng mang là loại võ. “Chỉ chó mắng mèo” hiển nhiên là loại văn. Nó không gây xung đột trực diện, mà là thủ pháp đá thúng đụng nia, ở mức độ giữa phê bình và chửi mắng, về thái độ không lạnh lùng như phê bình, nhưng cũng không thậm tệ như mang nhieếc, mà có là mắng nhieếc cũng mắng nhieếc một cách văn minh, không phải những câu cay độc chỉ họ chỉ tên, làm cho người nghe rồi mà nghiêng răng nghiêng lợi, nhưng cũng không bầu vịu vào đầu mà phản kháng, cũng không chụp được cho người ta cái tội danh là “kẻ gây chiến”. Cho nên, nếu nói lớn tiếng chửi bới là cái thứ miệng như miệng súng, lưỡi như lưỡi gươm thì “Chỉ chó mắng mèo” chỉ là thứ lưỡi lê mà thôi.

Với cái chiến thuật khẩu chiến này, Khổng Tử còn chọn “ta dùng cách nhạo báng thôi!”. Nhạo báng tức là dùng lời lẽ nhẹ nhàng để chê cười, là kỹ xảo cao nhất của cách “chỉ chó mắng mèo”, cũng là thủ đoạn hay nhất trong chiến tranh lạnh, tác dụng của nó là làm cho đối phương tự thấy khó mà lui, phòng gặp hoạn nạn sau này, cũng có thể là cách giơ cao đánh khẽ, khơi dậy tiềm lực vươn lên cho đối phương, đó tức là kiểu kích thích. Kích thích

cũng chẳng khác gì dầu đốt trong động cơ máy móc, hay nói thông tục hơn là sự “hà hơi tiếp sức” cũng chung một lẽ như vậy. Từ đó có thể thấy rằng nhạo báng thực ra không phải là biểu hiện của sự ác ý, mà trên thực tế còn chứa đựng ý nghĩa giáo dục sâu sắc “lời lẽ chua ngoa cay nghiệt, nghe ra có vẻ chối tai, thế nhưng lại có ý nói thật mất lòng nhưng được việc”. Những truyện ngụ ngôn châm biếm trong sách Xuân Thu của Khổng Tử, rồi loại chuyện khôi hài của Tư Mã Thiên đều đáng xem, đáng cảm. Nó tuy chẳng phải cách “chỉ chó mắng mèo” một cách thẳng thắn, thô lỗ và cay độc, song qua những lời lẽ nhẹ nhàng ấy, có thể giải quyết được những mối chia rẽ phức tạp, đó là hiệu quả của “mắng mèo”, cũng có thể nói đó là thủ đoạn hòa bình êm dịu nhất, Muốn làm được vậy, không có bản lĩnh và sự rèn luyện cao độ không được.

Trên đường ngoại giao quốc tế, đã từng có những chuyện thế này:

Trong một cuộc hội nghị của Thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc, khi mấy vị đại biểu đang chuyện phiếm trong giờ nghỉ, công tước Ford đại biểu của nước Anh đang nói về sự tích nước Anh giành quyền độc lập cho các thuộc địa, có nói cả đến nước Anh đã đón nhận trào lưu tự do dân chủ thế nào, Đang nói rất hào hứng, đại biểu Liên Xô bỗng dội ngay gáo nước lạnh:

- Ai cũng biết thủ tướng trong Liên hiệp Anh, có rất nhiều người trước đây từ các nhà tù của nước Anh bước ra.

- Rất đúng - Công tước Ford trả lời - Biến phạm nhân thành Thủ tướng, bao giờ cũng tốt hơn là biến Thủ tướng thành phạm nhân.

Lại một chuyện vào năm 1925, Nhật Bản tạo ra vụ “thảm sát 30-5” ở Thượng Hải, gây nên sự công phẫn lan tràn của nhân dân Trung Quốc trong cả nước và đã thực hành cuộc vận động tẩy chay hàng Nhật. Lúc bấy giờ, hàng loạt cửa hiệu của Nhật Bản ở vùng Sa Liên Quảng Châu đều đóng cửa, trên mỗi cửa hiệu đều dán một băng giấy có viết chữ: “Ngừng mua bán năm phút”. Ý nhạo báng của nó là người Trung Quốc chỉ có “nhiệt độ” trong năm phút, qua năm phút cuồng nhiệt đó là sẽ thôi không tẩy chay nữa. Bởi vậy qua sự kích động này, phong trào tẩy chay hàng Nhật càng như lửa đổ thêm dầu, cả nước đều dấy lên cao trào chống Nhật. Đó là kết quả tồi tệ nhất của việc “chỉ chó mắng mèo”.

Nói rộng rãi, đã gọi là “chỉ chó mắng mèo” thì phải mắng. Mắng vốn đã là không lịch sự, người bị mắng cố nhiên sẽ buồn, bản thân mình cũng sẽ đau lòng, thế nhưng trên thế gian này lại có những loại người không mắng không được, có những loại việc không mắng không xong. Không mắng nhểc người ta lại cho anh là hèn yếu, càng làm tăng cái khí thế làm ác làm càn của người ta, cho dù có điều răn là quân tử dùng miệng không dùng tay, có sự trau dồi về lòng tự trọng nhưng khi gặp chuyện bất bình mà không thể không đỏ mặt lên để đối phó, thì cái ý thức “chỉ chó mắng mèo” tự nhiên sẽ trỗi dậy. Thế nhưng, người xưa “chỉ và mắng”, phần lớn là không nặng nề cay độc, nhất là những văn nhân tài tử rất hiểu lễ nghĩa trong khi giao tiếp, lễ nghi, từ tác phẩm *Ly tao* của Khuất Nguyên đến *Hải Thụy nhểc vua*, có biết bao nhiêu thơ phú như giáo mác sừng sững, cũng không kể hết những tiểu phẩm bình luận sắc bén như lưỡi lê dao găm, kiểu mắng bằng giấy mực thế này tuy không sánh được mức độ sinh động của việc dùng lời lẽ, thế nhưng hiệu quả của cách “mắng” này, sẽ để lại cho đời sau nhiều tư liệu “mắng người” rất phong phú.

MẠNH ƯU LÀM HỀ ĐÓNG KỊCH TÔN THỨC NGẠO

Thời Xuân Thu, trong triều có một vai hề lùn tên Mạnh Chu Nho tức Mạnh Ưu, người lùn chưa đầy năm thước, bình thường lấy những trò cười để làm vui lòng quần thần tả hữu, rất được Sở Vương tin yêu. Dịp ấy hiền tướng Tôn Thúc Ngạo vừa qua đời, Sở Vương vô cùng đau buồn. Một hôm Mạnh Ưu ra ngoại thành, gặp Tôn An, con của Tôn Thúc Ngạo đang lên rừng kiếm củi, hỏi chuyện mới biết vị hiền tướng này rất hiếm hoi nghèo túng, con trai phải lên rừng kiếm củi bán để sống qua ngày. Lần ấy trở về Mạnh Ưu may một bộ quần áo giống như của Tôn Thúc Ngạo vẫn mặc hàng ngày, rồi học dáng đi dáng đứng của Tôn Thúc Ngạo. Đợi đến ngày Sở Vương mở tiệc, Mạnh Ưu đóng vai Tôn Thúc Ngạo đến dự tiệc. Sở Vương nhìn từ xa ngỡ rằng Tôn Thúc Ngạo sống lại, bèn đứng lên đón, đến gần mới biết là Mạnh Ưu đóng giả, Sở Vương sẵn có lòng thương nhớ Tôn Thúc Ngạo, cho Mạnh ưu làm tướng, nói: “Cứ cho là tướng giả cũng được!” Mạnh Ưu đáp: “ở nhà còn bà vợ già, xin cho về bàn bạc một chút mới được!”. Hôm sau, Mạnh Ưu tâu lại với Sở Vương rằng mục già ở nhà không bằng lòng cho thần làm Tướng quốc, còn răn đi răn lại rằng: Tôn Thúc Ngạo làm Tướng quốc hàng mấy chục năm liền, chẳng để dành được một đồng một chữ nào, đến lúc

chết, con phải lên rừng đốn củi bán mới đủ sống, ông muốn làm Tướng quốc có khác gì làm chết đói vợ con không?

Những lời nói đó khiến Sở Vương mới nghe qua đã sực tỉnh ngộ lại, bèn lập tức cho vời Tôn An vào triều, cấp cho đất đai để khỏi phải sống khổ cực như trước.

ĐÔNG PHƯƠNG SÓC DỪNG KÉ CỨU NHỮ MẪU

Thời Tây Hán, Hán Vũ Đế đem lòng khinh ghét người nhũ mẫu đã nuôi mình từ bé, chê bà này hay chọc vào chuyện người khác, việc lớn việc nhỏ gì cũng ca cẩm tới, quyết định đuổi bà ta ra ở ngoài cung cấp, như ngày nay con dâu ruồng rẫy mẹ chồng vậy.

Nhũ mẫu sống trong hoàng cung mấy chục năm, chẳng bao giờ muốn xa rời cuộc sống cung đình. Đến lúc không còn cách gì khác, bỗng nghĩ tới Đông Phương Sóc, ông là một cận thần của Hán Vũ Đế, mong rằng ông có thể nói gì giúp mình. Sau khi nhũ mẫu nói hết sự thể, Đông Phương Sóc an ủi bà:

- Khi nào bà đến chào từ biệt Hoàng thượng, chỉ cần quay đầu nhìn lại hai lần, lúc ấy tôi sẽ có cách.

Hôm ấy, nhũ mẫu từ biệt Hoàng thượng để rời khỏi cấm cung, nước mắt đầm đìa vừa lui vừa ngoái cổ nhìn Hán Vũ Đế mấy lần. Đông Phương Sóc thừa lúc ấy nói lớn:

- Nhũ mẫu, đi nhanh lên! Bây giờ Hoàng thượng không cần phải cho bú nữa còn phải lo lắng nỗi gì!

Hán Vũ Đế nghe lời nói đó, như người đụng vào lửa, bỗng giật mình và cảm thấy rất buồn lòng, nghĩ đến việc mình lớn lên nhờ dòng sữa của bà, vả lại bà cũng chẳng có tội tình gì, bèn lập tức ra lệnh để nhũ mẫu tiếp tục sống trong hoàng cung.

A SỬU DIỄN HỀ XỎ UÔNG TRỰC

Thời Minh Hiến Tông, Thái Giám Uông Trục lạm quyền, tiếng xấu lừng lẫy một thời, tự xây nhà ngục, không điều gì ác không làm. Tay chân dưới quyền hắn có hai tên là Vương

Việt và Trần Việt, chia nhau hùng cứ hai ban văn võ, câu kết với nhau một bầy, làm cho triều chính ngày càng sai lạc, đường lối ngả nghiêng, quần thần giận trong bụng mà không dám hé miệng, Hiến Tông thì bị bụng bít hết.

Lúc ấy có một viên Thái giám tên là A Sứ, một con người có nhiều tài nghệ, nói năng hài hước lại giàu lòng yêu chính nghĩa, rất được Hiến Tông tin yêu. Ông thường hay diễn kịch ở trong cung, để mua vui cho hoàng gia.

Có một lần, Hiến Tông sai diễn kịch cho vui, A Sứ bèn diễn vở kịch “say rượu”.

Ông vừa bước ra sân diễn, chân nam đá chân chiêu làm bộ người say, nói năng chẳng câu nào vào câu nào, lúc thì mở miệng là chửi đời, lúc thì nói hàng lô hàng tràng những lời hài hước, những câu gây cười.

Một người khác đóng vai người qua đường bước ra sân diễn, hù dọa A Sứ rồi lớn tiếng quát:

- Quan lớn tuần du, mau mau tránh xa, tưởng làm thế cho A Sứ sợ mà đi.

A Sứ như không hay biết gì, như vịt nghe sấm, chẳng tránh cũng chẳng nhường đường, còn mượn có chửi quàng chửi xiên:

- Quan lớn quan bé cái chó gì, mèo đen hay mèo trắng, dấy thì đi đường thẳng, còn đây thì bước qua cầu, ông cứ ngồi đây uống rượu, thẳng nào muốn đi thì hãy đi vòng.

Người kia không làm sao được, gãi đầu gãi tai, ý muốn tìm cách khác, bèn quát lớn:

- Vua ra!

A Sứ vẫn ngồi lì, lảm nhảm giả say:

- Vua à, vua còn đang mải ngủ say, say, còn say hơn cả tở. Hối Hai lần dọa không nổi, người kia có vẻ sốt ruột, bỗng chau mày, nghĩ ra một kế, bèn hô lên câu nữa:

- Ông Thái giám giá lâm!

Khác với những lần trước, lần này A Sứ tỏ ra kinh hãi, phủ phục xuống đất, miệng lảm nhảm:

- Tội chết, tội chết!

Người kia đắc chí, cười ha hả, A Sửu ngẩng đầu lên, biết là mình bị trêu ngươi, bèn phất tay áo, phúi quần đứng dậy chửi:

- Mẹ kiếp! Đồ chó chết!

Người kia hỏi:

- Này A Sửu, sao khi tôi hô vua ra ông không hề nhúc nhích cũng chẳng sợ sệt chút nào mà tại sao mới nghe đến tên Uông Thái giám ông đã sợ như sắp chết vội bỏ cả ra đất thế?

A Sửu đáp:

- Tao chỉ biết có một ông Uông Thái giám, chứ tao đâu biết vua là ai?

Hiển Tông xem đến đây, thấy rất buồn lòng, tiếp đó lại nghĩ đến câu nói của A Sửu có nguồn gốc của nó, từ đó bắt đầu chú ý đến Uông Trực, dần dần xa lánh tên này.

Cho đến khi Hiển Tông muốn xem kịch lần thứ hai. A Sửu lần này lại diễn võ công. Tay cầm đôi búa, múa lộn một vòng trên sàn diễn rồi sau đó hát điệu xưng danh:

- Như ta đây anh hùng Uông mỗ, tung hoành bốn cõi đông bắc tây nam, đánh thắng đã nhiều mà chưa hết lòng tham, tất cả nhờ hai búa này giúp sức, ghê gớm chưa? Tay trái ta vung lên mặt trăng mặt trời tắt bóng, tay phải ta vung lên máu chảy đầu rơi, mặc cho xương rơi máu chảy khắp nơi, khí anh hùng giữa dòng đời trôi chảy, mặc cho thân phôi đầy đồng đầy bãi, mới chính làm nên thơ phú là đây.

A Sửu cứ thế diễn võ giương oai trên sàn diễn, những người khác cùng diễn võ tay khen hay, rồi xen vào hỏi:

- Uông dũng sĩ, ông bảo đôi búa này ghê gớm đến thế nào, vậy thì tên nó là gì vậy?

A Sửu đáp:

- Hai của quý ấy là thứ oan gia. Trời cũng thua khi châm lửa đốt nhà, câu kết với nhau ai dám hỏi, làm ngang làm ngược hỏi ai có sợ chẳng là? Tên hai đứa là Vương Việt, Trần Việt.

Hiển Tông tuy xem cũng thấy tức cười, song trong lòng lại càng thêm sáng tỏ. Cuối cùng đến khi ngự sử, Từ Tú dâng sớ truất Uông Trực, mới quyết tâm lưu phóng Uông Trực đi trấn thủ biên cương, dẹp luôn cả vây cánh của chúng.

KẾ § 10 MƯỢN XÁC HOÀN HỒN

LƯU TRẠCH LÀM PHẦN, ĐIỀN TỬ XUÂN DỪNG MƯU LỖM LỮ HẬU
MƯỢN XÁC HOÀN HỒN LƯU BỊ THỪA CƠ VÀO TỨ XUYÊN

Câu “mượn xác hoàn hồn” là có từ một truyện thần thoại. Theo truyện đó, trong 8 vị có một vị là Lý Thiết Quả, tuổi tuy còn trẻ, học rộng nhớ dai, họ Lý tên Huyền, vì hay có ảo tưởng, say sưa muốn làm tiên, bèn vái Thái Thượng lão quân làm thầy, học được thuật trường sinh bất tử.

Một hôm, ông ta dặn dò đồ đệ:

- Ta lập tức cho hồn lìa khỏi xác, theo sư phụ ta đi ngao du không giới, mi hãy giữ gìn cho tốt, không được dời nửa bước, coi giữ đến ngày thứ bảy, nếu hồn ta còn chưa hoàn, như vậy là ta đã thành tiên, lúc đó mới được đem thiêu xác ta đi, nói xong ngồi thiền để thần du.

Đồ đệ ngồi coi giữ xác, luôn luôn cẩn thận, ngày đêm không dám lơ là. Coi giữ đến ngày thứ sáu, bỗng nhiên người nhà hốt hoảng đến tìm, giục anh ta về nhà, nói rằng mẹ ở nhà ốm nặng, nguy hiểm chỉ trong một sớm một chiều, cần phải về ngay để gặp mặt lần cuối, Đồ đệ nghe xong, khóc lóc nói:

- Mẹ đang ốm nặng, nhưng hồn sư phụ chưa hoàn, nếu ta bỏ về, ai coi xác sư phụ, mà nếu không về, mẹ ta khó mà nhắm mắt.

Người nhà lại khuyên rằng nghĩa thầy trò làm sao sánh với tình mẫu tử, hướng hồ người đã chết sáu ngày phủ tạng đã nát làm gì có chuyện hoàn hồn được nữa?

Thế là cùng giúp một tay đem thiêu xác Lý Huyền đi rồi bỏ về nhà. Ngày thứ bảy, hồn của Lý Huyền quay lại, nhưng không có xác để nhập vào, biến thành cô hồn, ngày đêm kêu khóc trên không, bỗng thấy bên đường có cái cây của một người ăn mày, bỗng nhớ lời của Thái Thượng lão Quân nói trước lúc chia tay:

- Mở lối hay không mở lối, xe nhẹ thì đường sẽ quen, muốn được hình hài cũ, phải gặp được bộ mặt mới bèn thở dài than rằng:

Thôi, đã đành mệnh trời khó thoát, vận hạn đã định, cũng chẳng nên quá cứng làm gì hoảng lên tìm không ra lối, hồn không có nơi nhập, chẳng thà đã lầm thì cho sai luôn. Thế là nhập vào xác người ăn mày đứng dậy, biến thành một người đầu bù tóc rối mặt mày nhem nhuốc, hở bụng hở chân phải chống gậy mới đi được. Hồn Lý Huyền, hình là lão ăn mày, cho nên mới gọi là “mượn xác hoàn hồn”. Hàm ý câu nói này là sau khi thất bại, mình nhờ vả hay lợi dụng một thể lực nào đó, để quật khởi trở lại. lực lượng mới mà mình nhờ vào đó tức là “mượn xác” kết quả sau khi quật khởi là “hoàn hồn”.

Hiện tượng này phần nhiều xảy ra trên thương trường, phổ biến nhất là công việc buôn bán đang có nguy cơ thất bại, phải đi tìm bạn hàng hoặc mặt hàng mới để mở mang.

Trong quân sự và chính trị, thấy ở đời Đông Chu Liệt Quốc là xuất hiện nhiều và hình thức cũng phong phú. Thời ấy phong thái đạo nghĩa rất thịnh, Những cử chỉ hào hiệp như nâng đỡ các nước nhỏ yếu, nối tiếp cho những dòng họ đang tuyệt thế v.v... ở đâu cũng thấy có. Như Tống Tương Công dẹp loạn quân Tề lập Thế tử Chiêu làm vua, Tần Mục Công nâng đỡ Trùng Nhĩ, khóc xin ở triều đình, đó là những việc lớn. Từ sau đời nhà Tần, đạo nghĩa thành thứ phải trả giá rất lợi hại, Lưu Bị muốn mượn Kinh Châu hoàn hồn, làm đến mức họ hàng thân thích phải trở mặt với nhau, nói chuyện với nhau bằng đao kiếm, Thạch Kính Đường cũng nhờ binh mã của người khác để được ngồi vào long đình mà còn phải cắt đất trả công, tự xưng là Nhi Hoàng đế, Ngô Tam Quế mượn sức quân Thanh, vượt quan ải dẹp Lý Tự Thành, các xác đó, vừa vào đến kinh đô rồi thì ở lì không đi nữa, biến thành “mượn xác thì dễ, trả xác thì khó”ngồi trơ mắt ếch mà nhìn “áo mũ của thượng quốc rơi vào tay bọn man rợ”.

Từ đó có thể thấy “xác” không thể cho mượn không, cũng không thể cho mượn lung tung, cần đề phòng “xác cứng ra trong nhà”, làm cho trong nhà không yên, bởi trên đời cũng không thiếu gì kẻ nhân lúc nguy nan của người khác, mượn gió bẻ măng.

Bởi vậy khi thi hành kế này phải thật là thận trọng cân nhắc. Như hai ví dụ dưới đây, một cái là trót lọt đẹp đẽ, còn một chẳng những không đẹp mà còn đến nỗi nước mất nhà tan, âu cũng là để mà tham khảo.

DIỄN TỬ XUÂN DÙNG MƯU LỖM LỬ HẬU

Hán Cao Tổ Lưu Bang từ sau khi lên ngôi, mưu diệt các công thần, phong vương Hàn Tín, Kinh Bối, Bành Việt, Trần Hy, nhưng vẫn lo lắng các vương hầu khác họ, bèn phong vương cho các con của mình, lúc lâm nguy còn chiêu tập quần thần các chư hầu tuyên thệ. Từ đó về sau, không phải họ Lưu thì không được phong vương, không có công không được phong hầu, nếu ai vi phạm thì mọi người đều phải bị đánh.

Cho đến lúc băng hà, quyền lực đều nằm hết trong tay Hoàng hậu họ Lữ. Lữ hậu khi đã nắm được quyền, muốn giết hết các vị thần và các vương hầu còn lại, biến triều đình nhà Hán thành thiên hạ của họ Lữ. Các vương dần dần bị bà ta giết hại, ai không bị giết thì cũng bị tước hết binh quyền, sống thối thòm vì lo đắc tội.

Có một vị vương nước Tề là Lưu Trạch, thấy anh em bị họ Lữ giết hại đến nước ấy, không nén lòng được, đứng trước sân ngẩng mặt lên khóc lớn.

Bỗng nhiên phía sau có người nói:

- Đại vương! Chẳng hay có việc gì khiến người thương tâm đến thế!

Lưu Trạch ngoái lại nhìn, thì ra là Điền Tử Xuân, một thuộc hạ có công và thân thiết bèn nói với ông này rằng:

- Làm sao mà ta chẳng đau lòng? Ta tuy được phong vương, nhưng chẳng có chút quyền hành gì hết, hai mươi vạn quân mà vua cha cho ta ngày nào, lại bị Lữ hậu rút hết về, biến ta thành một con cua bị vặt hết càng. '

Điền Tử Xuân cười mà rằng:

- Thế thì có gì là khó, chỉ cần người tin tưởng, bấy tôi sẽ có cách đến kinh đô Trường An cướp lấy quan về.

- Thật thế không? - Lưu Trạch lau khô nước mắt hỏi lại.

- Sao lại không thật, người hãy cho bấy tôi một ít tiền chi phí và một đôi ngựa con trắng con đen là được!

Lưu Trạch lập tức bằng lòng. Điền Tử Xuân đem theo một đứa con bảy tuổi cùng lên đường đến Trường An tìm quán trọ nghỉ lại. Ông ta dò la biết tướng tâm phúc mà Lữ Hậu tin tưởng nhất là lục quan đại sử Trương Thạch Khánh, bèn nhắm thẳng vào người này.

Điền Tử Xuân biết rằng Trương Thạch Khánh mỗi khi vào triều đều đi qua cửa quán trọ nên cố ý buộc ngựa ngay trước quán. Trương Thạch Khánh nhìn thấy, bèn hỏi tả hữu:

- Ngựa của nhà ai buộc đó?

Tả hữu trả lời:

- Dạ thưa của khách trọ.

- Quả là một con ngựa tốt- Trương Thạch Khánh tấm tắc khen.

Buổi sớm hôm sau, Điền Tử Xuân lại buộc ngựa đen ra cửa, Trương Thạch Khánh lại nhìn thấy, và càng tỏ ra yêu thích.

Điền Tử Xuân ngầm theo dõi, thấy trước Ngọ môn có một căn nhà lớn, trên cửa viết: “Có phòng cho thuê” bèn nảy ngay ra một kế, lập tức đến hỏi chủ nhà:

- Phòng này cho thuê với giá bao nhiêu? Người chủ nhà quay nhìn khách, hỏi lại:

- Đây là nhà của ngài Đại sử, ông là người thế nào?

- Tôi là người bán ngựa trên phố ông về bẩm báo với ngài Đại sử khắc biết.

Điền Tử Xuân được gọi vào. Đầu tiên Trương Thạch Khánh đã hỏi ngay:

- Đôi ngựa đó của ông có bán không?

- Điền Tử Xuân cung kính thưa:

- Đôi ngựa này của tôi là ngựa quý, từ Sơn Đông đưa tới. Nếu quan đại sử muốn dùng, tôi đâu có dám bán, xin được biểu ngài. Thế nhưng mục đích tôi bán ngựa, cũng chẳng ngoài việc kiếm lấy chút tiền và tìm chút việc làm, xin quan Đại sử thương cho.

Nghe nói vậy, Trương Thạch Khánh nghĩ con người này có vẻ khảng khái vô tư, những điều ông ta cầu mong cũng không khỏi phải cất miệng hỏi, bèn cảm ơn một câu và hỏi: - ông tên gì?

- Dạ tôi họ Điền.

- Thế thì càng tốt, vừa vặn cùng họ với tôi. nếu ông muốn làm quan thì làm luôn em cậu cho tôi được không?

Điền Tử Xuân cũng chỉ mong có thể, vội vàng bước lên khoanh tay chào anh rể, còn gọi cả con ra chào cô chào bác rể, ngay sau đó dọn vào trong Ngõ môn ở nghiêm nhiên trở thành người nhà.

Điền Tử Xuân là một con người có tài giao tiếp, hàng ngày chuyện trò làm đạo với Trương Thạch Khánh, rất được lòng anh rể. Một hôm, trong khi chuyện phiếm Trương Thạch Khánh nhắc đến chuyện Lữ Hậu, Điền Tử Xuân thừa cơ nói:

- Nếu anh rể mà tâu với Thái hậu phong cho ba người họ Lữ làm vương, nhất định người sẽ rất vui mừng, tương lai không xa, anh rể còn có thể được thăng tới chức đại phu đấy.

Sau đó còn phân tích điều lợi hại về quan hệ, Trương Thạch Khánh vội cho đó là một kế hay.

Hôm sau vào triều, Trương Thạch Khánh quả nhiên tâu xin phong vương cho ba người họ Lữ, Thái hậu rất mừng, quay sang hỏi Thượng tướng Trần Bình. Trần Bình nói:

- Thái hậu nhìn nhận rất đúng.

Bởi thế ngay lập tức phong cho Lữ Siêu là Đông Bình Vương, Lữ Lộc là Tây Bình Vương, Lữ Sản là Trung Bình Vương, còn phong cho Trương Thạch Khánh là Mạt đình Thừa tướng, và thưởng nhiều gấm vóc bạc vàng.

Trương Thạch Khánh hí hửng mừng rỡ quay về, khoe với Điền Tử Xuân. Điền Tử Xuân vờ kinh hãi nói:

- Tôi thật có tội đáng chết, không nên nói càn sau chén rượu, làm thế này hóa ra làm hỏng cả nhà họ Lữ.

- Cái gì - Trương Thạch Khánh kinh hãi thật.

- Là thế này, họ Lưu vẫn còn ba vị vương ở ngoài, không binh không quyền, hôm nay thấy chỉ trong một ngày phong ba người họ Lữ làm vương, tất nhiên là không vui vẻ gì rồi, chẳng may mà họ có lòng nghi ngờ nổi dậy làm phản thì có phải là nát hết chuyện ra không?

Trương Thạch Khánh vốn là dòng thi sĩ, mới nghe nói thế, đã lo cuống lên, liền hỏi:

- Vậy nên làm thế nào?

- Bây giờ chỉ còn cách duy nhất là cũng nên cho họ Lưu chút lợi lộc gì đó, để hòa hoãn tính thể, hãy ghé tai lại đây - Như thế, như thế, cứ thế mà làm...

Điền ghé tai anh rể thầm thì một thôi một hồi, nói đến nỗi Trương Thạch Khánh cũng phải nhượng mày tán thưởng.

Ngay tối ấy, Trương Thạch Khánh vào cung yết kiến Thái hậu, tâu rằng:

- Bên ngoài đã có tiếng đồn, nói rằng ba người Lưu Trạch, Lưu Hiệu, Lưu Trương đang ở ngoài quan ải, biết được ba người họ Lữ được phong vương, trong lòng không phục, có ý muốn làm phản.

Thái hậu hỏi:

- Thế cần làm cách gì để ngăn chặn họ?

- Như thế này liệu có được không? Trương Thạch Khánh nói:

- Trong ba vị vương đó, ai làm quan thì thương, không làm quan thì cho binh quyền, nếu được có miếng ngon thế chắc là không nghĩ đến làm phản nữa.

- Đúng, khanh nói phải.

Thái hậu lập tức cho vời Trần Bình vào cung, bàn bạc chuyện này. Trần Bình mừng thầm trong bụng, nghĩ tất là Sơn Đông có người đánh tới lấy binh ấn cho Lưu Trạch.

Thái hậu hỏi:

- Ba người họ Lưu, ai là người không có binh quyền?

Trần Bình đáp:

- Chỉ có Lưu Trạch ngồi không bó tay ở Sơn Đông, không chức không binh ấn.

- Được, cho gọi Lưu Trạch vào triều.

Sứ giả đến Sơn Đông, báo tin cho Lưu Trạch, Lưu Trạch cả mừng, lập tức khởi hành lên kinh đô. Thái hậu đã triệu kiến trong điện nói:

- Con ta trấn thủ biên cương, gian khổ lâu nay, nay ta đem binh ấn quân quyền trao cho khanh, cần phải làm việc cẩn thận.

Lưu Trạch vái chào tạ ơn, Thái hậu thấy Lưu Trạch khôi ngô, tướng mạo như thần, trong lòng hơi lo ngại, cầm binh phù trong tay, hỏi lại Trần Bình:

- Có thể giao được không?

- Trần Bình đáp:

- Thái hậu nhìn nhận rất đúng.

- Thái hậu đưa binh ấn cho Trương Thạch Khánh để trao cho Lưu Trạch - Thái hậu lại hỏi:

- Binh ấn đã trao rồi, nên cho bao nhiêu binh mã - Trần Bình thưa:

- Xin tùy ý Thái hậu.

- Ba vạn nhé?

Thái hậu chìa ngón tay nói với Lưu Trạch. Trần Bình đưa mắt liếc Lưu Trạch, Lưu Trạch im không nói.

- Năm vạn nhé? - Lưu Trạch vẫn im không hé miệng.

- Bảy vạn nhé? - Thái hậu lại gắng hỏi câu nữa.

Lưu Trạch vẫn nhìn trừng trừng, đầu chỉ lắc hai cái.

Thái hậu nổi nóng lên, vội gạt tay nói:

- Không cho nữa, không cho nữa.

Lúc ấy Trần Bình mới gọi giật lên:

- Lưu Trạch, sao còn không cúi đầu tạ ơn? Thái hậu nương nương đã bằng lòng cấp cho ông năm năm hai mươi lăm vạn binh mã rồi đấy!

Lưu Trạch vội quỳ lạy tạ ơn, Điều ấy mới làm Thái hậu giật mình, không ngờ Trần Bình lại có cái trò này, nhưng đã là bậc “quần thần” thì không nói bỡn, đành ngậm bồ hòn làm ngọt và chẳng còn cách nào, vẫn phải nói với Lưu Trạch.

- Thôi, nể mặt Cao Tổ, ta vẫn cấp cho khanh!

Sớm ngày hôm sau, Lưu Trạch tới bộ binh để trao cắt binh mã, dẫn hai mươi lăm vạn quân ra đóng ngoài thành.

Lưu Thạch Khánh gặp Điền Tử Xuân, báo cho biết là Lưu Trạch đã được lĩnh hai mươi lăm vạn quân đang diễn tập bên ngoài thành. '

- Nói đùa, Sơn Đông mà lại có binh mã đến đây - Điền Tử Xuân giả bộ lạ lùng.

- Không tin thì ra mà xem!

- Cũng được, em đang muốn ngày mai ra ngoài thành săn bắn, tiện đi xem thế nào! Điền Tử Xuân chuẩn bị tốt mọi mặt, trời còn chưa sáng đã cùng Phụng Lang cưỡi hai con ngựa đen, trắng bữa trước mang đến, mang theo năm mươi người tùy tùng, lên ra cửa đông thành đi biệt.

Gặp Lưu Trạch, Điền Tử Xuân vội giục nhổ trại lên đường:

- Binh mã đã đến tay, lúc này không đi, còn đợi đến bao giờ?

Cái miệng con cọp này có thể ngậm lại bất cứ lúc nào.

Thế là, hai mươi lăm vạn binh mã ùn ùn rầm rộ đổ về Sơn Đông.

Sau đó không lâu, thám tử đã được nguồn tin, báo cáo lên Lữ Hậu.

- Lưu Trạch đã làm phản ở Sơn Đông rồi!

Lữ Hậu rất giận, vội cho gọi Trần Bình, quát hỏi:

- Người có biết Lưu Trạch đã làm phản rồi không? Đây toàn là do tội người đó.

Trần Bình chẳng chút hoang mang tâu:

- Dạ thưa, làm sao chuyện lại vương đến thần tôi ạ? Đây đều là do Trương Thạch Khánh sắp đặt cả ạ.

Lữ Hậu lại truyền cho Trương Thạch Khánh tới, trách móc:

- Người biết tội gì chưa? Chính người bày kế bảo ta giao binh mã cho Lưu Trạch, bây giờ hấn dùng ngay binh mã ấy làm phản đấy!

- Thần đáng tội chết! - Trương Thạch Khánh vô cùng lo lắng quỳ dưới đất tâu. Thần không nên nghe lời Điền tử Xuân, tâu xin phong vương cho ba người họ Lữ, lại xin cấp binh mã cho Lưu Trạch - Thần biết tội đáng chết ạ. Cúi xin Thái hậu tha cho.

Trần Bình đứng bên cười thầm trong bụng. Nhưng lại nói rất nghiêm túc:

- Quan đại sử có biết Điền Tử Xuân là người như thế nào không? Hắn là mưu sĩ đặc lực nhất của Lưu Trách.

- Tiểu thần quả thật không biết cái quân gian tế đó - Trương Thạch Khánh nói.

- Hạn cho người trong vòng nửa giờ đồng hồ bắt được Điền Tử Xuân về đây!- Thái hậu vẻ mặt căm tức quát lớn.

- Kính bẩm Thái hậu, Điền Tử Xuân đã trốn về Sơn Đông rồi ạ!

- Đồ ăn hại - Thái hậu đập bàn đánh “bốp”, giấy tờ trên bàn bay tứ phía, rơi đầy mặt đất - Hãy cởi mũ áo để lại đây, cách chức chờ xét hỏi, không bao giờ được dùng nữa.

LƯU BỊ THỪA CƠ VÀO TỨ XUYÊN

Cuối đời Đông Hán, ở Bồn Châu Mục (Tứ Xuyên) Lưu Chương dò tin được biết Trương Lỗ ở Quan Trung (Thiểm Tây) đang dấy binh xâm lược nên rất hoang mang, nghe kể của mưu thần, cử Trương Tùng đến Hứa Đô để thương thuyết với Tào Tháo dấy binh lấy Quan Trung để cho Trương lúng túng khó giữ trọn cả chân lẫn đầu.

Trương Tùng lòng đầy chán nản, trên đường qua Kinh Châu bị Lưu Bị giả nhân giả nghĩa đánh lừa lôi cuốn vào vòng chính trị, vội ngầm đưa bản đồ Tứ Xuyên sẵn mang theo, trong có ghi những nơi hiểm yếu của Tứ Xuyên cùng số lượng tiền bạc lương thảo và khuyên Lưu Bị vào Tứ Xuyên để lập bá nghiệp.

Trương Tùng về gặp Lưu Chương đợi lệnh, nói rằng Tào Tháo quả thực tên Hán tặc, dã tâm rất lớn không đáng dùng mưu, không như Lưu Bị nhân từ yêu kẻ sĩ, có phong độ người lớn và lại cùng là họ Lưu, dễ kết thân để làm lực lượng chi viện bên ngoài, có thể chống cự lại được với Trương Lỗ và Tào Tháo.

về vấn đề bắt tay với Tào Tháo hay Lưu Bị, đã xảy ra một trận tranh cãi kịch liệt, kết quả vẫn là ngả theo Lưu Bị, sai Pháp Chính đi Kinh Châu đón Lưu Bị vào Tứ Xuyên, Lưu Chương và Lưu Bị gặp nhau ở Bồi Thành, thay nhau kể lể về tình anh em, nghĩa họ hàng, rất là tâm đắc. Nhưng tướng lĩnh của hai bên thì mỗi người đều ngầm nghĩ một cách. Quân sư của Lưu Bị là Bàng Thống và nội gián Pháp Chính khuyên Lưu Bị là nhân bữa tiệc mà giết Lưu

Chương đi, như vậy lấy được Tứ Xuyên trong tầm tay. Lưu Bị nói rằng mới tới đất Tứ Xuyên, chưa gây được lòng tin, việc này quyết không thể làm được.

Hôm sau Lưu Chương thiết tiệc lại Lưu Bị, lại kể lễ tình cảm sâu sắc. Rượu được mấy tuần, Bàng Thống bàn riêng cùng Pháp Chính, làm theo chuyện Phạm Tăng ở Hồng Môn Yến năm nào, sai Ngụy Diên đứng ra múa kiếm, thừa thế giết Lưu Chương. Ngụy Diên rút kiếm bước ra nói:

- Trong bữa tiệc chẳng có gì làm vui, xin múa kiếm để mua vui, .

Bàng Thống hô hào các võ sĩ khác ở sẵn bên đuổi chuẩn bị giúp một tay.

Các tướng lĩnh của Lưu Chương, thấy tình hình này, đã biết là không tốt đẹp gì rồi. Trương Nhiệm đứng lên rút kiếm bước ra nói múa kiếm cần phải có hai người, xin cùng múa với Ngụy Tướng quân. Ngụy Diên thấy có đối thủ, vội liếc mắt ra ý với Lưu Phong, thế là Lưu Phong cùng rút kiếm bước ra. Bên này Lưu Hội và Đặng Hiên cũng rút kiếm ra nói rằng chúng tôi cũng cùng múa để cho thêm vui.

Lưu Bị thấy vậy thất kinh vội lấy kiếm của tên lính hầu, cầm trên tay, đứng dậy ngăn lại:

- Anh em ta gặp nhau uống rượu vui, chẳng nghi kỵ gì nhau, chẳng phải là Hồng Môn Yến, sao phải dùng chuyện múa kiếm, kẻ nào không buông kiếm sẽ bị chém hết.

Lưu Chương cũng lập tức bảo tướng lĩnh của mình:

- Anh em gặp nhau, hà tất phải đem theo đao kiếm làm gì? Bèn lệnh cho bọn thị vệ tất cả bỏ kiếm xuống. Các tướng lĩnh cũng lần lượt thu kiếm bước xuống, lúc ấy mới dẹp được cơn nguy hiểm.

Qua trận đấu ngầm nhau lần ấy, dưới sự khuyên giáo của các tướng lĩnh, Lưu Chương mới có tâm lý sợ sệt đề phòng. Bỗng có tin báo Trương Lỗ đã chinh đồn binh mã, sẽ xâm phạm cửa ải Hà Manh. Lưu Chương bèn dùng cách đánh rắn leo đầu gậy, mời Lưu Bị ra chống cự, Lưu Bị tất nhiên nhận lời, dẫn binh mã của bản bộ ra cửa ải Hà Manh. Lưu Chương lại lệnh các tướng giữ vững các cửa ải quan trọng, phong Lưu Bị làm binh biến.

Lưu Bị ở ải Hà Manh lâu ngày, có dụng ý đi thu phục lòng dân. Bỗng lại nhận được thư của Khổng Minh ở Kinh Châu gửi đến, nói Tào Tháo dấy binh xâm phạm Đông Ngô. Bàng Thống thừa cơ khuyên rằng:

- Chi bằng mượn cơ này, nhờ binh mã của Lưu Chương quay về Kinh Châu hợp sức với Tôn Quyền đánh Tào Tháo. Lưu Bị đồng ý, cử sứ giả đến Thành Đô gặp Lưu Chương, xin điều cho ba vạn tinh binh và mười vạn hộ quân lương để chi viện.

Lưu Chương nhận được thư rất khó nghĩ, đem bàn bạc với các tướng lĩnh, kết quả là chỉ cho điều 3000 quân già yếu và một vạn hộ quân lương.

Lưu Bị nhận được thư trả lời, xem xong nổi giận nói:

- Ta dẹp giặc cho mi, tổn tâm tổn sức, ngày nay mi mang nợ không trả, làm sao để sĩ tốt nghe theo chứ! Lập tức xé nát bức thư, đuổi sứ thần đi.

Qua lần trở mặt này, anh em đã trở thành thù địch, Lưu Bị lúc này như một cái cây chết cứng ì ra không chịu đi, ngược lại còn điều binh khiển tướng, tấn công thành trì công khai tuyên chiến với Lưu Chương.

Kết quả, quân của Lưu Bị thắng lợi liên tục giòn giã, đánh thẳng vào Thành Đô, làm cho Lưu Chương kiệt quệ phải đầu hàng. Hôm ra hàng, Huyền Đức còn diễn màn kịch mè nheo khóc chuột, nắm tay Lưu Chương nước mắt dàn dụa nói rằng:

- Anh em như thể chân tay, lần này tôi không thể làm điều nhân nghĩa được là do tình thế ép buộc mà thôi!

Giang Sơn đã yên ổn Lưu Bị tự lãnh phần đất Tứ Xuyên, đẩy chủ cũ của nó là Lưu Chương mang theo toàn bộ gia quyến lớn bé về cư trú ở miền Công An của Nam quận đất Kinh Châu, và phải lên đường ngay hôm ấy.

KẾ § 11 THUẬN TAY DẮT BÒ

VỀNH VANG LÀM PHÁCH THÔI CHỮ MƯU TRỪ TỀ TRANG CÔNG
THUẬN TAY DẮT BÒ VÌ ĐÀN BÀ ANH EM ĐỒNG HAO ĐÁNH LỘN.

Thuận tay dắt bò là nói đang đi trên đường, bỗng nhiên thấy con bò ở bên đường thuận tay dắt về nhà. Đó là khoản thu nhập ngoài ý muốn, cũng như tục ngữ thường nói: “Của đâu mang đến dừng dừng” hay câu “đã lợi thì lại tiện, tay lạnh vớ được bánh nóng”.

Việc trên đời thiên biến vạn hóa, thế nhưng có lúc lại rất tình cờ, thường thường lúc vô tình lại vớ được món hời ngoài ý muốn cũng có khi do tình thế ép buộc “mất con săn sắt mà bắt được con cá sộp”. Xem bề ngoài, sự may mắn đó hầu như do vận hội, nhưng trên thực tế không phải là như thế. “Thuận tay dắt bò” sở dĩ trở thành mưu thành kế, tự nhiên không phải thanh cao như câu “bỏ qua những thứ không phải của mình, không thêm tơ tóc”.

Người không ai không hám lời hám lợi, nhân vật lớn thì tham lớn người nhỏ thì tham nhỏ. “Tham” là sự theo đuổi của cuộc sống, kẻ thường nói là “không tham, không mưu lợi” đó chỉ là câu nói mỹ miều khi chưa gặp được cái vật mà lòng mình muốn, đó là tư tưởng “nho xanh không ngọt”, Lấy Đào Uyên Minh mà nói, trong khi ông ta rêu rao “giàu sang không phải sở nguyện của tôi”, thì ông ta lại vô ý để lộ ra rằng đó là do “đất vua không dễ nhòm ngó”, nếu đất vua dễ nhòm ngó được, vị tất ông ấy đã thanh cao như thế, đã chẳng giắt năm đấu gạo ngang lưng từ quan về làng để ngồi xe hay “chèo thuyền” đi cày ruộng.

Nói toạc ra “thuận tay dắt bò” là sự bộc lộ tự nhiên của con người, là ý nghĩ muốn đầy đủ cho mình, phương thức của nó là chiếm đoạt một cách hòa bình, cao thượng và khôn ngoan hơn là “nhân cháy nhà mà cướp của”. Nhưng rốt cuộc thì cơ hội để “chiếm đoạt hòa bình” không phải lúc nào cũng có, Nếu những nhân vật anh hùng muốn tạo cơ hội cũng không muốn gửi gắm hi vọng vào hòa bình. Thế mới biết tham lam là thiên tính của giống người, đánh và cướp cũng là hành vi giải giang, bất kể tham lam trắng trợn công khai hay ngấm ngầm, cướp công khai hay cướp ngầm, phương pháp không giống nhau nhưng kế mưu để biến lợi ích của người khác thành của mình thì chỉ có một. Nếu coi “thuận tay dắt bò” là một sách lược hòa bình, hoặc cho rằng “vận may phú quý đến dừng dừng” là một sai lầm lớn.

Trên đời chỉ có đánh bạc gặp vận đỏ, chứ tuyệt đối không thể có con bò béo vô chủ đứng đợi sẵn bên đường chờ anh đến dắt, huống hồ sự nghiệp anh hùng là phải do mình tạo nên, còn nếu như không dựa vào số mệnh hay vận may, thu thập ngoài ý muốn chẳng qua chỉ là một trận thắng bại “trong hỗn chiến, tao ngộ chiến”... mà thôi. Cũng tức là muốn nói, khi đã đánh tan được kẻ thù chính của mình rồi, nhân uy danh của chiến thắng thừa thế đi diệt thêm kẻ thù thứ yếu, hoặc khi mai phục không bắt được cọp dữ thì cũng bắt một con khỉ về gọi là chiến công.

Sự vận dụng của kế “thuận tay dắt bò” rất rộng, trong dân gian rất thông dụng, quan trường cũng rất đột xuất, đó là do hoàn cảnh khác nhau vậy. Có một truyện cười thế này: Có một tên ăn trộm trâu, bị bắt trình giải lên quan, buộc tội ăn trộm trâu, nhưng hấn lại cãi với quan: “Tôi đâu có dắt trộm trâu? Chẳng qua thấy bên đường có sợi dây thừng, tiện tay nhặt về nhà, con trâu tự động theo về đấy chứ!”. Đó tuy là chuyện cười, nhưng cũng khéo trung hợp với câu nói của Nhiếp Chính Vương Tước Gon thời Thanh, trong thư gửi Sử Khả Pháp “Thiên triều sở dĩ lấy Nhạn Kinh, cái được là phá giặc chứ không phải lấy triều Thanh”.

Kiểu “thuận tay dắt bò” đặc sắc nhất trong lịch sử phải như chuyện đời Minh, Trịnh Hòa xuống Tây Dương, sử sách nói đây là một mưu lược lớn dựng nghiệp của Minh Thành Tổ, kỳ thực chỉ là việc “thuận tay dắt bò”, tình cờ mà lượm được cục vàng. Trịnh Hoà sở dĩ xuống Tây Dương (tức là đi Nam Dương) mục đích thuần túy chỉ là đi bắt Hoàng đế Kiến Văn đang chạy trốn, vị phế vương này nguyên là cháu của Minh Thành Tổ, nghe nói đã cải trang làm nhà sư trốn ra nước ngoài, bởi vậy mới cử Thái giám Trịnh Hoà đi đuổi bắt về nhằm nhổ cỏ tận gốc. Trịnh Hoà dẫn rất nhiều quân đến Nam Dương, không hiểu thủ tục ngoại giao nên đã gây xung đột với vua địa phương của Nam Dương, đánh nhau kịch liệt, lại gặp đội quân ô hợp của các bộ lạc địa phương, không có kinh nghiệm chiến đấu với nước ngoài, đánh đến mức các nước nhỏ phải thần phục đầu hàng, bởi vậy sử sách đã tô vẽ ca tụng văn công võ lược của Minh Thành Tổ. Nhưng công lược như thế thật chẳng đáng tôn thờ, thử hỏi lúc bấy giờ, muốn giương oai ở nước ngoài, cứ nhất định phải cử viên Thái giám không biết gì là nhân đạo đi đốc quân mới được, triều đình không còn một viên văn quan võ quan có thể gánh vác việc này được sao? Cho rằng có tiến quân chinh phạt, cũng không thể tiến công bằng đường thủy ở cái thời vận tải biển còn chưa phát triển mà nghĩ đến chuyển đường bộ không an toàn bằng lên thuyền trên biển! Nói cho cùng Trịnh Hoà là người lo việc trong

hoàng cung, nhận được ra những đặc điểm của Kiến Văn, cử đi cũng chỉ là để nhận mặt. Đó rõ ràng chỉ là một chuyến giao dịch chính trị, là chuyến mạo hiểm hú hoạ “hỗn chiến, tạo ngộ chiến”, .. Có khác gì Robinson ngày nào một mình bá chiếm một phương? Cũng may mà đánh thắng, nếu không, Trịnh Hoà là một con người chẳng ai hề nhắc đến.

Đây là ví dụ thành công của việc “thuận tay dắt bò”, sự thất bại cũng không phải là ít. Bởi vì thất bại, nên sử sách thường không nhắc tới, người đời thường “lấy thành bại mà đoán anh hùng”, người bị lịch sử và thời đại đào thải thì còn giá trị gì nữa. Cho nên có câu “người chết sự nghiệp hết”, đi lật án xét lại cho người bất hạnh quả thực là chuyện tự gây rắc rối.

Thời Xuân Thu cũng có chuyện vận dụng kế “thuận tay dắt bò” thành công.

THÔI CHỮ DÙNG MUỖ TRỪ TÊ TRANG CÔNG

Thôi Chử vì có công lập Tê Trang Công, được phong là Thượng khanh, điều hành chính sự quốc gia. Trang Công hàng ngày thường đến tận phủ của Thôi vui chơi uống rượu, không có gì là gò bó, thân như người trong nhà.

Một hôm, Trang Công uống vài chén rượu, thấy Thôi Chử có việc cần ra ngoài, bèn thừa dịp dụ dỗ thông dâm với vợ kế của Thôi Chử là Đường Khương. Sau đó nhiều lần lúc thậm thụt lúc công khai đi lại với nhau. Việc này dần dần bị Thôi Chử phát giác và đã nghiêm túc răn dạy vợ mình, nàng thừa nhận không dám trái lời, nhưng vẫn nói:

- Trang Công là vua của một nước, ông ta lấy thế để uy hiếp, thiếp là đàn bà con gái làm sao mà chống lại nổi?

- Nhưng nàng cũng phải sớm cho ta biết chứ!

Thôi Chử tức giận nói.

- Ôi! Đường Khương thối dãi, buồn bã nói - Thiếp đã biết việc này là sai rồi, nhưng đã thành sự thực, nói ra hỏi ích gì? Sợ lúc nói ra, Tướng công sẽ nổi giận, chẳng may Trang Công biết được, nhất định sẽ ra tay hại mình. Ôi! Làm là làm ở chỗ ngay từ đầu đừng để ông ta đến nhà.

Thôi tức giận, suy nghĩ một hồi nữa, chẳng biết làm cách gì chỉ lạnh lùng nói:

- Thì thôi vậy, sự việc đến như ngày này, cũng không thể trách nàng được, chỉ trách ta đã dẫn sói vào nhà. Nói xong buông một tiếng thở dài.

Từ đó về sau Thôi Chử càng có ý đề phòng, không để cho Trang Công và Đường Khương có dịp gần nhau và ngầm muốn ám hại Trang Công.

Trang Công có một nội thần tên Giả Thủ, bởi một sai sót nhỏ, bị Trang Công phạt đòn một trăm roi, trong lòng thường ăm ức, luôn tỏ lời oán thán. Thôi Chử biết việc ấy, bèn mua chuộc định dùng người này làm nội tuyến, sẵn sàng báo cho Thôi Chử biết mỗi một hành động của Trang Công.

Không lâu sau có Lê Tỵ Công nước Cử, (Sơn Đông bây giờ) sang nước Tề triều kiến. Trang Công cả mừng, sai mở đại tiệc ở Tây Giao để chiêu đãi. Phủ đệ của Thôi Chử cũng ở gần đó.

Biết được tin này, Thôi Chử cũng đoán được dụng ý của Trang Công. Bèn giả vờ ốm, không đi dự tiệc tiếp khách nữa, một mặt sai người tâm phúc đến chỗ Giả Thủ để thăm dò tin tức, Giả Thủ báo lại là sau khi tiệc tan, Trang Công sẽ đến thăm bệnh tình của Tướng quốc Thôi...

- Xi! Con dê già ấy làm gì có chuyện quan tâm đến ta? Có mà quan tâm đến vợ ta thì có. Thôi Chử cười nhạt một tiếng và lắc đầu một mình vậy.

Sau đó Thôi Chử lập tức nói với Đường Khương:

- Đêm nay ta sẽ tính chuyện với tên hôn quân dâm chúa này, nàng nhất định phải làm theo lời ta. Việc mà thành, lập nàng lên hàng chính thất, Á Minh con của nàng là người kế nghiệp, không bêu tiếng xấu của nàng.

- Phận đàn bà, xuất giá phải tòng phu, hưởng hồ như thế lại có thể báo được thù cho thiếp, chỉ cần Tướng công bảo thiếp, làm gì thiếp cũng làm.

- Được! Thôi Chử ghé tai xúi nàng thế này thế này, làm vậy, làm vậy.

Sau đó căn dặn tráng đinh trong nhà nấp sẵn trong ngoài cửa ra vào, lại cử người tâm phúc đi gặp Giả Thủ báo cho biết cần phải làm mùi thơm gì để nhử con cá vàng cắn câu.

Trang Công trong dạ luôn nghĩ đến Đường Khương, nay thấy Thôi bị ốm, đã khắp hỏi trong dạ, vội vội vàng vàng mở tiệc cho xong, rồi sai xa giá đến Thôi phủ.

-Bệnh tình của Tướng quốc ra sao rồi?- Trang Công vừa vào cửa đã lên tiếng hỏi.

- Bẩm tâu nhà Vua, bệnh tình Tướng quốc rất nặng, vừa mới uống thuốc xong và đang ngủ - Người gác cửa đáp lại như vậy.

- Ngủ ở chỗ nào? Trang Công lại hỏi.

- Dạ, bẩm ngủ ở sảnh ngoài bên phía đông!

Trang Công mừng lắm, đi thẳng vào gian trong ở lầu phía tây. Bốn vệ sĩ cũng định cùng theo vào, nhưng bị Giả Thủ ngăn lại, nói:

- Các anh to gan thật đấy, không hiểu gì sao, việc của Chúa thượng, các anh dám tò mò à? Thôi hãy ở sảnh ngoài mà chờ đi.

Mấy người tin lời, bèn dừng chân ngay ngoài cửa, chỉ một mình Giả Thủ theo vào, liền đóng cửa cũng đóng chặt ngay lại.

Vào tới phòng trong, Đường Khương ra đón. Hôm nay nàng trang điểm hết sức xinh đẹp. Trang Công vừa nhìn thấy, như một con hổ đói gặp dê non, muốn ôm chặt lấy nàng. Thế nhưng, có thị tì bước ra, thưa với Đường Khương, nói rằng Tướng quốc kêu khát nước, bảo phu nhân pha nước đường đưa sang.

Đường Khương ném sang phía Trang Công một cái liếc mắt, nói nhỏ.

- Vội gì chứ? Hãy đợi thiếp sang cho ông ta uống chút nước đường rồi quay lại. Chờ thiếp một lát. Biết không? Hứ! Nhìn thấy người tình như một cành hoa đung đưa bước ra cửa, Trang Công thấy Giả Thủ cũng kiềm chế rồi khỏi đó.

Trang Công như ngựa ngáy trong lòng, bước qua bước lại trong phòng hết nhìn chán gắm gối thêu trên giường lại ngó chừng ra ngoài cửa sổ nét mừng hiện lên khoé mắt, dục vọng chứa đầy trong lòng.

Một lát sau, phục binh nhất tề đứng dậy, vung kiếm hét lớn, lúc này Trang Công mới hốt hoảng giật mình và biết rằng có biến, vội luồn cửa sau chạy trốn, nhưng cửa đã khóa mất rồi. Trang Công sức còn khỏe, đập tung cửa ra, bước lên căn gác nhỏ, phục binh lại kéo đến vây chặt căn gác, nhao nhao hò hét:

- Vâng lệnh của Tướng quốc, bắt lấy tên dâm tặc!

Trang Công thấy không cách gì phá vây nổi, qua cửa sổ nói với một người lính:

- Ta là Quốc vương, các người không được hỗn láo.

- Không biết Quốc vương gì hết ráo, theo lệnh của Tướng quốc chúng tao chỉ biết vào bắt tên dâm tặc - Người lính càng nói to hơn.

- Thôi Tướng quốc ở đâu, ta muốn gặp nói chuyện với Tướng quốc!

- Tướng quốc bị cúm không tới đây được.

Trang Công thấy tình hình này, biết không còn chỗ quay lui, đành muối mặt trước đông người, lên tiếng van lơn:

- Ta biết các người sẽ lấy mạng ta, nhưng có thể để ta về tự vẫn ở Thái miếu được không?- Vừa nói, Trang Công như vừa muốn khóc lên.

- Thôi, cứ tự giải quyết ngay đi, khỏi phải chịu nhục.

Trang Công đột nhiên đập cửa sổ nhảy ra, định trèo tường trốn thoát, một mũi tên từ đâu lao tới trúng vào chân trái, rơi từ trên tường xuống.

Quân lính nhất loạt ào tới, chém nát thân Trang Công, bốn tên vệ sĩ ở sảnh ngoài cũng bị phục binh lần lượt kết liễu.

VÌ ĐÀN BÀ ANH EM ĐỒNG HAO ĐÁNH LỘN

Thời Xuân Thu, Thái hầu và Túc hầu kết nhau là anh em đồng hao, cùng lấy hai em gái của Trần hầu. Thái hầu lấy người chị. Túc hầu lấy người em. Thế nhưng đường lối của hai nước lại không giống nhau, Túc hầu thần phục nước Sở còn Thái hầu lại theo nước Tề.

Túc phu nhân là một phụ nữ vô cùng diễm lệ với dung mạo của tuyệt thế giai nhân, đã từ lâu khiến anh rể là Thái hầu thêm muốn. Một hôm, Túc phu nhân về nước Tần thăm quê ngoại, trên đường đi phải qua nước Thái, Thái hầu cho rằng đây là một dịp tốt, rắp tâm kiểm chác, muốn lấy tiếng thân để lấn lướt, tỏ lòng thương yêu em dì, bèn đón Túc phu nhân vào cung, dâng bốc một hồi rồi sấn đến đụng chân đụng tay chẳng hề có chút gì kính nể.

Tức Phu nhân cho rằng người anh rể chẳng qua chỉ là tên háo sắc nên càng tỏ ra kính trọng mà lánh xa, vội vàng từ chối về thẳng quê nhà.

Cho đến ngày quay về cũng không dám đi qua nước Thái, mà phải đi đường vòng. Khi gặp chồng liền đem chuyện Thái hầu chọc ghẹo mình thế nào kể hết cho Tức hầu nghe. Tức hầu căm giận nói:

- Được, thằng Thái hầu vô lại, mày định cấm sừng cho tao, không trị cho mày một trận không xong.

Thế là lập tức cử một đặc sứ sang nước Sở, mật cáo với Sở Vương: “Thái hầu vốn có quan hệ thân thích với nước Tề, không coi Đại vương ra gì, còn thường xuyên tung tin đồn muốn ly gián mối bang giao giữa nước Sở và nước Túc...”

Sở Vương nói:

- Sợ rằng dẫn đến chuyện lân bang đồng minh của nó là nước Tề dấy binh chẳng?

- Thế thì có gì là khó - Đặc sứ nói - Nước tôi và Thái hầu là nước liên minh lại còn kết nghĩa đồng hao, Thái hầu lại hiếu thắng, nếu Đại vương giả ý dụng binh với nước tôi, thế nào hẳn cũng tới cứu, đến lúc ấy quân chúng tôi đột nhiên bắt tay với quân Sở, bao vây chặt hẳn lại, như vậy Thái hầu có mọc hàng vạn cánh cũng không bay được, đó là kế lừa ông vào hũ kín.

- Hay lắm - Sở Vương vỗ tay khen ngợi.

Thế là quân Sở rầm rầm rộ rộ tấn công vào Túc quốc, Tức hầu cử người cầu cứu Thái hầu, quả nhiên Thái hầu mang ba quân sang chi viện. Khi tới nơi, chưa kịp hạ trại, bỗng nhiên phục binh của quân Sở nhất tề nổi dậy, giết cho quân của Thái hầu trốn chạy tứ tung. Thái hầu cũng hốt hoảng trốn vào thành của Túc hầu, nhưng Túc hầu đã đóng cửa thành không chứa, quân Sở thì đuổi riết sau lưng, sợ đến nỗi quay tìm đường chạy trốn, nửa đường bị quân Sở bắt sống.

Lúc ấy Tức hầu ra ngoài thành khao thưởng quân sở và cung kính đưa tiễn Sở Vương rút quân về nước. Thái hầu lúc đó mới tỉnh ngộ ra và biết mình đã trúng kế của Túc hầu, đã bán mình cho người khác.

Sở Vương định thiêu sống Thái hậu để lễ Thái miếu, sau nhờ một đại thần hết lời khuyên giải, mới cho phép thả Thái hậu về nước.

Khi Thái hậu lên đường về nước, Sở Vương lại cho bày tiệc đưa tiễn linh đình, trong bữa tiệc còn thêm cả ban nữ nhạc rồi có cả mỹ nhân hầu rượu, hương thơm sắc đẹp đến mê người, trong số đó có một cô gái gầy đàn tranh, xinh đẹp trội hẳn lên, Sở Vương chỉ nàng cười nói với Thái hậu:

- Cô gái ấy vừa xinh đẹp vừa thông minh, vừa có sắc vừa có tài nghệ, Thái hậu đã từng thấy người đẹp như thế này bao giờ chưa?

Thái hậu lúc này nghĩ đến mối thù Túc hậu đã ám hại mình, bèn nói:

- Theo tôi, người đàn bà đẹp nhất trên đời, không ai bằng Túc Ngụy phu nhân của Túc hậu.

- Nàng đẹp đến như thế nào? Sở Vương vội hỏi.

- Nàng ấy à - Thái hậu tô vẽ thêm - Mắt như nước hồ thu, mặt tựa hoa đào, người không béo cũng không gầy, dáng đứng như trúc tơ đón gió, nét đi thật là như tiên nữ trong mây...

- Nếu có người đẹp tuyệt trần như thế quả nhân được gặp một lần rồi có chết cũng không tiếc đời - Sở Vương hạ thấp giọng thì thầm.

Thái hậu thừa cơ khêu gợi thêm:

Như vậy thì có khó gì, với uy danh của đại vương và sự hùng mạnh của nước Sở, thi ngay đến vợ của vua Tề cũng có thể nắm trong tay, huống hồ đó lại là nước chư hầu.

Sở Vương về đến cung, da diết nhớ người đẹp ấy, càng nghĩ càng thấy cần có ở bên mình. Cuối cùng nghĩ ngay ra một kế, giả danh đi tuần thú, đến nước Túc. Túc hậu ra biên thủy nghênh đón, bày tiệc linh đình kính cẩn tiếp Sở Vương, Sở Vương mỉm cười nói:

- Quả nhân lần trước ra quân bắt Thái hậu, có góp công góp sức với quý hầu, chưa có chút góp sức gì với tôn phu nhân. Hôm nay từ xa xôi đến thăm phu nhân đây, tôn phu nhân tiếc gì không ra rót cho quả nhân một chén rượu chớ!

Tức hầu Vương vừa nghe bỗng biến sắc mặt, câu nói xa xôi bóng gió của Sở Vương có là thẳng điếc nghe cũng hiểu, thế nhưng lại sợ oai của Sở Vương, không dám làm trái, bèn truyền phu nhân ra gặp mặt nơi bàn tiệc.

Một lát sau, tiếng vòng tiếng khánh vang ra, mùi hương lan tới, Tức phu nhân đã lộng lẫy kiêu dáng đứng ngay trước cửa, yếu điệu vái chào tạ ơn Sở Vương. Sở Vương nhìn ra, quả nhiên là người ít thấy trên đời, trong đời càng hiếm bèn vội vàng đáp lễ. Phu nhân lấy cốc bạc ngọc rót đầy rượu, kính mời Sở Vương, Sở Vương định tận tay nhận rượu, nhưng nàng lại từ tốn ung dung đưa cốc rượu cho cung nữ để chuyển cho Sở Vương, Sở Vương một hơi uống cạn, lòng vui như hoa nở. Thế nhưng người đẹp đã quay vào hậu cung.

Đêm ấy, Sở Vương mất ngủ, trằn trọc đến khi trời sáng. Ngày hôm sau, lại mở một bữa tiệc cảm ơn để đãi Tức hầu, nhưng lại ngầm cho quân phục sẵn, định dùng uy quyền cưỡng đoạt.

Tức hầu không hiểu được ý đó vẫn nhận lời đến dự tiệc. Rượu uống đến nửa chừng, Sở Vương giả say, nói với Tức Hầu:

- Quả nhân từng có công với tôn phu nhân, sở bình cũng từng bỏ mạng vì nàng, hôm nay có mặt ba quân ở đây, tôn phu nhân lại chẳng biết ra đây hỏi han đôi điều hay sao?

- Tức hầu nhỏ hẹp, không đủ để Đại vương vui, song để tôi về nói với nàng xem ý nàng thế nào?

Sở Vương bỗng nhiên nổi giận, chỉ mặt Tức hầu mắng:

- Đồ phàm phu bất nghĩa, còn lươn lẹo dễ dàng dành người khác, Quân đâu! Sao chưa bắt lấy cho ta?

Tức hầu còn đang muốn phân trần thì phục binh đã ào ra, trói chặt lại.

Sở Vương lập tức dẫn quân xông vào hậu cung, sục sạo tìm Tức Ngự. Tức Ngự thấy có biến, thở dài một tiếng than rằng:

- Công rắn cắn gà nhà, thực là tự chuốc họa vào thân! - Nói rồi bèn chạy vào sân sau định lao đầu xuống giếng, nhưng lại bị tướng sở tóm được vấy áo, khuyên:

- Phu nhân! Lẽ nào người lại không giữ trọn tính mạng cho Túc hầu sao? Tội gì mà phải chết cả hai chứ?

Túc Ngự bị giải lên Sở Vương, Sở Vương tỏ ra rất thương yêu, đồng ý không giết Túc hầu, cho phép về nước, nhưng lại lập Túc Ngự lên hàng phu nhân chính thất của mình và đưa về nước Sở.

Túc Ngự xinh đẹp, mặt tựa hoa đào, cho nên xưng là “Phu nhân hoa đào”.

KẾ § 12 BIẾT RÕ CỐ LÀM NGO

CÙNG GIƯỜNG KHÁC MỘNG CHU DU GIÃ VỜ, TƯỚNG CÁN BỊ MẮC LỪA
BIẾT RÕ CỐ LÀM NGO TỪ ĐẠT GIẢ SAY PHÁ SỬ NGẠN TRUNG

“Biết rõ cố làm ngo”, giải thích theo ý của từ này là rõ ràng biết chuyện gì đó, nhưng cố ý làm như không biết.

Thái độ này là một thứ triết học xử thế nói chung, tục ngữ cũng có nói: “Không ngày không điếc, điều gì cũng không biết là thứ triết lý phòng thân, mục đích của nó là tránh thị phi”.

Lã Mông Chính khi tham gia chính sự, mới vào triều, có người đã chỉ mặt nói khôi hài: “Chú nhỏ này cũng đến tham gia chính sự: Mông Chính giả vờ không nghe thấy cứ thế lên điện. Cùng hàng vai vế với Mông Chính có người tỏ ra bất bình, muốn truy hỏi xem ai là người nói câu ấy. Mông Chính ngăn lại nói rằng:

- Không cần thiết, nêu tên họ người ta, mình đâm ra phải nhớ suốt đời, chi bằng không nhớ còn tốt hơn. Cái kiểu cố làm ngo này, thể hiện rõ ràng “người lớn thường đại lượng”, thật không hổ thẹn là “bụng Tể tướng có thể chèo đò trong đó”.

Nhưng “Biết rõ cố làm ngo” khi thành mưu lược thì không còn là thứ triết lý giữ mình, tránh điều thị phi nữa. Mưu kế là dùng để đối phó với người khác, thái độ lảng tránh sự thực thì làm sao có thể gạt bỏ được khó khăn trước mắt, để mở rộng tiền đồ lớn lao cho mình?

Thực tế mà nói, đối với một sự việc, muốn đạt đến mức “biết rõ mà vẫn cố làm ngo”, tuyệt nhiên không phải việc dễ dàng, không có sự lịch lãm lâu dài không được. Con người sở dĩ có sự phân biệt giữa thông minh và ngu ngốc là ở chỗ biết và không biết, cố làm ngo hay không biết. Bọn người ngốc nghếch không lường được sự cao sâu của người thông minh, động một tí nói người ta độc địa, nham hiểm lừa dối, không biết đâu vào đâu là những người trong số đó. Loại người ấy nên gọi là “biết lắm mà ngu”.

Hãy xem những ví dụ sau đây để biết hiệu quả của sự “biết rõ mà giả làm ngờ”, có hiệu quả đến đâu, chiếm được món hời đến đâu.

Thời Bắc Tống, có hai vị danh tướng là Khổng Thủ Chính và Vương Vinh, đã từng lập nhiều chiến công ở biên giới. Một buổi tối cả hai vị đều cùng hầu tiệc rượu Tống Thái Tông, vừa uống vài chén đã say ngất ngưỡng, nói năng huyên thuyên tự khoe công trạng, tranh hùng lẫn nhau.

Các quan tùy tùng đứng cạnh vội tâu xin Tống Thái Tông xử hai người theo tội thất lễ. Tống Thái Tông một mặt giả điếc giả say, dặn đưa hai người về nhà.

Đến ngày hôm sau, hai tướng Khổng, Vương tỉnh rượu, nghĩ đến thái độ thất lễ sau bữa rượu tối hôm trước đều vô cùng lo sợ, vội lên điện xin chịu tội. Tống Thái Tông lại nói:

- Lúc ấy, ta cũng uống say, cũng hoảng hốt hết, các người nói những gì, ta hoàn toàn nghe không rõ. Hai tướng Khổng, Vương thấy Hoàng thượng khoan dung như vậy càng yên chức phận, làm việc cẩn trọng hơn.

Thời Xuân Thu, Sở Vương mở tiệc khao quần thần, gọi là tiệc Thái bình, tất cả văn võ bá quan từ nhỏ đến lớn cho đến cung tần mỹ nữ trong cung đều được dự tiệc và phải vui thả sức.

Trong bữa tiệc còn tấu nhạc, múa ca, rượu ngon thỏa thích, đúng là gái trai lẫn lộn, thích cánh chen vai, khăn buông áo thả, hương bay ngạt ngào, tất cả vui như điên như dại, uống cho đến chiều tối, tiệc vẫn chưa tàn.

Trang Vương lệnh cho thắp nến tiếp tục dạ yến, còn đặc biệt truyền cho hai người đẹp được yêu dấu nhất là Hứa Cơ và Mạch Cơ lần lượt chúc rượu mọi người.

Bỗng nhiên từ đâu thối tới một trận cuồng phong, làm tắt hết nến, các bàn tiệc tối đen như mực. Trong bàn tiệc có một vị quan định thừa cơ kiểm soát, lần sờ vào tay Hứa Cơ, Hứa Cơ bèn giật tay ra, thuận đà ngắt luôn cái giải mũ của ông này, rồi vội vàng lần về ngồi bên Sở Vương rí tai rằng:

- Thiếp vừa vâng lệnh đi chúc rượu, vậy mà có người định chòng ghẹo, thiếp đã giật được chiếc giải mũ của hắn, hãy cho người thắp nến lên xem, ai không có giải mũ chính là hắn.

Sở Vương nghe xong, vội lệnh cho người cầm nến nhưng chưa châm lửa vội, còn nói to với mọi người rằng:

Bữa tiệc đêm nay của quả nhân, là phải uống cùng say với các vị, bây giờ mọi người hãy bỏ mũ xuống uống cho thỏa thích.

Thế là bá quan nghe lệnh, tất cả bỏ mũ xuống. Sở Vương lúc ấy mới cho châm nến, thấy mọi người đều bỏ mũ, chẳng biết ai là người đã dở trò sàm sỡ vừa rồi.

Tiệc xong về cung, Hứa Cơ trách Sở Vương không cho tìm ra viên quan đã dở trò sàm sỡ đó, Sở Vương bèn cười nói:

- Nàng không biết, buổi tiệc ấy mục đích là phải thật vui, cử chỉ say sưa sau bữa rượu là chuyện thường tình của con người, nếu như hôm người ấy ra, có phải là làm mất vui đi không, thế thì đâu còn là ý nghĩa của buổi tiệc nữa?

Hứa Cơ nghe nói, mới càng bái phục Sở Vương cao kiến. Đó là bữa tiệc “tuyệt anh hội” nổi tiếng.

Về sau Sở Vương chinh phạt quân Trịnh, có một viên tướng tự dẫn trăm người, mở đường cho ba quân, chém tướng cướp quan ải, áp thẳng đến kinh đô nước Trịnh, làm cho tiếng oai của Sở Vương càng lừng lẫy, người ấy chính là Đường Giáo mà năm nào sàm sỡ với Hứa Cơ.

Lại còn một chuyện xảy ra trong trận Xích Bích thời Tam Quốc, Chu Du dùng cái kế “biết rõ nhưng cố làm ngờ” này, đem Tào Tháo đùa giỡn trong bàn tay mình, cuối cùng một mối lửa, đốt cho Tào Tháo kinh hồn khiếp vía. Cho nên mới nói “Chu Du chẳng có cái giá nào mà không thành thật, không nơi nào đến mà không có chuyện”.

CHU DU GIẢ VỜ, TƯỚNG CÁN BỊ MẮC LỪA

Cuối đời Đông Hán, Tào Tháo với tài đánh giỏi mưu sâu, phò Thiên tử, lệnh chư hầu, giết董卓, bắt Lã Bố, diệt Viên Thiệu, phá Kinh Châu, ép cho Lưu Bị hồn xiêu phách lạc rồi dẫn quân theo Trường Giang, truyền lệnh xuống Giang Nam, định dùng cái thế lấy núi Thái Sơn đè trứng mòng bắt Tôn Quyền thần phục.

Tôn Quyền ở Đông Ngô, dưới sự khích lệ của Đô đốc Chu Du và sự rêu rao của Khổng Minh, ngang nhiên chống chọi, cầm cự ở bên kia sông. Lúc đó Tào Tháo có cả triệu quân hùng dũng, Chu Du chỉ có năm sáu vạn quân, tình thế chênh lệch nhau, chẳng khác nào châu chấu đá xe, trứng chọi với đá, chưa nói đến tiến công, phòng thủ cũng còn vất vả.

Chu Du biết rằng trong quân sự cần tranh giành thế chủ động, nên đã tìm hiểu và biết rõ quân phía bắc không rành thủy chiến, muốn tìm cách trừ khử Đô đốc thủy quân của Tào Tháo là Thái Mạo, Trương Doãn, hai người này vốn là bộ hạ của Lưu Biểu sang hàng Tào Tháo. Thế nhưng chưa nghĩ ra mưu kế gì.

Khi Chu Du đang bàn việc quân trong trướng bỗng nghe tin có bạn học cũ là Tưởng Cán tới thăm, bèn cười nói “Thuyết khách của Tào Tháo đến đấy!”

Nói rồi căn dặn các tướng hãy cứ thế cứ thế. Mọi người lập tức vâng lệnh lui ra.

Chu Du sửa lại khăn áo ra đón đợi, vừa thấy Tưởng Cán liền hỏi:

- Tử Dực (tên tục của Tưởng Cán) từ bên kia sông sang thăm, hay là sang làm thuyết khách, khuyên ta ra hàng Tào Tháo?

Tưởng Cán vừa nghe, ngạc nhiên hỏi lại:

- Cái gì? Sao mà ông đa nghi thế? Tôi chẳng qua là xa ông lâu ngày, muốn sang đây hàn huyên tâm sự với ông, có sao lại nghi cho tôi là thuyết khách?

Chu Du cười nói:

- Suy bụng ta thì ra bụng người, vào những lúc nguy kịch thế này... không đợi Chu Du nói hết, Tưởng Cán vội vã ra về về giận dữ:

- Ông cư xử với bạn học mà nghi nghi hoặc hoặc thế, thôi, xin chào!

Chu Du vội nắm lấy cánh tay khách, cười và nói tiếp:

- Ôi chẳng qua là đùa ông một chút nói vậy thôi, bạn cũ với nhau, đáng kể gì? Nếu quả thật ông không đến làm thuyết khách, thì xin hãy ở lại chơi đây vài hôm, để ta ôn lại chuyện cũ với nhau.

Phân trần hồi lâu, Chu Du đã mời được Trương Cán vào trong trướng. Sau một hồi hàn huyên, Chu Du truyền lệnh các tướng sĩ văn võ lần lượt vào gặp mặt Trương Cán, tiếp đó mở tiệc lớn và cố ý nói to với các tướng sĩ:

- Ngài Trương Cán là bạn tốt nhất của tôi, tuy là từ bờ Bắc sang đây, nhưng không phải là thuyết khách của Tào Tháo, các vị chớ nên nghi ngờ. Nói xong, bỏ kiếm giáp trên mình, giao lại cho Thái sử và nói:

- Ông hãy giữ lấy kiếm giáp của ta, đứng đây canh chừng tiệc rượu, bữa tiệc rượu hôm nay, chỉ có nói chuyện tình cảm anh em hoặc đàm đạo văn chương thơ phú, nếu có ai nhắc tới chuyện quân cơ của Tào Tháo hay nước ta, thì cho chém ngay tại chỗ!.

Trương Cán sợ xo lại, không dám nói gì. Chu Du lại bảo:

- Tôi từ thuở cầm quân đến giờ, chưa uống rượu bao giờ, hôm nay gặp bạn học cũ, phải uống cho thật say, chưa say chưa về! Nói xong cả cười, lần lượt chúc rượu cạn chén với mọi người, còn đánh cược nhau uống rượu, vui hết mức.

Mọi người đã ngà ngà say, Chu Du kéo tay Trương cán, cùng ra ngoài trướng dạo chơi, Chu Du hỏi:

- Ông thấy tướng sĩ của tôi có dũng cảm không?

Trương Cán đáp:

- Thật là danh bất hư truyền, trong tay tướng tài không thể có lính tồi.

Chu Du lại dẫn khách ra sau trướng thấy lương thảo xếp thành đống cao như núi, lại hỏi:

- Ông xem, lương thảo của tôi có dồi dào không?

- Quả thật là lính khỏe, lương thảo đủ, ông thật không thẹn, với tiếng văn võ toàn tài!

Trương Cán thuận miệng ứng đối lại.

Chu Du giả say cười lớn và nói tiếp:

- Nghĩ đến Chu Du tôi ngày nào và ông bạn lúc đó, thực nằm mơ cũng không nghĩ được lại có ngày hôm nay.

- Đó là sự tất nhiên, với tài của ông anh, thực ra còn phải hơn thế.

- Bậc trưởng phu sống ở đời, được đến như thế, còn biết nói gì hơn, gặp được bậc mình quân hiếu mình, tiếng rằng là đạo quân thần, nhưng tình cảm lại như anh em ruột thịt, lời phải nghe, kế phải theo, rủi may cùng chia sẻ, đau khổ cùng gánh vác, nếu có Tô Tần, Trương Nghi sống lại miệng có thao thao như nước lũ, lưỡi có sắc như kiếm như dao, cũng khó làm tôi thay lòng.

Những lời nói đó của Chu Du rõ ràng là một sự ám chỉ, làm cho Tưởng Cán sợ mặt cắt không ra máu. Quay vào trong trướng uống rượu tiếp, từ đầu đến cuối tuyệt nhiên không dám nhắc đến chuyện quân sự.

Đêm khuya, Tưởng Cán thấy đã quá tửu lượng, bèn vui vẻ xin cáo lui. Chu Du giả làm bộ say rượu, nín lấy Tưởng Cán nói:

- Lâu lắm rồi chưa được nằm cùng giường với Tử Dục, hôm nay ta phải cùng nằm để nói chuyện với nhau cho thật đã.

Thật đúng là cảnh đồng sàng dị mộng, mỗi người nghĩ ra một cách. Một người thì giả say, nôn oẹ tứ tung, một người thì vờ ngủ thắp thỏm vô cùng!

Mở đã báo canh hai, Tưởng Cán làm sao mà ngủ say cho được? Nhóm dậy nhìn, đèn tàn còn chưa tắt. Chu Du thì ngáy ran như sấm. Thấy trên bàn còn xếp đầy công văn, Tưởng Cán bèn rón rén bước tới nhìn, thấy toàn là thư từ trao đổi, trong đó thấy có một phong thư trên bì đề tên Trương Doãn, Thái Mạo bèn lấy ra xem. Trong thư viết: “Việc quy hàng Tào Tháo, chẳng qua là tình thế bắt buộc. Nay quân Tào Tháo đem về nộp...”

Tưởng Cán ngằm run sợ, thì ra Trương Doãn, Thái Mạo lại có âm mưu như thế bèn giấu thư vào tay áo.

Chu Du trở mình, Tưởng Cán vội tắt đèn, nhón gót về chỗ cũ. Nghe Chu Du đang nói mê: Tử Dục, trong vòng mấy hôm, tôi sẽ lấy đầu Tào Tháo cho mà xem!

- Ủ! - Tưởng Cán cũng vờ đáp lời.

- Thật đấy Tử Dục, tôi sẽ lấy đầu nó cho mà xem!

- Cái gì, ông nói cái gì vậy? - Tưởng Cán hỏi thật. Nhưng Chu Du lại ngáy tiếp như sấm ran.

Tướng Cán nằm úp trên gối vờ ngủ song để ý nghe ngóng xung quanh. Đã canh tư rồi, bỗng nghe có người tới ghé vào trong trướng gọi:

- Đô đốc! Đô đốc!

- Ơ, Chu Du bị thức giấc, hỏi trong tiếng ngái ngủ: Có ai ngủ trên giường bên kia đấy.

- Dạ đó là ông bạn học của Đô đốc, người quên rồi ư?

- Ôi, chết thật- Chu Du hối hận nói. Ta bình thường không uống rượu bao giờ, lần này để thất thố sau cơn say, chẳng biết ta đã nói những gì?

- Người kia thưa:

- Bên bờ bắc có người sang ạ!

- Suyt!- Chu Du cảnh cáo anh này, rồi gọi: Tử Dục, Tử Dục!

Tướng Cán vờ ngủ say. Chu Du lén ra ngoài trướng, nói với người nào đó bên ngoài:

- Hai ông Trương, Thái cho báo tin với ta, mấy hôm nay phải canh phòng thật cẩn mật không được tự ý hành động... Những câu sau càng nói nhỏ hơn không nghe rõ, Một lát sau, Chu Du trở lại, gọi Tướng Cán lần nữa, Tướng Cán vẫn không thưa, ôm đầu giả vờ ngủ. Chu Du cũng lên giường, tiếng ngáy lại rên lên!

Ngủ tới canh năm, Tướng Cán khẽ gọi, Chu Du vẫn ngủ say như chết, thấy vậy, lập tức đội khăn khoác áo rồi mang theo người hầu, tìm lối ra viên môn. Người gác hỏi đi đâu, Tướng Cán tìm cách nói quanh, lính canh mới cho đi.

Tướng Cán xuống một con thuyền nhỏ, về bờ Bắc gặp Tào Tháo, nói rằng Chu Du rất cao thượng, đàng hoàng, không thuyết phục nổi. Tào Tháo trách Tướng bất lực, chẳng bỏ cho Đông Ngô chê cười.

Tướng Cán nói:

- Tuy không thuyết phục được Chu Du nhưng đã dò la cho Thừa tướng một tin quan trọng. Xin cho tả hữu lui ra.

Tào Tháo lệnh những người đứng cạnh đó lui ra, Tướng Cán mới lấy lá thư đưa cho Tào Tháo và nói lại hết những gì đã xảy ra.

Tào Tháo xem xong thư, bỗng nhiên nổi nóng:

- Hai tên giặc này thật vô lễ, lại dám có ý hại ông à?- Bèn sai đem Trương Doãn, Thái Mạo ra chém.

Tiếp đó, Chu Du lại tiếp tục “Biết rõ vẫn cố làm ngo”, thi hành kế phản gián với Tào Tháo, dùng hàng tướng Thái Trung, Thái Hòa đưa tình báo giả, dùng “khổ nhục kế” cho Hoàng Cái giả hàng, cử Bàng Thống nhập cung Tào Táo dâng kế “liên hoàn”. Sau nhờ sức “gió Đông”, châm một mối lửa đốt cho quân Tào Tháo sút đầu mẻ trán, ôm đầu về tổ cũ. Cũng sau trận này, khí thế của Tào Tháo suy sụp, không còn đủ sức để Nam tiến, cục diện thời Tam Quốc có một sự ổn định rõ ràng.

CỐ Ý BÁO CANH NHẪM ĐỂ DẸP GIẶC

Thời Hậu Chu, Phùng Tán được cử đến Tử Châu (nay là huyện Tử Đông, Quý Châu) làm Tri phủ, vừa nhậm chức mấy ngày bèn được tin báo, có một tướng lưu lạc của Ngụy Thục là Thượng Quan Tín đã tụ tập hơn 3000 tay chân, chuẩn bị đến canh ba sẽ tập kích vào thành phủ. Lúc đó, lực lượng phòng vệ rất mỏng, cả bộ binh kỵ binh mới khoảng ba trăm.

Phùng Tán làm việc rất chắc chắn, không hề biểu hiện ra sắc mặt nói với binh sĩ:

- Cái đám quân ô hợp này, vũ khí chẳng qua cũng chỉ là gậy gộc, giáo mác, chả làm được trò trống gì, chỉ cần bình tĩnh đối phó, cố giữ thành trì, đến lúc trời sáng, chẳng đánh được giặc cũng sẽ tan. Bèn chia quân giữ các cổng thành, không được tự hành động khi chưa được lệnh.

Phùng Tán ngồi giữ trên thành lâu, ngầm gọi tất cả lính tuần canh lại, dặn lúc sắp sang canh phái đến báo trước, rút ngắn thời gian của anh hai lại, cho đến lúc nửa đêm đã báo canh năm.

Thượng Quan Tín và bọn lâu la ở ngoài thành nghe đã báo canh năm, tưởng rằng trời sắp sáng, bèn sợ hãi rút lui. Phùng Tán thừa cơ đốc quân đuổi theo, bắt được Thượng Quan Tín, đem chém đầu, từ đó bốn bề biên giới mới yên hàn.

Ngoài ra cũng có chuyện thứ hai tương tự:

Thời Đường Hy Tông, Đoạn Tú Thực mới được cử làm Thứ sử Kinh Châu, đúng vào lúc đang mất mùa đói kém, giặc giã nói như ong, lòng người lo sợ, trị an rất rối loạn.

Tên Vương Đồng Chi định làm phản, ngầm câu kết với một số binh lính, dự định lúc canh năm tảng sáng ngày X sẽ khởi sự.

Tối ấy, có người báo với Đoạn Tú Thực, Tú Thực bèn giữ người đó ở lại, không cho về nửa, và dặn không được để lộ chuyện này, rồi thản nhiên về phòng đi ngủ như ngày thường, chẳng ai thấy chút gì là lo sợ.

Trời tối, Tú Thực tự mình gặp các tuần canh, chê trách bọn họ cầm canh không đúng giờ, lệnh báo cho các nơi, mỗi lúc chuyển canh phải đến gặp ông trước.

Khi tuần canh đến Tú Thực lại trách họ ghi giờ không đúng cố làm cho thời gian mỗi canh chậm lại, cứ thế canh nọ nối canh kia chưa đến canh tư trời đã sáng mất rồi. Bọn phản loạn thấy bị bất ngờ, giữa chúng lại chẳng liên hệ được với nhau, không dám manh động, kế hoạch phản loạn thế là không thi hành được. Tú Thực lập tức cho kiểm tra kỹ trong thành, kết quả lời được bọn phản loạn ra, xử theo luật pháp, kẻ đáng chém thì chém, đáng tù thì bỏ tù, làm gọn một mẻ lưới, thành Kinh Châu mới giữ được yên hàn như cũ.

TỪ ĐẠT GIẢI SAY PHÁ SỬ NGẠN TRUNG

Chu Nguyên Chương sau khi đánh bại Trần Hữu Lượng, chuyển binh thẳng về hướng đông, tiến công Trương Sĩ Thành, muốn thắng ngay từ đầu, hạ lệnh cho Nguyên soái Từ Đạt Từ Hoài An tiến binh đánh Thái Châu.

Tướng giữ Thái Châu là Sử Nhận Trung thấy Từ Đạt binh nhiều thế mạnh, không dám đối đầu, một mặt sai người đi Cô Tô cầu cứu, một mặt ra lệnh cố thủ giữ thành.

Quân của Từ Đạt đến chân thành, hàng ngày sai người chửi bới khiêu khích, Nhận Trung vẫn không ló ra. Từ Đạt chỉ còn cách hạ trại, ở cách phía ngoài thành nam bảy dặm, các chư tướng rầm rộ hiến kế đánh thành. Từ Đạt nói:

- Thành Thái Châu hết sức kiên cố, lại binh nhiều lương đủ, cố sức công phá, đương nhiên phải hi sinh nhiều binh lính, chẳng thà cứ để rồi dần dần tìm kế lấy thành.

Hai bên cứ thế cầm cự chừng nửa tháng. Từ Đạt thấy Sử Nhận Trung không ra nghênh chiến, quân lính thì ngồi rồi, bèn lệnh cho Phùng Thắng đem một vạn binh mã đi đánh Cao Bưu, bảy tám hôm sau lại lệnh cho Tôn Hưng đem một vạn binh mã đi không chế quân giữ thành Hoài An, mặt khác nói với các bộ tướng Thường Ngô Xuân, Thượng Hòa:

- Ta nghĩ rằng Sử Nhận Trung là tướng sở trường về phòng thủ của Đông Ngô, trong những ngày đông rét mướt thế này, ta đã có kế để đánh địch, nhưng phải lệnh cho tướng sĩ hết sức giữ kín, không được đề lộ nửa câu. Sau đó ghé tai mọi người dặn dò.

Hôm sau Từ Đạt lệnh cho các doanh trại, nói rằng quân địch chẳng ra nghênh chiến, hai bên cứ cầm cự nhau, ta vốn nghĩ lấy doanh trại là nhà mà trước mắt thì năm mới đã đến, vậy đêm giao thừa cho phép, mọi người được mặc sức vui chơi, đón mừng năm mới, ca hát rượu chè, được vui cho tới rằm tháng giêng.

Bởi thế, từ sau đêm giao thừa, tất cả các doanh trại đều cởi giáp cho lính nghỉ, đàn sáo nhảy múa, bảy tám ngày liền uống rượu vui chơi. Do thám của Sử Nhận Trung thấy tình hình ấy, bèn báo cáo hết với chủ tướng, mà báo cáo ngày nào cũng thế. Sử Nhận Trung cười lớn, nói:

- Thật không ngờ thằng cha Từ Đạt lại lẩm cam thế, thế mà cũng dám xưng là đại tướng. Nay đã tự kiêu tự mãn thế, binh tráng cũng chẳng còn sức chiến đấu nữa, không phải chờ viện binh, chỉ một trận là có thể thắng được hẳn.

Miệng nói thế, nhưng trong lòng Sử Nhận Trung vẫn còn hồ nghi, e rằng tình báo không thực, bèn gọi con trai là Sử Nghĩa tới, dặn dò rằng:

- Bây giờ con hãy sang doanh trại địch thám thính thực hư, mang thư này đưa tận tay cho Từ Đạt, lấy cá chúng ta muốn dâng thành hàng phục, đề xem động tĩnh của chúng thế nào?

Sử Nghĩa một mình mang thư xin hàng đến thẳng trước doanh trại Từ Đạt, quân canh thấy nói là sang hàng nên cũng không ngăn trở, Sử Nghĩa vào thẳng trong dinh, dọc đường thấy tiếng đàn tiếng hát inh tai, quán sĩ có nơi đang chuẩn bị đóng kịch, vui như ngày hội, chỗ thì đang tô son vẽ phấn chuẩn bị diễn trò. Lại nhìn thấy nguyên soái Từ Đạt và các tướng lĩnh khác đều say sưa la đà, chân nam đá chân chiêu, nói năng lộn xộn, người nào người ấy dáng điệu say khướt. Sử Nghĩa ngấm đi ngấm lại, cũng thẳng bước lên hỏi han, rồi

bước thẳng đến trước bàn, lấy bức thư đưa thẳng cho Từ Đạt. Từ Đạt vừa nhìn qua, ngược đôi mắt say lơ đãng lên hỏi:

- Nhà... Nhà người là ai?

Sử Nghĩa đáp:

- Tiểu thần là người dưới trướng của Sử Nhạn Trung vâng lệnh tới trình thư. Từ Đạt cầm lấy thư đọc và cười lớn, rồi mời Sử Nghĩa một chén rượu, hỏi:

- Chủ soái các người lúc nào sang hàng?

Sử Nghĩa đáp:

- Dạ, ngày mai!

Từ Đạt lập tức tuyên bố trong toàn quân:

- Thái Châu đã đầu hàng, mọi người nên yếm ẩm thật thỏa thê để chúc mừng, ngày mai làm thêm mười mâm tiệc rượu, giết bò mổ lợn đồ khoản đãi các tướng sĩ sang hàng.

Sử Nghĩa được đưa ra khỏi doanh trại để về thành gặp Sử Nhạn Trung, báo cáo hết tình hình trong doanh trại của Từ Đạt. Sử Nhạn Trung nghe xong, hết sức vui mừng nói:

- Đêm nay mà không giết được Từ Đạt, không xứng đáng làm đại trượng phu!

Hôm ấy, đúng vào ngày 8 tháng riêng, đến buổi tối, khoảng canh một, sử Nhạn Trung dẫn hai vạn quân, tiến thẳng tới thành Nam vào hấn cửa doanh trại của Từ Đạt, chỉ thấy đầy nhà quân ngũ say như chết, bèn hạ lệnh quân sĩ của mình không cần làm chúng thức dậy, chỉ cần giết được Từ Đạt là sẽ có công lớn. Từ phía xa lại thấy Từ Đạt ở trong trướng đang gục đầu trên bàn ngủ.

Sử Nhạn Trung bèn hạ lệnh ba quân xông lên, chẳng ngờ quân sĩ vừa vào trong doanh trại đều ào ào rơi vào hố sâu bên trượng mà ở dưới cắm đầy dao nhọn và chông sắc, rơi xuống là mất mạng. Nhìn kỹ lại, người gục ngủ trên bàn Từ Đạt là một người nộm.

Sử Nhạn Trung kinh hoàng, biết là trúng kế bèn hạ lệnh rút lui, thế nhưng mới chỉ nghĩ thế, một tiếng nổ xé trời vang lên, phục binh nhất tể trỗi dậy, từ ba phía Đông, Tây, Bắc ào ạt lớp lớp xông tới. Thấy phía Tây có vẻ ít binh mã, Sử Nhạn Trung bèn hạ lệnh quân sĩ chạy về

phía tây. Lúc này Từ Đạt với ra lệnh nổ pháo, một loạt hoả pháo hoả mai, súng trường cùng nổ vang.

Ở phía tây từ trước đã được đào sẵn một tuyến hào rộng hơn hai trượng, sâu hơn ba trượng, quân binh của Thái Châu rút chạy đến đây, ngã chết không biết bao nhiêu mà kể. Sử Nhạ Trung đành dẫm lên xác chết mà chạy trốn.

Lúc này trời đã sáng. Sử Nhạ Trung chạy đến nửa đường bỗng gặp một cánh quân, vị đại tướng đi đầu chính là Thượng Hòa, Sử Nhạ Trung không dám đánh lại, đành mở đường máu mà trốn về Thối Châu, gần đến nơi nhìn trên mặt thành gương giáo sáng lòe và thấy cờ hiệu của Thường Ngô Xuân, nhìn lại thấy ở đầu cầu treo có cây cột cờ, trên treo thủ cấp của Sử Nghĩa. Mắt nhìn thấy cảnh tiến thoái lưỡng nan, sử Nhạ Trung hét lớn một tiếng, rút gương tự vẫn.

KẾ § 13 ĐIỀU HỒ LY SƠN

GIẢ ĐIẾC GIẢ CẨM TRỊNH TRANG CÔNG BÀY MƯU BẤT THÁI THỨC
ĐIỀU HỒ LY SƠN THẠCH THÁC BÀY MƯU TRỪ BẠO CHÚA

Điều hồ ly sơn có nghĩa có hai cách giải thích: Một là thu hút cho con hổ rời núi, ra ngoài nơi đồng trống rồi tìm cách bắn giết nó, hai là đuổi cho hồ chạy đi rồi dần dần thanh toán những con cáo xưa nay ý thế hồ hoành hành.

Áp dụng vào cuộc sống con người thì có nghĩa là lôi kéo nhân vật nguy hiểm chủ yếu ra khỏi địa bàn thâm căn cố đế của hắn, để cho hắn mất hẳn cái gốc dựa vào để phản kháng rồi dần dần thanh toán hắn. Hoặc là đuổi những nhân vật nguy hiểm ở bên anh ta đi, làm giảm thực lực của anh ta, rồi dần dần thanh toán anh ta. Hàn Phi Tử có nói:

Con hổ sở dĩ khuất phục được con chó là do nanh vuốt của nó. Nếu lấy đi nanh vuốt của con hổ rồi lắp vào cho con chó, thì ngược lại, hổ sẽ phải khuất phục chó đó là điều minh họa rõ ràng nhất. Sách lược này được dùng nhiều nhất trong khi tranh quyền, có thể nói từ xưa đã thấy thế, đến nay càng như thế hơn, đời sau ghê gớm hơn đời trước, ngày càng được thần hóa.

Tranh quyền là thủ đoạn để đoạt lợi, đoạt lợi mới là mục đích của tranh quyền, xưa nay chưa có ai ngốc nghếch đi tranh quyền mà không vụ lợi, cũng chưa từng thấy cái “lợi” nào không có cái “quyền” bảo hộ mà bền lâu được. Muốn thi thố với đời không nắm lấy quyền trong tay là không được. Nếu không có quyền lực để thi hành, không có oai đe dọa, cho dù có thiên binh vạn mã cũng chẳng có đất dụng võ, đánh nhau ở chỗ không người làm sao mà bày tỏ được cái nanh của mình. Khương Thái Công có quyền trong tay, mới có thể chém tướng phong thần, không có quyền thì chỉ là anh hùng muôi, nên mới có câu rằng: Khi là kẻ thất phu, đến hàng xóm cũng chẳng nói được ai, đến miền Nam bồng thành Vương, ra được lệnh hành, lệnh cấm. Trên đời đã có biết bao nhiêu phàm phu tục tử, có quyền thì cái lông gà cũng biến thành lệnh tiễn (mũi tên dùng ra lệnh - ND), vô số anh hùng hào kiệt chỉ do thất ý mà bảo kiếm cũng biến thành dao bầu. Bởi vậy mà người người đều lấy quyền lực là sự tranh chấp, việc việc đều lấy điều lợi hại để số bì nghiền ngẫm đấm đá, chà đạp cọ xát

nhau, vật lộn với nhau đến mức người người đều là hổ, ai ai cũng là kẻ đi săn. “Điều hổ ly sơn” là một trong nhiều kế sách để săn hổ, mục đích là làm suy yếu đề kháng của đối phương, giảm bớt sự nguy hiểm cho mình mà thôi!

Trong lịch sử, những người dùng kế “điều hổ ly sơn” xuất sắc nhất phải nói đến Trần Bình. Trong sáu kế lớn mà ông ta bày ra cho Lưu Bang, đều là kế “điều hổ ly sơn”. Sáu kế đó là: Một là dùng tiền phản gián ly gián trọng thần Chung Ly Muội với Sở Bá Vương, làm suy giảm lực lượng của chúng. Hai là dùng sứ thần tiến Sở Vương, để Phạm Táng tức mà bỏ đi, cô lập Sở Bá Vương. Ba là nửa đêm cho xuất hiện nữ binh hai ngàn người, giải vây cho Lưu Bang ở Hình Dương. Bốn là khuyên Lưu Bang phong Hàn Tín làm Tề Vương, dùng con người này để giành lại giang sơn. Năm là bảo Lưu Bang giả du vân mộng để bắt Hàn Tín. Sáu là giải vây ở Bạch Đằng cứu Lưu Bang thoát chết. Sự cao siêu của những thủ pháp này không sao kể hết.

TRỊNH TRANG CÔNG BÀY MUỖ BẮT THÁI THỨC

Cuối đời nhà Chu, Trịnh Vũ Công lấy Khương Thị là con gái Giáp hầu làm vợ sinh được hai người con, một người là Ngô Sinh, người nữa tên là Đoạn. Ngô Sinh ra đời trong giấc mộng. Khương Thị rất ghét, người con thứ là Đoạn lại có khí phách hiên ngang rất được Khương Thị yêu mến.

Trước mặt chồng, thường ngày Khương Thị hay nói xấu con trưởng, khen con thứ có tài, khuyên chồng hãy chọn Đoạn làm người kế vị, Vũ Công lại nói:

- Con trưởng con thứ phải, có thứ tự, không

được đảo lộn, huống hồ Ngô Sinh lại chẳng có gì sai trái, dựa theo tình lý, nói ra khó xuôi. Nổi vậy rồi vẫn lập Ngô Sinh làm Thế tử, chỉ để một vùng đất nhỏ là Cộng Thành (huyện Huy tỉnh Hà Nam bây giờ) để con thứ làm thực ấp.

Cho đến khi Vũ Công qua đời, Thế tử Ngô Sinh lên kế vị gọi là Trịnh Trang Công, nối chức của cha là khanh sĩ triều đình nhà Chu, Khương Thị thấy người con thứ chỉ có một thành nhỏ chẳng có quyền uy gì, trong lòng rất không vui, bèn nói với Trang Công rằng:

- Con ngày nay đã được “kế” thừa cơ nghiệp của cha, còn Đoạn chỉ có mấy chục dặm đất đai, một thằng em máu mủ ruột rà bị trói buộc trong cái thành trì hẻo lánh, con cũng nhẫn tâm được sao?

Trang Công thưa:

- Vậy theo ý mẹ nên như thế nào?

- Còn phải nói gì nữa - Khương Thị giọng giáo huấn - Đương nhiên là phải cho nó cái thành lớn hơn, lấy Chế ấp phong cho nó đi (tức huyện Phì Thủy tỉnh Hà Nam).

Trang Công nói với mẹ:

- Chế ấp là nơi hiểm yếu, cha con đã di chiếu lại là không thể phong cho bất cứ người nào. Ngoài nơi ấy ra, muốn chỗ nào cũng được.

- Vậy thì hãy lấy Kinh thành (tức huyện Kinh tỉnh Hà Nam) phong cho nó cũng được.

Trang Công nghe nói vậy, im lặng không nói gì, trở nên trầm tư, không tỏ ra đồng ý, cũng không tỏ ra không.

Khương Thị bực mình, phẩy tay áo một cái, dằn dỗi nói:

- Con không bằng lòng, thì đuổi luôn em ra khỏi nước này, cho được rảnh thân!

- Không dám, không dám - Trang Công vội vã cáo tội - Con xin theo lệnh mẹ.

Ngày hôm sau Trang Công lên điện, tuyên bố phong cho Đoạn Kinh thành. Quan đại phu Thái Túc bước lên khởi tấu:

- Không được! Ngày không có hai mặt trời, nước không thờ hai vua. Kinh thành là nơi hiểm yếu, đất rộng người đông, giá trị kinh tế chính trị của nó chẳng kém gì Hoàng thành. Huống hồ Đoạn là con cưng của phu nhân, nếu lấy đại ấp phong cho ông ta, vô hình dung có hai vị quốc quân một lúc, một khi ông ấy được chiếu chuộng mà sinh ra kiêu căng thì hậu quả thật khó lường.

Trang Công không biết làm thế nào, chỉ nói:

- Thôi không nói nữa, đó là lệnh của mẹ ta, rồi vẫn phong Kinh thành cho Đoạn.

Trước lúc đi nhậm chức, Đoạn vào cung chào mẹ, Khương Thị đuổi hết tả hữu ra ngoài, ngầm nói với Đoạn:

- Lần này phong ấp là rất gượng gạo, sau này nhất định có lật lọng, con nên tính toán trừ Sớm, sau khi đến Kinh thành, phải dồn quân tích lương thảo chuẩn bị sẵn sàng, một khi có dịp ta sẽ làm nội ứng cho con, chỉ bao giờ lật đổ được Ngô Sinh mới thoả lòng mong ước của đời ta!

Đoạn nhận lệnh ra khỏi thành hăng hái đi nhậm chức. Ngày chính thức nhậm chức, những người đứng đầu các địa hạt gần đó ở phía tây, phía bắc đều tới chúc mừng. Thái Thúc Đoạn nói với hai người:

Đất đai của hai người đang quản hạt theo đất ta được phong, từ nay về sau, tất cả các khoản thuế thu và tiền công phải giao nộp đến chỗ ta, quân đội phải theo sự chỉ huy của ta, không được trái lệnh.

Hai người đã biết Thái Thúc Đoạn là con cưng của Quốc Mâu, đang có hi vọng làm quân vương, lại thấy người này khí thế hiên ngang, tướng mạo khác người nên tự nhiên không dám chống lại, vui lòng nhận lệnh.

Từ đó, Thái Thúc Đoạn tích cực luyện tập quân sự, mở rộng biên chế, mượn cơ xâm lấn các vùng lân cận nên đất đai ngày càng được mở rộng, thực lực ngày càng được tăng cường.

Nhân viên tình báo đã thâm nhập với Trang Công những sự việc này, Trang Công chỉ cười không đáp. Trong đám quần thần có một viên quan đã kêu to lên rằng:

- Phải giết ngay Thái Thúc Đoạn!

Trang Công ngẩng mặt nhìn thì ra là Thương khanh công tử Lã. Bèn hỏi:

- Khanh gia có điều gì muốn bàn?

Công tử Lã tâu:

Xưa nay các phong hầu không được làm quân sự, kẻ nào có sẵn quân sĩ mà tự cho mình là trọng thì phải giết không xá. Nay Thái Thúc Đoạn trọng thì được Mẫu hậu nuông chiều, ngoài có Kinh thành kiên cố, ngày đêm luyện binh tập võ, như thế chẳng muốn thoán vị thì là cái gì? Xin hãy giao quyền cho tôi được đem quân đi dẹp để phòng trừ hậu hoạ về sau.

- Nhưng Đoạn chưa có gì hành động phản biến cả - Trang Công đáp.

Công tử Lã tức giận nói:

- Ngày nay hai bộ tộc phía tây, phía bắc đã bị thu, đó chẳng phải là hành động phản biến là gì? Đất đai của nhà nước sao lại có thể bị thôn tính đi như thế?

Trang Công bật cười, nói:

- Đoạn là con cưng của Mau hậu, là em ta, cho dù có mất đất cũng không để sút mẻ tình anh em, phật lòng mẹ ta.

Công tử Lã lại nói thêm:

- Tôi không lo mất đất, mà thực lòng lo mất nước, nay lòng người đã hoang mang hoảng hốt, thấy thế lực của Thái Thúc Đoạn ngày càng mạnh đều có thái độ chờ xem, nếu cứ thế này nín nhịn mãi, sợ rằng lúc xảy ra không kịp trở tay, chúa công bây giờ dung tha Thái Thúc Đoạn, nhưng sau này liệu Thái Thúc Đoạn có dung tha chúa công không?

- Không được nói lung tung- Không đợi công tử Lã nói hết câu, Trang Công ngang nhiên ngắt lời ông. Ta sẽ có cách cảm hóa em ta! Nói rồi lập tức thoái lui.

Công tử Lã bước ra ngoài nói với Thái Túc rằng:

- Chúa công chỉ biết nghĩ đến tình riêng nơi cung cấm mà coi nhẹ đến kế lớn của quốc gia, tôi rất lo lắng về việc này!

Thái Túc nói:

- Chúa công là con người lắm mưu nhiều kế, quyết không thể nào coi nhẹ việc này. Có điều trước đông đủ mọi người, không tiện để lộ ra. Ngài là người thân thích hãy thử đến gặp người, nhất định sẽ có những điều thực tâm muốn nói ra.

Công tử Lã nghe theo điều chỉ bảo đó liền vào cung gặp Trang Công. Trang Công hỏi có việc gì, công tử Lã liền đáp:

- Tôi vẫn vì câu chuyện vừa nói ở triều đình muốn gặp lại Chúa công. Chúa công ngày nào thừa kế ngôi vua, mọi người đều biết đó không phải là ý của Quốc mẫu, người vẫn để ý đến Thái Thúc Đoạn kia! Ngày nay Thái Thúc Đoạn hoành hành ngang ngược, tất nhiên là có âm mưu cướp quyền, chẳng may mà trong ngoài đồng mưu, cùng làm đảo chính thì e rằng...

Trang Công nói:

- Làm to chuyện này ra, sợ sẽ mất mặt Quốc mẫu.

- Thế Chúa thượng chẳng nghe chuyện Chu Công giết Quản Thái sao? Cái phải dứt khoát không dứt khoát, ngược lại để nó làm loạn. Đến lúc bấy giờ có hối hận cũng không kịp mất rồi.

Trang Công bỗng nhiên thở dài nói:

- Ổi, việc này ta cũng đã từng nghĩ mãi rồi. Đoạn tuy có âm mưu cướp quyền, nhưng chưa có hành động công khai phản biến, nếu ta trấn áp, Quốc mẫu sẽ từ đó làm già mà lại để cho người ngoài dị nghị, chê ta không có tình nghĩa anh em, chửi ta là đồ bất hiếu. Hiện nay ta chỉ là giả câm giả điếc, để cho hắc muốn làm gì thì làm, chờ đến lúc hắc có hành động phản biến thực sự, sẽ càng có thể minh chứng cho tội tình của hắc!

Công tử Lã mới vỡ lẽ, nói:

- Chúa công biết nhìn xa, thần không sánh kịp. Nhưng chỉ sợ hết ngày này sang tháng khác, nuôi cho thế lực của họ lớn mạnh, lúc ấy sẽ khó trừ khử. Chi bằng ngay từ sớm đã tìm cách khêu gợi lên để cho họ sớm bộc lộ ra, mình trấn áp sớm đi là hơn.

Câu nói ấy đúng vào tâm sự của Trang Công, Trang Công vội hỏi:

- Kế gì hãy nói xem.

Công tử Lã bèn tỉ mỉ thuật lên:

- Chúa công đã lâu không vào triều Chu, không phải là do vị Thái Thúc Đoạn, bây giờ hãy thừa cơ nói rằng muốn vào triều gặp Thiên tử, cố ý làm họ khởi sự, mang quân đến, tôi sẽ cho quân phục sẵn ở gần kinh thành chờ họ hành động bèn là chỗ sơ hở mà vào chiếm các cứ địa của họ, sau đó Chúa công tấn công chống lại, đến lúc ấy hắc cỏ muốn bay cũng không bay nổi.

Trang Công nghe nói, gật đầu khen hay.

- Hay lắm, kế này hay lắm!

Công tử Lã từ biệt ra khỏi cửa cung, ngẫm thán phục:

-Thái Túc quả là lường sự việc như thần!

Tình mơ sớm hôm sau, Trang Công giả truyền mệnh lệnh, để đại phu Thái Túc thay mặt lo chính sự, tự mình đi triều kiến Chu Thiên tử!

Khương Thị được tin, cho rằng thời cơ đã đến, bèn ngầm sai người mang thư cho Thái Thúc Đoạn, hẹn đầu tháng 5 đẩy binh đánh Trịnh.

Lúc ấy, là cuối tháng tư, Công tử Lã sớm đã sai người phục nơi hiểm yếu, bắt người đưa thư- giết đi, lấy thư cho Trang Công xem. Trang Công nói:

- Ai là người tự gieo gió thì sẽ được gặp bão!- Nói vậy bèn sai người khác thật tâm phúc mang thư giả xưng của Khương Thị trao đến Kinh thành và được thư trả lời của Thái Thúc Đoạn, nói sẽ quyết tâm ngày năm tháng năm sẽ khởi sự, nói sẽ quyết tâm ngày năm tháng năm sẽ khởi sự, nói sẽ cắm lá cờ trắng trên thành lâu để làm mật hiệu tiếp ứng.

Trang Công được thư, mừng lắm, nói:

- Chúng cứ đây rồi, xem mi còn nói gì nữa!- Nói rồi lập tức vào cung chào Mẫu hậu, nói rằng muốn vào triều thăm Thiên tử. Khương Thị cũng cố nặn ra mấy lời đẹp dễ.

Trang Công dẫn đội quân danh dự, rầm rộ tiến ra hướng biên thù, lúc đó Công tử Lã đã bố trí sẵn phục binh ở gần 'Kinh thành để chờ hùm thiêng xuống núi.

Thái Thúc Đoạn từ khi được mật báo của Khương Thị, lập tức chuẩn bị, bèn sai con là Công Tôn Hoạt sang nước Vệ mượn binh lính, tự mình động viên hết quân sĩ hiện có, mượn có là Trang Công đi vắng, phải đem quân về giám sát chính sự, thế là tể cò khao- quân, dương dương tự đắc kéo quân về Hoàng thành.

Lúc này, đội quân áo vải của Công tử Lã đã trà trộn vào trong Kinh thành, thấy quân lính của Thái Thúc Đoạn đã hành động, bèn châm lửa đốt thành, phục binh ở ngoài thành khi thấy tín hiệu, lập tức áp sát vào, chiếm lĩnh Kinh thành, cáo thị để yên dân và vạch rõ âm mưu của Thái Thúc Đoạn.

Thái Thúc Đoạn đang hành quân trên đường, nghe được tin buồn là Kinh thành thất thủ, trong lòng bắt đầu lo lắng, bèn cấp tốc ra lệnh quay lại, đồn trú ở ngoài thành chuẩn bị phản công.

Thế nhưng quân tâm bắt đầu nao núng, lính tráng thì thăm chum đầu ghé tai, bàn bạc linh tinh và đều nói Thái Thúc Đoạn lòng dạ xấu xa, muốn thoán đoạt triều chính. Thì ra Công tử

Lã cũng đã cho mật thám của mình trà trộn vào hàng ngũ quân sĩ của Thái Thúc Đoạn để tung tin, chả mấy chốc một truyền mười, mười truyền trăm, cả các trại lính đều ầm ầm lên, chỉ trong một đêm quân sĩ tan rã hơn một nửa. Thái Thúc Đoạn lo lắng, bèn dẫn đám tàn quân chạy sang Yên ấp định sẽ lại chiêu binh mã làm lại từ đầu.

Không ngờ đâu Trang Công đã chiếm trước mất Yên thành, lối đi này đã tắc, bắt đặc dĩ đành chạy về Cộg thành là đất vốn được phong trước kia đóng cửa lại tự giữ thành. Thế nhưng quân của Trang Công và Công tử Lã đã đuổi sát đằng sau, một cái thành nhỏ con con không có nơi nào hiểm yếu đề mà giữ thì làm sao chống nổi hai mũi giáp công của hai cánh quân lớn. Lúc này Thái Thúc Đoạn đã thấy đến bước đường cùng, than rằng:

- Tất cả là do mẹ hại ta, còn mặt mũi nào mà nhìn anh ta nữa!. Nói rồi rút kiếm tự vẫn.

Trang Công lấy bức thư đi, thư về của Khương Thị và Thái Thúc Đoạn đưa về nước Trịnh, bảo Thái Túc đưa lên Khương Thị và đưa bà đi an trí. Khương Thị xem thư xấu hổ vô cùng, tự thấy mình chẳng mặt mũi nào mà nhìn thấy Trang Công liền lộp tức rời cung đi an trí tại Đĩnh Địa.

HITLER GIẢI TÁN CÔNG ĐOÀN

Hitler sau khi đã ngồi vào ghế Thủ tướng của nước Đức, giành được quyền hành pháp ở Quốc hội, thu tóm trong tay mọi quyền lực về quân sự chính trị, ngoài đảng của chính mình, ra thời hạn giải tán tất cả các tổ chức đảng phái khác. Chỉ có tổ chức công đoàn có thể lực lớn mạnh lúc đó là vẫn ngang nhiên tồn tại, vì công đoàn là tổ chức có tính toàn quốc, quy mô rộng lớn, thực lực hùng hậu quyết không thể dùng mệnh lệnh hoặc sự trấn áp của quân đội mà giải tán được.

Hitler tỏ ra áy náy lo ngại về sự tồn tại thường xuyên của tổ chức này, nhưng lại lo ném chuột vỡ bình, lộn lành làm ra thành lộn què. Bởi vậy mới nghĩ ra một cách để đối phó.

Hitler bỗng nhiên công bố ngày quốc tế lao động 1-5 cũng là ngày quốc lễ, mở rộng các hoạt động kỷ niệm và mời các lãnh tụ của công đoàn trong cả nước đều tề tựu về Berlin dự lễ. Bất ngờ đến ngày 2 tháng 5, Hitler đã ra lệnh dùng đảng viên của mình cưỡng chế chiếm lĩnh hết các công đoàn ở trong vùng, tịch thu quỹ công đoàn, đồng thời nhanh chóng lùng

bắt tất cả các lãnh tụ công đoàn, chỉ trong vòng chưa đến một ngày đã giải tán trọn vẹn tổ chức công đoàn có quy mô rộng lớn và thâm căn cố đế ở nước Đức.

THẠCH THÁC BÀY MƯU TRỪ BẠO CHÚA

Cuối đời Đông Chu, Vệ Trang Công có ba người con, con cả tên là Hoàn, con thứ tên là Tấn. Con thứ ba là Chu Hu, tính tình ngang ngược, suốt ngày luyện võ thuật bàn binh pháp, mở mồm ra là nói đánh, nói giết, nhưng Trang Công lại rất chiều chuộng, muốn sao được vậy, không hề ngăn cấm chút gì.

Quan Đại phu Thạch Thác là người chính trực, rất được lòng dân. Ông đã từng khuyên can Trang Công rằng:

-Phàm là người làm cha mẹ, đối với con phải dạy dỗ cho nghiêm, không nên nuông chiều quá mức, nếu không, thái quá sẽ sinh kiêu, kiêu tất sinh loạn, đó là một lẽ tất nhiên. Chúa công muốn nhường ngôi cho Chu Hu hãy lập tức giao quyền thừa kế, nếu không cũng phải tăng cường quản chế, để Chu Hu khỏi làm đều ngang ngược như thế này, tránh dẫn đến hậu họa sau này là chơi bời ngông cuồng dâm dăng.

Những lời nói đó, Trang Công đều coi như gió thoảng mây bay, đối với hành động của Chu Hu cũng chẳng hề can thiệp đến.

Thạch Thác có con trai tên là Thạch Hậu, tính tình giống y như Chu Hu, chẳng khác gì một cặp sinh đôi, thường ngày hay chới bời đàn đúm với nhau, cùng ngồi xe đi săn bắn, đi quấy nhiễu dẫn chúng. Thạch Thác thấy rất nghịch mắt, đã đánh mắng Thạch Hậu một trận rồi nhốt trong một căn phòng trống, không cho ra ngoài đi sinh sự nhiều nhương. Thế nhưng, ngựa quen đường cũ, tính tình không đổi, đã trèo tường trốn ra, vào trong phủ của Chu Hu ẩn thân ở đó không dám về nhà. Thạch Thác không còn biết làm thế nào, đành giả câm giả điếc, nén nổi bức trong lòng.

Không lâu sau Vệ Trang Công qua đời, Công tử Hoàn lên nối ngôi, gọi là Hoàn Công. Hoàn Công tính tình nhu nhược, chẳng có chủ trương gì. Thạch Thác thấy Hoàn Công không nên trò trống gì mà Chu Hu thì vênh vang như thế, ước đoán sau này nhất định sẽ sinh loạn, thế là bèn lấy cớ tuổi cao, xin từ chức về ở ẩn tại nhà, không để ý gì tới triều chính nữa.

Và như thế Chu Hu càng chẳng có gì ngăn trở nữa, hết đêm lại ngày bàn với Thạch Hậu làm thế nào để cướp được ngôi vua.

Cũng vừa dịp Chu Bình Vương chết, Thái tử lên nối ngôi. Đây là một chuyện lớn của nhà nước, chừ hầu các nơi phải, thân chinh đến phúng viếng, Vệ Hoàn Công cũng phải sửa sang khăn áo chuẩn bị vào triều.

Thạch Hậu thấy gặp dịp này, mừng như mở cờ trong bụng nói với Chu Hu rằng:

- Đại sự cấp thành rồi, đây là cơ hội ngàn năm có một chớ nên bỏ qua.

- Có kế sách gì không vậy? Chu Hu hỏi.

- Đương nhiên là có.

Thạch Hậu nói tiếp:

- Ngày mai có phải là ngày Hoàn Công lên đường vào triều không? Ông hãy bày tiệc ở phía ngoài cổng tây, giả vờ là tiễn đưa ông ta, trước đó cho phục sẵn năm trăm dũng sĩ ở ngoài cửa, khi chúc rượu, thừa dịp giết quách ông ta đi. Nếu có kẻ nào đó không theo, lập tức phải tiêu diệt ngay, như vậy ông có thể nắm ngôi vua ngay trong tầm tay.

Chu Hu nghe vậy hớn hở mừng thầm, lập tức lệnh cho Thạch Hậu đi sắp đặt mọi việc.

Sáng sớm ngày hôm sau, Hoàn Công lên đường. Chu Hu ra dẫn Hoàn Công vào trong trúc quán, tiệc tùng đã được bày biện sẵn sàng. Sau vài câu khách xáo chào mời, Chu Hu cúi đầu dâng rượu mời Hoàn Vương:

- Huynh hầu sắp đi xa, thần đệ có chén rượu nhạt tiễn biệt huynh hầu.

Hoàn Công nói:

- Lại phiền đến hiền đệ quá, ta đi xa chuyến này chỉ chừng một tháng lại về, cảm phiền hiền đệ thay ta trong việc triều chính, và phải luôn luôn cẩn thận.

- Huynh hầu cứ yên tâm, tiểu đệ sẽ hết sức chú ý - Chu Hu nói hết câu, vội rót một chén rượu, dâng cho Hoàn Công, Hoàn uống một hơi cạn, bèn cũng rót một chén đầy để mời lại. Chu Hu đưa hai tay lên nhận nhưng giả vờ lỡ tay, chén rượu rơi xuống đất, bèn vội vàng nhặt lên, tự tay đem chén ra rửa. Hoàn Công không biết ý, gọi tả hữu đi lấy một cái chén

khác, muốn mời lại Chu Hu, Chu Hu thừa cơ bước qua sau lưng Hoàn Công, rút dao ra đâm mạnh vào sau lưng Hoàn Công. Hoàn Công bị giết chết ngay tại chỗ.

Quần thần đi theo ai nấy thất kinh, nhưng bình thường đã biết rõ tính khí Chu Hu là khác người, Thạch Hậu lại đem quân vây chặt công quán rồi, nên đều thấy không thể chống lại được, chỉ còn cách đầu hàng quy thuận.

Chu Hu nhanh chóng chôn xác Hoàn Vương, rồi nói với bên ngoài là Hoàn Vương bị chứng bệnh cấp tính mà chết, thế là tự lập nên quân vị, phong Thạch Hậu làm Thượng đại phu, người anh thứ hai của Chu Hu là Công tử tấn hoảng sợ chạy trốn sang nước Hình xin tị nạn chính trị.

Chu Hu lên ngôi được ba ngày, nghe bên ngoài bàn tán xôn xao, kháo nhau ầm lên về chuyện giết anh, cướp nước, bèn vội lại bàn bạc với Thạch Hậu:

- Ông có nghe bên ngoài họ nói gì không? Dân chúng cả nước đang cùng nói xấu ta, xem ra, chỉ có cách là triển khai uy vũ của ta bằng cách đem quân đánh thắng một trận với nước láng giềng mượn cớ đó để dè bẹp ý muốn chống đối của dân chúng trong nước. Ông thấy nên tiến quân đánh nước nào hơn.

- Đương nhiên là phải đánh Trịnh Quốc rồi! Trịnh Quốc từng xâm lược nước ta trước đây, vừa vạ thừa dịp này để báo thù trả hận - Thạch Hậu vui mừng đáp lời.

Hai người bàn xong mưu kế, lập tức đem quân tấn công nước Trịnh. Trong năm ngày quả nhiên có đánh thắng một trận nhỏ, Thạch Hậu bèn ra lệnh thu quân.

- Tại sao thế? - Chu Hu hỏi một cách kinh ngạc- Đại quân còn chưa tiếp xúc lại đã thu quân.

Thạch Hậu bảo Chu Hu đuổi hết tả hữu ra ngoài, bí mật nói:

- Quân nước Trịnh rất kiên cường và thiện chiến, chúng ta chẳng có gì đảm bảo là sẽ thắng. Hiện nay mới thắng một trận nhỏ, đủ để ta ra oai với dân chúng trong nước, hưởng chi Chúa công mới lên ngôi chưa lâu, quốc sự còn chưa định, nếu ở nước ngoài lâu quá, sợ rằng trong nước sẽ có biến loạn.

- Ông nghĩ chu đáo đấy. Ta còn chưa cân nhắc đến những điểm ấy.

Thế là Thạch Hậu dương dương tự đắc ra lệnh thu quân, bảo quân sĩ trên đường về vừa đi vừa ca hát, ủng hộ cho Chu Hu, rầm rầm rộ rộ thu quân về triều.

Thế nhưng dân chúng trong nước vẫn không ủng hộ, khắp nơi vẫn có lời chửi bóng chửi gió.

- Đánh thắng trận trở về, dân chúng vẫn không chịu phục tùng, còn có cách gì không? - Chu Hu lại hỏi Thạch Hậu.

- Thế thì chỉ còn cách thế này:

Cha tôi là một người chính trực, dân chúng trong nước rất tôn trọng ông, chỉ bằng chúa công lại mời ông vào triều, giao cho ông chức trọng, dân chúng nhất định sẽ không có gì để nói nữa.

- Đúng, ta hầu như đã quên chuyện đó.

Chu Hu bèn sai người đem rất nhiều quà quý giá đến mời Thạch Thác vào triều nghị sự.

Thạch Thác từ chối nói:

- Tôi nay tuổi đã cao, bệnh lại càng ngày càng nặng, cho rằng có vào triều cũng chẳng làm việc được.

Chu Hu lại hỏi Thạch Hậu:

- Ông cụ thoái thác do ốm đau không chịu vào triều, ta muốn thân chinh đến hỏi cụ xem có cách gì không? Có nên chăng?

- Chúa công có tự đến, ông cụ vị tất đã muốn gặp, hay là tôi về nhà một chuyến, nói thay cho Chúa công, để xem ý của người ra sao.

Thế là Thạch Hậu về nhà, Thạch Thác liền hỏi:

- Chúa mới lên muốn gặp ta, rốt cuộc là vì cái gì thế?

Thạch Hậu nói với cha:

- Chính vì dân chúng không có cảm tình với Chúa công, sợ rằng vương vị sẽ không vững vàng, cho nên muốn cha hãy vẽ cho một quyết sách.

- Thế thì có gì là khó - Thạch Thác nói:

- Phàm là các chư hầu lên ngôi, đều phải bầm cáo với Vương triều mới coi là chính thức, nếu tân vương được cáo lệnh của Chu Thiên tử rồi, thì dân chúng trong nước còn nói gì nữa.

- Ý kiến đó thật là hay đấy, nhưng bây giờ vô có vào triều, sợ rằng Thiên tử sẽ nghi ngờ, tốt nhất là kiếm lấy một người nói chuyện trước mặt Thiên tử để nói qua câu chuyện đã, nhưng ai là người có thể gánh vác được việc này? Thạch Hậu nói xong, ngược mắt nhìn cha mình với ánh mắt đầy hi vọng.

- Chuyện ấy thì hơi khó đấy - Trước mắt, người mà Chu Thiên tử tin tưởng nhất là Hoàn Công của nước Trần, chỉ cần người này nói qua, là dám chắc sẽ thành công. Nếu tân vương chịu tự mình đi Trần Quốc một chuyến, nhờ Trần Hoàn Công ra tay giúp đỡ, việc này quyết không thể thất bại được!

Thạch Hậu đem chuyện này nói lại với Chu Hu. Chu Hu mừng vui ra mặt, sai người chuẩn bị tốt mọi lễ vật, mang theo Thạch Hậu, sang nước Trần.

Thạch Thác có quan hệ rất tốt với Tử Hàm, đại phu của Trần Quốc, khi thấy có dịp may bèn cất tay lấy máu viết một bức thư nhờ một người tâm phúc mang sang nước Trần, bí mật giao cho Tử Hàm để nhờ dâng lên Trần Hoàn Công. Trần Hoàn Công bóc thư xem thấy trong thư viết:

“Ngoại thần Thạch Thác gửi thư này đến Ngài Trần Hiền Hậu và xin cúi chào ngài. Nước Vệ họa nhỏ, nhưng trời lại giáng tai ương lớn chẳng may có chuyện giết vua gây họa. Chuyện này tuy là nghịch đề Chu Hu làm ra, con của thần là Hậu cũng tham tước vị mà trợ giúp. Hai tên thoán nghịch này mà không giết đi, bọn loạn thần tặc tử sẽ sinh sôi và tràn khắp thiên hạ. Lão phu nay tuổi đã cao, không đủ sức mà ngăn chặn, thật có tội với tiên công, nay hai kẻ nghịch thần này liên kết với nhau nhập triều, là làm theo mưu của lão phu, mong Thượng quốc hãy giữ lại trị tội để giữ kỷ cương cho thần tử, là điều may cho thiên hạ không chỉ riêng may cho đất nước của thần”.

Trần Hoàn Công xem xong, hỏi Tử Hàm:

- Khanh xem việc này nên làm thế nào?

Tử Hàm chẳng phải suy nghĩ chút nào, đáp ngay:

- Nước ta với nước Vệ vốn hòa hảo với nhau, thường giúp đỡ lẫn nhau. Điều không may của nước Vệ cũng là điều không may của nước ta. Chúng tới đây, tức là tự đưa đầu vào chỗ chết, xin chớ nên thả bọn chúng về.

- Được, vậy thì cứ làm như thế!

Thế là bèn bàn cách bắt Chu Hu.

Chu Hu và Thạch Hậu oai phong lẫm liệt đến Trần Quốc, Hoàn Công của Trần Quốc cử Công tử Luật ra nghênh tiếp, sắp xếp cho bọn họ ở vào một quán khách rất đẹp đẽ, gửi lời chào ngưỡng mộ của Trần Hầu và mời ngày thứ hai sẽ tiếp kiến ở Thái Miếu.

Chu Hu thấy chủ nhà ân cần khách khí thế, trong dạ rất lấy làm mừng.

Ngày hôm sau, trên Thái miếu được bày biện rất nghiêm túc đàng hoàng, Trần Hoàn Công đứng vào vị trí chính, văn quan võ tướng hai bên sắp đặt rất chỉnh tề.

Đại phu Tử Hàm thắp ùng Thạch Hậu vào trước, vừa bước lên thềm đá, Thạch Hậu đã liếc nhìn ngay cửa đã dựng một tấm bia trắng, trên viết: “Nêu là thần bất trung, là con bất hiếu, không được vào miếu này” mà lòng đã thấy lo, quay lại hỏi Tử Hàm:

- Dựng tấm bia này là có ý gì vậy?

Tử Hàm rất lịch sự giải thích rằng:

- Đây là một lệ thường từ mấy đời để lại, đã có đến mấy chục năm rồi!

Lúc ấy Thạch Hậu mới bớt lo. Một lát sau Chu Hu cũng đến nơi, đứng vào vị trí khách, người xướng lễ xướng to lên, mời vào miếu làm lễ, Chu Hu sửa lại khăn áo, vừa định cúi xuống làm lễ, Tử Hàm xướng to lên:

- Theo lệnh Chu Thiên Tử, bắt sống Chu Hu và Thạch Hậu là hai kẻ giết vua, những người khác được miễn khỏi.

Câu nói còn chưa dứt, đã bắt được Chu Hu trước, Thạch Hậu vội vàng rút kiếm ra chống cự, nhưng do luống cuống, không rút được kiếm, chỉ đánh bằng tay không, đánh được mấy người ngã xuống thì quân mai phục ở phía trước phía sau, xó cửa góc nhà ào ào đứng dậy, trói luôn cả Thạch Hậu lại.

Ngựa xe .đến tiếp phía sau ở ngoài cửa, không biết làm thế nào, Tử Hàm bước ra an ủi mấy câu, và trước đông đảo mọi người đọc to lá thư của Thạch Thác. Lúc bấy giờ mọi người mới biết là Vệ đại phu Thạch Thác chủ mưu bèn vội vàng chia tay, quay về nước Vệ.

Trần Hoàn Công muốn đem Chu Hu, Thạch Hậu xử tội ngay tại chỗ, nhưng mà quần thần tả hữu đều đồng thanh kêu:

- Thạch Hậu là con trai của Thạch Thác, thế mà việc này lại do ông ta gây nên, không biết ý của ông ta ra sao, chi bằng mời ông ấy đến đây, trả hai người này lại để ông ta tự xử trí lấy mới có thể tránh được hiểu lầm.

Thế là lần lượt tông giam Chu Hu và Thạch Hậu lại, ngay đêm ấy cho người sang nước Vệ báo tin cho Thạch Thác.

Thạch Thác từ buổi cáo lão từ quan, chưa từng ra khỏi nhà nửa bước, sớm nay thấy có sứ thần Trần Quốc đến, trong lòng đã hiểu hết mọi điều, bèn lệnh cho người đóng xe chờ sẵn, chuẩn bị vào triều còn cho người đi thông báo cho bá quan văn võ đều vào triều gặp mặt.

Các quan thấy Thạch Thác phá lệ vào triều nghị sự, rất là kinh ngạc, với tâm tư lo lắng và nghi ngờ, đứng dãn vào một chỗ. Thạch Thác đến, trước mọi người, tuyên đọc lá thư của Trần Hâu mới gửi, nói rằng Chu Hu và Thạch Hậu đã bị nước Trần bắt giữ, chờ đại phu nước Vệ-sang để giải quyết.

- Các ngài đều đã hiểu rõ rồi, giải quyết hai tên loạn thần nghịch tử này thế nào?- Thạch Thác hỏi.

- Đây là kế lớn của quốc gia, xin để Quốc lão toàn quyền giải quyết là xong- Quần thần đồng thanh đáp lại.

Thạch Thác tiếp tục nói:

- Hai tên phản nghịch tội ác tày đình, có giết cũng không quá, không xử cho công minh, làm sao ta được tiên linh? Ai là người có thể sang nước Trần để giết hai tên nghịch tặc này?

Hữu Tể Xú bước ra nói:

- Loạn thần tặc tử, ai ai cũng có thể giết được, tên súc sinh Chu Hu xin để tôi giải quyết.

Có mấy vị đại thần cũng nói theo:

- Người chủ mưu là Chu Hu phải xử công minh là hợp lẽ trời, đạo đời, nhưng còn tòng phạm là Thạch Hậu, có thể nên xử tội nhẹ hơn.

Chưa nói hết câu, Thạch Thác trừng mắt lên, đập bàn quát lớn:

Điều ác của Chu Hu, là do tên nghịch tử kia xúi giục lâu ngày mà lên, các vị nói xử nhẹ cho nó, có phải cho là lão phu đây còn nặng tình riêng? Tôi xin tự mình đi, tự tay giết cái tên nghịch tặc bất trung bất hiếu này.

Gia thần vội nói:

- Quốc lão chó nên nóng, tôi xin đi thực hành mệnh lệnh của Quốc lão.

Hai người ấy sang đến nước Trần, tạ xong Trần Hầu, lần lượt đi làm nhiệm vụ của mình. Trước hết giải Chu Hu ra, Chu Hu nói với Hữu Tế Xú:

- Ta là quân, ngươi là thần, sao dám xúc phạm ta?

Hữu Tế Xú nói:

- Anh ngươi là quân, ngươi là thần, ngươi còn đâm chết, ta chẳng qua cũng là học theo ngươi mà thôi. Nói xong một dao bổ xuống. Chu Hu đầu lìa khỏi cổ.

Gia thần Nhu Dương Kiên giải Thạch Hậu ra, Thạch Hậu muốn cầu xin:

- Tôi biết tội mình chết còn là ít, song sự đến ngày nay, chỉ mong ông giải tôi về nước Vệ để tôi gặp cha tôi lần cuối cùng, rồi sau hãy chết.

Nhu Dương Kiên đáp:

- Ta theo lệnh cha ngươi mà đến, phải xử tội ngay tại chỗ. Ngươi muốn gặp mặt cha, ta sẽ mang cái đầu ngươi về cho gặp.

Mặc cho Thạch Hậu còn nói nữa, một nhát dao sạt qua cổ, chấm hết mọi chuyện.

KẾ § 14 MUỐN BẮT THÌ HÃY THẢ

KHÔNG NGẠI HY SINH MẠO ĐÔN RA OAI VỚI ĐÔNG HỒ QUỐC
MUỐN BẮT THÌ HÃY THẢ TRỊNH VÕ CÔNG TRỞ MẶT NÓI SAU LỜI

Giải thích câu “Muốn bắt thì hãy thả ra”, nếu nói cho văn vẻ thì là “muốn đè nén nó thì hãy nói lỏng nó, muốn bắt nó thì trước hãy thả nó”. Nếu nói thông tục nữa thì là “nuôi lợn cho béo rồi hãy mổ thịt”, ý nghĩa của nó là:

Phàm là muốn không chế người khác, trong lúc điều kiện chưa cho phép, thì trước hết thỏa mãn sự mong muốn của họ, làm mềm chí khí của họ, nhen nhúm mâu thuẫn cho họ để đẩy nhanh sự diệt vong của họ. Nếu đặt vào một thuật ngữ chính trị thì có thể nói: “Lấy lùi để tiến, muốn khống chế được thì hãy thả lỏng trước”.

Muốn thực hành kế này, con người ấy cần phải có tầm nhìn xa, phải có lòng kiên nhẫn hơn người, còn những ai luôn so sán so sánh, đo lường nước mắt, đếm củ dưa hành thì tuyệt đối là không làm được.

Nói đến việc “muốn bắt thì hãy thả”, rất nhiều người sẽ tự nhiên nghĩ đến câu chuyện “Gia Cát bắt Mạch Hoạch”, kỳ thực thì diễn biến của câu chuyện là thủ pháp tô vẽ của nhà văn viết tiểu thuyết, làm cho tình tiết gần như trong kịch. Bảy lần đánh bảy lần đều thắng, bảy lần bắt bảy lần thả, có mà trò chơi trẻ con, bắt cóc cũng chưa dễ dàng đến thế. Tuy rằng có khả năng ấy, với sự thông minh của Gia Cát, đối phó với Mạch Hoạch là con người hữu dũng vô mưu còn có thể được, với ưu thế tuyệt đối về quân sự giữa hai nước Thục, Hán thời bấy giờ, đối phó với đội quân ô hợp man di cũng không thành vấn đề. Nhưng dùng nó để đối phó với Chu Du văn võ kiêm toàn liệu có được hay không, đừng nói gặp phải lão gian thần, chịu đối dạng mặc quần áo đàn bà như Tư Mã ý. Đó là câu chuyện gần như thần thoại, làm đề tài cho những lúc trà dư tửu hậu thì không sao, lấy đó làm tài liệu tham khảo cho chiến thuật đánh vào lòng người trong chính trị thì không được. Thế nhưng trong một trận chiến đấu phức tạp và khốc liệt, bắt được trong tay rồi lại thả ra, thế thì có khác gì thả hổ về rừng, buông rồng xuống biển, sự nguy hiểm của nó tức là tự gieo gió mà gặp bão. Hạng Vũ đã thả Lưu Bang ở Hồng Môn Hội, sau này lại bị Lưu Bang ép cho chết ở Ô Giang, Kiến Văn Đế thả

Nhạn Vương Đế, cuối cùng bị Nhạn Vương Đế cướp mất ngôi báu, đó là chuyện lịch sử rành rành, vết máu còn chưa phai.

Tuy nhiên Gia Cát Lượng thật không hổ là con người lắm kế nhiều mưu, việc thả và bắt giữ con người này với Lưu Bị, những lúc đáng dùng kế cũng để cùng so sánh.

Gia Cát Lượng và Lưu Bị, một người là quyền mưu trí sĩ, một người là gian xảo hùng hổ, tự nhiên cũng do đời loạn mà xui khiến họ trở nên thân như một nhà. Lưu Bị đối với Gia Cát Lượng như là “cá gặp nước”, có thể nói tuyệt đối tin tưởng đến cùng. Gia Cát Lượng đối với Lưu Bị, đúng là cũng đã đến mức “cúc cung tận tụy”. Trong họ rốt cuộc có một quan hệ gì tế nhị để giữ mối cảm tình giữa họ, để hai người hợp tác chặt chẽ được với nhau? Muốn nói được, phải xem hai người với nhau đã dùng kế “khéo thả khéo bắt” thế nào.

Gia Cát Lượng khi ở ẩn tại Nam Dương, ngồi xem cục thế phát triển để đợi minh chúa mà hành sự, đã phát hiện ra rằng hầu như không có dịp để bắt cứ một tập đoàn quân sự nào nhận được mình dưới trướng, không thể không bám vào Lưu Bị, con người tuy đang ở bước đường cùng nhưng còn có chút khí phách vương tôn, đồng thời cũng nhìn nhận ra Lưu Bị là con “cá” lọt lưới đang chờ “nước” từ các nơi, mà “nước” của mình cũng tương đối khá... Thế là dùng luôn kế “muốn bắt thì hãy thả”, bố trí hẳn một cục diện, trước hết là nhờ bạn thân Từ Thúc ra mặt đi mọi nơi giới thiệu về Gia Cát, rồi tiếp đến là Thủy Kính tiên sinh bàn về danh sĩ, muốn làm rõ là sẽ đưa Lưu Bị, con người đang phiêu bạt lên Ngọa Long Cương làm lại một cuộc tông động viên toàn khu. Dặn dò tất cả tiểu phu, mục tử và bạn bè thân thích kể cả trước mặt lẫn sau lưng, rêu rao lên rằng con người này ghê gớm thế nào, thanh cao liêm khiết thế nào, qua một loạt sự rêu rao ca tụng, quả nhiên là đã xoáy được vào trái tim cầu hiền của Lưu Bị, sau đó lại diễn trò “ba lần đi thăm, ba lần mời khách” rồi mới “gượng gạo xuống núi”. Đó là thuật thả và bắt của Gia Cát Lượng với Lưu Bị, cũng chẳng qua là cái thủ pháp “đắt thì bán chơi, rẻ bỏ đó”.

Còn Lưu Bị thì sao? Thuật thả và bắt của con người này càng gót. Khi thất lợi trong cuộc chinh phạt nước Ngô, bị Lục Tốn đuổi cho mất hồn mất vía, vừa thẹn vừa tức đâm bệnh mà tro tro ở thành Bạch Đế, sợ rằng mình chẳng may chết đi vương nghiệp của dòng họ Lưu sẽ bị lung lay, bèn tính toán đến con người Gia Cát Lượng, đầu tiên mở cuộc tấn công bằng nước mắt, nói với Gia Cát Lượng.

- Ta từ ngày được Thừa tướng phò trợ nên đã thành nghiệp đế, tiếc thay là hiểu biết còn nông cạn, không nghe lời khuyên của Thừa tướng, tự chuốc lấy thất bại, bây giờ hối hận mà sinh bệnh, chắc chết nay mai. Vì lo cho con là A Đẩu còn thơ dại, không thể không nhờ người 'trong việc lớn... Vừa nói, nước mắt vừa chứa chan, nấc lên không thành tiếng.

Tiếng khóc đó quả nhiên động tới lòng trắc ẩn của Gia Cát Lượng. Tiếp đó, Lưu Bị nắm lấy tay Gia Cát Lượng, nói lời khẩn thiết:

- Ta sắp chết đến nơi rồi, có mấy lời tâm sự muốn nói cùng ông. Ta thấy tài năng của Thừa tướng, còn vượt xa Tào Thị Phi, Tôn Quyền hàng vạn lần, tất là sẽ yên dân trị nước và thành đạt được. Nếu A Đẩu có thể phò được thì phò, nếu dạy chưa được, thì ông hãy thay vào đó, tự lập nên Hán Đế là xong!

Những câu nói đó xúc động quá chừng, chửi trách Gia Cát Lượng nghe xong, mồ hôi toát đầm đìa, tay chân luống cuống, vội quỳ rạp xuống đất thưa:

- Thần sẽ mang hết sức mọn của mình, giữ tiết độ trung trinh, nối dõi cho tới chết.

Lưu Bị còn đặc biệt ghi vào di chúc yêu cầu các Con phải coi Gia Cát Lượng như bố và phải phụng dưỡng như bố mình. Đến mức này cả Gia Cát Lượng lẫn mọi người bộ thuộc đều “Cảm tạ ơn tri ngộ với Tiên đế” luôn không đề phai mò ý muốn cướp ngôi, mãi cho đến khi A Đẩu đầu hàng Tào Phi “vui vẻ không nhớ nước Thục” mới thôi.

MẠO ĐÔN RA OAI VỚI ĐÔNG HỒ QUỐC

Đầu đời Hán, ở phía bắc có một nước gọi là Đông Hồ, nghe tin Mạo Đôn giết bố tự xưng vương muốn đến để tìm bạn, thử xem thái độ của Hung Nô, bèn cử sứ thần sang nước Hung Nô, đòi Mạo Đôn dâng lên con thiên lý mã.

Mạo Đôn đã biết sứ thần đến vì có gì, bèn hỏi quần thần. Quần thần nhất tề tâu lên:

- Cả nước chỉ có một con thiên lý mã, mà lại do Tiên vương truyền lại, làm sao mà lại có thể dâng cho người khác dễ dàng như thế được.

Mạo Đôn cười nhạt, lắc đầu nói:

- Ta với Đông Hồ là chỗ láng giềng, không thể vì một con ngựa mà mất tình nghĩa lân bang, cứ đem dâng đi thôi! Lập tức sai dắt ngựa ra giao cho sứ giả dắt về.

Được mười hôm sau, sứ giả của Đông Hồ lại tới, đưa trình quốc thư, còn đòi Mạo Đôn đem dâng cả vợ mình.

Mạo Đôn đưa thư cho các quan tả hữu xem, tất cả đều tức giận dùng dằng nói:

- Quốc vương Đông Hồ sao mà quá láo xược, muốn- lấy cả Hoàng hậu nước ta, thật là quá đáng. Xin đem chém đầu sứ giả rồi mang quân đi trị tội.

Mạo Đôn lại lắc đầu nói:

- Người ta đã thích vợ ta, thì cho người ta, chả lẽ vì một người đàn bà mà mất đi một nước láng giềng. Rồi lại lập tức giao Hoàng hậu cho sứ giả đem về.

Qua được mấy tháng sau, sứ giả Hung Nô lại tới đòi lấy phần đất biên giới giữa hai nước.

Mạo Đôn lại cho họp quần thần nghị kế, có người thì chủ trương cho, có người thì phản đối, tranh cãi rất sôi nổi, chưa rõ bên nào đúng. Nhưng Mạo Đôn lại ngang nhiên đứng dậy nói:

- Đất đai là gốc của một nước, làm sao có thể cho được. Nói đoạn, ra lệnh đem chém sứ thần cùng những người bằng lòng cho đất.

Ngay sau đó, Mạo Đôn khoác chiến bào, ra lệnh gióng trống, trong chớp mắt đem quân đi đánh Đông Hồ.

Quân đội của Đông Hồ không kịp phòng bị, cuống lên không biết làm gì, càng chống càng thất bại, chẳng bao lâu tan rã toàn quân. Mạo Đôn xông thẳng tới cung đình, giết Đông Hồ Vương, giết hết nước này.

Từ câu chuyện này ta thấy thực hiện kế này phải có lòng kiên nhẫn hơn người và có quyết tâm không ngại hi sinh, bề mặt làm ra vẻ vô tình, trong lòng thì mài dao sần sặt. Loại kế sách này được dùng sớm nhất phải nói đến Trịnh Võ Công khéo dùng kế diệt Hồ Bang.

TRỊNH VÕ CÔNG TRỞ MẶT NÓI SAI LỜI

Thời Xuân Thu, Trịnh Võ Công là con người lắm mưu nhiều kế, nhưng lại là một chư hầu nhỏ yếu, ông ta muốn mở rộng địa bàn, định đánh sang nước bên cạnh là Hồ Quốc (sau là Hung-Nô). Nhưng lúc đó Hồ Quốc là một nước lớn, quốc vương lại là con người dũng mãnh, thiện chiến thường cho quân quây nhiễu biên cương. Dùng vũ lực cố nhiên là không dễ dàng gì, muốn lấn dần bằng chính trị cũng không có khả năng, bởi lúc đó quả là chẳng biết chút gì về nội tình Hồ Quốc ra sao. Trong lúc cả văn cả võ đều không làm gì được thì duy nhất chỉ còn cách là dùng chiến lược ngấm dần, không thể không kiên nhẫn, cử một người thân tín sang Hồ Quốc, đánh vào tổ chức cao nhất của nó.

Trịnh Võ Công cử một sứ giả sang Hồ Quốc, nói là muốn kết tình thân thích, gả con gái mình cho Quốc vương của Hồ Quốc. Quốc vương nghe nói đương nhiên là vô cùng mừng rỡ, lập tức bằng lòng. Như thế là Trịnh Võ Công bỗng chốc trở thành bố vợ của Quốc vương Hồ Quốc.

Vị tân phu nhân của Quốc vương Hồ Quốc phải gánh vác một sứ mạng. Từ sau khi đến đất nước này, nàng đã làm cho Quốc vương mê mẩn tâm thần, say đắm trong hoa trong rượu, hết ngày này sang đêm khác, đến triều đình cũng ngại tới, việc quan trọng của quốc gia cũng bỏ mặc không nghĩ đến.

Trịnh Võ Công biết chuyện đó, lòng ngầm vui mừng. Qua một thời gian tương đối dài, bỗng Trịnh Võ Công cho triệu tập một cuộc họp bí mật nhưng lại công khai, có mặt tất cả quan văn quan võ cấp cao, bàn việc làm thế nào để mở mang bờ cõi, và muốn vậy thì phải tiến công về phía nào.

Quan đại phu Quan Kỳ Tư nói:

- Với tình thế hiện nay, muốn mở rộng thế lực là việc tương đối khó khăn, các nước chư hầu trông mong dựa dẫm vào nhau, công và thủ đều có đồng minh, một khi xảy chuyện gì, tất họ sẽ tăng cường đoàn kết, nhất trí coi nước ta là thù địch. Duy nhất có một con đường tương đối dễ phát triển, đó là tiến công Hồ Quốc, một nước không nằm trong những nước đó, vừa có thể đạt cái lợi cho mình, trên danh nghĩa lại có thể thay mặt triều đình chinh phạt ngoại bang cũng cố chư hầu xung quanh.

Trịnh Võ Công mới nghe qua liền sa sầm nét mặt hỏi:

- Chẳng lẽ người không biết Hồ Vương là con rể ta sao?

Quan Kỳ Tư vẫn tiếp tục say sưa thảo luận, thao thao bất tuyệt nêu đủ mọi lý do rằng không thể không tấn công Hồ Quốc, đặc biệt còn nhấn mạnh đến điều quốc gia đại sự, không thể vương vấn tình riêng với con cái.

- Đồ chó má! Trịnh Võ Công nổi nóng lớn tiếng trách mắng. Như thế mà nhà ngươi cũng nói được ra, người định cho ta là hạng bất nhân bất nghĩa sao? Người định để con gái ta ở góa hay sao? Được rồi, nhà ngươi thích người khác là bà goá, thì ta để cho vợ ngươi nếm mùi gai góc xem sao. Quân bay đâu, trói thẳng này lại, đem chém!

Tin tức Quan Kỳ Tư bị chém đầu rất nhanh lan sang tới Hồ Quốc, Quốc Vương hết sức cảm động trước tấm lòng của nhạc phụ. Và cũng định ninh tin rằng Trịnh Quốc Công sẽ không bao giờ gây sự với mình, càng tỏ ra yên tâm, càng đắm mình vào những cuộc vui, dần dần đến các quan ải cũng tỏ ra trễ nải, lơ lửng, để cho tình báo của nước Trịnh tự do ra vào.

Trịnh Võ Công đã nắm được nội tình của Hồ Quốc, cho rằng thời cơ đã chín muồi, đột nhiên hạ lệnh ra quân tấn công Hồ Quốc. Các đại thần đều không hiểu ra sao, vội hỏi:

'Thưa Đại vương! Quan đại phu trước đây vì đề nghị tiến công Hồ Quốc mà bị chém đầu, mới đó không lâu, giờ lại muốn đánh Hồ Quốc, thế chẳng hóa ra nói lời rồi lại nuốt lời sao?

Trịnh Võ Công cười ha hả, vuốt râu giải thích với quần thần:

- Các ngươi không biết khéo léo dùng câu: “Việc quân không ngại lừa dối”, đó là kế “muốn bắt thì hãy thả” của ta đó. Ta từ lâu đã có ý định với Hồ Quốc, chịu hi sinh ga con gái ta cho Hồ Vương, chính là để dò la bí mật quốc phòng, chém Quan Kỳ Tư cũng không ngoài mục đích củng cố lòng tin của chúng, để chúng trễ nải canh phòng, đợi đến lúc thời cơ chín muồi, ta xuất kỳ bất ý, chỉ một trận là nắm được Hồ Quốc trong tay.

- Thế nhưng thưa Đại vương - Một người trong đó nói- Như thế con gái của Đại vương chẳng phải sẽ bị góa chồng sao?

- Ha! Ha! Ha! Chính Quan đại phu nói rất đúng. Quốc gia đại sự mà, sao có thể vương vấn đến tình riêng con cái chứ!

Quả nhiên là quân Trịnh đi đến đâu, thế mạnh như chẻ tre đến đấy, mới chỉ vài trận, cả Hồ Quốc đã nằm trong bản đồ của Trịnh Quốc, vị con rể đầu triều chỉ mang cái đầu không đến triều kiến bố” vợ.

KẾ § 15 RÚT CỬ ĐÁY NỒI

TUNG RA ĐẠN THỊT TÈ CẢNH CÔNG LÀM KHÔNG TỬ GIẬN BỎ ĐI
RÚT CỬ ĐÁY NỒI DONG MẠNH LỜI KỂ TRỘM LÀM LUI QUÂN TÈ

Câu “rút cử đáy nồi” là lấy từ câu “rút cử để ngừng sôi. cắt cỏ phải trừ tận gốc” ở trong Lương triều văn do Ngụy Mục, một trong “Bắc Triều tam tài tử” chuyên viết Ngụy thư ở đời Bắc Tề viết ra, dùng câu này để nói cái ý là với bất kể việc gì cũng phải giải quyết từ gốc. “Rút cử đáy nồi” với câu “quấy canh để ngừng sôi” là cùng một nghĩa, nhưng về ý lại có hai khía cạnh khác nhau. “Quấy canh để ngừng sôi” là sau khi chuyện đã xảy ra rồi mới tìm cách cho hòa hoãn, đề phòng sự việc xấu thêm, đó là biện pháp tạm cứu nhất thời. Còn “rút cử đáy nồi” là đề phòng sự việc xảy ra, hoặc chuyện xảy ra rồi thì tìm cách chính đốn triệt để, là cách trị tận gốc.

Dùng trong đấu tranh, rút cử đáy nồi là thứ “chiến thuật đáy túi”. Khi hai bên đối địch, gươm tuốt vỏ, đạn lên nòng, tránh việc công kích bằng chủ lực ở mặt chính diện, mà phải tính chuyện ở sau lưng địch hoặc đánh ngầm vào sườn chúng, kéo chân chúng lại, phá chỗ dựa của chúng để chúng vô tình biến thành quả bóng xì hơi. Tôn Ngộ Không được tả trong Tây du ký rất hay dùng kế “rút cử đáy nồi”. Tôn Ngộ Không khi bảo vệ Đường Tam Tạng đi Tây Thiên thỉnh kinh, những yêu ma gặp phải trên đường, nếu thấy mình đánh được thì phang cho vài gậy, nếu không đánh nổi thì sao? Tôn Ngộ Không biết dò la gốc tích của yêu quái, sau khi nắm rõ thần thánh ở phương nào, bèn chạy đi mời người chủ nào cho yêu ma đến xin hãy giải trừ cho. Cho nên Ngưu Ma Vương mới bị Thái Thượng Lão quân mang về trời, quỷ áo vàng cũng bị Phật Di Lặc cười ha hả thu phục, cái đó là “chiến thuật đáy túi”.

Chiến thuật này khéo dùng ở chỗ nghe không thấy tiếng, nhìn không thấy hình, vô cùng như trời đất, khó biết như âm dương, khi dùng thì bằng thủ đoạn ngầm lúc đến, lộ lúc đi, âm sai dương lệch... làm cho đối phương sa vào mưu mà không biết. Binh pháp Tôn Tử cũng có viết: “Nhỏ dần nhỏ dần đến mức vô hình, thần diệu đến mức không có tiếng cho nên có thể thành tư lệnh của địch”. Tư lệnh, tức là chỉ thế lực có thể nắm được sinh mạng của kẻ địch giống như thần tư mệnh trên trời. Cũng tức là nói trong chiến đấu đã nắm được quyền chủ

động, có thể làm rối ren ý chí của địch, chi phối được hành động của địch, đây là một 194 kiểu đánh đòn gió, phối hợp với những tin đồn làm rối ren, làm cho sự việc thêm lúng túng, nó tức là thứ quân không phải đánh mà hàng phục được người, là thứ vũ khí chỉ đánh một trận là bắt được người ta.

Bất kể là trên tình trường, thương trường, chiến trường hay vũ đài chính trị, “rút củi đáy nồi” là thứ cơ mưu độc địa nhất. Mưu lớn thì hiệu quả lớn, nhỏ thì hiệu quả nhỏ, áp dụng trong tình trường lại càng phổ biến. Đã từng có một chuyện thế này:

Có hai anh A và B cùng theo đuổi một cô gái, anh B có vẻ được gần gũi cô gái hơn, anh A hiển nhiên là bị yếu thế, nhưng anh ta đã nghĩ ra kế “rút củi đáy nồi”, tiến hành “chính sách mẹ vợ”, nghĩa là trước mắt bà mẹ cô gái anh ta tỏ ra hết sức ân cần, chịu khó, Cuối cùng là đã đạt được kết quả, ca khúc khải hoàn.

Trên thương trường lại càng tỏ ra ly kỳ thâm hiểm. Trước đây, có một nhà băng thu hút được rất nhiều hộ gửi tiền, ông chủ trở nên kiêu ngạo, lấy thế ăn hiếp người khác, gây nên sự ghen ghét với một nhà băng khác. Người này âm mưu đánh đổ kẻ thù, bèn hi sinh hơn mười vạn tiền chi phí hoạt động, cho tay chân đến nhà băng kia gửi tiền ngắn hạn, tất cả được hơn ngàn hộ. Chưa đến một tuần sau, những hộ gửi tiền này cùng một lúc kéo đến xin rút tiền, họ xếp thành một hàng dài, đồng thời phao tin ầm ĩ ở bên ngoài, nói nhà băng này đang xảy ra chuyện về vốn liếng. Bởi vậy các hộ gửi tiền khác cũng lo sợ ầm ầm kéo đến nhà băng này đòi rút tiền. Kết quả là nhà băng này không kịp ứng phó bèn tuyên bố phá sản.

Rồi đến ngân hàng Phan Nguyệt Hường trong vở “Nhận xuất” của nhà viết kịch Tào Ngu cũng bị Tám Kim là tên đầu gấu, dùng biện pháp rút tiền kiểu “rút củi đáy nồi” ép phải tự sát. Thế mới hay sự hiểm ác của thương trường đáng sợ hơn cái gì hết. Lý do cũng rất giản đơn, người đi buôn thì chỉ biết có tiền thôi, mặc dù ngoài mặt dùng “chính sách mỉm cười”, nhưng tất cả trông vào lợi ích, chẳng có ai tin ai cho dù là bố con, anh em thậm chí vợ chồng, một khi lợi hại bị xung đột thì sẽ thành nước với lửa, cốt nhục chỉ là giả thôi, tiền bạc mới là thân. Cái gì là luân lý, là đạo nghĩa nó chỉ là thứ mỹ từ lọt ra từ kẽ đồng tiền, không chịu nổi sự thử thách.

Thủ tướng Anh cũng từng dùng kế này mà rất là khéo léo. Một lần tham gia hội nghị về phúc lợi, có người lên diễn thuyết, nói đi nói lại cả tiếng đồng hồ vẫn chưa chịu xuống,

người nghe ai cũng phát chán. Một bà ngồi bên ông Thủ tướng nói có cách gì làm cho ông ta xuống đi không? Ông Thủ tướng mỉm cười, lập tức viết một mảnh giấy bảo đưa cho người đang diễn thuyết. Người này vừa xem mẫu giấy liền đỏ mặt tía tai bước xuống, thì ra trong mảnh giấy ấy viết rằng: “Cúc quần của quý ngài chưa đóng hết”.

Kế “rút củi đáy nồi” được dùng trên chiến trường càng nhiều hơn. Thời Chiến Quốc Nhạn Chiêu Vương bái Lạc Nghị làm tướng, đẩy binh phục thù, một mạch hạ luôn hơn 70 thành trì, chỉ còn hai thành Tức Mặc và Cử Thành là chưa hạ. Lạc Nghị muốn lung lạc dân chúng, không ép đến mức thái quá, mà chỉ vây chặt hai thành, cho đến khi Nhạn Chiêu Vương chết, Huệ Vương lên thay. Ông vua này vốn có “mâu thuẫn với Lạc Nghị. Điền Đan là tướng nước Tề thấy tình hình này bèn dùng kế rút củi đáy nồi làm cho Lạc Nghị phải bỏ đi. Đầu tiên là cho người tung tin sang nước Nhạn nói: Lạc Nghị trong sáu tháng hạ hàng hoạt thành trì của nước Tề, chỉ có thành Tức Mặc và Cử Thành vây giữ đến ba năm mà chưa hạ được, không phải là không hạ được, mà thực ra có mưu đồ lung lạc lòng dân, tự lập, làm Tề Vương. Huệ Vương nghe nói vậy, bèn đổi tướng ngay tại trận, cử Kỵ Kiếp đến tiếp nhận binh quyền của Lạc Nghị. Lạc Nghị sợ tội, trốn về nước Triệu, Kỵ Kiếp mới lên bèn thay đổi biện pháp cũ, hạ lệnh công thành, cuối cùng bị Điền Đan mấy lần dùng kế, dùng hỏa công phá quân Nhạn, giết Kỵ Kiếp thu toàn bộ đất đai bị mất.

Phạm Cù của nước Tần cũng đã dùng kế này đại phá nước Triệu. Tướng nước Tần là Vương Hột tấn công nước Triệu, tướng Triệu là Liêm Pha kiên trì cố thủ, quân Tần không nhích được nửa bước. Triệu Vương không rõ chiến thuật của Liêm Pha mấy lần hạ lệnh tấn công, Liêm Pha vẫn không nhích được nửa bước. Triệu Vương không rõ chiến thuật của Liêm Pha mấy lần hạ lệnh tấn công.

Liêm Pha vẫn không nghe. Tướng Tần là Phạm Cù biết có thể lợi dụng thời cơ này, sai gián điệp tung tin rằng bên Tần rất sợ tướng quân Triệu Quát. Liêm Pha thực chẳng có tài, sợ chết không dám ra, sớm muộn cũng sẽ bị bắt. Triệu Vương cho là thật bèn điều Triệu Quát ra thay. Phạm Cù biết Triệu Vương đã trúng kế bèn ngầm sai Thượng tướng Bạch Khởi tăng quân, nhử và giết được Triệu Quát, quân Triệu vừa bị giết vừa ra hàng hai mươi vạn tên.

Hạng Vũ cũng từng dùng kế này với Lưu Bang, nhưng lại không che giấu được Trương Lương, mất trắng bao công lao đã bỏ ra. Nhưng khi hội chiến ở Quảng Vũ, Hạng Vũ muốn ép Lưu Bang lui quân bèn dẫn người cha của Lưu Bang ra đứng trước vạc dầu, nói với Lưu Bang:

- Nếu không lui binh, ta sẽ giết cha ngươi trong vạc dầu.

Lúc ấy, nếu Lưu Bang mềm lòng có thể sẽ bãi binh quy hàng để Hạng Vũ ngồi yên trên ngôi báu. Nhưng Trương Lương đã dạy cho Lưu Bang. Lưu Bang cười và nói:

- Ta với nhà ngươi đã kết nghĩa anh em, cha của ta cũng là cha nhà ngươi, muốn làm thế nào với ta đều chẳng sao, nếu giết cha ta trong vạc dầu, tốt nhất là chia cho ta một bát xáo.

Nói đến thế Hạng Vũ không thể thi hành được ý định của mình.

Kim Ngột Thuật cử binh xâm chiếm phía Nam, gặp lúc triều nhà Tống dời đô xuống Hàng Châu sau bị sự tấn công mạnh mẽ của danh tướng nhà Tống là Nhạc Phi, đuổi bật về phía Bắc rút về nước mình, lại biết dùng kế “rút củi đáy nồi”, lợi dụng Tần Cối triệu hồi Nhạc Phi về rồi đem giết đi, dẹp được cái chiêu bài chủ chiến này đi, mới có thể quay đầu trở lại được. Cho nên con người này mới nói: “Không có quyền gian đường đạo mà đại tướng cũng có thể lập công được ở biên cương”, câu nói này cũng khẳng định cái nhân tố căn bản của kế “rút củi đáy nồi” chỉ cần rút hết được củi ở dưới nồi đi, thì trong nồi có thể nuôi được cá vàng. Gia Cát Lượng sở dĩ mới ra quân chưa thang, thân đã thiệt, đó chẳng phải vì Hậu châu trúng phải kế này của Tư Mã ý, triệu hồi Gia Cát từ tiền tuyến về đó sao?

Những ví dụ trên thuộc lãnh vực quân sự, còn về chính trị có lẽ suốt sắc nhất là phi công thuật của Mặc Tử. Thời Chiến Quốc, Lỗ Ban đã tạo cho Sở Vương một loại vũ khí mới gọi là thang mây để đi đánh nước Tống. Mặc Tử biết được tin này, từ ngàn dặm xa xôi đến can ngăn, trước mặt Sở Vương cùng Lỗ Ban biểu diễn 9 lần công phòng diễn tập, cuối cùng làm cho những phần tử hiếu chiến phải ghê sợ, tránh được một cuộc chiến tranh tàn khốc.

Còn nữa, ngay cả thánh nhân của chúng ta là Khổng Tử cũng đã từng va chạm với kế “rút củi đáy nồi” này và phải lưu lạc nước ngoài với cuộc sống lưu vong, mới hay hóa thân của nhân nghĩa đạo đức, cũng không chịu được thử thách của cuộc đời. cũng từ đó chứng minh rằng đối tượng sử dụng kế, có hiệu quả nhất vẫn là những người có đạo học. Khổng Tử là con người như thế.

TỀ CẢNH CÔNG LÀM KHỔNG TỬ TỨC GIẬN BỎ ĐI

Tề Cảnh Công từ sau khi ở Hiệp Cốc bị Khổng Tử chê cười cho một trận rất lấy làm buồn, cũng vừa dịp ấy hiền tướng Yến Anh qua đời, không có ai kế tục, mà nước Lỗ thì trọng dụng Khổng Tử, sự cai trị và chính sự trong nước đều trở nên tốt đẹp, bèn nói với đại phu Lê Bát rằng:

- Nước Lỗ tin dùng ông già Khổng là một sự đe dọa rất lớn với ta, sau này nghiệp bá của họ phát triển, nước ta là nước bị hại trước hết, việc này không biết tính sao?

Lê Bát suy nghĩ một hồi rồi nói:

- “Rút củi đáy nồi”, đuổi Khổng Khâu đi là xong.

- Trừ khử hắc thế nào, hắc đang được nâng niu chiều chuộng thế. Cảnh Công hỏi.

Lê Bát nói ra kế sách của mình:

- Người ta chẳng thường nghe nói: “No lưng ấm cật thì dâm giết mọi nơi, đói rách tả tơi thì sinh lòng trộm cắp là gì”. Ngày nay ở nước Lỗ thiên hạ thái bình, Lỗ Định Công là con người hiếu sắc, nếu đem tặng cho hắn một bầy gái đẹp, hắn sẽ không từ chối, chấp nhận hết, nhận rồi sẽ ngày đêm lặn lội trong đám phấn son và lúc ấy thì Khổng Tử làm sao có thể sánh với ngân tử (tiền), nữ tử (gái) liệu họ còn thân nhau được như trước nữa không? Như thế, bảo đảm sẽ làm Khổng Tử tức giận bỏ đi. Đến lúc đó, bệ hạ lại không thể yên tâm trên gối gấm được sao?

Cảnh Công cho đây là kế hay, bèn sai Lê Bát tuyển chọn 80 cô gái đẹp, dạy cho múa hát và cho trang điểm, chuẩn bị đê bán sang nước Lỗ 80 quả đạn thịt.

Sau khi huấn luyện kỹ càng, lại lấy 120 con ngựa quý, thắng cho vòn bạc cương vàng, nhũ đồ bằng gấm vóc, cùng với 80 cô gái đẹp đưa sang nước Lỗ nói là để Lỗ Định Công hương thụ.

Lý Tư là một Thừa tướng khác của nước Lỗ, nghe được tin này trước, đã thấy ngứa ngáy trong lòng, vội thay triều phục, mặc quần áo thường ngồi xe ra cửa thành nam xem, thấy các cô gái nước Lỗ, đêm biểu diễn ca múa, tiếng hát vút lên mây, điệu múa xoay như gió, hết

tiến lại lui, sắc màu hoa mắt, không cầm lòng được, ngạc nhiên đến há mồm há miệng, bủn rủn tay chân, mê mẩn tâm thần, hồn xiêu phách lạc.

Vì say mê sắc đẹp, Lý Tư quên cả việc vào triều nghị sự. Định Công cho gọi mấy lần, mới uể oải vào cung yết kiến. Định Công đưa quốc thư của nước Tề cho Lý Tư xem, Lý Tư liền đáp luôn:

- Đây là lòng tốt của Tề Vương, không nên từ chối, cứ tiếp nhận hết là xong.

Định Công cũng muốn nói thế, bèn hỏi gái đẹp ở đâu? Lý Tư được thể hướng dẫn Định Công thay triều phục ra cửa nam thành xem.

Hành động bí mật này đã bị sứ giả nước Tề biết hết, bèn sai đảm đàn thịt kia mở hết tài nháy mắt hát ca, ngoáy móng lắc ngực, làm như hoa thược dược đón gió, mắt cười như chớp sáng sao mai, tiếng hát nổi lên như chim oanh theo bầy rời tổ, thắt lưng bay lên cuốn theo cả hương ẩm hơi người. Hai bên quần thần sướng đến nổi bật bồn bật vía, thay nhau nuốt nước miếng cho đỡ thèm rồi hoa chân múa tay tán thưởng.

- Xin mời bệ hạ sang bên kia xem bầy ngựa quý!- Lý Tư nói.

- Không cần xem nữa, chùng này cô gái đẹp là đủ lắm rồi, không cần phải hỏi đến ngựa quý.

Đêm ấy về cung, bèn sai Lý Tư viết thư tạ ơn Tề Vương, trọng thưởng cho sứ giả, nhận hai khoản quà quý đó vào cung, lại còn gia ơn rộng rãi. Từ đó “dưới trướng phù dung xuân ấm lại”, từ đó “quân vương chẳng đoái triều!”

Khổng Tử nghe được chuyện này, thở dài ảo não, Tử Lộ thưa:

- Vua nước Lỗ ta đã rơi vào mê hồn trận mất rồi, quên hết cả việc nhà việc nước, Thừa thày, ta lên đường được chưa?

- Khổng Tử đáp:

- Đừng vội, tuần tế giao cũng sắp đến rồi, đây là việc lớn của đất nước, nếu Quân vương chưa quên, việc nước còn cơ cứu vãn, nếu không, lúc đó ta hãy cuốn gói cũng chưa muộn!

Đến tuần tế giao, Định Công cũng chiếu lệ đi tế một lượt, nhưng chẳng thành tâm chút nào, tế lễ qua loa cho xong, bèn mài mốt về cung vui thú, đến phần thịt tế cũng chẳng ở lại chia cho quần thần. Khổng Tử bèn nói với Tử Lộ:

- Mau đi thông báo cho các học trò, khăn gói sẵn sàng, sớm mai sẽ rời khỏi nơi đây!

Thế là Khổng Tử từ quan, dẫn một đoàn học trò đi chu du các nước, sống cuộc sống lang thang. Dừng mách lối kẻ trộm làm lui quân Tề. vẫn còn một chuyện rất hay, một tên kẻ trộm mà làm nên nghiệp lớn, yên dân trị quốc. Đó là vào thời Chiến Quốc, nước Tề đem quân đánh nước Sở, nước Sở lệnh cho Doãn Tử Phát đem quân chống giữ, ba lần nghênh chiến, thất bại cả ba lần, xem chừng đến phải kéo cờ trắng ra hàng mất vì dùng hết mọi mưu kế đều không có ích gì, quân Tề vẫn chẳng mấy may ảnh hưởng mà thanh thế lại còn mạnh thêm. Tử Phát đang lúc vô kế khả thi, không còn tìm ra lối thoát, mặt ủ mày chau thì có một người chuyên đi ăn trộm đến xin gặp thông soái.

- Tôi biết lấy trộm, đến lúc này xin vào doanh trại giặc để thử một phen, tin rằng sẽ xoay chuyển được tình thế cũng chưa biết chừng - Tử Phát trong lúc không biết làm thế nào hơn, đành sai hắc đi một chuyến xem sao. Tên ăn trộm lần mò vào được doanh trại địch, ăn trộm bức trướng của tướng Tề đem về trao cho Tử Phát, Tử Phát lại sai người công khai đem trả cho tướng Tề. Hôm thứ hai, tên kẻ trộm lại ăn trộm cái gối đầu của tướng Tề, rồi lại mang trả. Đêm thứ ba, tên kẻ trộm lại lấy trộm được cái ghim cài đầu của tướng Tề. Tử Phát lại cho người mang trả. Tướng Tề lúc này mới thất kinh. Cứ như thế này rồi đến đầu mình nó cũng ăn trộm mất thì sao? Thế là vội vàng hạ lệnh thu quân về triều. Bại tế nước Sở mới từ chỗ “nguy nan” chuyển thành yên ổn.

KẾ § 16 ĐI TRƯỚC MỘT BƯỚC

PHÔ TRƯỞNG THANH THỂ BAN SIÊU DÙNG MƯU CHÉM SÚ HUNG NÔ
ĐI TRƯỚC MỘT BƯỚC TRỊNH HOẢ BÀY KẾ ĐẸP NƯỚC TÍCH LAN

Đi trước một bước là cách chiếm lợi ở người khác, đi sớm hơn người khác một bước không có nghĩa là cuộc chạy đua hòa bình, có đầy đủ rồi đến sớm hơn người, cũng không với tinh thần thoả hiệp theo kiểu “đên trước làm quân, đến sau làm thần”. Bởi “hơn người” nên mới “đi trước”, như thế tự nhiên sẽ là cuộc đấu tranh kịch liệt, không thắng lợi thì là thất bại, tất cả những thứ gọi là công lý, nhân ái, đồng tình, thương xót... tuyệt nhiên không thể sinh ra giữa địch và ta.

Nhìn theo bề dày lịch sử, lại nhìn theo mặt rộng hoàn cầu, hầu như không có ai lại không có sẵn ý đồ “độc chiếm”. Có ở đâu, và vào lúc nào mà lại không nảy sinh ra những chuyện thế này. Chỉ cần là có tranh, tranh ở triều đình, tranh trong cuộc đời bất kể là có đổ máu hay không? Luôn luôn phải là “của ta, của mi phải biến thành của ta”, cội nguồn của thứ tôn chỉ này là “tự tư”.

Tự tư là thiên tính của con người, cũng là lực duy trì của lịch sử xã hội. Những kẻ gọi là “chí công vô tư” chẳng khác gì như một thứ vỏ bọc lừa người, một câu phiếm đàm sau lúc com no rượu say. Câu chuyện phiếm thì chẳng tổn hại gì mình mà lại còn ảnh hưởng đến người khác.

Đi trước một bước hiển nhiên là thủ đoạn “nhanh đánh chậm” thế nhưng đánh kiểu gì? Cái đó lại phải xem người phải đánh đó là ai, hoàn cảnh lúc đó thế nào, những ví dụ như thế này nhiều vô kể chỉ cần để ý quan sát có sức quyết đoán và có chí tiến thủ.

Cơ hội để thi hành kế này nhiều và vô cùng rộng lớn, cứ theo sử sách đã ghi, chỉ riêng lĩnh vực chính trị và quân sự, nếu ngồi rồi mà đếm cũng có đến hàng gánh hàng khiêng. Nếu xa xưa quá không nói và vắng vẻ quá cũng không kể, - ngay những chuyện thông thường và sờ sờ ra đó cũng có biết bao nhiêu chuyện như Lý Thế Nhân gây biến ở cửa Huyền Vũ, Võ Tắc Thiên phế lập Lư Lăng Vương, Từ Hi đầu độc giết Quang Tự, Gia Cát Lượng dùng mưu lấy

Hán Trung, Tư Mã ý dùng kế bắt Mạnh Đạt... đều không phải là bằng thủ pháp “nhanh đánh chậm” mà thành công đó sao? Có một chuyện cười như thế này:

Hàng Châu có một phú ông làm lễ mừng thọ, diễn kịch liên trong ba đêm, đến đêm thứ tư, người hầu hạ trong nhà đều thấm mệt, đi ngủ rất Sớm. Một bọn cướp thừa dịp này vào cướp cửa, hơn mười tên đóng giả làm gia nhân, bước vào nha chuyên chỗ hòm xiểng đồ đạc đi, đốt đèn sáng, mở to cửa, đằng hoàng khuôn từng thứ ra ngoài. Vừa đi chúng còn vừa ca cẩm, kêu vất vả mấy hôm nay, chủ nhân còn không, thương xót, bắt bọn ta thức suốt đêm mang đồ đi trả. Người canh cổng tưởng đó là người nhà phú ông, còn trêu chọc nói: Tuy có vất vả tí chút, nhưng đã được tiền còn oán thán nỗi gì? Bọn cướp còn to mồm chửi lại: “Mặc kệ người ta! Câm cái mồm mày lại!”. Người canh cổng đành không dám nói nói gì nữa, đứng giương mắt nhìn bọn này chỗ đồ đạc đi. Cho đến lúc trời sáng, phú ông bị mất cướp hỏi người canh cổng mới biết đã bị bọn cướp đánh lừa. Còn hai chuyện thú vị sau đây là “Ban Siêu định Tây Thành” và “Hitler làm đảo chính ở quỳ rợu”.

BAN SIÊU DÙNG MUỖ CHÉM SỨ HUNG NÔ

Ban Siêu ở đời nhà Hán là chàng trai có chí khí và hiểu biết rộng. Từ khi “cất bút tòng tuất” luôn luôn tâm niệm muốn giương uy ở nước ngoài làm nên một sự nghiệp gì oanh liệt lớn lao cho đất nước.

Có một lần Hán Hiến Tông cử Ban Siêu làm Tư Mã, cùng tòng sự là Quách Tuần làm sứ giả đến Tây Thành (vùng Tân Cương bây giờ)

Họ đến nước Thiện Thiện, nhốc này tiếp giáp với Hung Nô là đối tượng tranh chấp giữa nhà Hán và Hung Nô.

Quốc Vương nước Thiện Thiện tên là Tư, dưới sự uy hiếp của thế lực hai nước lớn, không cách nào quyết định được là sẽ ngả về ai. Hôm nay thấy Ban Siêu và sứ thần nhà Hán đến trước, tiếp đãi rất chu đáo, đang muốn nhân dịp này, cân nhắc kiến lập quan hệ với nhà Hán. Nhưng chỉ mấy hôm sau thái độ ân cần đó tự dưng thấy trở nên lạnh lùng.

Ban Siêu thấy tình hình này đúng như là “ba hôm trước ấm như lửa, ba hôm sau nữa lại lạnh như băng” trong lòng sinh nghi bèn nói với thuộc hạ:

- Thật lạ lùng, mọi người có thấy không? Thiện Thiện Vương trước đây đối với chúng ta ân cần đến như thổ, đến nay bỗng nhiên trở nên lạnh nhạt thế này, nhất định phải có duyên cớ chi đây? Ta đoán rằng thế nào phía Hung Nô cũng cử sứ thần đến đây, đánh chúng ta bằng ngoại giao, làm cho Thiện Thiện Vương lưỡng lự, cuối cùng đi theo đường lối nhà Hán hơn hay đi theo Hung Nô hơn? Chuyện đó chẳng đã rõ ràng lắm rồi sao? Vì từ sự thay đổi về thái độ của họ ta cũng có thể nhìn ra sự việc.

Sau khi phân tích tình thế như vậy, mọi người đều đồng ý với cách nhìn nhận ấy, Ban Siêu tiếp tục nói:

- Nếu như thế này, tình cảnh chúng ta sẽ rất là nguy hiểm.

Ngay sau đó, cho gọi người Hồ phụ trách chiêu đãi vào, đe dọa rằng:

- Ta có một câu muốn hỏi mi, nhất định phải nói ra cho thật, nói đúng sẽ được trọng thưởng, nếu hàm hồ ấp úng sẽ cho đầu người lìa cổ. Ta hỏi mi, rốt cuộc thì sứ giả Hung Nô đến bao lâu rồi, có bao nhiêu người, hiện đang ở đâu?

Người bị hỏi vốn thật thà nhút nhát, nghe Ban Siêu đe dọa đã sợ dúm lại, bèn nói hết mọi tình hình về sứ giả Hung Nô với Ban Siêu.

Ban Siêu thấy việc rất nghiêm trọng như lửa 'đốt đầu, nhưng không hề sợ hãi, lúc này bên mình chỉ có ba mươi sáu người vừa lính vừa quan, bèn gọi hết mọi người lại, mở một cuộc họp bàn khẩn cấp. Trước hết đem giam giữ người phụ trách tiếp đãi lại một nơi, không để cho liên hệ với bên ngoài, sau đó bày mâm ngồi uống rượu.

Khi mọi người đang uống rất vui, Ban Siêu bỗng đứng dậy, xúc động nói với mọi người:

- Chúng ta đây đều là người nhà Hán, tại làm sao phải đến vùng sa mạc mênh mông này, lại chẳng phải là muốn có chút công lao với đất nước, tìm phú quý giàu sang sao? Thế nhưng, chúng ta hiện nay đã bị bao vây chặt rồi, tiến không được, lui cũng chẳng xong. Khi mới đến đây, Thiện Thiện Vương đối xử với ta rất khách khí, điều đó mọi người đều cảm thấy. Thế nhưng mấy hôm nay Hung Nô cũng cử sứ giả đến, thái độ của họ bỗng nhiên lạnh nhạt, điều đó chứng tỏ họ không còn mang ý tốt với ta. Chẳng may họ bắt chúng ta đưa sang Hung Nô, thì sự việc sẽ đến đâu, đến lúc đó,

anh em có chết cũng không có chỗ chôn, đến thi thể cũng làm mồi cho lang sói. Sự việc đã ngày càng nghiêm trọng thế, mọi người hãy nghĩ xem, phải làm sao mới thoát khỏi hang hùm?

Mọi người vừa nghe vừa đưa mắt nhìn nhau, một người trong đó nói:

- Sự thế đã nguy cấp đến thế. Xin Tư Mã hãy thay anh em nêu ý kiến xem sao?

- Đúng, chúng tôi đồng lòng đi theo Tư Mã - Mọi người đồng thanh nói theo.

Ban Siêu lại tiếp tục nói:

- Chỉ có hai con đường, chạy hoặc là đánh! Nhưng chạy cũng là đường cùng, đường chết, chung ta chỉ có trên ba chục con người, biết chạy đi đâu? Sợ rằng nửa đường sẽ bị tiêu diệt hết.

Biện pháp duy nhất là chỉ có đánh, phải ra tay trước thì mới mạnh, không vào hang cộp thì sao bắt được cộp mọi người đồng ý không?

- Đồng ý!

- Nay ta đã biết sứ giả Hung Nô có bao nhiêu người, hiện ở chỗ nào. Đêm nay chúng ta sẽ ra tay để chúng trở tay không kịp. Chúng hiện nay đang vô cùng đắc chí, sổ không nghĩ tới việc chúng ta đột nhiên hành động, đương nhiên cũng không đề phòng chúng ta hành động với quyết tâm thế này, và cũng không đề phòng chúng ta tập kích, một khi có chuyện nhất định sẽ hết sức lúng túng. Đợi đến khi chúng ta giải quyết xong bọn chó chết ấy đi Thiện Thiện Vương tự nhiên sẽ chịu ngoan ngoãn quy thuận chúng ta. Như vậy, sự nghiệp của chúng ta chẳng đã thành công rồi sao?

Người kia lại nói:

- Việc này hết sức hệ trọng ảnh hưởng đến môi bang giao với nước ngoài, tốt nhất hãy nên bàn bạc với Quách Tuần Sự đã- Xì!- Ban Siêu nổi nóng dùng dùng nói:

- Lành dữ thành bại đều quyết định ở đêm nay, Quách Tuần Sự là một thư sinh yếu đuối, ông ta biết việc này có khi còn bàn ngang, còn nói là còn thêm rắc rối, chẳng may kế hoạch lọt ra ngoài, thì chuyện còn đến đâu? Nhất định sẽ lộn lành hóa lộn què - Rồi lại quay nói:

- Mọi người thấy có đúng không? Tại sao chúng ta lại phó thác tính mạng cho một anh thư sinh giết gà cũng sợ, trói gà không chặt. Cho đến phút cuối cùng lại còn hi vọng giải quyết hòa bình.

- Đúng - Tiếng đồng thanh lại vang lên - Mọi chuyện đều theo lời Tư Mã, hãy quyết sống mái với bọn nó một phen.

Mọi người múa chân múa tay, sĩ khí được hâm nóng đã dâng cao tột độ, lập tức sửa soạn vũ trang chờ lệnh xuất phát.

Chẳng mấy chốc trời tối, đêm đen như mực, gió như thét gào, cát bay đầy mặt, đoàn hảo hán lòng đầy máu nóng, im lìm lần dò tới doanh trại của sứ giả Hung Nô. Ban Siêu sắp đặt hết việc chuẩn bị cho trận đánh, chia 36 người thành hai mũi. Mười người mai phục bên ngoài, mỗi người đều cầm trống trên tay, đến khi cần sẽ “giả nêu thanh thế”. Còn thì thầm dặn dò họ rằng”.

- Hễ thấy trong doanh trại lửa cháy thì gõ trống ầm ĩ lên và hò hét theo, cho đến lúc thắng lợi mới thôi.

Hơn hai mươi người còn lại, toàn bộ cúi trần xung trận, trong tay chỉ có một con mã tấu, dưới sự chỉ huy của Ban Siêu, hăng hái như rồng như hổ xông vào trại sứ của Hung Nô, Vừa châm lửa vừa gõ trống hò la, gặp ngựa là chém, sờ thấy người mặc áo là xĩa luôn một nhát. Các sứ giả Hung Nô lúc này còn đang ôm mộng ở trong chăn, đột nhiên bị tiếng hò làm thức tỉnh, không biết trở tay thế nào, chỉ thấy một người ở trần chém ngang chém dọc, lại nghĩ tiếng trống trận như sấm, tiếng hô dậy trời, muốn trốn cũng chẳng còn đường chạy, muốn đánh cũng chẳng tìm ra vũ khí, trước mặt là hổ xuyên rừng, sau lưng là lửa đốt, thế là như lợn phá chuồng chạy tứ tung bốn phía, đằng thì chết cháy đằng thì chết chém, không sót đến nửa tên, hơn một trăm con người thế là bị thanh toán gọn.

Đến khi trời sáng, thu quân điểm số, ngoài mấy người bị thương thẳng thiếu một ai, đúng là “Lúc đi ba mươi sáu người, lúc về đủ mười tám đôi rồng rồng”.

Điểm quân xong mới báo cáo sự việc với Quách Tuần. Quách Tuần quả nhiên thất kinh, tái cả mặt mày.

Ban Siêu hiểu rõ ý của Quách Tuần, bèn dẫn mọi người đến đồng thanh hô lớn:

- Dưới sự chỉ dặt sáng suốt của Quách Tuần tòng sự, chúng tôi đã lập được kỳ công!

Qua một hồi hoan hô, Quách Tuần lúc ấy mới vui trở lại.

Ban Siêu lại dẫn các dũng sĩ đi gặp Thiện Thiện Vương, vút cho ông ta xem đầu những tên bị giết làm cho Thiện Thiện Vương sự mặt cắt không còn hột máu, các quan tả hữu cũng há hốc mồm kinh ngạc.

Nhưng Ban Siêu không hề kiêu ngạo, vẫn dùng lời lẽ ôn tồn an ủi họ, ca ngợi chính sách của nhà Hán. Bởi vậy Thiện Thiện Vương mới dứt khoát phục tùng, cử con trai mình sang triều đình nhà Hán thể hiện thiện chí.

HITLER LÀM ĐÀO CHÍNH Ở QUÁN RƯỢU

Sau Đại chiến thế giới lần thứ nhất, quân Đức bị ràng buộc của điều ước Mác-xây, những việc mất quyền nhục nước liên tiếp xảy ra, kinh tế phá sản, chính trị rối ren, đất nước chia năm sẻ bảy, dân chúng đổ hết tội khổ dân hại nước lên đầu Chính phủ cộng hòa của phái Uây-na đang quyền.

Chính phủ cộng hòa Pafaria ở phía Nam, đã không tiếp thu mệnh lệnh của Chính phủ liên bang Trung ương, tổ chức ra Chính phủ “ba kết hợp” do ba đại thần đứng đầu là uỷ viên Chính phủ Hane, Tư lệnh lục quân Loking, Giám đốc sở cảnh sát Chaiche.

Hitler ở trong Đảng Xã hội chủ nghĩa Palaria đang muốn áp dụng thủ pháp kiểu Mut-xô-li-ni tiến quân vào Rome, để tiến quân vào Berlin, cho rằng trước hết phải thanh toán nhóm “ba kết hợp” này đi. Được tin Hane và hai tên đầu sỏ kia sẽ tới diễn thuyết với giới thương nhân ở một quán bán rượu bia. Hitler cho rằng đây là dịp quăng một mẻ lưới bắt gọn tất cả, bèn tích cực đi bố trí mọi việc.

Đó là lúc 8 giờ 45 ngày 8 tháng 11 năm 1923, Hane vừa diễn thuyết xong, ngồi xuống uống rượu bia, đột nhiên có một toán người mặc dân sự có vũ trang xông vào. Hitler là người dẫn đầu nhảy ngay lên bàn, nổ một phát súng lên trần nhà, trấn áp tất cả mọi người có mặt. Hane sợ đến nỗi mặt cắt không hột máu vội từ trên sàn diễn thuyết bước xuống.

Hitler lại nhảy lên diễn đàn, hô to: “Ta là Hitler, thủ lĩnh của Đảng Xã hội quốc gia, cuộc cách mạng trên toàn quốc đã bắt đầu rồi, quán rượu này đã bị sáu trăm đội viên du kích của Đảng bao vây chặt rồi, tuyệt đối không cho phép bất cứ ai rời đây nửa bước, nếu không sẽ nói chuyện bằng núng máy, Chính phủ Palaria và chính phủ Berlin đều bị lật đổ rồi, Chính phủ mới sẽ được thành lập ngay, tất cả các trận địa của quân quốc phòng đã bị quân đội của đảng ta chiếm lĩnh, lực quân và cảnh sát đang điều hành trên phố dưới cờ đảng (chữ thập ngược - N D).

Một số nhà tư bản xưa nay vốn khinh ghét Hitler, trong đó có người hô lên: cảnh sát đầu nổ súng mau! Nhưng bọn cảnh sát thấy thủ lĩnh của mình đang cúp tai gục đầu dưới sự áp chế của đội đột kích, cả quầy hàng sát khí đặng đặng, sợ dùm lại chẳng dám ho he. Vả lại trước đó Hitler đã bố trí ở sở cảnh sát một tên gián điệp dân túy, dùng điện thoại thông báo với tên cảnh sát trực ban ở quán rượu chỉ được báo cáo tình hình, không được phép can thiệp, bởi vậy tất cả đám đông chỉ còn biết giương mắt nhìn nhau.

Hitler dùng súng lục áp giải ba tên đầu sở đến một gian phòng, đe dọa họ:

- Không được lệnh của tôi, ai rời khỏi đây sẽ bị ăn đạn!- Còn bảo với họ rằng vị lão anh hùng thời chiến, tướng quân Lot-ten-thau-pho sắp đến, cùng tôi chúc chính phủ mới, chỉ cần đồng ý các vị sẽ được giữ chức vị quan trọng, vì trước đó Hitler cũng đã cho người đi báo cho vị tướng này đến quán rượu để gặp mặt, không hề nói cho ông này biết rõ mưu mô.

Bọn Hanne từ chối, Hitler lại cảnh cáo thêm:

- Phải tham gia Chính phủ, nếu không bốn viên đạn trong 0 súng này, mỗi người sẽ được lãnh một viên, còn viên cuối cùng sẽ giành cho tôi. Ba người kia vẫn không nhúc nhích.

Hitler lại lên diễn đàn, tuyên bố với quần chúng, ba vị trong gian phòng kia đã đồng ý tham gia chính phủ, lại thêm một đợt diễn thuyết hùng hồn, không khí quần chúng thay đổi hẳn, đồng thanh khen ngợi.

Đúng lúc đó Lot-ten-thau-pho đến, khi thấy chuyện, tuy vị tướng này tỏ ra không bằng lòng, sau khi nghe Hitler giải thích, cũng bình tâm trở lại, ba vị đầu sở kia bị uy tín của vị tướng nọ áp đảo cũng theo sự dẫn đầu của Hitler, lần lượt lên diễn đàn diễn thuyết, biểu lộ thái độ phục tùng.

Dó là cuộc đảo chính trong quá rượu lừng danh thế giới, tuy rằng sau này thất bại, Hitler bị bỏ tù 5 năm, nhưng cái tên Hitler đã lan khắp nước đặt nền móng cho hoạt động chính trị sau này.

TRỊNH HOÀ DÙNG KẾ DẸP NƯỚC TÍCH LAN

Thời Minh Thành Tổ, Thái giám Trịnh Hoà lần thứ ba đi sứ sang các nước Phật giáo trên Ấn Độ Dương, dẫn đầu đoàn thuyền và mang theo bạc vàng châu báu để chuẩn bị vừa ra ơn vừa ra oai khiến các nước này thần phục nhà Minh.

Đến Tích Lan (Sơ-ri-lan-ca) Trịnh Hoà và các tùy viên lên bờ, đến lễ Phật ở một ngôi chùa lớn, bố thí nhiều bạc vàng gấm vóc, còn dựng một cái bia đá trên khắc ba thứ chữ. Nhưng có một số người Trung Quốc ở nơi sở tại đã tố cáo với Trịnh Hoà rằng Quốc vương Aletcolai rất kỳ thị người Trung Quốc, thường hay ngược đãi sứ sãi người Trung Quốc đến lễ chùa này. Để giải quyết việc này, Trịnh Hoà đặc phái Viên Tấn yết kiến Quốc vương, nhưng Quốc vương không có thiện chí, còn muốn ra oai với Trịnh Hoà, ông ta giả vờ mời Trịnh Hoà vào thành gặp mặt, thừa cơ giam giữ lại và vơ vét hết của cải, một mặt đốc toàn bộ năm vạn quân trong cả nước, xuất kỳ bất ý đi cướp đoàn thuyền.

Trịnh Hoà đã linh cảm thấy âm mưu hiểm độc của Quốc vương, bèn đánh ấn quần đầu gậy, tương kế tựu kế, một mặt trả lời là sẽ vào thành, thừa dịp quân đội của đối phương dốc hết ra ngoài, hậu phương trống trải, dùng hai ngàn tinh binh vũ trang gọn nhẹ đi đường vòng tập kích vương thành, một mặt khác cho quân mai phục ngang đường để chờ đánh chia cắt vào ngang lưng địch.

Quốc vương Aletcolai điều khiển xong quân đội rồi ở trong cung chờ tin thắng trận. Bất ngờ hoàng thành bỗng xông xao, thì ra quân của Trịnh Hoà đã phá thành mà tràn vào, trong thành thực lực trống không, không có lực lượng gì chống lại và đã nhanh chóng được tin hoàng thành bị tập kích, vội quay lại để cứu viện lại bị quân mai phục của Trịnh Hoà cắt chia ra làm mấy đoạn, kết quả là toàn cánh quân bị đánh không còn mảnh giáp, bởi vậy mà Quốc vương Tích Lan mới cam chịu thần phục nhà Minh.

KẾ § 17 ĐỘNG CỎ LÀM RẮN SỢ

TÔN LƯU KẾT HỌ ĐẶT CHUỐC LẠ, LƯU BỊ QUA SÔNG Ở RỀ
ĐỘNG CỎ LÀM RẮN SỢ LẬP HOÀNG HẬU, TƯ MÃ HY XOAY TÌNH THỂ

Động cỏ rắn sợ khác với “không nói thành có” vô mặt ý nghĩa. “Không nói thành có” là bỗng không đem tung tin hoặc gây chuyện, “động cỏ rắn sợ” là sự việc vốn đã có nhưng mọi người không chú ý nên lạnh nhạt với nó, nay làm cho nó nổi bật lên, đổ mọi người phai chú ý, tạo nên một cục diện hỗn loạn, tiến thêm một bước để đạt mục đích “mượn gió bẻ măng”, đến đây về mục đích, lại giống như “không làm ra có”.

Đó tức là tư tưởng “chỉ lo thiên hạ không loạn” là chỉ hành vi của “anh hùng” chưa kiêm được món hời. Bởi vì thiên hạ thái bình, anh hùng sẽ không còn đất dụng võ, thiên hạ đại loạn, trật tự xã hội sẽ đảo lộn, đấy mới đúng là “thời vụ làm ăn”, đến ngay những người vốn “dùi mài sách vở” cũng muốn “gác bút dừng cò” hưởng chi những kẻ thích loạn đã thành tính? Đến lúc này mới là thời cơ để đục nước béo cò!

Đây là chỉ những việc lớn, việc nhỏ cũng có thể dùng kế này như thế.

Chuyện kể rằng có một đứa bé mười lăm, mười sáu tuổi, hết sức thông minh, bố mẹ chết sớm, chỉ có một người chú, nó thấy chú mặt ủ mày chau, vội hỏi là vì có gì, người chú nói buồn phiền vì nổi chưa có con, muốn lấy vợ hai song người vợ không cho nên sinh bực dọc.

Nó nghĩ ngợi một lát, sau nói với chú rằng:

- Chú không nên lo buồn chú ạ, cháu sẽ có cách làm cho thím phải bằng lòng.
- Mày lại lo chuyện không đâu? Người chú tuy biết rằng nó thông minh, nhưng tuyệt nhiên không hề tin rằng cháu mình lại có cách thuyết phục vợ mình.

Sáng sớm hôm sau, thằng bé lấy cái thước may, đo đi đo lại trước cửa nhà chú nó, làm bộ làm dạng, cố ý để người thím biết và ra hỏi:

- Cháu làm cái gì ở đấy?
- Cháu đo đất - Nó hờ hững trả lời, rồi lại tiếp tục đo.

- Cái gì? Đo đất? - Người thím hỏi to - Đất của nhà tao mày đo làm cái gì?

Thằng bé đứng dậy phúi tay, giữ quần, giải thích cho bà thím một cách rất trịnh trọng:

- Thừa thím, cháu đâu có làm chuyện vu vơ mà là chuẩn bị sẵn từ giờ, thím và chú cháu tuổi đều đã cao, lại không có con, mai sau chẳng may trăm tuổi về già, cái nhà này nhất định sẽ do cháu thừa hưởng. Cho nên bây giờ cháu đo sẵn kích thước để tiện mai sau sửa chữa.

Người thím nghe, vừa sốt ruột vừa bực, không nói một câu nào nữa, liền chạy về phòng, lay chõng dậy, giục mau mau đi hỏi vợ hai.

Câu chuyện trên là cách dùng kế “động cỏ rắn sợ” rất khéo léo. Trong ngoại giao dùng kế này lại càng nhiều. Thời Tam Quốc, Gia Cát Lượng thường nhiều phen dùng kế khiến cho “Chu Du diệu kế yên thiên hạ, đã các phu nhân lại thiệt quân”.

ĐẶT CHƯỚC LẠ, LƯU BỊ QUA SÔNG ĐI Ở RẼ

Sau đại chiến ở Xích Bích, Gia Cát Lượng “thừa gió bỏ mãng” chiếm được Kinh Châu, khi Chu Du đòi lại, lại bảo Lưu Bị dùng chính sách nước mắt, cố mượn để làm chỗ ẩn thân. Chu Du là con người thông minh, biết một cách sâu sắc rằng: “Mọi chuyện đều có thể bàn bạc, riêng đất đai không thể cho mượn được”, cho nên đã tức đến nổi mắt ra, song lúc đó với với con người mặt dạn mày dày, trí trá gian giải như Khổng Minh, thật đúng là “thánh nhân dãi kẻ khù khờ”, nên chỉ đành chấp nhận thở dài than đen đủi mà thôi.

Bỗng có tin báo phu nhân của Lưu Bị qua đời, đang lo việc ma chay. Chu Du vừa nghe thế đã nảy ngay ra một kế, - bèn nói với Lỗ Túc:

- Phen này có thể dễ dàng lấy lại Kinh Châu.

- Lỗ Túc hỏi:

- Có kế gì hay vậy?

- Chu Du đáp:

- Lưu Bị chết vợ, tất nhiên phải lấy vợ kế, chúa công ta có một người em khí chất ngang tàng, thị tì có hàng trăm, trong phòng gương đao lĩnh kính cứ như một trại lính, thật con trai

cũng chẳng bì kịp, ta đã dâng thư lên chúa công, sai người đi mối manh với Lưu Bị, kéo ông ta sang đây rồi giam lỏng ông ta lại, vợ cũng không cho đến, sau đó cho người đi đòi Kinh Châu đổi lấy Lưu Bị.

Lỗ Túc cũng cho rằng kế này dùng được, vội vã đi gặp Tôn Quyền, dâng thư của Chu Du và nói kế này ra. Tôn Quyền gật đầu khen khéo, bèn sai Lữ Phạm đến Kinh Châu để làm mối, nhiệm vụ là phải “công trai về nhà”, phải dỗ dành Lưu Bị cho được.

Lưu Bị biết rằng diễm phúc đến tay, vội cùng Gia Cát Lượng bàn tính, nói rằng sợ sang ở rể Đông Ngô, đi thì được mà về không được!

Gia Cát Lượng lại tán thành để Lưu Bị đi, và phân tích qua tình thế, nói lên nhiều mặt tốt của việc kết nhân duyên này.

Lưu Bị quyết định đi “ố rể” và mang Triệu Vân đi “phù rể”. Lúc sắp lên đường, Gia Cát Lượng giao cho Triệu Vân ba thứ cấm nang, dặn sẽ làm như thế như thế.

Đến Đông Ngô, Triệu Vân mở xem cấm nang thứ nhất, thấy rõ kế sách bèn cho gọi ngay năm trăm quân sĩ tùy tùng lần lượt căn dặn đủ điều. Quân sĩ nhận lệnh đi rồi, lại bảo Lưu Bị đi yết kiến Kiều Quốc Lão. Kiều Quốc Lão là bố vợ của Tôn Sách và Chu Du.

Năm trăm quân lính kia lúc này đã ăn mặc loè loẹt, đi trong phố hỏi mua đồ cưới, còn phao tin Lưu-Tôn hai họ kết nhân duyên. Tin đó rất nhanh lan khắp kinh thành.

Kiều Quốc Lão sau khi gặp Lưu Bị, vội vào cung gặp Ngô Thái hậu mẹ của Tôn Quyền để chúc mừng. Thái hậu rất lấy làm lạ, hỏi tin mừng ở đâu? Kiều Quốc Lão cười, nói:

- Lại định giấu ta bữa cỗ cưới chứ gì?- Lệnh ái Tôn tiểu thư đã hứa gả cho Lưu Bị, chú rể đã đến tận nơi rồi. Thái hậu kinh ngạc nói:

- Có thật thế không? Làm thế nào đến ta cũng không biết.

Nói xong sai ngay người đi nghe ngóng, quả thật là không sai, cả kinh thành đều đồn ran lên về chuyện này.

- Cho gọi thẳng súc sinh Tôn Quyền đến cho ta hỏi - Thái hậu nóng không nhịn nổi.

Tôn Quyền lên gặp mẹ, vừa ló đầu đã được một trận mắng vuốt mặt không kịp, biết lộn lành đã thành lộn què mắt rồi. Tại làm sao mà chuyện hết sức kín đó thế mà giờ này nhà

nào cũng biết chứ? Chẳng có cách nào đành nói hết kế sách giữ Lưu Bị để đổi Kinh Châu và khuyên mẹ đừng để tâm làm gì.

- Cái gì? - Thái hậu đập bàn làm nổi trận lôi đình, rít lên chửi mắng:

- Mi và Chu Du thông lĩnh sáu quận 81 châu, còn chẳng có kế sách gì đi lấy lại Kinh Châu, mà lại đem con gái ta đi làm mỹ nhân kế hay sao? Giết hại Lưu Bị, con gái ta chẳng phải ở góa suốt đời là gì? Thế thì ta là người như thế nào? Con gái ta làm sao dám nhìn mặt mọi người?... Mắng cho Tôn Quyền đỏ mặt tía tai, đứng ngay như phỗng đá.

Kiều Quốc Lão cũng ở bên cạnh nêu ý kiến:

- Dùng kế này lấy lại Kinh Châu cũng bị người đời chê cười đấy! Thôi chẳng thà đã làm thì cho sai luôn, cứ gọi Lưu Bị đến cho làm con rể đi. Ke ra Lưu Bị cũng là một bậc anh hùng đấy chứ.

- Như thế sao được? - Tôn Quyền nói - Lưu Bị đã trên năm chục tuổi rồi, gần kề miệng đến nơi, còn em thì mới hai mốt hai hai.

- Ta không chấp - Thái hậu nói - Ngày mai ta sẽ gặp Lưu Bị, không hợp ý thì để cho người làm, nếu mà hợp ý, sẽ là con rể của ta.

Ngày hôm sau, hẹn gặp Lưu Bị ở chùa Cam Lộ, Thái hậu vừa gặp đã ưng ý ngay. Lưu Bị, tuổi tác có hơi nhiều một chút, nhưng tinh thần rất sáng sủa, bèn dặn Tôn Quyền:

- Lưu Bị đã là rể của ta tức là con ta, từ nay về sau không được hại nó!

Bởi vậy mới chọn ngày cầu thân, thật là: “Chức Nữ lần đầu thối sáo cũ, Ngưu Lang ôm lại tì bà mới”. Sự việc làm cho Tôn Quyền, Chu Du tức không nói ra lời.

Lại còn một kế xoay đi xoay lại khiến ai cũng phải vỗ đùi khen tuyệt.

LẬP HOÀNG HẬU, TƯ MÃ HY XOAY TÌNH THẾ

Thời Chiến Quốc, Trung Sơn Vương rất mực yêu mến hai quý phi Âm Cơ và Giang Cơ, hai người này lúc ngâm ngẫm khi công khai muốn tranh ngôi hoàng hậu.

Có một mưu than tên là tư Mã Hy, rất nhiều mưu lược, thủ đoạn kiêm tiền cũng khá cao minh. Ông ta thấy hai quý phi tranh giành đổ kỵ nhau, định nhân chuyện này moi của họ một mẻ, bèn sai người đi ban tin với Âm Cơ rằng: .

Muốn làm Hoàng hậu không phải chuyện đùa, nếu giành được trong tay, đương nhiên sẽ có quyền uy trong tay, ra oai với thiên hạ, nhưng chẳng may thất bại thì sao? Lúc ấy mới nguy hiểm đó, không kể là không giữ nổi mạng mình mà còn mang hoạ tới cả họ nhà mình, cho nên không giành thì thôi, giành là phải thắng. Nếu muốn thành công, thì phải đi hỏi ngài Tư Mã Hy.

Âm Cơ nghe nói quả nhiên thấy nao núng, bèn bí mật tự mình đi tìm Tư Mã Hy. Tư Mã Hy chỉ chờ có thế, uốn ba tấc lưỡi như lò xo, nói đến mức Âm Cơ gật như tể sao, cảm ơn lia lại, còn hứa: “Nếu công việc trót lọt, nhất định sẽ trọng thưởng” nhưng trước hết cũng để biểu Tư Mã Hy một món tiền gọi là trà nước.

Thế là Tư Mã Hy vội viết thư dâng Trung Sơn Vương, nói rằng có một kế hoạch có thể làm cho nước nhà giàu mạnh, nước láng giềng suy yếu.

Trung Sơn Vương rất thích thú, cười và hỏi:

TIA - Ta rất hâm mộ những đề nghị nay của Khanh, song phải làm như thế nào?

Tư Mã Hy thưa:

- Thần phải thân chinh sang nước Triệu một chuyến, lấy tiếng là đi thăm, thực chất là ngầm dò la những nơi hiểm yếu của nước họ cùng con người và phong tục tập quán của họ, tìm hiểu tình hình quân sự và chính trị của họ, sau đó trở về mỗi vạch ra một kế hoạch tỉ mỉ được, vì người ta thường nói, biết mình biết người mới trăm trận trăm thắng được.

Trung Sơn Vương nghe có lý còn cho riêng một món quà, rồi cử tư Mã Hy đi thăm nước Triệu.

Tư Mã Hy gặp được Triệu Vương, bàn bạc chuyện công xong, khi nói phiếm chuyện riêng, đã nói với Triệu Vương rằng:

- Trộm nghe quý quốc là nơi sản sinh ra nhiều người đẹp, vậy mà thần tới đây đã mấy ngày, vẫn chẳng nhìn thấy người nào có thể gọi là đẹp. Nói thực lòng, thần đi đã khắp thiên hạ, gặp cũng đã lắm đàn bà con gái nhưng vẫn thấy chưa có ai sánh kịp với Âm Cơ của nước

hạ thần, Người không biết còn cho nàng là tiên giáng thế. Cái đẹp của nàng không thể dùng bút mà tả ra được, cũng không thể dùng lời phô cho hết, phong thái cao quý của nàng, ôi còn vượt xa các hoàng hậu trên thế gian!

Triệu Vương nghe xong đã thấy động lòng khao khát, hỏi:

- Liệu có cách gì kiếm được nàng tới đây chăng?

Tư Mã Hy cố ý nói lảng câu chuyện:

- Thần chẳng qua nói câu chuyện vậy thôi, còn như ý Đại Vương ra sao, chiếm được nàng về tay hay không, thần không dám bàn chuyện đó, Âm Cơ tuy là cung tần phi tử, nhưng lại được chúa quý vua yêu. Nhưng chuyện này chớ nói ra ngoài, kẻo thần sẽ mất đầu đấy.

Triệu Vương cười thâm hiểm, thể hiện sẽ đạt bằng được ý định.

Tư Mã Hy quay về nước, báo cáo với Trung Sơn Vương lại nói rằng:

- Triệu Vương là tên chó má, không có một tí gì là đức độ, chỉ biết chơi gái, nghe nhạc dâm loạn, không biết nhân nghĩa là gì, mở mồm ra là kêu đánh, ngậm miệng lại là giết, với lại thần còn nghe thấy một tin đáng tin cậy nói rằng tên chó chết ấy đang ngầm tìm cách chiếm Âm Cơ mà Thánh thượng hằng yêu dấu về tay mình.

- Đồ chó chết! Thật là vô lý - Trung Sơn Vương chưa nghe thấy thì không sao, vừa mới nghe qua đã chửi ầm lên - Thằng cha khôn nản lại muốn chọc tức ta đây? Cầm lăm thay!

- Đại Vương, xin người hãy bình tâm - Tư Mã Hy nói- Với tình hình hiện nay nước Triệu lớn mạnh hơn ta nhiều, đánh thì không đánh nổi họ. Triệu Vương muốn chiếm Âm Cơ, thực ra chẳng còn cách nào mà không cho được. Không cho lập tức sẽ mất nước, mà cho thì nhất định bị người đời cười khinh, chê Đại Vương nhu nhược, đến vợ vua cũng phải đem cống tiến cho người khác.

- Vậy thì làm thế nào? - Tuy lòng ghen ghét đã sục sôi, nhưng đến lúc này Trung Sơn Vương vẫn phải dằn lòng để hỏi kế Tư Mã Hy.

- Theo ý thần- Tư Mã Hy ung dung đáp - Chỉ có một cách mới -tránh khỏi tai hoạ, đó là Đại Vương lập tức sắc phong Âm Cơ làm Hoàng hậu, để chấm dứt sự thèm khát của Triệu

Vương. Trên thực tế, chưa có một ai dám lấy Hoàng hậu của một nước khác làm vợ mình, nếu có muốn cũng bị các nước rồi bỏ, mắng cho là súc vật.

- Được ngay! Trung Sơn Vương từ giận chuyển sang vui, nói:

- Thế thì hãy làm theo ý của khanh xem rồi cái thằng đũa mốc ấy có dám chòi mâm son không?

Như thế là Âm cơ rất dễ dàng từ cung phi thành Hoàng hậu, Triệu Vương vững từ bỏ ý định, tư Mã Hy khỏi phải bàn, sẽ là đại ân nhân của hoàng hậu, địa vị và tiền của tự nhiên càng được bảo đảm.

KẾ § 18 RƠI XUỐNG GIẾNG CÒN NÉM ĐÁ

ÂN TƯỚNG BẢO THÙ LƯU BỊ MƯỢN DAO GIẾT LÃ BỐ

RƠI XUỐNG GIẾNG CÒN NÉM ĐÁ KHÁNH PHONG CÂM HÒN HẠI THÔI CHỮ

Câu “Rơi xuống giếng còn ném đá”, xuất xứ từ câu văn của Hàn Dũ: “Rơi xuống giếng sâu, không chìa tay cứu, ngược lại, còn ném đá xuống”. Cũng tức là nói, nhân nguy kịch của người khác, cố ý làm hại cho chết luôn, hoặc là dụ người xuống giếng rồi bê đá ném xuống vùi chết người ta, cũng như tục ngữ thường nói “đánh chó rơi xuống nước”.

Rơi xuống giếng đã là không may, không đưa tay cứu vớt còn đối xử với nhau bằng gạch đá, sự tàn nhẫn còn hơn cả thấy chết mà không cứu, đối với lớp chính nhân quân tử, đó là sự trái luân thường đạo lý, Mạnh Tử được liệt vào hạng “không có lòng trắc ẩn, không phải là người”. Thế nhưng nhìn từ góc độ tranh quyền đoạt lợi, đó lại là một cử chỉ sáng suốt, như người đời thường nói “Không độc ác không phải là trượng phu”, không dìm nhấn người khác thì làm sao nổi bật được mình.

Rơi xuống giếng còn ném đá thực là một kế rất hiểm, không thể nào đặt ngang bằng với “đánh chó rơi xuống nước”, về ý nghĩa đã hơi khác nhau, về mức độ càng có sự phân biệt. Chó rơi xuống nước, có thể do tự nó sẩy chân, cũng có thể do người đẩy xuống, có thể do ngay chủ nó đánh đuổi xuống... Do phương thức khác nhau, liên không thể nhìn nhận như nhau. Nếu chó là do chính mình đánh cho nó rơi xuống nước, với lòng căm tức và khi chưa hết giận còn đánh thêm một nhát, đó cũng là chuyên thường tình của con người. Tuy hơi quá đáng song cũng có thể thông cảm, vì sợ con chó ấy một khi lên được bờ có thể thừa cơ cắn giết một miếng. Nhưng nếu như cho tự nó bị sẩy chân mà rơi xuống hoặc người khác đẩy xuống nước, không liên quan đến mình, thực ra chẳng cần đối xử bằng gây gộc, bởi vì anh không biết đâu có thể chó nhảy xuống để bơi, hoặc là người chủ của nó ưa sạch sẽ tắm rửa cho nó thì sao? Nếu không “đánh chó phải nhìn mặt chủ”, rất có thể bị người ta cho rằng là hàng lưu manh trộm cắp bắt đến cửa quan chưa biết chừng! Trên đời này có bao nhiêu điều thị phi đều do những người hay khơi chuyện không đâu gây nên. Cho nên đối xử với loại chó rơi xuống nước này, tốt nhất là mặc kệ nó, nó nổi cũng mặc, chìm cũng kệ, nó cứ

uống nước, mình cứ việc bước, trừ trường hợp có sự thâm thù thiệt thân mới nên đánh thêm vào đầu nó một gậy. Trước đây đã chẳng từng có một phu kéo xe người Trung Quốc, vì cứu hai người Tây chết đuối mà bị vu cáo là mưu sát và bị xử tử hình. Đó là sự thực, là một bài học cho những ai giàu lòng trắc ẩn, tục ngữ thường có câu: “Thương người thì khó đến thân” cũng là ý như vậy. Rơi xuống giếng còn ném đá, chỉ nghĩ đơn phương là vụ lợi, chỉ cần là trở ngại trên bước đường vụ lợi, bất kể thân sơ ân thù, cũng chẳng cần phải cân nhắc đến hoàn cảnh của đối phương đều phải đưa đối phương đến chỗ chết. Bảo như thế là tàn nhẫn? Đúng! Tàn nhẫn vô tình chính là tư tưởng chủ đạo khi thực hành kế sách này. Hạng Vũ sở dĩ thất bại, chính là bại ở chỗ “có lòng nhân từ của đàn bà”.

Xưa nay, người “rơi xuống giếng rồi còn ném đá”, phải có sự nhẫn tâm hơn người, cũng tức là phi gian hùng thì không làm nổi. Hạng người này có lòng ham muốn chiếm hữu rất mạnh, tâm lý báo thù cũng rất sâu, cho nên mới có câu nói: “Không là bạn thì là kẻ thù” đã chứng minh đầy đủ coi tất cả là địch. Hitler đã từng nói trắng xóa ra rằng: “Cái có thể chi phối thì vĩnh viễn chiếm hữu, không chiếm hữu được thì huỷ diệt cho xong” thực ra cũng có sự trùng hợp rất tế nhị.

Kế này nhiều khi còn bị oán trách là tàn nhẫn, độc ác thậm chí còn bị lên án.

LƯU BỊ MƯỢN ĐAO GIẾT LÃ BỐ

Trong lịch sử người đời gọi Lưu Bị là một nhân vật chính trị kiệt xuất. Nhưng vị anh hùng “chảy nước mắt chứ không chảy máu” lại là một tay sành sỏi chuyên đẩy người “rơi xuống giếng còn ném đá”.

Lã Bố đối với Lưu Bị vừa có cái tình trông chờ nhau giúp đỡ, lại còn có ơn “bắt kị ở Viên Môn”, nhưng ở chiến dịch Từ Châu, Lã Bố sẵn tay bị Tào Tháo bắt làm tù binh. Tào Tháo có chút mẫn tài, muốn khuyên Lã Bố xin hàng. Lưu Bị lại sợ Tào Tháo tăng thêm một mãnh tướng, làm cho hổ thêm nanh, bèn thừa cơ xúi bẩy, nói với Tào Tháo rằng:

- Chúa công không thấy việc xảy ra với Đinh Kiến Công, Đông Trác sao? Điều đó rõ ràng ám chỉ Lã Bố là con người bất nghĩa, sớm muộn sẽ phản bội. Vì câu nói đó, Lưu Bị đã mượn

dao hại ân nhân của mình cho đến chết. Không tránh được, trước phút bị hành hình, Lã Bố đã chửi: “Thằng cha này không có tí lòng tin nào hết!”.

Đó có phải là Lưu Bị không có lương tâm không? Nhân vật gian hùng này căn bản là không có tâm can, những gì là lương tâm, nhiệt tâm, hàn tâm đều không dính dáng gì tới ông ta. Lưu Bị sở dĩ “đẩy người xuống giếng rồi còn ném đá”, lại chẳng phải vì sợ Lã Bố sẽ bị Tào tháo lợi dụng, sẽ không có lợi cho mình đó sao? Những thứ đó là quyền mưu, không hại người thì sao là gian hùng? Trịnh Bản Kiều thường viết: “Anh hùng hà tất đọc sách sử, lấy ngay máu đỏ viết thành văn”, chỉ một câu này cũng nói hết ý nghĩa rồi!

Tào Tháo kéo đại quân tiến công Kinh Châu, báo mối thù Gia Cát Lượng đã đốt trại doanh trại ngày nào, vừa lúc Thứ sử Kinh Châu là Lưu Biểu chết bệnh, con trai thứ hai là Lưu Tông cướp ngôi, ít tuổi lại nhu nhược, trong sự vây bọc của Thái Mạo em trai người mẹ kế là Thái Thị, thấy quân Tào áp sát biên cương, sợ dúm bèn quy hàng Tào Tháo. Khi Tào Tháo trả lời cho phép Lưu Tông tiếp tục làm Thứ sử Kinh Châu, sau khi chẳng mất một giọt máu nào mà lấy được 8 quận của Kinh Châu, dỏ trò điệu hổ ly sơn đối Lưu Tông điều làm Thứ sử Thanh Châu. Lưu Tông thất kinh nói:

- Tôi không muốn làm quan, nhưng muốn ở mãi đây bám đất quê hương cha mẹ!

Tào Tháo giả từ giả bi nói:

- Thanh Châu ở gần kinh đô, khanh có thể vào triều làm quan, mà thực ra lại tránh ở đây bị người ám hại.

Lưu Tông dùng dằng từ chối không xong, không biết làm sao đành cùng mẹ lên đường nhậm chức, đi đến nửa đường, Tào Tháo đã sai võ tướng Vu Cấm đuổi theo giết chết mẹ con Lưu Tông. Mới hay sự dụ hàng lúc đầu của Tào Tháo, tức là dụ người ta “roi xuống giếng” giết chết cả nhà người ta để trừ hủ hạp, đó là điển hình của việc “ném thêm đá”.

Thời Xuân Thu còn một chuyện nữa cay độc hơn.

KHÁNH PHONG CẢM HÒN HẠI THÔI CHỮ

Thời Xuân Thu, Thôi Chử từ khi giết Tề Trang Công, lập công tử Chử Cửu làm vua gọi là Cảnh Công, tự lập mình là hữu tướng, Khánh Phong là Tả tướng.

Khánh Phong thích rượu chè, ham săn bắn, thường xuyên không ở trong nước. Thôi Chử cứ thổ một mình làm quyền triều chính, vênh vang kiêu ngạo, Khánh Phong đem lòng ghen ghét, muốn giết đi cho rảnh về sau.

Thôi Chử ngay hôm đó trả lời đồng ý với vợ là Đường Khương, hợp mưu giết Trang Công, rồi lập con bà ta là Thôi Minh làm người thừa kế. Thế nhưng lại đồng tình với con cá là Thôi Thành, còn cắt máu án thề, bắt nhản phế truất ngay.

Thôi Chử nghe xong, bằng lòng ngay, đem việc này bàn với cấp dưới của mình là Đông Quách Yển và Đường Vô Cửu. Đông Quách Yển cực lực phản đối, nói rằng Thôi ấp là vùng rộng lớn, chỉ có thể cấp cho người thừa kế, Thôi Thành đã vứt bỏ quyền đó, thì không có lý do gì cư hữu vùng đất đó.

Thôi Chử lại nói với con trưởng:

- Ta muốn phong Thôi ấp cho con, nhưng lại gặp sự phản đối của hai người là Quách Đường, nên chỉ có thể cho con chỗ đất khác được thôi.

Thôi Thành nghe thấy thế, không nói câu gì, chỉ nói lại với em cùng mẹ của mình là Thôi Cương. Thôi Cương nói:

- Anh đã nhường ngôi vị cho người ta, vậy mà một chút Thôi ấp cũng không cho, thật vô lý hết sức. Bây giờ cha còn sống, mà còn như thế, mai ngày cha khuất bóng đi rồi, anh và em muốn làm thẳng nô bộc có khi cũng khó. Thôi Thành nói:

- Việc này, ta phải đi hỏi ý kiến Tả tướng Khánh Phong, xem có cách gì không?

Hai người lập tức cùng đi tìm gặp Khánh Phong, nói hết tình đầu và cầu mong sự giúp đỡ. Khánh Phong nghe nói vậy đã khắp khỏi mừng thầm, nhưng lại cố ý làm ra vẻ buồn bã đáng thương, nhíu mày năm bảy lượt, nói:

- Hữu tướng hiện nay đã hoàn toàn tin vào hai người Quách Yển và Đường Vô Cửu, họ nói sao thì nên vậy, ta có tham gia ý kiến của mình, chưa chắc đã nghe theo. Nói đến đây Khánh Phong dừng lại một lát khá lâu, rồi mới tiếp - Thế này xem ra Hữu tướng đang nuôi ong tay

áo, sợ sau này sẽ thiệt ngay cho bản thân, nếu không sớm trừ khử được hai người này, con cháu họ Thôi nhà các anh sẽ không được hưởng phúc.

Thôi Thành, Thôi Cương tiếp lời ngay:

- Chúng tôi sớm đã có ý như thế, nhưng lực lượng lại quá mỏng manh, sợ đang lành lại làm ra què.

- Hãy cứ để rồi dần dần kiếm cách sau vậy, - Khánh Phong nói.

Anh em Thôi Thành và về rồi, Khánh Phong cho gọi tâm phúc của mình là Lư Bồ Vụ nói về chuyện anh em họ Thôi. Lư Bồ Vụ nói:

- Họ Thôi rối loạn là có lợi cho họ Khánh nhà ta vậy, chẳng thà tính cách diệt hễ nói đi là xong!

Qua mấy hôm sau, Thôi Thành và Thôi Cương lại đến, nhắc lại chuyện hôm trước, kể lễ tội ác của Quách, Đường và lần nữa mong Khánh Phong trợ giúp. Khánh Phong nói với họ:

- Anh em các anh đã có ý định như thế, nay nghĩ đến tình nghĩa hai nhà Thôi, Khánh, ta chỉ có thể ngầm giúp cho các anh binh mã để hành sự, chỉ cần giết được hai người ấy, gia đình các anh mới chung sống với nhau được.

Thôi Thành, Thôi Cương mừng lắm, ngay lập tức đã đem lính giáp mã của Khánh Phong về cho mai phục ở phủ của mình.

Đông Quách Yến và Đường Vô Cữu hàng ngày phải đi triều kiến Thôi Chử, hôm nay lại lững thững. Mi từ bên ngoài vào, không hề chuẩn bị gì, vừa bước vào cửa, Thôi Thành hô lên một tiếng, phục binh bật dậy, dao vung loạn xạ, chém nát hai người.

Thôi Chử thấy có biến rất giận, bèn sai người giống xe, nhưng kẻ hầu người hạ đều hoảng sợ lánh hết đi rồi chỉ còn lại một tên coi ngựa và một tên sai vặt. Trong lúc bối rối, đành gọi tên đầu sai đi giống xe, đi tìm gặp Tả tướng Khánh Phong, than khóc kể lễ nỗi biến cố của gia đình. Khánh Phong giả bộ kinh ngạc nói:

- Họ Thôi, họ Khánh, tuy hai họ nhưng tình hình như một nhà. Nhà đại nhân gặp nạn cũng là nạn của tôi, con cháu đã mắc tội ngộ nghịch thế này, tôi sao nỡ ngồi nhìn mà không hành động? Nếu đại nhân cần tôi trợ giúp, đương nhiên tôi sẽ di dẹp loạn giúp người.

- Nếu đẹp được bọn nghịch tử này, vực được họ Thôi trở lại thật, tôi sẽ cho con út của tôi là Thôi Minh Nhận đại nhân làm bố nuôi.

Thế là Khánh Phong chiêu tập gia binh, gọi Lư Bồ Vụ tới, căn dặn, Lư Bồ Vụ dẫn quân đến nhà họ Thôi.

Thôi Thành, Thôi Cương thấy quân của Lư Bồ Vụ đến, định đóng cửa cố thủ, hỏi đến để làm gì. Lư Bồ Vụ nói:

- Tôi vâng lệnh Tả tướng, đến trợ giúp các người.

- Có phải đến thanh toán Thôi Minh không?- Thôi Thành quay hỏi Thôi Cương.

- Có lẽ phải đấy.

Thế là mở cửa để Lư Bồ Vụ vào thành, quân lính cũng ùa vào, bao vây chặt lại.

Thôi Thành thấy khác, liền hỏi.

- Lệnh của Tả tướng thế nào?

- Lệnh của Tả tướng là đến lấy đầu anh em nhà mi - Lư Bồ Vụ nói hết câu, hô tả hữu tới - Chúng bay đâu không ra tay còn đợi đến bao giờ?

Thôi Thành, Thôi Cương chưa kịp hỏi lại, đầu đã rơi xuống đất...

Lư Bồ Vụ dẫn quân vào cướp bóc phủ đường, cái gì lấy được thì lấy, không lấy được thì đập phá tan tành, chỉ một loáng, cả một phủ đường trắng lè nguy nga bị đập phá tan tành không còn mảnh ngói nào lành.

Đường Khương là vợ Thôi Chử, quá kinh hãi, vội treo cổ chết trong phòng. Chỉ có con trai là Thôi Minh không ở nhà nên thoát nạn.

Lư Bồ Vụ xách thủ cấp của Thôi Thành, Thôi Cương về gặp Thôi Chử. Thôi Chử vừa 236 giận vừa thương, vừa giận hai người đại nghịch bất hiếu, lại vừa thương cảm tình cha con máu mủ, không cầm được nước mắt chứa chan, một lúc lâu sau mới hỏi:

- Vợ ta có bình yên không? Có bị lo sợ lắm không?

Lư Bồ Vụ đáp:

- Phu nhân đang ngủ chưa dậy.

- Thế thì tốt - Thôi Chũ thấy hơi yên tâm, nói với Khánh Phong:

Tôi muốn về ngay để an ủi phu nhân, nhưng lại không có người đánh xe, đại nhân có thể điều cho một phu xe.

Lư Bồ Vụ hăng hái nói:

- Cứ để tôi đánh xe đưa Hữu tướng về cũng được ạ!

Thôi Chũ chào cảm tạ Khánh Phong, lên xe về nhà, đến phủ độ thấy cửa mở toang, chẳng còn một bóng người, ngấp ngựa những đồ bê vỡ, vào đến phòng giữa, thấy Đường Khương đã chết từ lâu treo trên xà nhà. Thôi Chũ hồn bay khách tán muốn hỏi Lư Bồ Vụ sự thể ra sao. Thế nhưng hắn đã biến mất từ lúc nào, lại tìm Thôi Minh, cũng chẳng thấy đâu, gọi không có ai thưa. Lúc đó, Thôi Chũ gào khóc một mình: Ta bị Khánh Phong bán rẻ rồi, làm cho một còn ruột thịt, không còn nhà mà về rồi! Nói xong, cởi thắt lưng tự tử ngay trong nhà mình.

KẾ § 19 PHÔ TRƯỞNG THANH THỂ

LẤY MỘT CHƠI NGÀN HÀN TÍN GIẢ THUA NHỮ ĐỊCH
PHÔ TRƯỞNG THANH THỂ LÝ THỂ DÂN NGHI BÌNH CỨU CHÚA

Phô trương thanh thể là kiểu thối bong bóng, cũng như tục ngữ thường nói: “Vả cho sưng mặt lên làm bộ béo, phòng mang trợn mắt trêu anh hùng”, đều chung một ý nghĩa. Nhưng dùng trong chiến đấu, tác dụng của nó không đơn giản chỉ là cho đẹp mặt hoặc thỏa mãn chút hư vinh mà thôi, nó dùng để nghi hoặc đối phương, làm rệu rã ý chí của nó, làm suy yếu sự chuẩn bị chiến đấu của nó, để thâm nhập hoặc áp đảo tình thế, bằng hành động thực sự nhằm đạt được mục đích cướp đoạt.

Đã là lấy sự đánh đổ đối phương để làm mục đích thì thủ đoạn của nó đương nhiên là cay độc hơn bình thường, khi vận dụng kế này cũng không thể thoát khỏi ba bước là “dọa, ép, gỡ”. Thứ nhất là dựa vào dọa, nếu lấy hình giả, thể hư, trận giả trại rỗng mà một lúc có thể dọa được địch thì phải dùng đến lời lẽ, dùng cái thứ quân không đánh mà cũng thắng, đó là điều hay nhất, nhưng nếu dọa không được thì sao? Thì phải dử đến ngón thủ đoạn thứ hai, dẫn một bước bằng cách ép, ép tức là ép và lừa cũng là kiểu vơ vét. Ngày xưa dùng sứ thần đi du thuyết, gần đây áp dụng cái gọi là “sức ép chính trị”, hoặc kiếm mới hơn như “vũ khí hạt nhân” để đe dọa, suy cho dùng cũng là sự biến tướng của cái thuật “ép”. Thế còn “gỡ” tức là dùng âm mưu thủ đoạn để gỡ rời liên minh của đối phương, làm cho nó bị cô lập, rồi dử dần tổ chức của nó để chúng rời rã nhau, nghi kỵ nhau hoặc thôn tính nhau.

Ba bước “dọa, ép, gỡ” này cũng chẳng khác gì bài bản giữ chống kiểu cổ đại là: Một là khốc, hai là nhện đối, ba là treo cổ, lời lẽ khác nhau nhưng ý nghĩa gần như nhau, có khác nhau là ở chỗ, cái trước thì lấy bằng “trí” cái sau thì lấy bằng “lực” (nước mắt).

Kiểu cách sử dĩ phải tô vẽ thêm, thanh thể phải phô trương thêm là vì điều kiện chưa đủ mà muốn thắng người, tiếng tăm chưa đủ mà muốn dọa người, không thể không làm như thế để mình to lớn hơn, đội hót hổ để ra oai. Cho nên người biết suy đoán cũng dễ nhìn ra thực chất.

Tào Tháo thời Tam Quốc biết dùng kế này, rêu rao lên là “trăm vạn binh hùng xuống Giang Nam”, muốn Tôn Quyền phải ngoan ngoãn sợ mà theo, nhưng đã bị Gia Cát Lượng vạch trần, quân lực của họ nhiều nhất cũng không ngoài ba mươi vạn, kết quả là bị một trận gió của Gia Cát Lượng, một ngọn lửa của Chu Du đốt cho sứt đầu mẻ trán, bỏ của mà chạy lấy người.

Trên đời này cũng không thiếu gì kẻ “bợ mộng dật người giàu làm da mặt mình”, miễn là “nhờ được bóng núi”, làm cho mình to lớn lên, từ đó làm cái việc cáo mượn oai hổ để đi loè dọa kẻ khác, mới hay cái thói thời thượng ấy, ngày xưa đã thế, ngày nay càng thế hơn, bất kể trường hợp nào, những loại cố nín hơi phòng bụng, làm mẽ huênh hoang, đều thuộc phạm vi “phô trương thanh thế” cả. Những hiện tượng này phổ biến nhất là trong giao tiếp. Thường thường trong đám bạn bè, hễ mà có trường hợp tự giới thiệu là thế nào cũng “thêm học vị mà bớt tuổi đời”, gần như đã thành một công thức cố định. Tác dụng của nó rất rõ ràng, cũng chẳng cần viện dẫn để chứng minh, mọi người nghĩ là thấy liền. Cũng giống như các đấng mày râu tới vũ trường thì một trăm ông như một, không vợ chết thì cũng là chưa lấy vợ, thủ pháp tùy có khác nhau, nhưng mục đích không gì khác hơn là như thế cả.

Vận dụng kế này phải xem giá trị của mục đích thế nào, rồi mới quyết định dùng lớn dùng nhỏ, đừng nên quá tồi tệ như cái anh “người Tề” mà Mạnh tử có nói đến:

Nghe nói, người Tề cùng chung sống với một người vợ cả, một vợ bé, đời sống rất khổn khó, thế nhưng anh ta chẳng có trách nhiệm gì với gia đình, tôi nào cũng ăn no uống say, mặt đỏ phừng phừng ngật ngưỡng về nhà, lại còn giở giọng sĩ diện, huênh hoang khoe với vợ, không đến uống trà ở nhà nọ thì được mời ăn tiệc ở nhà kia. Hai người vợ công khai ra mặt mắng nhiếc chồng chỉ biết sượng lấy một mình không biết người khác sống chết thế nào, nhưng vẫn hoài nghi, cho rằng chồng “trung thành quen biết nơi giàu có, ngày đêm được hưởng phong lưu”, thế nhưng tại sao xưa nay chưa thấy một người bạn nào đến chơi? Thế là hai người bàn nhau, ngầm theo dõi anh chồng, xem hoạt động xã giao của anh ta thế nào. Sớm hôm sau, ngầm bám theo anh chồng lang thang khắp phố phường, nhưng chẳng hề thấy có ma nào chào hỏi anh ta, mà lại thấy, anh ta thất thểu ra ngoại ô. Ồ, bí mật bị phát hiện rồi, anh ta chẳng hề có nơi quyền quý tiếng tăm nào mời gọi, mà chỉ là một con chuột kiếm ăn ở nghĩa địa, chuyên môn chìa tay xin những con thảo cháu hiền, xin họ những thứ

thịt thừa rượu cạn vừa cúng lễ xong, bất kể là canh nhạt thịt ôi cũng nhồi nhét lấy no, xin hết bên này sang bên kia, bị người ta mắng cho con còn nhăn nhó cười.

Câu chuyện ấy có thể là hư cấu, nhưng cũng không hẳn là không có, đời còn lắm anh huênh hoang sĩ diện hảo, thì chuyện đáng nực cười hơn cũng còn có nữa là... Nhưng cũng từ đó thấy rằng phàm là định thi hành kế “phô trương thanh thế” phải nhằm một mục đích lớn thì dùng nó mới có ý nghĩa, nhưng nếu áp dụng bừa bãi thể hiện sự khôn ngoan trước những người dốt nát, dăn dôi”, thương thường sẽ biến thành hành vi của tên vô lại.

Đã là mưu lược thì nên dùng trong chính trị hay quân sự, tuyệt đối không nên kể lớn dùng vào việc vặt mà không thoát vòng quanh quẩn. Dùng kế “phô trương thanh thế- mà được lưu danh trong sử sách, có tiếng hơn người, như Tô Tần chỉ bằng miệng không mài ấy được tướng ấn của sáu nước, Lưu Bang lợi dụng thần thoại để quy tụ nhân tài dựng cờ khởi nghĩa, đều là những thủ pháp lừa bịp về chính trị. Những ví dụ trong quân sự lại càng nhiều, có cái hiệu quả, có cái cũng lành hóa què. Nhưng có lẽ xuất sắc nhất phải kể đến kế của Lý Thế Dân thời Đường Thái Tông cứu Tùy Dạng Đế.

LÝ THẾ DÂN NGHI BINH CỨU CHÚA

Tuỳ Dạng Đế Dương Quảng là một kẻ hoang dâm vô đạo, một tên bạo chúa, cướp ngôi không lâu, định dùng vũ lực để dẹp yên sự oán hận của dân chúng, bèn dõ trò tuần du Sái Bắc (như ngày nay nói là đi thị sát biên giới) mượn có đó phô trương vũ lực với các nước ở phía Bắc, để những nước ngày không dám quấy rối xuống phía Nam.

Sopiahhan (quốc vương) của nước Đột Quyết đã từng ném mùi cay đắng người của người Hán cho nên luôn ghi xương, khắc cốt là phải báo thù. Được tin Tuỳ Dạng Đế xa giá lên phía Bắc, binh lính ít ỏi, cho rằng đây là cơ hội ngàn năm có một, bèn bí mật điều mấy chục vạn quân, thừa cơ đánh úp, thân chinh ra chỉ huy, xuất kỳ bất ý, một tiếng pháp lệnh sẽ bao vây chặt Tuỳ Dạng Đế Dương Quảng và tất cả ngự lâm quân, chốt chặt lại ở Nhận Môn Quan, bịt hết mọi nguồn tin, hòng để cho quan thần của Dương Quảng phải chết đói.

Dương Quảng gặp chuyện bất ngờ, luông cuống không biết làm thế nào, định hạ chiếu cho các quận huyện gần đó đem quân đến cứu xa giá của nhà vua, thế nhưng đã bị vây, con sẽ

chui không lọt, trước khung cảnh bên ngoài bị bao vây chặt trong thì lương thảo không còn, đã bắt đầu phải giết ngựa ăn dần. Trong lúc bất đắc dĩ, đã lấy một chiếu thư viết sẵn khắc lên một tấm gỗ, thả xuống sông cho nó trôi đi hi vọng nó sẽ trôi tới tay người Hán, biện pháp này không có gì đảm bảo chắc chắn, cũng không dám đặt quá nhiều hi vọng vào đó, nhưng trong hoàn cảnh không biết làm gì hơn thì đó cũng là một tia hi vọng.

Lúc bấy giờ, lưu thủ của Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây là Lý Uyên, con trai là Lý Thế Dân, là một con người cơ trí, dũng cảm, mới 16 tuổi. Bỗng nhiên nghe nói vớt được ở sông lên chiếu thư của Dương Quảng, Lý Thế Dân biết Hoàng thượng đang bị vây, lập tức cho quân đến ứng viện, và nói với Vân Định Hưng là người dẫn quân rằng:

- Nước Đột Quyết sở dĩ ngang ngược và thản nhiên bao vây Hoàng thượng như thế, nhất định họ sẽ cho rằng không có quân đến cứu viện, bây giờ chỉ dựa vào quân lực mỏng manh như thế này của chúng ta cũng không có thể giải vây được, tốt nhất là phải dùng kế “phô trương thanh thế”, kéo dài đội ngũ hành quân ra phía sau mấy chục dặm, cầm thật nhiều cờ, hên tục đóng trống khua chiêng, để cho chúng thấy quân dàn khắp mọi nơi, ở đâu cũng vang vang trống trận, cho rằng quân cứu viện đông đảo đã sắp đến. Như vậy bọn địch sẽ biết khó mà chuồn, nếu không thế, rất có thể chúng sẽ nuốt tươi toàn bộ đội ngũ của ta.

Vân Định Hưng làm theo kế đã bày, kéo dài đội hình hành quân ra mấy chục dặm, quân kỳ nối nhau không dứt, quả nhiên đã để cho thám mã của Sopiahan nhìn thấy từ xa, cho rằng mấy chục vạn đại quân, bèn hạ lệnh toàn quân rút lui. Như thế là vòng vây của Dương Quảng ở Nhạn Môn Quan đến lúc này mới được giải thoát.

HÀN TÍN GIẢ VÒ THUA ĐỂ NHỮ ĐỊCH

Hàn Tín và Trương Nhĩ thông lĩnh mấy vạn quân đi đánh nước Triệu, đã biết cửa Tỉnh Hình là nơi hiểm yếu, không dám khinh suất nên tiến vào mà vẫn đồn quân đóng lại cách bên ngoài Tỉnh Hình ba mươi dặm, sai người đóng giả làm người buôn bán, trà trộn vào thành nước Triệu để dò la tin tức.

Triệu Vương vội cho vời Trần Dư đến nghị kế. Mưu sĩ Lý Tả Xa hiến kế:

- Hàn Tín lần này còn chút uy danh vừa đánh nước Triệu nên nhuệ khí của quân đội ấy không thể nào đối chọi được. Nhưng thần thấy rằng quân của họ có tuyến hậu cần quá dài quá xa, có lợi cho ta trong việc đánh nhanh thắng nhanh. Con đường Tĩnh Hình vô cùng hiểm trở, chỉ có thể đi ngựa một hàng dọc, xe không có chỗ vòng, đội ngũ đi không thành hàng, nếu họ tiến binh bằng đường này, thế đã khó lại phải lo ăn uống, lương thảo và quân nhu tất sẽ phải để phía sau, chỉ cần cho thần ba vạn quân, đi theo đường vòng, đánh cướp hết lương thảo của chúng. Nhưng ở đây núi cao vực thẳm, không nên giao tranh, một lúc nào đó, chúng tiến không được, lui cũng chẳng xong, không cướp bóc dân thì lấy đâu ra lương ăn? Chỉ chừng chục hôm cái đầu Hàn Tín và Trương Nhĩ sẽ được đưa đến tận cửa. Nếu chỉ dựa vào chỗ hiểm yếu mà cố thủ sẽ không đánh lui được địch, đó là tính cơ động của chiến thuật.

Trần Dư là một chủ soái xuất thân từ học trò, kiến thức còn hạn hẹp, chỉ biết dùng nhân nghĩa để cầm quân, không có mưu sâu, nên không dùng kế của Lý Tả Xa.

Mật thám đã báo cáo tình hình trên với Hàn Tín, Hàn Tín hết sức vui mừng, bèn lệnh cho các tướng lĩnh về nhận kế mật rồi chia nhau đi sắp đặt. Đợi đến nửa đêm, toàn quân nhổ trại lên đường, mỗi người mang theo một ít lương khô, truyền dụ với đông đảo mọi người mang theo một ít lương khô, truyền dụ với đông đảo mọi người rằng: “Hôm nay cô’ công phá nước Triệu, đánh thắng trận mới ăn cơm sáng”, sau lại chọn hai ngàn tinh binh, mỗi người giữ một lá cờ Hán, đi đường tắt vào mai phục ở trong núi và bảo.

- Khi đại quân ta đánh nhau với quân Triệu, ta sẽ giả vờ thua để chúng đuổi, anh em chờ khi doanh trại quân Triệu trống không, sẽ thừa cơ vào doanh trại của chúng, chặt đổ ngọn cờ của quân Triệu xuống, đổi bằng cờ của ta, giữ vững lấy doanh trại trống không, là có thể thanh toán được bọn chúng.

Đại quân của Hàn Tín đã qua Tĩnh Hình. Trần Dư mở rộng cửa doanh xuất quân nghênh chiến, ỷ vào quân nhiều thế đông, ào lên phía trước, công thế kiêu gọng kìm, định bao vây chặt Hàn Tín. Hàn Tín vội ra lệnh cho quân sĩ bỏ cơ vút trống, quay đầu chạy trốn. Triệu quân thấy tình thế ấy, cho rằng Hàn Tín không chịu nổi một đòn, bèn đốc quân toàn doanh trại ra, đuổi thực mạng, như thể rời non lấp biển, đuổi Hàn- Tín đến tận bờ sông, ở trên bờ

sông vốn đã có quân Hán do Tào Sâm chỉ huy bày trận đợi sẵn, thấy bại binh ầm ầm chạy tới đã lớn tiếng kêu gọi.

- Trước mặt là sông rộng, lui cũng không lui được, tên nào muốn sống chỉ còn cách quay đánh trở lại. Kẻ nào không theo lệnh lập tức bị chém đầu!

Thế là quân Hán quay lại đánh trả với tinh thần quyết tử, lấy một chọi trăm chọi nghìn, quân Triệu bị ngăn lại không cách nào tiến lên được. Trần Dư thấy thế bèn hạ lệnh dừng tiến công, về doanh trại cố thủ.

Trên đường quay về, từ xa thấy quân kỳ trong doanh trại đã đổi khác, đang phấp phới bay trong gió như một biển ráng chiều, đỏ rực mắt, nhìn kỹ lại thấy rõ ràng là cờ quân Hán, Trần Dư hồn bay phách lạc, tái mặt lo sợ. Đang lúc hoang mang thấy có một cánh quân Hán đột xuất đánh ra, thì ra tướng Hán là Phó Khoan dẫn quân áp tới. Trần Dư vội vàng đối địch lại, lúc đánh lúc lui, lại bị một đội quân phục kích đánh tới sợ hết hồn vía không biết trở tay ra sao, bị ép tới sát vùng Đê Thủy.

Thế nhưng quân ở Bối Thủy của Hàn Tín lại truy kích tới nòi rồi, hai mặt giáp công, lại mở ra một trận đại hỗn chiến.

Trần Dư lúc này tự mình cũng chẳng lo nổi cho mình, đến ra lệnh cũng không ra nổi, muốn chỉ huy một tên lính cũng không xong, mọi người đều cúp tai chạy trốn tìm đường thoát chết.

Kết quả trận hỗn chiến, Trần Dư bị giết, Triệu Vương và Lý Tả Xa bị bắt. Nước Triệu cũng từ đó diệt vong.

KẾ § 20 KHÁCH BIẾN THÀNH CHỦ

LỄ TRƯỚC BÌNH SAU HUYỀN CAO KHAO QUÂN LÀM LUI TƯỚNG TẦN. ,
KHÁCH BIẾN THÀNH CHỦ QUÁCH TỬ NGHI MỘT MÌNH GẶP HÓI HỘT

Trước hết, kể một câu chuyện cười:

Pháp luật đòi nhà Thanh được xây dựng trên cơ sở “Mọi điều ác thì dân đứng đầu, trăm hành động thì hiếu trước tiên”. Cho nên phạm là phạm tội bất hiếu, tất là phải đem lăng trì, xử tử. Có một người cha, bị vợ sau xúi giục, muốn giết hại con của vợ trước, đến Ngọ môn tố cáo tội bất hiếu của con. Người con thấy sắp chết đến nơi, vội đi hỏi một ông thầy, ông thầy bày cho một kế hiểm, viết một mẫu giấy dặn rằng lúc nào bắt đầu xét hỏi thì đưa cái này cho ông huyện là được. Ngày mở phiên tòa, quan huyện ra oai vỗ lên bàn, gọi phạm nhân khai ra tình thực, phạm nhân lại nói:

- Tôi bốn phận là con, không dám cãi với bố ở chốn công đường, có tờ giấy này trình cụ lớn xem cho. Quan huyện nhận mẫu giấy đọc, bỗng quay ra chửi mắng người bố một thôi một hồi, tha cho người con tại chỗ. Vậy rốt cuộc trên tờ giấy ấy viết những gì? Chỉ có ba câu: “Bố có lòng như Vệ Tuyên, vợ có nhan sắc như Tuyên Khương, làm con hiếu khó thay!”- Vệ Tuyên là -một ông già hay ăn vụng, Tuyên Khương rất xinh đẹp, nguyên là con dâu, bị bố chồng bắt làm vợ bé của mình. Kế của ông thầy muốn ám chỉ: 20” cướp vợ của tôi, thì bảo tôi làm sao mà có hiếu cho được? Ngoài ra, còn có một vụ án tương tự: Một gái góa còn trẻ tuổi muốn đi bước nữa, người bố chồng tố cáo cô ta là hoang dâm tự trốn, không thủ tiết với chồng. Cô gái góa cùng tìm đến với ông thầy, cũng được thầy cho một mẫu giấy về trao cho quan huyện. Cũng như trên, quan huyện xem xong chửi cho nguyên cáo một mẻ, phê duyệt cho cô gái được đi lấy bước nữa. Mẫu giấy ấy viết mấy chữ sau đây: “Mười sáu gả, mười bảy goá, chú em còn chưa vợ, bé) chồng còn trẻ quá, lấy chồng nữa cũng loạn, không lấy còn loạn quá!”

Kể mà hai chuyện kể tròn đã dùng là “khách biến thành chủ”.

Khách biến thành chủ là khi cuộc đấu tranh đang ở thế bị động, muốn tìm cách tranh thủ quyền chủ động khống chế, từ đồng nghĩa với nó là khách chiếm ngôi chủ. “Khách chiếm ngôi chủ” có thể giải thích rằng:

Làm khách vốn là ở vị trí bị chi phối, tất cả đều do chủ sắp đặt, đó là nguyên tắc bất thành văn của phép lịch sự. Nếu đi ngược lại, người khách bỗng đứng ở địa vị chi phối, tức là làm chủ, bắt chủ làm theo lệnh của khách, đó tức là bị bỏ rơi chủ quyền. Nói trắng ra bà bị cướp mất quyền, người chủ biến thành bù nhìn, người khách đã cướp được, cái quyền không chế hoàn cảnh, đó tức là nói “khách chiếm ngôi chủ”, có hàm chứa cái ý tranh cướp dữ dội, động tác của nó thô bạo hơn là “khách biến thành chủ” nhiều.

Khách biến thành chủ là tranh địa vị chủ động, đó là nguyên tắc cao nhất trong đấu tranh, chủ động tức là có thể khống chế toàn diện, nếu bị động tức là chịu để cho người ta không chế từ đầu đến cuối. Trong tình thế địch có ưu thế hơn mình, bất cứ gì á nào cũng phải tìm cách giành quyền chủ động, không có chủ động, sẽ không có thắng lợi. Trong võ thuật có câu thuật ngữ là “nắm bắt và chống nắm bắt”, càng nói rõ lên sự tranh đi cướp lại cái thế chủ và khách.

Giải thích theo chữ nghĩa, chữ chủ có nghĩa là chủ nhà, khách là khách ở ngoài tới, chủ với khách là sự phân biệt theo danh phận giữa người với người trên phương diện lễ nghi, nếu lẫn lộn, tức là không phân chủ khách, là khách chiếm ngôi chủ, cũng như Khổng Tử nói “tất phải đúng với tên” là ý như vậy. Suy rộng ra, muốn vật trên thế gian đều có sự phân biệt chủ thể và khách thể, cái gì gọi là chủ thể? Đó là một danh từ về luật học, tức là nơi phát sinh và là chỗ dựa của quyền lợi và nghĩa vụ. Cái bị chủ thể chi phối thì là khách thể. Nếu áp dụng trong trường hợp đấu tranh, chủ và khách 250 chẳng có gì là giới hạn, tóm lại cứ chi phối người khác thì là chủ, bị người khác chi phối là khách, có thể từ chỗ bị động tranh thủ được sự chủ động, tức là “khách biến thành chủ”.

Dân gian có chuyện “đen ăn đen”:

Có một tên ăn trộm, cùng hai tên cướp, đêm khuya đi ăn trộm một nhà giàu, leo lên mái nhà gõ ngói, chúng để tên trộm chui vào nhà, hai tên ngồi trên thả dây thừng xuống, ăn trộm được thứ gì thì kéo lên. Kéo được ba chuyến, đã được khá nhiều thứ. Đến lần thứ tư, - tên trộm ở dưới nghĩ rằng, chuyến này có thể bọn nó sẽ bỏ mặc mình không kéo nữa. Thế là

nó lấy và để lại rất nhiều đồ quý giá giấu vào một cái hòm rồi chui vào đấy. cho hai đứa kia kéo lên. Quả nhiên hai tên ở trên bàn nhau: “Hòm của này nữa là tương đối nhiều rồi, nếu cả nó lên tất nhiên phải chia thêm một phần, chẳng thà kệ nó, không kéo nó lên để nó tự lo liệu lấy”. Thế là hai tên cười với nhau khiêng cái hòm đi, không biết tên kia đang nằm trong đó. Đi được một lúc, hai tên thấm mệt, bèn hạ xuống nghỉ. Tên ở trong nhắm tính chắc trời sáng rồi, lại nghe thấy có người đi đường nói chuyện, bèn ở trong hòm la to lên: “Có cướp bắt người”. Hai tên kia nghe thấy sợ hết hồn, thấy người đi đường dần dần vây kín lại bèn co chân chạy mất, tên ở trong hòm bèn đập hòm chui ra, làm ra bộ kể lể mình bị bắt như thế nào, cho nên mang những thứ quý giá đã ăn trộm được đó đi một cách dễ dàng.

Lấy ví dụ trong lịch sử Trung Quốc, vua tức là đại biểu cho phái cầm quyền, đương nhiên là chủ, mà phái khác cướp quyền là khách. Nếu để đúng vai trò chủ khách không lẫn lộn, khách không được tước đoạt giáo điều của chủ, thì có lẽ đến bây giờ còn là xã hội của nhà Hạ, các anh hùng của Trung Quốc cũng không thể nhiều như thế.

Thế nhưng người Trung Quốc rất thông minh, không bị trói buộc bởi những giáo điều, không để bọn cầm quyền áp bức và đòi nợ đến đòi kia, triều đại nào cũng có chuyện làm phản. Làm phản không thành thì làm phỉ, khấu, làm phản thành công thì xưng vương xưng đế: “Được làm vua thua làm giặc”. Một bảng thống kê trong bộ sử của Trung Quốc cũng được viết ra như thế thôi! Cho nên nói “tạo phản có lý” hay “không có lý”? thì hãy đợi xem tạo phản có thành công không. It nhất thì cái người hô “tạo phản có lý” cũng phải nói được tuyệt đối có “lý”.

Đó là biểu hiện cao nhất của “khách biến thành chủ”, cũng chứng minh rằng bất kể chuyện lớn chuyện nhỏ đều là căn cứ rõ ràng của cuộc đấu tranh về quyền lợi.

Bất kể thế nào, “khách biến thành chủ” mục đích là ở chỗ cướp quyền, ở chỗ tranh thủ quyền chủ động, khống chế đối phương.

HUYỀN CAO UÝ LẠO VÀ LÀM LUI QUÂN TÀN

Thời Xuân Thu, các tướng nước Tần như Mạnh Minh v.v... đem quân đánh úp nước Trịnh, 252 muốn thừa dịp đối phương không phòng bị để hễ đánh là thắng, và bí mật tiến hành.

Nước Trịnh có một anh lái trâu tên là Huyền Cao, hôm ấy buôn mấy trăm con trâu bò đem bán ở Châu Kinh, đi đến Lê Dương Tân, gặp người bạn tên là Kiến Tha mới ở nước Tần về. Huyền Cao hỏi bạn về tin tức nước Tần, Kiến Tha nói:

- Quân Tần đang được lệnh đi đánh nước Trịnh, ngày Bính Tuất tháng 12 sẽ xuất phát, sợ rằng mấy ngày đó sẽ đi qua vùng này.

Huyền Cao kinh hãi, bụng nghĩ nước Trịnh chính là Tổ quốc của mình, một khi bị mất thì mình chẳng là tên vong quốc nữa là cái gì. Huyền Cao bỗng nghĩ ra một kế, bèn chia tay Kiến Tha, một mặt sai người về cấp báo cho nước Trịnh, bảo phải chuẩn bị thật gấp, một mặt tự mình chuẩn bị quà để úy lạo quân lính, chọn mang đi hai chục con trâu bò béo, một mình đi đón quân Tần. Đi đến Diên Tân thì vừa hay gặp quân tiền tiêu của nhà Tần, Huyền Cao liền chặn ngang đường, gọi lớn:

- Nước Trịnh có sứ thần ở đây, muốn gặp chủ soái!

Đội tiền tiêu báo cáo tình hình này về cho chủ soái, Mạnh Minh giật mình kinh ngạc nghĩ: Nước Trịnh làm sao đã biết được hành tung của quân ta, bèn truyền cho Huyền Cao vào gặp.

Huyền Cao gặp Mạnh Minh liền giả vờ truyền lệnh của vua Trịnh:

- Nước Trịnh biết Tướng quân thông soái quân đội đến vùng biên cương này đã cử hạ thần Huyền Cao tới đây đón tiếp và úy lạo quân đội.

Mạnh Minh hỏi:

- Cho rằng đến úy lạo, tại sao không có giấy tờ gì?

Huyền Cao rất trấn tĩnh nói:

- Tướng quân cất quân ngày Bính Tuất tháng 12, thời gian gấp “rút quá, không kịp cả viết thư, chỉ nhắn miệng gửi lời chào Tướng quân.

Lạ! Ngay đến ngày giờ cất quân của ta cũng biết rõ ràng thế- Mạnh Minh càng lúng túng, nghĩ một lát, bèn hạ giọng nói:

- Quân ta không đánh nước Trịnh, mục đích là đánh một nước khác, nhờ sứ thần quay về cho ta gửi lời cảm ơn Trịnh Hầu.

Lần đó chuyển quân sang đánh chiếm nước Hoạt, nước Trịnh thoát khỏi nạn lớn!

QUÁCH TỬ NGHI MỘT MÌNH GẶP HỒI HỘT

Hai nước Hồi Hột và Thổ Phiên, dưới sự xúi bẩy của phản tướng nhà Đường là Phốc Hòa Ân, đã hợp binh xâm lược Trung Nguyên.

Tướng nhà Đường là Quách Tử Nghi vội vàng dẫn hơn một vạn tinh binh ra tiền tuyến. Do lực lượng quá mỏng, đã cho đóng quân tại thành Kinh Dương, nhưng vừa chưa ấm chỗ, địch đã bao vây chặt Kinh Dương, đầy núi đầy đồng, ít ra cũng phải ba mươi vạn quân.

Nhưng cũng thật là may, phản tướng Phốc Hòa Ân ốm chết, quân hai nước Hồi Hột và Thổ Phiên bỗng mất đi người liên lạc. Các tướng lĩnh hai bên đều muốn tranh quyền lãnh đạo liên quân, không nhường nhịn được hai bên sinh ra tranh cãi nhau, rồi phân chia đội ngũ ra làm đôi, quân Thổ Phiên đóng ngoài cửa Đông, quân của nước Hồi Hột đóng ngoài cửa Tây.

Quách Tử Nghi biết được tin này vội nghĩ cách lập mưu. Nhớ lại bộ tộc Hồi Hột có lần từng đem quân giúp nhà Đường dẹp loạn An Lộc Sơn, trong đó tướng lĩnh có nhiều người quen biết mình, từng có cảm tình của người cùng kẻ vai chiến đấu. Quách Tử Nghi nghĩ rằng tại sao không lợi dụng quan hệ này đi liên hệ với họ, để phản hóa đối phương?

Ngay sau đó cử bộ tướng Lý Quang Tán đi ra ngoài cửa Tây đến doanh trại quân Hồi Hột.

Lý Quang Tán gặp được Đô đốc Thước Cát La của quân Hồi Hột, truyền đạt ý chỉ của Quách Tử Nghi.

- Quách Lệnh Công vẫn còn sống thật sao? Hiện ở trong thành Kinh Dương? - Thước Cát La ngạc nhiên hỏi, các tướng lĩnh khác cũng thấy ngạc nhiên.

- Thưa phải, quân trong thành Kinh Dương đều là thuộc hạ của Quách Lệnh Công, mà trong số đó có đến quá nửa đã từng kẻ vai chiến đấu với đô đốc ngày nào đó. - Lý Quang Tán đáp.

Nghe nói vậy, Thước Cát La tuy có vui trong lòng, song vẫn còn hồ nghi, hỏi:

- Người không nói dối ta đấy chứ, trừ phi Quách Lệnh Công thân chinh ra cho chúng ta nhìn thấy mới có thể tin được.

- Được ạ! Tôi nhất định quay về báo cáo, mời Lệnh Công thân hành đến gặp người ạ!

Lý Quang Tán về thành báo cáo lại hết mọi tình hình, rất nhiều tướng lĩnh không đồng ý để Quách Tử Nghi đi gặp người Hồi Hột, lo rằng sẽ bị hại.

Nhưng Quách Tử Nghi lại nói:

- Ta phải đi! Cứ như tình hình hiện nay mà nói, họ đông quân, ta ít quân, động đánh là thua liền. Trước kia giữa ta và các tướng lĩnh của họ có cảm tình rất sâu sắc, chưa biết chừng lần này gặp nhau họ còn nể mặt, nghe lời ta, giải quyết hòa bình cuộc chiến tranh này.

ý kiến của Quách Tử Nghi kiên quyết như thế, mọi người cũng không tiện cản trở, bèn chuẩn bị năm trăm tráng sĩ cùng đi để hộ tống. Quách tử Nghi vội xua tay nói:

- Không cần! Không cần, mang theo nhiều người, có khi còn hỏng chuyện.

Quách Tử Nghi nhảy lên mình ngựa, chuẩn bị ra roi, con trai là Quách Hy nắm chặt lấy dây cương khuyên can:

- Thừa cha! Cha hà tất phải mạo hiểm thế này, Hồi Hột là bọn người dã man, chẳng may...

Quách Tử Nghi lừ mắt, không để con mình nói hết, bèn dạy con rằng:

- Con ơi, bậc đại trượng phu đã hiến thân vì nước, sớm đã gác chuyện tử sinh sang một bên lòng. Trận này mà xảy ra can qua, cha con ta chắc sẽ cùng bỏ mạng, vận nước từ đây sẽ hóa can qua thành gấm vóc, thiên hạ từ nay sẽ được thái bình, chẳng may cha có làm sao thì con cũng có thể sống mà!

Quách Hy vẫn chưa buông tay, Quách Tử Nghi bỗng vung roi, “vút” một tiếng, roi ngựa đập cả vào tay Quách Hy, mắng theo một tiếng:

- Về đi con! Sao cứ bịn rịn như đàn bà mãi thế!- Quách Hy vừa buông tay ngựa liền tung vó, xông ra khỏi thành Kinh Dương.

Hai người tùy tùng đi phía trước dẫn đường, hô lớn:

- Quách Lệnh Công đã đến!

Tướng lĩnh của Hồi Hột chen nhau ra xem. Thược Cát La cũng ra tận cửa doanh trại, tả hữu đều giương cung đặt tên cảnh giới.

Quách Tử Nghi thấy họ có vẻ căng thẳng thế, bèn bảo bọn tùy tùng tả hữu bỏ hết khí giới, từ từ bước vào cổng doanh trại.

- Đúng là Quách Lệnh Công đến thật rồi!- Các tướng lĩnh Hồi Hột đều hoan hô, lần lượt xuống ngựa quỳ vái đón mừng. Quách Tử Nghi cũng lập tức xuống ngựa, bước tới trước mặt Thược Cát La thân thiết nắm tay nhau, cùng vào trong trướng.

Mọi người cùng nhau ôn chuyện cũ, ai cũng thấy có chút gì thương cảm. Quách Tử Nghi thấy thế, nhân đó nói với họ rằng:

- Các vị trước đây đã từng lập công cho nhà Đường, cũng không quên ơn mà đối xử tồi tệ với

mọi người, tại sao ngày nay lại nghe theo sự xúc xiểm của Phốc Hoài Ân, phản lại hòa ước, biến bạn thành thù? Cái tên Phốc Hoài Ân xấu xa, đến vua nó còn phản lại được, mẹ đẻ ra nó nó cũng không thêm nhìn, thì làm sao mà có cảm tình tốt với các vị đây được? Chẳng qua nó muốn của nó mà thôi!

Thược Cát La vội vàng nói:

- Tôi biết mình đã mắc lừa tên Phốc Hoài Ân rồi. Hắn nói rằng Vua đã thăng thiên. Lệnh Công cũng chết rồi, trong nước loạn lạc, bảo chúng tôi sang giúp hắn thu phục lại giang sơn. Bây giờ tôi mới biết, Lệnh Công còn sống và khỏe thế này, thật là một sự lừa dối rất lớn!

Quách Tử Nghi đã đoán biết được tâm lý của Thược Cát La bèn nói thêm:

- Còn bọn Thổ Phiên kia cũng không biết điều rủ rê các vị đi đánh chúng tôi. Các vị với họ chẳng là có thù truyền kiếp là gì? Thì ra mưu sâu của họ, dùng một tên bắn hai đích, để chúng ta bắn giết nhau rồi cùng chết, họ được dịp thuận tay trị vì thần dân cả hai nước. Làm gì có cái lý như thế, phải dạy cho họ một bài học mới phải!- Nói tới đây, Quách Tử Nghi liếc nhìn Thược Cát La, thấy nét mặt có phần thay đổi, bèn tiếp tục nói. Chúng ta có thể thừa cơ mà báo thù, tiêu diệt sinh lực của nó, giành lấy của cải của nó, như thế với Hồi Hột các vị, với nhà Đường chúng tôi đều là nhất cử lưỡng tiện.

- Chí phải! - Thược Cát La căm tức nói - Tôi đã bị chúng lừa, thật là có lỗi lớn với Lệnh Công ngài đây. Kiên quyết đuổi đến cùng để bù lại sai sót đã xảy ra!

- Đúng lắm! Phải lắm!- Các tướng lĩnh Hồi Hột đều nhao nhao lên - Kiên quyết ủng hộ đô đốc và Quách Lệnh Công.

Thế là mở tiệc thết đãi, chúc rượu lẫn nhau. Quách Tử Nghi nâng cao chén rượu, thề giữa đất trời:

- Hai nước chúng ta tình thân như máu thịt, cho dù biển cạn non mòn, tình này không hề chia cắt, ai là người bội ước sẽ bị trời chu đất diệt! Những giọt rượu theo nhau tràn xuống đất.

Thược Cát La cũng rót đầy chén rượu thề bồi, lớn tiếng nhắc lại những lời như Quách Tử Nghi, hai bên tiếng cười rộn lên, mọi người đồng thanh hô lớn: “Đại Đường Thiên tử vạn tuế! Hồi Hột vạn tuế!”

Tin Quách Tử Nghi và Hồi Hột liên minh được truyền đi, các tướng lĩnh của Thổ Phiên biết được, vô cùng lo sợ, suốt đêm thu dọn hành trang nhổ trại chạy trốn về Tây Nam. Nhưng Quách Tử Nghi và Thược Cát La đã hợp lực cất binh truy kích, đánh cho quân Thổ Phiên một trận đại bại, giành được vô số vũ khí và lừa ngựa.

Như thế là phía tây nhà Đường đã bình yên không lo giặc giã, dân chúng ở biên cương sống đời bình yên.

KẾ § 21 VE SÀU LỘT XÁC

ĐÁNH ĐÒN NGANG LUNG LƯU BANG THOÁT HIỂM Ở BẠCH ĐĂNG THÀNH
VE SÀU LỘT XÁC TÂY THÁI HẬU GIÚP CON LÊN NGÔI

Ve sào lột xác là một kiểu ví von, là nói con ấu trùng ve sào qua đông thì lột xác, thoát ra khỏi cái vỏ của mình bay đi chỉ để lại cái vỏ không, treo lơ lửng trên cây. Nếu nói vào mưu chước tức là ở vào lúc nguy kịch ngàn cân treo sợi tóc, tìm cách để nguy trang che mắt đối phương, tự mình ngấm ngầm tìm cách trốn đi.

Đây cũng là một cách chuồn trong chước “chuồn là hơn”, là cách thoát thân trong khi khẩn cấp giữa sống và chết, là hành động ăn may để thoát chết, làm được tốt thì thoát được khỏi miệng hầm, kể không thành chỉ có thể tự than là đen đủi. Bởi vì khi dùng mưu kế này, tình thế đã vô cùng cấp bách, bản thân ở địa vị hết sức bất lợi, đánh không được, lui cũng chẳng xong không thể không tính liền ăn may mong thoát khỏi vòng vây, để tìm dịp khác làm lại từ đầu.

Khi thực hiện kế này, mục đích duy nhất là tìm thấy sự an toàn cho bản thân, bất kể là tự mình bảo hộ lấy mình hay hi sinh người khác để yểm hộ mình, việc đó không cần tính toán thiệt hơn phải tùy kế mà quyết đoán, tất cả lòng nhân từ trắc ẩn để nói sau. Tào Tháo đã từng nói rất rõ: “Thà ta phụ người, không để người phụ ta”. Hãy nói bao nhiêu anh hùng hào kiệt trong lịch sử, có ai là người chịu hi sinh để bảo toàn cho kẻ khác? Ai chẳng xây cơ đồ trên máu và nước-mắt người khác. Cho nên mỗi nói: “Kẻ bại thì bất nhân, người hiền từ khó làm nổi”. Khi còn đang găm ghè nhau, bên nào chả muốn lấy được đầu bên kia? Binh thư cũng có nói: “Thắng lợi, quyết định ở năm phút sau cùng”, câu đó còn hơi quá hàm súc, phải nói cho cụ thể, có lẽ nên sửa là: “Thắng lợi, quyết định bởi sự tàn nhẫn ở năm phút cuối cùng”. Đạo làm tướng, ngày xưa đã thế bây giờ cũng vậy phải để cho tim mình trở cứng ra là điều kiện chủ yếu, hơi có chút từ tâm là y như thất bại.

Phạm vi dùng kế “ve sào lột xác” rất rộng rãi, bất kể người nào, hoàn cảnh nào cũng đều áp dụng được. Ví dụ một ông chủ công ty muốn trốn nợ, cho một người giúp việc ngồi đó ứng phó, còn mình thì đi dạo phố, đó tức là “ve sào lột xác”. Trong đàm phán, bị người ta

dồn vào chỗ bí, thì giả vờ quên thứ gì đó, lấy có đi “toa lét”, thực hành đường lối “đái rắt”, cũng là cách lột xác. Có hơn chục tên tội phạm đều ở tuổi tí nhau, một buổi tối, chúng lấy sách vở, cây que chống lên rồi trùm chắn, ngủ trang thành như đang ngủ say, cai ngục đi tuần qua, ngẩn cổ nhìn qua cửa sổ, tưởng rằng chúng đang ngoan ngoãn ngủ say, không để ý đến nữa. Nhưng bọn trẻ láu cá đó đã ngấm ngầm luồn cửa sau chuồn mất.

Trong lịch sử cũng có những ví dụ điển hình. Trong cuộc chiến tranh Tề- Tấn thời Xuân Thu, quân Tề đại bại, tướng sĩ hoảng hốt trốn hết, còn trơ lại Tề Cảnh Công ngồi ngây ra trên xe, kinh hoàng không biết làm gì.- Người phu xe là Điền Phụ, thấy tình thế khẩn cấp quá, bèn bảo Cảnh Công đôi quần áo cho anh ta, rồi mạo xưng là Cảnh Công để quân Tấn bắt đi, còn Tề Cảnh Công thật thì hóa trang trà trộn tìm đường thoát khỏi vòng vây, về nước an toàn.

Lưu Bang khi bị Hạng Vũ vây ở Hình Dương, bên trong thì thiếu lương ăn, ngoài thì không có viện binh, tình thế vô cùng cấp bách, xem ra sớm muộn sẽ bị bắt. Mưu thần Trần Bình vội bày mưu, bảo Kỷ Tín là một võ tướng có nét mặt giống Lưu Bang, đóng giả làm Lưu Bang, đánh xe ra cửa Đông đầu hàng, đợi đến lúc Hạng Vũ phát hiện ra thứ “của dỏm” này, thì Lưu Bang thật đã mang quan viên văn võ, trang bị gọn nhẹ từ cửa Tây thành trốn đi trót lọt.

Đời nhà Minh cũng có một người tên là Vương Thủ Nhân, tức là người mà các học giả đời sau gọi là Dương Minh tiên sinh. Khi ông làm chủ sự ở bộ Binh đã dâng tấu Vũ Tông, thẳng thắn vạch tội 262 tên hoạn quan Lưu cần. Vũ Tông nổi giận, đã phạt Vương năm mươi roi, còn chuyển đi Quỷ Châu làm dịch thừa ở Long Trường. Nơi đó cách kinh thành hàng vạn dặm đường, là nơi hoang vu, người ít núi nhiều. Vương Thủ Nhân phụng chiếu, không dám chần chừ, liền vội và lên đường.

Đi tới gần sông Tiền Đường ở Triết Giang, bỗng người hầu đến báo riêng với Vương Thủ Nhân rằng Lưu Cần đã sai người đuổi theo, định giết ông ở ngang đường vậy ông cần phải đề phòng. Vương Thủ Nhân lại nói:

- Không cần phải suy nghĩ nhiều, ta nghĩ Lưu Cần không nỡ làm như thế?

Tuy miệng nói thế, song trong lòng Vương Thủ Nhân đã có sự tính toán. Hôm sau, người dậy sớm, bỗng phát hiện Vương Thủ Nhân mất tích, ở bên gối còn nhặt được một mẫu giấy, trên viết một bài thơ tuyệt mệnh, trong đó có hai câu: “Trăm năm thần tử sâu vô hạn, ngàn

đêm sóng nước khóc cháu con”. Biết rằng chủ nhân nhất định sẽ nhảy xuống sông tự tử, liền chạy dọc bờ sông tìm, chỉ thấy áo mũ vật vờ trên sóng nước, sai người vớt lên xem thì quả đúng là của Vương Thủ Nhân, thấy vậy ôm mặt khóc thảm thiết. Bởi vậy người qua kẻ lại đều bảo Vương Thủ Nhân đã chết. Bọn người được sai đi giết lén, nghe tin như vậy, lại nhìn tận mắt khăn mũ của Vương Thủ Nhân để lại, cũng quay về phụ mệnh.

Thì ra đó chỉ là kế “ve sầu lột xác” của Vương Thủ Nhân, ông ta đã làm trận địa giả, đánh nghi binh, bịt tai mắt người khác, để cho ai cũng tin rằng đã tự tử chết dưới sông, tự mình thì khoác quần áo tu hành, lên tận núi Vũ Di ở Phúc Kiến ẩn dật. Qua một thời gian dài mới lại quay về nơi cũ ở Quý Châu.

Còn một chuyện đặc sắc hơn, đó là chuyện Trần Bình giải vây ở Bạch Đằng.

LƯU BANG THOÁT HIỂM Ở BẠCH ĐẰNG THÀNH

Hàn Vương là Cơ Tín câu kết với Hung Nô là Mạo Đôn làm phản. Hán Cao Tổ Lưu Bang thân hành đi dẹp, trúng vào kế không thành của Mạo Đôn, bị vây ở Bạch Đằng thành. Tuy tả hữu rất nhiều mưu thần mãnh tướng hiểm vì bị vây giữ chặt rồi, ngoài không có viện binh, trong thì cạn nguồn lương thảo, trời lạnh đất cứng, tai họa liên miên mà đành chịu bó tay.

Lúc đó, trong quân có Trần Bình được coi là người mưu trí nhất, Cao Tổ bàn bạc với Trần Bình mấy lần, mà cũng chưa tìm ra kế gì hay, nhưng Trần Bình khuyên Cao Tổ hãy tạm nhẫn nại, dần dần tìm cách sau. Mới chớp mắt mà đã bị vây hãm sáu ngày rồi, Cao Tổ càng thấy buồn bực, tự nghĩ rằng Trần Bình nhiều mưu kế thế mà chẳng bày được kế gì, xem chừng bị hãm chết trong thành này mất. Đang trong lúc hoảng hốt, Trần Bình bỗng đến, Cao Tổ nói rằng muốn liều phá vòng vây may ra thoát chết.

Trần Bình nói:

- Quân Hung Nô rất hung hãn, lại hiếu chiến hiếu thắng, đối đầu với chúng chỉ có thể là mất hết, hiện nay chỉ có thể lấy bằng kế, không thể dùng sức mà lấy được.

- Kế ở đâu ra? Đã nghĩ sáu ngày nay rồi!- Cao Tổ nói.

Trần Bình ghé tai Cao Tổ:

- Nghe nói Hung Nô Vương Mạo Đôn hàng ngày yêu mến Ư Thị nhất, gặp việc gì cũng nghe ả này bài bố, cặp kè nhau không rời một bước, xưa nay chưa từng ở riêng phòng, ta có thể tính mưu kế bằng con người này. Chỗ thần hiện có một người họa sĩ tên là Lý Châu, thần đã nhờ anh ta vẽ suốt đêm được một bức tranh mỹ nhân, đẹp vô cùng, chỉ cần cho anh ta ít tiền bạc châu báu, trà trộn vào doanh trại quân Phiên, thừa cơ đem châu báu và ảnh mỹ nhân tặng cho Ư Thị, nhờ ả nói với Mạo Đôn nguyện sẽ dâng người đẹp này cho hắn, lúc đó là có thể giải được vây.

Cao Tổ y kế bèn sai Lý Châu đi thực hiện ngay.

Lý Châu giả làm lính Phiên trà trộn vào doanh trại Phiên, dùng tiền bạc mua chuộc được tả hữu, gặp được Ư Thị, dâng vàng bạc châu báu nói là do Hán Vương dâng tặng, rồi lại lấy tranh mỹ nhân ra, nhờ Ư Thị dâng tặng Mạo Đôn.

Ư Thị vốn tính đàn bà, thấy món vàng bạc châu báu đã thấy mê tí mắt, thấy của đến tay lập tức nhận ngay. Thuận tay mở tranh ra xem, thấy trong tranh lại là một mỹ nữ, máu ghen bắt đầu nổi dậy, hỏi:

- Bức tranh này thì có tác dụng gì? - Lý Châu đáp:

- Hán Đế bị Mạo Đôn vây hãm, muốn bãi binh giảng hoà, cho nên đem người đẹp số một ở bên mình cho Mạo Đôn.

Ư Thị đã nổi máu ghen trên mặt nói:

- Ta biết rồi! Nhà ngươi hãy mang tranh về đi, về nói với Hán Đế, cứ việc yên tâm!

Ư Thị gặp Mạo Đôn, liền nói:

- Nghe nói nhà Hán đã dấy đại binh đến để cứu chúa, ngày mai là đến được đây!

- Lại có chuyện ấy được ư? - Mạo Đôn hỏi.

- Chẳng lẽ tình báo của thiếp lại không bằng của tướng quán, thiếp lại nói dối nữa? - Ư Thị vừa ngồi sán lại, vừa ồm ồm. Hai chúa tranh giành nhau, không bại thì cũng què, nhà Hán đất rộng, người đông, có chắc trận này đánh thắng không? Chẳng qua chỉ thêm được ít của cải, chứ chẳng bao giờ chinh phục được họ. Thế mà chẳng may thua thì tướng quân còn làm sao mở mày mở mặt được? Nói xong ầm ức khóc.

Trước đòn tấn công bằng nước mắt, Mạo Đôn cuối cùng đã mềm lòng, hỏi:

- Theo ý của nàng thì nên làm thế nào?

- Theo ý thiếp, Hán đế bị vây hãm sáu bảy ngày nay rồi, quân lính họ vẫn chẳng thấy xao lo sợ, chưa biết chừng họ có thần linh phù trợ, nguy mấy rồi cũng yên. Ta hà tất đi làm trái ý trời, chẳng thả họ ra, tránh được họa chiến tranh.

- Nàng nói phải, ngày mai cho làm theo ý đó.

Ngày hôm sau, Hán Vương là Cơ Tín được tình báo cho biết Mạo Đôn có ý thả Hán Đế, bèn đến đề xin gặp và nói với Mạo Đôn:

- Lưu Bang bị vây hãm bảy ngày rồi, xem ra sắp vây chết hẳn, bây giờ thả hẳn thì khác gì thả hổ về rừng, hậu họa khôn lường. Nghe nói Lưu Bang sai người dâng gái đẹp, xin đại vương hãy hỏi họ, thấy được người đẹp thì sẽ lui quân, nếu như không có thì hạ lệnh công thành. Tôi tin rằng họ chẳng làm gì có người đẹp, mà nếu có, con-người hiếu sắc như Lưu Bang cũng chẳng nhường cho người khác, đẩy chẳng qua chỉ là lừa bịp để đại vương thả hẳn ra mà thôi.

Mạo Đôn nghe lời Cơ Tín, bèn sai người xuống dưới thành đáp lại:

- Nhà Hán các người nói là có người đẹp, thì hãy cho đứng lên mặt thành để Đại vương ta thấy, cố thì thả, nếu không sẽ chẳng thả một ai.

Lời nói đó được truyền lên, Cao Tổ lại vời Trần Bình vào bàn và nói:

- Mạo Đôn đòi người thật, vậy thì làm thế nào?

Trần Bình đáp:

- Thần vốn đã nghĩ thế nào hẳn cũng có đòi hỏi này, cho nên đã cho thợ làm ra mấy người hình nộm để đưa lên mặt thành, làm như con rối, lấy dây giật làm động tác của người con gái đẹp và cho ăn mặc đẹp như tiên nữ. Họ đã muốn xem thì để' toi gần tối, đưa lên mặt thành để họ ngắm người đẹp dưới ánh đèn, họ không mê mẩn tâm thần ra vì người đẹp thần xin chớ kể!

Gần tối, Trần Bình cho quân sĩ chuẩn bị phá vây, rồi đưa những người đẹp lên mặt thành, giật dây cho cử động.

Mạo Đôn đứng dưới nhìn lên mặt thành, thấy những người đẹp như từ trên trời xuống từ xưa đến giờ chưa từng thấy người đẹp thế. Trong cơn mê, liền hạ lệnh: nhường đường!

Bọn Lưu Bang chỉ chờ có thế, thấy đường được nhường bèn như hổ sống chuồng vội vội vàng vàng thoát khỏi vòng vây.

Đến nửa đường Trần Bình lại sai bốn tướng lùi lại mai phục, đề phòng Mạo Đôn cho quân đuổi theo.

Mạo Đôn thấy quân Hán đã rút hết, lên thành để lấy người đẹp, đến tận nơi xem, dưới ánh đèn chỉ thấy cả chục người nộm dựa ở các xó tường thành. Lửa giận bốc lên, vội ra lệnh: Đuổi mau!

Đuổi hơn ba mươi dặm lại bị phục binh của bốn tướng đánh tạt sườn, bại trận ôm đầu mà chạy.

Hán Cao Tổ lúc ấy mới yên tâm, thu hồi đám tàn quân từ từ lui binh về triều.

TAY THÁI HẬU GIÚP CON LÊN NGÔI

Thời Mãn Thanh, liên quân Anh Pháp công hãm kinh đô Bắc Kinh, vua Hàm Phong mang bệnh lánh nạn ở Nhiệt Hà. Trông coi việc trong cung chỉ còn Trịnh Trị Hoàng hậu (sau là Đông Thái hậu) Di Quý phi (sau là Thái Thái hậu). Hoàng hậu không có con, Di Quý phi sinh được Hoàng tử Tải Thuần mới mười lăm mười sáu tuổi. Mẹ dựa vào quý tử, Di Quý phi vì thế mà mang nặng dã tâm, cố sức lôi kéo quần thần muốn cướp quyền ở trong cung. Vua Hàm Phong thấy Quý phi làm dữ dần như vậy, đã chẳng từ thủ đoạn nào, định giết con người này đi, sau được Hoàng hậu xin cho mới thôi. Hàm Phong bắt đấng dĩ từ trên giường bệnh viết di chiếu cho Hoàng hậu, nói rõ Di Quý phi là con người nguy hiểm, quyết không thể tin được. Nếu như sau này mẹ nhờ vào quý tử được lên ngôi Hoàng hậu mà ngoan ngoãn biết điều thì thôi, nếu có hành vi gì thất thốt thì hãy triệu tập đình thần, đọc chiếu chỉ này lên đem giết người ấy đi để tránh hậu họa, một mặt thân dụ các thân vương Tải Đán, Thụy Hoa và Túc Thuận làm Giám quốc Nhiếp chính vương.

Liên quân Anh Pháp rút khỏi Bắc Kinh, Hàm Phong còn chưa kịp về kinh, đã chết tại hành cung ở Nhiệt Hà. Túc Thuận định giả truyền di chỉ, đưa Tải Đán làm Hoàng đế kế vị, rồi vào

cung đoạt quốc bảo từ tay Hoàng hậu Hiếu Trinh, Hoàng hậu thấy Túc Thuận đến với vẻ hung hăng, định không trao cho, nói dối rằng những thứ quốc bảo này ngày nào đã được tiên đế trao cho Lục Vương đem về Bắc Kinh rồi. Túc Thuận định bố trí dòi cung về kinh đô trước, song Hoàng hậu không nghe nói rằng sẽ đi cùng với Di Quý Phi. Túc Thuận không biết làm sao đành chịu.

Túc Thuận, Thụy Hoa lùi mà cầu lấy cái thứ yếu, tăng cường quân hộ vệ, nói rằng để bảo vệ Hậu phi, nhưng thực tế là định nửa đường sẽ giết chết mẹ con Di Quý phi, để một mình Hoàng hậu về kinh. Di Quý Phi sớm đã nghĩ đến điều ấy, nên trước đó đã cho người về kinh dụ Vinh Lộc đem thân binh đến tiếp viện. Đến ngày Tân Quan xuất thành, người ngựa của Vinh Lộc cũng vừa tới. Túc Thuận thấy có cấm binh đến bảo vệ bèn chưa hành động, muốn một mình về kinh trước một ngày để sắp đặt, phế truất danh hiệu của Di Quý Phi, không cho cả hai mẹ con vào thành, bèn cố ý làm chậm hành trình lại. Đi mấy ngày thấy sắp đến Bắc Kinh rồi Di Quý phi định liệu được ý đồ làm chậm lại của Túc Thuận đã bàn bạc chu đáo với Hiếu Trinh Hoàng hậu, sai hai cung nữ trang điểm như hậu phi, ngồi trong kiệu của hậu phi còn mình với hoàng hậu và con trai Tải Thuần thì hoá trang thành dân thường, thuê mấy chiếc xe con, đem theo mấy người tùy tùng nhanh nhẹn lần mò theo đường tắt một cách thần không hay quỷ không biết, tiến như bay về kinh thành. Hậu Phi vào cung, Túc Thuận vẫn còn đang ở trên đường. Di Quý phi vội triệu tập tất cả các đại thần văn võ còn đang ở Bắc Kinh vào cung, truyền quốc bảo, bàn lập con trai Tải Thuần lên làm vua, đổi niên hiệu là Đồng Trị nguyên niên, bố trí binh mã ở các cửa thành, cửa ải đón tiếp Hoàng hậu. Đến ngày thứ ba Tải Đán và Thụy Hoa đến trước, được quân lính đón vào thành, sau đó cho bắt luôn. Tiếp đó lại cho người phụng chỉ ở trên đường giải Túc Thuận về kinh, tố giác là tội âm mưu phản quốc, giải ra pháp trường chém đầu.

KẾ § 22 BỎ THÂY GIEO VẠ

TRANH YẾU CƯỚP QUYỀN VÕ TẮC THIÊN ĐANG TÂM GIẾT CON GÁI
BỎ THÂY GIEO VẠ THÀNH NAM KINH TANG BẮN CHẠY ĐI ĐÀU

Bỏ cây gieo vạ là vu oan giá họa cho người, là chuyển tội vạ cho người khác để mình được trang tội, cũng giống như người Quảng Đông nói là “Bắt ép người ta nuốt con mèo chết”.

Bình pháp nói: “Muốn ghép tội thì lo gì thiếu có”, là chỉ một loại thủ pháp của người có quyền, có thế, chi phối người khác. Vái người chịu chi phối, nêu cùng địa vị, cùng có quyền lực mà muốn hại nhau thì “muốn gieo tội vạ thì lo thiếu gì kẻ”.

Đây là một thủ pháp rất thông minh, bản thân không cần lộ mặt, sạch sẽ trắng tay mà làm cho đối phương bị hại, ý đồ đạt được, nguyện vọng được thỏa mãn đấy cũng là bản sắc của loại anh hùng giết người không vấy máu.

Cũng có thể nói “vứt tang chứng để đổ vạ”, ý nghĩa gần như nhau, nhưng cách làm khác nhau xa. “Tang chứng” là của ăn cắp được, đem vứt cho người khác, có cái vẻ vụng trộm lấm lét, không đành lòng đành đặc như việc “bỏ cây”. Tuy rằng gieo tai vạ cho người ta là một việc làm thất đức, bất kể là vụng trộm hay công khai, xã hội không bao giờ xa rời sự thực, lịch sử lại càng tôn trọng chứng cứ sự thực.

Xưa nay anh hùng hào kiệt sở dĩ tranh quyền cướp lợi chết thôi, ngoài sự hưởng thụ cho bản thân, lại chẳng phải muốn lưu lại mấy dòng trên giấy trắng mực đen trong sử sách, để cho đời được mấy câu hay ho. Thôi Chử giết vua, Triệu Thuần đi giáng họa đều là nghĩ và làm thế.

Từ đó mới hay việc xấu họ cứ làm, song nên làm cho thông minh, lời xấu thì cứ nói, nhưng nên nói sau lưng. Cho nên việc xấu làm đành lòng để nói thành trong sáng sạch sẽ, nói vụng nói trộm là gian dối. Cứ lấy việc Khổng Tử giết Thiếu Chính Mậu so với Tần Cối hại Nhạc Phi mà nói, Khổng Tử có thủ đoạn giết người thiếu cao minh hơn, nhưng người đời sau lại tôn sùng Khổng Tử lên mức “thời Xuân Thu làm cho loạn thần tặc tử phải sợ” như

một thánh nhân. Còn Tần Cối thì sao? Cho đến hiện nay vẫn còn bị chửi là đồ bán nước, hể động đến đất nước bị hoạn nạn do người ngoài làm nhục là y như rằng bị lôi ra để chỉ chó mắng mèo, thậm chí Hoàng Sào, Lý Tự Thành, Trương Hiến Trung v.v... còn được người ta minh oan nói cho vài câu nói tốt chứ Tần Cối thì xưa nay chưa từng được ai minh oan, cũng chưa từng

có ai lấy tên “Côi.” để đặt cho con. Tại sao thế? Đó là Khổng Tử làm một cách đàng hoàng, còn ngón nghề của Tần Cối thì vụng trộm lấm lét.

Đó là những kiệt tác anh hùng hào kiệt của bao thời đại, của lịch sử, là một bộ sử sách viết bằng máu mà không bao giờ viết hết.

VÕ TẮC THIÊN ĐANG TÂM GIẾT CON GÁI

Đời nhà Đường, Võ Tắc Thiên là một người đàn bà thông minh lanh lợi, nhanh trí và nhiều quyền thuật, nguyên là “người tài” của Đường Thái Tông. Sau khi Thái Tông chết, con là Cao Tông kế thừa nghiệp cha, cũng tiếp thu luôn Võ Tắc Thiên lập Võ Tắc Thiên lên làm Chiêu Nghi, trở thành một nhân vật đứng đầu, được hết sức yêu vì.

Võ Tắc Thiên là người đàn bà cổ mưu lược và đầy dã tâm, đương nhiên là không thoả mãn với danh nghĩa và sự yêu vì nhất thời, mục đích của nàng là ở cái ngai Hoàng hậu mà nàng đang muốn cướp lấy, có nó mới có thể thi thố được quyền uy.

Nàng đã để bao tâm lực nhằm triển khai ý đồ thềm muốn, trước hết là lung lạc hàng quan lại để làm tai mắt cho mình chuyên chăm dò tin tức của Hoàng hậu, rồi cái hay thì nói ít, cái ác thì nói nhiều thế thọt nhỏ to trước mặt Cao Tông. Cao Tông vốn cả nghe, rất tin lời Tắc Thiên, dần dần trở nên lạnh nhạt với Hoàng hậu.

Võ Tắc Thiên đã giành được sự tin tưởng tuyệt đối của Cao Tông, bèn tiến thêm một bước đi nói xấu Hoàng hậu. Biết rằng thế lực và địa vị của Hoàng hậu là thâm căn cố đế, Võ Tắc Thiên nghĩ rằng không xảy ra chuyện lớn không dễ gì mà phế truất được bà ta. Cho nên Võ Tắc Thiên đã dùng kế độc để ám hại. Hoàng hậu cho đến lúc này vẫn bị bưng bít nên chẳng hề hay biết, còn cho rằng Võ Tắc Thiên là chỗ chị em lương thiện và biết điều.

Lúc bấy giờ Võ Tắc Thiên sinh một đứa con gái, rất lanh lợi và đáng yêu, Cao Tông hết sức yêu quý vô kể. Một hôm Hoàng hậu đến cung Chiêu Nghi tìm Võ Tắc Thiên để nói chuyện phiếm:- thấy đứa trẻ dễ thương bèn chơi đùa với nó một lúc rồi mới đi. Võ Tắc Thiên thừa dịp này, bỗng cam tâm đem bóp chết đứa con đẻ của mình, đặt lên giường, đắp chăn như đặt nằm ngủ rồi lên ra vườn xem hoa.

Cao Tông trở về cung, Võ Tắc Thiên cười rúc rích từ vườn hoa bước theo vào.

- Con gái đâu?- Cao Tông hỏi.

- Chẳng đang ngủ trên giường là gì?- Võ Tắc Thiên liếc mắt đưa tình, dõ giọng làm nũng rồi chạy tới bên giường mở chăn ra xem, bỗng nhiên kêu thất thanh:

- Trời đất ơi! Con tôi... Con tôi chết cứng từ bao giờ rồi?

Võ Tắc Thiên khóc lăn khóc lộn, nhào vào lòng Cao Tông vừa khóc vừa tay dấm chân đạp ra chiều đau khổ. Cao Tông cho hỏi các cung nữ có người nào đến đây không?

Cung nữ bẩm báo thực tình là vừa mới rồi Đông Cung nương nương có ghé qua đây một lát, và có chơi đùa một lúc với công nương.

Cao Tông nổi giận nói:

- Thật không ngờ con giặc cái này lại độc ác đến thế, nỡ lòng nào giết hại con gái ta. Từ đó Cao Tông bắt đầu nảy sinh ra ý nghĩ phế truất Hoàng hậu.

Không bao lâu sau Cao Tông ốm, Võ Tắc Thiên lại cho người lọt vào Đông cung, dùng một người nộm chôn ở góc tường, trên đó viết tám chữ ngày sinh tháng đẻ của Cao Tông rồi lại cố ý cho người mách với Cao Tông, nói Hoàng hậu ngày đêm tụng niệm phù chú, cầu cho Cao Tông phải chết đi. Cao Tông lệnh cho đào người nộm lên, chứng cứ rành rành, Hoàng hậu có muốn phân bua cũng không được nữa.

Cuối cùng, qua một cuộc hội nghị cung đình bàn cãi kịch liệt, Hoàng hậu bị phế truất và bị đưa vào lãnh cung. Võ Tắc Thiên danh chính ngôn thuận bước lên ngôi chính cung Hoàng hậu.

TRƯỜNG CỬ CHÍNH ÂM MÙU CƯỚP QUYỀN

Trương Cư Chính là Tế tướng triều nhà Minh, là một nhà chính trị có thể nói là cỡ lớn trong lịch sử Trung Quốc, để cướp quyền cũng đã từng phải dùng mưu “bỏ xác gieo vạ”

Khi Minh Thần Tông lên ngôi mới có mười tuổi Thái giám Phùng Bảo là người luôn ở cạnh để sai dùng. Đại học sĩ Trương Cư Chính hiểu rằng muốn đoạt quyền chuyên chính, không ngoài ai khác là phải nhờ sức của Phùng Bảo, bèn ngầm đi 276 lại kết giao với Phùng Bảo, xưng anh xưng em rất thân mật.

Lúc đó, người nắm độc quyền triều chính là Nội các đại học sĩ Cao Củng. Cao Củng với Trương Cư Chính lại luôn luôn bằng mặt không bằng lòng.

Có một lần Thần Tông vào triều sớm, mới ra khỏi cung, đột nhiên một người, có dáng như hoạn quan, đến một cách hốt hoảng vội vàng. Tả hữu thấy vậy bèn tiến đến bắt giữ, khám thấy một con dao sắc, rõ ràng có ý định giết người. Thần Tông vội lệnh cho Phùng Bảo xét hỏi, người ấy khai rằng tên là Vương Đại Thần, từ doanh trại của Thích Kế Quang ở miền Nam tới. Phùng Bảo nghe nói thất kinh, lập tức xét hỏi, thân chinh đến gặp Trương Cư Chính, hỏi nên xử trí ra sao. Trương Cư Chính nói:

- Cao Củng là con người nhiều phen muốn đẩy quan thái giám ra khỏi cung đình, phen này đánh rắn dùng cho leo đầu gậy, thừa cơ diệt Cao Củng đi, ngài mới có thể yên chí lớn được. Huống chi ngày nay Thích Kế Quang đang nắm binh quyền Nam Bắc, chỉ dụ một cách vu vơ không được, tại sao không thế này, thế này, như vậy, như vậy...

Phùng Bảo nghe nói cả mừng, quay về sai người thân tín là Niên đi làm phận sự. Niên nói với tên bị bắt là Vương Đại Thần:

- Lần sau có xét hỏi, nhà ngươi cứ cung khai một mực rằng Cao Củng sai ngươi tới giết người, thì sẽ được tha tội, mà ngươi còn được thăng quan làm Cẩm y vệ, được thưởng bạc vàng. Nếu không làm thế, tất ngươi sẽ bị đánh chết, Vương Đại Thần trước những lời vừa dụ vừa đe dọa, tất nhiên là phải làm theo như vậy, Đến khi xét hỏi lần thứ hai, các quan đại thần đều sớm biết trong bụng rằng vụ này bên trong rất phức tạp cho nên đều có mặt để lắng nghe, Chủ thẩm là ngài hoạn quan Thái giám Phùng Bảo cất giọng hỏi nghi phạm:

- Tên Vương Đại Thần to gan kia, ngươi đến đây định giết người, rốt cuộc ai là người chỉ khiến ngươi.

Tên Vương Đại Thần trong khi bị giam cầm trong ngục đã chịu đủ các loại cực hình đánh đập, lúc này liền tức giận tuôn ra:

- Chính ông bảo tôi rằng bị tướng công Cao Cử chỉ khiến!

Những người dự án đều cười ở lên. Phùng Bảo nghe nói vậy thất kinh, vội tuyên bố giải tán phiên xử, không dám hỏi lại nữa.

Ngày hôm sau xét hỏi lại, Vương Đại Thần đã trúng thuốc độc cấm khẩu, không nói được. Phùng Bảo cũng không xét hỏi thêm bèn vung bút phê luôn, giải phạm nhân ra. Ngô muốn chém đầu.

Với tình hình đó, Cao Cử cũng không thể yên vị, bèn nhường vị ra, bỏ quyền chức về nhà ẩn dật. Quyền hành triều chính lọt hết vào tay Trương Cư Chính.

THÀNH NAM KINH TĂNG BẢN CHẠY ĐI ĐÂU?

Tới ngày 8 tháng 6 năm 1934, Lãnh sự quán Nhật Bản tại Nam Kinh tuyên bố:

Một thành viên của Lãnh sự quán là Tăng Bản bị mất tích. Sau đó thông tri cho Chính phủ Trung Quốc, vị cán bộ lãnh sự này mất tích là do Đảng Áo Xanh của Trung Quốc ám sát, rồi cho tập hợp các tàu tuần tiễu trên Trường Giang về Quan Hải phía dưới Nam Kinh. Áo súng được bóc ra, chuẩn bị nếu không được thoả mãn các điều trên sẽ nã pháo vào Nam Kinh.

Với sự kiện nghiêm trọng này, Chính phủ Trung Quốc thừa biết đây là kiểu “bỏ thây gieo vạ” rất quen dùng của phía Nhật Bản. Nhưng để làm rõ sự thực, đã huy động lực lượng quân cảnh toàn thành phố”, tổ chức lùng sục, tiến hành kiểm tra cuốn chiếu cả nội ngoại thành, nhưng chẳng có kết quả gì.

Cho đến ngày 13-6, những họng pháo trên tàu chiến Nhật đã chiếu thẳng vào Nam Kinh, tình thế hết sức khẩn cấp.

Cùng ngày, một nhóm lùng sục kiểm tra đến gần Minh Hiếu Lăng ở Tử Kim Sơn vô tình qua lời một chủ quán bán trà cho biết xẩm tôi hôm qua có một người đàn ông nói tiếng Trung Quốc còn cứng nhắc đã đến ăn mì ở đây, chưa trả tiền đã bỏ đi.

Theo nguồn tin đó, Bộ Tư lệnh cảnh vệ đã tập trung hiến binh cảnh sát kiểm tra kỹ lưỡng vùng lân cận, quả nhiên, trong một khe núi đã tìm thấy một người đàn ông nằm trong hang đang hấp hối, đó chính là cán bộ Lãnh sự Nhật Bản Tăng Bản, vội dẫn về xét hỏi, sau đó trao trả cả người lẫn lời khai cho phía Nhật Bản, sự kiện căng thẳng đó mới êm dịu đi.

Theo lời khai của Tăng Bản, hẳn phải vâng lệnh đến Tử Kim Sơn tự sát để lấy có gây chuyện. Nhưng sau khi đến Tử Kim Sơn lại ham sống sợ chết, đồng thời cũng không muốn dân chúng Nam Kinh bị cái tai họa vô lý đó.

Đây là chuyện nực cười làm xôn xao dư luận Trung Quốc, đó là “sự kiện Tăng Bản”. Sau này Tăng Bản bị giải về Nhật, nghe nói là đã bị tòa án binh lệnh phải mổ bụng tự sát.

KẾ § 23 GIẾT GÀ RĂN KHỈ

TRÔI BUỘC BẰNG PHÉP TẮC PHẠM QUÂN LỆNH, HÀN TÍN CHÉM ÂN CÁI
GIẾT GÀ ĐỂ RĂN KHỈ HẢ LÒNG QUÂN, XỬ BẮN HÀN PHÚC CỬ

Tương truyền loài khỉ sợ nhất là nhìn thấy máu, người dạy khỉ trước hết mang gà ra giết trước mặt khỉ cho nó xem, để nó thấy máu ghê gớm thế nào, rồi mới dần dần dạy nó được. Người bắt khỉ cũng dùng chiến thuật giết gà này, bất kể chúng chống cự ngoan cố thế nào, chỉ thấy con gà kêu lên một tiếng thảm thiết tiết gà phun ra, lũ khỉ nhìn thấy là bủn rủn hết toàn thân, cứ việc thò tay mà bắt.

Nói “giết gà răn khỉ” cũng như nói “giết một răn mười”, có ý nghĩa uy hiếp, đe dọa, đó là chiến thuật là thủ đoạn trấn an mọi người. Khi ý kiến phân tán, công việc bị nhiều cản trở, muốn cho kế hoạch thông nhất về một mối, pháp lệnh chấp hành được thấu đáo không dùng thủ đoạn nghiêm khắc để đối phó không được. Ý đó cũng giải thích cho câu “không dùng thủ đoạn dữ dằn, thì làm sao tỏ được lòng bồ tát”.

“Trị loạn thế thì dùng biện pháp cứng rắn, trị loạn quân thì dùng hình phạt nghiêm minh”. Khổng Tử chu di Thiệu Chính Mậu, tuy không hợp tình lý, nhưng quyền thuật gian xảo, cũng nhờ nhát dao đó mà quần thần sợ hãi, từ tỉnh đến quê đều yên hàn. Lúc Khổng Minh gạt nước mắt mà chém Mã Tốc đã nói:

- Xưa Tôn Vũ sở dĩ thắng được thiên hạ, chính vì phép tắc nghiêm minh, nay bốn phương tranh giành nhau, việc quân mới bắt đầu, nếu bỏ phép tắc thì làm sao dẹp được giặc, quân luật không nghiêm minh thì làm sao thuyết phục được mọi người. Đó là chiến thuật dẹp loạn và trị loạn, là sự vận dụng khéo léo kế “giết gà răn khỉ”.

Con người vốn rất thần bí, xã hội càng phức tạp càng trở nên khôn ngoan xảo trá, ai cũng có chủ trương của mình, người nào cũng làm theo ý mình, nếu không hạn chế lại ở một phạm vi nào, thì sẽ đi đến chỗ trái phải không phân biệt rõ, ai muốn làm gì thì làm. Cho nên đời loạn thì anh hùng nhiều, đời thịnh thì ít anh hùng, tức là cái phạm vi đó hạn chế có chặt hay không? Anh hùng nhiều, với một quốc gia, một xã hội, chưa hẳn là điều tốt. Anh hùng,

nghư một con mọt trong cái cây khô. Loại hảo hán ấy tham lam, thô bạo, luôn luôn háo loạn, hoặc phao tin lên mà gây loạn, hoặc xâu chuối đi tạo phản, tóm lại là chỉ sợ không loạn, loạn thì dân không được yên, dân không được yên thì dễ thực hiện ý đồ của họ. Giống như ông thợ hàn nôi, trước khi hàn còn ó) ý khoét to chỗ thủng để thi thố tài nghệ khoét càng rộng càng thể hiện được tài nghệ cao siêu của mình. Hãy ngẫm trong lịch sử Trung Quốc mà xem, có triều đại nào mà lại không khoét thủng to ra xong mới ngồi vá lại.

Để củng cố trật tự xã hội, ổn định đời sống của nhân dân, đối với những người làm loạn như thế phải trị cho nghiêm, trị cho đau. Lấy vài cái đầu cho chúng nhìn, đó là chiến thuật đánh vào lòng người kiểu “chưa thấy quan tài chưa rơi nước mắt, nhìn thấy quan tài thì khóc như mưa”. Ý nghĩa của “giết gà răn khỉ” chính là ở đó.

Sau khi Khương Thái Công giết Thương Trụ lập nền móng cho nhà Chu, là để dựng nên một loạt nhân tài phụng sự cho quốc gia.

Nước Tề có một bậc hiền nhân tên là Cuồng Duệ, sống trong vùng rất được lòng dân, Khương Thái Công biết tên muốn mời ông này ra làm việc, đến thăm nhà ba lần thì cả ba đều bị đóng cửa không tiếp.

Khương Thái Công đột nhiên đem giết Cuồng Duệ đi, Châu Công Đán muốn cứu cũng không kịp, liền hỏi:

- Cuồng Duệ là một bậc hiền tài, không màng phú quý hiển đạt, tự mình đào giếng lấy nước uống, cày ruộng lấy gạo ăn, đúng là người ẩn dật không lụy đến đời, có sao lại đem giết ông ta đi?

Khương Thái Công đáp:

- Trong bốn bể, đâu không là đất của vua, từ lính đến quan, ai không là bầy tôi của vua. Khi thiên hạ thái bình thì mọi người đều nên góp sức góp công với nước, chỉ nên có hai lập trường, không ủng hộ thì là chống lại, tuyệt đối không cho phép tồn tại tư tưởng do dự hay trung lập, với thái độ không hợp tác như thế của Cuồng Duệ, nếu mọi người đều bắt chước thế thì làm gì còn có người dân có ích, cho nên giết ông ta mục đích là ở chỗ răn đe.

Quả nhiên là qua cái giết đó, những người đứng dưng với nhà Chu thôi không còn dám tỏ ra thanh cao mà ở ẩn nữa.

PHẠM QUÂN LỆNH, HÀN TÍN CHÉM ÂN CÁI

Hàn Tín ở đời nhà Hán, xuất thân hàn vi. Từ khi được Lưu Bang phong cho làm tướng, bị các lão thần võ tướng lớp trước coi thường sau lưng bàn tán rầm rầm.

Sau khi nhận chức, Hàn Tín đặt ra phép tắc rất nghiêm. Một hôm Hàn Tín tập hợp quân thao diễn, hẹn đến lúc canh năm, tất cả phải báo danh. Điểm danh xong, chỉ có giám quân Ân Cái là chưa đến. Hàn Tín cũng không hỏi thêm, bắt đầu diễn tập.

Đến quá trưa Ân Cái mới từ ngoài doanh trại vào, đến viên môn định đi vào trong, người gác cửa ngăn lại nói:

- Nguyên soái đã cho diễn tập nửa buổi, không có lệnh trên, không dám cho ai vào!

An Cái nổi giận lên nói:

- Nguyên soái quái gì? Đúng là tiểu nhân đắc chí, làm bậy làm bạ! Được, mày đi mà hỏi đi.

Được một lát, lính truyền lệnh cầm chỉ bài trả lời một tiếng: "Mời!".

Ân Cái khệnh khạng bước vào, thấy Hàn Tín, chỉ chấp tay ra hiệu chào mà không nói như còn chưa hết giận. Hàn Tín hỏi:

- Quân có cấm lệnh, Hán Vương cũng đã chỉ dụ, ông là một giám quân, mà có gì đến muộn?- Rồi quay hỏi viên quan coi giờ - Bây giờ là giờ nào?

- Dạ đã quá Ngọ rồi ạ!- Quan coi giờ đáp.

- Sớm đã ra lệnh năm ba lượt, hẹn giờ Mão phải đến đủ, quá sáu, bảy tiếng đồng hồ ông mới đến, rõ ràng là xem thường quân lệnh, theo luật là đáng chém - Hàn Tín nói với Ân Cái một cách nghiêm túc.

Ân Cái còn chưa nghe ra, cố cãi lại, không coi Hàn Tín ra gì cả. Hàn Tín nổi giận, hô quân tả hữu trói Ân Cái lại, bắt quỳ dưới trướng, chỉ ra từng tội:

- Ông là một đại tướng há lại chẳng biết, ngày nhận lệnh trên phải quên cả nhà, muốn giữ hẹn của giám quân thì phải quên người thân, khi đánh địch thì phải quên cả thân mình. Ông đã đem thân vì nước sao còn quyến tình cha con, thân thích? Quay sang hỏi quan quân chính- Ân Cái vi phạm quân lệnh, tội ở điểm nào?

Tào Sâm lớn tiếng thưa:

- Việc quân đã hẹn, lại đến trễ giờ là tội làm chậm quân, đáng chém ạ!

Ân Cái lúc này mỗi biết đã mang họa, sợ đến mức hồn lìa khỏi xác, vội đưa mắt nhìn Phàn Khoái, mong sẽ được xin tha, nhưng Phàn Khoái cũng không mở mồm ra được, cũng không ra khỏi doanh trại được, 'nên chỉ đành dậm chân sốt ruột. Ngoài viên môn có người biết tin này vội đi báo với Hán Vương Lưu Bang, Lưu Bang cũng giật mình kinh hoảng, vội cử Lê Sinh mang thư tay đi để xin tha.

Lê Sinh mang theo đội tùy tùng cấp tốc đến viên môn, vừa nhìn thấy Ân Cái đang quỳ dưới đất đợi hình phạt, vội kêu to lên:

- Có thủ dụ của Hán Vương, hãy dừng tay đao lại!- Hai ngựa xông vào trong doanh trại, bị quân sĩ ngoài cổng giữ lại, đưa lên gặp Hàn Tín. Hàn Tín nói:

- Trong quân không được cưỡi ngựa, Lê đại phu rất thuộc binh pháp, sao lại cố ý vi phạm quân pháp? - Lê Sinh đáp:

- Tôi đến theo lệnh của Hán Vương.

- vẫn biết đến theo lệnh vua nhưng vẫn vi phạm quân pháp Hàn Tín nói xong, quay hỏi quan quân chính - Lê đại phu mắc tội gì?

- Trong quân có ai cưỡi ngựa, là mắc vào tội khinh quân, đáng chém đầu giữa ba quân ạ!

Hàn Tín nói:

- Vì có mang theo chỉ dụ của vua, nên miễn tội chết, nhưng phải chém phu ngựa để cho nghiêm quân lệnh.

Chẳng mấy chốc Ân Cái và tên phu ngựa bị đem chém. Từ đó, các binh sĩ ngoan ngoãn không dám trái quân lệnh, một lòng một dạ nghe theo sự chỉ huy của Hàn Tín, như thế mới ép cho Hạng Vũ tự tử ở Ô Giang, lấy được thiên hạ về cho Lưu Bang.

Ở thời Chiến Quốc Nhượng Thục cũng đã từng dùng cách này chém Trang cố phục hưng được nước Tề. Thời Tam Quốc, Lã Mông đã chém một quân sĩ đồng hương làm cho kỷ luật nghiêm minh, mới hay kế này mục đích ở chỗ là ra oai, có tác dụng trấn áp, cho nên có câu “mượn đầu người, bình vật giá” cũng không ngoài ý nghĩa đó.

TÔN VŨ HUẤN LUYỆN ĐỘI NỮ BINH

Tôn Vũ thời Xuân Thu, nổi tiếng là có mười ba tập binh thư, Ngô Vương là Hạp Lư xem qua khen là kỳ tài, bèn sai Ngũ Tử Tư mời đến để làm việc.

Sau khi gặp mặt, Ngô Vương nói đến việc nước mình binh yếu tướng ít, hỏi làm thế nào để cho quân nhiều nước mạnh? Tôn Vũ sau khi phân tích tình thế trước mắt, mới nói:

- Mười ba tập binh pháp của thần, chẳng những dùng được trong quân lữ, mà còn có thể tập hợp đàn bà con gái mà dùng cũng được.

Ngô Vương cười lớn nói:

- Xưa nay ta chưa từng nghe nói có thể huấn luyện đàn bà con gái ra chiến trường giết giặc được!

Xem ra nhà vua có chút xem thường, Tôn Vũ nói:

- Không tin xin nhà vua cứ thử xem, nếu không thành công, thần cam chịu tội đối vua!

- Có thật không? - Ngô Vương nói- Để xem tài của ngươi ra sao.

Nói xong, Ngô Vương cho chọn ở trong cung ra 300 cung nữ giao cho Tôn Vũ điều khiển.

Tôn Vũ lại xin nhà vua cho hai người tì thiếp yêu của mình đi làm đội trưởng hai đội, để dễ gọi bảo. Ngô Vương bằng lòng, cho gọi hai người vốn được yêu mến là tả cơ và hữu cơ ra, nói với Tôn Vũ:

- Đây là hai người mà quả nhân yêu dấu nhất, có thể cho làm đội trưởng được không?

Tôn Vũ nói:

- Dạ! Nhưng việc trong quân lữ, kỷ luật rất nghiêm, có thưởng có phạt, thì hiệu lệnh mới được!

Liền ngay sau đó lệnh cho hai người làm đội trưởng, một người làm chấp pháp, hai người làm quân sử, lấy một số làm nha tướng, làm người gõ trống, thổi kèn ra lệnh Tôn Vũ sắp xếp cung nữ thành hai đội Tả và Hữu. Hữu Cơ quản hữu đội Tả Cơ coi tả đội, mọi người đều mang binh khí và được dạy về quân pháp như sau:

- Một là hàng ngũ không được lộn xộn, hai là không được hói chuyện gây ồn ào, ba là không được sai hẹn, tự ý hành động.

Sáng sớm ngày hôm sau, tất cả tập hợp ra thao trường tập luyện. Ngô Vương cũng ngồi xem trên lầu. Hơn ba trăm nữ binh tất cả được vũ trang đầy đủ, tay phải cầm kiếm, tay trái cầm lá chắn chia ra đứng hai bên. Ngô Vương thấy hai người yêu dấu của mình oai phong凛冽,, lòng bỗng thấy rất vui.

Tôn Vũ ra khỏi trướng, truyền lệnh bài binh bố trận, giao hai lá cờ vàng cho hai đội trưởng lệnh cho làm tiền đạo, các nữ binh khác đi theo sau đội trưởng, năm người là một ngũ, mười người là tổng, phải bám sát nhau không được rời nhau. Nghe trống mà tiến mà lùi, không được bước lộn xộn.

Truyền dụ đã xong lệnh đội ngũ quỳ xuống để nghe lệnh. Một lát, Tôn Vũ lại ra mệnh lệnh: Một tiếng trống, hai đội cùng đứng dậy, một tiếng trống nữa, tả đội quay bên phải, hữu đội quay bên trái, tiếng trống nữa, tả đội quay bên phải, hữu đội quay bên trái, tiếng trống thứ ba hai bên nâng kiếm đánh vào nhau. Khi có tiếng thanh la mới là lúc thu quân.

Hiệu lệnh vừa truyền đi, các chị em đều bịt miệng cười, Người thúc trống bấm báo: Trống thúc một lượt rồi, nhưng chị em người đứng, người ngồi, nhấp nha nhấp nhô...

Tôn Vũ dõng dạc nói nghiêm chỉnh:

- Giao hẹn không rõ ràng, đưa lệnh không tinh sẽ là có tội, có thể nhắc lại lệnh cũ, giải thích rõ ràng.

Quân sử lại vâng lệnh lớn tiếng cáo dụ một lần. Người thúc trống lại thúc trống lần nữa, nhưng chị em vẫn cười nói như cũ, chen vai thích cánh cứ như tuồng đi xem hội.

Tôn Vũ vén tay áo đứng dậy, tự mình đóng trống lần nữa, lại ra lệnh giải thích lần nữa, nhưng từ đội trưởng trở xuống, chẳng ai là không cười không nói, tiếng nhận tiếng oanh, líu ríu như bầy chim về tổ.

Tôn Vũ bỗng nhiên trừng mắt, ra oai dữ tợn, hô to:

- Chấp pháp sử ở đâu.

- Có!

- Giao hẹn không rõ, truyền lệnh không tinh, tức là có tội, nay đã giao hẹn ba lần mà binh lính không nghe lệnh, theo quân pháp thì là tội gì?

- Đáng chém đầu!

- Quân sĩ không thể đem mà chém hết, tội trách nhiệm là người đứng đầu. Quân bay đầu, đem chém đầu đội trưởng.

Tả hữu thấy Tôn Vũ nổi giận thực sự, không dám trái lệnh, liền đem trói hai người Cơ lại.

Ngô Vương nhìn thấy giạt mình kinh ngạc, vội sai người ra lệnh đi cứu, lệnh viết: “Quả nhân đã biết tài cầm quân của tướng quân, song hai nàng Cơ là người yêu quý nhất của quả nhân, không có hai người này, ăn không ngon ngủ không yên, xin hãy nể mặt quả nhân xá tội cho một lần!”

Tôn Vũ từ chối nói:

- Trong quân không nói đùa được, thần đã phụng mệnh là tướng, tướng ở ngoài, lệnh vua có thể có cái không theo, nếu theo quân lệnh xá miễn cho người sai trái, sau này lấy gì thuyết phục binh lính. Chém!

Chẳng mấy chốc, đầu của hai người được bêu lên, cung nữ ai ai cũng sờn gai ốc, run cầm cập, lấm la lấm lét quỳ dưới trướng chờ lệnh.

Qua vụ đó, toàn quân nghiêm trang, tiến thoái phải trái đều răn rắp đầu ra dấy. Chỉ có Ngô Vương là vẫn còn xót thương hai chiến hữu từng chung chăn gối. *

ĐỂ HẢ LÒNG QUAN XỬ BẢN HOÀNG PHÚC CỬ

Thời đầu kháng chiến ở Trung Quốc, những người nắm quyền quân chính như Tưởng Trung Chính, Uông Tinh Vệ, Bạch Sùng Hy, Chánh văn phòng Viện hành chính Quốc gia Hoàng Đốc v.v... đã có một cuộc nhóm họp bí mật ở Nam Kinh, nêu ra quyết sách là phải lập tức phong tỏa Trường Giang để bắt sống hạm đội của Nhật hiện đang tuần du ở Vũ Hán. Kế hoạch cực kỳ bí mật này, ngoài những người đến họp, không một ai được biết. Ai ngờ hạm đội của Nhật đã nhận được tình báo, ngay đêm đã lên đường chạy thực mạng ra khỏi Vũ Hán để về Thượng Hải. Những người cầm quyền hết sức kinh ngạc, rõ ràng là trong nhóm

họp hôm ấy có người tư thông với địch, thế là mật lệnh cho Bộ Tư lệnh hiến binh cho trinh sát, phải làm sao lôi được cái người đó ra. Kết quả là chỉ ngay sau đó không lâu đã tìm ra tên bán nước tư thông với địch đó là Hoàng Đốc. Mỗi lần có văn kiện bí mật, hắn đều để vào cái mũ dạ, khi hẹn gặp gián điệp của địch tại phòng trà nào đó, không cần nói chuyện gì với nhau, mà hẹn nhau đội cùng một thứ mũ màu và vật liệu như nhau đến chỗ hẹn, cùng treo mũ vào một chỗ, lúc ra đi, người nọ lấy mũ của người kia mang đi. Trong mũ của hắn là những văn kiện bí mật bán rẻ Tổ quốc, trong cái mũ của người Nhật Bản cũng có những văn kiện yêu cầu hắn bước sau đó phải làm những gì. Sau khi Chính phủ đã điều tra ra, đã hạ lệnh xử bắn để trừ. Làm như thế, trừ được Hán gian và làm cho những người có “Bệnh sợ Nhật” ý chí lung lay cũng không dám bàn nhảm nhí hoặc nuôi ý đồ phản nghịch.

Hoàng Phúc Cử là Chủ tịch tỉnh Sơn Đông, thời chiến tranh cũng thường tư thông với Nhật, không, không nghe theo sự chỉ huy của trung ương, gom quân tự xưng hùng, làm trể nải quân cơ, để đến nỗi các thành phố có tiếng của Sơn Đông, Sơn Tây lần lượt rơi vào tay giặc. Trung ương thấy rất nguy hiểm, bèn lập mưu để bắt Hoàng Phúc Cử, giải về Vũ Hán xử bắn. Giết một tên quân phiệt, ý chí kháng chiến càng thêm vững, sĩ khí càng hăng hái, dẫn đến hàng loạt các trận hội chiến thắng lợi sau này, đó chính là công hiệu của kế “giết gà răn khi”.

Khi những người cầm quyền cao nhất ở Trung ương mật lệnh bắt Hoàng Phúc Cử, đã hết sức thận trọng, trước hết là Bộ thống soái tuyên bố, mở cuộc họp quân sự cao cấp tại Khai Phong tỉnh Hà Nam, thông báo lệnh cho các chỉ huy chủ chốt các phương diện quân phải về dự họp. Hoàng Phúc Cử lúc đó là Tư lệnh tập đoàn quân số Một, đương nhiên là phải theo lệnh đến họp. Thế nhưng hắn lại mang theo một lữ quân súng lục tinh nhuệ, đi theo xe lửa hộ tống, không rời một bước để bảo vệ hắn.

Đoàn xe lửa mà Hoàng đang đi đến gần ga trung chuyển bỗng dừng lại có báo động đột xuất, - hàng loạt máy bay xuất hiện trên trời, các xe lửa đều cấp tốc rời ra sơ tán. Xe của Hoàng cũng vội vã chạy đi, qua các động tác của nhân viên tình báo, đã làm cho toa xe của Hoàng Phúc Cử đang ngồi tách khỏi toa xe của bọn lính bảo vệ, đoàn tàu chạy thẳng tới Trịnh Châu, Hoàng phải ngoan ngoãn đưa tay chịu trói. Thì ra cuộc báo động và những chiếc máy bay quần đảo trên trời đều do cấp trên sắp đặt, mục đích là tách được Hoàng ra khỏi đội bảo vệ, đề tránh phải xô xát bằng vũ trang.

Sau khi Hoàng bị bắt, giải đến Vũ Hán, Uỷ ban quân pháp đã cho mở phiên tòa do Lư Chung Lân làm chánh án, tuyên án tử hình Hoàng Phúc Cử.

KẾ § 24 TRỘM RỒNG THAY PHƯỢNG

VƯỢT BIÊN VỀ ĐỒNG NHẬT BẢN ĐỐI TRỘM CHUÔNG HÀN SAN
TRỘM RỒNG THAY PHƯỢNG TRIỆU CAO SỬA CHIẾU LẬP HỒ HỢI

Trộm rồng thay phượng hay trộm xà thay cột, giải thích theo nghĩa hẹp là dối trên lừa dưới, cướp đoạt chính quyền. Nói theo nghĩa rộng, phàm là dùng thủ đoạn độc ác, đổi hàng thật, thay bằng hàng giả để lừa bịp người khác, đều gọi là trộm rồng thay phượng.

Kế này áp dụng trong thương trường và quan trường tương đối phổ biến, ví dụ mua tơ lụa thật mà lại hóa thành vải thổ, chở đá quý mà thành ra đá vôi. Trong quan trường lại càng nhiều màu sắc, thời kỳ kháng chiến có chuyện Chính phủ Trung ương cho chở một ít gạo đi cứu tế cho dân ở vùng bị thiên tai, chở đến tỉnh, đã biến thành gạo hầm, từ tỉnh đến huyện, số gạo đang chở nửa đường bỗng hóa phép thành gạo lặn tằm, cám và đến xã đến thôn lại biến thành gạo tằm, đó là cách vận dụng khéo léo của kế “trộm rồng thay phượng”. Cho dù anh có được lòng dân chúng, song bọn tham quan dính tay vào đó, đã giắt lưng một khoản lớn trốn ra nước ngoài ngồi không tận hưởng.

Sử sách cũng còn ghi chuyện “mèo rừng đuổi Thái tử”, mới là điển hình của kế này.

Đó là vào thời Tông Chân Tông, Đông cung Hoàng hậu Chương Hiến không có con, thị tì của hoàng hậu (sau này là Lý Thần Phi) đã để cho vua yêu mấy lần, kết quả là “yêu” to cả bụng lên.

Hoàng hậu biết rằng đó là hàng “thứ thiệt” của nhà vua, sợ rằng chẳng may sinh ra con trai, sẽ lập nên làm Thái tử, trong tương lai con quý mẹ thơm lây, thị tì sẽ thành nương nương, đầy mình vào lãnh cung. Thế là Hoàng hậu liền nghĩ ngay ra kế “trộm rồng thay phượng”, thực hành kiểu đục nước béo cò, bèn cũng giả làm bụng to bằng cách nhét vào đó một cái gối, giấu Chân Tông, nói rằng cũng mới mang thai. Sau đó mua chuộc số thị tì gần gũi, theo dõi hành động và diễn biến của Thần Phi. Đến lúc Thần Phi trở dạ, và sinh được con trai, Hoàng hậu cho người kiếm một con mèo mới đẻ đem đổi vào đó, bế đứa trẻ về trao

cho hoàng hậu. Hoàng hậu cũng nhân dịp này cởi bỏ vật độn trong bụng, nói mình sinh con trai.

Bởi thế mà Hoàng hậu luôn luôn coi đứa trẻ như máu thịt của chính mình. Sau được lập thành Thái tử đến lúc lên ngôi Hoàng đế, đó là Tống Nhân Tông. Ngôi Hoàng hậu của ả từ đầu đến cuối không hề bị lung lay, bá chủ đông cung cho đến lúc chết (tục truyền Bao Công xử án Quách Hòe, không phải là sử liệu đáng tin, chỉ là kịch bản sân khấu mà thôi).

Đời nhà Thanh cũng đã từng dùng kế “trộm rồng thay phượng” để cướp quyền. Tục truyền nhân vật chủ yếu là Hoàng đế Ung Chính.

Ung Chính nguyên là con trai thứ tư của Khang Hy, là một thiếu niên vô lại, ham mê tửu sắc bài bạc, cái gì cũng hay, không được Khang Hy yêu mến nên bỏ ra nước ngoài giao du với một số kiếm khách gồm mười -ba người nên mới đặt tên bè đảng là “thập tam thái bảo”, đều là loại hư đến đến tột đỉnh.

Khang Hy tuổi đã cao, còn chưa chỉ định người thừa kế. Đến khi lâm bệnh nặng, mới viết một đạo di chiếu trong đó ghi rằng: “Trẫm truyền cho vị hoàng tử thứ mười bốn lập tức kế thừa đại thống”. Hoàng tử thứ mười bốn cũng là người hiền tài thông minh lúc đó đang thừa lệnh xuất chinh ở Tây Bắc.

Ung Chính biết được tin này bèn tụ họp các kiếm khách, từ trong phòng kín lấy trộm tờ mật chiếu ra, đem chữa chữ thập (là mười) thêm một nét thành chữ ư (là cho), ý nghĩa câu đó thay đổi đi thành ra “truyền ngôi cho hoàng tử thứ tư lập tức kế thừa đại thông” rồi giữ luôn bên mình, đem vào cung thăm bệnh cha. Trước đó đã dặn người tâm phúc canh ngoài cửa không cho ai đi qua.

Lúc này Khang Hy đang hấp hối, cho gọi các đại thần vào cung nhưng chẳng có ai đến, mở mắt 296 ra, chỉ thấy con trai thứ tư đang ở bên giường, bụng đã nghĩ rằng thằng con lưu manh này đã bao vây cách ly mình rồi, liền nổi giận, thuận tay ném chuỗi tràng hạt ra, sau đó trút hơi thở cuối cùng.

Ung Chính bèn lập tức chiêu tập đại thần tuyên đọc di chiếu và đưa ra chuỗi tràng hạt là vật Khang Hy yêu quý nhất làm chứng. Các quan chẳng biết thật giả ra sao bèn tôn người này lên làm vua.

Đó là ví dụ việc dùng kế “trộm rồng thay phượng” để cướp ngôi vua, còn một vụ bất ngờ có ảnh hưởng lớn nhất, là chuyện Triệu Cao sửa chiếu lập Hồ Hối. Triệu Cao tức là nhà quyền mưu chỉ lừa ra ngựa, môn kịch sở trường của ông ta là trở tài trong việc “trộm cái nọ, đổi cái kia”, đã từng hại Phù Tô, chu di Lý Tư, giết Mông Điềm, bức Chu Hối, đem giang sơn mà Tần Thủy Hoàng muốn truyền lại ngàn đời chia rẽ ra.

TRIỆU CAO SỬA CHIẾU LẬP HỒ HỐI

Tần Thủy Hoàng đi tuần thú các nơi, đến Sa Khuru, bỗng nhiên bệnh cũ tái phát, các thầy thuốc đều bó tay.

Do biết được ngày chết đến gần, nên Tần Thủy Hoàng bèn nói riêng với thừa Tướng Lý Tư:

- Bệnh của ta chắc chắn không khỏi được, khanh đã phò trợ ta từng ấy năm, việc lớn việc nhỏ đều giải quyết giúp ta, ta tất tin ở khanh, tin tấm lòng trung thành của khanh. Rất tiếc ta xấu số chết non, không thể ở cùng khanh hưởng vinh hoa phú quý. Nói tới đây, hai người đều chứa chan nước mắt, Tần Thủy Hoàng tiếp- Sau khi ta chết, khanh hãy phò trợ cho thái tử Phù Tô làm Hoàng đế, Thái tử là người thông minh, được việc, dân chúng yêu vì, hoàn toàn có thể nối được nghiệp cha. Khanh hãy đem tấm lòng phò trợ ta xưa nay để giúp con ta lên ngôi, ta nhắm mắt mới yên lòng.

Tiếp đó nhà vua cho triệu tập con thứ Hồ Hối và các quan lại trong triều như Triệu Cao v.v... vào cùng, đưa ấn tín và di chiếu vào tay Lý Tư trước mặt đông đảo mọi người và nói:

- Xem ra ta sắp sửa vĩnh viễn xa các khanh rồi, công việc sau này ta nhờ vào thừa tướng thay ta lo liệu, việc lớn việc nhỏ sau này, các khanh phải nghe lời Thừa tướng, không ai được ân ở hai lòng. Thái tử Phù Tô là con người được việc. Ôi, thật là tiếc lúc ta đã xốc nổi điều con ta lên phía Bắc để theo đại tướng Mông Điềm. Ta đã căn dặn Thừa tướng phò cho con ta kế vị, các khanh hãy hiểu cho nỗi khổ tâm của ta, hãy hết lòng trung thành ủng hộ con ta. Hiện nay đất nước tuy yên ổn, nhưng tàn dư của các thế lực ở các địa phương vẫn còn chưa được quét sạch hết, lúc nào cũng có khả năng chúng ngóc đầu dậy. Sau khi ta chết tuyệt đối chớ nên loan tin này đi, nếu không dễ gây ra rối loạn, đợi khi nào linh cửu đưa về

tối Hàm Dương rồi mới được công khai việc tang, giúp cho Thái tử lên ngôi, như thế có thể đề phòng được mọi sự rối loạn.

Mấy hôm sau Tần Thủy Hoàng chết, Lý Tư làm theo lời dặn dò, giữ kín không phát tang, trên đường về Hàm Dương, đặt thi thể của Tần Thủy Hoàng lên một cái xe mát mẻ, mọi việc ăn uống vẫn giữ như thường ngày, ngoài mấy viên quan thân cận, chẳng một ai biết điều bí mật đó. Lúc đó vào mùa hè, lại sợ cái thây sẽ bốc mùi thối cho nên đằng trước đằng sau xe chở thi thể, bố trí mấy xe chở tôm, cá tươi cùng đi, nói rằng Hàm Dương không có tôm cá tươi, chở về để dùng cho nhà bếp của hoàng cung, thực ra là dùng mùi tanh của tôm cá át mùi thối của thi thể.

Di chiếu là lập Thái tử Phù Tô kế vị, lúc này còn chưa kịp cho người đi loan báo cho Phù Tô. Triệu Cao là nhân vật Thái tử vốn khinh ghét, hấn sợ rằng khi Thái tử lên ngôi sẽ có điều bất lợi cho mình, bèn vội vàng vàng đi gặp Lý Tư một cách lén lút, nói rằng:

- Đại trượng phu không thể sống một ngày không quyền lực, mất quyền lực cũng như mất đi sinh mạng, tôi muốn bàn với Thừa tướng việc hôm nay là sửa di chiếu đi, lập con thứ là Hồ Hợi lên ngôi vua, không biết ý Thừa tướng thế nào?

Lý Tư mới nghe thế đã kinh hãi rụng rời, vội ngăn lại, nghiêm sắc mặt nói:

- Không được! Không được làm thế! Như vậy sẽ dẫn đến rối loạn, dẫn đến mất nước!

- Thế nhưng- Triệu Cao là con người rất biết nhìn sắc mặt, hấn liếc nhìn trộm Lý Tư, rồi lại chậm rãi nói tiếp - Tôi có một câu hơi khó nghe muốn xin hỏi thừa tướng:

- Xin hỏi rằng ngài đã tự hỏi giữa ngài và Mông Điềm thì thái tử gần gũi ai hơn.

- Đương nhiên là ta không bằng Mông Tướng quân.

- Vậy thì hay quá! Cớ sao thừa tướng không nghĩ xem, Phù Tô là một con người tuyệt đỉnh thông minh, phán đoán sự việc rất chính xác, dũng cảm quả đoán, ngày nay lại được Mông Điềm ủng hộ về quân sự, lại càng như hổ thêm nanh vuốt. Huống chi, hàng ngày ông ta lại không có cảm tình gì mấy với Thừa tướng, nếu như ông ta kế thừa ngôi vua vừa lấy chỗ thân tình vừa lấy lý do, tất nhiên sẽ đưa Mông Điềm lên ngôi Thừa tướng, cách chức của ngài đi, phế xuống hàng thứ dân. Ôi đã gọi là rắn vờn trong sương, rồng bay trên mây, sương tan mây bay thì có khác chi loài giun đất. Thầy dạy của ngài là Hàn Phi Tử cũng đã

từng nói đó sao? Có người yêu chúa thì khôn mà biết tăng thêm lòng thân, có người ghét chúa thì khôn mà không thấy tội mà thêm xa. Đến lúc ấy, ngài đang là một người ở địa vị chi phối người khác, bỗng trở thành người bị người khác chi phối, chỉ cần ông ta ra chỉ dụ, ngài sẽ là người chết chẳng ai ngó, cũng không có đất mà chôn.

Những lời lẽ đó, làm cho Lý Tư ngẫm toát mồ hôi hột, suy nghĩ một hồi lâu mới chậm rãi nói:

- Lời ông nói không phải không có lý, có điều di chiếu là ý của Tiên vương, làm sao mà có thể tùy tiện sửa đổi được!

Thấy ý chí của Lý Tư có chiều lung lay, Triệu Cao bèn cố hết sức mình, gang khôu gọi thêm mấy câu:

- Làm việc thì phải biết quyền biến, lựa gió mà kéo buồm, nếu cứ theo như di chiếu, đến lúc đã thành sự thực thì tính mạng của Thừa tướng đã khó mà bảo toàn, nếu kịp thời xoay chuyển tình thế, quyền lực có thể giữ được lâu dài, không sợ người ta ngầm tính toán. Hiện nay sự việc đã đến bước hết sức khẩn cấp, hai con đường cần phải chọn lựa thật hanh, hoặc là đưa cổ vào chịu chém, hoặc ra ra tay trước thì mạnh, kéo một mẻ lưới bắt sạch.

Lý Tư nghĩ ngợi khô sở hồi lâu, sau mới tỏ thái độ:

- Thôi được, việc này tùy ông định liệu.

Thấy Lý Tư đã bị thuyết phục, Triệu Cao hí hửng trong lòng đi tìm Hồ Hợi, mở miệng ra là nói ngay:

- Công tử có biết trước mắt có một vấn đề lớn cần giải quyết là gì không? Ôi! Sự thịnh suy của nước Tần, quyền lực còn hay mất đều do một tay Công tử, Thừa tướng và thần tôi. Nếu theo di chiếu lập Thái tử Phù Tô lên làm vua, thì mọi thứ quyền lợi đều vào tay ông ta, Công tử chẳng qua chỉ là một bậc thần tử bình thường, muốn được yêu vì kính ne như lúc tiên vương còn sống thật không thể có: Vấn đề này, thần tôi và Thừa tướng đã bàn định rồi, không biết đem sửa di chiếu đi, lập Công tử lên làm vua, cùng hưởng phú quý, không hiểu ý Công tử thế nào?

- Phế truất con trưởng lập con thứ, về mặt đạo nghĩa xem chừng nói khó xuôi - Hồ Hợi nói.

- Nếu giữ trọn đạo nghĩa thì tai hoạ lập tức ập xuống đầu, Công tử ủng hộ ông ta, nhưng ông ta sẽ không ủng hộ Công tử thì làm thế nào? Xin Công -tử cân nhắc cho rõ ràng, tránh rồi hối hận không kịp.

Hồ Hợi không hề có chút gì là chủ kiến đáp:

- Ta không có ý kiến gì, các ông thấy làm sao cho tiện thì đi mà làm!

Thế là Triệu Cao và Lý Tư đã sửa di chiếu, còn bịa ra một bức thánh chỉ, sai người mang đưa cho Thái tử Phù Tô.

Chiếu thư viết rằng: “Thủy Hoàng đế xuống chiếu rằng ba đời lấy hiếu làm chủ, mà tôn trọng cái gốc đó, cha lấy đấy làm điều luân lý, con lấy đó làm điều trung. Làm trái lại là đảo ngược luân thường, vô đạo đức. Con trưởng Phù Tô, không xứng để kế thừa thế mệnh, mở đất lập công, song lại dám viết thư lên chê bai, làm điều ngang ngược. Nghĩ tình phụ tử, còn có thể tiếc thương, nhưng còn phép tắc của tô công, thì không thể tha thứ được, đã chiếu lập Hồ Hợi làm Thái tử, phế người xuống hàng thứ dân, rồi ban cho rượu thuốc và dao ngắn để tự giải quyết. Còn tướng quân Mông Diêm, đóng quân ở nước ngoài, không biết ăn năn khuyên giải, lẽ ra cũng phải chu di, nhưng nghĩ còn có chút công xây dựng thành trì, nên giữ làm Đốc lý. Nay chiếu thị để nơi nơi đều biết”.

Phù Tô căn bản không biết tin cha chết, đọc xong chiếu thư, nước mắt tràn trề.

- Quân bảo thần phải chết, không dám không chết, bố bảo con mất, con không dám không mất. Hôm nay vua cha bảo ta phải chết, ta không thể không tự tử mà chết. Thôi để ta uống rượu thịt mà chết, để tránh đầu lìa khỏi thân.

Nói xong cầm lấy bình rượu uống! Mông Diêm vội ngăn lại nói:

- Hoàng Thượng cử tôi đem 300 vạn quân trấn giữ biên cương, lại cho thái tử đến để đốn đốc, trách nhiệm rất nặng nề, tín nhiệm có tăng. Mà đã tăng tín nhiệm còn đòi chúng ta phải chết, thật chẳng có lý nào như thế. Trong này tất có sự lừa dối, chi bằng Công tử hãy về kinh hỏi cho rõ ràng, nếu quả thực như vậy, đến lúc ấy hãy chết cũng chưa muộn.

Phù Tô nói:

- Mệnh lệnh của vua cha đã ban ra, quyết không thể làm trái được, nếu là lại đi tâu hỏi, chẳng hóa ra tội ta lại nặng hơn sao? - Nói đoạn uống một hơi hết rượu.

Phù Tô chết, Hồ Hợi kế thừa ngôi vua, đó là đời thứ hai, quyền lớn của nhà nước thực ra là ở hết trong tay Lý Tư và Triệu Cao.

NHẬT BẢN ĐÓI TRỘM CHUÔNG HÀN SAN

Thơ cổ câu “Cô Tô thành ngoại Hàn San tự, dạ bán chung thanh đáo khách thuyền (chùa Hàn San ở ngoại thành Cô Tô, nửa đêm chuông chùa vang tới thuyền của khách). Chùa Hàn San này ở Phong Trấn cách thành phố Tô Châu 30 km, bắt đầu xây dựng từ đời nhà Lương, nguyên tên là tháp Viện Sá Lợi phổ Minh, do có các cao tăng như Hàn San, Thập Đắc tu hành ở đây, sau mới đổi tên là chùa Hàn San.

Trong chùa có hai quả chuông to, một ở gác chuông, một ở trong đại điện. Quả treo ở gác chuông, nguyên là đúc từ đời nhà Minh, sau bị mất đi, đến đời nhà Thanh mới đúc lại và giữ đến ngày nay. Quả treo ở đại điện, là chuông cổ đời nhà Đường. Ngôi chùa này tuy sửa chữa qua nhiều triều đại, nhưng quả chuông cổ đời Đường luôn được bảo tồn chu đáo. Cho đến đời Sùng Trinh nhà Minh, có hai nhà sư Nhật Bản du phương đến đó, biết lai lịch quả chuông này, bèn lấy trộm quả chuông cổ này, chở về Nhật Bản. Chùa Hàn San như thế là mất đi một vật có giá trị là quả chuông cổ đó. Đến đời nhà Thanh, Khang Hữu Vi lần đầu thăm chùa Hàn San, biết chuông cổ bị mất cấp rất lấy làm tức giận, từng viết một bài thơ, trong đó có câu: “Tiếng chuông đã vượt biển về phía Đông, lạnh thấu đến cây phong trên chùa Hàn San”. Câu thơ còn được khắc trên bia ở trong chùa. Sau này Khang Hữu Vi sang Nhật Bản, biết rằng cái chuông bị mất đang bày tại cung vua của Nhật Bản, bèn nói với Thủ tướng Nhật lúc đó là con người rất dễ làm thân, để lấy về. Nhưng không ngờ Thủ tướng Nhật lại dờ bài này, nói rằng quả 304 chuông đó đã mất rồi, chỉ có thể đúc một quả khác để bồi thường. Khang Hữu Vi không biết làm gì hơn, đành mang quả chuông Nhật Bản về chùa Hàn San. Quả chuông hiện nay treo trong đại điện của chùa này, chính là quả chuông ấy!

KẾ § 25 BẮT GIẶC PHẢI BẮT TƯỚNG

THÁI GIÁM CHUYÊN QUYÊN MINH ANH TỔNG GẬP BIÊN Ở TỔ MỘC
BẮT GIẶC PHẢI BẮT TƯỚNG TÂY MÔN BẢO TRƯNG TRỊ BỌN HƯƠNG THÂN

Câu “Bắt giặc phải bắt tướng” có xuất xứ từ thơ Đỗ Phủ “Giương cung phải giương mạnh, dùng tên chọn cái dài, bắn người nên bắn ngựa, bắt giặc bắt tướng tài”, ý nói rằng nếu như là để làm việc thì cần bắt tay vào từ những việc căn bản, nhưng dùng vào trường hợp kế sách tranh đấu với nhau thì phải nói là trong giờ phút quyết định, phải đặt trọng tâm công kích để đối phó với thủ lĩnh hay với bộ chỉ huy của phía địch, chỉ cần đánh đổ bộ phận đầu não của chúng thì sẽ làm cho tổ chức đó biến thành lũ rắn không đầu, bước tiến sẽ rối loạn như đổ ngược giỏ cua.

Thủ lĩnh là nhân vật nắm quyền thực tế mà lại có ảnh hưởng rộng lớn, không có những điều kiện đó, bất kể địa vị cao đến đâu cũng không có tác dụng, giống như vị hậu chúa A Đẩu thời Tam Quốc ngây ngô tột đỉnh chỉ biết ăn no uống say và chơi gái thì có lấy được cũng chẳng làm gì, bắt được về tay mình không khéo lại lỗ vốn khoản tiền ăn, còn thêm một gánh nặng, chẳng thà là thuộc hạ như Gia Cát Lượng, con người gắn liền với sự an nguy của quốc-gia và luôn luôn là đối tượng ganh ghét của nước đối địch. Phương ngôn có câu: “Đánh rắn phải đánh đập đầu” tức là khi đánh rắn thì phải nhằm trúng vào chỗ phạm của nó mà ra tay, vụt một gậy là kết liễu đời nó. Nếu không đánh trúng vào chỗ phạm, thì rắn sẽ leo lên đầu gậy và thế tất sẽ cắn lại một miếng.

Thủ lĩnh là hạt nhân đoàn kết của một tổ chức, là một mấu chốt trong một hành động tập thể, “bắt tướng”, tức là có thể làm rối loạn tổ chức của nó, phá hoại hệ thống hoạt động của nó, ít nhất cũng làm cho nội bộ có sự biến đổi.

Phương pháp để “bắt tướng” thì muốn hình muốn vẽ, bất kể là bắt bằng sức hay dụ bằng mưu, với nguyên tắc là “tìm mục đích”, tất nhiên là sẽ không từ thủ đoạn nào, như Trụ Vương giam lỏng Chu Vương ở Dữu Lý, như Tần Cối giả chiếu mười hai đạo kim bài để chiêu Nhạc Phi. Đó chính là cách vận dụng linh hoạt khi dùng kế này, giáo điều không thể được, cho nên người ta bảo “trò xiếc ai làm rồi cũng được, nhưng làm khéo hay không thì

mỗi người một khác”. Tóm lại mục tiêu là ở chỗ “bắt tướng”, trăm phương ngàn kế đều phải nghĩ đến tất là được, bất kể là dùng kiểu gì, qua những quá trình nào.

“Bắt tướng” có thể nói như là một nguyên tắc là phải bắt ra sao? Sẽ dùng liên với kế khác như “giấu trời qua biển”, “điệu hổ ly sơn” hay “mỹ nhân kế” v.v... đều có thể được. Tóm lại là tùy người mà làm, tùy thế mà hành động. Đối xử với một nhân vật anh hùng đã là “tướng” thì đạn hạt nhân hay quả tú cầu đều có hiệu lực như nhau, hư vinh và lợi lộc đều quan trọng như nhau, nhất là “đạn thịt” có khi còn có uy lực hơn cả đạn hạt nhân, đặt ra “trận bát quái trên chần gối” còn hơn là “long môn kim tỏa trận”. Cho nên người ta thường nói “xưa nay anh hùng đều hiếu sắc” thực là một câu đầy kinh nghiệm, như muốn bắt Ngô Vương là Phù Sai, đối phương đã dùng Tây Thi mê hoặc Lý Viên muốn đoạt quyền vị của Xuân Thân Quân, đã xúi giục em gái mình là Lý Yên ra làm tì thiếp. Đó là một loại bắt êm nhẹ có tính gián tiếp, tác dụng của nó là ý nghĩ “bắt” mục đích làm cho nó thôi giữa đi, dùng trong chính trị thì nhiều, chứ trong quân sự, muốn bắt, không ra tay cứng rắn không xong.

TÂY MÔN BÁO TRỪNG TRỊ BỌN HƯƠNG THÂN

Thời Nguyễn Văn Hầu, Tây Môn Báo làm hái thú ở Nghiệp Đô (tỉnh Hà Nam ngày nay). Sau khi Tây Môn Báo nhậm chức, thấy xóm thôn vắng vẻ, dân chúng rất thưa thớt, bèn cho gọi người già trong vùng lại, hỏi trong dân gian có điều gì cơ khổ mà đến nông nổi này. Các cụ già đồng thanh đáp lại: khổ nhất là nạn lấy vợ cho Hà Bá.

- Lạ thật! Lạ thật! Hà Bá làm sao lại lấy vợ được? - Tây Môn Báo hết sức kinh ngạc lạ lùng hỏi tiếp - Thế nào trong này cũng có chuyện gì lắt léo đây, hãy nói cho ta nghe.

Một người trong đó nói:

- Chương thủy từ khe Chương Thủy tới, qua Sa Thành về phía Đông, đi qua Nghiệp Đô là sông Chương, Hà Bá là thần ở dưới sông Chương. Tương truyền là vị thần này thích con gái đẹp, mỗi năm phải hiến cho thần một người làm phu nhân thì bảo đảm gió thuận mưa hòa, được mùa mà người cũng khỏe, nếu không được thế, thần sông sẽ nổi giận tất sẽ làm cho nước sông tràn ngập, dân chúng bị chết đuối chết trôi. Tây Môn Báo lại hỏi:

- Rốt cuộc là ai gây ra cái trò này?

- Đây là một bọn “ôn thần” ở đây làm đấy ạ! ở vùng này thường xuyên bị thiên tai, dân chúng rất cực khổ, nhưng với việc này đâu dám không theo. Mỗi năm lớp ôn thần ấy lại đến với thổ hào, lý dịch cùng một lúc, thừa cơ vơ vét của dân hàng triệu bạc, ngoài một chút gọi là chi phí mua sắm đồ lễ cưới vợ cho Hà Bá, số còn lại bèn chia cho 5, lọt vào túi cá nhân.

- Hầy! - Cụ già nói ‘ Thủ hồi bị ép giữa thế lực công và tư, bà con ai mà dám hé miệng ra nói một nửa chữ không? Huống hồ bọn họ lại lấy cớ là phục vụ .cho bà con dân làng. Mỗi khi xuân sang, đến vụ gieo hạt là bọn ôn thần và hương thân lý dịch lại đi các nơi tìm con gái. Hễ thấy có người nào có đôi chút nhan sắc là họ báo người ấy có thể làm vợ Hà Bá được. Nếu có người làm cha làm mẹ nào không bằng lòng thì kiếm thêm một ít tiền đưa ra, bảo họ đi tìm người khác, ai không có tiền, chỉ có cách là đưa con gái ra cho họ. Như thế là bọn người này đưa con gái ra “hành cung” ở bờ sông, cho tắm rửa thay quần áo rồi chọn ngày tốt, trang điểm cho cô gái, thả trên một cái bè cỏ lênh đênh trên sông, trôi dập dờn một lúc rồi chìm xuống nước làm vợ Hà Bá. Cứ như thế phàm là nhà nào có con gái, đều lần lượt đi khỏi làng, cho nên người ở đây mới ít như thế.

Tây Môn Báo nghe kể, đôi mày mỗi lúc một nhíu. chặt lại theo câu chuyện, hỏi:

- Tình hình lụt lội hàng năm ở đây thế nào?

- Cũng còn khá lụt lội, hàng năm ở đây thế nào?

- Cũng còn khá đấy ạ!- Từ khi hàng năm tiến công con gái cho Hà Bá làm vợ, cũng chưa bị nước lụt tràn về làm nhiều nhà khuynh gia bại sản. Nhưng rất cuộc còn do ở đây địa thế cao, có nơi không có nguồn nước, không bị nước lụt, thì lại bị hạn hán thế mới khổ!

- Được rồi, - Tây Môn Báo cuối cùng nói - Nếu quả Hà Bá linh thiêng vậy, khi nào cưới vợ mới cho Hà Bá, hãy cho người đến báo ngay để ta ra dự lễ.

Đến ngày, quả nhiên các cụ già đến báo tin với Tây Môn Báo rằng vợ mới của Hà Bá năm nay đã chọn được rồi, ngày làm lễ cũng định rồi.

Đó là một ngày trịnh trọng, Tây Môn Báo mặc lễ phục triều đình, lệnh cho dân chúng và quan chức lớn nhỏ trong thành, trong xã đến dự. Bà con xa gần được tin cũng kéo nhau ra xem bên bờ sông có tới mấy trăm người, đông đúc chưa từng thấy.

Một vị chức dịch là “bà mối” đẩy bà đồng là người chủ sự bước ra. Tây Môn Báo nhìn xuống thấy một mụn già với vẻ mặt vênh vảng làm ra dáng ghê gớm lắm, theo sau mụn là một lũ đàn bà đệ tử hai chục người, quần áo chỉnh tề bùng bát hương khăn châu áo ngự đứng chờ hai bên.

Tây Môn Báo cất tiếng hỏi:

- Xin hãy đưa vị tân phu nhân của Hà Bá ra đây cho bản quan xem mặt được không?

Bà đồng không nói gì, chỉ đưa mắt cho đệ tử bảo đưa cô gái vào.

Tây Môn Báo rất cẩn thận kỹ càng ngắm ngía phu nhân tương lai của Hà Bá, thấy cô ta xiêm áo xuềnh xoàng, không có gì là sinh đẹp, mà mặt lại buồn xo bèn lên tiếng nói với bà đồng và các đệ tử đứng hai bên.

- Hà Bá là một vị thần linh hiển hách, lấy vợ phải chọn được người con gái đẹp tuyệt trần mới xứng đáng, ta thấy cô gái này xấu quá, không xứng làm vợ Hà Bá. Bây giờ mời bà đồng xuống báo cáo với Hà Bá rằng bản quan sẽ đi tìm một người đẹp hơn làm vợ Hà Bá rồi hẹn ngày khác sẽ tiến cống!

Vừa nói xong, Tây Môn Báo sai các vệ sĩ đem bà đồng vớt xuống sông. Bọn đệ tử hai bên kinh hồn bạt vía, Tây Môn Báo điềm tĩnh như không, ngồi chờ đợi. Một lát sau, lại nói:

- Mụn già này làm việc lè mề quá, đi báo tin mà lâu thế cũng chưa quay về, để cử thêm một đệ tử sốt sắng xuống xem sao? Thế là lại giục vệ sĩ quăng một đệ tử sốt sắng xuống sông xem, một lúc sau lại nói - Cả đệ tử cũng không về trả lời, lại bảo một người khác đi. Liên tục ném ba đệ tử xuống sông, chẳng một ai quay trở lại!

- À, phải rồi!- Tây Môn Báo nói như người đóng kịch - Bọn họ là hạng đàn bà con gái, không biết việc quan, để ta chọn một vị chức dịch năng nổ đi mới được!

Người chức dịch được chỉ định còn dùng dằng xin thôi, Tây Môn Báo bỗng quát to:

- Không được dùng dằng, đi nhanh lên rồi về!

Toán vệ sĩ kẻ lồi người đẩy, không nói một lời, “ùm” một tiếng, vớt tên chức dịch xuống, toé lên một lớp bọt trắng. Những người đứng xem ai cũng lắc đầu lè lưỡi, người đứng gần không dám cựa quậy, người ở xa thăm thì to nhỏ.

Lại thấy Tây Môn Báo chỉnh lại mũ áo, quay ra sông cung kính vái chào, chờ một lúc lâu, ông quan lại như có ý trách móc:

- Cái vị chức dịch này quả là đồ ăn hại, giá áo túi cơm, ngày ngày chỉ biết bòn rút dân, có một tí việc làm cũng không xong, thật là vô lý. Thôi được, đành là ông này già rồi không được việc, thôi mấy người trẻ tuổi hãy đi giúp ta một chuyến xem sao? Vừa nói ông vừa chỉ tay sang bọn lý trưởng, nha môn. Bọn này sợ tái mặt, toát mồ hôi hột vội quỳ xuống vái xin như bố củi.

- Hãy chờ một chút xem sao? Tây Môn Báo thở dài, nói với mọi người. Nước sông cuộn cuộn, đi rồi không trở lại, Hà Bá ở đâu? Giết uống đàn bà con gái, các người phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

- Bẩm đại nhân! Chúng tôi bị lừa gạt, tất cả đều do mụ đồng bầy đặt- Quần chúng đồng thanh tâu lên.

- Đồ chó chết - Tây Môn Báo vẫn nghiêm chỉnh trách mắng - Người tốt tại sao lại- vào hùa với bọn xấu để làm việc xấu! Hôm nay ta tha cho các người một lần, cho các người một dịp tốt để làm người tử tế.

- Đội ơn đại nhân.

- Thế nhưng, hôm nay tên ôn thần chủ mưu đã dền tội, sau này còn có chuyện Hà Bá lấy vợ, thì sẽ cử người ấy xuống sông làm mối báo tin.

Bởi vậy, đã tịch thu hết tài sản của bọn đồng bóng quàng xiên, chia hết cho dân chúng, đem gả hết bọn đàn bà dề tử làm vợ cho những người đứng tuổi chưa lấy được vợ. Những trò nhảm nhí lừa bịp được dẹp đi, dân chúng trốn tránh ở nơi khác cũng dần dà trở lại quê hương.

Tây Môn Báo lại khảo sát địa hình các vùng quanh đó, phát động dân chúng làm thủy lợi đưa nước Chương hà vào mười hai con mương, vừa giảm nhẹ phụ tải cho lòng sông, tránh nước lũ tràn dâng, lại tưới được cho cùnh cao khô cạn, tránh được nạn hạn hán, cho nên mùa màng bội thu, dân chúng no ấm, an cư lạc nghiệp.

MINH ANH TÔNG GẶP BIẾN Ở THỔ MỘC

Minh Anh Tông lên ngôi lúc chín tuổi, Thái giám Vương Chấn chuyên quyền, tác oai tác quái, quần thần trong triều quá nửa khinh ghét hẳn, thiên hạ cũng căm ghét, giận trong lòng mà không dám nói.

Năm Anh Tông hai mươi ba tuổi tức là vào tháng 7 năm Chính Thông thứ 14, Phiên Vương Khiết Tiên ở phía Bắc dấy binh xâm phạm biên cương, đánh thẳng vào Đại Đồng, quân sĩ giữ thành Đại Đồng thất thủ, tường thành bên ngoài cũng theo nhau bị đánh đổ, tin báo động hàng ngày, triều chính kinh hoàng.

Vương Chấn vạch ra chủ trương, tự phong cho mình là thông soái, còn ép cả Anh Tông xa giá thân chinh đi đánh trận. Lệnh động viên mới ban ra có hai ngày đã vội vàng khởi binh, 50 vạn đại quân rầm rập tiến lên phía Bắc. Qua khỏi ải Cư Dung, gặp mưa to gió lớn, quân tâm nao núng, quân tiên phong lại liên tục báo về tin thất trận, đại thần theo xe giá đã tâu vua xin dừng lại, Vương Chấn không nghe còn đòi hành quân cấp tốc. Còn chưa tới Đại Đồng thì cung cấp hậu cần đã có vấn đề, lính không lương, ngựa không có cỏ, quân sĩ theo nhau chết đói, thầy chết ngập đường.

Phiên Vương Khiết Tiên thấy tình hình như vậy đã hết sức hí hửng, cố ý tránh ra, nhử cho Vương Chấn vào sâu hơn nữa. Khoảng giữa tháng 8, quân của Vương Chấn vào tới Đại Đồng, chưa ở nóng chỗ đã hạ lệnh tiến quân công kích. Chẳng mấy chốc, tin báo về, tiền quân đã bị tiêu diệt hoàn toàn.

Vương Chấn nghe báo thất kinh, bèn triệu tập hội nghị ngự tiền, kết quả sự bàn cãi của quần thần làm Vương Chấn đành bằng lòng hôm sau thua quân về kinh.

Tướng giữ Đại Đồng là Quách Đăng đề nghị:

- Xa giá về cung, nên- chuyển vào từ Tử Kinh, thả mới an toàn.

Vương Chấn lại không nghe, hạ lệnh cho quân đằng sau chuyển thành tiền quân, rút theo đường cũ. Đi tới núi Trĩ Ô, Khiết Tiên đuổi kịp đến nơi. Vương Chấn lo sợ luông cuống vội sai võ tướng Chu Dũng đem ba vạn quân ra đón đánh. Quân địch triển khai cánh giáp công rất nhanh chóng đánh tan quân của Chu Dũng.

Ngày hôm sau, quân đi đến Thổ Mộc, lúc này trời sắp tối, còn cách thành Hoài Lai chưa đến 20 dặm, chúng thần đều muốn cố để vào thành, Vương Chấn lại còn hơn ngàn xe quân

lượng đang ở phía sau, không nên dễ dàng vứt bỏ đi như thế, cần phải ở đây để chờ đợi, quân thần tranh cãi không nổi, đành hạ trại ở Thổ Mộc.

Mờ sáng hôm sau, quân địch từ ba bề bốn bên ập đến, vây chặt lấy Thổ Mộc, bởi vậy mà quân tâm rối bời, Vương Chấn hốt hoảng bỏ chạy, đến cả vua cũng không thêm đoái hoài nữa, chạy trốn một mình. Lúc này quân không tướng, binh lính đâm đạp lên nhau mà chạy nên hàng thì bị chen chết, hàng thì ra hàng. Tả hữu của Anh Tông chỉ còn vài người thân tín, mấy lần phá vây không được, cuối cùng bó tay chịu trôi.

Vương Chấn trong cơn hoảng loạn chỉ biết bỏ trốn một mình, dọc đường cũng bị thuộc hạ là tướng quân hộ vệ Phàn Trung dùng búa đánh chết. Năm mươi vạn quân lúc đi, còn sót về đến kinh thành chỉ còn chưa đến hai trăm người.

Khiết Tiên bắt được Anh Tông như bắt được vàng, tận dụng món tù binh này để ra điều kiện với nhà Minh. Bèn giải Anh Tông đến Đại Đồng, rêu rao là phải có một vạn lạng vàng mới cho chuộc mạng vua, vàng đưa thì người được thả. Phái viên của triều đình tới bản doanh của địch chuẩn bị xa giá, đưa vàng bạc. Khiết Tiên hẹn sớm hôm sau sẽ đưa trả Anh Tông. Đến giờ hẹn sứ thần đợi mãi chẳng thấy, bèn đi dò hỏi, mới biết rằng Khiết Tiên đã mang Anh Tông đi từ nửa đêm, thế là bị lừa mất toi một vạn lạng vàng.

Sau này mỗi lần xâm phạm biên cương, Khiết Tiên đều mang Anh Tông cùng đi, để cho quân nhà Minh có lòng nghi kỵ nhà vua đã đầu hàng. Quân thần nhà Minh thấy Anh Tông không biết lúc nào về, tấu lên Hoàng Thái hậu lấy quốc gia làm trọng, lập nên vua mới, bèn hạ chiếu lập vương thân Kỳ Ngọc lên làm vua là vua Cảnh Đế và tôn vọng Anh Tông lên làm Thái Thượng hoàng.

Như vậy, việc kèm Anh Tông sẽ giảm giá trị đi, không còn gì có thể lợi dụng được nữa, đồng thời binh bộ Thượng thư cũng có thái độ cứng rắn với Khiết Tiên, không thể dùng để gây nghi kỵ nữa. Bởi vậy qua nhiều lần bàn bạc, Khiết Tiên, đã đưa Anh Tông trả cho nhà Minh.

KẾ § 26 ĐÓNG VAI LỢN ĂN THỊT HỔ

GIẢ NGÂY GIẢ NGÔ TƯ MÃ Ý TRÁ BỆNH LỪA TÀO SÀNG
ĐÓNG VAI LỢN ĂN THỊT HỔ THÁI TONG PHÁ BỊP VIÊN THỂ KHẢI

Trên đời này có hai hạng người, một là đóng vai hổ để ăn thịt lợn, một loại đóng vai lợn để ăn thịt hổ. Loại đóng vai hổ ăn thịt lợn tài năng địa vị quá không tương xứng, cho nên buộc phải cố xưng lên làm ra vẻ oai vũ, ra oai để dọa dẫm cấp dưới. Loại người ấy đáng là loại “giống chuột trên đời sao đóng thành hổ được”, như Trịnh Bản Kiều từng nói. Còn loại đóng vai lợn để ăn thịt hổ thì ngược lại, bản thân là nhân vật anh hùng oai như hổ rồi, để mong đạt được một ý đồ nào đó, cố ý giả ngây giả ngô để nhử cho người khác mắc lừa.

Lão Tử từng nói: “Đại khéo mà làm như vụng”, Khổng Tử cũng nói “Đại khôn mà làm như ngu”. Ở đây chỉ lớp người có học vấn cao sâu, muốn trưởng thành theo tự nhiên không muốn khiên cưỡng, không dùng mưu kế, không muốn phô ra bằng mảnh Tới, nhìn bề ngoài như có vẻ đần độn. Luận điệu đó, nói như Lão Tử, đó là thứ quan niệm “không làm gì mà trị được”, ý của Khổng Tử lại là sự biểu hiện “dung mạo thịnh đức” không để lộ ra chút gì là gai góc. Nhưng khi dùng vào sự vật với ý tích cực, cái cách thủ thế chỉ để lợi cho mình, với thái độ chờ mọi sự đến theo ý mình, thì không thiếu gì cách, cứ theo học thuyết của hai phái đạo và nho, tất cả mọi điều mong muốn đó đến đều phải thuận theo lẽ tự nhiên, trông đợi ở sự phát triển của nó, đó là một sự thiếu chí tiến thủ, nhất là ở thời nay, cái cách câu cá như của Gia Cát Lượng rất khó làm nổi. Cái phong hóa của đời xưa còn rất đậm đà, nếp sống cầu hiền trọng người tài cũng rất thịnh, chưa bao giờ bỏ qua nhân tài, người hơi có một chút tài năng không bị chà đạp lên như thời nay, cho nên mới có chuyện Lưu Bị “tam cố thảo lư” (ba lần tới cỏ tìm Gia Cát Lượng- ND). Ngày nay liệu có được hay không? Có đến “siêu Không Minh” xuất hiện, cũng chẳng có người uống công mà đem cơm dâng tận cửa, cho rằng anh có ngày đêm chạy vạy đến gõ cửa những nơi quyền quý, vái mỗi tay, cúi mỗi lưng, cũng khó kiếm một chỗ đứng chân chứ đừng mong những con người hào phóng đó ngồi xe đến tận nơi để xin chỉ bảo.

Cho nên cái thái độ “Đại khéo làm như vụng”, “Đại khôn làm như ngu” chỉ là thứ chiêu bài tự làm ra vẻ thanh cao trong khi thùng gạo luôn đầy và cái hầu bao luôn phổng. Còn muốn làm việc thì không thể tiêu cực như vậy được, nhất là những khi cần phải tranh giành thì hái độ ấy lại càng không thể được, trừ phi lấy lui làm tiến, vờ làm ra yếu đuối ngầm thực hiện mưu đồ, cố ý giả ngây giả dại, để người khác khó dò nông sâu. Câu “đóng vai lợn để ăn thịt hổ” là câu tục ngữ rất thâm thúy, vẽ rồng thêm mắt, hàm chứa đầy kinh nghiệm của người xưa. Thế nào gọi là đóng vai lợn để ăn thịt hổ? Ví như một người đi săn muốn bắt con hổ khi không có cách nào để bắt được, bèn đóng giả một con lợn, kêu lên như lợn để nhử cho hổ tới, chờ khi nó đến gần, xuất kỳ bất ý đột nhiên đánh mạnh vào con hổ. Kết quả bất ngờ đó là con hổ chẳng chết cũng què.

Đem sách lược này áp dụng với đối thủ cứng cỏi, cũng vẫn có thể được, trước mặt họ, mình hãy giấu hết vẻ gai góc và những mặt sắc sảo của mình đi “giả vờ ngu” như một con lợn, bề mặt luôn tỏ ra phục tùng theo ý họ, vẻ mặt luôn tươi cười, còn phải khéo nịnh làm ra bộ chịu “hầu hạ luồn cúi”, để họ không nghi ngờ chút gì về mình, đến một khi thời cơ đã chín muồi và có chỗ để lựa lách mới áp dụng một thủ đoạn hết sức nhanh gọn, nhanh như chớp kết liễu đối thủ. Đó là cách dùng kế đóng vai lợn để ăn thịt hổ một cách khéo léo nhất. Cái gọi là “đóng vai lợn” tức là “nấp dưới chín thước đất” như Tôn Vũ nói “ăn thịt hổ” có nghĩa là “vọt lên tận chín tầng mây”.

Hãy xem cuối đời nhà Hán, đại tư đồ Vương Doãn dùng kế hại Đồng Trác thế nào, cái vẻ ti tiện khi ông ta phải quỳ gối khom lưng đã đến mức còn 320 hơn cả lợn. Từ sự tôn kính của một vị triều thần mà phải hạ mình xuống, dùng lễ hậu đồ gần gũi con nuôi Đồng Trác là Lã Bố dẫn Lã Bố đến cửa tạ ơn, Lã Bố nói:

- Lã Bố tôi đây chỉ là chân tướng phủ, Tư đồ là triều thần, làm sao lại kính trọng lẫn lộn thế được.

Wang Doan dap:

- Ngày nay, trong thiên hạ không còn ai đáng bậc anh hùng, duy nhất còn có tướng quân, Doan tôi không kính trọng cái chức của ngài, mà tôn vinh cái tài của ngài vậy. Câu nói ấy như gài đúng vào chỗ ngứa, khiến Lã Bố thấy lâng lâng trong dạ. Nhưng khi mời Đồng Trác lại tỏ ra cung kính và phỉnh phờ:

- Doãn tôi ngày bé có học thiên văn, đêm đêm chiêm tinh thấy số nhà Hán đã tận, công đức của thái sư đã lấy lòng thiên hạ. Nếu Thuấn phải chịu Vũ, Vũ sẽ kế thay cho Thuấn, thế mới hợp lòng trời - Lại nói tiếp: “Xưa nay người có đạo thay kẻ vô đạo, vô đạo phải nhường có đạo, có gì là quá đáng đâu?”. Câu nói làm cho Đồng Trác cười tít mắt, nói:

- Nếu mệnh trời quy cho ta, lúc ấy Tư đồ là nguyên huân.

Hãy xem bộ dạng quy lụy và những lời nịnh nọt kia của Vương Doãn, đã đến bước như Khổng Tử từng coi khinh. Nhưng trong trường hợp thực hiện kế sách yêu cầu “chỉ cần đạt mục đích, không từ thủ đoạn nào”, cái tướng lợn để “ăn thịt hổ”, lại phải làm cho đến nơi đến chốn, cho nên, đến lúc thời cơ đã chín muồi, bèn đổi ngay sắc mặt, chỉ vào Đồng Trác mà hô lên: “Quân phản tặc đã đến đây! Quân bay đâu!” Từ hai vẻ mặt biến đổi như trời nắng trời mưa, từ vẻ một con điếm sang tướng mạo một tên đồ tể, có thể thấy rằng phàm bất cứ một trận chiến đấu nào, nhất định phải qua một đoạn đường gian khổ. Người sống với nhau thế nào rồi cũng xảy ra những va chạm về quyền lợi, và sẽ thường xuyên xảy ra chuyện “đóng vai lợn để ăn thịt hổ”. Cho nên phàm là bọn anh hùng hảo hán, thái độ của họ với người khác chẳng làm gì có lòng tin, có tin chẳng chỉ là ở mối quan hệ về hơn thiệt cho nên những người gọi đó là “mối xã giao cắt cổ” chỉ là ở đám một sách. Nhưng đã là một sách thì thường không là anh hùng hảo hán.

Một sách sở dĩ không trở thành anh hùng hảo hán là vì đạo đức nhân nghĩa làm mềm lòng, vì không mặt dày mày dạn mà trong khi anh hùng hảo hán phải là hạng người nói khoác không đỏ mặt. Nếu nói “xã giao cắt cổ” có thể giữ được chân tình thì làm gì đến nỗi Hạng Vũ phải tự vẫn ở Ô Giang. Tôn Tản phải giả điên giả dại? Nói tóm lại, “đóng vai lợn để ăn thịt hổ” thường lại hay xảy ra trong những mối “thân tình”. Ngày xưa đã thế, ngày nay còn hơn thế, ngày nay còn hơn thế.

Ngày xưa “đóng vai lợn”, kỳ giông, mà “ăn thịt hổ” cũng ăn đến nơi đến chốn, trước hết phải kể đến Việt Vương Câu Tiễn. Khi nước mất nhà tan, Câu Tiễn không tuần tiết để tạ tiên vương, mà lại mặt dày quy hàng Ngô Vương Phù Sai, chịu tù cấm trong nhà đá, chịu nhục dưới tay cường lương, thân làm nô bộc, vợ làm tì thiếp, mình trần trụi, tóc rối áo quần dơ, quét chuồng trâu, dọn phân ngựa, ném cả phân Phù Sai để thấy nhục, cái tinh thần “đóng vai lợn” ấy, thật quả là không ai chịu đựng nổi. Một khi được tha về nước Việt, lại nằm gai nếm

mật, nuôi hận mười năm, học hỏi mười năm, âm mưu báo thù, thực thi bảy sách của mưu thần: Một là tổn tiền bạc để làm vui quần thần của nó (tức là đưa hối lộ). Hai là mua giá đắt để làm rỗng kho của chúng-(quấy rối bằng kinh tế). Ba là dùng gái đẹp để mê hoặc tâm trí của chúng (dùng mỹ nhân kế). Bốn là dùng thợ giỏi, vật liệu tốt để xây dựng cung thất để làm chúng tốn kém (làm cho chúng hoang dân). Năm là dùng mưu thần để làm rối mưu kế của chúng (đưa gián điệp). Sáu là ly gián thần để chúng tự giết nhau mà yếu đi (mưu hại lẫn nhau). Bảy là tích của, luyện binh sẵn để thừa lúc chúng suy yếu (giành sức chờ biến động). Một loạt kế liên hoàn nhằm “rút củi đậy nôi”, quả nhiên là làm khuynh đảo cả Ngô Vương, đến lúc Phù Sai bị bắt, Câu Tiễn mới phơi bày bộ mặt hung ác vốn có của mình, vung gươm chỉ vào Phù Sai mà nói: “Trên đời chưa có vua vào vạn đại, mi rồi cũng chẳng thoát chết. Hừ! Không chờ ta tự ra tay không xong”.

Đến cuối cùng Phù Sai cũng phải tự hành động. Từ đó mà thấy rằng, Câu Tiễn đóng vai lợn mới đáng thương làm sao, nhưng khi ăn thịt hổ mới lại ác độc làm sao! Mới hay, anh hùng hảo hán sơ dĩ trở thành anh hùng, không phải ở cái khí phách hiên ngang anh dũng khi ăn thịt hổ, mà là ở chỗ có bản lĩnh hàm chứa để “đóng vai lợn” và có mặt tốt là chịu thiệt thòi.

Ngoài ra, Tôn Tẫn ghen ghét với Bàng Quyên, Nhạn Bương Đệ nghi kỵ Hoàng đế, đều là đóng vai lợn để tránh đòn. Những điều đó đủ chứng minh rằng kế đóng vai lợn ăn thịt hổ, mặt tiêu cực thì có thể tránh được họa, nếu tích cực thì có thể là thủ đoạn để cướp quyền đoạt ngôi. Đặc sắc nhất trong những người dùng kế này là Tư Mã Ý, người đã từng phải mặc áo đàn bà.

TƯ MÃ Ý TRÁ BỆNH LỪA TÀO SÁNG

Thời Tam Quốc, Tào Phương lên ngôi, tức Ngụy Minh Đế. Tư Mã Ý và Tào Sảng đều ở trong triều.

Tư Mã Ý là lão thần qua ba đời vua, từng lập nhiều công lớn cho họ Tào, có tiềm lực lớn và vây cánh rộng, lần này được sự uỷ thác của triều đình, tình thế trở nên phân biệt rõ ràng. Tào Sảng là con trai Tào Chân, do quan hệ hoàng thân quốc thích, từ nhỏ đã vào ra chốn

cung đình, rất được Minh Đế yêu mến. Tào Sảng có tới hơn 500 môn khách nuôi trong dinh, trong đó có 6 người là Kha Yển, Đặng Dương Lý Thắng, Đinh Ích, Tất Phạm, Hoàn Phạm kết thành một nhóm luôn mật bàn công việc.

Một hôm, trong khi bàn bạc, Kha Yển nói với Tào Sảng:

- Ngày nay chúa công nắm quyền chính trong tay, chính là lúc có thể thi thố ý định xưa nay, chỉ hiềm nỗi ngày nay vẫn còn chút trở ngại nên không thể tùy theo ý mình. Nếu không kịp thời củng cố thế lực, chẳng may gặp khó khăn gì, chắc chắn là sẽ trở tay không kịp.

Tào Sảng biết được ngụ ý trong lời nói đó, bèn đáp:

- Tư Mã Công cũng được sự uỷ thác của Tiên đế như ta, chẳng nên đề cho người buồn lòng.

Kha Yển sợ đánh rắn leo đầu gậy, dân thêm một bước:

- Người chẳng nhổ lại, lệnh Tiên ông (chỉ Tào Chân) ngày nào bị lão già này làm cho tức mà chết hay sao?

Tào Sảng nghe đến đấy, bỗng tỉnh ra, lòng nghĩ rằng lão già ấy chẳng đời nào lại tha mình bèn lập tức cùng vào bàn bạc. Kết quả cuộc bàn mưu tính kế này là Tào Sảng lập tức vào cung, tâu với Ngụy Minh Đế, ca ngợi Tư Mã Ý một chập, nào là đức cao vọng trọng, nào là lão thần có công, cuối cùng xin điều Tư Mã Ý làm Thái phó.

Theo biên chế của thời ấy, Thái phó là chức điều hành quan văn, xếp vào hàng tam công. Thái úy mới là người nắm binh quyền. Tào Sảng dùng kế này bề ngoài là thăng chức nhưng thực chất là hạ cấp đối với Tư Mã Ý, và tước bỏ mất quyền quân sự của ông này.

Sau khi Minh Đế chuẩn tấu, binh quyền vào hết tay Tào Sảng. Tào Sảng lập tức đổi tướng lĩnh, uỷ nhiệm cho em trai mình là Tào Nghĩa làm trung lĩnh quân, Tào Huấn làm võ vệ tướng quân, Tào Nhạn làm tán kỵ thường trì. Mỗi Người quản 3000 quân ngự lâm, tùy tiện ra vào cung cấm. Lại tin dùng nhóm Kha Yển, Đặng Dương, Đinh Ích làm Thượng thư, Tất Phạm là tư lệ úy, Lý Thắng làm Hà Nam doãn, quyền quân chính, tất thấy trong tay Tào Sảng. Tư Mã Ý thấy tình hình ấy, đành cáo bệnh lui về nhà buồn bực một mình. Hai con là Tư Mã Sư, Tư Mã Chiêu cũng chẳng có việc gì làm.

Tào Sảng chuyên quyền ngang ngược, huênh hoang lòng lẫy một thời, đến nay Minh Đế cũng chẳng coi ra gì.

Nhân dịp Lý Thắng được điều đi làm Thứ sử Kinh Châu, Tào sảng bèn bảo đến chào Tư Mã Ý nhằm xem hư thực ra sao.

Tư Mã Ý biết người của Tào sảng đến thăm liền nói với hai con:

- Đây là kẻ Tào Sảng thăm dò động tĩnh của ta, các con nên tránh đi.

Tư Mã Ý bỏ mũ xoắn tóc ngồi ôm chần trên giường, giả làm người ốm nặng, gọi nữ tì đỡ ngồi dậy rồi mời Lý Thắng vào thăm. Lý Thắng với chào xong, nói:

- Lâu lắm rồi không gặp Thái phó, ai ngờ bệnh nặng đến thế này, nay tiểu nhân được điều làm thứ sử Kinh Châu nên đến chào Thái Phó. Tư Mã Ý vờ đáp:

- Tinh Châu gần phương Bắc, phải cẩn thận mới được.

Lý Thắng nói:

- Tiểu nhân đi Kinh Châu, không phải Tinh Châu.

Tư Mã Ý cười nói:

- Ông từ Kinh Châu tới?

- Kinh Châu thuộc tỉnh Sơn Đông! -Lý Thắng nói to hơn.

- À, từ Kinh Châu tới? - Tư Mã Ý cười ra tiếng.

Lý Thắng nghĩ, làm sao mà lại ốm nặng đến thế? Thị tì thưa:

- Thái phó ốm đến nỗi điếc cả tai rồi ạ!

- Lấy giấy bút ra đây. Lý Thắng viết ra giấy cho Tư Mã Ý xem.

- Tư Mã Ý xem xong mới rõ, cười nói:

- Không ngờ ốm điếc cả tai - Nói xong lại dùng ngón tay chỉ vào miệng, thị tì vội cho uống thuốc, vừa uống xong thuốc, lại tháo dạ dày ra giường, nấc lên một chập rồi mới nói - Ta già rồi, lại ốm nặng ghê này, sợ chẳng sống được bao ngày nữa, hai con ta lại chữa thành tài, mong ông hãy dạy dỗ chúng, nếu có gặp Đại tướng quân Tào sảng, hãy xin ông ấy quan tâm giúp cho. Nói xong lại vạt ra giường thở hổn hển.

Lý Thắng chào ra về, nói lại sự tích với Tào Sảng. Tào Sảng hí hửng nói:

- Lão già này mà chết thì ta hoàn toàn có thể yên tâm. Từ đó cũng không để ý đề phòng với Tư Mã Ý nữa.

Tư Mã Ý thấy Lý Thắng đi rồi, nói với người con thứ hai:

- Từ nay Tào sảng sẽ yên tâm thực sự về ta rồi, chỉ chờ dịp bọ nó ra ngoài thành săn bắn, hãy cho nó nếm mùi.

Không lâu sau, Minh Đế phải ra ngoài thành bái yết tổ tiên, các quan lớn nhỏ phải tùy tùng, bọ Tào Sảng cũng phải đi theo hộ giá.

Tư Mã Ý lập tức chiêu tập tất cả thuộc hạ ngày xưa, dẫn đầu các gia tướng, lệnh cho hai người chiếm giữ kho vũ khí, uy hiếp Thái hậu, hạ chiếu chỉ cho đóng các cửa thành. Mặt khác dẫn quân ra ngoài thành chiếm trại lính của Tào Sảng, tiêu diệt vây cánh của Tào Sảng, sau đó lại hạ lệnh cho Tào Sảng giao lại binh quyền. Chờ sau khi lập trật tự mới đem Tào Sảng và bọ vây cánh còn lại ra chém đầu bằng hết.

THÁI TÙNG PHÁ LỬA VIÊN THẾ KHẢI

Sau khi Trung Hoa dân quốc thành lập, Viên Thế Khải ép Tôn Trung Sơn từ chức “Tổng thống lâm thời” và Tư lệnh làm Tổng thống, nhưng lòng tham chưa đã, còn muốn lên làm vua nữa.

Việc đầu tiên là mua chuộc một số văn quan võ tướng bọ đỡ cho mình, sau đó Viên Thế Khải còn dụ cho một tướng lĩnh trẻ tuổi có tài là Vân Nam đốc quân Thái Ngạc đi Bắc Kinh phong cho chức Kinh giới cục đốc biện (nắm công việc ruộng đất trong cả nước). Chức vị ấy cũng ngang hàng bộ trưởng. Đó chẳng qua chỉ là kế “điều hổ ly sơn”. Tiếng là đốc biệt trong cả nước, nhưng thực tế là một kiểu giam lỏng, ngoài ra còn sai hai ba chục tên mật thám theo dõi từng bước. Bởi trong mắt Viên Thế Khải, Thái Ngạc là một vị tướng túc trí đa mưu, cũng là một con hổ rất khó thuần dưỡng, nếu mà thu phục và lợi dụng được sẽ là một trợ thủ đắc lực cho mình, nếu không, đó sẽ là một địch thủ ngoan cường nhất, đáng gờm nhất.

Thái Ngạo biết rất rõ ý đồ của Viên Thế Khải và cũng rất biết cảnh ngộ của mình. Từ khi đến Bắc Kinh, bước vào “nhà ngục văn minh”, trước mặt Viên Thế Khải tỏ ra hết sức tích cực, tán thành để chế, chịu luôn cúi giữa đám quyền quý của cái “ủy ban trừ bị”, rồi lại mua nhà mới, sửa sang trang hoàng cẩn thận, đón mẹ già và vợ cùng đến đó tỏ ra sẽ ở lại lâu dài. Ngoài giờ làm việc lại cùng với bọn thân tín của Viên Thế Khải tới tám ngõ phố nổi tiếng chơi bời ở các nhà chứa, ăn uống phóng túng, công khai tăng tữ với một gái làng chơi là Tiểu Phụng Tiên.

Xưa nay, cái dễ dãi vô khí tiết người quân tử là mối tương tư người đẹp rất khó nguôi. cuộc sống hủ bại của Thái Ngạo, cũng chưa làm Viên Thế Khải yên tâm, bởi vì Viên Thế Khải biết rằng đây là một con người phi thường, xiêm áo của đàn bà khó làm thay lòng nản chí, kết quả là Thái Ngạo càng phóng đảng, việc theo dõi càng chặt chẽ nhất cử nhất động đều được báo về cho Viên Thế Khải.

Lúc đó, người phản đối đê mê mạnh mẽ nhất là Lương Khải Siêu, đang ở Thiên Tân, Thái Ngạo là học sinh của ông này. Đối với Thái Ngạo, Viên Thế Khải còn bán tín bán nghi, lại nghe thấy Lương Khải Siêu viết bài đăng báo, lên án để chế, lúc đó vừa hay có thể lợi dụng trò đi thuyết phục thầy, bèn lệnh cho Thái Ngạo mang tờ séc 200.000 đồng đi Thiên Tân thăm Lương Khải Siêu, nói ông này đừng đăng báo nữa, cầm lấy tiền ra nước ngoài đừng hỏi han gì đến vấn đề để chế nữa.

Thái Ngạo mang “sứ mạng nhục nhã”, chẳng khuyên được thầy, bài báo vẫn đang đúng kỳ hạn, sau đó lại quay về Bắc Kinh, Viên Thế Khải lại cho rằng con người này đã nhất mực trung thành.

Vở kịch “xung đột” sắp mở màn thì bi kịch gia đình của Thái Ngạo lại mở màn sớm hơn, ông này đã bàn riêng với vợ, cố ý gây nên hàng loạt sự kiện chia rẽ trong gia đình, dùng khổ nhục kế, mượn rượu hành hung vợ mình trước mặt tay chân thân tín của Viên Thế Khải là Chu Lệnh, đánh đến nổi mặt sưng mày tím, bươu đầu sứt trán, ức đến nỗi bà mẹ già đang đêm đã đem con dâu bỏ về quê cũ ở Hồ Nam.

Mẹ giận bỏ đi, giận đuổi vợ đi, bù lấp vào chỗ trống vắng đó là gái làng chơi Tiểu Phụng Tiên, Thái Ngạo công khai cặp kè sóng đôi với cô này.

Không lâu sau Thái Ngạo ốm, khi đến điều trị tại bệnh viện của Nhật tại Thiên Tân, Viên Thế Khải đang chuẩn bị lên ngôi, không có gì phải lo lắng, song vẫn cho người giám sát và hàng ngày đến xem giấy tờ, hồ sơ bệnh án của thầy thuốc. Được mấy hôm, nhân khi bọn theo dõi lơ lửng Thái Ngạo bèn trốn khỏi bệnh viện qua lối cổng sau, đến nhà Lương Khải Siêu, vội vàng chào tạm biệt rồi hóa trang thành một người Nhật, lên tàu thủy của Nhật tìm đường về Vân Nam. Lương Khải Siêu cũng rời Thiên Tân đi Thượng Hải. Hai thầy trò một văn, một võ, gương cao ngon cờ chông Viên Thế Khải, cuối cùng đánh đổ được đế chế, làm cho Viên Thế Khải, uất quá mà chết. Nghe nói lúc lâm nguy, Viên Thế Khải có nói một câu: “Ta tự cho mình một đời làm người thông minh lanh lợi, không ngờ lần này bị Lương Khải Siêu, Thái Ngạo bịt mắt mà không hay”. mới hay hai thầy trò họ đã giao ước với nhau ngày ấy để hát nên một bài song ca tuyệt diệu biết đường nào!

KẾ § 27 QUA CẦU RÚT VÁN

ĐÁNH TRẦU BẮT NGỰA TRIỆU KHUÔNG DẪN, CHÉN RƯỢU GIẢI BÌNH QUYỀN
QUA CẦU RÚT VÁN, TRỊNH LỊCH CÔNG TRỞ MẶT KHÔNG NHẬN NGƯỜI.

Qua cầu rút ván hay còn nói “Qua sông chặt cầu”, ý nói một người sau khi đã thành sự nghiệp, muốn hưởng thành quả một mình đã hất cẳng tất cả những chiến hữu từng đồng cam cộng khổ với mình. Hạng người đó là những nhân vật nắm quyền công đã thành, danh đã toại, bất kể họ là vương là đế hay là thần là sĩ, quá trình họ phấn đấu càng khó khăn, danh lợi giành được càng to thì họ rút ván chặt cầu càng nhanh càng triệt để.

Hoàn cảnh sử dụng kế “qua cầu rút ván” hoàn toàn ngược lại với “đóng vai lợn ăn thịt hổ”. Kế qua cầu rút ván là khi đắc thời đắc thế, đem giết hết thuộc hạ, “đóng vai lợn ăn thịt hổ” thì lúc bị khống chế lại thì Mao Chủ tịch ách lòi cấp trên của mình xuống. Nếu so sánh, đóng vai lợn tương đối nguy hiểm, còn rút ván thì thật quá dễ dàng.

Xem ra, tất cả những con người, những nhân vật hiển hách đó đều chẳng phải là hạng vong ân bội nghĩa cả hay sao? Đúng vậy, ở thời đại này nếu có lúc có quan niệm ân nghĩa thì sẽ không làm nên chuyện hiển hách được. Tham quyền độc tài xưa nay là hành vi của bậc đại trượng phu, vong ân bội nghĩa là bản sắc của anh hùng hảo hán. Khi sự nghiệp chưa thành công, người cùng chí hướng đều cùng gắng sức, lúc đó thì cố” lợi dụng nhau, ai chả khiêm nhường với cấp dưới, ai chả vỗ về, chả thề bồi, lấy nghĩa khí thu phục nghĩa khí, đúng là lúc “toàn nói lời tốt đẹp”. Một khi công đã thành, danh đã toại, quyền lực nam trong tay, bỗng có thái độ ngược lại, quên hết lời thề cũ, nằm ở bên giường, ai dám cho phép mình ngủ say để còn bày trò đáp tạ nghĩa khí, người thân tín nhất chính là kẻ làm ngựa mất nhất, phải ra tay trước nhất ngay cả những anh em kết nghĩa cùng hội cùng thuyền, từ chỗ “nói toàn lời tốt đẹp” thì đến lúc này “làm toàn việc tồi tệ”.

Đó là vì cái gì? Nói ra thật giản đơn, những nhân vật lớn đó ngoài dục vọng về chiếm hữu, muốn “độc tôn một mình, độc hưởng một mình”, điều chủ yếu còn gì sợ người gần gũi gần bó nhất lộ trần chân tướng mình.

Những anh hùng hảo hán thời xưa tất có chỗ khác người hoặc về tính cách hoặc về cấu tạo tâm lý, tư tưởng hành vi của họ thường theo công thức “3 sợ 3 không sợ”. Ba không sợ là khi chưa thành đạt không sợ trời tru đất diệt, không sợ ô danh tiên tổ, không sợ thần khinh quỷ ghét mới có thể tùy ý hoành hành, tham lam tùy thích, coi mạng người như thứ đồ trong túi, đó là thời kỳ phải vùng trộm giấu giếm. Còn ba sợ là sau khi đã đắc trí rồi, tức là khi đã có quyền để khiến, có uy để đe, có thể khống chế được tất cả, là khi ở thời kỳ hiển hách có thể bạo miệng nói nhân nghĩa đạo đức, đến lúc đó sợ nhất là nghe chuyện cũ, sợ gặp người cũ, sợ nhắc lại chuyện cũ. Những thứ đó lại thường có liên quan đến những người là chân tay cũ, sợ nhắc lại chuyện cũ, nếu không có người nói anh ta chơi bời thì anh ta trước đây từng đánh nhau từng ăn cướp hoặc từng cờ bạc chơi bời thì anh ta có thể dằng hoàng mà tô vẽ mình, có thể nói mình là con của trời sinh, giáng trần cứu thế, vừa xuống đất đã có thể “lấy nhân nghĩa làm cốt lõi cho thần đạo”, có thể đem chuyện chui vào chuồng gà của mình nói thành vào hang hùm cứu giai nhân, đem chuyện chặn đường cướp của nói lên thành lấy của người giàu cấp đỡ cho người nghèo. Cho nên cái lúc cần tô vẽ cho mình, xóa cho sạch cái mặt ma quỷ, không thể không tìm người thân nhất mà thật, đem khử hết những chiến hữu cùng ăn một mâm để bịt đầu mối, bởi vì nhung bí mật của mình mà họ nắm được quá nhiều rồi, đây chính là trở ngại cho những nhân vật đầu sỏ.

Phạm Lãi đã nhận xét Việt Vương Câu Tiễn: “Con người này cổ dài mõm nhọn, có thể cùng hoạn nạn mà không thể chung ngọt bùi”. Đúng là một lời nói thẳng và chính xác. Bởi vì ông đã hiểu cái xu thế đen tối nơi quan trường, cho đến lúc diệt Ngô thành công, bèn lạng lẽ từ quan bỏ trốn, thay họ đổi tên, lệnh đênh khắp nơi đi buôn bán, kết quả là được sống ung dung hưởng thọ đến già, còn bạn bè của ông này, vì còn ham muốn phú quý nên không tránh khỏi bị Câu Tiễn nghi kỵ cuối cùng cũng trở thành cô hồn do thác oan.

“Qua cầu rút ván” là tinh thần kế tục của các triều đại trong lịch sử Trung Quốc, là tác phong truyền thống của những nhân vật lớn, càng là công thần càng dễ bị giết. Lịch sử coi Đường Thái Tông là minh chúa, vậy mà cũng có nhiều công thần bị hàm oan, nhiều hiền sĩ bị tai họa: Thịnh Nạn Sư bị giết vô cớ, Lý Quân Tiễn vì xiểm nịnh mà bị chết, Trương Lương cũng chết vì tị hiềm, Lưu Lý vì lỡ lời mà uống mạng... Từ đó thấy rằng, gọi là một ông vua hiền minh mà còn giết uống công thần thì những người khác thôi không khỏi phải xem tới nữa.

Lưu Bang nổi tiếng về “Ôm tay chân” khi còn “tạm phải ăn trộm gà”, để giành ngôi vua, đã từng vồ vai khắp lượt, nói ngon nói ngọt suốt lượt, cũng may, thiên hạ càng loạn càng có lợi cho ông ta, để cho nước đục lên và ông ta đã mò được con cá to. Nghiễm nhiên dày mặt mà ngồi lên long đình. Một khi cơ nghiệp đã định, quyền lực đã được củng cố bèn trở mặt ghen người hiền ghét người tài, người đầu tiên bị khử lại chính là Hàn Tín, người đã vào sinh ra tử giúp ông ta dẹp bao anh hùng hào kiệt khác. Tiếp đến là công khai giết hại các công thần, chém nát thầy Bành Việt, giết Anh Bố ở Cửu Giang, giam cầm Tiêu Hà, bức hại Trần Hy, Cơ Tín, thậm chí người anh em đồng hao cùng chung vui chén chén khi trước là Phàn Khoái suýt nữa cũng thành quỷ không đầu. Trương Lương cũng sợ sẽ đến lượt mình nên đã từ quan lên núi học làm thần tiên, ít nhất cũng tránh được một phen tai họa.

Còn nữa, Chu Nguyên Chương xuất thân là một ông sư hổ mang, một tên vô lại, một tên cướp, mà đến lúc lên được ngôi vua, làm được “con trời”, mức độ triệt đề của hắn khi qua cầu rút ván, mức độ tàn nhẫn trong thủ đoạn của hắn, Lưu Bang cũng còn phải thua xa. Khi lên ngôi Đại Minh Hoàng đế, Chu Nguyên Chương lần lượt mượn cớ giết sạch các công thần khi xưa đã từng giúp mình đánh Đông dẹp Bắc thu phục giang sơn, bất kể là quan văn, quan võ. Hôm nay phong hầu, ngày mai lấy cớ giết hại. Chỉ trong nháy mắt đã giết gần hết, còn chu di đến chín họ, cho nên nếu tính giết người nhiều, Chu Nguyên Chương chắc đứng đầu bảng.

Đó là thủ pháp “qua cầu rút ván” ngày xưa để dùng cho ngày nay, bởi vì thời đại nào cũng thế, xưa nay chưa ai từng hưởng chung phú quý sang, làm một cách tương đối hòa bình một chút là chuyện “chén rượu mà giải được binh quyền của Triệu Khuông Dã.

TRIỆU KHUÔNG DÃ CHÉN RƯỢU GIẢI BINH QUYỀN

Tổng Thái Tổ Triệu Khuông Dã, từ sau vụ “binh biến Trần Kiều”, giành được ngôi đế trong tay mẹ góa con cô, lấy Triệu Tấn làm Khu mật chân học sĩ, phạm việc quốc gia đại sự đều bàn với người này. Lúc ấy, tướng lĩnh của cấm quân như Thạch Thủ Tín, Vương Thẩm Kỳ, Cao Hoài Đức đều là tay chân thân tín của Khuông Dã, đã từng đạo diễn việc “khoác hoàng bào” ủng hộ Triệu lên ngôi đế, trong quân đội cũng có một tiềm lực và thế lực lớn.

Triệu Tấn thấy rằng thế lực của những vị tướng lĩnh này quá lớn, sợ sẽ nguy hiểm cho đế vị bèn nói với Triệu Khuông Dẫn về những điều lợi hại của mấy người trong đó và khuyên hãy tước bớt tinh binh quyền của họ đi.

Triệu Khuông Dẫn nói:

- Những người này vốn là tâm phúc của ta, quyết không bao giờ phản bội ta, xin hãy cứ yên lòng.

- Thần tin tưởng họ trung thành hết mực, nhưng lo là cấp dưới của họ, khi bọn này có dã tâm, e rằng đến bản thân họ cũng không làm chủ được mình.

Khuông Dẫn lập tức tỉnh ngộ nghĩ đến cái ngôi Hoàng đế của mình có được như thế nào, mà trong lịch sử cũng có nhiều ví dụ về khách đoạt vai chủ. Nhưng làm thế nào để cướp được binh quyền từ tay những người từng la chiến hữu cùng chung hoạn nạn với mình, cho nên hết sức trù trừ.

Con người này thật không hổ thẹn là một kẻ gian hùng mưu sâu kế hiểm, không muốn học theo Lưu Bang bằng thủ pháp dùng dao sắc chặt dây rỗi để trừ bỏ những ẩn họa của người tâm phúc, ông ta muốn chính quyền được củng cố, cũng muốn viết vài trang sử đẹp, và lại quyền sinh quyền sát ở trong tay, đối với lũ gà nhốt trong lồng này, mục đích không ngoài việc bắt họ trao binh quyền ra, trao chết hay trao sống cũng chỉ là một việc. Ông ta cũng hiểu rằng muốn bắt ruồi thì dùng mật hay hơn là dùng Thuốc độc, đấu văn hơn là đấu võ, thế là diễn luôn trò tiên lễ hậu binh, khi không được ngọt cơm ngọt canh nữa lúc ấy hãy mài dao sà sạt cũng chưa muộn.

Buổi tối của một ngày tháng 7, Triệu Khuông Dẫn mời tiệc các tướng lĩnh cấm vệ quân Thạch Thủ Tín, Vương Thẩm Kỳ, Cao Hoài Đức... đang lúc rượu ngà ngà say, nói cười thoải mái, Triệu Khuông Dẫn bỗng như cảm có điều gì dửng chén rượu, thở dài nói:

- Hôm nay chúng ta vui vẻ cùng nhau ở đây uống rượu chơi bời, thế nhưng, ai mà biết được sau này còn có dịp tụ họp chung vui thế này nữa không?

Thạch Thủ Tín thấy lạ, liền hỏi xem lời nói đó là ý thế nào? Khuông Dẫn nói:

- Ôi! Các ông không biết nỗi khổ của người làm vua đâu, cả ngày nơm nớp lo âu, ăn không ngon, ngủ không yên, từng giờ từng phút lo có người cướp ngôi, làm sao mà bì với các người được tự do không bị câu thúc như thế này.

Thạch Thủ Tín nói:

- Ngày nay đại thế trong thiên hạ đã định rồi, lẽ nào còn có kẻ dám có mưu đồ không theo thời thế để tự diệt vong?

Triệu Khuông Dẫn cười ranh mãnh:

- Ta vốn rất tin sự trung thành của các người, thế nhưng chẳng may thuộc hạ của các người có kẻ tham phú quý, cứ ép đẩy các người lên làm vua, và khi hoàng bào đã khoác lên mình, thì các người sẽ không làm chủ được mình nữa.

Những câu nói bóng gió đó, tuy lời lẽ rất bình thường, nhưng người nào có mặt lúc ấy nghe thấy cũng giật mình thảng thốt như sét đánh bên tai, lo sợ cuống cuồng, vội vàng không ai bảo ai, tất cả quỳ mọp xuống rạp đầu kêu xin Khuông Dẫn:

- Chúng thần quả là ngu xuẩn, không biết nên làm như thế nào cho phải, tự hỏi lòng mình đã hết mực trung thành vì nước, chưa hề có hành vi sai trái, bệ hạ có thể nhìn vào bao nhiêu năm theo đuôi của chúng thần, chỉ cho chúng thần con đường phải đi từ nay về sau, dám bảo đảm rằng sẽ nghe theo lời bệ hạ, sẽ tuân theo chỉ thị của người trong mọi việc.

Triệu Khuông Dẫn thấy tình hình này mà hí hửng trong lòng, nhưng lại tạo ra một vẻ mặt thiếu não âu sầu nói với bọn người này:

- Cuộc đời một con người, chẳng qua như bóng câu qua cửa sổ, thời gian mấy chục năm trời, thoáng một cái sẽ qua đi, các người chẳng đã công thành danh toại rồi sao, tóm lại là cũng không uống một đời. Những năm tháng sau này, chỉ cần sống an nhàn mà hưởng giàu sang phú quý, sống yên ổn một đời, đã là tốt lắm rồi. Nói đến đây cố ý liếc mắt nhìn mọi người một lượt, thấy cả bọn đều ngây ra như phỗng đá, lại giở giọng mè� già khóc chuột, tiếp tục nói:

- Oi! Ta ngồi ở ngôi vua này, đã không còn cách gì thoát được ra nữa hết việc trong lại việc ngoài, đúng là một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày, ngày nào cũng có chuyện lo buồn dồn dập đến. Việc sẽ nhiều ngập đầu, không làm ư? Lại sẽ làm cho thần dân thất vọng. Vì

vấn đề này mà ta ngày đêm lo lắng, tuy là làm vua một nước mà vất vả cũng không kể hết, người ngoài không ai hiểu được, cho nên ta không muốn đề anh em bè bạn lại rơi vào vũng lầy này mà đi làm cái việc mệt người mà chẳng ai khen này. Ồi, ta không còn cách gì thoái thác được, nhưng các người thì còn kịp, đã lo thay cho mọi người, tốt nhất là hãy bỏ hết việc công đấy, về vui thú điền viên, bỏ mặc mọi sự đời, hàng ngày cứ việc ngủ đến nửa ngày, khỏi phải lo dậy sớm mặc triều phục, có thể cưỡi la đi thăm đồng, khỏi phải nghe tiếng sát phạt bên tai, cuộc sống không tranh giành bon chen đó, thật thần tiên cũng không bằng, trên đời có ước. Nếu các người bằng lòng như vậy, với tình cảm xưa nay ta sẽ ban cấp cho nhiều tiền bạc để mà từ chức về quê yên hưởng hạnh phúc với tuổi già thì lòng dạ cũng vui rồi, các người thấy thế nào?

Bọn tướng lĩnh đang thời hiển hách và sẵn có binh quyền trong tay, nghe nói thế, đã cảm nhận ra ý nghĩa đằng sau câu nói, vừa mềm, vừa cứng, không cần hỏi cũng đã biết chuyện gì, trong lòng tuy chẳng muốn chút nào, nhưng lúc này và ở đây với tác phong lợi dụng người khác của Triệu Khuông Dẫn trong quá khứ và những bài học về qua cầu rút ván trong lịch sử, không thể không tung hô vạn tuế mà cúi đầu tạ ơn.

Mọi người đều biết, chỉ cần giữ được cái đầu mà về hưu một cách vinh quang cũng đã là khó rồi. Ngày hôm sau chẳng ai bảo ai lần lượt dâng biểu xin côi giáp về quê, kêu già dê về làm ruộng. Bởi vậy chỉ trong một ngày Triệu Khuông Dẫn đã cướp hết binh quyền về tay, để vị càng được củng cố và càng yên chí không lo ngại gì nữa. Đó tức là câu chuyện hài hước về “chén rượu giải binh quyền”.

TRỊNH LỊCH CÔNG TRỞ MẶT KHÔNG NHẬN NGƯỜI

Thời Xuân Thu, Trịnh Trang Công bệnh nặng, vờ đại thần là Sái Túc bàn bạc, định phế Thái tử Hốt, lập con thứ là Đột lên kế nghiệp nối ngôi. Sái Túc nói rằng phế trưởng lập thứ e sẽ gây nên rối loạn. Trang Công cho rằng cũng có lý và cũng biết rằng con thứ là Đột cũng chẳng chịu dưới quyền bên đưa sang ở với bà ngoại bên nước Tống.

Không lâu sau, Trang Công qua đời, Thái tử Hốt nổi ngôi tức là Trịnh Chiêu Công. Chiêu Công cử Sái Túc đi thăm các nước. Sái Túc đến nước Tống, Tống Trang Công chẳng hỏi đầu đuôi liền đem giam lại.

Sái Túc không hiểu ra sao, hỏi:

- Tôi mắc tội gì vậy?

- Không nên vội, rồi ta sẽ dần dần nói cho mà biết - Trang Công nói và không hề có chút gì ác ý. Đến tối Trang Công sai Thái tử Hoa Độc tới thăm Sái Túc, bịa ra một chuyện rằng:

- Tử Đột của quý quốc đang nhờ nước tôi đem quân hộ tống ông ta về nước, cho nên Đại vương nước tôi muốn ông phế Thái tử Hốt, lập công tử Đột lên làm vua. Nếu ông không bằng lòng thì hãy xin lỗi, chém đầu ông trước, rồi sau đem quân đưa công tử Đột về nước Trịnh.

Vừa đe vừa ép như thế, Sái Túc phải đồng ý và tuyên thệ ngay hôm ấy.

Ngày hôm sau Tống Trang Công cho vời Công tử Đột và nói rằng:

- Vua mới của nhà ngươi sai sứ thần sang đây, bảo ta giết nhà ngươi và nói rõ là sẽ trả giá bằng ba tòa thành.

Công tử Đột tin là thật vội vàng lễ tạ và nói:

- Tính mạng của tôi giờ đã ở tay người, nếu Đại vương có thể giúp tôi tìm ra cách thì thì cái giá đền đáp sau này đâu chỉ có ba tòa thành.

Trang Công thấy đã trúng kế, bèn sắp xếp cho Công tử Đột gặp Sái Túc, bàn bạc xem sẽ về nước cướp quyền thế nào? Trang Công hỏi Công tử Đột sau này sẽ trả ơn bằng cái gì, công tử Đột chưa nghĩ được ra ngay. Trang Công mặt dạn mày dày nói:

- Thế này nhé, ta cũng chẳng muốn cho ngươi khó nghĩ, chỉ cần cho ta ba tòa thành, một trăm đôi mỹ ngọc, một vạn lạng vàng, ngoài ra mỗi năm giao 2 vạn hộ thóc lúa là được.

Công tử Đột nôn nóng muốn về nước, bèn chẳng thèm cân nhắc liền trả lời đồng ý và ký tên vào giấy tờ. Trang Công thấy mục đích đã được, bèn thả cho Sái Túc về nước.

Sái Túc về đến nước Trịnh, đem tin nước Tống đưa quân hộ tống Công tử Đột về nước báo cho mọi người và các đại thần. Nghe tin ai nấy đều lo và nhất trí lập công tử Đột lên làm

vua. Trịnh Chiêu Công Hốt thấy thời thế đã qua, bèn đang đêm lên ra chạy lánh nạn sang nước Vệ.

Không lâu sau, Công tử Đột về nước lên ngôi tức là Trịnh Lê Công.

Tông Trang Công cho người sang nước Trịnh chúc mừng, và nhắc công tu Đột thực hiện lời hứa cũ. Thực tế nước Trịnh là nước nhỏ, làm gì ra món lễ hậu như thế. Kết quả là chẳng đưa ra được thứ gì, chỉ cho người trao nộp một ít lương thực. Một món quà trả ơn nhỏ nhoi như thế, làm Tống Trang Công nổi giận bèn nhờ Hoàng Công của nước Lỗ làm trung gian thúc giục hộ, vì va chạm quyền lợi, và trong lời lẽ làm cho Lỗ Hoàn Công nổi giận, đồng thời giữa các nước cũng đang đấu đá nhau kịch liệt. Nước Tông nước Tề chung một trận tuyến, nước Trịnh và nước Lỗ thì liên minh nhau, công khai xung đột, kết quả là quân đồng minh Trịnh, Lỗ đánh bại Tề, Tông. Việc hối lộ như thế là cũng tiêu tan luôn. Công tử Đột quả thực là con người qua cầu rút ván.

KẾ § 28 MẶN CHẾT THAY ĐÀO

KHÓC KHUYÊN KHÔNG THÀNH CẤP HUYNH BỊ NẠN TỬ THỌ TỰ NGHĨA
MẶN CHẾT THAY ĐÀO ĐỔI TRẺ THƠ HỌ TRIỆU GIỮ ĐƯỢC CON MÓ CỎI

Câu “Mặn chết thay đào” có từ trong tập thơ gà gáy của Nhạc Phủ. Nguyên cả bài thơ là:

Đào mọc bên bờ giếng.

Mặn mọc kế bên đào.

Rễ đào sâu đến đục Mặn thấy rên mình đau.

Cây cỏ thương nhau vậy.

Anh em sao quên nhau?

Sau này câu nói đó được ví với chuyện lấy cái nọ thay cho cái kia, hoặc nói rõ hơn là: Anh A bị tai họa, anh B đi chịu tội chết thay.

Nói thẳng ra gây nên họa đều là người cùng có mằm mông, chịu tội thay đương nhiên chỉ có thể là môn đệ của họ, hay ít nhất người nào vốn ngưỡng mộ họ.

Trong xã hội, có nhiều kẻ đầu trò gây tội ác lại thuê người làm thay tức là trả giá cao để người khác ra làm chuyện mua bán tội lỗi, còn mình thì đứng đằng sau thao túng. Nếu vô sự thì vẫn trả tiền như hẹn. Nếu gặp chuyện thì đưa mặt ra chịu phạt vạ hoặc chịu ngồi tù thậm chí ra cả pháp trường cũng có thể trang trải bằng tiền để người chết, chết mà không oán.

Xem ra “kẻ gây tội” với người “chịu tội thay” giữa họ có một mối quan hệ thật đặc biệt. Làm người ai chả tiếc thân mình, ai lại chịu hi sinh lợi ích của mình cho người khác được trọn vẹn? Huống hồ đem tính mạng ra làm trò đùa. Người xưa trọng nghĩa, người nay thì trọng tiền tài, cũng có cá vì tình nữa, có thể coi đó là một công thức sống mới lạ.

Trong “thiên nam tuần thú” có ghi câu chuyện của Thạch Đạt Khai đó mới đúng là sự khéo dùng kẻ mẶn chết thay đào.

Thạch Đạt Khai là một dũng tướng văn võ kiêm toàn của Thái Bình Thiên quốc, bị Vi Xương Huy hãm hại ở Nội Công Hồng Dương, cá nhà bị giết, một mình đang đêm trốn khỏi thành, tự lãnh một đội quân đánh xuống Tây Nam, dọc đường cứu được người con gái là Hàn Bảo Anh, cha mẹ cô này bị thổ phỉ giết hại, Được Thạch Đạt Khai thay cô báo thù nhà, cho nên cô nguyện đem thân hầu dưới trướng. Thạch Đạt Khai thì đang sống tuổi già cô đơn góa bụa, nhưng vì đại nghĩa, không muốn lợi dụng sự nguy nan của người, vả lại tuổi tác lại chênh nhau quá, cho nên chỉ nhận nàng làm con nuôi, gọi là “Cô Tư”

Cô Tư là người thông minh đỉnh ngộ hơn người, nắm công việc văn thư cơ yếu cho Thạch Đạt Khai tỏ ra rất nhạy bén, Thạch Đạt Khai bình thường vẫn thường rất phàn nàn về việc văn thư. từ nay thì không còn phải than vãn nữa. Một hôm Cô Tư nói với cha nuôi, muốn lấy anh chàng giám sinh họ Mã chuyên sao chép văn thư, Thạch Đạt Khai nói:

- Anh chàng giám sinh họ Mã ấy là một kẻ vô tài, suốt ngày chỉ biết sao sao chép chép, không có chí lớn gì cả, Trong quán ta thiếu gì người tài sĩ cả văn cả võ, tùy cho con chọn sao lại đi chung tình với anh chàng họ Mã này?

Cô Tư đáp:

- Lời cha nói con đều rõ cả, nhưng con gái của cha lại có ý khác, sau này có thể phụ vương sẽ rõ.

Anh chàng họ Mã này có vẻ mặt rất giống Thạch Đạt Khai, nếu không nói rất khó mà phân biệt được.

Về sau Thạch Đạt Khai vào Tứ Xuyên gặp nguy hiểm, khi bị quân nhà Thanh vây kín bốn mặt. Cô Tư nói với chồng:

- Giờ là lúc ta báo ơn với phụ vương rồi đấy, cũng là điều tại sao mà thiếp lại lấy chàng làm chồng.

Mã Sinh còn đang do dự, nàng liền dứt khoát nói:

- Đồ ngu ngốc, còn vương vấn vợ con sao? Nói xong liền quật chết đứa con gái đang bế trong lòng, rút kiếm nói:

- Mau đổi quần áo cho cha - Quay sang nói với Thạch Đạt Khai - Phụ vương ơi, con không thể theo hầu người được nữa. Xin hẹn kiếp sau gặp lại.

Lúc ấy Mã Sinh mới tỉnh ngộ ra, vội về phòng trong cùng Thạch Đạt Khai thay đổi áo mũ, chàng đã đóng giả Thạch Đạt Khai, ra khỏi trại đầu hàng quân Thanh, còn Thạch Đạt Khai, lại một mình trốn chạy, lên núi Nga Mi ẩn danh làm hòa thượng.

Trong tác phẩm “Song thành ký” nhà văn Đích-ken cũng từng tả một vụ cướp người hết sức bi tráng.

Ấy là vào trước ngày bùng nổ Cách mạng Pháp, Lu-xi là con gái một đảng viên cách mạng. Cha cô bị bắt và đưa sang nước Anh. Mười tám năm sau cô tìm cách đón cha và yêu chàng luật sư là Can-ton, người này đã từng nhiệt tình tận tâm giúp cô cứu cha mình.

Không lâu sau, Cách mạng Pháp thành công, một chàng quý tộc trẻ tuổi là Tác-măng chạy sang nước Anh gặp Lu-xi, hai người yêu nhau và cưới nhau.

Tác-mống tuy đồng tình với Đảng Cách mạng, nhưng do thành phần của anh không tốt, khi về nước làm chứng cho một người bạn, bị Đảng Cách mạng bắt giữ, tuyên án tử hình, hẹn ngày để lên máy chém.

Can-ton tuy không lấy được Lu-xi, nhưng rất yêu nàng. Lúc đó thấy nàng sắp thành người góa 848 bùa, bèn động lòng trắc ẩn trà trộn vào trong khám tử tù, đánh thuốc mê cho Tác-măng rồi chỏ trả cho nàng. Còn mình, tự nhận là Tác-măng và thay thế anh, ngang nhiên bước lên máy chém.

Thời Xuân Thu, cũng từng có chuyện tương tự.

CẤP HUYNH GẶP NẠN, TỬ THỌ

Tựu Nghĩa Vệ Tuyên Công lập Cấp Tử làm người nối ngôi và hỏi con gái lân vua Tề là Tuyên Khương cho làm vợ. Tuyên Công nghe nói con dâu tương lai xinh đẹp lắm, muốn chiếm làm của riêng mình, bèn xây một cái đài mới ở bên sông Kỳ Hà, lấy cớ sai Cấp Tử sang nước Tồng, sau đó sang nước Tề đón Tuyên Khương về làm tì thiếp cho mình. Và ngược lại bắt Cấp Tử tôn nàng lên hàng mẹ kế.

Ba năm sau, Tuyên Khương sinh được hai người con, người lớn là Nhật Thọ, người bé là Nhật Sóc. Yêu mẹ thì quý cả con, Tuyên Công như thấy thừa ra một người con vợ cũ là Cấp Tử.

Công tử Thọ là người hiếu đễ, tình cảm với Cấp Tử như con cùng mẹ, công tử Sóc thì không thể, chàng thường nói xấu Cấp Tử trước mặt cha mình, rồi ghét gà thì ghét cả lồng, ngay công tử Thọ là con cùng một mẹ cũng bị ghét lấy, Còn tử tề mách lẻo với Tuyên Khương rằng Cấp Tử muốn làm nhục bà và nói rất oán ghét vua cha Tuyên Công đã cướp vợ của mình.

Tuyên Công rất hay nghe vợ làm theo chỉ thị của vợ, kiếm cách mượn dao giết người, đặc phái Cấp Tử sang nước Tề, phát cho một lá cờ trắng làm tiêu chí, lại cử Thái tử Sóc lên mai phục ở cửa ải, dặn rằng hễ thấy cờ trắng là ra tay, giết Cấp tử để nhổ đi cái gai trong mắt.

Công tử Thọ hay tin này, bèn tìm báo Cấp Tử biết và bảo Cấp Tử hãy trốn ra nước ngoài. Cấp Tử không nghe, còn cãi nhải cái luận điệu: “Đời không thể có nghịch tử đứng đầu một nhóc”.

Công tử Thọ khóc lóc can gián không được, bèn thực hành cách chết thay, quay ra mời tiệc tiễn đưa Cấp Tử, trong bữa tiệc chuốc cho Cấp tử uống say, tự mình mặc quần áo của Cấp Tử, cầm cờ trắng vượt sông thì bị bọn quân mai phục giết chết. Cấp Tử tỉnh dậy, thấy máu giấy của công tử Thọ dề lại mới biết em mình chịu khổ, bèn đuổi theo và thấy công tử Thọ đã chết thay mình, khóc lóc một hồi lâu, kể lễ sự tình rồi rút gươm tuấn tiết.

ĐÔI TRẺ THƠ, HỌ TRIỆU GIỮ ĐƯỢC CON MỒ CÔI

Thời Xuân Thu, nước Tấn có tên nịnh thần Đồ Ngạn Giả, nguyên là sủng thần của Tấn Linh Công. Sau khi Linh Công bị người nhà Triệu giết đi, Cảnh Công lên ngôi, thăng chức cho Đồ Ngạn Giả lên làm Đại Tư khấu, Cảnh Công muốn báo thù cho Linh Công nên âm mưu làm một cuộc đảo chính cướp quyền của họ Triệu và diệt cả họ này.

Bộ tướng Hàn Quyết không đồng tình với hành động này, ngầm báo mưu này với con trai của Triệu Thuần là Triệu Sóc, giục ông này tránh đi. Nhưng Triệu Sóc không nghe, nói:

- Sự việc đã đến nước này, có chạy cũng không chạy nổi, nếu ông có muốn giữ lại chút dòng giống cho họ Triệu ta, thì ta có chết cũng chẳng có gì là ân hận, bởi vì vợ ta hiện đang mang thai, bà ấy là công chúa, là chị của Cảnh Công.

- Thế thì mau đưa bà ấy trốn vào trong cung, chậm nữa e không kịp.

Hàn Quyết liền bảo với môn khách của mình là Trình Anh hộ tống công chúa vào cung và dặn rằng:

- Nếu sau này sinh con gái đổi tên là Thành Văn, sinh con trai thì gọi là Võ, văn nhân võ dụng, võ mới có thể báo thù được.

Sáng sớm hôm sau, Đồ Ngạn Giả đem quân vây chặt Triệu, phủ không hỏi han gì giết hết cả nhà họ Triệu từ Triệu Sóc, Triệu Đồng, Triệu Quát, Triệu Anh và toàn bộ trẻ già trai gái. Kiểm lại các xác chết, chỉ thấy có một người là công chúa Trang Cơ là vợ của Triệu Sóc.

Có người mách tin rằng công chúa đã vào cung, Đồ Ngạn Giả bèn vào cung tâu trình với Cảnh Công, đòi hỏi công chúa ra giết đi, Cảnh Công e rằng thương tổn đến tình cảm của Mẫu hậu. Đồ Ngạn Giả lại tâu rằng công chúa đang mang thai, nếu mà đẻ ra con trai, sẽ để lại nỗi nghịch tử, một ngày khác sẽ biết báo thù, dẫn lại cảnh giết chúa ở vườn đào. Cảnh Công lại nói nếu chờ đến khi đẻ con trai thì đem giết đi là xong.

Thế là Đồ Ngạn Giả liền cho người theo dõi tin tức sinh đẻ của công chúa.

Sau đó không lâu, quả nhiên công chúa sinh con trai. Nghe tin này Đồ Ngạn Giả lập tức mang người vào cung lùng sục. Công chúa lo sợ quá, đem con giấu vào trong váy và cầu khẩn:

Hỡi con họ Triệu, nếu muốn mất giống thì hãy khóc lên, nếu không muốn mất giống thì im đừng khóc.

Quả nhiên đứa trẻ không khóc tiếng nào, Đồ Ngạn Giả không lùng sục được gì, cho rằng đã đưa đứa trẻ ra khỏi cung cấm rồi, bèn treo thưởng khắp nơi truy nã.

Sinh thời, Thiệu Thuần có một môn khách rất trung thành tên là Công Tôn Chử Cửu, khi Triệu phủ bị vây hãm, đã cùng rủ môn khách Trình Anh dẹp nạn, Trình Anh đáp lại:

- Triệu phu nhân đang mang thai, nếu như được con trai, ta còn phải nuôi cho khôn lớn. Nếu sinh con gái, lúc ấy hầy chết cũng chưa muộn.

Công Tôn Chữ Cửu rất đồng tình với ý nghĩ của Trình Anh. Vợ nghe công chúa sinh con gái, Công Tôn Chủ Cửu bèn khóc than rằng:

- Trời ơi! Lẽ nào lại triệt hết dòng họ Triệu rồi sao?

Trình Anh khuyên:

- Chưa thể tin ngay được, phải để nghe ngóng xem sao?

Thế là họ tìm cách liên lạc với công chúa, công chúa chỉ gửi ra một mảnh giấy trên viết vền vện một chữ “võ”. Lúc ấy mới hay là công chúa đã sinh con trai, hai người mừng hết chỗ nói. Cho đến khi Đồ Ngạn Giả lòng sục trong cung không được gì. Hai người lại bàn nhau, Trình Anh nói:

- Lần này bọn chúng chưa lòng ra, sau này thế nào cũng còn lòng nữa. Làm sao bây giờ?

Cần phải trộm đưa đứa trẻ ra ngoài cung cấm, giấu ở nơi xa mới thật an toàn.

Công tôn Chữ Cửu nghĩ một hồi lâu, hỏi Trình Anh:

- Giữ tròn tính mạng đứa trẻ mồ côi và chết để đền ơn, cái nào khó hơn?

- Đương nhiên chết để đền ơn dễ dàng hơn, giữ toàn tính mạng đứa trẻ mới là khó.

- Thế thì hay lắm, anh làm cái khó, em làm cái dễ, trước đây họ Triệu đối với ông rất tốt, vậy thì miễn cái khó cho ông để gánh lấy trách nhiệm giữ tròn tính mạng đứa trẻ.

- Thế là thế nào? Hầy có kế sách gì chăng?

- Chỉ cần kiếm lấy một đứa bé mới sinh gần đây, nhận bừa là con nhà họ Triệu, tôi sẽ bế trốn vào núi Thủ Dương, ông đi báo tin để Đồ Ngạn Giả đi bắt đứa bé giả ấy, thì sẽ thôi không lòng sục nữa.

- Thế thì khéo quá - Trình Anh nói - Vợ tôi cũng vừa sinh một đứa con trai, gần giống ngày sinh với đứa bé kia, có thể thay thế được. Thế nhưng tôi mang giấu đứa trẻ, ông sẽ bị giết, thế thì... Nói đến đây hai hàng nước mắt tuôn rơi lã chã.

Công tôn Chữ Cửu bực mình, nói:

- Khóc lóc cái nỗi gì. Đây là một việc lớn, cũng là việc tốt. Ông mau bế con tới đây, sau đi tìm tướng quân Hàn Quyết sắp đặt công việc cho đứa trẻ trong cung. Trình Anh gạt lệ quay về, nửa đêm đem con đến trao cho Công Tôn Chử Cữu bồng lên núi Thử Dương, rồi quay về gặp Hàn Quyết, cho ông này nhìn chữ “võ” trong lòng bàn tay và nói rõ kế sách đã bàn.

Hàn Quyết cả mừng, nói với Trình Anh:

- Vừa may là Triệu phu nhân đang lâm bệnh, báo tôi đi kiếm thầy lang, ông chỉ cần lừa cho Đồ Ngạn Giả lên núi Thử Dương, tôi sẽ tìm cách đưa được đứa trẻ này ra.

Bàn xong mưu kế, Trình Anh đi báo tin cho Đồ Ngạn Giả, nhận rằng mình và Công Tôn Chử Cữu là môn khách của họ Triệu, được sự uỷ thác của Triệu phu nhân, bí một đêm đưa trẻ mồ côi nhà họ Triệu đi trốn vào rừng sâu. Sợ sau này bại lộ cả nhà sẽ bị giết, bởi vậy đã ra đầu thú để giữ toàn tính mạng và còn được thưởng bạc vàng.

- Đứa con cô ấy giờ đang ở đâu? Đồ Ngạn Giả hỏi.

- Trình Anh bảo tả hữu lui ra, sau mới nói:

- Đang lánh tạm ở núi Thử Dương, cần phải đuổi ngay, nếu không sẽ bị đưa sang nước Tần mất, mà việc này phải do đại phu thân hành đi chứ, những người khác đều ít nhiều có thân tình với họ Triệu, không thể tin được.

Đồ Ngạn Giả mừng rơn, tự mang ba ngàn quân, Trình Anh đưa đường xông thẳng lên núi Thử Dương, Đường rừng quanh co, u ám, đi mãi mới thấy một căn lều cỏ. Trình Anh nói:

- Họ ở đây! - Nói rồi gõ cửa, Công Tôn Chử Cữu ra đón, vừa thấy mọi người định co cẳng chạy. Trình Anh hô lớn - Đừng chạy nữa, Đồ đại nhân đã biết cả rồi, nên đã đến tận đây. Khôn hồn giao đứa bé ra ngay.

Bọn lính trói Công Tôn Chử Cữu dẫn ra. Đồ Ngạn Giả hỏi:

- Thằng con cô kia đâu?

Công Tôn Chử Cữu giận dữ đáp:

- Không biết!

Đồ Ngạn Gia ra lệnh lùng sục! Sục vào trong góc phòng thấy khoá cửa liền phá cửa vào, thấy tối om và có tiếng trẻ khóc, lần tìm ra thấy đứa trẻ bọc trong chăn gấm bèn bế ra. Công Tôn Chủ Cửu định nhào tới giữ, bị bọn lính kéo lại, bèn chỉ mặt Trình Anh chửi:

- Trình Anh! Mi là đồ chó chết! Tao với mày cùng được họ Triệu nhờ vả đem giấu đứa trẻ này, không ngờ mày là đứa tiểu nhân, đem bán rẻ ta. Mày tham mấy lạng vàng mà nỡ cắt dòng giông nhà họ Triệu. Mày là đồ táng tận lương tâm... - Cứ thế chửi mắng Trình Anh vuốt mặt không kịp.

-Mày chết đến nơi còn không biết hối hận - Đồ Ngạn Giả nói- Khử nó đi.

Lời nói vừa dứt, một tiếng “sạt” vang lên, Công tôn Chử Cửu ngã xuống đầu lìa khỏi cổ.

chửi:

- Chết mẹ mày đi. Họ Triệu nhà mày phải có ngày hôm nay!

Đứa trẻ chết rồi Đồ Ngạn Giả hí hửng thu quân về triều.

Khi Đồ Ngạn Giả lên núi Thủ Dương lùng sục, việc kiểm tra trong thành cũng lơ lửng. Hàn Quyết sai người tâm phúc giả làm thầy thuốc vào cung chữa bệnh cho Triệu phu nhân, trên hòm thuốc dán một chữ “võ”. Triệu phu nhân biết ý, xem mạch xong liền đặt đứa trẻ vào trong hòm để đưa ra ngoại cung. Hàn Quyết giấu trong phòng kín, thuê vú nuôi thật tin cẩn để săn sóc.

Mười lăm năm sau Triệu Võ lớn lên. cảnh Công muốn khôi phục nhanh thanh danh họ Triệu, Hàn Quyết ke lại bao nỗi oan tình, Cảnh Công nổi giận cho phép Triệu Võ giải oan, thế là cả nhà Đồ Ngạn Giả lại bị Triệu Võ giết sạch.

KẾ § 29 BỎ CỤC ĐẤT CÁT THỎI VÀNG

LÀM TỐT HÓA XẤU MANG MÃO BÀY KỂ BỐN TRIỆU VƯƠNG
BỎ ĐẤT CÁT VÀNG TIỂU DỤC DỪNG MƯU LẦY THIẾP LAN ĐÌNH

Kinh Thi viết: “Cho ta quả đu đủ, để đáp lại với ngọc quý, không báo đáp thế, cùng vẫn cho là tốt”. Đó là sự biểu đạt tình cảm cao quý qua lại với nhau giữa người với người, không có gì là ác ý. Nhưng nếu ai làm việc đó vào kế sách tranh giành hơn thiệt với nhau thì ngược kết quả lại hoàn toàn. Câu nói trên phải sửa là “Cho người khác quả đu đủ, nhất định phải đáp lại bằng ngọc quý, không báo đáp thế, thì giành mà lấy, lấy nhẹ nhàng không được, thì lấy bằng vũ lực”. Đó là sự giải thích thực tế nhất của kế “bỏ đất, cát vàng”, thủ đoạn của nó là kiểu câu cá, mục đích là ở chỗ bỏ ra ít mà muốn thu về nhiều.

Con người vốn rất tự tư, kẻ tự xưng là anh hùng hảo hán lại là người tự tư nhất trong những người tự tư. Họ nói khẳng khái nhất, nhưng làm thì lại nhỏ mọn nhất, cái mép thì hào nhoáng hay ho nhất nhưng tấm lòng thì dơ bẩn nhất. Họ từng giờ từng phút tính toán hơn thiệt cho mình, ngồi tính toán chi li thường bỏ ra chút ân huệ nhỏ nhoi, để được sự đồng tình, ý đồ của nó không ngoài việc muốn qua đó mà đề thu được nhiều lợi ích lớn hơn. Họ nặn ra bộ mặt từ bi thương người, song thực chất là cái vẻ từ bi của con mèo khóc con chuột.

“Bỏ cục đất” là động tác đánh vào tâm lý háms hợi của mọi người, nhằm vào nhược điểm đó. Hãy cho hưởng chút ngọt, nhử người ta vào tròng, dần dần cất lấy vàng về tay. Tựa như người câu con cá lớn, hi sinh một mau mỗi giun, đe câu được cá một con cá, bề mặt thì đúng là người đi câu phụ lòng cá, cá không phụ người câu. Nhưng thực tế mà nói, người đi câu không phụ lòng cá thì lấy đâu ra món cá rán thơm ngon bày biện trên mâm. Nói cách khác, từ xưa đến nay, có anh hùng hào kiệt nào lại chẳng phụ lòng dân. Trong số đó. Tào Tháo đã nói thực lòng và thang thần “thà là ta phụ người đừng để người phụ ta”. Đó là lời ám thị và chỉ dẫn rất xác đáng, anh hùng vẫn là anh hùng, những gì thấy được cũng đúng vậy, những gì họ đã làm cũng không ngoài cái phạm vi ta đã thấy.

Phạm vi sử dụng kế này rất rộng, không bị thời gian, không gian khống chế, làm nhỏ thì hiệu quả nhỏ, làm lớn hiệu quả lớn. Trong dân gian, có thể dùng một bộ thời trang đưa được một cô gái đến vũ trường: trong quan trường thì một tờ séc có thể kiếm được một chức tước: còn nhà băng dùng kế này bằng cách nâng mức lãi lên một chút để thu hút đông đảo khách hàng mà tăng vốn lưu động. Nhà chính trị dùng mấy câu mỹ miều để quần chúng ủng hộ mình, nhà quân sự dùng một vài ngàn lạng vàng có thể “mua” được của dịch cá một bộ tư lệnh hoặc một doanh trại, .. Tất cả những thứ đó đều là sự áp dụng khéo léo của kế “bỏ hòn đất cất hòn vàng”.

Khi Hán Cao Tổ mới ổn định thiên hạ, bên trong nhiều việc phải lo, bên ngoài cũng luôn luôn bị đe dọa, giặc Hung Nô xâm phạm biên cương, phòng bị không được tốt, nhất là sau khi bị Mạ Đốn vấy Bạch Đằng Thành, càng trở nên lo ngại bèn cho gọi quan nội hầu Lưu Kính, bàn công việc biên phòng.

Lưu Kính hiến kế rằng:

- Thiên hạ mới ổn định, binh lính mệt mỏi đã lâu. biên cương lại xảy ra nhiều chuyện, nếu lại đem quân đi viễn chinh, thực không phải chuyện dễ, xem ra nước Hung Nô cũng không phải là hạng có thể dùng vũ lực mà khuất phục được.

- Không dùng võ lực, chẳng lẽ dùng văn để dạy chúng chăng? Cao Tổ vặn lại.

Lưu Kính thưa:

- Vua Hung Nô là Mạo Đôn, tính nóng như lửa, hành động như lang sói, nói chuyện nhân nghĩa đạo đức với hãn bây giờ quá là chưa đúng lúc. Thế nhưng có thể dùng cách khác buộc hãn phai thần phục và đề đòi con, đòi cháu hãn cũng không dám đem quân xâm phạm biên cương, đó là kế để được sự yên hàn lâu dài. không hiểu bệ hạ có bằng lòng hay không?

Cao Tổ nói:

- Nếu quả thật có kế sách gì hay, có thể làm cho cả đời con cháu nó thần phục, thì ta còn phải nói gì nữa ? Khanh mau nói ra đi!

- Muốn Hung Nô thần phục, sách duy nhất là cầu hòa cầu thân, biến thù địch thành thân thích.

- Lưu Kinh vừa nói, vừa liếc trộm Cao Tổ để xem sắc mặt và tiếp tục nói - Nếu Bệ hạ có thể dứt tình, gả công chúa cho Mạo Đôn, chiêu ông ta là con rể, ông ta sẽ mộ đức hàm ơn, lập công chúa làm Hoàng hậu, sau này sinh con, đương nhiên là người nối ngôi vua. Nếu Bệ hạ tận dụng quan hệ bố vợ con rể, có thể hỏi giờ hỏi tuổi, đem tặng vàng tặng ngọc, như thế có là con hổ dữ cũng có thể biến thành ghế ngồi. Đợi Mạo Đôn, là con rể của Bệ hạ đương nhiên là không dám làm loạn, ngay như vua Hung Nô sau này, cũng là cháu ngoại của Bệ hạ, càng không dám đối đầu với bệ hạ. Đó là thứ quân không cần đánh mà cũng thắng, là công thế hoà bình, đúng là một diệu kế giữ được an lạc dài lâu.

Cao Tổ nghe qua, vẻ mặt trở nên giận dữ, nói:

- Đường đường là vua Trung Quốc, làm sao lại có thể đem công chúa gả cho phường mọi rợ ghê lở đầy mình ấy được, làm thế không sợ người đời chê cười hay sao?

- Đương nhiên, hạ thần cũng nghĩ đến việc Bệ hạ không bằng lòng gả công chúa cho Hung Nô, có điều muôn sự tại người, chỉ cần có một chủ ý như vậy, có quyết tâm như vậy. “Còn biện pháp biến hoá thì hẳn là sẽ có, có thể dùng kế mận chết thay đào, tìm trong cung cấm một cô gái đẹp, mạo nhận là công chúa rồi đem gả đi có phải là xong không nào?

Cao Tổ nghe xong từ giận hoá vui, sau một hồi bàn bạc dàn xếp bèn cử Lưu Kinh làm sứ giả, đưa người đẹp sang Hung Nô. Quả nhiên Mạo Đôn vui mừng hết sức, chịu nhận lời cầu thân. Từ đó về sau, Hán- Phiên hai nước có mối nhân duyên chặt chẽ, hữu hảo đời nọ tiếp đời kia, chung sống hoà bình mấy trăm năm, cho đến thời Vương Chiêu Quân gả mình cho Hung Nô vẫn còn tiếp tục mãi.

Đó là một sự điển hình nhất, mới hay kế: “Bỏ đất cát vàng” thành hay không là ở chỗ có chịu thiệt hay không, vả lại người đời có câu “thiệt nhỏ không chịu thì sẽ phải chịu thiệt lớn”, rốt cuộc vì tiếc cái nhỏ mà mất cái lớn.

Ngoài ra lại còn một chuyện chẳng chịu bỏ ra hòn đất nào, chỉ bằng vài câu, phỉnh phờ mà cũng cất được vàng, có thể nói đã làm cho kế “bỏ đất cát vàng” được nâng lên hàng huyền thoại.

MANG MÃO BÀY KẾ BỐN TRIỆU VƯƠNG

Thời Chiến Quốc, bảy nước tranh hùng xưng bá, cục diện rất hỗn loạn. Nước Tần muốn đem quân đánh nước Ngụy, liên kết với nước Triệu giáp công hai phía, hứa rằng sau khi thắng lợi, sẽ lấy Nghiệp Thành (Vùng huyện Lâm Chương, tỉnh Hà Nam ngày nay) để trả công.

Ngụy Vương bị đánh áp hai bên. hết sức lo lắng, vội chiêu tập quân thần bàn kế, tất cả đều chịu bó tay, vô kế khả thi. Cuối cùng hỏi tới tướng quân Mang Mào, ông khuyên Ngụy Vương không nên lo, và nói:

- Nước Tần và nước Triệu vốn có mối bất hoà. nay liên quân VỚI nhau, chẳng qua là vì vụ lợi muốn xâm xé nước ta đồ mở rộng địa bàn, tuy rằng thanh thế to tát thế. nhưng mỗi bên đều có tính toán riêng cho mình, quan hệ này rất dễ phản hoa, Cuộc chiến tranh này, nước Tần chủ mưu, nước Triệu chẳng qua chỉ là người phụ hoạ mà thôi. Chỉ cần cho một bên có chút lợi, rồi khiêu khích thêm, tự nhiên sẽ làm cho hai bên nghi ngờ nhau mà giải tán cái liên minh này.

Ngụy Vương vội hỏi:

- Thế thì phai làm gì bây giờ? Thời gian này càng cấp bách lắm rồi!

Mang Mào thưa:

- Thần giới thiệu Trương Ý đi nhất định sẽ thành công.

Trương Ý sang nước Triệu, gặp Triệu Vương, sau khi nói rõ lý do, còn trình bày thêm:

- Theo tình thế hiện nay, Nghiệp Thành là nơi khó mà giữ nổi mãi, sớm muộn gì rồi cũng mất, hiện nay đại vương đã liên kết với nước Tần tấn công nước tôi, mục đích cũng chẳng có gì khác ngoài việc giành lại đất đai. Để tránh việc quân sự, Ngụy Vương có ý hiến Nghiệp Thành cho Đại vương, ý Đại vương thế nào?

Triệu Vương nghe xong, cả mừng vội hỏi:

- Hai bên chưa hề giao chiến, mà đã tự động dâng thành. Rốt cuộc Ngụy Vương có tính toán chi đây?

- Sự thực rất đơn giản - Trương Ý tự nhiên thoải mái đáp lời Triệu Vương- Hai bên chưa từng giao chiến, nhưng có nguy cơ đánh nhau dữ dội, đến lúc ấy chết chóc sẽ nhiều, mùa

màng trong vùng tất bị tàn phá, đã gọi là giặc phá nhà cháy, quân đội rút đi rồi sẽ là một năm tai họa. Ngụy Vương trị nước bơi lòng nhân từ, rất không muốn dân chúng bị chà đạp đau khổ, đất đai bị tàn phá và mang nặng vết tích chiến tranh, cho nên đã khăng khải muốn giải quyết bằng hòa bình.

- Nhưng liệu Ngụy Vương có trông đợi gì ở ta không?

- Điều đó là tất nhiên - Trương Y nói tiếp - Đó là hoà bình giai quyết, hoàn toàn không phai là đầu hàng vô điều kiện. Ngụy với Triệu, trước đây từng có lúc liên hợp với nhau, có mối cảm tình, cùng chung hoạn nạn. Ngụy với Tần là hai kẻ thù truyền kiếp. Huống chi, Tần lại là nước hung hăng như lang sói, quân lính nước Tần hung hãn hơn cầm thú. Đi với họ là tự hạ mình xuống hàng man rợ, sao bằng dựa vào bạn bè của mình, đó là một xu thế rất hiển nhiên. Theo ý của Ngụy Vương, Đại vương nếu muốn kết bạn với Ngụy Vương, thì hãy cắt đứt quan hệ với nước Tần, Nghiệp Thành là điều kiện để trao đổi bạn bè. Nếu không, dân nước Ngụy chỉ còn cách là chiến đấu đến cùng sống chết cùng đất nước, xin Đại vương hãy tính toán thận trọng hơn một chút.

Triệu Vương trầm ngâm một lát rồi nói:

- Ê ta cân nhắc lại, mai sẽ trả lời sứ thần.

Triệu Vương cho vời Tướng quốc, nói lại lời của Trương Y, Tướng quốc nói:

- Liên hợp với nước Tần đi đánh nước Ngụy, có được cũng không có gì hơn ngoài Nghiệp Thành, bây giờ không cần dùng binh mã cũng đạt được mục đích, làm gì mà không vui vẻ. vả lại nước Ngụy một khi vào tay nước Tần, so sánh lực lượng giữa nước Tần nước Triệu càng trở nên chênh lệch, bất kể lúc nào nước Tần cũng có thể quay mũi giáo lại với nước Triệu, đó là chính sách vết dầu loang. Chẳng thà bây giờ thừa cơ chiếm lấy món lợi này, bảo toàn nước Ngụy, kiềm chế nước Tần, để củng cố biên phòng cho mình, đó là kế lâu dài.

Thế là, Triệu Vương đáp ứng điều kiện của nước Ngụy, lập tức tuyên bố cắt đứt quan hệ ngoại giao với nước Tần, hạ lệnh đóng các cửa ải, không để người nước Tần đi lại.

Tần Vương nghe được tin bất ngờ, nổi trận lôi đình, cho rằng Triệu Vương cố ý trêu tức, bèn hạ lệnh quay về phòng bị, bỏ kế hoạch tấn công nước Ngụy và quay ra thù ghét nước Triệu thi hành một cuộc chiến tranh lạnh.

Cuộc chiến tranh không bùng nổ nữa. Để thực hiện điều mật ước, Triệu Vương cho quân sang tiếp thu Nghiệp Thành của nước Ngụy.

Tướng giữ Nghiệp Thành là Mang Mảo chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, chống cự từ ngoài biên ải, hỏi quân Triệu đến gây rối hay đến chúc mừng. Tướng Triệu nói rằng vâng lệnh Triệu Vương đến tiếp thu Nghiệp Thành theo mật ước.

- Quân chó má! Mang Mảo quá lớn - Ta đây trấn giữ thành này, có trách nhiệm giữ đất chú đầu lại làm trò bàn giao đất cho người được.

- Đây là một hiệp định ngầm trong ngoại giao mà Ngụy Vương đã đồng ý rồi!

- Hiệp định ngầm là cái quái gì? Có phải Ngụy Vương tự hứa ra miệng không? Hay là tự tay ký tên vào? Có bằng cứ gì thì đưa ra đây.

- Chẳng lẽ lời của sứ thần Trương Ý do Ngụy Vương cử sang nói ra lại không đáng tin cậy sao?

- Sứ thần? Trương Ý nói bao giờ? Đi tìm ông ta mà đòi. Ngụy Vương chưa có lệnh báo cho bản chức, bản chức không bỏ Nghiệp Thành. Nhà ngươi muốn lấy, hãy hỏi bộ tướng của ta xem họ có đồng ý không? Ta cảnh cáo nhà ngươi, hẹn cho nhà ngươi hãy rời khỏi nơi này ngay, nếu không nhà ngươi có đến mà không có về.

Tướng Triệu thui thủi quay về, báo cáo với Triệu Vương, Triệu Vương hết sức kinh ngạc, mới biết đã mắc lừa Ngụy Vương. Lại nghe nói nước Tần đang vận động nước Ngụy lập liên minh quân sự để tấn công nước Triệu lại càng tỏ ra hết sức kinh hãi, bèn vội triệu tập cuộc họp nội các khẩn cấp. Kết quả là tự động cắt năm thành trì cho nước Ngụy, liên kết công nước Tần.

TIÊU DỤC DONG MUÙ LẤY THIẾP LAN ĐÌNH

Trần Huyền Trang (tức là Đường Tam Tạng) đi đi Tây Thiên lĩnh kinh trở về, Đường Thái Tông cho xây một tòa nhận tháp chùa Từ An, để ghi nhớ âm phúc của Văn đức Thái hậu, lệnh cho Thái tử Lý Trị làm bia ký, tự khắc lấy chữ, muốn dùng nét chữ của Vương Nghi khắc lên bia tháp. Bèn lệnh cho các chân quận sưu tầm các pháp thiếp của hai vị vương

(Nghĩa Chi, Hiến Chi) để ngự lãm. Tất cả đã thu thập được hơn 1300 thiếp, chỉ còn thiếu tập “mẫu chu Lan Đình” của Vương Nghĩa Chi là vẫn chưa tìm ra.

Có một vị ngự sử là Tiêu Dực nói rằng bản chính của “Tập Tự Lan Đình” là một món gia bảo của nhà họ Vương, bây giờ truyền đến hoà thượng Biện Tài, hiện giấu ở trên dầm chùa Vinh Hàm ở Hồ Nam, xưa nay chưa từng cho ai biết. Nếu Chúa thượng cần, thần sẽ tìm cách để lấy.

Đường Thái Tông rất mừng, nói:

- Khanh làm được như vậy, Trẫm có thưởng ngàn vàng cũng không tiếc, nhưng chớ nên cố tình hiếp đáp người ta mà lấy.

Tiêu Dực cầm chỉ dụ viết tay của nhà Vua với hai tập thiếp của “Nhị Vương” để làm quà ra mắt hoà thượng Biện Tài. Sau lại cải trang thành một thư sinh đi ngao du thuê đồ đạc thặng tới Tương Đàm, nghỉ tạm dưới thuyền, hàng ngày lên chùa Vinh Hàm xem bích hoạ, khi đi qua cửa phòng riêng của Biện Tài bèn ngồi nghỉ lại một chút và cúi chào vị sư già một cách rất kính cẩn. Lâu dần, Biện Tài cũng thấy có thiện cảm với con người này, từ chỗ chỉ hỏi han nhau dần dần đã mời vào chùa để đàm đạo. Tiêu Dực nhiều tài nghệ, cầm kỳ thi hoạ, thứ nào cũng tinh thông, Biện Tài cũng là lớp người giỏi đủ cách ăn chơi, cho nên mới gặp nhau giữa họ đã như gặp bạn cũ rất hiểu nhau, ngày ngày ở bên nhau cùng chung chén rượu cuộc cò, câu thơ lời phú, Tiêu Dực nhất nhất chiều theo ý chủ.

Một hôm, hai người ăn no uống say, chuyện phiếm hết văn chương thơ phú, bèn nói đến thư pháp, Tiêu Dực nêu chuyện ra trước:

- Dòng họ tôi trước đây có một thứ gia bảo, đó Là Thiếp thư pháp Nhị Vương chẳng biết là của thật hay của giả, giám xin người chiêm nghiệm giúp cho. Nói rồi đưa ra Thiếp thư pháp Nhị Vương vẫn mang theo. Biện Tài xem xét giờ lâu, bèn nói:

- Thật thì thật đấy, song không phải là tác phẩm đặc ý của Nhị Vương, bần tăng vốn có bút tích thật đấy.

Tiêu Dực hỏi:

- Thiếp gì vậy?

- Thiếp Lan Đình[1]

Tiêu Dực nói:

- Làm gì còn đến nay, lưu lạc hơn trăm năm nay, e không phải là của thật?

Biện Tài đáp:

- Thực chẳng dám giấu, đây là gia bảo của dòng họ nhà tôi, đến nay đã là bảy đời rồi. Sư thầy Trí Vĩnh trước lúc lâm kinh tự tay trao cho bần tăng, làm sao mà là của giả được? Nếu quý khách không tin, ngày mai xin mời tới đây, bần tăng sẽ cho xem.

Hôm sau, Tiêu Dực đến thật, Biện Tài lấy chiếc hộp sắt từ trên dầm nhà xuống, lấy ra bức Thiếp Lan Đình, bày trên bàn. Tiêu Dực ngắm ngía rất lâu, rồi lắc đầu, chỉ ra rất nhiều dấu vết và khẳng định.

- Tập Thiếp Lan Đình này không phải thứ thiệt.

Biện Tài rất ngạc nhiên, và hơi bị nao núng trước lời lẽ biện chứng của Tiêu Dực, bèn, bảo Tiêu Dực để hai tập Thiếp Nhị Vương lại để tự mình đối chiếu.

Để tiện việc đối chiếu xem Thiếp Lan Đình giả hay thật, Biện Tài không cất về chỗ cũ nữa.

Bỗng một hôm, vị hòa thượng ấy có việc đi xa, Tiêu Dực vội vã vào chùa nói với chú tiểu coi nhà rằng “sư cụ quên mang khăn nên bảo ta về lấy giúp” chú tiểu thấy người quen, không cho rằng có sự gian trá, bèn để cho vào chùa. Tiêu Dực vội vàng nắn gọn cả tập Thiếp Lan Đình lẫn thiếp Nhị Vương để lại hôm trước. Ra khỏi chùa, đến ngay nơi nghỉ tạm, sai người hầu lập tức mang về Tràng An.

Biện Tài về đến chùa, thấy Thiếp Lan Đình bị lấy trộm, ngắt xiủ ngay tại chỗ, lâu lắm mới tỉnh lại. Tiêu Dực về kinh đô, Đường Thái Tông long nhan rạng rỡ lập tức thăng cho chức Viên ngoại lang và còn thưởng cho hoà thượng Biện Tài nhiều tiền bạc gấm vóc và xây cho tòa tháp ba tầng.

Biện Tài sau khi bị vỡ đòn đau, u uất mà đâm bệnh, hơn năm sau thì chết.

Thiếp Lan Đình cho mãi đến lúc Đường Thái Tông qua đời, biến thành vật tùy táng, vùi sâu ba thước đất và cũng từ đó. bản chính của Thiếp Lan Đình không còn ở trên đời này nữa.

KẾ § 30 MỸ NHÂN KẾ

ĐẠO MẠO NGANG NHIÊN ĐẦM TRONG HUONG SẮC
HỒNG THUA TRO HÀNG THANH TRÚNG MỸ NHÂN KẾ
HIỀN ĐIỀU THUYỀN, VƯƠNG DOÃN TRỪ ĐỒNG TRÁC

Có người từng nói: “Thượng đế sinh ra người đàn ông để sáng tạo thế giới, lại sinh ra người đàn bà để không chế đàn ông”.

Mỹ nhân, tức là người con gái đẹp. Lợi dụng người đẹp để đối phó với địch, gọi là kế mỹ nhân.

Con gái thuộc về phái đẹp, con gái đẹp lại là người đẹp trong phái đẹp, tuy họ chẳng biết cầm cương bắn nỏ, không thể giết địch bằng sức lực, nhưng lại có thể “cười đến nghiêng nước nghiêng thành”, công của họ là lập bằng ánh mắt. Cho dù có là tường đồng vách sắt, lũy cao hào sâu, ba quân chịu -không công phá nổi, chủ tướng cũng đành chịu bó tay. Thế nhưng chỉ cần một cái nguẩy lưng của người đẹp và ánh mắt chỉ liếc qua dám chắc là lửa tắt, khói êm, bó giáo quy hàng. Cho nên có câu nói rằng: “Đạn đại bác cũng thua đạn thịt, báng súng không địch được gối bông”, mới hay cái ma lực của dải yếm, vũ lực đến đâu cũng phải thua xa.

Người con gái sở dĩ có được thứ ma lực đó, có thể nói là một sáng tạo của thượng đế cố ý muốn để chinh phục giới đàn ông, nhất là với những nhân vật anh hùng hảo hán. Anh hùng với gái thuyền duyên vốn nghiêng nhiên thành một thể, bất kể xưa nay trong nước hay nước ngoài đều đầy rẫy trong sử sách và vận mệnh của lịch sử Trung Quốc cũng thường được thao túng trong tay hai hạng người này. Cũng không bao giờ riêng rẽ mà là cần lẫn nhau, nói tốt thì là làm cho việc đẹp thêm, nói xấu là sự câu kết dựa dẫm vào nhau. Huống hồ rằng “từ xưa đến nay anh hùng đều háo sắc, nếu không háo sắc đã không phải anh hùng”, chém giết lừa lọc nhau cũng chỉ để lấy một tiếng cười của người đẹp, đến như Hitler theo chủ nghĩa độc thân cũng còn bí mật nuôi bồ nhí, trước lúc chết còn định cưới nhau. Một người có tên tuổi từng nói: “Say ôm gối đàn bà, tỉnh ôm quyền thiên hạ”, đấy là một lời tự thú thực tế nhất.

Bởi vậy dùng kế này tuyệt nhiên không bị thời gian, không gian hạn chế. Đúng là chặn gối làm chiến trường, phần son thay gươm giáo, tiếng cười thay cung tên, có người đã tóm được đầu tướng ở trên chiến trường, trong quốc hội có người đã bắt được cả hồn nguyên thủ, có người thì cha sang nhờ con, anh sang nhờ em gái thậm chí đã có những đức ông chồng chịu mang sừng trên đầu để được sang vì vợ. Kế này vừa có thể mê hoặc địch, cũng có thể làm bậc thang leo cao.

Những ví dụ về mặt này quả thực là quá nhiều, không sao kể hết, chỉ xin nêu ra đây những chuyện vừa đặc sắc vừa có kịch tính.

ĐẮM VÒNG HƯƠNG SẮC HỒNG THỪA TRÙ HÀNG THANH Năm thứ 14 Sùng Trinh đòi Minh, quán Thanh đánh bại quân Minh ở cấm Châu bắt sống thông soái Hồng Thừa Trù.

Hồng Thừa Trù vốn là tài sĩ ở Trung Nguyên, văn võ song toàn rất thông hiểu về tình thế cũng như phong tục tập quán của Trung Quốc. Thanh Thái Tông (tức Thuận Trị) từ lâu đã có dã tâm muốn nuốt chửng Trung Nguyên, muốn lợi dụng Hồng Thừa Trù làm quân tiên phong mở đường bèn sai thuyết khách là Biện Sĩ khuyên hàng. Hồng Thừa Trù với tiếng là một danh sĩ, hiểu rõ về đại nghĩa, một mực từ chối và còn tuyệt thực đe phản đối.

Thái Tông thấy tấm lòng trung đó rất quý, muốn tranh thủ con người này, bèn hạ chiếu nói rằng ai làm cho Hồng Thừa Trù đầu hàng sẽ được trọng thưởng. Nhưng rồi cũng chẳng ai làm được việc đó.

Hồng Thừa Trù có một người hầu tôn là Kim Thăng. Người này hiến kế cho Thái Tông nói rằng, anh ta vốn tính cương trực, càng ép càng cứng, nhưng lại rất thích người đẹp, nên dùng người đẹp khuyên nhủ, có thể lại thành công.

Thế là Thái Tông hạ lệnh các nơi trong cả nước tìm kiếm người đẹp. thế nhưng chẳng có một cô gái nào vừa mắt, Hồng Thừa Trù vẫn tuyệt thực chờ chết.

Thái Tông thấy vô kế khả thi, không biết làm gì hơn đành vỗ cung nghỉ ngơi. Hoàng hậu hỏi:

- Chúa công đánh bại quân Minh, nơi nơi đều kinh sợ, tại sao phải tỏ dài như vậy?

Thái Tông nói:

- Dàn bà các người hiểu gì đại sự quốc gia.

- Hay là còn chưa chinh phục được Trung Nguyên?

- Khanh quả là thông minh, vừa nói đã trúng tâm sự của ta.

Chỉ vì còn chưa chinh phục được Trung Nguyên, nên mới định chiêu hàng tướng lĩnh của nhà Minh là Hồng Thừa Trù để dẫn đường cho ta song hãn cứng cổ không chịu hàng.

- Làm gì lại có kẻ ngu ngốc thế mà không hàng - Hoàng hậu nói - đe dọa không được thì phải phỉnh phờ dụ dỗ là được thôi!

Thái Tông lắc đầu quày quật:

- Khó lắm, khó lắm, làm đủ mọi cách rồi mà nó càng ngày càng cứng cổ. Ngay cả đến nghe theo kế người hầu của hãn dùng mỹ nhân kế cũng không xong, căn bản là hãn coi khinh gái đẹp của nước ta.

Hoàng hậu cau mày suy nghĩ, một hồi lâu, bỗng liếc mắt nhìn lên, hai má ửng đỏ, như có ý muốn nói gì. Thái Tông hỏi:

- Ái khanh cũng có mưu kế gì chăng?- Hoàng hậu vẫn không nói, mắt đắm đuối nhìn Thái Tông. Thái Tông vội kéo Hoàng hậu vào lòng nói nhỏ vào tai nàng:

- Nếu có lợi cho đất nước, ta chẳng tiếc một giá nào!

Hoàng hậu cũng ghé tai Thái Tông nói gì đó một hồi, bỗng thấy Thái Tông nổi giận quát lên:

- Ta là Vua của một nước, lẽ nào lại ra thiết triều với cặp sừng trên đầu?

- Xin chớ nổi giận, thiếp làm thế cũng chẳng qua là vì nước, nếu Chúa công không ưng thì thôi chớ sao? Vừa chậm rãi nói, hay tay Hoàng hậu vừa xoa lên má Thái Tông.

Thái Tông là con người thông minh, nghĩ một lát, bỗng thở dài dứt khoát, nói:

- Vì tiền đồ của đất nước, ái khanh hãy làm đi, nhưng phải hết sức kín đáo không cho bất cứ kẻ nào biết.

Thế là Hoàng hậu trang điểm rất đặc biệt, đến lúc chiều tà, đem một cái bình ra khỏi cung cấm, một mình đến khu phòng giam, thấy Hồng Thừa Trù đang nhắm mắt quỳ với một vẻ kiên nghị khó ai xúc phạm tới. Nàng hỏi nhỏ

- Vị đây có phải chẳng là Hồng Tướng quân?- Tiếng thỏ thẻ như chim oanh xổ lồng.

Hồng Thừa Trù là một người anh hùng có tính cách đặc biệt, bất kể đao búa, tiền bạc, không hề nao núng, duy có điều là rất nhạy bén 374 với âm thanh uyển chuyển và mùi đàn bà hương thoảng như hoa lan, nên đã mở mắt ra một cách rất tự nhiên, ở đâu ra một người đẹp thế này? Nhưng vẫn hỏi một cách nghiêm túc:

- Nàng là người thế nào? Ai sai đến đây? Có việc gì?

Nàng cúi đầu làm lễ nói:

- Hồng Tướng quân! Thiếp có ăn thịt người đâu, sợ cái gì? Thiếp biết Tướng quân một dạ trung thành, tuyệt thực để biểu lộ ý chí, đã một mực làm người chết vì nước thì còn có gì đáng sợ? Nói xong, cười gằn một tiếng và ném theo một cái liếc mắt.

Sự cương trực của Hồng Thừa Trù bắt đầu chùng xuống, nói:

- Ta không phải là sợ chết. Có điều là nàng xuất hiện quá bất ngờ.

- Tướng quân đừng nên hỏi, thiếp tối đây với cả tấm lòng tốt, muốn cứu Tướng quân ra khỏi nơi bế khổ - Nàng vừa trịnh trọng vừa vuốt ve nói vậy.

- Cái gì? Nàng cứu giúp ta? Định khuyên ta xin hàng? Hừ! Lòng ta như sắt đá, xin hãy im cái mồm đi!- Hồng Thừa Trù lại tỏ rõ uy vũ của mình.

Nhưng nàng không hề để ý, tiếp tục nói:

- Tướng quân! Xin đừng quá khinh thiếp. Tuy là phận gái, song thiếp rất biết điều đại nghĩa rất, khâm phục hành động anh dũng, tinh thần tuần tiết và lòng trung của Tướng quân, đâu dám tước đoạt ý chí của Tướng quân.

- Thế thì nàng đến để làm gì?

- Ấy! Tướng quân! Thiếp chàng nói rồi là gì?

Đến để cứu Tướng quân.

Lời nói của nàng vừa chứa đựng sự cảm thông, lại vừa khiến người đáng thương. Tướng quân chẳng đang tuyệt thực chờ chết đó sao, nhưng tuyệt thực chỉ ít cũng bảy tám ngày mới chết được, trước lúc chết, cái đói sẽ giày vò, lòng dạ sẽ 1'ôi bời. đầu vầng mắt hoa, phát nóng phát sốt. một mình chịu khổ' sơ thậm chí còn treo cổ, trầm mình. Thiếp là con nhà

Phật, lòng nặng môi từ bi, sao nữ đề Tướng quân chịu khổ' chịu đau như vậy? Cho nên đã sẵn một thang thuốc độc, đem đến dâng Tướng quân. Điều Tướng quân mong cầu hiện nay không ngoài cái chết, vậy thì tuyệt thực chết. với uống thuốc độc chết, rốt cuộc có khác gì nhau? Tướng quân nêu sợ chết thì không nói làm gì, nếu không sợ chết, xin hãy uống thang thuốc này, lại chẳng bớt đi những đau khổ trước lúc chết hay sao?- Nói xong, bưng ấm thuốc đưa tới!

Với ngón tròn vừa dấm vừa xoa. vừa thương vừa ve vuốt đó của nàng, Hồng Thừa Trù không làm chủ được mình nữa, liền la lên.

- Được! Được! Ta uống, ta uống, chết còn không sợ, sợ gì thuốc độc? Lập tức giật lấy ấm thuốc ngửa cổ uống một hơi, không ngờ do vội vã, thuốc nghẹn ngang cổ, sặc bắn tứ tung, ướt hốt cả xiêm áo của nàng.

Hồng Thừa Trù đã bớt cơn giận vội vàng xin lỗi nàng. Nàng không hề để ý coi như không có chuyện gì xảy ra, vừa cười nhạt vừa rút khăn thơm, phũ đi những giọt nước trên xiêm áo, liếc mắt sang với Hồng Thừa Trù, nói:

- Xem ra Tướng quân còn thọ lâu đấy!

- Đâu có, đâu có, ta đã quyết chết, chỉ chưa chết thôi- Lại cầm lấy ấm thuốc dốc vào bụng nhuốc nước.

- Tướng quân có thể gọi là anh dũng hết mực, coi cái chết như lông hồng, anh hùng lắm, đáng khâm phục lắm - Nàng nói - Nhưng thiếp có một điều muốn nói với tướng quân, Tướng quân bây giờ có tuần tiết vì nước đi nữa, nhưng thân xác gửi về quê người, xa xôi hàng vạn dặm, bỏ lại gia quyến khóc thương ở góc trời, rồi thiếu phụ chốn thâm khuê, tựa cửa ngẩn mây trôi, gió xuân lạnh, trăng thu tàn uống công mong ước, lộ ướt dầm gối chiếc, lòng biết kể sao nguôi, đa tình như Tướng quân, sao nữ nhám mắt mà đi, không nhỏ chi tình cũ hay sao?

Bị gọi đến nỗi tâm tư, Hồng Thừa Trù thấy vô cùng đau xót, nhưng Thuốc độc đang ở trong người, chẳng mấy chốc rồi sẽ chết, bỗng tuôn trào nước mắt, người như mềm rún, thở dài một tiếng, nói:

- Việc đã đồn thế này còn có gì để nói nữa, còn có gì mà nghĩ nữa. Ôi khá thương cho năm xương vô định bốn sông, đề sáu cho người ở chốn khuê phòng đang mộng nhớ.

Nàng thấy đối thủ đã động lòng trắc ẩn, bèn dùng lời khiêu khích thêm:

- Quyết chí chết vì nước, Tướng quân có thể nói là trung trinh một dạ, không hổ thẹn với thần tiết rồi, nhưng thiếp xem ra, quả là ngốc nghếch hết chỗ nói.

- Cái gì? Theo như nàng nói, lẽ nào thất tiết đầu hàng thì lại là anh hùng hảo hán hay sao?

- Tướng quân! Không phải thiếp nói Tướng quân, người là trụ cột của quốc gia, nhà Minh trông đợi ở Tướng quân rất nhiều, vậy mà chết dễ dàng thế này, chỉ được một chút hư danh rồi cuộc liệu có lợi gì cho đất nước? Nếu như vào hoàn cảnh thiếp, thiếp sẽ tạm chịu nhẫn nhục một thời để dần dần làm lại, người ta nói thế là nhẫn nhục nặng nề, chờ thời báo ơn chúa, như thế không phụ lại sự uỷ thác của thánh quân, không để mất niềm hi vọng của muôn dân, sẽ không bao giờ coi nhẹ cuộc sống như vậy, đó gọi là hành động của kẻ thất phu! Nhưng mà, ở đời, mỗi người một chí hướng, cũng khó mà ép nhau được - Thiếp đã nói hơi nhiều, xin đừng cho đó làm lạ, Tướng quân đã uống thuốc độc rồi, nghĩ không nên đem thêm đau khổ cho một người hấp hối.

Nàng vừa nói vừa liếc ngang liếc dọc, mang hết vẻ yếu điệu và tư thế quyến rũ. Hồng Thừa Trù tuy đang chờ chết, nhưng huyết mạch vẫn hết sức lưu thông, vừa say vì nhan sắc, vừa phục vì kiến thức của nàng trong lòng ấy náy không biết nên làm gì mà bỗng thấy dục vọng tràn dâng trong lòng và thể hiện ra trong khoé mắt.

Nàng lại nói:

- Sau khi chết đi, Tướng quân có điều gì cần nói lại với gia đình không? Hai chúng ta tuy một lần gặp gỡ, cũng là một chút duyên phận, đã 378 thương thì thương cho trót mà, bất kể hoàn cảnh nào, thiếp cũng có trách nhiệm nói lại.

Hồng Thừa Trù nghe đến đó, nước mắt lại trào ra. Nàng lại rút khăn thơm, tựa thân vào lau nước mắt cho chàng.

- Tướng quân, xin đừng buồn, làm ướt hết cả quần áo rồi đây này. Ôi, thiếp cũng thấy khó có thể xa chàng như thế này.

Một mùi son phấn thoảng qua cùng dáng vẻ yêu kiều từ bốn bề ập tới, làm cho lòng Hồng Thừa Trù trào dậy, vô ý thức đưa tay mân mê cánh tay nang, cảm thấy êm dịu như mọ vào một vật không xương mềm như sáp.

- Nàng ơi!

- Ôi! Thiếp đây, Tướng quân - Nàng nửa kín nửa hở, miệng phả ra như có lửa, toàn thân cũng toả ra một thứ lửa- Ôi, chỉ tiếc rằng Tướng quân đã uống thuốc độc rồi.

Thế nhưng Hồng Thừa Trù lúc này lửa tình đã đốt cháy tâm can, bèn gạt cái chết sang một bên, quàng tay ôm chặt lấy nàng, nói:

- Chỉ cần Thuốc độc chậm ngấm lại một phút, thì dù có được chết dưới càn mầu đơn, làm ma cũng danh giá lắm.

Nàng cười lên khanh khách, dùng ngón tay chỉ vào trán chàng nói:

- Đồ ngốc ạ, người uống phải thuốc độc, chỉ cần rửa dạ dày giải độc là không sao cả.

- Vậy thì hãy rửa dạ dày cho ta mau lên.

Thế là nền đá mốc biến thành giường, khăn áo trong tủ tạm thành tổ uyên ương. Trận mưa nổi lên trong yên lặng và sự yên lặng đã thâu biết bao nhiêu lời lẽ.

Thế là một bậc anh hùng hào kiệt với ri tiền của giàu sang không lung lạc, uy vũ không khiếp sợ, không bị phôi hủy ở chốn chiến trường, không chịu tuần tiết trước gươm đao, mà chịu trói buộc bởi cái dải váy đàn bà.

Đến hôm sau, Hồng Thừa Trù, con người vốn được muôn dân tín ngưỡng, một kinh luân đại thần có địa vị cao trong triều nhà Minh, một tướng quân hiển hách đã cùng Hoàng hậu Mẫn Thanh mỉm cười khoác tay nhau vào triều kiến Thanh Thái Tông.

Thì ra âm thuốc độc mà Hồng Thừa Trù uống đó là mồn nhân sâm già trên núi, dục san của vùng núi Trường Bạch nấu lẫn với thuốc kích dục.

HIẾN ĐIỀU THUYỀN - VƯƠNG DOÃN TRỪ ĐỒNG TRÁC

Cuối đời Đông Hán, Đổng Trác chuyên quyền, mặc sức sát phạt, và đang có ý đồ thoán vị, Tư đồ Vương Doãn thấy sự việc ngày càng nghiêm trọng, lòng như lửa đốt. Một buổi tối, chông gậy ra sân sau ngửa mặt than trời, nước mắt già chan chứa. Bỗng thấy bên cạnh Mẫu Đơn đình có tiếng thỏ dài, bèn bước tới xem có chuyện gì, thì ra là Điêu Thuyền, một con hát ở trong phủ, được chọn vào chốn này từ bé để dạy cho nghề ca hát, đến lúc này tuổi vừa đôi tám, người đẹp hát hay, Vương Doãn 380 vẫn thương như con đẻ. Hôm nay thấy nàng nhìn trắng mà than thở như vậy, lại cho rằng thiếu nữ hoài xuân, bèn nạt:

- Con ranh kia! Lại có tư tình gì phải không? Làm sao mà than thở lúc canh khuya thế này?

Điêu Thuyền vội quỳ lạy đáp:

- Tiệp thiếp đâu có tư tình, chẳng qua là mấy hôm nay thấy Đại nhân suốt ngày rầu rĩ, nghĩ rằng hẳn là việc nước có gì khiến người lo lắng, nhưng lại không dám hỏi. Vừa rồi thấy đại nhân ngửa mặt kêu trời lo cho việc nước cho nên thiếp cũng than cho người. Lòng thiếp nghĩ xưa nay vốn được người curu mang, coi tiệp thiếp như con, ơn này dù có gan nát góc lầy cũng không lấy gì báo đáp nổi, nếu có thể dùng thiếp vào việc gì dù có chết vạn lần cũng không chối từ.

Vương Doãn kinh ngạc, suy nghĩ hồi lâu, rồi bỗng chọc gậy xuống đất nói:

- Thật không ngờ rằng thiên hạ của nhà Hán, thành hay bại ở trong tay người. Lại đây! Hãy cùng ta vào trong các.

Điêu Thuyền theo Vương Doãn vào trong các. Vương Doãn đuổi mọi người ra ngoài, đặt Điêu Thuyền ngồi lên ghế rồi ngửa mặt lên vái chào. Điêu Thuyền kinh ngạc, vội rạp đầu xuống hỏi.

- Sao Đại nhân lại làm như thế?

Vương Doãn tràn trề nước mắt, nói:

- Người hãy thương đến nhà Hán và muốn dân.

- Tiệp thiếp đã chẳng vừa nói rồi sao? Nếu dùng thiếp được vào việc gì, dù có chết cũng không từ chối - Điêu Thuyền nhắc lại, rồi cũng rơi nước mắt.

Vương Doãn nói:

- Hiện nay, muôn dân và quần thần đều có nỗi khổ nỗi lo, ngoài con ra không ai là người cứu nổi. Chắc rằng con cũng biết tặc thần Đồng Trác đang nắm quyền trong tay có ý định cướp ngôi vua, vãn võ trong triều đều bó tay vô kế khả thi. Đồng Trác có con nuôi là Lã Bố, vũ dũng phi thường, ta thấy hai người này đều là hạng hám sắc, cho nên muốn dùng kế mỹ nhân, lấy con làm mồi, phải biết xử sự cho khéo, làm sao cho cha con chúng trở mặt với nhau để Lã Bố giết Đồng Trác, như vậy mới cứu được cơ đồ nhà Hán, chẳng hay ý con thế nào?

Điêu Thuyền đáp:

- Thiếp đã hứa với người có chết cũng không từ chối, cũng không bao giờ ân hận, nếu việc không xong, tức là không báo đền được đại nghĩa, xin nguyện chết dưới ngàn đao kiếm.

Vương Doãn cả mừng lại vái dài Điêu Thuyền lần nữa.

Hôm sau Vương Doãn lấy ra mấy hạt minh châu vốn cất giữ từ lâu, sai thợ giỏi làm thành một chiếc kim quan rồi cho người ngăm đem cho Lã Bố? Lã Bố mừng lắm, thân hành đến Vương phủ tạ ơn. Vương Doãn mở tiệc khoản đãi, mời rượu rất ân cần, dùng hết lời ca ngợi, làm cho Lã Bố như nở từng khúc ruột. Rượu được vài tuần, Vương Doãn sai con gái ra hầu rượu.

Thị tì dẫn Điêu Thuyền bước ra, Lã Bố liếc nhìn, còn ngỡ là tiên trên trời, hỏi đó là ai, Vương Doãn đáp đó là Điêu Thuyền, con gái mình, được Tướng quân yêu mến, nên cho ra đây gặp gỡ. Điêu Thuyền lúc đó trang điểm như một nàng tiên giáng thế, vô cùng kiều diễm và tỏ hết vẻ kiều sa mời rượu đưa tình cùng Lã Bố đối trao đầu mảy cuối mắt.

Lúc đó, Vương Doãn giả vờ say, chỉ Điêu Thuyền nói:

- Con ơi! Tướng quân đây là anh hùng của thời đại, con hãy nâng chén cùng Tướng quân thoải mái uống vài chén đi con, tiền đồ của gia đình ta là nhờ vào Tướng quân đó con ạ!

Lã Bố cũng được dịp mời Điêu Thuyền vào mâm cùng uống. Điêu Thuyền e thẹn, có ý muốn quay vào. Vương Doãn nói:

- Tướng quân là bạn chí cốt của ta, con hãy tùy ý mà chiều ý ngài.

Điêu Thuyền vẫn ngồi cạnh Vương Doãn, mặt đối mặt với Lã Bố, Lã Bố thì nhìn chăm chăm không chớp mắt, rượu uống vào miệng bao nhiêu thì nổi chua chát ngấm trong lòng bấy nhiêu, bực một nỗi là không sao mà nuốt chẳng được nằng ngay.

Lát sau, Vương Doãn ngược đôi mắt say nhìn Lã Bố, chỉ vào Điêu Thuyền nói:

- Tướng quân, ngài là bậc anh hùng mà tôi sùng bái nhất, lại là người bạn thân mật nhất, nay có câu này, xin mạo muội nói ra đây, tôi muốn gả con gái tôi đây để hầu hạ Tướng quân, làm cho quan hệ giữa chúng ta đã thân càng thêm thân, không hiểu ý Tướng quân thế nào có nhận lời không?

Lã Bố rời chỗ ngồi vái chào cảm tạ:

- Nếu được như vậy, Lã Bố tôi được mang hết sức khuyến mã -Tiếp đó, quỳ “rập” một cái - Xin nhạc phụ là bề trên hãy nhận con rể đây một lạy.

Vương Doãn đáp lễ rồi tự tay đỡ Lã Bố dậy, nói sớm muộn sẽ chọn ngày lành tháng tốt để đưa con gái sang phủ. Bã Bố hết sức mừng vui, liếc trộm vị hôn thê, Điêu Thuyền cũng đa tình bằng khóc thu ba, làm Lã Bố như ngây như dại.

Tiệc rượu tàn, Vương Doãn nói với Lã Bố muốn giữ Tướng quân ở lại, song lại e Đồng Thái sư sinh nghi nên không dám cố nài giữ. Lã Bố đành bái tạ quay về.

Mấy hôm sau, trong triều đình, Vương Doãn lại gặp Đồng Trác, nhân khi không có mặt Lã Bố, cúi đầu vái mời:

- Doãn tôi muốn mời Thái sư ngày mai tới tệc xá uống vài chén rượu, chẳng hay ý người thế nào? Thấy quan Tư Đồ mời mọc ân cần, Đồng Trác đã vui vẻ nhận lời.

Buổi trưa hôm sau, Đồng Trác mang hơn trăm quân hầu tới Vương phủ, ào vào trong nhà đứng chật hai hàng. Vương Doãn đã bằng mọi cách nịnh nọt, phỉnh phờ, tăng bốc làm cho Đồng Trác vui mừng thật sự. Sau đó Vương Doãn lại mời Đồng Trác vào phòng trong, Đồng Trác lệnh cho bọn thị vệ lùi ra. Phòng trong là một khung cảnh hoàn toàn khác lạ. Chén rượu toàn là con gái đẹp, kẻ thì hát kẻ thì múa, Đồng Trác vừa ăn uống vừa vui cười. Vương Doãn nói, đám con gái này còn là tầm thường, mà có một cô gái hát còn xuất chúng hơn nhiều, có nên cho ra tiếp rượu không? Đồng Trác khen hay lắm.

Bức rèm châu vừa vén lên, đám hầu gái dìu ra một người đẹp tuyệt trần, bước tới vái chào Đồng Trác. Đồng Trác bỗng sáng mắt lên và lòng thẳng thốt, quay hỏi:

- Nàng là ai? - Vương Doãn đáp:

- Đó là con hát Điêu Thuyền.

- Có thể hát vài câu được chăng?

Vương Doãn bảo, Điêu Thuyền hăng giọng hát thử vài câu, Đồng Trác tấm tắc khen hay. Khi Điêu Thuyền chuốc rượu mời Đồng Trác, Đồng Trác hỏi nhỏ:

- Nàng năm nay bao nhiêu tuổi?

Điêu Thuyền thưa:

- Tiếp thiếp tuổi vừa đôi tám.

Đồng Trác vuốt râu cười lớn:

- Người đẹp đến thế, thật là tiên giáng thế!

Vương Doãn thừa dịp nói:

- Doãn tôi muốn dâng cô gái này hầu Thái sư, không hiểu người có ưng nhận không?

Đồng Trác chỉ mong có thể, bèn đáp:

- Nếu được vậy thì biết lấy gì báo đáp.

Vương Doãn nói:

- Người con gái nào được hầu hạ Thái sư đều là đại phúc vậy.

Đồng Trác cảm ơn. Vương Doãn sai người chuẩn bị ngựa xe, đưa Điêu Thuyền về dinh thái sư. Đồng Trác cũng cáo từ ra về, Vương Doãn tiễn chân đến tận Tướng phủ.

Cưỡi ngựa về đến nửa đường, gặp Lã Bố đang đi trên đường, vẻ mặt bức bối, nắm áo Vương Doãn, nghiêng răng hỏi:

- Tư đồ đã hứa gả Điêu Thuyền cho ta, nay lại dâng cho Thái sư, có phải đem ta làm trò cười?

Vương Doãn vội ngắt lời.

- Ở đây không tiện nói, xin hãy lại đằng nhà.

Lã Bố theo Vương Doãn về nhà, vào đến phòng trong, Vương Doãn hỏi:

- Sao Tướng quân lại trách quở lão phu?

- Lã Bố nghe nói có người mách, Tư đồ đã đưa Điêu Thuyền vào tận trướng phủ, rốt cuộc là tại làm sao?

Vương Doãn đáp:

- Tướng quân lầm trách lão phu rồi, và cũng lầm to rồi. Hôm qua Thái sư nói với lão phu ở trong triều rằng có việc cần đến nhà lão phu nói chuyện, và trong khi chuyện phiếm đã hỏi: nghe nói Tư đồ có cô con gái tên gọi Điêu Thuyền, định gả cho Phụng tiên con ta, ta e lời tư đồ chưa chuẩn, cho nên đến tận đây để hỏi và xem mặt con dâu tương lai. Lão phu không dám trái lời bèn sai con gái ra chào. Nhưng Thái sư lại nói hôm nay tốt ngày, ta phải đón con dâu về phủ để vui vầy với Phụng Tiên.. Tướng quân nghĩ xem thế lão phu trái lệnh làm sao được.

- Lã Bố nghe xong, vội xin tạ tội nói rằng:

Một phút lỗ mãng đã lầm trách lão trượng, hôm khác thế nào cũng đến để chuộc tội, và dùng dùng về phủ.

Hôm sau, Lã Bố đang chuẩn bị cho “tiểu đăng khoa”, nhưng hỏi ra vẫn chẳng thấy tin tức gì, vào trong dinh hỏi đám thị tì, bọn này lại bảo:

- Đêm qua Thái sư cùng ngủ với Điêu Thuyền, tới giờ này còn chưa dậy.

Lã Bố nổi giận, lẻn vào phòng trong dò xét. Thấy Điêu Thuyền đã dậy và đứng chải đầu sau cửa sổ, và cũng nhìn thấy Lã Bố đang ngó nghiêng, bèn chau mày ra bộ rất buồn khổ và rút khăn ra lau nước mắt. Một lát, Lã Bố đi ra ngoài, rồi lại trở vào, lúc này Đồng Trác đang ngồi ở phòng giữa ăn sáng, thấy Lã Bố liền hỏi:

- Bên ngoài không có chuyện gì xảy ra chứ?

Lã Bố lơ đãng trả lời.

- Không! - Rồi lập tức đứng hầu cạnh Đồng Trác nhưng cố ý nhìn trộm vào bên trong, thấy Diêu Thuyền thoát ần thoát hiện, rồi lại ló ra nửa mặt liếc mắt đưa tình với Lã Bố, làm cho Lã Bố như bị mất hồn. Đồng Trác thấy tình cảnh ấy sinh nghi, vội vẫy tay bảo Lã Bố đi ra.

Từ sau khi đăm đuổi với Diêu Thuyền, Đồng Trác say mê sắc dục, hơn tháng trời không bàn gì công việc, nói thác là bị ốm, Diêu Thuyền cũng bám sát hầu hạ ngay bên cạnh làm cho Đồng Trác càng hể hả.

Một hôm Lã Bố vào phòng trong vấn an Đồng Trác, đúng lúc Đồng Trác đang ngủ trưa, Diêu Thuyền từ phía sau giường thò cổ ra nhìn Lã Bố, lấy tay chỉ vào tim mình, rồi lại chỉ Đồng Trác và luôn tay lau nước mắt. Lã Bố nhìn cảnh đó lòng vừa buồn vừa ức mà khó nói ra, vừa lúc đó Đồng Trác tỉnh, mắt nhắm mắt mở thấy Lã Bố đứng ở đầu giường chằm chú nhìn Diêu Thuyền, bèn cất miệng mắng:

- Thằng súc sinh, mày định đến đây ghẹo ái cơ của ta ư? Rồi gọi tả hữu đuổi Lã Bố ra và dặn từ nay không được cho vào. Lã Bố hậm hực quay ra.

Sau đó Đồng Trác lại ân hận, đem cho Lã Bố vàng bạc gấm vóc và tìm lời an ủi. Lúc này Lã Bố thân ở bên Đồng Trác song lòng đã gắn chặt với Diêu Thuyền.

Khi Đồng Trác vào triều bàn việc, Lã Bố vác giáo theo hầu, khi Đồng Trác nói chuyện với Hán Hiến đế. Lã Bố đã thừa dịp lên ra, lên ngựa về tướng phủ, tìm gặp Diêu Thuyền, Diêu Thuyền nói ở đây nói chuyện không tiện, bảo Lã Bố sang chờ sẵn ở Phụng Nghi đình.

Lã Bố đợi một hồi lâu, thấy Diêu Thuyền len lén đi tới, vừa gặp mặt, Diêu Thuyền đã khóc lóc kể lể với Lã Bố:

- Thiếp tuy chẳng phải con đẻ của Tư đồ, nhưng Tư đồ coi thiếp như con mình đẻ ra. Từ khi hện cùng Tướng quân, tướng đã thoả nguyện ước ba sinh, nào ngờ Thái sư lòng dạ bất lương nỡ tâm làm nhục thiếp, thiếp uất ức muốn chết ngay cho sớm, nhưng chỉ vì chưa gặp được Tướng quân cho nên cố chịu như chịu nhục, hôm nay may mắn được gặp Tướng quân, thiếp có chết cũng không hối tiếc nữa. Thân thiếp giờ đã như nhóp, không xứng bậc tài thể anh hùng cho nên xin chết dưới chân chàng, để tỏ rõ tấm lòng của thiếp - Nói xong vội đu lên lan can, định nhảy xuống hồ sen. Lã Bố vội ôm chặt lấy nàng và cũng khóc mà than rằng:

- Ta biết lòng nàng từ lâu, nhưng cảm một điều là không có dịp gần nàng.

Đieu Thuyền cũng nắm lấy tay áo của Lã Bố nói:

- Kiếp này thiếp không lấy được chàng xin đành hẹn kiếp sau.

Lã Bố đáp:

- Kiếp này ta không lấy được nàng làm vợ thì không xứng làm anh hùng!

Đieu Thuyền nói:

- Thiếp mòn mỏi một ngày bằng cả năm mong sao chàng cứu được thiếp ra.

■ Lã Bố đột nhiên nghĩ tới việc gì, dừng lại một lát rồi nói với Đieu Thuyền:

- Ta lên ra đây gặp nàng, sợ lão già sinh nghi, thôi phải về ngay đã!

Đieu Thuyền vội nín áo Lã Bố lại nói.

- Chàng sợ lão già ấy đến thế, thì thiếp sẽ không còn có dịp để thấy ngày tươi sáng nữa rồi!

Lã Bố nói:

- Cứ để từ từ rồi kiếm cách. Nói xong, vác cây kích định đi.

Đieu Thuyền lăm bắm một mình:

- Từ chốn thâm khuê thiếp đã được biết tiếng chàng, những tướng là bậc đại anh hùng trên đời này, ai ngờ còn bị người ta trói buộc, nhát như thỏ đế.

Câu nói ấy làm cho Lã Bố ngượng chín mặt, định đi lại dừng, bỏ khí giới xuống, quay lại ôm lấy Đieu Thuyền, dùng lời lẽ dịu dàng để an ủi, thế là hai người kề đầu tựa vai thăm thì to nhỏ, quyến luyến chẳng rời nhau.

Lại nói Đồng Trác khi bàn việc với Hiến đế ở trong điện quay nhìn không thấy Lã Bố đâu, lòng đã sinh nghi bèn từ biệt Hiến đế, lên xe về phủ thấy ngựa của Lã Bố” buộc trước cửa phủ, hỏi người gác cổng trả lời rằng Lã ôn hầu đã vào phòng trong.

Đồng Trác lòng nghĩ có gì khác lạ bèn cho tả hữu lui ra, một mình vào phòng trong tìm Lã Bố không thấy, hỏi Đieu Thuyền cũng không thấy, bèn hỏi bọn thị tì, đáp rằng Đieu Thuyền ở vườn sau xem hoa.

Đồng Trác vào đến vườn sau, nhìn thoáng qua đã thấy hai người Lã Bố, Điều Thuyền đang kè vai thích cánh, thăm thì với nhau, khí giới thì để một bên. Bỗng nhiên lửa nóng bốc lên đầu. Đồng Trác quát lên một tiếng, Lã Bố giật mình, quay ra định bước đi. Đồng Trác cướp cây hoạ kích đuổi theo sau. Lã Bố bước đi nhanh, Đồng Trác béo ục ịch đuổi không kịp, bèn lao cây kích về phía trước, Lã Bố nhổ kích vút xuống đất. Đồng Trác nhặt lấy kích đuổi tiếp thì Lã Bố đã ra khỏi vườn.

Đồng Trác lao đuổi theo, bỗng một bóng người vụt tới chạm ngay trước ngựa Đồng Trác, người đó chính là mưu sĩ Lý Nho.

Lý Nho dìu Đồng Trác về thư phòng, ngồi xuống ghế, Đồng Trác hỏi Lý Nho tới làm gì? Lý Nho đáp:

- Thần vừa tới tướng phủ nghe nói Thái sư thịnh nộ vào vườn sau tìm Lã Bố, bởi vậy thần vào đây thì vừa gặp Lã Bố chạy ra và nói Thái sư muốn giết Lã Bố, nên thần đến đây có lời khuyên Thái sư và vô ý đã chạm phải ân tướng, tội đáng chết, đáng chết!

Đồng Trác tức giận ùng ùng nói:

- Thăng ranh này lại dám trêu ghẹo ái cơ của ta, ta phải giết nó!.

Lý Nho vội nói:

- An tướng sai rồi, ngày xưa trong hội tuyệt anh. Sở Trang Vương không muốn tìm ra vị tướng đã trêu ghẹo ái cơ, sau đó khi bị quân Tần vây hãm, đã được vị tướng đó mang hết sức ra giải vây mới thoát được tai nạn. Nay Điều Thuyền chẳng qua chỉ là một con hát mà Lã Bố lại là một mãnh tướng tâm phúc của ân tướng, chẳng thà nhân dịp này đem Điều Thuyền thí cho ông ta, ông ta sẽ biết ơn và báo đáp một lòng một dạ trung thành với Thái sư, dám xin người hãy cân nhắc kỹ.

Những lời nói đã đã làm động lòng trắc ẩn của Đồng Trác, dừng lại 'suy nghĩ hồi lâu, Đồng Trác nói:

- Người nói phải, hãy để ta suy nghĩ lại.

Lý Nho lui ra, Đồng Trác vào ngay phòng trong, trách hỏi Điều Thuyền tại sao lại tư thông với Lã Bố. Điều Thuyền vừa khóc vừa kể lễ:

- Thiếp đang xem hoa ở vườn sau, Lã Bố đột nhiên đến, thiếp đã tránh đi song hần nói hần là con của Thái sư việc gì mà phải tránh, rồi cầm kích dồn thiếp đến Phụng Nghi đình. Thiếp thấy hần tâm địa bất lương, sợ sẽ làm nhục thiếp, nên thiếp định nhảy xuống hồ tự tử, nhưng lại bị con người ấy ôm chặt lấy, đang giữa lúc chết dở sống dở thì may gặp Thái sư về nên mới cứu được tính mạng thiếp.

Đồng Trác lúc này mới thở phào nhẹ nhõm, lựa lời an ủi và hỏi Điêu Thuyền:

- Ta định gả ái cơ cho Lã Bố, ý ái cơ thế nào?

Điêu Thuyền kính hãi, khóc và nói:

- Thiếp nay thân đã thuộc quý nhân, giờ này sao lại đem gả cho kẻ hèn hạ ấy, thiếp có chết cũng không theo. Nói xong thuận tay, rút thanh kiếm treo trên tường định tự vẫn. Đồng Trác vội giật lấy kiếm, ôm chặt lấy nàng nói:

- Ta chỉ đùa nàng vậy thôi, ai lại làm thật thế!

Điêu Thuyền liền ngã vào lòng Đồng Trác, bùng mặt khóc, mắng:

- Đây lại là kế của Lý Nho chứ gì? Hần vốn cùng bè cánh với Lã Bố nên cố lập ra kế này, không biết nể mặt Thái sư và tính mạng của thiếp.

Đồng Trác chậm rãi nói:

- Dù sao thì ta cũng không muốn xa rời nàng.

Điêu Thuyền nói:

- Thái sư đã có lòng thương nhưng không nên ở lâu tại đây, vì e rằng Sớm muộn cũng bị Lã Bố ám hại.

Đồng Trác nói:

- Ngày mai ta sẽ đưa nàng đi khỏi đây, như vậy sẽ không sợ bị ám hại nữa.

Điêu Thuyền lúc ấy mới gạt nước mắt vái tạ.

Hôm sau Lý Nho vào gặp Đồng Trác nói:

- Hôm nay ngày lành tháng đẹp, có thể đưa Điêu Thuyền thưởng cho Lã Bố.

Đồng Trác đáp:

- Lã Bố là con ta, làm sao có thể làm như vậy được, nhà ngươi cứ nói lại ý ta, ta không để tâm đến chuyện cũ là được chứ gì?

Lý Nho nói:

- Xin Thái sư hãy lưu ý, đừng để người đàn bà ấy mê hoặc.

Đồng Trác biến sắc mặt đáp:

- Nhà ngươi có dám đem vợ để thưởng cho Lã Bố không? Việc Điêu Thuyền, thôi khỏi phải nhiều lời, còn nói nữa, ta chém. Thế là Lý Nho hoảng hốt lui ra.

Khi Đồng Trác đưa Điêu Thuyền về Mi ố, bá quan đều ra bái tiễn, trong xe Điêu Thuyền thoáng thấy Lã Bố trong đám đông đứng ngậy ra nhìn mình, nàng bèn che mặt khóc, làm cho Lã Bố càng như ngậy như dại, thở dài ngao ngán.

Bỗng nhiên sau lưng có người hỏi:

- Ôn hầu tại sao không đi với Thái sư mà còn đứng đó thở ngắn thở dài.

Lã Bố ngoái lại nhìn, thì ra là Tư đồ Vương Doãn, hai người giáp mặt nhau, Vương Doãn nói:

- Lão phu hôm nay không được khỏe, đóng cửa không đi đâu, song vì lâu không gặp Tướng quân, hôm nay Thái sư về Mi 0, đành phải gượng Ồm ra đưa tiễn, vừa hay lại được gặp Tướng quân, xin hỏi vì sao mà tướng quân thở ngắn, than dài?

Lã Bố đáp:

- Tại Điêu Thuyền con gái của lão trượng chứ còn ai?

Vương Doãn giả vờ ngạc nhiên hỏi:

- Lâu như thế mà vẫn chưa giao con bé cho Tướng quân?

Lã Bố giận dùm dùm nói:

- Lão già giữ làm của riêng mình lâu nay rồi!

Vương Doãn sừng sốt, hỏi:

- Thật như vậy ư! Thế thì quá quắt lắm, quá quắt lắm vậy!

Lã Bố kể hết đầu đuôi sự việc với Vương Doãn, Vương Doãn im lặng hồi lâu, một lúc sau mới nói:

- Không ngờ Thái sư có hành vi loạn luân như thế, thật còn hơn cả cầm thú, cầm thú cũng không đến thế- Nói đoạn, kéo tay Lã Bố tới tẹt xá bàn bạc thêm!

Hai người vào phòng kín của Vương Doãn, mang rượu ra cùng uống, Lã Bố kể lại lần nữa chuyện xảy ra ở Phụng Nghi đình. Vương Doãn làm ra vẻ không biết làm gì hơn, chậm rãi nói:

- Như thế này thì ra Thái sư đã làm nhục con gái ta, cướp vợ của Tướng quân, quả là quá tồ tẹt, người đời sẽ chê cười sỉ nhục không phải cười Thái sư, mà cười tướng quân và lão phú đây. Nhưng ta nay tuổi già sức yếu rồi, chẳng có gì lạ, chỉ tiếc cho Tướng quân, đường đường một vị anh hùng như thế, mà lại chịu ô nhục., .

lời nói chưa dứt, Lã Bố đã nộ khí xung thiên, đập bàn thét lên. Vương Doãn vội ngăn lại:

- Lão phu lỗ lòi, xin Tướng quân hãy bớt giận.

Lã Bố càng lồng lộn điên cuồng thét lớn:

- Phải giết chết tên giặc già này để rửa hận cho ta!

Vương Doãn vội bưng miệng Lã Bố lại, nói:

- Tướng quân chớ nên nói thế kéo liên lụy đến cả lão phu.

Lã Bố nói:

- Đại trượng phu sống giữa đất trời, sao lại chịu sống mãi dưới ách kẻ khác.

Vương Doãn nói:

- Đúng như vậy đấy. Tài ba như Tướng quân, làm sao mà chịu nổi sự khống chế của Thái sư Đổng Trác.

Lã Bố bỗng lại im lặng, rồi lăm bầm một mình:

- Ta giết lão già đó thì dễ như trở bàn tay. Có điều ta là con nuôi của lão. Con giết bố, e rằng người đời sẽ cười chê.

Vương Doãn tủm tỉm cười, hỏi:

- Tướng quân họ Lã, Thái sư họ Đồng. Khi lao kích theo, liệu có nghĩ đến tình cha con?

Lã Bố bỗng như vỡ lẽ ra điều gì:

- Tự đồ không nhắc đến, thì hầu như tôi đã lầm lẫn. Giờ này tôi đã quyết không giết tên giặc già ấy tôi không làm người nữa!

Thấy ý chí Lã Bố đã kiên quyết, Vương Doãn mới nói luôn âm mưu cướp ngôi tranh quyền của Đồng Trác và dụ dỗ Lã Bố lấy thế mạnh trong việc lập công dựng nghiệp. Lã Bố gật đầu lia lịa. Họ uống máu ăn thề với nhau, đồng tâm hiệp lực trừ gian cho đất nước.

Thế là Vương Doãn tiện thể thừa gió bẻ măng, giả truyền thánh chỉ vời Đồng Trác về triều. Khi Đồng Trác khệnh khạng bước vào trong đình, đột nhiên bị Lã Bố nấp chờ sẵn lao cho một mũi kích chết tại chỗ.

LÝ QUANG BẬT KHÉO DỪNG MỸ MÃ KẾ

Mỹ nhân kế, cổ nhiên ở đâu cũng thắng, nhưng lợi dụng “mỹ mã kế”, cũng thu được thắng lợi bất ngờ như vậy. Chuyện kể rằng:

Thời Đường Huyền Tông, có loạn họ Sử. Sử Tư Minh rất giàu mưu kế lại dũng cảm, thiện chiến, còn ác liệt và khó đối phó hơn An Lộc Sơn.

Tướng nhà Đường lúc đó là Lý Quang Bất, đang đối kháng với Sử Tư Minh ở Hà Dương công thủ đều không tác dụng, đành cầm cự nhau ở hai bên bờ sông.

Quân thế của Sử Tư Minh thực tế là mạnh hơn Lý Quang Bất, có cả bầy ngựa tốt hơn ngàn con, hàng ngày lần lượt cho ngựa ra sông tắm để khoe khoang mình có nhiều ngựa tốt.

Lý Quang Bất nghĩ tới kế “mỹ mã kế” của Lý Mục, bèn hạ lệnh tập trung hết toàn bộ ngựa cái trong toàn quân lại, được 500 con, đem nhốt ngựa con lại ở trong thành, chờ lúc bầy ngựa của Sử Tư Minh ra đến bờ sông, bèn lừa 500 con ngựa cái vang lên luôn mồm. Những con ngựa đực của Sử Tư Minh nghe thấy tiếng kêu của con cái bèn ào sang bên này sông. Những con ngựa cái cùng đàn cũng chạy theo, tất cả bơi qua sông. Lý Quang Bất hạ lệnh quân sĩ ra tiếp nhận toàn bộ và đuổi hết vào trong thành.

Người đầu tiên dùng “mỹ mã kế” là Lý Mục thời Chiến Quốc.

Lý Mục là danh tướng của nước Triệu, khi trấn thủ Nhạn Môn Quan, từng thấy Hung Nô có bầy ngựa hàng trăm con, những ngày nóng nực lừa ra sông tắm. Lý Mục chau mày bỗng nảy ra một kế, cười nói với cấp dưới của mình:

- Bọn Hung Nô thường cướp gia súc của dân chúng lúc này là lúc chúng phải trả lại người ta!

Thế là hạ lệnh cho hơn trăm con ngựa cái trong quân đội của mình ra buộc ở bóng mát bên bờ sông, và tiếng ngựa cái hí vang lên làm cho những con ngựa đực của Hung Nô thấy tiếng ngựa cái đã ào xuống bơi qua sông sang bên này, binh lính canh gác cứ thế lừa vào trong thành.

Hung Nô thấy thế bức lắm, bèn cho quân đuổi sang theo, bị quân mai phục của Lý Mục dùng cung tên bắn chặn trở lại.

KẾ § 31 KÍCH TƯỚNG

NGẬM QUẢ BỔ HÒN TÔ TẦN KÍCH TRƯỞNG NGHI VÀO TẦN
DỪNG KÍCH TƯỚNG KỂ THƯƠNG ĐỘ ĐỐT DOANH CHẤN QUÂN TAM

Tục ngữ có câu: “Cây sợ bị bóc vỏ, người sợ bị kích khí”. Kích là kích động, là tình cảm trong lòng được biểu lộ ra ngoài, bất kể là dùng lời lẽ để xúi bẩy hay kích thích bằng sự việc cụ thể. Mạnh Tử thường nói: “Một cơn giận mà địch được thiên hạ”. Cái giận do bị kích động mà có, dưng khí cũng sinh ra từ gan dạ, nhiều sự nghiệp cũng được tạo thành qua cơn giận, và cũng nhiều chuyện xấu xa, cũng chỉ vì một cơn giận, mới hay công dụng của sự kích động, được thì chiếm cả thiên hạ, hỏng thì họa đến thân.

Gọi là “kích tướng” là chỉ kích động với một người, tức là kích động dưng khí của con người đi làm một việc gì đó cho mình. Đối với cá nhân mà nói là một sự khêu gợi, xúi bẩy, đối với số đông là một sự rêu rao, gieo rắc, thủ đoạn khác nhau song cùng chung mục đích.

Rêu rao lời cuốn quần chúng phải nói ghê gớm nhất là Hitler, giống như Trương Nghi thời Chiến Quốc của Trung Quốc, rất giỏi giang trong việc kích bác, - ly gián, cho đến lúc chết vẫn thế. Họ là những nhân vật lịch sử cho nên được gọi là “anh hùng thép”, hoặc “tung hoành gia” kỳ thực một người là “người điên cuồng” một người là “quỷ nhơ nháp”.

Thế sự thường lấy sự thành bại mà đánh giá anh hùng, nhà quyền thuật lại càng theo đuổi mục đích, không từ một thủ đoạn nào, người thành công, xấu cũng thành tốt, kẻ thất bại, có tốt mấy cũng bị coi là xấu.

Với kết kích tướng này mà nói, nếu thành thì trở nên mưu sĩ “tính toán giỏi, vận trù tốt”, bại thì trở nên kẻ xấu xa “ăn gian nói dối”, bởi vì hỏng hay được chỉ cách nhau một sợi tóc, nên khi dùng mưu phải hết sức cẩn thận.

Đối tượng để kích tướng tốt nhất là vào những kẻ tính tình nóng nảy, còn những hạng lão gian thần cáo già, hỏi mười câu đến chín câu không trả lời thì rất khi “kích” nổi, loại người như Tào Tháo chẳng hạn thì chớ có dùng kế này để kích. Người đa nghi, người không tin ai chỉ có thể đang lành làm ra què. Thuật kích tướng của Khổng Minh tuy cũng khá cao siêu,

kích chết cả Chu Du, mắng chết Vương Lăng, nhưng gặp đệ tử trung thành của Tào Tháo là Tư Mã Ý thì không dám trở tài nữa.

Tư Mã Ý là đại đô đốc của nước Ngụy, đánh nhau với Gia Cát Lượng nhà Thục Hán ở Kỳ Sơn, bị Gia Cát Lượng dụ lên Thượng Phương Cốc, dùng “trận địa lôi” đánh cho bêu đầu sứt trán không còn một mảnh giáp, chạy trốn về Bi Bắc hạ trại, cố thủ không dám lộ ra. Gia Cát Lượng lại dùng phép kích tướng, muốn kích cho Tư Mã Ý ra đánh, bèn cho người mang bức thư và một bộ đồ của đàn bà đưa cho Tư Mã Ý. Trong thư viết: “Trọng Đạt (tên tục của Tư Mã Ý) đã là đại tướng, thông lĩnh quân sĩ cả vùng Trung Nguyên, không tìm cách ra so bì sự giỏi giang, quyết sống mái một phen mà lại cam chịu chui rúc trong hang ổ tránh đường gươm mũi giáo, thế thì có khác chi đàn bà? Nay cho người cho người mang khăn áo đàn bà sang, nếu không ra đánh thì hãy bái tạ rồi nhận lấy, nếu còn chút liêm sỉ và có chí khí nam nhi, thì hãy sớm trả lời hẹn ngày giao chiến”. Tư Mã Ý xem xong thư, lòng rất bức tức, nhưng lại giả bộ cười, nói:

- Khổng Minh coi ta là hạng đàn bà rồi - Bèn nhận quần áo, còn tặng thưởng cho sứ thần. Nổi sỉ nhục đó Tư Mã Ý chịu được, ngược lại làm cho Gia Cát Lượng phải tức mình.

Trương Nghi là chuyên gia về kích tướng, nhưng có ai ngờ lại gục ngã trước mặt người bạn học là Tô Tần.

TÔ TẦN KÍCH TRƯƠNG NGHI VÀO TẦN

Thời Chiến Quốc, nước Tần cường thịnh nhất, lần lượt đi xâm lược nước khác. Nhà chính trị đang muốn liên hiệp sáu nước, Tề, Sở, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy thành một trận tuyến, đoàn kết để chống lại nước Tần.

Đúng vào lúc đang thuyết phục hai nước Yên, Triệu và lên đường sang nước Ngụy, bỗng nghe tin nước Tần muốn động binh đánh nước Triệu, Tô Tần rất sợ rằng kế hoạch của mình bị phá vỡ, bèn nghĩ ra một cách là tìm một người thích hợp sang nước Tần, tìm cách nắm lấy quyền bính thì mới bảo đảm kế hoạch liên kết đó thành công. Nhưng người đó là ai? Nghĩ rất lâu, Tô Tần mới nhớ ra bạn học của mình là Trương Nghi.

Thế là Tô Tần cho gọi một người tâm phúc tên là Tất Thành đến, nói hết tâm sự của mình:

- Ta có một người bạn học là Trương Nghi, hiện đang ở nước Ngụy. Ta cho anh ngàn lạng vàng, anh đóng vai lái buôn đổi họ đổi tên, đến thăm ông ta, khi gặp mặt phải thể này thế này, về đến nước Triệu phải như thế, tất cả mọi chuyện phải hết sức cẩn thận.

Anh lái buôn nhận lệnh, đang đêm lên đường sang nước Ngụy.

Lúc đó Trương Nghi vừa bị tướng Chiêu Dương nước Sở lãng nhục, vết thương cũng mới lành mang cả gia đình lớn bé về nước Ngụy sống nhàn cư.

Người lái buôn sang đến nước Ngụy, đúng vào lúc Trương Nghi đang muốn sang nước Triệu kiếm Tô Tần. Họ đã gặp nhau và trò chuyện. Trương

Nghi biết khách từ nước Triệu tới, bèn hỏi:

- Nghe nói Thừa tướng của nước Triệu các ngài là Tô Tần phải không?

- Dạ phải. Chắc ngài có quen biết với Thừa tướng Tô Tần, là bạn thường hay bạn học vậy.

- Chẳng những là bạn học mà còn là chỗ kết nghĩa anh em nữa. Trương Nghi vui mừng khoe với khách.

- Thật vậy ư? Thế thì tôi thất thố quá, thì ra ngài là tri kỷ của Thừa tướng. Mà đã có quan hệ như thế tại sao không đi thăm Thừa tướng một chuyến để kiếm việc mà làm- Người lái buôn nói rất cung kính - Nhân tiện công việc buôn bán của tôi ở đây cũng vừa xong, đang tính về Triệu. Nếu ngài không ngại thì hay là ta cũng đi với nhau sang đó.

Lời nói ấy đúng với ý của Trương Nghi, thế là họ cùng nhau lên đường, chỉ mấy ngày đã đến nơi. Vào trong thành, người lái buôn nói với Trương Nghi.

- Nhà tôi ở ngay gần thành, có việc gấp phải về ngay, tạm thời không đi cùng ngài được. Ở đây quán trọ rất sẵn, ngài tìm lấy một nơi nghỉ ngơi, vài hôm nữa tôi sẽ tới thăm ngài sau - Nói xong là đi luôn.

Ngày hôm sau Trương Nghi vào Tướng phủ gặp Tô Tần, người canh cửa lại không báo tin vào, cũng không để cho vào, nhưng cũng không để cho đi, ý cứ muốn dùng dằng thế liền mấy ngày. Đến ngày thứ năm mới báo tin vào, nhưng lại nói Thừa tướng bận nhiều công việc, hôm khác mới gặp được. Như thế là lại phải chờ đợi thêm mấy hôm, rốt cuộc cũng

chẳng thấy tin tức gì, tiền tiêu cũng đã hết, Trương Nghi rất bực mình muốn bỏ về, nhưng chủ quán lại cố giữ nói:

- Thưa ngài, ngài hãy cố” đợi thêm vài hôm nữa. Đã vào đến Tướng phủ thì lo gì mà chẳng gặp được. Nếu như ngài bỏ đi, tôi biết thưa lại thế nào, cho nên dù có phải đợi cả năm tôi cũng không thể để ngài đi.

Trương Nghi đành phải ở lại, trong lòng rất buồn bực, muốn đi tìm người lái buôn để nói chuyện, nhưng chẳng ai biết ông ta ở đâu. Lại mấy ngày qua đi, Trương Nghi không thể chịu đựng thêm được nữa, bèn gửi lời cáo từ vào Tướng phủ lúc ấy mới được Tô Tần trả lời, hẹn sáng hôm sau cho gặp.

Trương Nghi về báo tin với chủ quán, và hỏi mượn một bộ quần áo tươm tất một chút, trời mới sáng là đi liền.

Khung cảnh Tướng phủ rất uy nghi, cửa giữa đóng chặt, hai bên xe ngựa đứng chỉnh tề, quân lính oai nghiêm. Trương Nghi nói rõ mục đích của mình, người gác chỉ cho đi lối cửa bên. Vừa định bước thẳng lên thềm nhà, Trương Nghi bị ngăn lại với những lời lẽ kiêu ngạo:

- Thưa tướng đang bận việc, chờ một chút không được sao?

Trương Nghi rất bực mình, bèn đứng chờ ngoài hiên, liếc mắt nhìn đám quan lại ra vào nườm nượp như người đi lễ chùa, liên tục không dứt, tiếp đó lại có người nhà lên bẩm báo câu gì. Sau đó đã gần trưa rồi, bỗng nhiên có tiếng từ trong nhà:

- Mời khách!

Trương Nghi sửa áo mũ bước lên thềm, những tướng Tô Tần sẽ bước xuống bậc thềm đón, ai ngờ vẫn cứ ngồi im một chỗ nên lòng đã thấy không vui, miễn cưỡng đưa tay vái chào, Tô Tần chỉ vò bàn tay phải, mặt không hề lộ vẻ tươi cười, chỉ hỏi rất nhạt nhẽo:

- Từ sau ngày chia tay nhau, Dư Tử (tên riêng của Trương Nghi) vẫn khỏe chứ?

Lúc này Trương Nghi tức nổ đom đóm mắt, không thèm trả lời, đứng ngây một chỗ.

Người hầu vào bẩm đã đến bữa ăn trưa. Tô Tần nói với Trương Nghi:

- Tôi bận nhiều công việc quá nên để bác phải đợi lâu, giờ hãy đi ăn cơm đã, rồi tôi có câu chuyện muốn nói. Tiếp đó sai người dọn cơm ở nhà dưới cho Trương Nghi, còn mình vẫn

ngồi ở nhà trên. Trương Nghi liếc mắt thấy mâm trên bày đầy sơn hào hải vị, còn mâm mình trần một đĩa rau, một bát canh, cơm cũng là thứ gạo thô đậm bạc.

Trương Nghi định bụng không đụng đũa, nhưng chờ đợi từ sớm đến lúc này bụng đã đói mềm, vả lại cũng đã nợ chủ quán khá nhiều tiền, những mong hôm nay gặp Tô Tần, nếu có được chiếu cố thì ít ra cũng nhờ được món tiền để trang trải, không ngờ lại gặp cảnh này, đành phải cúi 404 đầu ngồi dưới thềm, không còn cách nào hơn là phải nhịn nhục mà cầm đũa, nhìn lên thấy Tô Tần ăn uống thừa mứa, ban phát cho người hầu hạ những thứ con ngon lành hơn của mình, trong lòng càng buồn bã và tức giận, càng nghĩ càng thấy nổi giận nóng lên trong mắt.

Vừa lúc ấy, Tô Tần lại cho truyền:

- Mời khách lên nhà!

Trương Nghi đứng dậy, thấy Tô Tần vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, không nén nổi tức gì ân, bước tới chỉ mặt Tô Tần sỉ mắng:

- Mi là quân vô tình vô nghĩa, lúc đầu ta cứ tưởng mi chưa quên, tình cũ, cho nên từ nơi xa hàng ngàn dặm lặn lội đến thăm, ai ngờ mi lại sỉ nhục ta thế này, thế mà còn nói những là yêu ban, quý dân, yêu nhà!

Thế nhưng Tô Tần chỉ cười nhạt, nói giọng quan cách:

- Vái tài năng của nhà ngươi, cũng chỉ đến bước như thế, thật là mình làm mình chịu, chẳng lẽ ta lại không giúp được ngươi để ngươi trở nên giàu sang? Nhưng quả thực ngươi là người vô dụng.

Trương Nghi tức không nhịn được, quát lớn:

- Mi đã coi ta không đáng giá một xu. Bậc đại trượng phu tự làm nên cơ nghiệp, ta cũng chẳng thêm nhờ mi giúp đỡ.

- Thế thì tốt quá, nếu ngươi tự thấy có tài, hà tất còn phải tới đây làm gì? Nay nhớ tình bạn học, ta giúp ngươi một thỏi vàng, mong ngươi hãy tự định liệu.

Tô Tần nói xong, sai quân hầu đem vàng ra cho Trương Nghi. Trương Nghi bỗng nổi giận vứt thỏi vàng xuống đất, ngang nhiên bỏ đi. Tô Tần cũng không hề ngăn giữ.

Về tới quán trọ, Trương Nghi bỗng thấy đồ đạc của mình đã được sắp sẵn ngoài cửa, bèn hỏi chủ quán là tại làm sao, chủ quán cười tít mắt trả lời:

- Chúc mừng ông Trương, hôm nay ông đã gặp được Tướng quốc đại nhân, thế nào chả kiếm được chức quan mà làm, thế nào chả lên xe nhậm chức, bởi vậy tôi mới xếp sẵn đồ đạc ra đây, kéo tới lúc đó lại vội vàng.

Trương Nghi im lặng không nói một lời, miệng chỉ lẩm bẩm “Ác thật! Ác thật!” tay thì cởi khăn áo trả cho chủ quán.

Chủ quán ngây cả người, vội vàng nói với Trương Nghi:

- Thưa ngài, thế này là thế nào?

- Không việc gì đến ông, độc ác chính là thằng cha Tô Tần.

- Ồ! Thế thì lạ thật đây. Thưa ngài, chẳng lẽ ngài tìm lầm người?

Trương Nghi bèn kể hết tình bạn xưa kia với Tô Tần và sự việc mới đây cho chủ quán nghe. Chủ quán nói:

- Xem ra, giàu sang quên bạn cũ, cũng là chuyện thường tình, huống hồ là một vị Tướng quốc, cũng phải ra oai một chút, Nhưng vàng cho 406 ngài, cũng là một chút lòng tốt đấy chứ, ngài nhận lấy cũng đủ để trả nợ cho bản quán.

- Ta ném trả lại hần rồi - Trương Nghi hăm hăm nói, trong lòng cũng thấy hơi hối tiếc. Đúng lúc ấy, người lái buôn tới, vừa bước vào cửa, đã xin lỗi Trương Nghi:

- Mấy hôm nay quả thật tôi bận quá, không hiểu ngài đã gặp được Tướng quốc chưa?

Câu nói ấy lại khơi dậy nỗi bức dọc của Trương Nghi ông ta đập bàn, mắng:

- Thôi đừng nhắc đến quân bất nhân bất nghĩa ấy làm gì nữa.

Người lái buôn giật bắn mình, nói:

- Thưa ngài, ngài hơi quá giận đấy. Rốt cuộc là đã xảy ra chuyện gì vậy?

Chủ quán thay lời Trương Nghi kể lại chuyện gặp gỡ vừa rồi, sau mới nói:

- Đến nay chẳng những không trả được nợ cho bản quán đây, mà ngay cả tiền lộ phí để quay về cũng chưa biết trông vào đâu, trách gì ông ấy chả bức mình.

Người lái buôn chau mày, thở dài nói:

- Hầy! Thật là chuyện không ngờ được, lúc đầu tôi còn rủ ngài đây đi, sự việc hôm nay, đúng là tại tôi cả, về mặt đạo lý, tôi phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Thôi thì tiền cơm tiền trọ, tôi sẽ trả, rồi tôi sẽ thuê xe đưa ngài về nước Ngụy, không hiểu ngài có bằng lòng không?

Không ngờ Trương Nghi vội xoa tay nói:

- Tôi không về nước Ngụy nữa, tôi sẽ vào Tần.

- Chắc là ngài còn có bạn bè, anh em ở nước Tần?- Người lái buôn hỏi.

- Không có - Trương Nghi ngang nhiên nói - Ngày nay, trong bảy nước thì nước Tần mạnh hơn cả, có lực lượng có thể đánh được nước Triệu, nếu tôi được Tần vương trọng dụng, nhất định sẽ dẫn binh đánh Triệu, báo mối thù hôm nay Tô Tần đã sỉ nhục tôi.

Người lái buôn cũng nói theo:

- Nếu ngài đi hướng khác, tôi không có cách gì theo hầu ngài, nếu sang nước Tần thì thật là vừa hay, tôi đang có ý định sang đó thăm người nhà, ta có thể cùng đi với nhau, có người bạn đường dù sao cũng đỡ buồn.

Người lái buôn lập tức tính toán trả liền trọ, rồi về nhà lấy hành lý, thuê xe ra ngoài thành, cùng Trương Nghi sang nước Tần. Dọc đường còn mua sắm thêm quần áo cho Trương Nghi, đổi mới toàn bộ trang phục. Tóm lại, tất cả những gì Trương Nghi cần, đều không tiếc tiền mua sắm.

Đến nước Tần rồi, người lái buôn lại bỏ ra rất nhiều tiền bạc để Trương Nghi dùng làm chi phí hoạt động. Không bao lâu Trương Nghi được Tần Huệ Vương để mắt tới rồi làm thượng khách của nước Tần, hàng ngày cùng bàn bạc việc lớn về quân sự chính trị.

Lúc này, người lái buôn muốn từ biệt Trương Nghi về nước, Trương Nghi nói:

- Tôi với bác quen nhau từ ngày ấy, cũng nhờ bác tôi mới có ngày nay, đang muốn đền ơn bác sao bác lại bỏ về?

Người lái buôn cười nói:

- Hãy đền ơn cho người bạn tốt của ngài ấy! Sau đó kể lại hết đầu đuôi sự việc với Trương Nghi.

Nghe xong, Trương Nghi bàng hoàng chột tỉnh, thì ra Tô Tần vốn rất băn khoăn khổ sở lo cho mình, bèn thở dài nói với người lái buôn:

- Bác hãy về thưa lại cùng Tướng quốc rằng Trương Nghi tôi một ngày còn sống ở đời, không bao giờ đi đánh lục quốc, phá vỡ kế hoạch liên kết của người.

ĐỘ THƯỢNG ĐÓT TRẠI LẤY LẠI LÒNG QUÂN

Thời Hán Hoàn Đế, giặc đã nổi lên ở mạn Linh Lăng, Trường Sa, dần dần được dẹp yên, còn những tên sót lại như Phốc Dương, Phan Hồng v.v... lẫn lút vào rừng sâu núi hiểm, lén lút ra trộm cướp, quấy nhiễu dân lành lại câu kết với dư đảng của chúng ở Ngải huyện, thanh thế ngày một lớn.

Thứ sử Kinh Châu Độ Thượng là người can đảm mưu lược chiêu mộ trai tráng người dân tộc Man di, treo thưởng để vào truy lùng bắt giặc, đã bình định được ba trại địch thu về vô số vàng ngọc châu báu. Hai tên cướp Phốc Dương, Phan Hồng vẫn lẫn trong núi, lợi dụng địa hình cố thủ, vây cánh cũng rất lớn.

Độ Thượng muốn hô hào quân lính thừa thắng truy quét, nhưng quân sĩ lúc đó đã vơ vét được của cải, chẳng còn thiết gì đánh đấm nữa. Thấy tình hình như vậy, Độ Thượng bèn nghĩ ra một cách, tuyên bố với mọi người:

- Phốc Dương, Phan Hồng là hai tên cướp đầu sỏ và lâu năm, chúng tiến và thủ đều tốt, nay lại lủi vào rừng sâu, đánh đuổi chúng cũng khó, ta và quân sĩ qua mấy phen chiến đấu kịch liệt, giờ cũng đã mệt mỏi, nếu đụng đầu với giặc, tin chắc là chúng đông ta ít, cho nên chưa vội vã tấn công, ta đang điều binh mã ở các nơi về, hợp lực vây đánh mỗi có thể thắng được. Trong thời gian này, các đơn vị có thể cho quân sĩ nghỉ ngơi thật tốt và thường xuyên tập luyện võ nghệ, cũng có thể lên rừng săn bắn, chờ quân sĩ các nơi tụ họp về đủ, lúc đó mới dốc sức đánh một trận để đỡ mệt về sau.

Quân lính nghe nói thế ai cũng mừng rỡ, bèn tốp năm tốp ba lên rừng săn bắt, ngày ngày bắt được vô số muông thú, giao cho nhà bếp, tăng nguồn thực phẩm, có thể nói bữa nào

cũng tươi, tối nào cũng ăn thêm, bởi vậy mà quân lính càng hăng hái, đua nhau đi các nơi săn bắn.

Một hôm, nhân lúc doanh trại vắng vẻ, Độ Thượng bèn sai người thân tín lẻn vào đốt trại, trong chốc lát, cả trại lính bỗng thành biển lửa.

Đến chiều, quân lính săn bắn trở về ai cũng kinh hoàng ngỡ ngàng, rên rỉ kêu la, cả doanh trại lúc này thành đông tro tàn, bạc vàng châu báu vơ vét được hàng ngày bỗng chốc bị thiêu cháy sạch sành sanh. Giữa lúc mọi người còn sục sục khóc lóc than thân trách phận, Độ Thượng được tin ghé lại thăm hỏi, cố ý khêu gợi:

- Bọn cướp ác độc thế đấy, lại dám thừa cơ đốt trại, cũng do ta sơ hở nên phải chịu sự mất mát này, nợ máu phải trả bằng máu, tổn thất này ta phải đòi giặc trả. Cuối cùng lại an ủi quân sĩ:

- Hai bên cướp vơ vét được của cải cả đời dùng không hết, chất thành đống như núi, chỉ cần ta đánh một trận là có thể lấy được hết, chỗ mất mát hôm nay chẳng đáng là bao, không đáng để ý, ngày mai ta sẽ đánh vào sào huyệt chúng, nhất định sẽ thành công, bảo đảm mỗi người đều thu được của cải, ý mọi người thế nào?

Mọi người lớn tiếng hưởng ứng: Xin theo lệnh trên.

Độ Thượng lập tức tập hợp binh mã, trời vừa sáng đã xuất quân, xông thẳng vào sào huyệt giặc, bọn chúng không hề phòng bị, bị quân Độ Thượng đánh cho tan tác, hai tướng giặc cũng bị giết. Bởi vậy mà bọn cướp Kinh Châu đã bị dẹp tan.

KẾ § 32 KHÔNG THÀNH KẾ

BÀY MỀ HỒN TRẦN THỨC THIÊM ĐỂ KHÔNG LÀM TRẠI LUI QUÂN SỞ
ĐẶT KHÔNG THÀNH KẾ LƯU BANG VÀO NHẦM BẠCH ĐĂNG THÀNH

Không thành kế có hai loại:

Một là do tình thế cấp bách không kịp trở tay, buộc phải vội vàng làm thế trận giả, để đối phương nghi hoặc hòng trốn khỏi cảnh khôn cùng. Hai là rút lui có tính toán để lừa dụ địch, sau bao vây chúng mà giết, cho nên còn gọi là kế “đưa chúng vào rọ”.

Không thành kế được lưu truyền trong dân gian với nhiều tích: Khổng Minh gầy đàn làm hư Trọng Đạt. Do chuyện Tam quốc được lưu truyền sâu rộng trong dân gian, lại được viết rất sinh động, dung dị nên từ tỉnh đến quê, từ già đến trẻ ai ai cũng biết. Theo Thục Chí có ghi ghép về Gia Cát Lượng, đúng là Khổng Minh có bày ra Không thành kế nhưng không hề giống như trong chuyện đã tả.

Đó cũng là mảnh quen dùng của nhà tiểu thuyết, căn cứ vào chút ít sự thực bèn thêm thắt vào, mục đích là để câu chuyện thêm hay thu hút mọi người, cũng như nhà văn hiện nay chuyên viết về kỳ tình diễm sử, thích lột trần cả người đẹp thời xưa ra.

Nếu như tin vào đó chắc hẳn sẽ cho rằng vua chúa ngày xưa chọn người đẹp cũng cho xuất hiện lên sân khấu với đồ tắm trên mình. Tây Thi với Vương Chiêu Quân cũng đoạt vương miện qua ba vòng chọn lựa.

Tuy tiểu thuyết lịch sử một nửa là căn cứ vào tư liệu lịch sử, một nửa là hư cấu thêm, nhưng qua việc thêm mắm thêm ớt, thường làm cho phải trái lộn nhào hoặc xảy ra chuyện “râu ông nọ cắm cằm bà kia”.

Không thành kế của Khổng Minh sở dĩ lưu truyền sâu rộng thế chủ yếu vẫn là do “nhân dĩ văn truyền” vậy, theo sử sách ghi chép, người dùng qua kế này còn phi tướng quân Lý Quảng đời nhà Hán, Tổ Địch của Bắc Tề, Trương Thủ Khuê đời Đường. Sớm nhất là đại phu Thúc Thiêm nước Trịnh.

THỨC THIÊM BỎ KHÔNG TRẠI LÀM LUI QUÂN SỞ

Thời Xuân Thu, Lệnh doãn (Tể tướng) của nước Sở là Công tử Nguyên, từ sau khi người anh là Sở Văn Vương chết đi không lâu, mồ còn chưa xanh cỏ, đã muốn tăng tị với người chị dâu góa bụa, nàng là Túc Vĩ người đẹp số một trong triều.

Nhưng vì danh phận chị dâu em chồng, nên không thể đường đột vào phòng mà giành bằng được, bèn nghĩ cách “cho lửa gần rơm”, tranh giành một cách khéo léo, bèn cho xây quán xá gần phòng ngủ với Túc Vĩ rồi cho ca hát ngày đêm, tấu nhạc uỷ mị, hát bài ca ước át mượn cơ đó khêu gợi xuân tình của chị dâu, ngoài ra còn mua chuộc bọn thị tì thân cận quan sát liên tục và báo cho biết mọi phản ứng của nàng.

Túc Vĩ nghe thấy những tiếng ồn ào đó liền hỏi người hầu hạ:

- Tiếng nhạc lời ca ấy từ đâu đến?

Bọn thị tì tâu lên:

- Bẩm phu nhân, người còn chưa biết hay sao? Đó là vũ hội do Lệnh doãn mở ra cho người vậy. Lệnh doãn hiểu thấu nỗi cô đơn của phu nhân nên muốn để phu nhân nghe đàn, nghe hát để khuây khỏa đó ạ!

Túc Vĩ chau mày, như đã hiểu được việc gì rồi, suy nghĩ một lát, đã cảm khái lắm bầm một mình:

- Văn Vương chồng ta, khi còn sống không coi trọng quân sự, chưa từng ra oai với nước ngoài, làm cho tiếng tăm ngày càng suy sụp, khiến người ta bực bội, tính ra cũng cả chục năm rồi. Chú em là người đứng đầu trong triều, không tìm cách vươn lên để lấy lại uy danh lại đi mở vũ hội cho một mình ta, thật không hiểu là ý làm sao?

Thị tì nói lại những lời đó với Công tử Nguyên. Thấy chị dâu bắt đầu có phản ứng, trong lòng đã thấy vui vui, bèn hào hứng lên, hiên ngang lớn tiếng:

- Chị dâu là phận gái, mà cũng không quên đại sự của quốc gia, ta đường đường là Lệnh doãn mà lại quên việc nước. Được, chị dâu đã có như thế, ta nhất định sẽ đánh thắng một trận để ra oai một phen với nước ngoài, để cho chị dâu biết mới được.

Thế là lập tức điều binh khiển tướng, động viên cả nước, rầm rầm rộ rộ đánh sang nước Trịnh láng giềng.

Binh lực của Trịnh kém xa nước Sở, vừa mới thấy nước láng giềng xâm phạm liền tỏ ra lúng túng. Trịnh Văn Công vội vàng cho vời các đại thần như Sư Thúc, Thế Tử Hoa, Thúc Thiêm v.v... đến mở cuộc ngự triều khẩn cấp để bàn đối sách. Đỗ Thúc chau mày phát biểu ý kiến trước:

- Quân Sở hùng mạnh, như cọp sống chuồng, nước ta căn bản không là đối thủ của họ, chẳng thà ta chịu oai của họ, giảng hòa với họ là xong.

Sư Thúc ở bên nghe qua đã chửi thầm trong bụng: Đồ đầu hàng! Nhưng không dám chửi ra miệng lại nói khéo:

- Theo ý của bĩ nhân, địch tuy mạnh, nhưng bị cô lập, nước ta với nước Tề đã ký liên minh quân sự. Nước ta gặp nạn, nước Tề nhất định sẽ đem quân viện trợ. Hiện nay, cách duy nhất là hãy cố thủ để chờ nước đồng minh đến giải vây.

Không! Thế Tử Hoa thuộc phái trẻ, vội nhảy lên - Nước tràn thì lấy đất ngăn, quân địch đến thì tướng cản, quân Sở đến đây, tôi sẽ đánh cho chúng không còn manh giáp.

Chỉ có Thúc Thiêm không nói gì, mà đang trầm ngâm suy nghĩ.

- Ý kiến của lão tiên sinh thế nào? - Trịnh Văn Công quay lại hỏi.

Thúc Thiêm đằng hắng một tiếng dọn giọng rồi nói:

- Theo ngụ ý của lão thần, trong cao kiến của ba vị, tôi tán thành ý kiến của Sư Thúc, vì tôi đoán rằng, không lâu nữa địch sẽ phải rút quân.

Làm gì mà dễ dàng như thế - Trịnh Văn Công hỏi - Lần này Công tử Nguyên thân chinh cầm quân, dứt khoát không thể tự rút quân được.

- Theo thần được biết - Thúc Thiêm nói - Quân Sở nhiều lần xuất quân, chưa bao giờ lại đem số quân đông như thế. Lần này, động cơ của Công tử Nguyên không ngoài việc làm vừa lòng chị dâu, muốn ra oai trước mặt đàn bà chứ chẳng có một chút mục đích chính trị nào hết. Cũng có nghĩa là họ chỉ cần một chút thắng lợi nho nhỏ để trang sức mà thôi- Rồi ông

ng nghiêm sắc mặt, nói một cách cương quyết - Trận đánh này xem ra rất đáng sợ. Nhưng các vị hãy yên lòng, quân Sở có đến, lão thần sẽ có cách làm chúng phải lui.

Vừa nói dứt lời, thám tử về báo rằng địch đã tràn vào cửa Quát Khuru, đánh thang đến Hoàng thành, toán đi đầu đã vào đến ngoại ô, sắp đánh vào thành đến nơi.

Như một tiếng sét ngang tai, nghe xong mọi người đều ngơ ngác nhìn nhau, Đỗ Thúc chủ hòa hoảng hốt nói:

- Quân địch đã đến gần, không kịp bàn kế dài dòng nữa, giảng hòa thì giảng mà không thì chạy trốn ngay, lánh vào phía sau Đồng Khuru rồi nói chuyện sau:

- Hãy khoan đã --Thúc Thiêm lập tức ngăn lại - Lão phu đã có kế hay.

Thế là Thúc Thiêm nhận lấy trách nhiệm giữ thành. Ông lệnh cho binh lính phục hết ở trong thành, mở toang cổng thành, cửa hàng vẫn buôn bán, dân chúng đi lại như thường, không được để lộ chút gì là lo sợ.

Đội quân tiên phong của sở quả nhiên đã đến, viên quan đi đầu thấy tình hình phố xá yên tĩnh khác thường, trên thành cũng chẳng có chút gì động tĩnh, bèn trở nên nghi hoặc cho rằng đối phương nhất định có sự chuẩn bị cố ý bày mưu kế gì đây, lừa cho vào thành rồi vây mà diệt, hãy đợi chủ soái đến rồi hỏi xem sao, bèn hạ lệnh cho quân lính hạ trại tại chỗ.

Chẳng mấy chốc, Công tử Nguyên dẫn đại quân tới. Quân đi đầu báo cáo tình hình, nói trong thành như thế, như thế...

Công tử Nguyên nghe xong cũng thấy sợ, lập tức bước tới chỗ đất cao để quan sát một lượt, chỉ thấy trong thành đâu đâu cũng có quân mai phục, gươm giáo sáng lóa, cờ xí trang nghiêm, lòng bỗng trở nên do dự, đoán mãi cũng không hiểu duyên cớ gì.

Thống soái hậu vệ theo sau cũng theo nguồn tin tình báo nói nước Tề đã liên hợp với nước Tống, nước Lỗ mang đại quân đến giải vây cho nước Trịnh.

Công tử Nguyên sợ hãi, vội vàng nói cùng các tướng lĩnh:

- Quân Tề nếu đánh cắt ngang đường rút của quân ta, thì ta sẽ ở thế trước mặt sau lưng đều có địch, tất sẽ bị tan rã.

Các tướng khác có người muốn đánh nhanh quyết nhanh, hay phá được kinh đô nước Trịnh rồi nói chuyện sau. Công tử Nguyên không chấp nhận ý kiến đó, vì cái mà ông ta nghĩ không ở giá trị về quân sự, mà là chẳng may bị sa sầy thất lợi thì còn mặt nào về gặp chị dâu? Ta tiến quân lần này, chỉ mấy ngày đã tới kinh đô nước Trịnh, cũng coi như là thắng trận rồi, cũng đã có điều để khoe với người đẹp rồi.

Thế là ngầm truyền lệnh, người im lặng, ngựa tháo chuông, đang đêm nhổ trại, về nước. Lại lo quân Trịnh thừa cơ đánh đuổi, bèn để nguyên các lều, lán, cắm cò hiệu khắp nơi để nghi hoặc quân Trịnh.

Công tử Nguyên lặng lẽ chuồn ra khỏi biên giới nước Trịnh, lúc đó mới cho khoa chiêng đồng trống, tấu nhạc khải hoàn quay về.

Thúc Thiêm đang đốc quân tuần tiễu trên thành, cả đêm không ngủ, đến lúc trời sáng, mới nhìn doanh trại quân sở chẳng thấy động tĩnh gì, chỉ thấy một đàn chim bay lượn trên vùng trời đỏ như muốn bổ nhào xuống, bèn hô lớn: Quân Sở rút chạy rồi!

Mọi người còn chưa tin, hỏi tại sao lại biết rõ như vậy và dám khẳng định thế?

- Thế là còn chưa rõ - Thúc Thiêm chỉ doanh trại quân Sở, nói với mọi người - Phàm là nơi doanh trại của quân lính, thế nào cũng đóng trống ra oai, dọa nạt người khác. Mọi người hãy nhìn xem, ở đó chẳng có chim chóc bay lượn muốn sà xuống tìm mồi là gì, hoặc có con còn đậu trên nóc lán như thể đủ chứng tỏ trong trại chẳng có qua một người nào. Ta đã sớm định liệu rằng nước Tề sẽ đem quân chi viện, quân sở được tin như vậy, sợ bị giáp công, cho nên rút chạy suốt đêm. Ha Ha! Ta dùng không thành kế mê hoặc chúng, chúng cũng dùng Không thành kế lừa ta.

Không lâu sau, liên quân nước Tề quả nhiên xuất hiện, thấy quân Sở đã rút hết sạch, chẳng có địch mà đánh, cũng bèn về nước. Lúc ấy mọi người mới khâm phục tài trí và lòng dũng cảm của Thúc Thiêm.

Không thành kế kiểu này là một sự gợi ý cho những người không có thực lực lại đang ở bước đường cùng, mục đích của nó là chỉ để trà trộn, qua được lúc đó hoặc tránh được sự uy hiếp quá đáng. Nhưng quyền sống chết lại vẫn ở trong tay người khác, đó là một hành động mạo hiểm, chưa đến phút cuối cùng thì chớ nên dùng.

Đó có thể nói là hành động tiêu cực, tiêu cực đồ không phải là ý nghĩa chủ yếu của việc bày mưu tính kế, như ví dụ sau đây mới là tích cực hợp với yêu cầu của kế sách.

LƯU BANG VÀO NHÂM BẠCH ĐĂNG THÀNH

Đầu đời Hán, Hán Vương là Cơ Tín câu kết với vua Hung Nô là Mạo Đôn, dây quân làm loạn, chiếm cứ Tấn Dương, Đại Châu v.v... (tức là vua Sa Khan tỉnh Sơn Tây bây giờ), quấy đảo biên cương.

Hán Cao Tổ Lưu Bang ngự giá thân chinh với ba mươi vạn tinh binh, hàng trăm mãnh tướng rầm rầm rộ rộ tiến ra tiền tuyến.

Cơ Tín, Mạo Đôn lại thi hành chiến thuật tường cao hào sâu, đem lính giỏi - ngựa hay và lương thực tích trữ lại, để lộ ra ngoài đều là lính ốm lính già, ngựa gầy dễ ốm, tiền tiêu của quân Hán thấy tình hình này, không dám tiến vào, vội về báo cáo đại bản doanh.

Hán Cao Tổ nghe báo, muốn huy động đại quân tiến công. Trần Bình vội nói:

- Mạo Đôn, Cơ Tín là cái quái gì? So với Hạng Vũ thì chúng thế nào?

Không chịu nghe lời khuyên can của Trần Bình, Hán Cao Tổ bèn cử Lưu Kính đi dò la. Lưu Kính đi đã mấy hôm, trở về báo cáo:

- Hai nước tranh giành nhau, đều muốn khoa trương doanh lũy, lấy thanh thế mà thu phục người ta. Hiện nay Mạo Đôn cố ý làm ra giả yếu rõ ràng là kế “đưa chàng vào rọ”, nên khẩn thiết xin Bệ hạ, chớ nên vội vàng tiến quân.

- Khanh thì biết cái gì?

Hán Cao Tổ trở giọng trách móc

- Lại dám dùng lợi làm rối loạn quân tâm. Hay là người bị Cơ Tín hối lộ, nói thay cho nó

- Lập tức bắt giam Lưu Kính lại.

Ai khuyên can cũng chẳng được, Hán Cao Tổ lập tức có lệnh ba quân nhổ trại lên đường, những lực lượng đề kháng dọc đường đều bị đánh bại như đậu mục.

Thế là đại quân vào chiếm Bạch Đằng Thành, đang lúc hoàng hôn chính đồn quân mã, bỗng nhiên một tiếng pháo nổ ngoài thành, quân của Mạo Đôn khắp nơi bò ra như kiến, vây chặt Bạch Đằng Thành, sẻ bay không lọt, Hán Cao Tổ lúc ấy mới hối hận đã không nghe lời khuyên của Lưu Kính.

KẾ § 33 KẾ PHẢN GIÁN

LY GIÁN QUÂN THẦN TRẦN BÌNH LẬP Mưu TRỪ PHẠM TĂNG
BẦY KẾ PHẢN GIÁN TỔNG CHÚA GIẾT HẠI LÂM NHÂN TRIỆU

Gián, là gián điệp, tức là người đi dò la tình hình bên địch, phản gián tức là tìm cách làm cho gián điệp bên địch làm việc cho ta.

Muốn biết được tác dụng của phản gián thì trước hết phải biết được tầm quan trọng của gián điệp, Tôn Tử đã nói: “Biết mình biết người trăm trận đều thắng, không biết người chỉ biết mình, thắng một trận, thua một trận ấy!”. Biết mình, tức là hiểu rõ thực lực và mưu đồ của địch. Nhưng biết tình hình của mình thì dễ, muốn tìm hiểu tình hình của địch thì không có cách nào ngoài việc dùng gián điệp để dò la. Cho nên trong bài thứ 13 về binh pháp có chỉ ra rằng: Dùng gián điệp, có năm cách:

Có nhân gián, có nội gián, phản gián, tử gián, sinh gián. Giải thích năm thứ gián điệp đó như - Lập tức bắt giam Lưu Kính lại.

Ai khuyên can cũng chẳng được, Hán Cao Tổ lập tức có lệnh ba quân nhổ trại lên đường, những lực lượng đề kháng dọc đường đều bị đánh bại như đậu mục.

Thế là đại quân vào chiếm Bạch Đằng Thành, đang lúc hoàng hôn chính đồn quân mã, bỗng nhiên một tiếng pháo nổ ngoài thành, quân của Mạo Đôn khắp nơi bò ra như kiến, vây chặt Bạch Đằng Thành, sẽ bay không lọt, Hán Cao Tổ lúc ấy mới hối hận đã không nghe lời khuyên của Lưu Kính.

Nhân gián tức là dùng người bản xứ của nước địch làm nhân mối, làm gián điệp cho ta. Nội gián tức là mua chuộc quan chức của nước địch làm công tác tình báo cho ta. Phản gián là thu phục gián điệp được phía địch cử sang dò la bên ta để họ làm việc cho ta bằng cách ngược trở lại, đi dò la tình báo của địch giúp ta. Tử gián là cố ý tạo nguồn tin, tiết lộ tình hình quân sự để gián điệp của phía ta biết được truyền đi cho địch, địch tất sẽ bị ta mê hoặc, cho đến lúc chẳng may địch phát giác ra, người gián điệp đó của bên ta tất bị địch giết. Sinh gián tức là dùng một số nhân vật đặc biệt có thể tự do ra vào đất địch, qua lại để đưa tình

báo. Bởi vì dùng gián điệp có một loại tác dụng thần bí như vậy, cho nên trong quân đội, thân mật nhất không ai bằng gián điệp, người giữ bí mật quân sự nhất không ai bằng gián điệp. Không có một trí tuệ ghê gớm không thể dùng gián điệp được, không dùng nhân nghĩa để kết nạp, không thể sai khiến được gián điệp, không tinh tế thận trọng không thể thu được tình báo chân thực của gián điệp.

Từ đó thấy rằng, gián điệp quả là một tổ chức chủ yếu trong chiến tranh, bởi vì họ có thể đưa được mọi tư liệu của địch để cho ta nắm lấy. Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, trung đội số 5 của nước Đức làm rung động cả châu Âu. Trung đội thứ 5 tức là tổ chức điệp báo. Theo một nhà báo Pháp đã nói: Nước Pháp diệt vong, không phải do Hitler mà là do trung đội thứ 5. Nhân viên tình báo của Đức đều có quan hệ chặt chẽ với các nhà doanh nghiệp, các thủ trưởng hành chính, các lãnh tụ quân sự, nó đã từ bên trong tiêu hủy nước Pháp.

Nói đến gián điệp, thời xưa chỉ nói đến mặt quân sự, chính trị-quốc phòng, ngày nay do nhân loại sinh tồn cạnh tranh quá kịch liệt, phạm vi cuộc sống càng ngày càng rộng, bất kể tổ chức nào, bộ môn nào đều có những biện pháp dùng gián điệp, phòng gián điệp, nào những cuộc tranh chấp nơi quan rượu, cuộc gián điệp về trang phục, để tranh khách du lịch cũng xô đẩy nơi bến cảng, thậm chí muốn tìm việc làm, cũng phải thám thính rõ tình hình, hoặc phải ly gián hoặc phải áp đặt tức là làm thế nào “thay chân” mình vào, là một kiểu gián điệp. Nói cách khác, đó là bước vào thế giới giành giật bát cơm manh áo, không “gián” không thể tồn tại được. Thi hành gián điệp, đầu óc đã phải nhạy bén thì “phản gián” lại càng phải cảnh giác, không thi hành gián điệp thì cuộc sống bị đe dọa, không phản gián thì việc giữ bát cơm trở nên một vấn đề lớn, đó là một xu thế rõ ràng của xã hội ngày nay.

Trong năm loại “gián” nói trên, vẫn coi phản gián là chính, vì dùng địch vào việc của ta, mức độ gian trá của nó ra sao, không qua một cuộc đấu trí ngặt nghèo không được.

Phương pháp thực hành “phản gián” là nếu gặp gián điệp của bên địch dò la thực tình thì dùng lễ hậu hoặc món hối lộ lớn để mua chuộc, để dùng vào việc của ta, hoặc giả ngu giả dốt cố ý cho họ tình báo giả, để họ gián tiếp phục vụ cho ta. Rốt cuộc, thời cổ người ta dùng kế phản gián như thế nào, đặc sắc nhất phải nói tới Chu Du. mở chuyện Tam Quốc ra đọc, đến đoạn tả trận Xích Bích, Chu Du dùng tướng ra sao, lừa Tào Tháo như thế nào, bất kể câu

chuyện có thành phần tô vẽ thêm, nhưng đọc đến chỗ thái độ phản gián của Chu Du thể hiện ở bộ mặt “thất tình thượng diện” (mọi tình cảm đều lộ trên mặt) thì ai cũng phải vỗ đùi khen tuyệt. Tuy rằng nói là “đóng-kịch” thế nhưng đa nghi đến như Tào Tháo mà cũng mắc hợm.

Thời Chiến Quốc, Yên Chiêu Vương vời Nhạc Nghị làm tướng, đem quân định đi đánh nước Tề. Trong nửa năm, liên tục hạ 72 thành, chỉ còn Cử Châu và Tức Mặc là hai thành chưa hạ được. Nhạc Nghị không muốn ép người nước Tề quá đáng, mà muốn họ phải thần phục và tự hàng, tướng giữ thành nước Tề lúc đó là Điền Đan.

Không lâu sau, Yên Chiêu Vương chết vì uống nhầm “linh đơn”, thái tử Yên Tư kế ngôi tức là Yên Huệ Vương. Điền Đan phát hiện Huệ Vương có ý đề phòng với Nhạc Nghị, bèn cử người sang Yên Quốc thi hành kế phản gián, rêu rao tin đồn nói Nhạc Nghị án binh bất động, ắt là có ý muốn làm vua nước Tề. Huệ Vương nghe tin, càng thêm nghi ngờ bèn làm cuộc thay quân đổi tướng, lệnh cho Kỵ Khước thay Nhạc Nghị, Nhạc Nghị lo bị trị tội nên trốn về quê nhà bên nước Triệu.

Kỵ Khước lên làm thống soái, lập tức hạ lệnh vây thành tiến công. Điền Đan lại thì hành kế phản gián, xúc xiểm rằng Kỵ Khước cất mũi tù binh, đào mồ mả người nước Tề, lại dùng tiền bạc hối lộ tay chân của Kỵ Khước, giả vờ ra hàng, làm rệu rã ý chí chiến đấu của quân nước Yên, và kích động ý chí chiến đấu của quân mình.

Đang lúc Kỵ Khước hí hửng, chuẩn bị vào thành tiếp nhận hàng binh, Điền Đan đã mở thế trận trâu lửa, dùng một phát xông lên, giết quân nước Yên như trời long đất lở. Kỵ Khước bị chết trận, và trong nháy mắt đã thu về phần đất bị mất. Câu chuyện trên, là ví dụ áp dụng trong quân sự, còn như trong hoạt động chính trị, phải nói kể thứ hai trong sáu kế của Trần Bình, dùng kế phản gián để cho Phạm Tăng thua trận.

TRẦN BÌNH BÀY MƯU TRỪ PHẠM TĂNG

Sở Bá Vương Hạng Vũ đem mười vạn quân, vây đánh Hình Dương. Hán Vương Lưu Bang liền bàn với các mưu sĩ Trương Lương, Trần Bình:

- Hạng Vũ thấy binh lực của ta phân tán, trong thành trống trải, dùng quân vây chặt, liệu có cách gì chống lại không?

Trần Bình nói:

- Tướng tài đặc lực của Hạng Vũ chẳng qua là có mấy người như Phạm Tăng, Chung Ly Muội, Long Tổ Chu Điện v.v... nếu như có cách gì li gián được bọn họ, để Hạng Vũ nghi ngờ họ là có thể làm tan vỡ tổ chức hạt nhân của Hạng Vũ, làm giảm bớt lực lượng chiến đấu của hắn đi.

Bởi vậy Lưu Bang đã sai Trần Bình mang năm vạn cân vàng làm kinh phí hoạt động gián điệp, cho người trà trộn vào dinh quân sở tung tin đồn nhảm, nói Chung Ly Muội vĩ có công không được thưởng đã đồng mưu với Lưu Bang, diệt sở để chia đất xưng vương.

Hạng Vũ vốn đa nghi, nghe tin này, bèn cho là thật, dần dần không bàn việc với Chung Ly Muội nữa, còn đem quân vây chặt Hình Dương, đánh ba ngày liên tục, thấy trong thành phòng vệ nghiêm ngặt, không hề lay chuyển, cũng chẳng nhúc nhích được bước nào, cho nên càng sốt ruột.

Các mưu sĩ như Trương Lương v.v... lại hiến kế với Lưu Bang:

- Hạng Vũ công phá thành không được, ta cử người ra trá hàng, hắn tất chấp thuận, cử người ra để nêu điều kiện, đến lúc đó dùng kế của Trần Bình, dùng kế ly gián tình cảm quân thần của hắn một cách triệt để, là có thể giải vây được.

- Nếu hắn không tiếp nhận thương lượng thì làm sao? Lưu Bang hoài nghi hỏi:

- Trương Lương nói:

- Hạng Vũ tính tình nóng nảy, không nén nhịn được, cứng song không bên bĩ, mấy ngày phá thành không được, lòng đang sốt ruột, nên sứ thần nhà Hán đến, dứt khoát sẽ tiếp thu.

Lưu Bang y kế đó, cử Tuỳ Kha sang doanh trại quân Sở du thuyết. Gặp Hạng Vũ, dùng lễ hậu và lời lẽ ngọt ngào nói rằng Lưu Bang được phong là Hán Vương, đã thấy vừa lòng không dám ương ngạnh đối đầu với Hạng Vương, nay muốn giảng hòa, ai giữ phần đất người ấy, cùng giữ lấy phú quý cho mình, cắt phía đông Hình Dương cho nước Sở, phía tây thuộc nước Hán.

Hạng Vũ nghĩ đến Lưu Bang thế lực ngày càng lớn, Hàn Tín lại dùng binh rất giỏi, tiếp tục đánh nữa, không biết mẻo nào cần miêu nào, chẳng thà giảng hoà cho sớm, để có dịp nghỉ ngơi, chờ dịp khác, bèn vời bọn Phạm Tăng để thương lượng. Phạm Tăng lại chống lại cách làm đó, nói:

- Đó là kế hoãn binh của Lưu Bang, thương lượng không phải là ý thành thực của họ, mà muốn cầm sự chiến lược để chờ viện binh của Hàn Tín, lúc này đang có đà đánh mạnh, tiêu diệt Lưu Bang đi rồi sẽ đối phó với Hàn Tín.

Hạng Vũ trở nên do dự, lại bàn với Tuỳ Kha:

- Thôi, người hãy về đi, để ta suy nghĩ lại rồi báo cho biết sau:

Tuỳ Kha giật mình, trong bụng biết ngay rằng Phạm Tăng lại xúc xiểm gì đây để phá hoại, bèn nói với Hạng Vũ:

- Trong lúc cấp bách thế này, Bệ hạ nên tự định liệu, lời các quan tả hữu e sẽ có ý riêng của họ, bởi dù rằng thắng hay bại, thì người khác không làm quan nước Sở chỉ làm quan nước Hán, còn Bệ hạ thì đặt mình vào đâu, hưởng hồ Hán Vương chưa phải thế cùng lực tận. Mấy chục vạn quân của Hàn Tín cũng sẽ đến rất mau chóng, trong ngoài giáp công, Bệ hạ lúc đó tương một 428 lương hết, có muốn lui cũng không được, chẳng phải là hối không kịp hay sao? Theo ngụ ý của thần, hay hơn là cứ giảng hòa quách đi, biến can qua thành gấm vóc, như vậy chẳng riêng Hán Vương mang ơn, mà dân chúng cũng sẽ ca ngợi Bệ hạ là nhân đức, thần tuy thân tại Hán nhưng xưa vốn là thần nước Sở, đây đều là những lời tâm huyết, trông ơn mưa móc của bệ hạ, đừng để bọn cận thần bán rẻ Bệ hạ đi!

Nghe những lời nói đó, Hạng Vũ rất vui lòng, nói:

- Khanh nói thấu đáo và có lý, thôi thì quyết định như vậy, khanh hãy về trước, sau ta sẽ cho người vào thành giảng hòa.

Tuỳ Kha ra về báo tin này với Lưu Bang, Lưu Bang báo với Trần Bình:

- Sứ thần nước Sở vài hôm nữa sẽ sang thương lượng, khanh có kế gì đối phó?

Trần Bình ghé tai Lưu Bang nói cứ thế cứ thế. Lưu Bang mừng lắm, ngầm lệnh cho Trần Bình đi làm theo ý đó.

Hạng Vũ không nghe lời khuyên của Phạm Tăng, cử Ngu Tử Kỳ làm sứ giả đi đàm phán giảng hòa và chỉ thị:

- Đòi Lưu Bang trong ba ngày phải ra thành bàn bạc công khai và thừa cơ thám thính hư thực nơi doanh trại quân Hán.

Ngu Tử Kỳ nhận lệnh, đem theo mấy người có năng lực cùng sang trại quân Hán thám thính, nghe nói Lưu Bang uống say còn chưa dậy, bèn tạm thời ra quán trọ nghỉ ngơi, cho tay chân đi dò la tin tức, bề ngoài làm ra như đi thông báo, người phụ trách thông báo nhận lệnh vào doanh trại quân Hán, chỉ có Trương Lương và Trần Bình ra thành, thấy bọn người mặc quần áo nước Sở, liền ân cần tiếp đón và đưa vào nghỉ tại nơi công quán, dùng rượu ngon thịt béo chiêu đãi và hỏi tình hình gần đây của Phạm Tăng, ca ngợi Phạm Tăng và ghé tai nói:

- Phạm A Phụ có căn dặn điều gì không?

- Tôi là sứ thần đến gặp Hầu Vương, không phải người Á Phụ sai tới!- Trương Lương và Trần Bình nghe thấy thế, giả vờ kinh ngạc, nói:

- Bọn tôi những tưởng ông là người do Á Phụ bí mật cử tới.

Bèn gọi một tên lính, đưa ngay sang một căn phòng khác, cho ăn uống cơm canh bình thường. Trương Lương và Trần Bình thì bỏ đi đâu không rõ.

Người ấy được tin Lưu Bang tiếp kiến liền về báo Ngu Tử Kỳ, đặc biệt còn tả lời lẽ và thái độ của Trần Bình và Trương Lương. Ngu Tử Kỳ nghe nói khả nghi, bèn để bụng nhưng vẫn sửa soạn mũ áo vào gặp Lưu Bang. Nhưng Lưu Bang còn chưa rửa mặt chải đầu, sai Tuỳ Kha dẫn khách đến phòng kín nghỉ ngơi chờ tiếp kiến. Căn phòng bố trí rất trang nhã, đồ đạc đầy đủ. Tuỳ Kha ngồi tiếp một lúc rồi lấy cớ đứng dậy nói:

- Mời sứ thần ngồi chờ một lát, để tôi đi xem Hán Vương rửa mặt chải đầu xong chưa. Tuỳ Kha đi rồi, Ngu Tử Kỳ quay nhìn giá sách, thấy có nhiều văn bản bí mật bèn bước tới lật xem, thấy có một lá thư đầu cuối không nói tên, trong viết: “Hạng Vương thất thủ Bành Thành, kéo quân từ xa đến, lòng người không theo, thiên hạ ly phản, đại binh chưa tới 20 vạn, thế ngày một yếu, đại vương chớ nên ra hàng, gọi ngay Hàn Tín mau đem quân về cứu, lão thần và bọn Chung Ly Muội làm nội ứng, một ngày nào đó sẽ phá được quân sở. Vàng

bạc không dám bán lĩnh, phá xong quân sở nguyện sẽ quay về cố quốc sống lâu dài cùng con cháu, đó là ý nguyện của thần”.

Ngu Tử Kỳ thất kinh, ngẫm hiểu thư này rõ ràng là của Phạm Tăng, gần đây nghe tin Á Phụ Tư thông với Lưu Bang ta còn chưa tin, nay đọc thư này, không thể không tin, bèn đem giấu bức thư này, chuẩn bị đem về trình Hạng Vương để dâng công.

Tuỳ Kha bước vào, nói Hán Vương mời gặp, rồi đưa tới Hán Vương. Lưu Bang mở đầu đã nói chuyện trước đây Tuỳ Kha đã nói những gì với Hạng Vũ, muốn cùng Hạng Vương chia đất ra mà trị, Ngu Tử Kỳ nói:

- Hạng Vương chúng tôi đã theo ý lệnh đó, chỉ muốn gặp đại vương để bàn cụ thể, chẳng có ý gì khác cả.

- Đành rằng thế - Lưu Bang nói - Ngài hãy về trước, ta bàn xong ngày giờ cụ thể sẽ hẹn gặp Hạng Vương là được rồi.

Về gặp Hạng Vũ, Ngu Tử Kỳ truyền đạt lại ý kiến của Lưu Bang. Sau đó lăm răm mật báo những gì xảy ra trong thành, và thái độ của Trương Lương, Trần Bình rồi đưa trình Hạng Vương lá thư lấy được trong phòng khách nước Hán, Hạng Vũ xem qua lá thư mật, hằm hằm tức giận:

- Thằng già này định bán rẻ ta đây chắc? cần phải làm rõ sự tình, không thể bỏ qua được.

Phạm Tăng biết được tin này, biện bạch trước Hạng Vũ là không eo thực mà đây là kế phản gián của Trần Bình để ly gián quân, thần.

Nói gì đi nữa Hạng Vũ cũng chẳng nghe, lập tức đuổi Phạm Tăng về quê, đi đến nửa đường, Phạm Tăng bị nhốt độc ở lưng, chết một cách âm thầm.

TỔNG CHÚA GIẾT HẠI LAM NHÂN TRIỆU

Tổng Thái Tổ Triệu Khuông Dấn, Tây bình Thục, Nam bình Hán thanh thế lừng lẫy chỉ còn Nam Đường ở vùng Giang Nam là chưa chinh phục.

Hậu chúa Nam Đường Lý Dục cũng cảm thấy thế cô khó địch, bèn sai em là Lý Tông Thiện dâng biểu lên triều đình nhà Tống, nguyện bỏ quốc hiệu Nam Đường, đổi ấn tín thành Giang

Nam Quốc Chủ, sứ thần qua lại không bị hạn chế, nhưng Tông Thái Tổ vẫn nung nấu ngày đêm ý muốn chinh phục Nam Đường.

Lý Dục có một danh tướng là Lâm Nhân Triệu, cực lực chủ chiến, muốn so tài một phen với nhà Tông. Tổng Thái Tổ cũng biết người này dũng cảm, thiện chiến, không dám khinh thường tạm theo lời tâu của Nam Đường, vạch sông tự thủ, từng giờ từng phút muốn trừ Lâm Nhân Triệu rồi mới tiến quân xuống Nam Đường.

Giữa lúc đó lại gặp Lý Tông Thiện tới kinh đô triều kiến, Tổng Thái Tổ liền giữ lại, phong chức Lâm thái minh quân Tiết độ sứ, Tông Thiện không dám trái lệnh, đành viết thư về báo với anh, Lý Dục nhiều lần xin cho em mình về, Tổng Thái Tổ chỉ quanh co, còn chiếu thị: Tông Thiện có nhiều tài, trầm sẽ trọng dụng, ngày nay Nam Bắc một nhà, há còn phân biệt đó đây. Lý Dục cũng chẳng còn biết làm sao, thường cử sứ thần đến chỗ Tông Thiện để thám thính tình hình.

Tổng Thái Tông lại cho người giỏi vẽ làm sứ thần thân thiện qua sông, đến Giang Đô thăm tướng giữ thành là Lâm Nhân Triệu, trộm vẽ lạy hình của Lâm. Lý Tông Thiện vào cung triều kiến Tổng Thái Tông, Thái Tông liền lệnh cho đem treo bức họa của Lâm trong phòng chờ, đình thần dẫn Lý Tông Thiện vào phòng, giả vờ hỏi rằng Lý có biết người trong tranh là ai không, Tông Thiện kinh ngạc đáp:

- Đó là tướng Lưu thủ Giang đô Lâm Nhân Triệu của nước tôi, sao lại có hình ở đây?

Đình thần cố làm ra vẻ thần bí ấp a ấp úng, lúc lâu sau mới nói:

- Túc hạ đã nhận chức tại kinh rồi, đình thần chung một triều đình, chẳng giấu gì mà không nói thẳng ra, Hoàng thượng rất mến tài của Nhân Triệu, đã ra chiếu dụ đặc biệt, lệnh cho ông ta tới đây, ông ấy cũng đã bằng lòng thực hiện theo chỉ dụ, gửi tấm hình này làm bằng. Nói xong lại đưa Tông Thiện sang một tòa nhà trống khác và nói rằng - Nghe đâu Hoàng thượng đã cho sửa sang tòa nhà này để thưởng cho Lâm Nhân Triệu tướng quân, đội tướng quân đến kinh, chưa biết chừng còn nhận được chức tiết độ sứ nữa.

Lý Tông Thiện nghe vào tai, nhớ trong lòng, miệng tuy trả lời song lòng đầy hoài nghi. Chờ đến khi quay về, sai sứ về Nam Đường báo tin với anh là Lý Dục để xem rốt cuộc Nhân Triệu có phải là tên phản loạn không.

Được tin đó, Lý Dục liền cho gọi Lâm Nhân Triệu hỏi xem có thật là đã nhận được chiếu dụ của Tống Anh Tông không. Lâm Nhân Triệu toát mồ hôi, cũng không biết lý do của câu hỏi, chỉ đáp một câu là không. Lý Dục đã là vai chúa, cũng chẳng cần hỏi cặn kẽ, từ đầu chí cuối vẫn cho rằng Lâm Nhân Triệu cô tình che giấu, bèn thiết tiệc mời Lâm, ngầm cho thuốc độc vào rượu. Lâm Nhân Triệu về nhà một lúc hộc máu ra chết ngay.

Lâm Nhân Triệu chết Tống Thái Tông liền ra lệnh tiến quân và diệt được Nam Đường.

KẾ § 34 KHỔ NHỤC KẾ

TRÍ DŨNG SONG TOÀN CHU NHO YẾU LY ĐÂM KHÁNG KỶ
DỪNG KHỔ NHỤC KẾ VƯƠNG TÁ CHẶT TAY THUYẾT VĂN LONG

Tục ngữ có câu “Chu Du đánh Hoàng Cái, vừa muốn đánh vừa muốn chịu đòn” đó là khổ nhục kế vốn được lưu truyền.

Khổ nhục kế có nghĩa là tự giày vò mình, lợi dụng sự đau khổ để được tiếp cận kẻ địch, ngầm âm mưu để lật lại thế cờ.

Hai bên cầm cự nhau, thì bên nào cũng muốn tranh thủ đe bên kia phải quy hàng, hàng tướng nếu như chưa có bằng chứng bằng máu, rất khó được bên kia tin tưởng, khổ nhục kế chính là nhằm tác dụng đó.

Nhưng kế này thuộc loại có thể dùng có thể không. Bởi vì chịu đòn mới chỉ là bước mở đầu, chưa có gì đảm bảo cho thành công, chẳng may bị đối phương bóc trần ra, chẳng hóa ra bị một trận đánh uống hay sao, thậm chí còn vì thế mà toi mạng.

Nói ngay như khổ nhục kế của Hoàng Cái, nếu không có lá thư hàng để thuyết phục được Tào Tháo đa nghi gian hùng, thì cũng khó mà thi hành được kế, ngược lại như Sái Trung, lợi dụng tôn huynh là Sái Mạo bị giết, thi hành khổ nhục kế với Đông Ngô nhưng không che nổi mắt Chu Du, bị Chu Du dùng kế phản gián cuối cùng xoi lưỡi dao và đem ra tế cò. Mỗi hay, khổ nhục kế không dùng một cách bừa bãi vì khi không kín đáo chu tất dễ biến lành thành què.

Trong lịch sử, người dùng khổ nhục kế rất nhiều, nhưng cũng có người may, người không may, thất bại thì không nói làm gì, ngay như thắng lợi cũng là sự thắng lợi thê thảm, người thực hiện kế như một cây nến, tự đốt cháy mình, soi sáng cho kẻ khác.

Như câu chuyện trong bài “Ông già gãy tay ở Tân Phong” của Bạch Cư Dị đã nói lên cách dùng kế khổ nhục thật khéo léo. Ông già tại sao mà 60 năm trước đã “ngầm lấy đá đập gãy tay” để được “một tay tuy gãy song một thân được giữ trọn”, đó là trốn lính, để giữ tròn tính mạng với thời loạn, có cắt một tay cũng đâu phải là khổ.

Vợ của Xuân Thân Quân nước Sở tên là Giáp, vợ bé tên là Dư, hai người này luôn xung khắc với nhau như cọp với bò. Vợ bé được Xuân Thân Quân yêu mến, vì được yêu càng làm nũng, thường nói xấu vợ cả trước mặt chồng.

Có một lần, người vợ tự cào thân thể mình ra, rồi khóc lóc sụt sịt kể lể với chồng:

- Thiếp được hầu hạ phu nhân, thật là vẻ vang lắm, thế nhưng phu nhân không chịu, còn chửi mắng lăng nhục thiếp, hôm nay còn tệ hại hơn, lại đánh cả thiếp nữa, nhìn đây, trên mình thiếp thâm tím, sắp chảy máu ra rồi đây này. Cứ thế này mãi, thế nào cũng có ngày bà ta làm chết thiếp mất, thế thì chẳng thà chết ngay đi còn hơn.

Nói xong, làm bộ lao đầu vào tường, Xuân Thân Quân liền cản lại, dùng lời ngọt ngào an ủi nàng, bằng lòng sẽ cách chức phu nhân của vợ cả đi.

Người vợ lẽ chưa cam chịu vì con của vợ cả rồi sẽ là người kế thừa, để cướp quyền một cách triệt để, muốn dẫn thêm một bước đưa cả mẹ, con vợ cả đến chỗ chết.

Mấy hôm sau, người vợ bé lại xé rách quần áo mình ra, khóc lóc kể với chồng:

- Xem ra thiếp có cố cũng không sống ở đây được. Vừa rồi bà ấy lại cho con ra trêu ghẹo thiếp, lại còn sàm sỡ xé rách cả xiêm áo thiếp, muốn làm nhục thiếp, còn may thiếp nhanh chân chạy thoát, nếu không... Nó lúc nào cũng tính hại thiếp, hỏi thiếp sẽ tránh đến bao giờ?

Xuân Thân Quân cho là thật, bỗng nổi giận đùng đùng hạ lệnh giết mẹ con người vợ cả, lập vợ bé lên ngôi “chính cung”.

Trong lịch sử, dùng “khổ nhục kế” sớm nhất mà hay nhất là Yêu Ly giết Khánh Kỵ.

CHU NHÔ YÊU LY ĐÀM KHÁNH KỶ

Công tử Quang giết vua cướp ngôi, lợi dụng Chuyên Chư giết Ngô Vương Liêu, tự xưng là Ngô Vương Hạp Lư. Ngô Vương Liêu có con trai là Khánh Kỵ, chạy trốn ra nước ngoài chiêu nạp dũng sĩ, liên kết với nước láng giềng, chờ thời cơ chinh phạt nước Ngô để báo thù.

Hạp Lư nghe nói Khánh Kỵ bước đi như bay, ngựa đuổi cũng không kịp, dũng mãnh phi thường, vạn người khó địch. Nay, nghe thấy lại có ý đồ như vậy, lòng thấy rất lo, muốn sai người đi giết, nhưng còn chưa tìm ra người nào thỏa đáng.

Ngũ Viên liền chọn lên một người dũng sĩ, tên gọi là Yêu Ly.

Hạ Lư nhìn Yêu Ly là con người thân chưa đầy năm thước, lưng bè, mặt xấu, cảm thấy thất vọng, hỏi một cách chán ngán:

- Người là dũng sĩ Yêu Ly do Ngũ đại phu giới thiệu đây sao?

Yêu Ly đáp:

- Thần nhỏ bé yếu đuối, gió đằng trước thì ngã ngựa, gió thổi đằng sau thì ngã sấp, làm gì có dũng khí, nhưng nếu Đại vương có gì sai khiến, nhất định sẽ làm hết sức mình.

Hạ Lư nghe vậy, càng buồn, Ngũ Viên đã biết ý đó, bèn nói:

- Ngựa tốt không ở chỗ cao to, chỉ cần đeo được nặng, đi được xa đó là ngựa tốt. Yên Ly hình dong tuy xấu nhưng rất lanh lẹ và có năng lực, nhất định sẽ hoàn thành lệnh vua một cách thuận lợi.

Thấy Ngũ Viên cố đề cử, Hạ Lư liền vờ Yêu Ly ra nhà sau để bàn việc cơ mật, Yêu Ly hỏi:

- Đại vương đang gặp hoạn nạn muốn sai khiến hạ thần chẳng hai có phải là chuyện Khánh Kỵ không? Thần có thể giết được hắn.

Hạ Lư cười nói:

- Khánh Kỵ là con người ghê gớm, người hấn cao to, đi như ngựa phi, khỏe mạnh như thần, vạn người khó địch, e rằng người khó thắng nổi hắn.

Yêu Ly thưa:

- Giỏi giết người ở chỗ dùng mưu chứ không dùng sức, thần chỉ cần được gần Khánh Kỵ là có thể thanh toán được hắn.

Hạ Lư nói:

- Khánh Kỵ vốn thông minh làm sao lại có thể dễ dàng gần người được?

- Thần có cách để hấn gần thần, không tin thần sao được?

Yêu Ly nói với lòng đầy tin tưởng - Hắn hiện đang chiêu mộ những tên lưu lạc, thần sẽ giả làm một tên tội thần chạy theo hắn. Đại vương hãy chặt tay phải của thần đi, giết hết người nhà thần, như vậy Khánh Kỵ còn có lý gì không tin thần?

- Khanh không có tội, làm sao mà nữ độc ác thế- Hạp Lư chau mày nói Yêu Ly khang khái và hiên ngang tâu:

- Thần nghe nói yên vui với vợ, không tận nghĩa với chúa thượng, không thể nói là trung, lưu luyến gia đình, quên cái buồn của chúa, không là người nghĩa sĩ. Thần được vẹn trung vẹn nghĩa cho dù có mất cả nhà cũng cam tâm.

Ngũ Viên ở bên cạnh cũng nói thêm:

- Yêu Ly vì nước quên nhà, thật là con người trung liệt, riếu- đến ngày thành công, lúc đó sẽ truy tặng công lao, nâng đỡ cho vợ con người đã mất để tên tuổi được vang dội, đó là một nghĩa cử nhất cử lưỡng tiện.

Hạp Lư nghĩ một lúc rồi mới đồng ý cho làm như vậy.

Hôm sau, Ngũ Viên cùng Yêu Ly vào triều, đề cử Yêu Ly làm tướng quân dẫn binh đi đánh nước Sở. Hạp Lư nghe tâu bực bội mắng Ngũ Viên:

- Nhìn Yêu Ly người lùn sức yếu, trói gà không chặt, cưỡi ngựa thì run làm sao có thể làm tướng cầm quân, thật là lếu láo, vô lý.

Yêu Ly cũng khò tấu tiếp:

- Đại vương có thể nói là rất vô ơn. Ngũ Viên đã vì vua mà yên định cả giang sơn, nay Đại vương lại chẳng thay Ngũ Viên mà đánh Sở, báo thù...

Hạp Lư đập bàn quát:

- Đây là quốc gia đại sự, không cần đến người biết, mà nay còn dám trách mắng quả nhân. Lập tức ra lệnh chặt cánh tay phải của Yêu Ly, giải vào ngục và bắt giam cả vợ Yêu Ly. Ngũ Viên thơ dài mà lui, quần thần chẳng ai hiểu ra sao.

Được vài hôm, Ngũ Viên ngậm sai cai ngục thả lỏng cho Yêu Ly. Yêu Ly thừa cơ vượt ngục trốn đi. Hạp Lư hạ lệnh đem chém đầu vợ của Yêu Ly đưa bên ngoài chợ.

Yêu Ly chạy ra biên giới nước Ngô, dọc đường gặp ai cũng kêu oan, hỏi được tín Khánh Kỵ đang ở nước Vệ liền chạy sang nước Vệ xin gặp. Khánh Kỵ nghi là trá hàng không chịu tiếp nhận, Yêu Ly liền cởi áo ra. Khánh Kỵ thấy bên tay phải Yêu Ly bị chặt, lúc đó mới tin và hỏi:

- Hạp Lư đã chặt cả tay, làm người thành tàn phế, cuối cùng còn tìm đến ta với ý đồ gì?

Yêu Ly thưa:

- Thần nghe Hạp Ly giết cả con của công tử, giành ngôi vua, nay công tử đang câu kết chư hầu. muốn báo thù trả hận, cho nên chạy tới đây xin theo người, tuy không xung phong ra trận được nhưng đưa đường thì có thể được, thần vốn rất thông thuộc hình thế núi non của nước Ngô, chỉ cần công tử báo được thù, thần cũng rửa được mối hận bị giết vợ là hả lòng hả dạ lắm rồi.

Khánh Kỵ còn chưa tin han, thì vừa hay có người tâm phúc đến báo rằng vợ của Yêu Ly bị Hạp Lư giết, bêu đầu ngoài chợ.

Yêu Lư nghe nói, khóc than thảm thiết, nghiêng răng nghiêng lợi rửa chửi mắng Hạp Lư như thế Khánh Kỵ mới hoàn toàn tin tưởng.

- Hạp Lư lúc này dùng Ngũ Viên làm quân sự, luyện binh tuyển tướng, đất nước yên ổn, còn ta binh ít, thế cô làm sao có thể kháng cự lại chúng, để hả nỗi giận trong lòng - Khánh Kỵ hỏi.

Yêu Ly thưa:

- Bọn mưu sĩ là mô mưu, là đồ ăn hại đầu óc trống rỗng, không đáng lo, chỉ có Ngũ Viên là hơi đáng lo vì có thể nói là tài giỏi, trí dũng song toàn, nhưng với Hạp Lư lúc này, bằng mặt mà không bằng lòng.

- Làm sao?

- Công tử mỗi biết một về họ, mà chưa biết hai - Yêu Ly nói - sở dĩ Ngũ Viên hết sức giúp Hạp Lư, mục đích là dấy binh đánh sở, báo thù cho cha anh, song hiện nay sở Bình Vương đã chết, thù nhà Phí Vô Cực đã quên. Hạp Lư yên ở ngôi vua hàng ngày chỉ ham mê tửu sắc, không muốn giúp Ngũ Viên báo thù. Ngay việc trước mắt mà nói. Ngũ Viên đề cử thần dấy binh đánh Sở, Hạp Lư liền mắng ngay trước mặt còn giết gà răn khỉ, gán tội cho tôi, cho nên Ngũ Viên oán giận Hạp Lư đã do tình thế tạo nên. Nói thực ra, lần này tôi có thể vượt ngục chạy trốn cũng là do Ngũ Viên mua chuộc bọn canh ngục. Ông ta từng dặn tôi: Người đi lần này hãy gặp công tử dò động tĩnh xem sao nếu chịu báo thù cho Ngũ Viên tôi, nguyện làm nội ứng để chuộc giết vua khi xưa. Công Tử không thừa dịp này mang quân vào nước Ngô,

còn lần nữa đến bao giờ, sợ không có ngày nào báo được thù nữa. Nói xong khóc lóc và đập đầu xuống đất.

- Được! Được!- Khánh Kỵ khuyên nhủ - Ta nghe lời người, nhất định sẽ khởi nghĩa trong thời gian ngắn nhất.

Khánh Kỵ đưa Yên Ly vào căn cứ địa Ngải Thành, coi như người tâm phúc, cử ông này đi phụ trách huấn luyện quân sĩ, đóng chữa chuyển binh.

Ba tháng qua đi, dưới sự thúc giục của Yên Ly, Khánh Kỵ, đã nêu cao cờ nghĩa xuân quân làm hai mũi thủy lục cùng tiến, rầm rộ tiến vào nước Ngô.

Khánh Kỵ và Yên Ly cùng ngồi một chiếc 'thuyền, chỏ đến giữa dòng, thuyền sau bỗng nhiên không lên kịp, Yên Ly nói với Khánh Kỵ:

- Công tử hãy. ngồi lên mũi thuyền, người chèo thuyền nhìn thấy sẽ không dám trể nải.

Khánh Kỵ ngồi lên mũi thuyền, Yên Ly một tay chống kích đứng lên. Bỗng nhiên trên núi nổi một trận cuồng phong, Yên Ly quay mình đi, đột ngột lao một kích vào đúng tim Khánh Kỵ, xuyên ra sau lưng. Với thần thể khôi ngô cao lớn, hai tay Khánh Kỵ nâng ngược Yên Ly dìm xuống nước ba lần rồi lại ôm để lên gối mình, cười gằn nói:

- Mày có thể coi là một dũng sĩ giết cả tao!

Quân hầu hai bên định đâm chết Yên Ly, Khánh Kỵ nói:

- Quả là dũng sĩ, thả nó ra đi! Nói xong, vì máu ra quá nhiều, Khánh Kỵ lặn ra chết.

Yên Ly thấy việc đã hoàn thành, bèn cũng rút kiếm tự sát.

VƯƠNG TẢ CHẶT TAY THUYẾT VĂN LONG

Thời Nam Tống, chủ soái nước Kim là Ngột Thuật đem quân xâm lược phía Nam đánh nhau với Nhạc Phi ở Trấn Chu Tiên. Ngột Thuật có người con nuôi là Lục Văn Long, tuổi vừa mười sáu, dũng cảm thiện chiến, là kinh địch với quân của họ Nhạc.

Lục Văn Long nguyên là con trai của tướng nhà Tống Tiết độ sứ châu Lộ An tên Lục Đăng. Khi Ngột Thuật công hãm châu Lộ An, cả nhà Lục Đăng tuần tiết, Lục Văn Long lúc đó còn

quân trong tã lót, bị Ngột Thuật cướp đi cùng với người vú nuôi, đe nuôi làm con nuôi, cho nên Văn Long không hề biết bố nuôi của mình lại chính là kẻ thù đã giết cả nhà mình.

Bộ tướng của Nhạc Phi là Vương tá, rất rõ quan hệ tế nhị này, con người này vốn là bộ thuộc của Dương Ma, sau khi sang hàng Nhạc Phi vốn chưa lập được công trạng gì, lần này thấy Nhạc Phi vì chuyện Lục Văn Long mà treo bài “miễn chiến” và âu sầu ủ dột, nên Vương Tá cũng thấy không vui, bèn quay về trại một mình ngồi uống rượu giải phiền, lúc đó vừa là canh ba, chỉ nghe tiếng mõ cầm canh. Vương bỗng nhớ tới chuyện xưa “Yêu Ly chặt tay đâm Khánh Kỳ”, bèn vỗ tay xuống bàn quát: “Tại sao không làm thế?” Nói rồi bèn cởi giáp, rút kiếm, chặt rời cánh tay phải ra, nghiền chặt răng, lấy thuốc dịt vào, cầm máu, đang đêm đi tìm Nhạc Phi, nói rõ ý đồ. Nhạc Phi bất ngờ đến rơi nước mắt, nói:

- Ta tự có kế để phá địch, sao ngươi nỡ tàn hại thân mình, song nay trót thế rồi, ngươi cứ yên tâm mà đi, không phải lo cho gia quyến, ta sẽ lo liệu chu đáo.

Vương Tá sang đến doanh trại quân Kim thì trời đã sáng gặp bọn lính đi tuần, nói rõ ý mình, nhờ dẫn vào gặp Ngột Thuật. Một lúc sau Vương Tá vào trong trướng, quỳ xuống thấy người này mặt mày xanh xao, máu me đầy mình, Ngột Thuật liền hỏi tên là gì và đến để làm gì? Vương Tá vừa khóc vừa kể lể:

- Tiểu thần là thần tôi của Dương Ma ở Động Đình Hồ vùng Hồ Quảng, tước quan là Đông thánh hầu, chỉ gian thần cấu kết Nhạc Phi, thần bị đánh bại, đến nỗi nước mất nhà tan, tiểu thần không có cách nào, đành nhẫn nhục quy thuận Tống doanh, nay Long chúa kéo đại quân qua đây, lại có ông đây (Lục Văn Long) anh dũng vô song, chừ tướng một lòng, Nhạc phi vô kế khả thi nên treo bài “miễn chiến”. Đêm qua đã chiêu tập các tướng để bàn bạc, tiểu thần có nói thêm rằng: Nay Trung Nguyên bị tàn phá, hại chúa còn chưa thấy, Khang Vương tin bọn gian thần, người trung lương thì thoái vị, ý trời thế nào có thể biết. Nay hai triệu quân nước Kim, thế như Thái Sơn đè xuống, khó mà đối địch, chẳng thà cử người đi giải hòa, lại có thể bảo toàn. Ai ngờ Nhạc Phi đã chẳng nghe lời nói phải còn bảo tẩn ăn ở hai lòng, bán nước cầu vinh, liền đem chặt tay của thần đi, bắt thần đi báo tin cho nước Kim và còn nói sắp tới sẽ đi lòng bắt lang chúa, đập bằng nước Kim này. Nếu khi thần không đến, hấn sẽ chặt nốt tay nữa. Bởi vậy thần phải đến báo cùng lang chúa. Nói rồi òa lên khóc, làm

ra vẻ thực đáng thương, rồi thò vào tay áo lấy ra cánh tay bị chặt để Ngột Thuật nhìn tận mắt.

Ngột Thuật xem xong, không sao nhìn được, đến quân hầu tả hữu cũng lắc đầu thè lưỡi.

Ngột Thuật nổi:

- Nhạc Phi quá tàn bạo, thế ghì giết quách nó đi, dám đem người ta làm cho sống dở chết dở, còn bắt người ta đưa tin, thực là nó muốn trêu tức mình đây. Được rồi, hãy đợi đấy!- Rồi quay sang Vương Tá, nói: Ta phong cho khanh chức của người chịu khổ, khanh vì ta mà phải cụt một cánh tay, chịu đau khổ thế này ta sẽ nuôi khanh suốt đời - Sau đó truyền lệnh đi các trại, người chịu khổ được tự do đi lại, muốn ở đâu thì tùy, kẻ nào trái lệnh sẽ bị chém.

Từ đó, người chịu khổ Vương Tá được tự do đi lại trong doanh trại, ngày ngày đi hết nơi này nơi khác, ăn uống hết chỗ nọ chỗ kia, chuyện trò chơi bời rất đáng được các tướng vị nể, nhiều lúc còn được mời đi dự tiệc nói chuyện vui.

Một hôm Vương Tá đến trước doanh của Lục Văn Long, người gác hỏi:

- Ông già đau khổ di đâu?

Vương Tá đáp:

- Ta muốn thăm doanh tướng của điện hạ.

- Điện hạ đã sang đại doanh rồi, không ở đây, ông có vào cứ vào.

Vương Tá vào trong doanh, chỉ thấy một bà già ngồi không một mình, bèn bước tới chào:

- Thưa cụ, người đau khổ có lời chào cụ ạ!

Bà già nói:

- Không dám, tướng quân miễn lễ. Nghe thấy người nói tiếng Trung Quốc, Vương Tá liền nói:

- Cụ không phải-là người nước ngoài sao?

Cụ già động lòng trắc ẩn, bèn đáp:

- Lão là người Hà Gian. Nghe giọng của ông phải chăng cũng là người Trung Quốc?

- Vâng, tôi là người Hồ Quảng.

- Vậy thì ra là đồng hương.

Cứ như thế một người hỏi một người đáp, càng nói càng thân, Vương Tá liền hỏi cụ già tại sao và lúc nào mà phải đến đây. Cụ già lúc này đúng là xa quê gặp người nhà bèn thổ lộ mọi điều:

- Những câu này tôi nén trong lòng mười ba năm nay rồi, không có ai để nói, không có nơi nào để giải bày, hôm nay gặp đồng hương, nói để ông nghe, cũng chẳng ngại gì, có điều cần giữ kín. Ngài Điện hạ đây lớn lên bằng sữa của tôi, khi mới ba tuổi đã phải rời Trung Nguyên, nguyên là công tử con quan Lục Đẳng ở châu Lộ An, bị Lang chúa cướp sang đây làm con nuôi. Ông phải hết sức giữ kín chuyện này cho lão mới được. Sau khi nói tiếp một số chuyện về quê hương, Vương Tá cáo từ, nói hôm sau sẽ đến gặp đồng hương.

Hôm sau Vương Tá lại đến thăm đồng hương thật, lại gặp Lục Văn Long mới về dinh, bèn mời vào nhà và giữ lại dùng cơm. Lúc này vừa hay chiến trường không có chiến sự, Lục Văn Long cũng đang buồn lại thêm trẻ tuổi còn tính trẻ con, bèn đòi Vương Tá kể ít câu chuyện về Trung Nguyên. Vương Tá là người được ăn học, cho nên xuất khẩu thành chương, nói đâu ra đấy vượt râu một cái là ra bài bản, bèn luôn tiện kể ngay mấy câu chuyện ngắn như “chim Việt về Nam” “ngựa hay hướng Bắc” là những chuyện nhắc nhở không quên quê xưa, chúa cũ. Quả nhiên gây nên sự thích thú cho Lục Văn Long.

Sau đó, nghe chuyện đã thành thói quen của Lục Văn Long, hễ được là cho mời Vương Tá, tình cảm hai bên cũng ngày một thêm nồng.

Một hôm, Vương Tá lại đến thăm Lục Văn Long, Văn Long hỏi hôm nay sẽ kể chuyện gì, Vương Tá nói chuyện này sẽ kể một câu chuyện li kỳ nhất, nhưng phải đuổi hết quân hầu ra ngoài, chỉ để mình điện hạ nghe thôi. Văn Long liền bảo mọi người hãy lui ra ngoài, không gọi thì không được vào. Vương Tá lấy ở bên mình ra một bức họa trao cho Văn Long, nói là xem tranh rồi giải thích mới sinh động. Văn Long xem qua bức họa, trên có vẽ những người hầu như quen mặt, hình như phụ vương Ngột Thuật, lại thấy một vị tướng chết ở giữa nhà, một người đàn bà, rồi một người đàn bà khác ôm một đứa trẻ khóc lóc, còn vẽ cả rất nhiều lính tráng quân Phiên bang. Lục Văn Long liền hỏi:

- Ông già đau khổ đây là chuyện gì, ta thực không hiểu? Vương Tá bước tới đáp:

- Xin Điện hạ hãy tránh sang một bên, để nhìn tay chỉ vào bức vẽ để nói hơn, cảnh ở đây tức là châu Lộ An vùng Trung Nguyên, ông già chết nằm đây, là quan Tiết độ sứ, họ Lục tên Đàng, người đàn bà chết đây là phu nhân họ Tạ, người đàn bà bế đứa trẻ là vú nuôi của đứa trẻ, đứa trẻ đang khóc đây là một vị công tử, tên là Lục Văn Long.

- Người già đau khổ, sao người ấy cũng tên Lục Văn Long, cùng tên cùng họ với ta? Văn Long lạ lùng hỏi.

Vương Tá vẫn thủng thẳng kể tiếp: Điện hạ hãy nghe đây, các người vũ trang đầy mình đây là Xương Bình Vương, Lang chúa Ngột Thuật. Mười ba năm trước, Lang chúa đem quân công hãm châu Lộ An. Lục Đàng là cha của Lục Văn Long đã tận trung, tự vẫn mà chết, phu nhân họ Tạ cũng tận tiết, treo cổ mà chết, Lang chúa thấy công tử Lục Văn Long còn thơ ấu, lệnh cho vú nuôi bế đi, đem về Phiên bang, nhận làm con nuôi. Mười ba năm rồi, người con ấy không biết bố mẹ đẻ của mình là ai, mà lại gọi kẻ thù bằng cha. ôi, thật là chuyện đáng đau, đáng buồn xảy ra ngay trong đời.

Lục Văn Long nghe vậy tức sôi lên, nói:

- Người già đau khổ, rõ ràng ông đang nói ta...

- Không phải Công tử, thì là ta không là người- Vương Tá đáp - Vì Công tử, ta không nề hà gian khổ, vì công tử, ta chịu để chặt tay, ta muốn Công tử không là con người vong ân bội nghĩa, muốn cho Công tử gọi kẻ giết cha mình bằng cha. Công tử không tin xin hãy đi hỏi bà của mình sẽ rõ.

Lời nói vừa dứt, bà cụ già đã khóc nức nở bước ra:

- Chuyện của hai người, ta đã nghe một lúc lâu rồi, lời của Vương tướng quân hoàn toàn là sự thực. Tướng quân ơi, phu nhân ơi, các người chết mới thê thảm làm sao? Nói xong ôm mặt nức nở khóc.

Lục Văn Long lúc này, không làm chủ được mình quỳ xuống đất, nước mắt đầm đìa vái lạy:

- Đứa con bất hiếu, đâu có biết câu chuyện đau khổ này. Hôm nay mới biết, thì làm sao mà lại không đi báo thù cho cha mẹ. Lại quay sang Vương Tá, rập đầu nói:

Ân công hãy nhận cho một lễ, ơn này đức này suốt đời không quên. Vái xong rồi đứng dậy rút kiếm ra nghiêng răng nói:

Ta phải đi giết kẻ thù, mang đầu nó về đất Tống.

Vương tá vội vàng ngân lại nói:

- Công tử không thể làm thế, dưới trướng nó có nhiều người, việc lớn sẽ không thành mà còn bị hại, làm việc phải suy đi tính lại cho kỹ hãy làm.

Văn Long nói:

- Theo Ân công thì nên thế nào?

Vương Tá nói:

- Sớm muộn sẽ tìm dịp về nước Tống.

Mấy hôm sau, Lục Văn Long cùng theo Vương Tá và người vú nuôi về doanh Tông. Ngột Thuật sợ hãi vô cùng, than một câu rằng: Người già đau khổ ơi, ta xử với người như thế, ai ngờ người lại chơi ta một vô thế này.

KẾ § 35 LIÊN HOÀN KẾ

LỢI DỤNG MẪU THUẦN HITLER XUNG HÙNG Ở CHÂU ÂU
DÙNG LIÊN HOÀN KẾ ĐƯỜNG THÁI TỔNG BẦY MƯU KÉN RẼ

Liên hoàn là chỉ nhiều chiếc vòng móc lại với nhau thành một chuỗi. Liên hoàn kế là dùng một loại quyền thuật gây cho đối phương phản ứng có tính dây chuyền hoặc là một kế sách gây nên sự va chạm về nhiều mặt.

Liên hoàn kế trong chuyện xưa, lấy Vương Doãn dùng kế liên hoàn trong truyện Tam quốc làm đại diện. Nội dung nói ở thời Tam Quốc, Vương Doãn và Thái Ấp dùng kế liên hoàn mỹ nhân, hứa gả Điêu Thuyền cho Lã Bố, sau lại dâng cho董卓 Trác, chọc tức Lã Bố, gây nên cuộc chém giết giữa hai bố con nuôi.

Đến đầu triều Minh, có người sửa sự việc trong nguyên tác nói rằng Vương Doãn muốn ngầm thanh toán董卓 Trác nên trao vòng ngọc cho Điêu Thuyền để làm kế mật nên mới đổi tên thành kế liên hoàn.

Do đó, tương truyền trong dân gian tam sao thất bổn, đến La Quán Trung lại thêm dăm thêm ớt, viết nên câu chuyện hay ho hấp dẫn ấy và lưu truyền đến giờ.

Dùng liên hoàn kế, không nhất thiết lấy gái đẹp là vũ khí, nhưng dùng người đẹp thường phổ biến nhất và dễ thu kết quả nhất. Con người, thế nào cũng có chút lòng trắc ẩn thường thích ngọt, không ưa xắng, phụ nữ lại càng dễ như thế. Giả Bảo Ngọc đã từng nói: Đàn bà như nước, đàn ông là bùn. Nước với bùn mà trộn với nhau thì sẽ là một đồng nát bết, nhất là với những nhân vật gọi là anh hùng hào kiệt, đa số lấy việc phục vụ cho người khác giới làm điều vinh hạnh, lấy việc thương hoa tiếc ngọc làm thứ nhiệm vụ trời trao, cho nên dễ tiếp xúc với người đẹp là y như “ngày xuân ấm trướng phù dung, quân vương đến đó đều không muốn về”.

Lịch sử sử dĩ muốn màu muốn vẽ như vậy, anh hùng xuất thế là bởi chinh chiến liên miên, mở đầu cuộc chiến đều là sự tranh chấp ngọc vàng gấm vóc của đàn bà, giữa hai bên đều coi

“đàn bà” là chúa. Ngọc vàng găm vóc cũng chẳng qua để lấy lòng đàn bà hoặc là điều kiện để tranh thủ đàn bà mà thôi.

Điều, đó chứng minh, lấy gái đẹp làm vũ khí cho liên hoàn kế, đúng là có thể hễ dùng là được mà còn tiếc thì cất đi, đổi thay lễ thói, xoay chuyển càn khôn, nhỏ có thể làm cho bạn bè trở mặt, anh em tranh giành nhau, lớn thì có thể gây nên đảo chính ở cung đình học xung đột trên quốc tế.

Chuyện Điều Thuyền tuy chỉ là hư cấu, nhưng viết rất đặc sắc, một tiếng nói tiếng cười, một tiếng khóc, một khoé mắt-của nàng chẳng cái nào không thấm thìa lâm li. Những thủ đoạn lúc chính lúc phản, lúc tung lúc thu của nàng thật là biến hóa khôn lường, ai xem cũng vỗ đùi khen tuyệt. Cốt lõi câu chuyện như thế này:

Dưới sự cổ vũ và sắp xếp của Hán tư đồ Vương Doãn, trước hết hẹn lấy Lã Bố' làm chồng cho Điều Thuyền, nhưng rồi lại đưa Điều Thuyền vào dinh Đồng Trác. Đồng Trác là bố nuôi của Lã Bố', là tên gian hùng, nắm quyền bính trong triều, là tên độc tài chuyên làm ngang làm ngược.

Đồng Trác và Lã Bố' tuy danh nghĩa là đạo cha con, nhưng đều là đồ háo sắc, sự sắp đặt đó của Vương Doãn thực chất là một mưu kế để chớ găm xương chó.

Điều Thuyền xoay xở giữa hai con người này, một mặt dỗ dành Đồng Trác, mặt khác lại cũng dỗ dành được Lã Bố tạo nên hai côi lòng, hai bộ mặt, nũng nịu ông ẹo, nhếch miệng, đưa mắt, biến hai vị anh hùng quyền nghiêng triều chính, uy dội bốn phương thành thứ đồ chơi giữa hai vòng tay, cuối cùng gây nên được sự cộ sát căng thang để Đồng Trác chết dưới mũi kích của Lã Bố Người sau có thơ vịnh rằng:

Tư Đồ khéo mượn khách quần anh Chẳng phải giáo gươm chẳng dụng binh Hang hồ ba lần hao phí sức.

Khải ca lại ở Phụng Nghi Đình.

Ngoài những đạn trái phá màu phấn hồng, liên hoàn kế còn dùng nhiều vũ khí, mà đáng gờm nhất là Trương Nghi, ông ta đã dùng “ba tấc lưỡi không xương” mà giải tán được khối liên minh sáu nước, đặt nền móng vững bền cho đế nghiệp nước Tần.

TRƯƠNG NGHI ĐUA DỖN SỞ HOÀI VƯƠNG

Trương Nghi làm Tế tướng nước Tần, để phá tan khối liên minh quân sự sáu nước, đã dùng bàn tay lật đổ một cách liên hoàn làm cho sáu nước trở thành tranh đấu lẫn nhau.

Lúc đó, nước Tề nước Sở rất thân nhau, từng hợp binh đánh bại nước Tần, giành được vùng đất tên là Khúc Ốc. Tần Vương muốn phá khối liên minh Tề-Sở, hỏi Trương Nghi có kế sách gì không. Trương Nghi bèn tâu:

- Phàm là sự liên minh với nhau, đều là những tổ chức có quan hệ lợi hại, vì lợi hợp lại, rồi cùng vì lợi mà chia cắt ra, đó là điều tất nhiên, thần sẽ dựa vào ba tấc lưỡi không xương, tự sang thăm nước Sở một chuyên, tất sẽ làm cho Sở Vương sẽ cắt đứt ngoại giao với nước Tề.

Tần Hoài Vương liền cử Trương Nghi đến nước Sở. Trương Nghi biết rằng nước Sở có một sủng thần tên là Ngạn Thương, trước mặt Sở Hoài Vương nói ra không lời nào không nghe, không kế nào không theo. Sau khi đến nước Sở, Trương Nghi đã dùng loại “đạn bạc” dùng vàng bạc hối lộ Ngạn Thương, sau đó mới vào gặp Sở Vương.

Sở Hoài Vương, vốn hâm mộ tài năng của Trương Nghi, nên đã tiếp đón rất vui vẻ, hỏi:

- Chẳng hay ngài quá bộ đến tể ấp có điều chi dạy bảo?

Trương Nghi nói thẳng vào đề:

- Thần lẩn này phụng mạng của Tần Vương, muốn cùng quý quốc liên minh, hai bên cùng bãi binh, ngừng tranh chấp, chung sống hòa bình.

- Chung sống hoà bình, quả là một ý nghĩa tốt - Sở Vương nói - Nhưng nước Tần nhiều lần xâm lược nước ta, thế thì nói đến liên minh làm sao được.

Trương Nghi nói:

- Căn cứ vào quan hệ đất đai giữa hai nước Tần và Sở và sự bang giao hòa hảo xưa nay, chung sống hoà bình là điều có thể được, mà chỉ có lợi không có hại, Tần Vương sớm đã có dự định này, nhưng điều không hài lòng nhất đó là Tề Vương, mà quý quốc lại đang liên minh với Tề, cho nên không tiện kết giao với đại vương. Nếu đại vương tin lời thần thì thần

sẽ có cách làm cho Tần-Sở khôi phục lại mối bang giao, mà hiện nay là một cơ hội tốt nhất. Nói đến đây, còn cố ý ngừng lại. Sở Vương không dừng được, liền hỏi:

- Khanh có cách gì vậy?

Trương Nghi bèn thưa:

- Đại vương chỉ cần cắt đứt ngoại giao với nước Tề, nước Tần sẽ bằng lòng hiến 600 dặm đất cho Đại vương. Như thế, nước Tề không được sự giúp đỡ của Đại vương, lập tức sẽ bị suy yếu ngay, vừa có thể kết giao với nước Tần, và bên trong lại vừa được đất đai. Đó là nghĩ điều có lợi cho Đại vương, thật là nhất cử tam tứ tiện, làm gì lại không vui vẻ mà làm.

Sở Vương nghe vậy cả mừng trọng thưởng cho Trương Nghi, văn võ trong triều ai cũng chúc mừng Sở Vương, chỉ có Trần Chấn và Khuất Bình phản đối, nhưng Sở Vương không nghe, lập tức cho người đi báo với nước Tề, cắt đứt mối liên minh, một mặt cho Bàng Hưu Sứ cùng Trương Nghi vào đất Tần.

Trương Nghi và Bàng Hưu Sứ dọc đường uống rượu, tâm sự, thân tựa anh em. Vào đến Hàm Dương, Trương Nghi bỗng giả say ngã từ trên xe xuống, gọi quân hầu chõ đi chữa thuốc và dặn lại Bàng Hưu Sứ, tạm vào quán trọ nghỉ ngơi, chờ khỏi vết thương sẽ đi gặp Tần Vương, một mặt bí mật nhập cung tấu cho Tần Vương biết để ứng phó thế này thế kia với sứ giả nước Sở.

Trương Nghi về nhà trốn biệt, đóng cửa tạ khách, Bàng Hưu Sứ tới thăm lại bị từ chối, muốn gặp Tần Vương lại không được, đợi như vậy hết ngày này sang ngày khác, đã ba tháng qua rồi, chẳng có chút tin tức gì. Bàng Hưu Sứ chờ quá sốt ruột bèn dâng thư lên Tần Vương và nói đến cả việc Trương Nghi hứa thế nào với mình. Tần Vương đưa thư trả lời: “Trương Nghi nếu có hẹn, quả nhân phải đi tiễn, nhưng nghe nói sở với Tề còn chưa tuyệt giao, quả nhân sợ bị lừa, bắt buộc phải đợi Trương Nghi tâm rõ, không thể tin ngay”. Bàng Hưu Sứ lại đi gặp Trương Nghi, vẫn không gặp được bèn cử người về báo cáo Sở Vương, Sở Vương cũng biết ý đồ của Tần Vương, bèn sai dũng sĩ Tông Khiển lên biên giới nước Tề chửi mắng Tề Vương. Tề Vương tức giận bèn cho người sang nước Tần định liên kết với nước Tần để đánh Sở.

Trương Nghi được tin sứ giả nước Tề đã đến Hàm Dương, cho rằng kế hoạch đã thành công, bèn tuyên xưng vào triều và ở ngay cửa đã gặp Bàng Hưu Sứ, cố làm vẻ lạ lùng hỏi:

- Sao ngài còn chưa về ư? Đã nhận đất chưa?

Bàng Hầu Sửu nói hết với Trương Nghi tình hình vừa qua.

- Tần Vương chờ Tương quốc quyết định, nay bệnh Tương quốc đã khỏi, sớm nói rõ với Tần Vương, vạch địa giới để tôi về tâu lại Sở Vương.

- Cái gì - Trương Nghi nói - Việc này không cần bàn bạc với Tần Vương, đó là việc của tôi, tôi đã nói rồi, tôi sẽ đem sáu dặm đất được phong của tôi hiến Sở Vương.

- Á à!- Bàng Hầu Sửu kinh ngạc kêu lên- Trước mặt Sở Vương, ta phụng mạng đến tiếp thu sáu trăm dặm đất ở Thương Vu, chưa nghe nói sáu dặm đất phong ấp của Tương quốc.

Trương Nghi cười nói:

- Sở Vương lầm lẫn nên nghe nhầm con số”, ngài nghĩ xem, đất đai của nước Tần qua trăm lần chiến tranh giành được, sao mà có thể dễ dàng đem cho người khác, thước đất còn phải giành hưởng chỉ là sáu trăm dặm?

Bàng Hầu Sửu biết rằng đã trúng kế của Trương Nghi, không nói gì thêm, vội vàng về nước Sở để báo với Sở Vương, Sở Vương nổi giận đùng đùng, mắng rằng:

- Tên Trương Nghi tiểu nhân phản phúc kia, không bắt được mĩ lộ da nhồi trấu không yên, bèn ra lệnh xuất quân đánh nước Tần.

Trận ấy, nước Sở bị bại trận, mất vùng Hán Trung. Sở Vương đang định kêu gọi cả nước động viên, quyết chiến với nước Tần trận nữa thì nước Hàn,, nước Ngụy cũng muốn thừa dịp này tuyên chiến với nước Sở. Sở Vương thấy nguy cơ tứ phía bèn vội vàng bãi binh, giảng hòa với nước Tần.

Qua một năm, Trương Nghi lại lên tiếng muốn liên minh với nước Sở và bằng lòng đem đất Thương Vu đổi cho đất Sầm Trung của nước Sở. Sứ giả vừa nói Sở Vương, Sở Vương còn chưa nguôi giận cũ, bức bội trả lời:

- Quả nhân không muốn được đất, muốn được Trương Nghi mới cam lòng, nếu nước Tần chịu cử Trương Nghi sang nước Sở, quả nhân tình nguyện dâng đất Sầm Trung cho nước Tần.

Sứ giả về báo Tần Vương, tả hữu có người hiềm khích Trương Nghi nên cho rằng kế này có thể được, lấy một người đổi lại cả một vùng đất, lợi lớn thế còn gì.

Tần Vương nói:

- Trương Nghi là cánh tay đắc lực của ta, lập nhiều công to với nước, ta thà chịu không được đất còn hơn để mất Trương Nghi.

Trương Nghi lại ung dung nói:

- Tiểu thần muốn được một mình sang đất Sở.

Lời nói đó khiến mọi người kinh hãi. Tần Vương nói:

- Sở Vương căm giận khanh đến xương tuỷ, đi là bị giết, có sao khanh lại xin đi?

Trương Nghi thưa:

- Một thân Trương Nghi này đổi lấy cả vùng đất Sầm Trung, có chết cũng vinh, huống chi chưa chắc đã chết.

- Thân vào miệng hổ, còn định cầu may, đó thật là lạ kỳ, chẳng hay khanh có kế gì thoát thân - Tần Vương lại hỏi.

- Bây giờ chưa tiện nói, tóm lại là thần có thể an toàn trở về, đồng thời có thể làm cho cả nước Sở nghiêng hân về Đại vương.

Trương Nghi ngang nhiên sang nước Sở, Sở Vương lập tức trối gô lại, chọn ngày tế cáo thái miếu rồi xử quyết Trương Nghi.

Trương Nghi sớm đã cử người đi liên lạc với tay chân của Sủng thần Ngạn Thương, bảo ông này đi vận động sủng cơ của Sở Vương là Trịnh Tụ như thế nào.

Gặp Trịnh Tụ, Ngạn Thương liền nói:

- Phu nhân sẽ không được yêu mến lâu nữa đâu?

- Tại sao thế? Trịnh Tụ sợ hãi hỏi.

Ngạn Thương liền bảo rằng:

- Tần Vương cho Trương Nghi sang nước Sở, Đại vương đã khép ông ta tội chết. Trương Nghi là công thần của Tần Vương, Tần Vương được tin, đã định trả đất Hán Trung về cho

nước Sở và đem con gái của mình dâng Sở Vương để chuộc tội cho Trương Nghi. Hiện nay sứ thần nước Tần đã đến nêu điều kiện, một khi bàn định xong, người đẹp của nước Tần sẽ sắp hàng mà sang, đến lúc đó, phu nhân muốn giữ địa vị này cũng rất khó.

Trịnh Tụ bị dọa sợ run, hoang mang hỏi:

- Có cách gì có thể cứu vãn được không?

Ngận Thương đáp:

- Nay chỉ có một cách là giả vờ như không biết chuyện này, nói khéo trước Sở Vương, đưa Trương Nghi về nước Tần. Trương Nghi được về tất sẽ cảm ân đức không sai con gái nước Tần sang nữa.

Thế là Trịnh Tụ bèn đến khóc lóc trước Sở Vương, kể lể rằng: Đại vương muốn đem đất sầm Trung đổi lấy Trương Nghi, đất chưa giao, Trương Nghi đã đến, như vậy là Tần Vương lễ phép với Đại vương, nếu giết Trương Nghi, Tần Vương nổi giận tất sẽ đem quân báo thù, lúc đó vận mệnh vợ chồng ta sẽ ra sao chắc Đại vương đã biết. Vì chuyện này thiếp ăn không ngon ngủ không yên. Huống hồ nhân cách là chúa, Trương Nghi tấn trung với Tần Vương đó là chuyện thường tình, nếu Đại vương ưu hậu hân cũng sẽ là trung thần của đại vương.

Sở Vương bị đòn chặn gối nên lòng dịu đi một nửa, nhận lời rằng sẽ để suy nghĩ thêm, Ngận Thương lại xúi giục thêm vào:

- Giết một Trương Nghi chẳng bổ ích gì cho nước Sở, chẳng hại gì cho nước Tần mà lại mất toi mấy trăm dặm đất đai, làm thế chẳng hóa ra đe nước Tần thêm cường thịnh, nước Sở thì suy yếu đi sao?

Sở Vương suy nghĩ quả nhiên là chẳng nghĩ được gì thêm, cuối cùng nghe theo lời Trịnh Tụ, lại đưa trả Trương Nghi về nước Tần.

Trương Nghi thoát nạn trở về lại lôi kéo nước Sở, cũng dùng liên hoàn kế, li gián sáu nước, đập tan triệt để khôi đồng minh Tô-Tần, tách từng nước ra khỏi liên minh sáu nước, hình thành một trận tuyến khác, tôn nước Tần làm chủ dọn đường để về sau này nước Tần thông nhất Trung Quốc.

HITLER XUNG BÁ CHÂU ÂU

Trước thế chiến lần thứ hai, Anh, Pháp là hai nước mạnh nhất châu Âu, nước Pháp có rất nhiều thuộc địa ở Phi châu, trên thực tế đã hình thành đế quốc Phi châu ở trên đất Pháp. Dã tâm của Pháp là muốn độc chiếm hai châu Âu, Phi. Thuộc địa của Anh rải rác khắp hoàn cầu, mục đích chính trị của nó lại muốn giữ mãi môi cân bằng. Nhưng dưới con mắt của Hitler, đã thấy mục tiêu của hai nước Pháp, Anh không nhất trí nhau chút nào mà thấy cần đảo lộn, mà muốn vậy phải đập tan liên minh Anh, Pháp. Muốn làm yếu nước Pháp, không thể không lôi kéo nước Anh. Bởi vậy ngay sau khi có quyền thế, Hitler bèn một mặt lớn tiếng hô hòa bình một mặt tăng cường quân bị. Lúc đó nước Anh có ý muốn lấy lòng nước Đức, đề nghị bình đẳng trong quân bị, nước Pháp lại cự lực chống lại.. Đến sau khi nhân dân khu Xay-Ơ đầu phiếu trở lại nước Đức, Hitler thừa cơ tuyên bố không yêu cầu về lãnh thổ với nước Pháp, tức là ám thị không thu về hai khu cát cứ là An-bát và Lao-linh để phỉnh phờ cho nước Pháp “bình đẳng về quân bị”. Lúc này nước Anh và nước Pháp đã bắt đầu bằng mặt không bằng lòng, Hitler lại mượn cơ Pháp và Liên Xô liên minh với nhau, đột nhiên tiến quân vào vùng sông Len là khu phi quân sự, làm cho nền ngoại giao nước Pháp rơi vào cảnh bàng hoàng, trong trường hợp không được sự chi viện bằng quân sự của nước Anh, chỉ có thể kêu lên “Liên Hợp Quốc” là nơi có tiếng mà không có miếng cho qua chuyện. Mâu thuẫn Anh Pháp ngày một sâu sắc. Hitler lại ủng hộ Phrăng-cô ở Tây Ban Nha làm đảo chính quân sự, xúi giục Mút-xô-li-ni ở Italy chiếm A-pi-xi-nia ở châu Phi, còn bản thân hấn thì thừa dịp quân Ý xuống phía nam, giành nước Áo từ tay nước Italy. Chỉ trong mấy năm, từ một quốc gia cô lập trở thành chủ đồng minh của phe trục, ngang nhiên tuyên chiến với toàn thế giới. Cái thủ đoạn Hitler gây mâu thuẫn, lợi dụng mâu thuẫn, quả là một thứ liên hoàn kế khéo léo nhất, thành công nhất trong lịch sử cận đại.

ĐƯỜNG THÁI TÔNG LẬP MƯU KÉN RẼ

Đường Thái Tông Lý Thế Dân, một trong những đế vương cận đại của Trung Quốc, có thể coi là một vị chúa hiền năng, xuất sắc, võ công có thể sánh với các anh hùng, dẹp tan hết thảy đế thống nhất sơn hà, về văn-trị, tức những bài bản về chính trị cũng ở mức người không hình thường cũng không sánh kịp.

Sau khi củng cố được ngôi vua, chính sách đối ngoại của ông ta là “ngoại giao mềm dẻo”, lợi dụng bài bản “công chúa làm thân”, đưa tất cả các bộ lạc ngoại tộc vào trong phạm vi thế lực của Trung Quốc, Hoa kiều ở một số nước, cho đến nay vẫn bị gọi là “Đường nhân” tức là căn cứ chính sách này lúc đó.

Sau khi Đường Thái Tông dùng “chính sách làm thân” này, khai triển ngoại giao bằng gái đẹp, bèn nhận tất cả các cung nữ có nhan sắc trong cung làm con gái mình, lần lượt gả cho các quốc vương ở mạn Tây Bắc, biến các địch thủ thường xuyên quấy rối biên cương thành con rể, biến địch thành thân, trống trận trở thành trống nhạc.

Lúc đó, còn Thổ Phiên Vương chưa có chỗ nương tựa. Thổ Phiên tức là vùng Thanh Hải, tứ Xuyên, Tây Tạng bây giờ, đất đai bao la, dân tính ngang ngược, là một quốc gia rất khó chinh phục. Thổ Phiên Vương thấy quốc vương các nước khác lần lượt lấy công chúa nhà Đường làm vợ, vừa thèm vừa tức, cho đây là mối nhục, bèn cử một sứ thần đến Trung Quốc mong cũng kiếm được một công chúa mang về.

Đường Thái Tông lúc đó có bao nhiêu công chúa cả thực cả giả đều gả chồng hết, chỉ còn lại một mình công chúa Văn Thành nên rất đau đầu với chuyện cầu thân lúc này, trong lòng thực không muốn đem con gái ruột yêu quý của mình đưa sang một nước -man rợ theo nghi lễ ngoại giao. Nhưng suy nghĩ kỹ, thấy nước Thổ Phiên là nước không thể khinh thường, không bằng lòng họ, rất có thể sẽ xảy chuyện phiên phức. Thế là nghĩ mãi cũng ra kế hay, trước hết dùng cách kích tướng, kích Thổ Phiên Vương đi chấp hành chính sách ngoại giao của mình.

Khi tiếp sứ thần của Thổ Phiên Vương, luôn luôn từ chối, nói rằng: “Công chúa không phải món hàng mua bán, huống hồ chỉ còn lại một người, chẳng lẽ lại cho không người khác?” Sự từ chối đó, quả là ngoài dự đoán của sứ thần, bèn lui thủ quay lui, trong lòng vô cùng buồn bực. Sau này nghe láng máng có tin rằng Đường Thái Tông vốn định gả công chúa cho Thổ Phiên Vương, nhưng quốc vương Túc Can lại làm khó dễ nên mới thôi.

Nguồn tin láng máng đó lại chính từ miệng Đường Thái Tông nói ra, sau khi truyền đến tai sứ giả, lập tức là có tác dụng. Sứ thần vui vẻ mà đến, muốn vui vẻ mà về, nay gặp chuyện trực trặc thế này biết về sẽ ăn nói làm sao, làm sao có thể thể hiện được tài cán của mình,

thế là bèn chẳng suy nghĩ gì thêm, đem câu chuyện này thêm mắm, thêm ớt vào báo lại với Thổ Phiên Vương rằng:

Đường Vương vốn đã bằng lòng, còn rất muốn được kết thân với nước ta, nhưng lại gặp phải quốc vương Tước Can, quả là tên lão lếu đã tìm cách ly gián với bố vợ mình nên câu chuyện mới bị cắt đứt, bởi vì tên lếu láo đó lấy phải người vợ không phải là con đẻ của Đường Vương, nên ghen với chúa thượng được lấy công chúa thực... Thổ Phiên Vương không nghe thêm được nữa, mắt long lên giận dữ:

- Đáng giận lắm thay! Tên oắt con này dám cắt đứt chuyện vui mừng của ta.

Thế là lập tức đẩy binh mã tiến công nước Tước Can. Một trận càn chớp nhoáng, đuổi quốc vương Tước Can đến vùng núi sát biên cương. Một trận chém giết kịch liệt, sau còn thừa thặng như cơn gió lốc, đánh cả sang phía đông, phía tây, một hơi liền tiêu diệt rất nhiều bộ lạc, phạm vi thế lực áp sát biên giới Trung Quốc.

Có được uy thế đó. Thổ Phiên Vương lại sai sứ thần sang Trung Quốc, nhắc lại với Đường Thái Tông chuyện nhân duyên trước đây. Lúc này Đường Thái Tông hiểu rất rõ sự phát triển của tình hình. Thổ Phiên Vương quả là đã “không làm ô quân lệnh”, làm đúng ý và giúp Đường Vương một việc lớn là dẹp bằng được các nước nhỏ, nếu cầu thân được, lại là người trong một nhà, có thể giảm nhẹ được mối nguy hại và gánh nặng ngoại giao cho Trung Quốc, bởi vậy đã ngỏ ý bằng lòng gả Văn Thành công chúa cho Thổ Phiên Vương.

Được tin báo, Thổ Phiên Vương cả mừng, cho rằng từ nay đã được làm con rể cưng của Đường Thái Tông, chẳng bao lâu sẽ được làm giai tể của Trung Quốc, bèn cho chuẩn bị làm lễ cưới, phô trương tiền của một phen.

Đường Thái Tông sau khi ngỏ lời đồng ý với Thổ Phiên Vương, lại nảy ra vấn đề khác. Ngoài Thổ Phiên Vương, còn có đến bốn nước nữa trong đó có cả nước Thiên Trúc (Ấn Độ). Một mình Văn Thành công chúa, làm sao có thể “một ngựa đóng năm cỗ yên” được. Nếu lạnh nhạt với những quốc gia này thì không đạt được yêu cầu hoà thuận với nước láng giềng. Cũng còn may là với Thổ Phiên Vương chỉ là câu hứa miệng trong lúc mật đàm chưa công bố công khai, còn có thể để nói lại.

Nghĩ ngợi mãi, Đường Vương tìm được ra một cách vẹn cả đôi đường tức là đưa ra mấy đầu đề thật hóc hiểm để làm tiêu chuẩn lựa chọn, để cho sứ thần các nước kể cả sứ thần Thổ

Phiên xem ai là người trả lời ba câu hỏi này được đầy đủ nhất thì gả Văn Thành công chúa cho vương của nước ấy.

Lúc này, sứ thần các nước ai cũng tự cho mình thông minh, sẵn sàng chờ đợi để trả lời câu hỏi. Sứ thần của Thổ Phiên Vương chẳng phải ai khác, mà là Tế tướng Lục Đông Tán, một người nổi tiếng sẵn cơ mưu, ngoại giao cũng rất giỏi hoạt. Lần này Lục Đông tán hăng hái làm sứ thần sang Trung Quốc cầu thân cũng ôm ấp một ý định là sẽ thắng.

Đề thứ nhất mà Đường Thái Tông nêu ra là, trong một khối ngọc vuông có một lỗ nhỏ khúc khuỷu, yêu cầu các sứ thần luồn qua đó một sợi chỉ nhỏ.

Kết quả, bốn vị sứ thần làm đi làm lại không được, người nào người ấy đỏ mặt tía tai, mồ hôi nhễ nhại. Đến lượt Lục Đông Tán, ông ung dung bắt một con kiến rồi buộc sợi chỉ vào thân kiến thả vào lỗ rồi ghé miệng thổi cho con kiến bò đi, sợi chỉ theo con kiến chui sang bên kia lỗ.

Đề thứ hai là, lấy một trăm đoạn gỗ tròn, to nhỏ dài ngắn bằng nhau, bó thành một bó, yêu cầu mọi người hãy chỉ ra đặng nào là ngọn.

Các sứ giả kia thấy những đoạn gỗ to, nhỏ như nhau, không làm sao chỉ được ra đâu là đầu, đâu là gốc. Cuối cùng lại vẫn là Lục Đông Tán tìm ra cách hay hơn cả. Ông ta thả tất cả những đoạn gỗ xuống nước, lập tức chỉ ra đầu chìm xuống nước là gốc, đầu nổi là ngọn.

Lý do là phần gốc tổ chức của gỗ chặt chẽ hơn, đặng ngọn tổ chức lỏng lẻo hơn, thả vào nước phần chặt chẽ thì chìm, phần kia sẽ nổi. Như vậy là có thể phân biệt được gốc, ngọn.

Sắp sang đề thứ ba, Đường Thái Tông bỗng cho nghỉ, bảo mọi người về nhà chuẩn bị.

Một ngày rồi hai ngày qua đi, các sứ thần chẳng dám đi đâu, ngày ngày loanh quanh một chỗ chờ đợi, không hiểu Đường Thái Tông định bày trò gì mới. Đến nửa đêm ngày thứ ba, bỗng nhiên thị vệ báo cho các sứ thần đến Tiễn Điện gặp Đường Thái Tông. Thế là các sứ thần lần lượt được dẫn vào cung, nhưng đường đi tối lại khác hẳn lúc bình thường, toàn là những con đường hẹp cong queo khúc khuỷu.

Gặp mặt xong, Đường Thái Tông chỉ hỏi thăm mấy câu qua loa, rồi nói:

Chẳng có việc gì nữa, mọi người hãy theo lối cũ mà về.

Các sứ thần toát cả mồ hôi, chẳng còn biết nói gì đành tìm đường về phủ. Thế nhưng, khó khăn đã xuất hiện: đó tức là tìm không ra lối về, quay trái quay phải, không gặp chỗ rẽ thì lại đụng bò tường, chỉ có mình Lục Đông Tán về được phủ một cách dễ dàng, những người khác còn đang loay hoay quanh ở gần Tiện Điện. Tại sao vậy? Bởi vì Lục Đông Tán là người rất tháo vát lanh lẹ, khi vào điện, đến mỗi một góc đường đều tìm cách đánh dấu ngầm.

Đó chính là đề thứ ba cũng bị sứ giả Thổ Phiên giải đáp được.

Đường Thái Tông cũng cho rằng Lục Đông Tán là người thông minh hơn người, thế là công khai tuyên bố gả Văn Thành công chúa cho Thổ Phiên Vương. Thế là văn hóa Trung Quốc được truyền bá đến Tây Tạng cũng bắt đầu từ đây.

KẾ § 36 KẾ CHUỒN

TỰ LÀM RA KHỔN ĐANG LÃNH HÓA QUỀ
CHU CÔNG MẤT CON CHƯỚC CHUỒN LÀ HON
ĐÓNG LÀM HIẾU TỬ TỰ TRUNG THOÁT HIỂM

Đây là kế sau cùng trong ba mươi sáu kế. Tục ngữ có câu. Ba mươi sáu chước, chước chuồn là hơn.

Rốt cuộc “chuồn” có phải là hơn hay không? Có hai cách giải thích, một là “bát bảo” xuất thế, khi kế cùng lực tận, một khi có thể thoát khỏi vòng vây của địch tức là chạy thoát chết được thì cái tâm tình vui sướng đó, thật khó mà tả nổi, cho nên mới nói là “hơn”. Một cách khác thì ngược lại, là một kiểu thắng lợi tinh thần của lũ bại binh ngoài chiến trường.

Trong cái chuồn đó, cũng phân biệt chủ động, bị động. Bị động là bức bách không còn cách nào, chủ động là thiếu tin tưởng. Bị buộc phải chạy trốn, chưa hẳn là biểu hiện của yếu hèn, chủ động lùi bước cũng không phải là anh hùng mạt lộ. Cái “chuồn” muốn nói ở đây là do hoàn cảnh đã rơi vào chỗ “bất lợi”, tìm cách chuyển sang chỗ khác xây lại cơ đồ và có ý làm lại từ đầu.

Bất kỳ kiểu chiến đấu nào, không kể là văn hay võ, chẳng ai là nắm được quyền “luôn thắng”. Thắng nhỏ, thua nhỏ trong quá trình chiến đấu, ở trạng thái khi ẩn khi hiện. Biến đổi trong chớp mắt, không giỏi giang không thể ứng phó nổi, không quyền biến khó mà đạt quyền. Cái cần tranh thủ không hẳn là sự được mất tạm thời mà là thắng lợi cuối cùng, thắng lợi cuối cùng thuộc về ai kiên trì đến năm phút cuối cùng. Cho nên “không chuồn” chưa hẳn đã anh hùng, “chuồn” chưa hẳn là kẻ yếu hèn.

Chuồn có rất nhiều kiểu cách, có kẻ chuồn vút áo mao khí giới, có kẻ tự mình lùi lại, mọi người đi: có đường cái không đi, đi đường biển. Tuy động cơ chuồn khác nhau, nhưng tâm tình người lánh nạn và người bị ép buộc thì lại giống nhau. Chuồn như vậy thì không phải là việc dễ dàng, mà cũng chẳng ung dung nhẹ nhàng được. Kẻ chạy trốn, vượt biên không nói làm gì, ngay như Khổng Tử ngày xưa đi khỏi nước Lỗ hay Lão Tử xuất quan ải cũng còn tới mức “bàng hoàng, thấp thỏm” nữa là...

Chuồn cũng có nhiều ý nghĩa. Có cái chuồn là xong việc, lại có cái chuồn việc càng thêm dữ dội. Giống như chàng Phạm Lãi, phò tá Việt Vương Câu Tiễn, khổ thân tàn lực, dẹp Bắc đánh Đông, diệt Ngô hưng Việt, được tôn làm Thượng tướng quân, nhưng cho rằng Việt Vương có dạng cổ dài, chịu nhục nhưng ganh công, có thể cùng hoạn nạn nhưng không thể cùng an lạc được... Nên đã xem thường cả phú quý vinh hoa, bỏ mặc vợ con, im lặng bỏ đi ba sông bốn biển, sống ẩn dật, giữ trọn tính mạng giữa khi thịnh thế, chuồn như thế thật là đáng chuồn.

Ngũ Tử Tư vì cha bị Sở Vương giết hại, một mình phải chuồn đi, ngầm vượt Thiệu Quan, xin ăn ở nước Ngô, chịu đủ gian nan hiểm trở muốn cay ngàn đắng, cuối cùng được Ngô Vương Hạp Lư dùng, dấy binh đánh Sở, đánh chín trận vây hãm Đô thành, huỷ hoại tông miếu, đào nhà Bình Vương, đánh roi vào thi thể hắc để trả thù cho cha anh, đó là một ví dụ chuồn để việc càng dữ dội.

Sự “hăng chạy” của người Trung Quốc đã nổi tiếng thế giới, trước kia thế, ngày nay thế và sau này cũng vẫn thế. Trong lịch sử, công chúa lánh thân, công tôn lạc nạn đã thấy quá quen thuộc. Còn cuộc sống long đong nay đây mai đó của dân đen lại càng thường như cuộc đời. Mất mùa thì chuồn khắp mọi nơi, đời loạn thì chuồn để thoát hiểm, quan đến thì toát mồ hôi mà chuồn, lính đến thì hồn xiêu phách lạc, cướp tới thì chạy nháo nhào, nên tục ngữ mỗi nơi nói rằng “cướp đến như bị băng, lính đến như bị chải, quan đến như bị can”, là thế. Thủ hỏi dưới ba dạng uy lực này không có một bản lĩnh để chuồn thì làm sao được? Từ đây cũng thấy được nguyên nhân tại sao trong ba mươi sáu chước, chước chuồn lại hơn. Nói đúng ra, chuồn mái là kế sách cơ bản.

Thế nhưng, lại cần nói thêm, rốt cuộc “chuồn” có tính là một chước, một kế sách hay không? Đúng lý ra, phạm khi phải đối phó với một việc gì, chỉ có hai nguyên tắc: Làm hay không làm (cũng tức là chuồn hay không chuồn). Nếu muốn làm (không chuồn), tất ‘nhiên phải dùng kế, không làm (chuồn) thì cũng phải tìm kế thoát thân. Mối hay “chuồn” vốn là một tiền đề, bản thân nó không là một loại mưu lược.

Ví dụ: Ngũ Tử Tư bỏ trốn là dùng kế “ve sầu lột xác”. Lưu Bang thoát hiểm ở Hình Dương và Bạch Đằng Thành là dùng kế “ve sầu lột xác” và kế “mỹ nhân”, Tô Tần, Khổng Minh lui binh, dùng kế “phô trương thanh thế”. Thậm chí đại lão Thiên Tử Phúc trong lịch sử muốn

chuồn khỏi sự không chế của Tần Thủy Hoàng, bèn sử dụng kế “từ không làm ra có”, dẫn trẻ con nam nữ ra nước ngoài cầu tiên. Ví dụ như thế này quả là quá nhiều, khi bị khống chế càng chặt chẽ, thì kiểu cách để chuồn lại càng đặc sắc. Kiểu cách, tức là mưu kế. Để rõ được mối quan hệ này chỉ có thể nói vấn đề mấu chốt là chuồn hay không chuồn, lợi hay hại.

Có một câu kinh nghiệm rằng “Nên chuồn mà không chuồn, thường lại bị chặn đường, đáng cắt đứt mà không cắt, lại bị rối loạn thêm” có nghĩa là sự việc đã nghiêm trọng, đáng đi mà không đi, đáng dứt khoát lại không quyết đoán, tất sẽ dẫn đến sự phiền phức và nguy hiểm lớn hơn.

Trong cuộc chiến đấu kịch liệt, ai cũng muốn đánh tan địch, hoặc là đưa được người đứng đầu bên địch vào thế bị khống chế, kiểu “bắt giặc phải bắt tướng” để hoặc sẽ ám hại, hoặc sẽ giam lỏng. Tuy không đi đến chỗ chết, cũng bị dày vò đến chết dở, hoặc là cải tạo biến thành động vật không xương sống. Ở vào trường hợp này, ý chí yếu đuối không nói làm gì, nếu cương quyết dũng cảm tất phải tìm cách chuồn. Bởi vậy mới có kẻ hóa trang để lĩnh chuồn, có người mượn cớ chạy đi xa, có người giữ thành chém tướng rồi chuồn.

Phương pháp chuồn cũng thiên biến vạn hóa, đại thể chia- làm hai loại lớn: Một là “văn chuồn”, hai là “võ chuồn”.

Trong lịch sử, ví dụ về “văn chuồn” rất nhiều, đa số là dùng kế “che mắt thế gian” hay “ve sầu lột xác”. Như Tôn Tan giả ngây thoát họa, Ngũ Viên hóa trang để vượt đi v.v... Chuồn nhiều nhất phải kể đến Lưu Bang thoát hiểm ở Hồng Môn Yến, bị vây ở Hình Thành, chuồn được khỏi Bạch Đằng Thành đều nhờ các kế chuồn do Trương Lương và Trần Bình bày cho. Thế nhưng hai người này cũng lại là kiện tướng chuồn, rất hiểu diệu kế chuồn, cho nên hai người này, nhiều phen mạo hiểm chuồn đi, còn dạy cả cho người khác chuồn, như xúi giục Hàn Tín quy Hán, dùng bi ca làm tan quân sở, bày mưu làm yên Lưu Bang, Trương Lương còn muốn lánh họa để lên núi tầm đạo. Cận đại thì có Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu chuồn ra nước ngoài, . Thái Ngạo tăng tị cùng cô đào Tiểu Phụng Tiên tìm kế ra khỏi Bắc Kinh v.v... đều là các kiểu “văn chuồn”, trốn đi mà không phải đổ máu.

“Võ chuồn” thì phải qua một trận đổ máu kịch liệt, nổi tiếng nhất là Quan Công quá tin ngũ quan trăm lức tướng. Thời Xuân Thu, Trùng Nhĩ chuồn khỏi nước, Đường Minh Hoàng lánh nạn nhập Tứ Xuyên, Tây Thái hậu chuồn tới Nhiệt Hà. Trong số đó chuồn nhiều lần

nhất, xuất sắc nhất phải kể đến Tào Tháo, bắt đầu từ khi giết huyệt Đổng Trác rồi chuồn, cả đời của con người này đều hót hơ hót hải, có thể mượn lời tướng lùn Trương Tùng mắng Tào Tháo để làm chứng: “Thừa tướng xưa quân đi khắp nơi đánh là thắng, công là tan, Tùng này đều biết cả, ngày nào khi đánh Lã Bố ở Bộc Dương, ngày đánh Trương Tú ở Uyển Thành, đụng với Chu Du ở Xích Bích, với Quan Vũ ở Hoa Dung, cắt râu vớt áo ở Đồng Quan, cướp thuyền tránh tên ở Vị Thủy, thế cũng là vô địch trong thiên hạ đây!”. Lời chê bai trước mặt thật quá lâm li, và cũng mới hay tài chuồn của Tào Tháo đến đâu.

Từ đó thấy rằng cái kế chuồn, không phải là hành vi của kẻ yếu kèn, chuồn càng nhiều, càng mạo hiểm thì sự nghiệp và thành tựu càng lớn, đó là cái ý “nhiều tai nạn mới nhiều người giúp” vậy. Khi chuồn mà tích lũy được nhiều kinh nghiệm thì ứng phó với nghịch cảnh càng dễ dàng. Vấn đề ở chỗ phải chuồn cho thoát, không phải là “chuồn không thoát, người đã chết”.

Cái tốt của “chuồn” là như vậy, thế thì cái xấu của “không chuồn” sẽ như thế nào? Mấu chốt là ở đâu? Ví dụ cũng không phải là ít. Văn Chung không theo lời khuyên của Phạm Lãi, tham quyền tiếc lộc, cuối cùng chết bởi Câu Tiễn, Hàn Tín công thành danh toại mà không biết lui mới gặp họa quan đình. Thạch Thủ Tín đời Tống biết nhả binh quyền ra mà được sống yên ổn tới già, Lý Thiện là công thần triều Minh chờ mãi mà không biết cách chuồn nên cũng bị tởi mạng. Hàn Thế Trung cơ trí. ngao du trong rừng, Nhạc Phi không biết lựa gió căng buồm, chịu cái oan “chưa hẳn đã có”... Cố lì mà không chuồn đều thuộc đám người tham lam, tiếc địa vị, hương thụ, thậm chí lúc dao kề cổ rồi còn tự hợm mình. Nhân vật điển hình trong số” này là Văn Thiên Tường, dưới áp lực của quân nhà Nguyên, đêm tới Trấn Giang để chuồn tới Tuần Châu, bản lĩnh chuồn đúng ra là có, nhưng đến khi bị bắt giải đến Yên Kinh, không còn cách chuồn nữa, hèn hạ một quyết tâm “để tấm lòng son chiếu trời xanh”, tuyệt thực ba năm chẳng chết, có góc tường cũng chẳng đập đầu, còn viết “chính khí ca” đe biểu lộ ý chí, và ngay khi sắp bị hành hình còn không quên thư pháp tuyên truyền, trong giải áo còn giấu một mẫu giấy viết rằng: “Không viết thành nhân, mạnh viết thư nghĩa, đọc sách thánh hiền, học bao nhiêu nhẽ, để nay để sau, phần nào khỏi bề” v.v... Tác phong đó rõ ràng là để “chuộc lại danh dự” với người đời sau. So với những lời bọn lục lâm hảo hớn nói: “Đại trượng phu đã bị bắt bớ, muốn giết thì giết, muốn đâm thì đâm, khỏi phải nhiều lời” thì biểu hiện đó còn đáng khen hơn. Gian hùng Tào Tháo cũng từng nói: “Một khi ta mất

ngôi, không biết bao người là vương, bao người là đế, không được mộ hư danh, tránh thực phúc”. Miệng nói mới trong sáng làm sao, nhưng trong xương trong tủy lại nghĩ “người ấy là Chu Văn Vương”, rõ ràng là “càng muốn con mình được xưng quả nhân”, kháng định không chuẩn. Có rất nhiều câu chuyện có giá trị tham khảo nói lên sự chọn lựa dứt khoát chuẩn hay không chuẩn. Tấn Hiến Công khi xảy ra thảm biến ở cung đình, Thái tử Di Ngô không chuẩn nên bị hại, còn em là Trùng Nhĩ chuẩn đi nên sau thành bá nghiệp. Sở Bình Vương giết Ngũ Xa, tưởng nhỏ cỏ nhỏ tận gốc, con trưởng Ngũ Thượng- không chuẩn nên bị giết, Ngũ Tử Tư chuẩn đi nên sau mới có thể diệt sở báo thù. Lây vua chúa mà nói, Đường Minh Hoàng hót hải chuẩn đến Tứ Xuyên, Tây Thái hậu đang đêm chuẩn tới Nhiệt Hà bởi vì chuẩn để rồi phục thù. Thời Tông Chân Tông, Khế Đơn dấy binh nhập khấu, thanh thế lẫy lừng, Chân Tông định chuẩn, nhưng nghe lời khuyên, còn thân chinh ngự giá đưa cả vua ra tuyển đầu, cuối cùng vì thế mà thắng trận, an định được giang sơn, mới hay chuẩn hay không chuẩn là còn tùy hoàn cảnh mà quyết định.

KHÔNG MUỐN CHUỒN ĐÀO CHU CÔNG MẤT CON

Phạm Lãi xa rời Việt Vương ẩn dật ở đất Đào, đổi tên là Đào Chu Công. Người con thứ giết người ở nước Sở, bị xử tội chết, sai người báo tin bảo người em thứ ba tới thăm anh.

Đe cứu con, Đào Chu Công dùng xe trâu chở mấy ang vàng bạc, bảo người con thứ ba sang nước Sở làm công việc cứu anh. Nhưng người con cả thấy vậy, liền la lên tranh đi. Đào Chu Công không cho, con trưởng bèn nói:

- Con cả là trụ cột trong nhà, nay em hai bị nạn, không đề con đi lại bảo chú ba, hay là con là đồ bỏ đi, rồi và định tự sát. Bà mẹ thấy tình cảnh ấy, bèn nói với chồng:

- Thằng hai phạm tội, bảo thằng ba đi cứu, chưa vị tất cứu nổi. Nếu không bảo thằng cả đi, nó sẽ tự sát, ông xem như thế có phải là lăm cẩm không?

Đào Chu công hết cách, bèn đe cho con cả đi, và viết một lá thư, dặn đem trao cho Trung Sinh ở nước Sở, còn dặn rằng: “Sau khi con đưa những thứ vàng bạc này để vào nhà Trung Sinh, không nên nói gì với người ta, trở về là được rồi”.

Khi con cả lên đường, còn mang thêm mấy trăm lạng của riêng, đến nước Sở, gặp được Trung Sinh ở ngõ hẹp, làm đúng lời cha dặn. Trung Sinh nói với người con cả rằng:

- Ngài có thể phải về ngay, đừng nấn ná ở đây, ngay như cả em ngài ra khỏi ngục cũng đừng hỏi gì việc này. Người con cả nghe rồi, nhất tuân lệnh, nhưng rồi lại ngằm ở lại, vì sốt ruột muốn cứu em ngay, bèn dùng tiền riêng đi hối lộ một quý nhân khác.

Trung Sinh là con người nghèo khó tuy ở ngõ hẹp nhưng sống thanh cao và tự giữ mình, từ Sở Vương cho đến các quan trong triều ai cũng vị nể kính trọng. Lần này, với số lễ, quà của Đào Chu Công, tạm thời giữ lại, là để người cũ đừng thất vọng mà thôi. Người con cả không hiểu cho rằng, Trung Sinh không có tác dụng gì.

Trung Sinh đi gặp Sở Vương, nói rằng nhìn thấy sao tai họa trên trời, sẽ không có lợi cho nước Sở. Sở Vương vốn nể Trung Sinh, nghe vậy liền hỏi:

- Vậy thì làm thế nào?

Trung Sinh nói:

- Năng tích âm đức là được thói. Mà tiện nhất là đại xá cho thiên hạ.

- Được, quả nhân sẽ làm như thế- Sở Vương nói không do dự.

Đầu tiên, Sở Vương ra lệnh đóng cửa phủ Tam tiền lại. Vị quý nhân kia nhận hối lộ của người con cả, nay thấy Sở Vương thực hiện phương pháp này, bèn nhanh chóng nói với Đào Công tử:

- Sở Vương đã hạ lệnh đại xá rồi, em công tử nhất định sẽ được ra tù an toàn, Sở Vương trước mỗi lần đại xá, tất nhiên sẽ đóng cửa phủ Tam tiền, đêm qua đã đóng lại rồi, chẳng phải lệnh ân xá là gì?

Người con trưởng tưởng rằng đại ân xá rồi, lại tiếc số vàng bạc đưa cho Trung Sinh bên tìm đến gặp, vừa mới thấy mặt, Trung Sinh ngạc nhiên hỏi:

- Công tử còn chưa về sao?

- Dạ thưa chưa ạ. Tôi muốn chờ em tôi ra tù rồi cùng về, Hôm nay nghe tin đại ân xá nên đến đây chào đại quan.

Trung Sinh nghe giọng nói, đã biết ý của con người này bèn nói:

- Công tử đem những cái ang này về đi!

Người con cả vâng lệnh vào phòng lấy những thứ ấy về lòng vui vô hạn.

Trung Sính rất bức mình, không ngờ bị người bốn cột, bèn lại vào gặp Sở Vương, nói:

- Việc có sao tai họa nói hôm trước, Đại vương đã chuẩn bị đại ân xá rồi, nhưng thần ở ngoài nghe có nhiều lời ra tiếng vào, nói rằng nhà đại phu Đào Chu Công có người con trai bị kết tội chết ở nước Sở, dùng rất nhiều vàng bạc hối lộ đại thần để lần này đại ân xá, nói đó chẳng qua là chỉ vì thằng con quý hóa đó chứ không phải tích phúc cho dân chúng.

- Lại còn thế nữa- Sở Vương nói - Lệnh của Quả nhân đem chém phải chọn từng người một, bèn hạ lệnh trước hết đem chém đầu người con của Đào Chu Công, hôm sau mới ra lệnh ân xá. Tất cả các tội phạm đều mừng rỡ ra tù, chỉ có con của Đào Chu Công khi khiêng ra tù là một cái xác.

Người con cả lấy xác em đem về chôn cất, cả nhà khóc lóc nỉ non, chỉ có Đào Chu Công là ngồi im lặng. Người vợ trách sao nỡ dạ sứa gan lim như vậy, ông liền nói:

- Thằng cả đi lo việc, tôi đã biết chắc thằng hai sẽ chết. Đó chẳng phải là nói không thương em, mà là nó sẽ làm ra què, nó đi theo tôi từ bé, chịu hết mọi khổ đau, đối với mỗi đồng tiền nó đều biết từ đâu mà có, cho nên sẽ tiếc tiền. Thằng ba ra đời đã có cơm no áo đủ, không hiểu tiền có được như thế nào, cho nên có thể phung phí tiền được. Tôi muốn để thằng ba đi vì nó sẽ coi khinh tiền bạc, sẽ hoàn thành được công việc. Thằng cả thì không thể được, nên mới có hậu quả hôm nay.

TRƯƠNG TỰ TRUNG GIẢ LÀM HIẾU TỬ THOÁT HIỂM

Thời chiến tranh Trung Nhật nổ ra, khi xảy ra sự biến 7-7 Trương Tự Trung mới giữ chức Sư trưởng sư 37 quân đoàn 29 kiêm Thị trưởng Thiên Tân, đến khi sự biến mở rộng, Bắc Bình nguy kịch, Quân đoàn trưởng quân đoàn 29 kiêm uỷ viên chính uỷ Hà Bắc là Tống Triệt Nguyên quyết định bỏ phòng thủ, dẫn quân dời Bắc Bình, lệnh cho Trương Tự Trung yểm hộ rút quân. Quân Nhật vào thành, Trương không cách nào ra đi được, bèn đổi tên rồi vào nằm ở bệnh viện Đồng Nhân của người Mỹ, sau lại chuyển sang bệnh viện của người Đức ở Đông Giao. Quân Nhật lập ra hội duy trì trị an, Hán gian Giang Triều Tông tô son trát

phần ra diễn trò, bước đầu tiên là tìm bắt Trương Tự Trung, đi kiểm tra từng hộ, từng nhà nhưng cũng chẳng thu được kết quả gì. Trương Tự Trung tuy nằm bệnh viện của người nước ngoài, luôn luôn lo sẽ có ngày bị bắt, bèn phải mạo hiểm, lợi dụng cục thế đang lộn xộn, bèn một mình chuồn đi, cải trang thành người có tang, đầu chít khăn xô, thân choàng áo xô, tay cầm vàng hương giầy tiên, sớm tinh mơ đã đạp xe ra cửa Chiêu Dương. Quân Nhật canh cửa thành không biết mặt Trương Tự Trung, khi khám xét, Trương nói rằng mình ra ngoài thành tảo mộ nên che được mắt bọn này, chuồn thoát. Ra khỏi thành, Trương liền đạp như bay, dọc đường xe hỏng, tự mình sửa lấy, cho đến tối mới tới Thiên Tân, hội họp với Lý Văn Điền ở mạn Bắc rút về hậu phương. Tin tức được truyền đi, quân Nhật hối thì đã muộn. Sau khi về Trùng Khánh, Trương Tự Trung lại nhận lệnh đốc chiến vùng Hồ Bắc giết hàng sư đoàn địch, sau vì địch đông ta ít nên đã hi sinh anh dũng.

Chú Thích

[←1] Thư pháp: Một môn nghệ thuật độc đáo của Trung Quốc thể hiện qua các kiểu cách viết chữ Hán, biểu lộ tư tưởng tình cảm, mỹ cảm... Lan Đình là một trong những chữ cổ, đẹp nổi tiếng. ND